

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

PHAN DIỄN	Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Uỷ viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỰ	"
LÊ QUANG THUỐNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH THÚC HUỲNH	"

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN ĐẢNG

TOÀN TẬP

TẬP 42 1981

1.1 Ban chỉ đạo xây dựng bản thảo

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỰ	Thành viên
TRỊNH THÚC HUỲNH	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHU	"

1.2 Nhóm xây dựng bản thảo tập 42

NGUYỄN VĂN LANH (Chủ biên)
ĐÀM HẢI HÀM
NGUYỄN THẾ NHỊ
TRẦN MINH HOÀNG

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2005

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 42

Văn kiện Đảng toàn tập, tập 42 phản ánh hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng trong năm 1981, một năm có vị trí rất quan trọng đối với việc chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, tiến hành bầu cử Quốc hội khoá VII và hội đồng nhân dân các cấp.

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 9-10 đến ngày 27-10-1981 đã thảo luận dự thảo *Báo cáo chính trị* trình Đại hội V và quyết định triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng vào tháng 3-1982. Trên cơ sở các ý kiến phát biểu tại hội nghị, Bộ Chính trị đã có ý kiến kết luận đánh giá tình hình, thắng lợi và thành tích, khuyết điểm và sai lầm; về nhiệm vụ cách mạng trong thời gian tới; về xây dựng Đảng và công tác lãnh đạo của Trung ương, xác định nhiệm vụ then chốt trong công tác xây dựng Đảng là nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng một cách toàn diện đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng diễn ra từ ngày 7-12 đến ngày 16-12-1981 đã thảo luận và quyết định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1982, xác định các mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm là: *ổn định và cải thiện một bước đột biến nhân dân; xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong cả nước; đáp ứng nhu cầu phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng và an ninh.*

Tại các Hội nghị lần thứ 10 và lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IV, đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã có bài phát biểu quan trọng.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có những nghị quyết, chỉ thị, thông tri lãnh đạo về bầu cử Quốc hội khoá VII và hội đồng nhân dân các cấp, về công tác tư tưởng, chính sách khoa học - kỹ thuật, về phát triển kinh tế - văn hoá Tây Nguyên, về cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nhất là giải quyết vấn đề lương thực, về chống các hiện tượng tiêu cực xã hội...

Trong năm 1981, Ban Bí thư chỉ đạo tiếp tục tiến hành hai cuộc vận động lớn trong lực lượng vũ trang nhân dân và công an nhân dân: *Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân trong 2 năm 1981- 1982* và *xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh và đầy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới.*

Đặc biệt, trong lĩnh vực cải tiến cơ chế quản lý kinh tế, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 100 - CT/TW về *Cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong hợp tác xã nông nghiệp*. Đó là một bước đột phá quan trọng trên con đường tìm tòi đổi mới.

Văn kiện Đảng toàn tập, tập 42 gồm 67 tài liệu được ban hành trong năm 1981 và xếp vào phần văn kiện chính.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, song khó tránh những thiếu sót, rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu tập 42 *Văn kiện Đảng toàn tập* cùng bạn đọc.

Tháng 8 năm 2005
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC
GIA

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN Bí THƯ

Số 87-QĐ/TW, ngày 10 tháng 1 năm 1981

Về việc thống nhất Trường Đảng cao cấp tại chức vào Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc

Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc và Trường Đảng cao cấp tại chức là hai đơn vị, nhưng về thực tế đã là một trường, cùng chung một ban giám đốc và các khoa giảng dạy.

Trước yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ và để hợp lý hóa về mặt tổ chức,

BAN Bí THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH

1. Thống nhất Trường Đảng cao cấp tại chức vào Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc. Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc có nhiệm vụ hoàn thành tốt các lớp học do Trường Đảng cao cấp tại chức đang đảm nhận.

Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc cùng Ban Tổ chức Trung ương Đảng đề nghị kế hoạch cụ thể cho các năm tới về việc mở lớp tập trung và tại chức để bồi dưỡng và đào tạo

cán bộ.

2. Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc tiếp nhận số cán bộ, nhân viên, cơ sở vật chất, tư liệu, công văn giấy tờ và ngân sách của Trường Đảng cao cấp tại chức và lập Ban Học tập tại chức thuộc Ban Giám đốc chuyên lo việc học tập tại chức.

Đối với các lớp tại chức mở ở các khu vực thì cấp uỷ địa phương được giao trách nhiệm mở lớp lập dự trù để Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp kinh phí và bảo đảm phương tiện vật chất phục vụ giảng dạy và học tập.

3. Ban Giám đốc Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Trường Đảng cao cấp tại chức, Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M BAN Bí THU
LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN Bí THU

Số 119-TT/TW, ngày 10 tháng 1 năm 1981

**Về kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết
số 32-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác tổ chức***

Để tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác tổ chức, Ban Bí thư quyết định:

I- TUYÊN TRUYỀN CHO NGHỊ QUYẾT

Ban Tuyên huấn Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương có một kế hoạch hướng dẫn báo chí, đài phát thanh tuyên truyền góp phần làm quán triệt và thúc đẩy việc thực hiện nghị quyết.

II- TỔ CHỨC TRUYỀN ĐẠT ĐỂ QUÁN TRIỆT VÀ NGHIÊN CỨU ĐỂ CHUẨN BỊ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Ban Tổ chức Trung ương cùng với Ban Tuyên huấn Trung ương xây dựng *một đề cương hướng dẫn* việc truyền đạt nghị quyết.
2. Mười ngày sau khi nhận được đề cương nói trên, các

* Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, t. 41, tr. 438.

cấp cần tổ chức *hội nghị truyền đạt nghị quyết* có liên hệ thực tế, gắn với quán triệt các nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ chín.

3. Ở Trung ương và mỗi bộ, mỗi ban, mỗi cấp ủy tỉnh, thành phố thành lập *một Ban Kiện toàn tổ chức để giúp việc*.

A. Thành phần như sau:

Ở Trung ương: đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị phụ trách tổ chức, một đồng chí Thường trực Ban Bí thư, một đồng chí Thường trực Chính phủ, đồng chí Trưởng ban Tổ chức Trung ương, đồng chí Trưởng ban Tổ chức Chính phủ và đồng chí Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (do đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị phụ trách tổ chức làm Trưởng ban).

Ở bộ: có một Thứ trưởng thường trực, một Thứ trưởng phụ trách tổ chức, một Thứ trưởng phụ trách kế hoạch, Bí thư đảng uỷ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức (do đồng chí Thứ trưởng phụ trách tổ chức làm Trưởng ban).

Ở ban: có Phó ban trực, Bí thư đảng uỷ, Phó ban phụ trách tổ chức... (do đồng chí Phó ban phụ trách tổ chức làm Trưởng ban).

Ở cấp uỷ tỉnh, thành phố: có các đồng chí Phó bí thư trực, Chủ nhiệm (hoặc phó) Uỷ ban Kế hoạch, Trưởng ban Tổ chức Đảng, đồng chí phụ trách tổ chức chính quyền (do đồng chí Trưởng ban Tổ chức làm Trưởng ban).

Chú ý:

- Mỗi ban nói trên sử dụng Ban Tổ chức, Vụ Tổ chức để làm việc nếu xét cần thiết để tổng hợp tình hình giúp việc chỉ đạo có thể lấy một, hai cán bộ có năng lực giúp việc.

- Thành phần Ban Kiện toàn tổ chức của các bộ, các ban và cấp uỷ có thể được thay đổi nếu xét thấy có đồng chí đã định như trên nhưng không đủ khả năng đảm nhiệm công

việc của ban.

B. Nhiệm vụ của ban là:

- Ban Kiện toàn tổ chức Trung ương:

- + Giúp Ban Bí thư phối hợp các ban, ngành trong việc nghiên cứu các vấn đề theo kế hoạch của Ban Bí thư và đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đó.

- + Đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, các vấn đề xét cần để Ban Bí thư, Chính phủ chỉ đạo các ban, các ngành, địa phương nghiên cứu theo chức trách của từng tổ chức.

- + Xem xét một số đề án quan trọng của các ban, các bộ để góp ý kiến trước khi Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ xét quyết định.

- + Từng thời gian (6 tháng, 1 năm) sơ kết việc thực hiện kế hoạch để báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Ban Kiện toàn tổ chức ở các bộ, ban, tỉnh, thành phố:

- + Giúp bộ, ban, cấp uỷ xây dựng kế hoạch thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị.

- + Trong vòng 2 tháng tiến hành điều tra nắm tình hình tổ chức trong bộ, ban, cấp uỷ địa phương và nghiên cứu đề nghị bộ, ban, cấp uỷ một đề án chấn chỉnh bộ, ban, cấp uỷ mình (các bộ cần có đề án về tổ chức hệ thống ngành; ở tỉnh, thành phố có đề án kiện toàn tổ chức từ cấp tỉnh, thành đến cơ sở).

- + Đôn đốc, phối hợp các tổ chức có trách nhiệm thực hiện kế hoạch của bộ, ban hoặc cấp uỷ.

C. Về cách làm việc của ban:

- Các Ban Kiện toàn tổ chức chỉ làm những việc đã quy định.

- Những việc thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Chính phủ, Thường vụ Hội đồng Chính phủ hoặc của cấp uỷ thì các ban, bộ, Ban Cán sự, Đảng đoàn theo trách nhiệm của mình nghiên cứu đề nghị các cơ quan nói trên quyết định.

- Kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị ở từng bộ, ban, tỉnh, thành phố trực thuộc cần gửi lên Ban Bí thư, hoặc Chính phủ (qua Ban Kiện toàn tổ chức Trung ương).

- Bốn tháng một lần Ban Kiện toàn tổ chức Trung ương giúp Ban Bí thư họp với các Ban Cán sự, Đảng đoàn, cấp uỷ để kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị. Những vấn đề mới phải xin ý kiến Ban Bí thư.

d) Đích thân Ban Bí thư, Ban Thường vụ, Ban Cán sự và Đảng đoàn phải trực tiếp tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị. Các đồng chí Bí thư Ban Cán sự, cấp uỷ, Đảng đoàn phải trực tiếp truyền đạt và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị.

III- NHỮNG VIỆC TRỌNG TÂM CẦN LÀM TRONG NĂM 1981

A. Trọng tâm chung: mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cơ quan, đơn vị cần có kế hoạch cụ thể để thi hành Nghị quyết của Bộ Chính trị.

Trong năm 1981, những *việc trọng tâm* mà Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, các cấp, các ngành sẽ tập trung chỉ đạo cho được là:

1. *Cải tiến chế độ làm việc*, từ Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Chính phủ, các cấp, các ngành từ Trung ương đến cơ sở.

2. *Kiện toàn cán bộ và cơ chế tổ chức quản lý các Ban Kinh tế và Ban Tổ chức của Trung ương và của cấp uỷ, các bộ tổng hợp và các bộ, các sở quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật và văn hoá* (nhất là các ngành liên quan đến mặt trận nông nghiệp và mặt phân phôi, lưu thông). Chú ý các Ban, các Bộ mới có quyết định thành lập.

3. Quy hoạch cán bộ kế cận ở các ban, ngành và các cấp.

4. Kiện toàn cán bộ chủ chốt ở các cơ sở trọng điểm về sản xuất, xây dựng, giao thông, các liên hiệp sản xuất, các huyện trọng điểm về lương thực và có nhiều nông sản xuất khẩu.

5. Kiện toàn các *tổ chức cơ sở đảng* gắn với cải tiến chế độ quản lý ở cơ sở, và với công tác *phát triển Đảng* sẽ hoàn thành cuối năm 1981.

B. Những việc chính từng cấp uỷ, cơ quan, đoàn thể cần làm:

1. *Trung ương và cấp uỷ đảng*:

- Về *Bộ Chính trị, Ban Bí thư*:

1- Xây dựng quy chế làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các mối quan hệ công tác.

(Văn phòng Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các ban để đề nghị).

2- Quy chế tổ chức và làm việc của các ban (Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban).

Những việc trên phải xong trong quý I-1981.

- *Các cấp uỷ tỉnh, thành phố*: cần chú trọng làm các việc sau:

1- Xây dựng quy chế làm việc của Ban Thường vụ cấp uỷ (quý I).

2- Kiến nghị về phân cấp quản lý kinh tế giữa Trung

ương với địa phương (quý I).

3- Chỉ đạo xác định quyền hạn, nhiệm vụ của các huyện uỷ, ban, sở, v.v. và việc xác định từng chức danh nói trên, trên cơ sở đó mà tinh giản biên chế, bố trí cán bộ.

4- Lập quy hoạch cán bộ chủ chốt do cấp uỷ quản lý và hướng dẫn cho cấp dưới (xong trong 6 tháng đầu năm).

5- Chỉ đạo xây dựng huyện, củng cố cơ sở (có chuyên đề về cơ sở nông thôn, xí nghiệp, cơ quan).

6- Chỉ đạo phát thẻ Đảng (xong trong năm 1981).

- Các ban của Đảng:

1- Kế hoạch kiện toàn tổ chức, tinh giản bộ máy của ban, định các chế độ công tác, bố trí cán bộ.

2- Nghiên cứu hoặc phối hợp với các ban khác trong các việc được phân công.

3- Giúp cấp uỷ bố trí cán bộ chủ chốt theo phân cấp.

4- Theo dõi, giúp đỡ, kiểm tra các bộ, các sở trong khối hoặc cấp uỷ cấp dưới trong việc thi hành Nghị quyết của Bộ Chính trị.

2. Về các cơ quan nhà nước:

- Hội đồng Chính phủ:

1- Bổ sung chế độ làm việc của Hội đồng Chính phủ, của Thường vụ Hội đồng Chính phủ, Thủ tướng, các Phó Thủ tướng.

2- Kiện toàn cán bộ ở Văn phòng Hội đồng Chính phủ (do Ban Tổ chức Chính phủ nghiên cứu đề nghị).

3- Quy định trách nhiệm, quyền hạn của bộ trưởng, chủ tịch tỉnh (Ban Tổ chức Chính phủ phối hợp với Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế).

- Các cơ quan tổng hợp:

1- Giải quyết các mâu thuẫn về trách nhiệm với bộ tổng hợp khác và với các bộ quản lý ngành (kiến nghị với Chính phủ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ).

2- Nghiên cứu kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế cơ quan mình, xây dựng chế độ làm việc và bố trí cán bộ. Xây dựng các chế độ bảo đảm chế độ hạch toán kinh tế ở các liên hiệp sản xuất và đơn vị cơ sở.

3- Xây dựng quy hoạch cán bộ chủ chốt.

- Các bộ quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật:

1- Phương án tổ chức lại các ngành kinh tế - kỹ thuật.

Có kiến nghị kế hoạch phân công giữa bộ với các bộ khác; tiến hành phân cấp quản lý giữa bộ và địa phương.

Trên cơ sở đó chấn chỉnh tổ chức, tinh giản bộ máy, định chế độ làm việc và bố trí cán bộ của bộ.

2- Kế hoạch kiện toàn các đơn vị sản xuất kinh doanh trọng điểm và kế hoạch xây dựng huyện, kiện toàn cấp huyện theo chức trách được phân công (tập trung cho các cơ sở và các huyện trọng điểm).

3- Xây dựng quy hoạch cán bộ chủ chốt của bộ và ngành.

4- Kiện toàn đảng uỷ cơ quan bộ (các ban trong từng khối phối hợp với thành uỷ và các đảng uỷ).

Từng đảng uỷ cơ quan có kế hoạch củng cố các đảng uỷ bộ phận, chi uỷ, cải tiến sinh hoạt của đảng bộ và giải quyết các vấn đề về phẩm chất, đoàn kết nội bộ, chống chiến tranh tâm lý, v.v..

- Bộ Văn hoá - Thông tin:

+ Có phương án kiện toàn tổ chức lại bộ và các hội trong từng ngành văn hoá - nghệ thuật. Trên cơ sở đó chấn chỉnh tổ chức, tinh giản bộ máy, định chế độ làm việc và bố trí lại

cán bộ của bộ và từng ngành văn học - nghệ thuật.

- + Có kế hoạch kiện toàn các đơn vị kinh doanh trọng điểm.
- + Xây dựng quy hoạch cán bộ chủ chốt của bộ và các ngành văn học - nghệ thuật.
- + Kiện toàn đảng uỷ cơ quan bộ và các đảng đoàn các hội văn học - nghệ thuật, từng đảng uỷ cơ quan có kế hoạch củng cố các đảng uỷ bộ phận, chi uỷ, cải tiến sinh hoạt của đảng bộ và giải quyết các vấn đề về phẩm chất, đoàn kết nội bộ, chống chiến tranh tâm lý, v.v..

- Các bộ, tổng cục khác:

Tất cả các bộ, các tổng cục thuộc các ngành nội chính, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao, v.v. đều theo hướng trên để định chương trình.

- Ở các địa phương: Làm theo chương trình của cấp uỷ.

3. Các đoàn thể quần chúng:

1- Xác định rõ chức trách, chế độ công tác và định lại tổ chức của cơ quan trung ương, tỉnh, huyện. Có kế hoạch tinh giản biên chế chuyên trách, và sử dụng cán bộ kiêm chức làm công tác quần chúng theo Nghị quyết số 10-NQ/TW.

2- Kiến nghị chính sách, chế độ đối với cán bộ làm công tác của đoàn thể mình ở cơ sở và đối với cán bộ kiêm chức (gửi về Ban Tổ chức Trung ương).

Ban Dân vận họp với các đoàn thể hướng dẫn cụ thể; có việc cần thì báo cáo Ban Bí thư.

Các cấp uỷ, các bộ cần định rõ các trọng tâm, trọng điểm của địa phương, ngành.

IV- PHÂN CÔNG NGHIÊN CỨU MỘT SỐ CHUYÊN ĐỀ

Theo các chuyên đề đã ghi trong Nghị quyết của Bộ Chính trị và báo cáo của đồng chí Lê Đức Thọ ở Hội nghị Bộ Chính trị, từng ban, bộ phải rà lại để có kế hoạch thực hiện. Dưới đây nhắc một số việc chính:

1. Phân công giữa các bộ, phân cấp quản lý cho Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh (Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế chủ trì phối hợp với các ban, bộ có liên quan để trình Hội đồng Chính phủ trong những tháng đầu năm).

2. Một số chính sách chế độ bảo đảm tinh giản biên chế hành chính (Bộ Lao động chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương, xong trong quý I).

3. Về nghiên cứu việc chỉ đạo công tác miền Nam: Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Chính phủ nghiên cứu các kiến nghị của bộ, ban và làm đề án trình Ban Bí thư, Thường vụ Chính phủ.

4. Về xây dựng huyệ và cơ sở:

- Ban Nông nghiệp chủ trì và phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, các ban và các bộ tổng kết một số huyệ và làm đề án về xây dựng huyệ và kiện toàn cơ sở nông thôn (trong quý II).

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì xây dựng các chuyên đề về các loại cơ sở xí nghiệp, cơ quan, trường học (xong trong quý II).

5. Quy hoạch cán bộ và bố trí cán bộ:

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với các ban, làm quy hoạch cán bộ dự bị chủ chốt thuộc diện Trung ương quản lý. Ban Tuyên huấn và Viện Nghiên cứu quản lý kinh

tế nghiên cứu nội dung và tổ chức trường dạy cho số cán bộ dự bị đó.

- Bố trí lại cán bộ chủ chốt do Trung ương quản lý (Ban Tổ chức Trung ương phối hợp các ban và các bộ cùng làm).

- Việc nghiên cứu quy hoạch lại các loại trường do các cơ quan đã được phân công tiến hành (xong trong quý III).

6. Chính sách cán bộ:

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì nghiên cứu kế hoạch phân công xây dựng các chính sách, chế độ đãi ngộ cán bộ trong đó định rõ các đề án do Ban Tổ chức, do các ban, các bộ chủ trì nghiên cứu.

Trước mắt tập trung vào các vấn đề lớn như chính sách, chế độ đối với cán bộ cơ sở, cán bộ nghiên cứu khoa học, văn nghệ sĩ, cán bộ dân tộc, cán bộ cũ về hưu...

7. Thông tin phục vụ Trung ương:

Giao cho Văn phòng Trung ương chủ trì cùng Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Hội đồng Chính phủ, Văn phòng Quân ủy, Ban Cơ yếu Trung ương, Tổng cục Bưu điện, Tổng cục Thống kê nghiên cứu đề án về thông tin phục vụ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (quý III xong).

*

* * *

Các ngành, các địa phương cần nắm vững tinh thần chỉ đạo là những việc đã có quy định cụ thể, đã có nguyên tắc (như quy định của *Điều lệ Đảng* về nguyên tắc tập trung dân chủ) mà chưa chấp hành đúng, những việc gì thuộc thẩm quyền của mình có thể sửa ngay được thì cần sửa ngay sau khi truyền đạt nghị quyết. Đồng thời định ra bước đi cụ thể,

mức cần đạt trong mỗi thời gian với tinh thần kiên quyết làm biến chuyển một bước quan trọng tình hình trong vòng 1-2 năm.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 35-NQ/TW, ngày 12 tháng 1 năm 1981

**Về việc lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội
khóa VII**

Quốc hội khoá VI, kỳ họp thứ 7, đã quyết định cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VII sẽ tiến hành vào ngày chủ nhật 26-4-1981.

I- THÀNH PHẦN QUỐC HỘI KHÓA VII

Quốc hội khoá VII cần được cấu tạo về thành phần một cách thích đáng để đảm đương chức năng của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất theo đúng tinh thần *Hiến pháp* mới, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta trong giai đoạn 5 năm tới (1981-1985).

Về thành phần đại biểu, Quốc hội khoá VII phải phản ánh được khối đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, dựa trên cơ sở liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Ngoài các đại biểu công nhân, nông dân tập thể và trí thức xã hội chủ nghĩa, cần có đại biểu các

thành phần khác như đã nêu trong bản tỷ lệ hướng dẫn chung về thành phần đính theo nghị quyết này.

Về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, cần vận dụng Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác tổ chức. Người được giới thiệu bầu vào Quốc hội phải là những người trung thành với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, được nhân dân tín nhiệm, có ý thức tôn trọng pháp luật và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, có uy tín và tác dụng động viên quần chúng và *thật sự có năng lực hoàn thành nhiệm vụ đại biểu*. Tuyệt đối không được để lọt vào Quốc hội những phần tử phản cách mạng, những người có nợ máu đối với nhân dân, những phần tử địa chủ, tư sản chưa được hoặc đang được cải tạo.

**II- NHIỆM VỤ CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI,
CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, CÁC ĐOÀN THỂ
NHÂN DÂN VÀ CÔNG DÂN TRONG CUỘC BẦU CỬ
ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA VII**

Ủy ban Thường vụ Quốc hội chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VII.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kết hợp việc hiệp thương giữa Mặt trận và các chính đảng, các đoàn thể nhân dân với việc tham khảo ý kiến của tập thể nhân dân lao động, giới thiệu danh sách những người ra ứng cử và có trách nhiệm cùng với các cơ quan chính quyền tổ chức việc bầu cử theo đúng những điều quy định của *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội*, ngày 18-12-1980.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân cần làm tốt việc động viên, giáo dục, tổ chức quần chúng nhân dân tham gia bầu cử, lựa chọn và giới thiệu người đủ tiêu chuẩn ra ứng cử.

Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, công dân phải tích cực, tự giác tham gia bầu cử, lựa chọn những đại biểu xứng đáng bầu vào Quốc hội.

III- THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở CÁC CẤP ĐỂ LÃNH ĐẠO VIỆC CHUẨN BỊ VÀ TỔ CHỨC CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA VII

1. Ban chỉ đạo bầu cử Trung ương

Ban chỉ đạo bầu cử trung ương gồm các đồng chí:

1- Đồng chí Trưởng Chinh	Trưởng ban
2- Đồng chí Trần Quốc Hoàn	Phó Trưởng ban
3- Đồng chí Hoàng Quốc Việt	Phó Trưởng ban
4- Đồng chí Xuân Thủy	Phó Trưởng ban
5- Đồng chí Huỳnh Tấn Phát	Uỷ viên
6- Đồng chí Trần Nam Trung	Uỷ viên
7- Đồng chí Hoàng Tùng	Uỷ viên
8- Đồng chí Đặng Thị	Uỷ viên
9- Đồng chí Hoàng Văn Kiều	Uỷ viên
10- Đồng chí Nguyễn Đức Tâm	Uỷ viên
11- Đồng chí Đặng Vũ Hiệp	Uỷ viên
12- Đồng chí Nguyễn Văn Tiến	Uỷ viên
13- Đồng chí Nguyễn Việt Dũng	Uỷ viên
14- Đồng chí Vũ Trọng Kiên	Uỷ viên.

Ban này do Bộ Chính trị và Ban Bí thư trực tiếp chỉ đạo, có nhiệm vụ nghiên cứu và đề ra kế hoạch cụ thể về công tác chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội trình Bộ Chính trị quyết định; giúp Ban Bí thư triệu tập những hội nghị cần thiết để truyền đạt những quyết định của Bộ Chính trị và Ban Bí thư về việc chuẩn bị và tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VII.

Khi thành lập Hội đồng bầu cử Trung ương, các đồng chí trong Ban Chỉ đạo bầu cử Trung ương sẽ tham gia hội đồng để làm nòng cốt thực hiện ý định của Bộ Chính trị về việc bầu cử Quốc hội.

2. Ban chỉ đạo bầu cử ở tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương

Ở các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương, thành lập Ban Chỉ đạo của cấp uỷ để chuẩn bị và tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VII ở cấp mình, gồm từ 7 đến 11 đồng chí, trong đó có đồng chí Phó Bí thư thường trực làm trưởng ban và một số uỷ viên thường vụ phụ trách công tác tổ chức, công tác chính quyền, một số cấp uỷ viên phụ trách các công tác mặt trận, dân vận, tuyên huấn và một số cán bộ có khả năng giúp cấp uỷ nắm vấn đề bầu cử đại biểu Quốc hội. Ban này có nhiệm vụ nghiên cứu đề ra kế hoạch cụ thể nhằm bảo đảm thực hiện tốt chủ trương và kế hoạch bầu cử Quốc hội khoá VII mà Bộ Chính trị đã thông qua.

Một số đồng chí trong Ban Chỉ đạo nói trên sẽ tham gia Ban bầu cử do Ủy ban nhân dân thành lập, có trách nhiệm làm nòng cốt trong việc thực hiện bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương.

3. Ban chỉ đạo bầu cử ở quận, huyện, thị xã và cấp tương đương

Ở quận, huyện, thị xã và cấp tương đương thành lập Ban Chỉ đạo bầu cử của quận, huyện, thị xã, gồm từ 5 đến 7 đồng chí, trong đó có đồng chí bí thư hoặc một phó bí thư và một số cấp uỷ viên phụ trách các công tác tổ chức, chính quyền, mặt trận và dân vận. Ban này có nhiệm vụ giúp cấp ủy kiểm tra, đôn đốc việc bầu cử đại biểu Quốc hội ở địa phương.

4. Ban chỉ đạo bầu cử ở xã, phường và cấp tương đương

Ở xã, phường và cấp tương đương, thành lập ban chuẩn bị bầu cử của xã, phường, gồm từ 5 đến 7 đồng chí, trong đó có phó bí thư đảng uỷ là chủ tịch uỷ ban nhân dân hoặc là người phụ trách chính quyền, và một số đảng uỷ viên phụ trách hợp tác xã và các đoàn thể quần chúng. Ban này có nhiệm vụ giúp đảng uỷ thực hiện chủ trương của cấp trên về việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đôn đốc, bảo đảm thực hiện kế hoạch bầu cử ở cấp mình.

Khi thành lập các *tổ bầu cử*, các đồng chí này phân công tham gia một số tổ trọng điểm, rút kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện bầu cử đúng nguyên tắc và luật lệ của Nhà nước.

IV- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ CHUNG CHO CÁ NHÂN VỀ CUỘC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA VII

1. Về tổng số đại biểu Quốc hội

Luật quy định tổng số đại biểu Quốc hội nước ta *không*

quá 500 người. Số đại biểu Quốc hội khoá VII do Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ấn định, có thể vào khoảng 495 người.

2. Về số đại biểu Quốc hội dành cho các địa phương

Số đại biểu Quốc hội của mỗi đơn vị bầu cử do Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ấn định.

Do số dân cả nước tăng, nhưng tổng số đại biểu Quốc hội quy định không quá 500 người, cho nên số đại biểu Quốc hội của các địa phương nói chung vẫn giữ nguyên số lượng như trong Quốc hội khoá VI.

3. Về số đại biểu Quốc hội thành phần dân tộc thiểu số

Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ấn định và bảo đảm cho thành phần các dân tộc thiểu số có số đại biểu thích đáng trong Quốc hội.

Tổng số người dân tộc thiểu số cả nước hiện nay là 5.742.000, chiếm tỷ lệ hơn 1/10 tổng số dân toàn quốc là 52.741.000. Tuy nhiên, trong Quốc hội khoá VII vẫn nên giữ tỷ lệ đại biểu người dân tộc thiểu số là 1/7 trong tổng số đại biểu Quốc hội, tức là không quá 75 đại biểu.

4. Về số đại biểu do Trung ương giới thiệu ra ứng cử ở các địa phương

Trong Quốc hội khoá VII, số đại biểu do Trung ương giới thiệu ra ứng cử ở các địa phương khoảng 35% tổng số đại biểu Quốc hội (trong Quốc hội khoá VI là 1/3). Ngoài các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, và một số đại biểu của các chính đảng, đoàn thể, tôn giáo, v.v., lần này cần chú ý dành

tỷ lệ thích đáng cho số cán bộ có phẩm chất, có năng lực để tăng cường cho các ủy ban thường trực của Quốc hội, số đại biểu đó sẽ lựa chọn trong các ngành quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, pháp luật, văn hóa, giáo dục...

5. Về việc bầu cử đối với người Hoa

Người Hoa hoặc người Việt gốc Hoa mà là công dân Việt Nam thì có quyền và nghĩa vụ như các công dân khác trong cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam. Vì vậy, họ được hưởng quyền bầu cử và có thể được giới thiệu ra ứng cử đại biểu Quốc hội theo những quy định chung. Tiểu ban Công tác đối với người Hoa của Trung ương cần dự kiến số đại biểu người Hoa giới thiệu ra ứng cử ở một số tỉnh và thành phố miền Nam trình Ban Chỉ đạo bầu cử Trung ương quyết định.

6. Về vấn đề nâng cao cảnh giác, đề phòng địch phá hoại

Trong tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của nước ta hiện nay, cần cảnh giác đề phòng kẻ thù bên ngoài phối hợp với bọn phản động, bọn bất mãn, bọn lưu manh, côn đồ, v.v. trong nước, lợi dụng những khó khăn về kinh tế và đời sống, những sơ hở, thiếu sót về quản lý của ta để xuyên tạc, gây rối hoặc phá hoại cuộc bầu cử.

Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng cần có kế hoạch cụ thể, phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ, ủy ban nhân dân và các lực lượng dân quân tự vệ, công an địa phương ra sức bảo vệ cuộc bầu cử (trọng điểm là ngày bầu cử và thời gian kiểm phiếu) ở các địa phương, nhất là ở Thủ đô, các thành phố lớn, các khu

công nghiệp tập trung, các tỉnh ở miền Nam và các tỉnh biên giới phía Bắc.

V- MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỤ THỂ VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG TỪ BÌNH TRỊ THIÊN TRỎ VÀO

Ngoài những vấn đề cụ thể chung trên đây, ở các tỉnh miền Nam cần chú ý thêm mấy vấn đề như sau:

1. Đối với những người trước đây là ngụy quân, nhân viên ngụy quyền và những người đã tham gia các tổ chức đảng phái phản động

Nói chung, những người đã được xét cho tham gia bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp từ năm 1976 đến nay đều được tham gia bầu cử Quốc hội, trừ những người bị tòa án hoặc pháp luật tước quyền bầu cử.

Đối với những người thuộc đối tượng trấn áp, những người đang bị quản chế, quản thúc, những người đã học tập, cải tạo, nhưng vẫn có những biểu hiện xấu, v.v., các cấp uỷ huyện, quận và cấp tương đương cần xem xét kỹ, nếu trong số này có người từ 1 năm lại đây (kể đến ngày lập danh sách cử tri) có những chuyển biến tốt và được nhân dân địa phương đồng ý, thì nên xét và cho phục hồi quyền bầu cử.

Những người đang tập trung học tập, cải tạo không được tham gia bầu cử.

2. Việc giới thiệu người ra ứng cử

Tuyệt đối không được giới thiệu những người trước đây là ngụy quân, nhân viên ngụy quyền và những người đã tham

gia các đảng phái, các tổ chức phản động ra ứng cử đại biểu Quốc hội. Cá biệt... cần giới thiệu người nào, thì cấp uỷ phải cân nhắc thật kỹ và gửi báo cáo lên Ban Chỉ đạo bầu cử Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương để trình Ban Bí thư quyết định.

3. Đối với những vùng đồng bào thuộc các tôn giáo Hoà Hảo, Cao Đài và Thiên Chúa giáo di cư hoặc vốn là dân bản địa sống tập trung

Chính sách của Đảng là đồng bào những vùng này có quyền được bầu cử theo quy định chung và được giới thiệu người ra ứng cử...

*

* * *

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội lần này có quan hệ đến việc củng cố và tăng cường Nhà nước chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động ở nước ta.

Từ nay đến ngày bầu cử, công việc của Đảng, Nhà nước và các địa phương rất bận rộn. Các cấp uỷ đảng và chính quyền cần khéo kết hợp các công tác thường xuyên với công tác chuẩn bị và tổ chức bầu cử Quốc hội khoá VII, không khoán trzáng cho các cơ quan chuyên trách hoặc cho cấp dưới, mà phải chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra chặt chẽ.

Nhận được nghị quyết này, các cấp uỷ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương, các cơ quan đảng, nhà nước ở Trung ương hữu quan phải tổ chức nghiên cứu, thảo luận và đặt kế hoạch thi hành chu

đáo, bảo đảm cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội sắp tới được tiến hành một cách thật sự dân chủ và giành thắng lợi lớn.

Ban Bí thư cần có chỉ thị hướng dẫn thi hành nghị quyết này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG CHINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BẢN TỶ LỆ HƯỚNG DẪN CHUNG
VỀ THÀNH PHẦN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA VII**

Thành phần	Tỷ lệ % (hướng dẫn)
<i>Thành phần xã hội</i>	
- Công nhân	21%
- Nông dân tập thể	20%
- Thợ thủ công	3%
- Cán bộ chính trị	23%
- Quân đội	10%
- Trí thức xã hội chủ nghĩa	20%
- Nhân sĩ dân chủ, người lãnh đạo tôn giáo	3%
<i>Thành phần các mặt</i>	
- Đảng viên	75%
- Ngoài Đảng	25%
- Dân tộc thiểu số	15%
- Phụ nữ	30%
- Thanh niên (21-30 tuổi)	30%
- Trung ương	35%
- Địa phương	65%
- Cũ	60%
- Mới	40%

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 100-CT/TW, ngày 13 tháng 1 năm 1981

**Cải tiến công tác khoán, mở rộng "khoán sản
phẩm đến nhóm lao động và người lao động"
trong hợp tác xã nông nghiệp**

Do yêu cầu đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đời sống và nâng cao hiệu quả kinh tế, gần đây, nhiều hợp tác xã (kể cả hợp tác xã tiên tiến và khá) đã dùng hình thức "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" đối với nhiều loại cây trồng (kể cả cây lúa), đối với chăn nuôi và đối với các ngành nghề khác. Hình thức khoán mới này đã bước đầu phát huy tác dụng tích cực. Nhưng vì chưa có sự chỉ đạo và hướng dẫn thống nhất, một số hợp tác xã có những sai sót, lệch lạc khi thực hiện.

Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 12-1980) đã quyết định "mở rộng việc thực hiện và hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp". Để thực hiện chủ trương đó và kịp thời phát huy

những nhân tố tích cực, khắc phục các nhược điểm, uốn nắn những sai sót, lệch lạc trong công tác khoán, Ban Bí thư yêu cầu *các cấp, các ngành thống nhất nhận thức và hành động, chấp hành tốt những quy định dưới đây:*

I- NẮM VỮNG MỤC ĐÍCH, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CẢI TIẾN CÔNG TÁC KHOÁN

a) Công tác khoán cũng như các mặt khác trong công tác quản lý của hợp tác xã nông nghiệp phải đạt được *mục đích: bảo đảm phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế* trên cơ sở lôi cuốn được mọi người hăng hái lao động, kích thích tăng năng suất lao động, sử dụng tốt đất đai và các cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất; *củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa* ở nông thôn; không ngừng nâng cao *thu nhập và đời sống* của xã viên, tăng tích luỹ của hợp tác xã, làm tròn nghĩa vụ và không ngừng tăng khối lượng nông sản cung ứng cho Nhà nước.

b) Nhằm mục đích đó, phải bảo đảm những *nguyên tắc sau đây:*

1. Hợp tác xã nông nghiệp phải *quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất*, trước hết là ruộng đất, sức kéo, phân bón, các công cụ và các cơ sở vật chất - kỹ thuật của tập thể.

2. Hợp tác xã phải *tổ chức tốt việc quản lý và điều hành lao động*, phát huy tính hồn hảm của sự hiệp tác có phân công, đồng thời kích thích được tính tích cực lao động của tập thể xã viên và của từng người lao động trên cơ sở làm

cho mọi người quan tâm và gắn bó với kết quả cuối cùng của sản xuất.

3. Hợp tác xã phải có *quy hoạch và kế hoạch* phù hợp với quy vùng sản xuất và kế hoạch sản xuất của huyện, có quy trình sản xuất và có định mức kinh tế - kỹ thuật ngày càng tiến bộ; các đơn vị nhận khoán phải làm đúng những quy định ấy của hợp tác xã.

4. Hợp tác xã phải *nắm được sản phẩm* để bảo đảm việc phân phối sản phẩm kết hợp được đúng đắn và hài hòa ba lợi ích (lợi ích của Nhà nước, của tập thể, của người lao động) và thực hiện tốt việc phân phối theo lao động cho xã viên.

5. *Phát huy quyền tự chủ của hợp tác xã và quyền làm chủ tập thể của xã viên*, khắc phục tệ mệnh lệnh, gò ép, trái với nguyên tắc "tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ".

c) Để thực hiện mục đích, nguyên tắc nêu trên phù hợp với tình hình thực tế hiện nay, *phương hướng chủ yếu để cải tiến công tác khoán* trong hợp tác xã nông nghiệp là: *khuyến khích hơn nữa lợi ích chính đáng của người lao động* và làm cho mọi người tham gia các khâu trong quá trình sản xuất và quản lý của hợp tác xã đều *thực sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng*, do đó mà đưa hết nhiệt tình và khả năng ra lao động sản xuất và xây dựng, củng cố hợp tác xã.

II- CẢI TIẾN CÁC HÌNH THỨC KHOÁN, MỞ RỘNG "KHOÁN SẢN PHẨM"

Căn cứ vào mục đích, nguyên tắc và phương hướng nêu trên, cần *hoàn chỉnh hơn nữa chế độ "ba khoán" có thường,*

phạt công minh của hợp tác xã đối với đội sản xuất (khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm, khoán sản phẩm). Đồng thời, phải *cải tiến mạnh mẽ các hình thức khoán của đội sản xuất đối với xã viên*:

1. *Đội sản xuất khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động* (gọi tắt là khoán sản phẩm) là một hình thức quản lý sản xuất và trả công lao động có gắn trách nhiệm và quyền lợi của người lao động với sản phẩm cuối cùng một cách trực tiếp. Nó phát huy được mạnh mẽ tính tích cực, tự giác của xã viên, lôi cuốn mọi người tăng thêm công sức (kể cả lao động phụ), chủ động tận dụng đất đai, phân bón, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất, tận thu mùa màng, đưa đến tăng năng suất, sản lượng thu hoạch và nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập của xã viên, tăng tích luỹ của hợp tác xã và làm cho hợp tác xã thực hiện tốt hơn nghĩa vụ nông sản đối với Nhà nước.

Việc thực hiện đúng đắn hình thức "khoán sản phẩm" còn có tác dụng tích cực củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, củng cố chế độ làm chủ tập thể, tinh giản bộ máy quản lý hợp tác xã, đồng thời thúc đẩy việc tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã nông nghiệp.

Tuy nhiên, hình thức "khoán sản phẩm" này mới phát triển, kinh nghiệm chưa nhiều và chưa được tổng kết đầy đủ, nên còn có những điểm chưa hoàn thiện. Mặt khác, nếu không chỉ đạo chặt chẽ, thì cũng dễ phạm các khuyết điểm, như: "khoán trắng", giao ruộng đất cho xã viên sử dụng một cách manh mún, tập thể buông lỏng quản lý lao động, sức kéo, phân bón và khó nắm chắc được sản phẩm, v.v..

Qua bước đầu tổng kết tình hình thực tế, cần *mạnh dạn*

mở rộng việc thực hiện hình thức "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong các hợp tác xã nông nghiệp (kể cả hợp tác xã tiên tiến), đối với các cây trồng (kể cả cây lúa), chăn nuôi và ngành nghề khác của hợp tác xã, đồng thời phải *chỉ đạo chặt chẽ để làm tốt và không ngừng hoàn thiện hình thức khoán này*; chấm dứt các hiện tượng "cấp trên ngăn cấm, cấp dưới làm chui", buông trôi lãnh đạo, ngăn ngừa tình trạng làm ô ạt, thiếu chuẩn bị; kiên quyết xoá bỏ và ngăn chặn tình trạng "khoán trắng".

Đối với các hợp tác xã ở miền núi, hợp tác xã và tập đoàn sản xuất ở miền Nam, Bộ Nông nghiệp cùng với các tỉnh nghiên cứu, hướng dẫn cụ thể việc áp dụng các hình thức khoán cho sát hợp; riêng về hình thức "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động", thì *cần làm thử, rút kinh nghiệm trước khi mở rộng*.

Để thực hiện đúng đắn việc khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động, *trước hết cần tổ chức tốt sự hiệp tác và phân công lao động trong hợp tác xã và trong từng đội sản xuất*. Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, quy trình sản xuất và các định mức kinh tế - kỹ thuật đã được xác định, hợp tác xã và đội phải trực tiếp tổ chức chu đáo lao động trong các đội, tổ chuyên khâu để làm những khâu công việc quan trọng, đòi hỏi kỹ thuật gắn với việc sử dụng các cơ sở vật chất - kỹ thuật chung mà nếu giao cho từng người lao động tự đảm nhiệm, thì hiệu quả thấp hơn hoặc gây thêm phức tạp cho công tác quản lý (như: làm đất, thuỷ nông, giống mạ, quản lý và phân phối phân bón, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ mùa màng). Trong những khâu này, hợp tác xã và đội phải tổ chức khoán việc cho từng người lao động trong đội, tổ chuyên

khâu để nâng cao trách nhiệm, nâng cao năng suất lao động và chất lượng công việc. Đối với những khâu công việc dựa vào cách làm thủ công mà lao động của từng người có thể làm tốt (như cấy trồng, chăm sóc, thu hoạch), thì đội giao cho nhóm lao động hoặc người lao động đảm nhiệm.

Cần hoàn chỉnh các định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở cho việc cải tiến tổ chức sản xuất và quản lý của hợp tác xã, của đội sản xuất và việc xác định mức khoán hợp lý. Để định mức khoán hợp lý của hợp tác xã cho đội và của đội cho nhóm lao động hay người lao động, phải căn cứ vào diện tích, độ phì nhiêu và năng suất bình quân của từng loại ruộng đất, điều kiện lao động và yêu cầu về chi phí sản xuất trên từng diện tích, đồng thời phải được xã viên thảo luận dân chủ. Mức khoán hợp lý phải vừa bảo đảm được lợi ích của hợp tác xã và của đội sản xuất, vừa bảo đảm được lợi ích của người lao động, nâng cao thu nhập của xã viên bằng cách tăng sản lượng và tăng giá trị ngày công là chủ yếu, đồng thời có thu nhập bổ sung bằng thưởng vượt mức khoán.

Đi đôi với việc cải tiến tổ chức lao động, cần cải tiến chế độ phân phối thu nhập, làm cho mọi người tham gia các khâu trong quá trình sản xuất và công tác quản lý gắn bó chặt chẽ với kết quả sản xuất cuối cùng. Muốn vậy, ngoài việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và định mức khoán cho đúng, hợp tác xã và đội sản xuất phải dân chủ bàn bạc với xã viên để quyết định chế độ thưởng, phạt công bằng đối với mọi người, trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất.

Phải quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất của tập thể, không được phân tán ruộng đất, phân tán cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã và làm suy yếu kinh

tế tập thể.

Phải kiên quyết ngăn ngừa và khắc phục tình trạng "khoán trắng" cho xã viên. Không được giao ruộng đất cho xã viên tự ý sử dụng; không giao cho từng cá nhân xã viên tự đảm nhiệm toàn bộ quá trình sản xuất từ khâu làm đất đến khâu thu hoạch.

Phải có kế hoạch sử dụng tốt cơ sở vật chất - kỹ thuật của hợp tác xã, không được vì "khoán sản phẩm" cho xã viên mà để lãng phí, hư hỏng.

Tổ chức tốt việc giao diện tích ruộng đất cho đội sản xuất, cho nhóm và cho người lao động sử dụng để thực hiện sản lượng khoán, tránh để đồng ruộng bị chia cắt manh mún, gây trở ngại cho việc sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật và áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất. Khi diện tích giao khoán cho người lao động được phân bổ hợp lý, thì có thể ổn định trong vài ba năm để xã viên yên tâm thâm canh trên diện tích đó. Về mức sản lượng giao khoán, cần xem xét hằng năm cho phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế.

Phải có biện pháp tổ chức thật tốt khâu thu hoạch để tập thể nắm chắc được sản phẩm, bảo đảm được yêu cầu phân phối theo đúng nguyên tắc đã quy định.

Hợp tác xã phải xây dựng nội quy tiến hành "khoán sản phẩm cho nhóm lao động và người lao động", định rõ trách nhiệm của tập thể đối với người lao động, trách nhiệm của người lao động đối với tập thể và có biện pháp tổ chức thực hiện tốt nội quy đó để bảo đảm việc áp dụng hình thức "khoán sản phẩm" theo đúng mục đích và nguyên tắc đã nêu.

2. *Hình thức đội sản xuất khoán việc cho nhóm lao động và người lao động* (gọi tắt là khoán việc) ràng buộc trách nhiệm và

quyền lợi của xã viên đối với từng việc được giao khoán và gián tiếp gắn với sản phẩm cuối cùng. Một số hợp tác xã đã xây dựng được nền nếp quản lý theo cách khoán này, không ngừng nâng cao trình độ quản lý của cán bộ, ý thức tập thể của xã viên, và đã đạt được thành tích, tiến bộ trong việc phát triển sản xuất và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Ở hợp tác xã nào, đối với quy trình sản xuất nào mà cán bộ và xã viên thực sự tán thành cách khoán này, thì cần tổ chức thực hiện cho tốt hơn, đúc kết kinh nghiệm nhằm phát huy mặt tích cực và khắc phục các nhược điểm của nó, như: xã viên chưa thấy trách nhiệm và quyền lợi của mình gắn bó trực tiếp với sản phẩm cuối cùng nên dễ chạy theo công điểm, ít quan tâm đến chất lượng công việc; việc kiểm tra, nghiệm thu công việc khó bảo đảm được yêu cầu về chất lượng; bộ máy quản lý nặng nề, v.v..

3. Phải bảo đảm chặt chẽ về nguyên tắc trong việc chỉ đạo công tác khoán và để cho hợp tác xã vận dụng linh hoạt các hình thức khoán. Tuỳ theo đặc điểm sản xuất của từng cây, con, ngành nghề và tuỳ theo điều kiện của từng nơi, các hợp tác xã có thể vận dụng hình thức này, hình thức khác hoặc vận dụng đồng thời cả hai hình thức khoán để bổ sung cho nhau. Các cấp bộ đảng và chính quyền phải tôn trọng quyền tự chủ của hợp tác xã trong việc lựa chọn hình thức khoán trên cơ sở tổ chức thảo luận dân chủ trong xã viên và trong đại hội đại biểu xã viên.

III. TĂNG CƯỜNG SỰ CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Phổ biến sâu rộng trong Đảng và trong nhân dân chủ trương của Trung ương Đảng đối với công tác khoán, để mọi

cán bộ, đảng viên và nông dân xã viên *hiểu thấu đáo và làm đúng*. Đối với hình thức mới về "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động", cấp trên phải tạo điều kiện và hướng dẫn, kiểm tra, giúp đỡ đơn vị cơ sở và quần chúng thực hiện tốt.

Căn cứ vào chỉ thị này, Bộ Nông nghiệp phải ban hành sớm văn bản hướng dẫn cụ thể. Phải đặc biệt chú trọng hướng dẫn chu đáo những biện pháp về bảo vệ và sử dụng tốt ruộng đất và cơ sở vật chất - kỹ thuật chung của hợp tác xã, về cách giao ruộng đất cho xã viên sử dụng để thực hiện sản lượng khoán, tránh tình trạng chia cắt mạnh mún đồng ruộng, v.v.. Qua từng bước sơ kết, tổng kết kinh nghiệm, cần kịp thời bổ sung, hướng dẫn các hình thức "khoán sản phẩm" ngày càng hoàn chỉnh thêm.

- Các cấp tỉnh, huyện phải chú trọng *phát huy quyền chủ động* trong sản xuất, kinh doanh và quyền tự chủ về quản lý của hợp tác xã, hướng dẫn hợp tác xã xây dựng những quy định cụ thể của hợp tác xã, của đội sản xuất trong công tác khoán; đồng thời phải kiểm tra chặt chẽ để kịp thời phát huy các mặt tích cực, uốn nắn các lách laced, kiên quyết ngăn ngừa và khắc phục mọi hiện tượng "khoán trắng" ở đơn vị cơ sở.

Đặc biệt quan tâm củng cố các hợp tác xã yếu kém, tạo những điều kiện cần thiết cho các hợp tác xã đó làm tốt việc cải tiến công tác khoán.

- Để củng cố hợp tác xã nông nghiệp gắn với xây dựng huyện nói chung, cũng như để cho cấp huyện chỉ đạo các hợp tác xã thực hiện tốt công tác khoán nói riêng, tỉnh ủy, thành

uỷ phải đặc biệt chú trọng *kiện toàn cấp huyện*, nhất là các huyện thuộc các vùng trọng điểm sản xuất lương thực, sản xuất các nông sản hàng hoá; củng cố kịp thời bộ máy của các huyện yếu, kém. Các ngành ở tỉnh, ở trung ương có liên quan tới việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp (như các ngành: nông nghiệp, thủy lợi, công nghiệp thực phẩm, điện, vật tư, thu mua, v.v.) phải cải tiến công tác của ngành mình để phục vụ tốt các hợp tác xã.

- Bộ Nông nghiệp phải nghiên cứu sửa đổi tổ chức, bộ máy quản lý hợp tác xã cho phù hợp với việc cải tiến công tác khoán, đồng thời bổ sung các quy định về trách nhiệm, quyền hạn, quyền lợi của cán bộ hợp tác xã. Cấp tỉnh và huyện phải kịp thời bồi dưỡng đội ngũ cán bộ ở cơ sở, đặc biệt là *đội trưởng*, về cách quản lý, về các hình thức khoán, nhất là cách "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động".

Phải thường xuyên chăm lo *công tác chính trị, tư tưởng*, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa của cán bộ, đảng viên và nông dân xã viên; tổ chức *phong trào thi đua* với khí thế cách mạng sôi nổi, nhằm đạt hiệu quả thiết thực.

- Các hoạt động tuyên truyền đối với công tác khoán, đặc biệt là hình thức "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động", cần được tiến hành đúng mức; chú ý giới thiệu những kinh nghiệm cụ thể nhằm phát huy mặt tích cực, kịp thời khắc phục những thiếu sót và lách laced.

Từ nay, trong văn bản cũng như trong công tác tuyên truyền, cần thống nhất tên gọi các hình thức khoán như trong chỉ thị này.

*
* *

Chỉ thị này cần được thảo luận rộng rãi để quán triệt trong các tổ chức cơ sở đảng ở nông thôn và các hợp tác xã nông nghiệp. Các tỉnh uỷ, thành uỷ phải có kế hoạch phổ biến và chỉ đạo việc thực hiện chỉ thị này cho sát với tình hình địa phương. Ban Nông nghiệp Trung ương và Bộ Nông nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chỉ thị này và báo cáo kết quả lên Ban Bí thư.

T/M BAN Bí THƯ
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

Số 02-TB/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1981

**Về việc cử một số đồng chí giữ chức vụ
trưởng ban và Chánh Văn phòng Trung ương**

Vừa qua, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định
cử các đồng chí sau đây giữ chức vụ trưởng ban và Chánh
Văn phòng Trung ương:

- Đồng chí Nguyễn Đức Tâm, Uỷ viên Trung ương Đảng,
thôi giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Ninh để làm Trưởng ban
Tổ chức Trung ương.

- Đồng chí Ngô Duy Đông, Uỷ viên Trung ương Đảng,
thôi giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ Hải Hưng để làm Trưởng ban
Nông nghiệp Trung ương.

- Đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Uỷ viên Trung ương
Đảng, thôi giữ chức Bộ trưởng Bộ Thuỷ lợi để làm Trưởng
ban Phân phối - Lưu thông Trung ương.

- Đồng chí Đỗ Chính, Uỷ viên dự khuyết Trung ương
Đảng, thôi giữ chức Bộ trưởng Bộ Hải sản để làm Trưởng ban
Kế hoạch - Tài chính Trung ương.

- Đồng chí Nguyễn Hữu Thụ, Uỷ viên dự khuyết Trung
ương Đảng, thôi giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ Hà Sơn Bình để làm
Chánh Văn phòng Trung ương.

- Đồng chí Vũ Quang, thôi giữ chức Chánh Văn phòng
Trung ương để làm Trưởng ban Dân vận Trung ương.

Ban Bí thư thông báo để các đồng chí biết.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 101-CT/TW, ngày 17 tháng 1 năm 1981

**Về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV) đã họp Hội nghị lần thứ tám để bàn về *Hiến pháp* nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các biện pháp thi hành *Hiến pháp*. Trong kỳ họp thứ 7 vừa qua của Quốc hội khoá VI, *Hiến pháp* mới đã được Quốc hội nhất trí thông qua và được công bố trong cả nước để thi hành.

Hiến pháp mới được ban hành là một sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị của nhân dân ta. Để triển khai việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng về *Hiến pháp* mới, các cấp, các ngành cần thực hiện những việc sau đây:

- Mở một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong Đảng, các cơ quan nhà nước, trong nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân vào quý I năm 1981, kết hợp với việc nghiên cứu, học tập các nghị quyết khác của Đảng và Nhà nước, nhằm làm thấu suốt tư tưởng, quan điểm, nội dung cơ bản

của *Hiến pháp*, đề cao trách nhiệm làm chủ tập thể của nhân dân; lấy đó làm cơ sở tư tưởng cho việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong năm 1981 và đẩy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1981.

Tài liệu sử dụng trong Đảng là Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương và bản *Hiến pháp* nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tài liệu tham khảo là *Báo cáo về Dự thảo Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam* trước Quốc hội. Tài liệu sử dụng trong nhân dân là bản *Hiến pháp* nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tài liệu tham khảo trong nhân dân là *Báo cáo về Dự thảo Hiến pháp* nói trên. Cả trong Đảng và ngoài Đảng đều phải nghiên cứu Nghị quyết của Quốc hội ngày 18-12-1980 về biện pháp thi hành *Hiến pháp* mới.

Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trì, phối hợp với các Ban Kinh tế Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Dân vận của Đảng và Văn phòng Quốc hội hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện đợt sinh hoạt chính trị quan trọng này cho từng loại đối tượng và thường xuyên báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

Các cấp uỷ đảng, các đồng chí phụ trách các ban, các ban cán sự, các đảng đoàn chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo đợt sinh hoạt chính trị ở địa phương, ở ban hoặc ngành mình.

- Phát động phong trào thi đua sôi nổi, liên tục ở khắp các cơ sở sản xuất, xây dựng, kinh doanh, các cơ quan, đơn vị, trường học, lập thành tích chào mừng *Hiến pháp* nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng sẽ họp vào cuối năm 1981. Nội

dung chủ yếu của phong trào thi đua này là phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể, tinh thần tự lực tự cường, đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, cải tiến quản lý, nâng cao hiệu quả kinh tế, thực hành tiết kiệm, thực hiện vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1981; tăng cường giữ gìn an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, tự giác và nghiêm chỉnh chấp hành *Hiến pháp* và pháp luật của Nhà nước, đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội; đấu tranh khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật. Dựa vào những nội dung đó và tình hình thực tế ở từng nơi mà có nội dung cụ thể, thiết thực, thích hợp, nhằm tạo ra một bước chuyển biến mới trong tình hình kinh tế và xã hội của năm 1981.

3. Trong năm 1981, triển khai một bước những biện pháp thi hành *Hiến pháp* mới đã ghi trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Trung ương về các mặt tuyên truyền, giáo dục pháp luật; đẩy mạnh công tác xây dựng pháp luật, kiện toàn pháp chế xã hội chủ nghĩa; tăng cường quản lý xã hội theo *Hiến pháp* và pháp luật; kiện toàn bộ máy nhà nước; ra sức đào tạo cán bộ pháp lý, v.v.. Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Thủ tướng dự thảo chương trình, kế hoạch triển khai các việc cụ thể trong năm 1981 và trong 5 năm 1981-1985, trình Ban Bí thư thông qua vào tháng 1-1981, sau đó kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện ở các cấp, các ngành.

Trước mắt, các cơ quan có trách nhiệm ở chính quyền trung ương chuẩn bị gấp các luật về tổ chức Quốc hội và Hội

đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân, Toà án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân, các luật về nghĩa vụ quân sự, về xét khiếu tố để trình Bộ Chính trị quyết định và trình Quốc hội thông qua vào nửa đầu năm 1981. Ban Tổ chức Trung ương cần điều động cán bộ pháp lý, kịp thời tăng cường cho các bộ phận có trách nhiệm dự thảo các luật. Đồng thời, tích cực chuẩn bị và thực hiện tốt công tác bầu cử Quốc hội khoá VII vào tháng 4-1981 theo chỉ thị của Bộ Chính trị.

Mặt khác, phải gắn việc tuyên truyền, giáo dục về *Hiến pháp* và pháp luật với việc phấn đấu thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1981 để đạt một bước chuyển biến tốt về kinh tế và đời sống trong năm nay. Có biện pháp thiết thực phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về mọi mặt, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của công dân, nhất là bảo đảm kết hợp đúng đắn ba lợi ích về kinh tế (lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể, lợi ích của người lao động) ở từng đơn vị cơ sở.

Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thi hành *Hiến pháp* và pháp luật của các cơ quan nhà nước, của các tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng và nhân dân, nhằm từng bước tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa của nước ta; đưa việc thi hành pháp luật vào nêu nếp trên các lĩnh vực, trước hết là trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Kịp thời phát hiện và có biện pháp sửa chữa ngay những việc làm vi phạm *Hiến pháp* và pháp luật; gắn việc chấp hành *Hiến pháp* và pháp luật của Nhà nước với việc chấp hành kỷ luật Đảng. Kiên quyết xử lý bằng các hình thức hành chính, pháp lý, bằng kỷ luật Đảng những hành động vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng, xâm phạm lợi ích chính trị,

kinh tế của quần chúng, vi phạm kỷ luật Đảng, kỷ luật và pháp luật Nhà nước, thực hiện nguyên tắc "mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, mọi vi phạm bất cứ ở đâu và do ai gây ra đều được phát hiện và xử lý nghiêm minh, nghiêm cấm tệ bao che, trù dập, úc hiếp quần chúng".

4. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với việc thi hành *Hiến pháp* và pháp luật. Sớm thể hiện rõ hơn nữa trên thực tế nguyên tắc "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý" ở từng cấp bằng những quy chế cụ thể trong lề lối làm việc của cấp uỷ đảng, của chính quyền và của các đoàn thể nhân dân. Khắc phục tình trạng các cấp uỷ đảng bao biện, làm thay công việc của chính quyền, coi nhẹ hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân. Chăm lo xây dựng bộ máy chính quyền, phát huy vai trò của bộ máy nhà nước trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa. Phát huy tác dụng gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong việc thi hành *Hiến pháp*, pháp luật; phát huy vai trò của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là những người cộng tác đắc lực với cơ quan nhà nước.

Thành lập và kiện toàn Ban Nội chính của các tỉnh uỷ, thành uỷ để giúp cấp uỷ đảng kiểm tra việc thực hiện các biện pháp thi hành *Hiến pháp* và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

T/M BAN Bí THƯ
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN Bí THƯ

Số 102-CT/TW, ngày 17 tháng 1 năm 1981

Về việc tổ chức và lãnh đạo công tác bầu cử Quốc hội khoá VII và hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương

Cuộc bầu cử Quốc hội khoá VII và hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương sẽ tiến hành vào ngày 26-4-1981. Bộ Chính trị đã ra nghị quyết về việc lãnh đạo công tác bầu cử Quốc hội khoá VII.

Thi hành nghị quyết của Bộ Chính trị và quyết định của Nhà nước về công tác quan trọng này, các cấp, các ngành cần tiến hành những công việc sau đây:

1. Bảo đảm cấu tạo về thành phần xã hội, nghề nghiệp, dân tộc... của Quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu:

Đối với Quốc hội, tiến hành theo nghị quyết của Bộ Chính trị.

Đối với hội đồng nhân dân, cần có đại biểu công nhân, chú ý công nhân công nghiệp, nông dân tập thể, trí thức xã hội chủ nghĩa, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế, anh hùng lao động, chiến sĩ thi đua; nên có khoảng

1/2 đại biểu là người trực tiếp sản xuất, 1/3 là thanh niên, 1/3 là phụ nữ, 2/3 là đảng viên, trong đó có một số là cấp uỷ viên; ở những địa phương có dân tộc thiểu số, có đông người theo tôn giáo, cần có đại biểu dân tộc và tôn giáo; ở các thành phố lớn, cần có đại biểu của đảng phái dân chủ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đối với Quốc hội và hội đồng nhân dân, cần giới thiệu tái cử khoảng 60% đại biểu khoá trước để giữ được tính liên tục.

2. Lựa chọn đúng người có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực ứng cử Quốc hội và hội đồng nhân dân là khâu rất quan trọng, cả đối với số đại biểu khoá trước được tái cử. Trong việc giới thiệu số cán bộ ở trung ương về các địa phương ứng cử Quốc hội, cần có sự nhất trí cao giữa trung ương và địa phương, trong đó cần chọn một số cán bộ trong các ngành quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, nghiên cứu khoa học, pháp lý, văn hoá, xã hội thực sự có năng lực công tác, có trình độ chính trị vững vàng để tham gia các uỷ ban thường trực của Quốc hội, sau khi được bầu. Cần chọn người thực sự có năng lực, trình độ quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, liêm khiết, tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng vào hội đồng nhân dân. Uỷ ban nhân dân cùng cấp sẽ gồm đại biểu hội đồng nhân dân thuộc một số ngành kinh tế quan trọng, an ninh, quốc phòng, văn hoá, xã hội..., có một số đồng chí thường vụ cấp uỷ đảng là đại biểu hội đồng nhân dân tham gia uỷ ban nhân dân, trong đó đồng chí phó bí thư sẽ làm chủ tịch. Kỳ này, giới thiệu những cán bộ công tác ở cơ quan chính quyền và các đoàn thể tham gia Quốc hội và hội đồng nhân dân; đồng chí bí thư cấp uỷ đảng không tham gia, trừ một số trường hợp.

Mặt trận Tổ quốc các cấp cùng với các đoàn thể quần chúng, trước khi hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử, cần thăm dò và tham khảo đầy đủ ý kiến của cơ sở về người định giới thiệu. Ở mỗi đơn vị bầu cử, số người ứng cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu để cử tri lựa chọn. Việc giới thiệu, lập danh sách người ứng cử phải có sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp uỷ đảng và công bố đúng thời gian theo luật định.

3. Đối với người Hoa (người Việt gốc Hoa), chủ yếu là ở miền Nam, đã là công dân Việt Nam, thì có quyền bầu cử và làm nghĩa vụ công dân. Tiểu ban công tác người Hoa của Trung ương tham gia giới thiệu người xứng đáng ứng cử Quốc hội ở những thành phố lớn tại miền Nam. Các tỉnh, thành phố lựa chọn và giới thiệu một tỷ lệ thích đáng đại biểu người Hoa ứng cử hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố.

4. Về công tác tuyên truyền bầu cử và bảo vệ cuộc bầu cử:

Cuộc bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu khoá tới là bước đầu thi hành *Hiến pháp* mới về thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, tiến hành trong tình hình kinh tế và đời sống đang có nhiều khó khăn. Một mặt, phải kết hợp với đợt sinh hoạt thảo luận *Hiến pháp*, tuyên truyền *Hiến pháp* và luật bầu cử, làm cho mọi người hiểu và thi hành *Hiến pháp* ngay trong cuộc bầu cử này, bảo đảm dân chủ thực sự từ khi chuẩn bị đến khi bỏ phiếu bầu, hết sức tránh hình thức, mệnh lệnh, gò ép. Mặt khác, kết hợp với động viên thi đua, ra sức phấn đấu khắc phục các hiện tượng tiêu cực, đẩy mạnh sản xuất, phân phối lưu thông, cố gắng giảm bớt khó khăn về đời sống, tạo không khí phấn khởi trong quần chúng khi tiến hành bầu cử.

Các ngành, các cấp cần có kế hoạch bảo vệ tốt cuộc bầu

cử này, kịp thời đập lại luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch, cảnh giác để phòng âm mưu và hành động phá hoại của địch, nhất là ở các thành phố lớn và các tỉnh biên giới phía Bắc, bảo đảm cuộc bầu cử ở các địa phương tuyệt đối an toàn.

5. Về tổ chức và lãnh đạo bầu cử:

Ở trung ương, thành lập Ban Chỉ đạo bầu cử Trung ương, ban này nằm trong Hội đồng bầu cử Trung ương của Nhà nước; có một bộ phận thường trực hoạt động, giúp Trung ương chỉ đạo công tác bầu cử Quốc hội.

Ở các địa phương, thành lập tổ chức bầu cử ở các cấp đến cơ sở, gồm những cán bộ tốt do một đồng chí phó bí thư cấp ủy đảng phụ trách để giúp cấp uỷ đảng chỉ đạo công tác bầu cử hội đồng nhân dân cùng cấp, đồng thời đảm nhiệm công việc bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân ở địa phương.

Các cấp, các ngành cần nghiên cứu nắm vững nghị quyết của Bộ Chính trị về lãnh đạo bầu cử Quốc hội và nắm vững chỉ thị này. Ban Chỉ đạo bầu cử Trung ương cùng với Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, Thường vụ Hội đồng Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cấp uỷ đảng cần có kế hoạch cụ thể bảo đảm thi hành nghiêm túc chỉ thị này.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Kỷ niệm lần thứ 51 ngày thành lập Đảng năm nay - năm đầu thi hành *Hiến pháp* mới, năm đầu thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ ba (1981-1985), năm triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, các cấp, các ngành và các đơn vị cơ sở cần giáo dục truyền thống đoàn kết nhất trí và đấu tranh kiên cường của Đảng, cổ vũ mọi người nêu cao ý chí cách mạng tiến công và tinh thần sáng tạo, ra sức lao động và công tác, khai thác tốt nhất mọi khả năng hiện thực và khả năng tiềm tàng, khắc phục khó khăn trước mắt, làm ra nhiều của cải vật chất, trước hết là lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, tạo ra sự chuyển biến mới về kinh tế và xã hội ở địa phương, đơn vị mình, tiến tới cao trào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên cả nước.

Theo phương hướng đó, các cấp, các ngành, nhất là các tổ

THÔNG TRI CỦA BAN Bí THƯ

Số 120-TT/TW, ngày 21 tháng 1 năm 1981

**Kỷ niệm lần thứ 51 ngày thành lập Đảng
(3-2-1930 – 3-2-1981)**

chức cơ sở của Đảng, cần làm tốt những việc sau đây:

1. *Tổ chức một đợt tuyên truyền rộng rãi nhằm ôn lại lịch sử cách mạng vẻ vang của Đảng và của đảng bộ; làm rõ tình hình cơ bản của cách mạng nước ta, cách mạng ba nước ở Đông Dương và cách mạng thế giới; biểu dương các nhân tố mới, các khả năng mới trên mặt trận sản xuất, phân phối, lưu thông. Hình thức tuyên truyền chủ yếu là các hoạt động thông tin, báo chí, phát thanh, truyền hình, nói chuyện trực tiếp.*

Chú ý sử dụng các hình thức sinh hoạt câu lạc bộ diễn đàn của những người tiên tiến, họp mặt giữa các đảng viên lão thành với thanh niên, tổ chức cho thanh niên và thiếu nhi tham quan các nhà bảo tàng cách mạng, nhà lưu niệm, phòng truyền thống, v.v..

2. *Các chi bộ đảng, các chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thảo luận Thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng gửi các cấp uỷ đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, trong sinh hoạt thường kỳ của mình. Trên cơ sở đó, mỗi chi bộ, chi đoàn quyết định một chương trình hành động cách mạng thiết thực, tiếp tục cuộc vận động xây dựng Đảng vững mạnh, trong sạch, gắn liền với việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1981 và Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác tổ chức.*

3. *Các đơn vị cơ sở tổ chức những đợt thi đua ngắn nhằm lập thành tích hướng về Đại hội lần thứ V của Đảng và chào mừng Hiến pháp mới, từng đợt tập trung giải quyết những vấn đề bức thiết trước mắt.*

Các cấp uỷ đảng cần theo dõi, phát hiện, bồi dưỡng và phát huy các nhân tố mới, các khả năng mới, làm đà đẩy mạnh phong trào thi đua trong năm 1981.

T/M BAN Bí THU
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KHẨU HIỆU

Kỷ niệm lần thứ 51 ngày thành lập Đảng
(kèm theo Thông tri của Ban Bí thư số 120-TT/TW
ngày 21-1-1981)

- 1- Đảng Cộng sản Việt Nam muôn năm!
- 2- Tiến tới Đại hội lần thứ V của Đảng với những thành tích mới trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc!
- 3- Ra sức thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1981!
- 4- Chủ nghĩa Mác - Lê nin vô địch muôn năm!
- 5- Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!
- 6- Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN Bí THƯ

Số 103-CT/TW, ngày 22 tháng 1 năm 1981

**Về việc tổ chức nghiên cứu các chuyên đề
phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch 5 năm
1981-1985**

I. YÊU CẦU VÀ NHỮNG VIỆC CHÍNH PHẢI LÀM

Đại hội lần thứ V của Đảng (họp vào cuối năm 1981) sẽ xem xét và quyết định các phương hướng, mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1981-1985.

Dự án về kế hoạch 5 năm 1981-1985 trình ra Trung ương và Đại hội Đảng phải dựa trên kết quả nghiên cứu những phương án kinh tế - kỹ thuật nhằm giải đáp những vấn đề quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân, tập hợp được trí tuệ tập thể của những người và những tổ chức am hiểu các vấn đề đó.

Để đạt được yêu cầu trên, những việc chính phải làm từ nay đến khi họp Đại hội lần thứ V của Đảng là:

1. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước sơ bộ xác định khung của số kiểm tra kế hoạch 5 năm; dự kiến về nguồn vốn, vật tư, nhiên liệu, các công trình trọng điểm... sẽ được bố trí theo các mục tiêu, các ngành quan trọng để làm cơ sở gợi ý với các bộ, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương trong việc nghiên cứu các phương án kinh tế - kỹ thuật.

2. Các tổ chuyên đề tiến hành nghiên cứu các vấn đề quan trọng nhất của nền kinh tế thành những phương án kinh tế - kỹ thuật. Việc này phải làm xong trong tháng 3-1981 (sẽ nêu cụ thể trong phần II dưới đây).

3. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước cùng với các ngành có liên quan tổng hợp các phương án kinh tế - kỹ thuật và xây dựng lần đầu dự án về số kiểm tra kế hoạch 5 năm 1981-1985, đồng thời lập dự án số kiểm tra kế hoạch năm 1982, đưa ra Hội đồng Chính phủ thảo luận để trình Bộ Chính trị (tháng 5-1981) và Hội nghị Trung ương Đảng (tháng 6-1981).

4. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước trình Chính phủ về số kiểm tra kế hoạch 5 năm (dự án lần đầu) và số kiểm tra kế hoạch năm 1982 giao cho các bộ, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. Các bộ, các địa phương nghiên cứu, thảo luận và xây dựng dự án về số kiểm tra của bộ, của địa phương (khoảng 3 tháng, từ tháng 6 đến tháng 9-1981).

5. Thường vụ Hội đồng Chính phủ chỉ đạo Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước tổng hợp số kiểm tra kế hoạch 5 năm và kế hoạch năm 1982 của các bộ, các địa phương để lập dự án về số kiểm tra kế hoạch 5 năm và dự án về kế hoạch năm 1982 của nền kinh tế quốc dân, trình Bộ Chính trị và Hội nghị Trung ương Đảng vào khoảng tháng 10-1981.

6. Hội đồng Chính phủ hoàn chỉnh lần cuối dự án về số kiểm tra kế hoạch 5 năm để Trung ương Đảng trình ra Đại hội Đảng (cuối quý IV-1981).

Trong quá trình nghiên cứu xây dựng số kiểm tra kế hoạch 5 năm, cần kết hợp nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh kế hoạch năm 1981 và xây dựng kế hoạch năm 1982.

II- TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU CÁC CHUYÊN ĐỀ QUAN TRỌNG NHẤT CỦA NỀN KINH TẾ

Việc nghiên cứu các chuyên đề này thành các phương án kinh tế - kỹ thuật phải được tiến hành theo những yêu cầu cụ thể và cách làm sau đây:

- Các *chuyên đề* cần nghiên cứu là những vấn đề *quan trọng nhất* của nền kinh tế; có chuyên đề nhằm giải quyết từng cây, từng con, từng sản phẩm; có chuyên đề mang tính chất tổng hợp của một ngành (danh mục về các chuyên đề được nêu ở dưới). Việc giải đáp những vấn đề này sẽ bảo đảm cho kế hoạch 5 năm có được chất lượng và độ tin cậy cần thiết.

- Mỗi chuyên đề phải kế thừa những kết quả nghiên cứu từ trước đến nay, đi sâu và phát triển thêm, nhằm giải đáp vấn đề nghiên cứu cả về *định tính và định lượng* một cách có căn cứ, thể hiện trên những điểm chính sau đây:

1. Xác định *nhu cầu hợp lý* đối với sản phẩm và đối tượng được nghiên cứu.

2. Đề ra *quy hoạch bố trí chiến lược* nhằm giải quyết vấn đề theo thời gian và không gian.

3. Đề ra *phương thức tổ chức quản lý* để giải quyết vấn đề (hình thức tổ chức và đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện; phương thức quản lý, quy mô, biện pháp...).

4. Đề ra các yếu tố *tiến bộ khoa học - kỹ thuật* cần và có thể khai thác, vận dụng vào việc giải quyết vấn đề.

5. Dự kiến các *điều kiện vật chất cần thiết* cho việc giải quyết vấn đề (đặc biệt là lao động, vật tư, thiết bị, tiền vốn) và tính toán *hiệu quả kinh tế*.

6. Trên cơ sở những điểm nêu trên, xác định *chỉ tiêu, mục*

tiêu cho 5 năm và cho từng năm, nhất là cho năm 1982.

Quá trình nghiên cứu từng chuyên đề phải kết hợp chặt chẽ với việc tổng kết kinh tế, dựa trên kết quả tổng kết thời gian qua (1976-1980) mà đề ra phương án mới (1981-1985).

- Tiểu ban chuẩn bị báo cáo về kinh tế (trình Đại hội lần thứ V của Đảng) trực tiếp chỉ đạo việc nghiên cứu các chuyên đề: xác định yêu cầu và giao nhiệm vụ; quyết định những biện pháp về huy động lực lượng, tổ chức nghiên cứu; đôn đốc việc triển khai; nghe báo cáo và cho ý kiến về tình hình và kết quả nghiên cứu.

- Mỗi chuyên đề thuộc trách nhiệm chủ yếu của bộ nào sẽ được giao cho bộ đó chủ trì, có sự tham gia của các ngành, các địa phương có liên quan, của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và các ban kinh tế của Đảng. Mỗi chuyên đề phải tập hợp cho được những cán bộ nghiên cứu am hiểu nhất về chuyên đề đó, bao gồm cả ba thành phần (kinh tế, kỹ thuật, tổ chức - quản lý) ở cả trung ương, địa phương và một số đơn vị kinh tế quan trọng, tổ chức thành từng tổ nghiên cứu. Các thành viên của tổ phải dành hầu như toàn bộ thời gian để làm việc trong nhóm, ít nhất là từ nay đến tháng 3-1981. Cơ quan chủ trì từng chuyên đề bảo đảm phương tiện vật chất cho công tác nghiên cứu của tổ. Các đồng chí được chỉ định phụ trách các tổ chuyên đề (nêu tên dưới đây) lập danh sách các thành viên của tổ, trao đổi ý kiến với đồng chí Tổng thư ký của Tiểu ban chuẩn bị báo cáo về kinh tế và thông báo cho các cơ quan có cán bộ được chọn cử vào tổ chuyên đề. Các cơ quan có cán bộ được lựa chọn tham gia vào tổ phải dành thời gian và điều kiện cho các đồng chí đó hoàn thành tốt công tác nghiên cứu được tổ giao.

- Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn về phương pháp nghiên cứu chuyên đề, cố gắng vận dụng một bước những phương pháp tiên tiến của chương trình đồng bộ theo mục tiêu, bảo đảm cho nội dung nghiên cứu của các chuyên đề có thể tổng hợp được vào dự án về kế hoạch 5 năm.

Sau đây là *danh mục về các chuyên đề và cơ quan được phân công chủ trì, người phụ trách chính:*

- | | | |
|--|---|---|
| 1- Lương thực | : | Bộ Nông nghiệp (đồng chí Nguyễn Ngọc Triều) |
| 2- Đậu tương | : | Bộ Nông nghiệp (đồng chí Trần Khải) |
| 3- Chăn nuôi (lợn, trâu, bò, vịt): | : | Bộ Nông nghiệp (đồng chí Tống Trần Đào) |
| 4- Vải sợi (bông, đay, tơ tằm) | : | Bộ Công nghiệp nhẹ (đồng chí Nguyễn Trí Dũng) và Bộ Nông nghiệp |
| 5- Một số cây công nghiệp: | | |
| - Cây caosu | : | Bộ Nông nghiệp (đồng chí Đỗ Văn Nuống) |
| - Cây càphê | : | Bộ Nông nghiệp (đồng chí Đoàn Triệu Nhạn) |
| - Cây mía, thuốc lá, chè | : | Bộ Công nghiệp thực phẩm (đồng chí Lưu Thị Phương Mai) |
| 6- Dược liệu và thuốc chữa bệnh: | : | Bộ Y tế (đồng chí Vũ Văn Cẩn) |
| 7- Khai hoang - xây dựng
vùng kinh tế mới | : | Bộ Nông nghiệp (đồng chí Nguyễn Công Tạn) |
| 8- Lâm nghiệp | : | Bộ Lâm nghiệp (đồng chí |

9- Thủ lợi	: Bộ Thuỷ lợi (đồng chí Hoàng Tiến)	Trần Sơn Thủy)	Đào Thiện Thi)
10- Thuỷ sản	: Bộ Hải sản (đồng chí Nguyễn Tân Trịnh)	22- Phân phối, lưu thông	: Tiểu ban nghiên cứu cải tiến công tác phân phối lưu thông (đồng chí Đoàn Trọng Truyền)
11- Một số mặt hàng tiêu dùng	: Bộ Công nghiệp nhẹ (đồng chí Trần Hữu Dư)	23- Đầu tư xây dựng cơ bản	: Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và đồng chí Trần Quỳnh
12- Điện	: Bộ Điện (đồng chí Phạm Khai)	24- Xây dựng huyện	: Ban Nông nghiệp Trung ương (đồng chí Lê Bình)
13- Than	: Bộ Mỏ và Than (đồng chí Nguyễn Chân)		
14- Apatít và phân lân	: Tổng cục Hoá chất (đồng chí Trần Đại)		T/M BAN Bí THƯ
15- Cơ khí	: Bộ Cơ khí và luyện kim (đồng chí Nguyễn Văn Kha)		LÊ THANH NGHỊ
16- Luyện kim	: Bộ Cơ khí và luyện kim (đồng chí Mai Kỷ)	Lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.	
17- Dầu khí	: Tổng cục Dầu khí (đồng chí Nguyễn Hoà)		
18- Giao thông vận tải	: Bộ Giao thông vận tải (đồng chí Dương Bạch Liên)		
19- Bưu điện	: Tổng cục Bưu điện (đồng chí Phạm Niên)		
20- Xuất khẩu	: Bộ Ngoại thương (đồng chí Lê Khắc)		
21- Lao động	: Bộ Lao động (đồng chí		

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THU**

Số 89-QĐ/TW, ngày 28 tháng 1 năm 1981

Về việc giải thể Ban Công tác miền Tây

- Căn cứ vào Thông báo số 03, ngày 30-12-1976 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về quyết định của Bộ Chính trị phân định lại nhiệm vụ công tác của một số ban thuộc Trung ương Đảng trong việc giúp Lào,

- Theo báo cáo của Ban Công tác miền Tây về việc thực hiện quyết định trên (đã từng bước thu hẹp tổ chức, biên chế và giải quyết những việc còn lại), nay công việc đã làm xong,

BAN Bí THU TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

- 1- Giải thể Ban Công tác miền Tây.
- 2- Ban Công tác miền Tây có trách nhiệm bàn với Ban Tổ chức Trung ương để bố trí công tác cho cán bộ, nhân viên thuộc Ban Công tác miền Tây (việc này phải làm xong trong quý I-1981). Trong thời gian chờ giải quyết, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương tiếp tục cấp phát lương cho cán bộ, nhân viên này.

3- Các hồ sơ tài liệu, tài sản của Ban Công tác miền Tây phải được kiểm kê đầy đủ, bàn giao chu đáo cho Văn phòng Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương.

4- Ban Công tác miền Tây, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M BAN Bí THU

LÊ THANH NGHĨ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 105-CT/TW, ngày 9 tháng 2 năm 1981

**Tiếp tục cuộc vận động "Phát huy bản chất
tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu"
của lực lượng vũ trang nhân dân
trong hai năm 1981-1982**

Chấp hành Chỉ thị 58-CT/TW, ngày 8-12-1978 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, trong 2 năm 1979-1980, toàn quân và toàn dân ta đã có nhiều cố gắng, thực hiện cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" của lực lượng vũ trang nhân dân và đã đạt được kết quả quan trọng về các mặt: sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, xây dựng kinh tế, làm nhiệm vụ quốc tế, góp phần đẩy mạnh công cuộc xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc lên một bước mới. Tuy nhiên, so với yêu cầu và khả năng, còn nhiều mặt đạt thấp, kể cả trong lực lượng vũ trang, trong các đoàn thể quân chủng và các địa phương.

Những năm tới, đất nước ta vẫn vừa có hoà bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh... Nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ

trang nhân dân hùng mạnh, chính quy, hiện đại, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh để bảo vệ sự nghiệp xây dựng Tổ quốc vẫn là một yêu cầu hết sức cấp bách, lớn lao. Tình hình mới đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân vừa phải làm tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng đất nước, vừa phải ra sức chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân hùng mạnh, có sức chiến đấu cao với chất lượng tổng hợp, sẵn sàng đánh thắng mọi hành động xâm lược của kẻ thù, bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Để đáp ứng tình hình đó, theo đề nghị của Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng, Ban Bí thư quyết định cho tiếp tục thực hiện cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" của lực lượng vũ trang nhân dân trong hai năm 1981-1982, theo 3 nội dung lớn và 5 mục tiêu đã được xác định trong Chỉ thị số 58-CT/TW, ngày 8-12-1978, với yêu cầu mới cụ thể sau đây:

1. Ý chí mạnh, trách nhiệm cao, kỷ luật nghiêm, đoàn kết tốt: Tin tưởng, kiên định, vững vàng trong mọi tình huống, kiên quyết bảo vệ và thực hiện đúng đắn đường lối, nhiệm vụ cách mạng; nêu cao tinh thần trách nhiệm hoàn thành tốt chức trách và nhiệm vụ được giao; mài sắc cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù; cùng với các lực lượng khác, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng xả thân chiến đấu hy sinh giành thắng lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đề cao tính tổ chức, tính kỷ luật, nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, *Hiến pháp* và pháp luật của Nhà nước, mệnh lệnh của người chỉ huy, thực hiện toàn quân hành động theo điều lệnh. Cấp trên và cấp dưới, cán bộ và

chiến sĩ thật sự thương yêu và tôn trọng nhau.

Khắc phục các biểu hiện hoài nghi, thiếu tin tưởng đối với đường lối, chính sách, thoái thác hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện chức trách, trong việc chấp hành các nhiệm vụ. Kiên quyết chấm dứt các hiện tượng xâm phạm tài sản của Nhà nước, của quân đội, của nhân dân; chấm dứt tệ quân phiệt, úc hiếp quần chúng và hạn chế đến mức thấp nhất nạn đàm ngũ, bỏ ngũ.

2. Nâng cao ý thức và năng lực làm chủ vũ khí, trang bị, xe máy, vật tư, nhiên liệu và các cơ sở vật chất - kỹ thuật khác. Thực hiện nghiêm ngặt các quy định, các chế độ quản lý, giữ gìn, sử dụng, sửa chữa, bảo đảm an toàn, sử dụng thành thạo, đạt hiệu quả cao trong chiến đấu, trong sản xuất quốc phòng và trong xây dựng kinh tế; thực hành tiết kiệm nghiêm ngặt trong việc sử dụng vật tư, nhiên liệu, lương thực, tài chính, lao động. Chấm dứt các hiện tượng tham ô, lấy cắp, phá hoại, làm cháy nổ, dùng bừa, dùng ẩu, để hú hỏng, mất mát, lãng phí vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật và mọi tài sản khác của quân đội.

3. Nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, tổ chức, chỉ huy, quản lý, xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh.

- Đối với cán bộ: trước hết, nâng cao trình độ và năng lực chỉ đạo, tổ chức chỉ huy chiến đấu hiệp đồng binh chủng, nâng cao năng lực giáo dục huấn luyện, quản lý bộ đội, quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật và nâng cao năng lực nghiệp vụ. Ra sức trau dồi phẩm chất và nêu gương tốt về phẩm chất, đạo đức cho cấp dưới.

- Đối với chiến sĩ: rèn luyện bản lĩnh chiến đấu, nấm vững kỹ thuật, chiến thuật, nghiệp vụ, chuyên môn và làm

tốt chức trách trong mọi hoàn cảnh; hiểu biết kỹ, sử dụng thành thạo và giữ gìn tốt vũ khí, phương tiện kỹ thuật.

- Đối với công nhân, nhân viên quốc phòng và bộ đội làm kinh tế: làm việc có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất, có hiệu quả kinh tế cao.

- Đối với các tổ chức, nhất là tổ chức cơ sở: thường xuyên kiện toàn, bảo đảm có đủ cán bộ và chiến sĩ theo biên chế; quy định rõ và làm đúng chức trách, đúng điều lệnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không còn đơn vị yếu kém.

4. Đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế tốt

- Tôn trọng và bảo vệ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, tài sản và tính mạng của nhân dân. Tôn trọng chính quyền, chấp hành nghiêm chỉnh *Hiến pháp*, pháp luật của Nhà nước và kỷ luật trong quan hệ với nhân dân và chính quyền các cấp. Toàn quân nêu gương "anh bộ đội cụ Hồ" ở mọi nơi, mọi lúc, trong đời sống xã hội, thực sự được dân tin, dân yêu, dân quý.

- Tăng cường đoàn kết liên minh chiến đấu với Lào, Campuchia, hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Giữ nghiêm kỷ luật trong quan hệ với chính quyền, quân đội và nhân dân bạn. Chân thành và thật sự học tập, tiếp thu sáng tạo sự giúp đỡ của chuyên gia bạn. Hết sức tôn trọng và giúp đỡ bạn Lào, bạn Campuchia. Tôn trọng luật pháp, phong tục tập quán, tín ngưỡng của bạn. Chống mọi âm mưu và thủ đoạn chia rẽ, phá hoại đoàn kết của kẻ thù.

5. Tổ chức tốt đời sống vật chất, tinh thần và văn hoá của bộ đội

Khắc phục mọi khó khăn, bảo đảm đến tận chiến sĩ các quyền lợi và tiêu chuẩn đã quy định; kiên quyết chống tham ô, xâm phạm quyền lợi và tiêu chuẩn của chiến sĩ. Tăng

cường giáo dục chính trị, tư tưởng, phát huy mạnh mẽ ý thức tự lực tự cường. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, tiết kiệm tiêu dùng để giữ vững và cải thiện đời sống, xây dựng cuộc sống vui tươi, lạc quan, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh.

Để thực hiện tốt cuộc vận động này, các cấp, các đơn vị trong lực lượng vũ trang nhân dân cần:

- Tổ chức làm quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, mục tiêu của cuộc vận động trong 2 năm 1981-1982 đến từng cấp, từng người, trước hết là trong cấp uỷ đảng và người chỉ huy. Từng cấp, từng đơn vị, từng người phải có chương trình, kế hoạch hành động, có chỉ tiêu, biện pháp phấn đấu cụ thể, sát hợp với điều kiện và nhiệm vụ của đơn vị.

- Đề cao trách nhiệm của cấp uỷ đảng, của người chỉ huy và các cơ quan trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện; hết sức chú trọng bồi dưỡng, nâng cao trình độ và năng lực về mọi mặt của cán bộ, bảo đảm làm tốt công việc được giao. Phải khéo kết hợp các công việc của cơ quan, đơn vị để tránh chồng chéo, giảm bận rộn cho cấp dưới và đơn vị dưới.

- Chủ động liên hệ với các ngành, các đoàn thể, các địa phương, có kế hoạch phối hợp và giúp đỡ nhau trong khi tiến hành cuộc vận động này.

Quân uỷ Trung ương, Bộ Quốc phòng có kế hoạch hướng dẫn và chỉ đạo cuộc vận động này trong quân đội.

Kết hợp với cuộc vận động "Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu" của quân đội và cuộc vận động "Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh", trong 2 năm 1981-1982, các ngành, các đoàn thể và các địa phương tiến hành cuộc vận động, tập trung vào mục tiêu "quân dân một ý chí, toàn dân xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc".

Các ngành, các đoàn thể và các địa phương cần kiểm điểm, rút kinh nghiệm việc chấp hành Chỉ thị số 58-CT/TW¹⁾ và Chỉ thị số 92-CT/TW²⁾ trong thời gian qua, có kế hoạch tiến hành cuộc vận động này trong ngành, đoàn thể và địa phương mình trong 2 năm tới. Chủ động liên hệ và phối hợp chặt chẽ với các đơn vị quân đội, tiếp tục làm tốt các việc tuyển quân, thực hiện nghĩa vụ quân sự, huấn luyện quân dự bị, củng cố dân quân tự vệ, giáo dục thể thao và kỹ thuật quốc phòng, xây dựng huyệ pháo đài, xây dựng tuyến phòng thủ ở biên giới, ven biển, bảo vệ trật tự trị an, thực hiện các chính sách hậu phương đối với lực lượng vũ trang nhân dân, v.v..

Ban Dân vận Trung ương cùng các đoàn thể ở trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi cuộc vận động này trong các đoàn thể ở các địa phương.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng, cán bộ chỉ huy các cấp trong quân đội, các ngành, các đoàn thể, các địa phương nâng cao hơn nữa trách nhiệm đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tăng cường chủ động, đoàn kết, phối hợp chặt chẽ, khắc phục khó khăn để thực hiện thắng lợi cuộc vận động này trong 2 năm 1981-1982. Từng thời kỳ, cần sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

1) Xem: *Sđd*, t. 39, tr. 485.

2) Xem: *Sđd*, t. 41, tr. 181.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 03-TB/TW, ngày 10 tháng 2 năm 1981

**Về việc đồng chí Phạm Hùng làm Trưởng ban
Chỉ đạo đấu tranh chống ăn cắp, hối lộ, ức hiếp
quần chúng**

Ban Bí thư thông báo để các cấp, các ngành biết:

Đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ, đã được Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ phân công làm Trưởng ban Chỉ đạo đấu tranh chống ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng (gọi tắt là Ban chỉ đạo 79) thay đồng chí Đỗ Mười.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 36-NQ/TW, ngày 24 tháng 2 năm 1981

**Về những nhiệm vụ trước mắt của công tác
tư tưởng**

Nhằm nâng cao trình độ chính trị và tư tưởng, tăng cường đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trước mắt, Ban Bí thư ra nghị quyết này về công tác tư tưởng.

**I- TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN
VÀ QUẦN CHÚNG NHÂN DÂN**

Hơn 35 năm qua, trải qua Cách mạng Tháng Tám và các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chống... và trải qua công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế, văn hoá, xã hội, dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng, nhân dân và quân đội ta đã chiến đấu anh dũng, giành được hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, giải phóng nước nhà, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp cách mạng của hai dân tộc anh em Lào và

Campuchia, thúc đẩy cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân trên toàn thế giới. Những thắng lợi lịch sử có tính chất thời đại đó tạo ra cho chúng ta sức mạnh chưa từng thấy. Sự hợp tác toàn diện với Liên Xô, với Lào, Campuchia và các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa nâng cao thế và lực của cách mạng nước ta và góp phần tăng cường sức mạnh của cả ba dòng thác cách mạng trên thế giới, làm cho thế lực của bọn đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ suy yếu.

Nguyên nhân chủ yếu những thắng lợi của cách mạng Việt Nam 35 năm qua, là do đường lối đối nội và đối ngoại đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta, chính đảng cách mạng duy nhất của giai cấp công nhân và dân tộc ta được Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và giáo dục; do lòng thiết tha yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần đoàn kết chiến đấu anh dũng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Sự giúp đỡ quốc tế của các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và các dân tộc yêu chuộng tự do là nguyên nhân quan trọng của thắng lợi.

Nước nhà hoàn toàn độc lập, thống nhất, tiến lên chủ nghĩa xã hội là bước ngoặt lịch sử lớn nhất từ trước đến nay của cách mạng nước ta.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc đấu tranh sâu sắc và khó khăn nhất giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, là cuộc cách mạng làm thay đổi mọi mặt đời sống xã hội, từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng. Trong khi tiến hành cuộc cách mạng đó, chúng ta phải chống lại... âm mưu xâm lược và thôn tính nước ta.

Trước tình hình cách mạng chuyển giai đoạn, Đảng ta đã

tăng cường công tác tư tưởng trong toàn Đảng và toàn dân, tiến hành những cuộc giáo dục rộng lớn về thắng lợi của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhất là thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, về đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng hàng chục vạn cán bộ, giáo dục hàng triệu quần chúng. Hệ thống công tác tư tưởng và văn hoá đã được xây dựng nhanh chóng trong cả nước và hoạt động có hiệu quả. Cũng như trong giai đoạn trước đây, công tác tư tưởng trong thời gian vừa qua đã góp phần vào thắng lợi chung của cách mạng.

Cách mạng nước ta đang đứng trước những thuận lợi rất cơ bản, đồng thời, trên con đường đi lên, cũng phải đương đầu với những khó khăn rất gay gắt, nhất là những khó khăn về kinh tế và đời sống nhân dân, do hậu quả của chiến tranh lâu dài, và do những nhược điểm, khuyết điểm của ta gây nên. Những kẻ thù của cách mạng nước ta lại câu kết với nhau lợi dụng tình hình khó khăn, phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Trước những thử thách mới, số đông cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân vẫn vững vàng, chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, anh dũng phấn đấu đưa đất nước tiến lên. Được rèn luyện trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, phần đông đảng viên và quần chúng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và tiền đồ của Tổ quốc. Lòng tin của mọi người đối với Đảng và chế độ có cơ sở vững chắc. Nhưng mặt khác, những khó khăn của bước phát triển mới tác động đến tình hình tư tưởng trong Đảng cũng như ngoài xã hội. Hiện tượng phổ biến của nhiều người nói trên là phân vân đối với chủ trương, chính sách kinh tế, nhất là đối với việc tổ chức thực

hiện đường lối, chính sách và khắc phục những hiện tượng tiêu cực. Sức chiến đấu, nhiệt tình cách mạng có phần bị giảm sút. Thậm chí có một số cán bộ hoài nghi, bi quan, dao động cả về đường lối, và không đủ dũng khí vượt qua khó khăn, gian khổ.

Hiện tượng khá nghiêm trọng là một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có cả những người có cương vị phụ trách ở các cấp, các ngành biến chất, phạm tội. *Tham ô, hối lộ, chuyên quyền, độc đoán, nịnh trên, nạt dưới, xa rời thực tế và quần chúng, tự do chủ nghĩa, vô kỷ luật, vô trách nhiệm, chia rẽ, bè phái* là những bệnh nguy hiểm đang lan rộng, làm giảm uy tín của Đảng và chế độ, làm trì trệ mọi mặt công tác của ta, làm cho tình hình kinh tế thêm trầm trọng, gây không ít tổn thất cho cách mạng.

Nhiều vấn đề về đời sống nhân dân và tư tưởng của quần chúng cần phải quan tâm và giải quyết. Đời sống của đồng bào vùng nông thôn nói chung ổn định và được cải thiện một phần, trừ những vùng bị thiên tai nặng. Trái lại, ở các thành phố, nhất là cán bộ, công nhân và những người lao động trí óc, đời sống khó khăn gay gắt. Đây là một vấn đề rất lớn vì giai cấp công nhân là trụ cột của cách mạng đang sản xuất một nửa giá trị của cải xã hội, và trí thức xã hội chủ nghĩa, nòng cốt đội quân chủ lực của cách mạng khoa học - kỹ thuật, đang phải sống chật vật vì tiền lương ít ỏi. Sản xuất công nghiệp và hoạt động khoa học, văn hoá bị giảm sút sê ảnh hưởng trực tiếp đến nông nghiệp. Trước những khó khăn về kinh tế và đời sống, những tệ lậu xã hội phát triển, nhất là trong tầng lớp thanh niên và thiếu niên. Một bộ phận quần chúng mất lòng tin đối với chế độ xã hội chủ nghĩa, bỏ chạy

ra nước ngoài.

Những hiện tượng không lành mạnh nói trên, có nhiều nguyên nhân:

Nguyên nhân khách quan:

1. Công cuộc xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa trong bước đi trước mắt có nhiều khó khăn. Chúng ta lại phải đổi phó với một cuộc chiến tranh mới và tăng cường lực lượng quốc phòng.

2. Chúng ta chưa đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

3. Sau hơn 30 năm chiến tranh, nguyện vọng tha thiết của quần chúng là muốn hoà bình, có đời sống dễ chịu hơn và muốn được nghỉ ngơi. Những nguyện vọng đó là chính đáng nhưng chưa được đáp ứng.

4. Trong xã hội còn tồn tại nền sản xuất nhỏ, tư tưởng nông dân, tâm lý dao động tiểu tư sản còn phổ biến. Những tàn dư tư tưởng phong kiến, tư tưởng tư sản, những nọc độc của chế độ thực dân mới, lối sống sa đọa ảnh hưởng đến tư tưởng và lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng.

5. Dịch lợi dụng khó khăn, thiếu sót của ta tiến hành hoạt động phá hoại và chiến tranh tâm lý, phá hoại về tư tưởng đối với cán bộ và thanh niên, kích động chống đối.

Nguyên nhân chủ quan:

1. Chúng ta đánh giá không đầy đủ tình hình khó khăn và phức tạp về mọi mặt sau khi cả nước được giải phóng, nhất là tình hình kinh tế và đời sống nhân dân, nhấn mạnh một chiều thuận lợi và tiềm năng, do đó, có biểu hiện nóng vội về chủ trương cải tạo và phát triển kinh tế, thể hiện trong việc bố trí kế hoạch nhà nước, nhất là trong việc đầu tư cho

xây dựng cơ bản, đồng thời lại có những khuyết điểm kéo dài trong công tác phân phối, lưu thông và quản lý kinh tế. Những thiếu sót và sai lầm đó ảnh hưởng đến đời sống của cán bộ và quần chúng, làm cho tình hình tư tưởng diễn biến phức tạp.

2. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên sống trong xã hội mà nền sản xuất nhỏ còn là phổi biển, tuy được giáo dục, rèn luyện nhiều trong đấu tranh cách mạng, nhất là trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, nhưng một số đông chưa được giáo dục sâu sắc về cách mạng xã hội chủ nghĩa, chưa khắc phục được tư tưởng, tâm lý, tập quán tiểu tư sản của người sản xuất nhỏ như thiếu vắng vàng, tư lợi, tự do tản漫, kém ý thức tổ chức và kỷ luật... Những lúc cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra gay gắt, quyết liệt, những nhược điểm đó càng bộc lộ, đi đến bấp bênh, dao động, có những người tự buông thả theo chủ nghĩa cá nhân, không giữ vững phẩm chất của người cộng sản.

3. Bước sang giai đoạn mới, công tác tư tưởng của chúng ta có nhiều nhược điểm và khuyết điểm. Công tác tư tưởng không vươn lên kịp sự phát triển của cách mạng, giáo dục xã hội chủ nghĩa, giáo dục về đấu tranh giữa hai con đường còn yếu. Công tác tư tưởng không kịp thời giải quyết những vấn đề mới xuất hiện, đồng thời lỏng lẻo, hữu khuynh, không chủ động ngăn ngừa và không kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực trong Đảng và trong xã hội.

Công tác tư tưởng cũng đi theo phương hướng nóng vội, thường nêu thuận lợi và thành tích một chiều (tuy vậy vẫn chưa giải thích được tâm vóc của thắng lợi một cách sâu sắc, có sức thuyết phục mạnh); mặt khác, chưa phân tích đầy đủ

mọi mặt khó khăn cho đảng viên và quần chúng, không kịp thời nắm vững sự diễn biến của tình hình và phát hiện kịp thời những hiện tượng mất cân đối của nền kinh tế quốc dân. Công tác tư tưởng thiếu tính chiến đấu, thiếu chủ động và chưa sắc bén, chưa thật sự đi sát công tác kinh tế và đời sống nhân dân, không sát với từng đối tượng. Cấp uỷ không thật sự lãnh đạo và tự mình làm công tác tư tưởng. Công tác tư tưởng chưa gắn liền với công tác tổ chức, do đó, không sử dụng được các tổ chức để làm công tác tư tưởng ở mọi ngành, mọi cấp một cách thường xuyên, không làm cho tất cả các tổ chức đều làm công tác tư tưởng. Bộ máy làm công tác tư tưởng còn yếu và tổ chức chưa hợp lý. Cơ sở vật chất của toàn bộ công tác tuyên truyền, giáo dục, văn hoá, văn nghệ còn nhỏ bé và lạc hậu.

4. Công tác đánh địch trên mặt trận tư tưởng bị buông lỏng. Âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù trên mặt trận tư tưởng rất thâm hiểm. Hằng ngày, chúng dùng đủ mọi phương tiện để tuyên truyền chống phá cách mạng. Lẽ ra, công việc đánh địch trên mặt trận tư tưởng phải tiến hành trên cả hai mặt ở trong nước và ở nước ngoài, phải kịp thời chống lại những luận điệu phản tuyên truyền của chúng, chủ động tiến công chúng hằng ngày, hằng giờ, làm thất bại chiến tranh tâm lý của chúng; nhưng chúng ta chưa đủ cảnh giác và cách đối phó của ta còn phân tán, bị động.

5. Công tác tổ chức không bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị cũng ảnh hưởng đến công tác tư tưởng. Công tác tổ chức của ta, nhất là khâu tổ chức bộ máy và cán bộ theo lối hành chính bao cấp cũ kỹ và bảo thủ. Công tác tổ chức và công tác tư tưởng của Đảng chưa gắn liền với nhau, hoạt

động theo cùng một phương hướng, mục tiêu dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ.

II - TÌNH HÌNH VÀ NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

Năm năm vừa qua là một thời gian ngắn ngủi, lại có địch họa, thiên tai, khó khăn cũ chưa kịp khắc phục, khó khăn mới đã xuất hiện, song cách mạng Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển và giành được những thắng lợi to lớn. Chúng ta đã thiết lập được nền chuyên chính vô sản trong cả nước, đạt được nhiều thành tựu trong việc hàn gắn những vết thương chiến tranh, đổi phó có hiệu quả với thiên tai, khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hoá. Các giai cấp bóc lột ở miền Nam đã căn bản bị xoá bỏ. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội được đẩy mạnh. Nhân dân và quân đội ta đã đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược ở hai đầu biên giới..., bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta, làm tròn nghĩa vụ quốc tế với Campuchia và Lào, tăng cường đoàn kết, hợp tác với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Nhưng chúng ta chưa bao giờ lại đứng trước những khó khăn lớn về kinh tế và đời sống nhân dân như hiện nay: sản xuất phát triển chậm, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế giảm sút, các mặt mêt cân đối trong nền kinh tế quốc dân ngày càng nghiêm trọng.

Tình hình phức tạp nói trên có nhiều nguyên nhân. Trước hết là do nền kinh tế sản xuất nhỏ của ta vốn chưa đủ sức đáp ứng được những nhu cầu nhiều mặt của xã hội, lại bị chiến tranh tàn phá. Nhịp độ tăng dân số quá nhanh làm cho

mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng càng gay gắt. Sau chiến tranh, nguồn viện trợ không còn nữa, chúng ta phải tự mình trang trải nhiều nhu cầu mới. Vì có nguy cơ chiến tranh mới, phải không ngừng tăng cường quốc phòng. Vì thiên tai liên tiếp, phải nhập nhiều lương thực trong khi khả năng xuất khẩu còn rất hạn chế.

Chúng ta có nhiều khuyết điểm và sai lầm trong công tác quản lý kinh tế và quản lý xã hội. Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối phát triển kinh tế do Đại hội lần thứ IV của Đảng vạch ra là hoàn toàn đúng đắn. Do chưa nắm vững quy luật và tình hình thực tế, việc vận dụng đường lối để bố trí kế hoạch nhà nước còn chủ quan, chưa chính xác, vượt quá khả năng hiện thực, nhất là bố trí vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản. Trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, có khuynh hướng đơn giản, nôn nóng, làm ào àt, không kết hợp cải tạo với xây dựng, muốn đi sớm đến những hình thức cao, quy mô lớn, không áp dụng những hình thức phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, với năng lực quản lý của cán bộ và sự giác ngộ của quần chúng. Việc củng cố quan hệ sản xuất mới ở nông thôn miền Bắc cũng có hiện tượng nồng vội, đưa quá nhanh hợp tác xã lên quy mô toàn xã. Trong phân phối, lưu thông, sai lầm lớn nhất là giữ hệ thống giá không biến đổi bao nhiêu suốt 20 năm trong khi những căn cứ của việc hình thành giá cả đã thay đổi rất nhiều, do đó, hệ thống giá không có tác dụng đòn bẩy khuyến khích tăng năng suất lao động và hiệu quả kinh tế, không làm được chức năng là công cụ phân phối thu nhập quốc dân theo đường lối, chính sách của Đảng và kế hoạch của Nhà nước; mặt khác, hữu khuynh trong công tác thu

thuế và thu nợ, buông lỏng công tác quản lý thị trường. Vì vậy, cản trở sản xuất và lưu thông, làm cho ngân sách nhà nước phải bù lỗ ngày càng nhiều. Về phương thức quản lý, vấn đề có tính quyết định trên mặt trận kinh tế hiện nay, sai lầm lớn nhất là duy trì chế độ hành chính quan liêu bao cấp kéo dài, vừa gò bó, trói buộc, vừa gây tâm lý ỷ lại, không khuyến khích tinh thần chủ động sáng tạo của các ngành, các địa phương và đơn vị sản xuất, kinh doanh...

Những sai lầm nói trên chậm được sửa chữa vì cán bộ lãnh đạo ít đi sát tình hình thực tế, ít lắng nghe ý kiến của quần chúng, dẫn đến tình trạng nhiều chỉ tiêu của kế hoạch nhà nước chỉ thực hiện được một nửa hoặc thấp hơn.

Để khắc phục tình hình đó, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã nhiều lần phân tích, kiểm điểm, tìm nguyên nhân và đề ra nhiều nghị quyết quan trọng như *Nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ kinh tế cấp bách, Nghị quyết về cải tiến công tác phân phối, lưu thông, Nghị quyết về công tác tổ chức, Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ công tác kinh tế và xã hội năm 1981* và nhiều nghị quyết khác. Do có chủ trương và chính sách đúng, đảm bảo mối quan hệ hợp lý giữa lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và lợi ích của người lao động, tình hình sản xuất, lưu thông, phân phối bước đầu có chuyển biến tốt, đồng thời cũng nảy sinh ra một số mắc mussy và lêch lạc mới có tính chất hữu khuynh chưa kịp thời sửa chữa. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh hiện nay, chưa có điều kiện nhanh chóng giải quyết những vấn đề cơ bản của sản xuất và đời sống nhân dân. Trong công nghiệp, năng lượng, nguyên liệu, phụ tùng thay thế... phần lớn phụ thuộc vào nước ngoài. Trong nông nghiệp, thuỷ lợi, phân hoá

học, thuốc trừ sâu, công cụ phụ thuộc vào sự phát triển của công nghiệp. Trong phân phôi, lưu thông, khối lượng hàng hoá trong tay Nhà nước chưa nhiều. Về tổ chức và quản lý kinh tế, chúng ta bắt đầu sửa đổi theo phương hướng những nghị quyết mới nhưng phải có sự cố gắng liên tục vài năm mới có thể thay đổi hẳn tình hình. May mắn trước mắt, khó khăn vẫn còn lớn. Những hiện tượng tiêu cực trong xã hội có thể còn tiếp tục diễn ra. Tư tưởng quần chúng có thể còn diễn biến phức tạp. Do đó, công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác an ninh còn phải cố gắng rất nhiều. Vừa qua, công tác tổ chức và công tác an ninh có nhiều khuyết điểm (như Nghị quyết của Bộ Chính trị đã nói rõ) và cũng ảnh hưởng nhiều đến kinh tế và đời sống quần chúng, cho nên công tác tư tưởng, công tác tổ chức và công tác an ninh trong thời gian tới phải nỗ lực góp phần ổn định và tạo ra một sự chuyển biến tốt.

Chúng ta lại phải sẵn sàng đối phó với nguy cơ chiến tranh...

Trong cuộc đấu tranh phức tạp chống kẻ thù để bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc ta, sự liên minh giữa Việt Nam, Lào, Campuchia là một bộ phận quan trọng trong chiến lược cách mạng của ta.

Tình hình quốc tế ngày nay khác hẳn thời kỳ từ Chiến tranh thế giới lần thứ hai trở về trước. Trong thời gian đó, mâu thuẫn gay gắt nhất là mâu thuẫn giữa các đế quốc với nhau. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đã hình thành và ngày càng lớn mạnh; phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ; cuộc đấu tranh cho dân sinh, dân chủ sôi nổi ở các nước tư bản chủ

nghĩa. Mâu thuẫn cơ bản nỗi bật lên là mâu thuẫn giữa hai hệ thống kinh tế xã hội đối lập: xã hội chủ nghĩa và đế quốc chủ nghĩa, đồng thời cũng là mâu thuẫn giữa ba dòng thác cách mạng với chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động khác. Mâu thuẫn này diễn ra ở nhiều khu vực bằng những cuộc chiến tranh cục bộ, nổ ra liên tiếp suốt 35 năm nay, như ở Đông - Nam Á, châu Phi, Trung Đông, Mỹ Latinh. Mỗi cuộc chiến tranh đó đều có sự tham gia hoặc nhiều hoặc ít, trực tiếp hoặc gián tiếp của hai lực lượng đối lập chủ yếu là chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa đế quốc, mà cuộc đụng đầu lớn nhất, căng thẳng nhất, lâu dài nhất là cuộc chiến tranh ở ba nước Đông Dương. Trong quá trình đấu tranh ấy, mỗi lực lượng đối lập đều có biến động. Về phía cách mạng, trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, sự phân hoá lớn nhất là... Tình hình Ba Lan hiện đang diễn biến phức tạp. Trong các nước không liên kết từ khối ASEAN, khối Ả Rập, khối châu Phi, khối Hồi giáo, khối Mỹ Latinh cũng đều có phân hoá. Một số nước tích cực đấu tranh cho hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội, một số khác đi theo con đường trung gian, một số khác nữa đi theo bọn đế quốc. Phong trào công nhân và phong trào cộng sản cũng bị chia rẽ và xuất hiện những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa...

Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, đã lâm vào một thời kỳ tổng khủng hoảng sâu sắc và toàn diện. Sau thất bại ở Đông Dương, đế quốc Mỹ, tên xâm lược và phản động đầu sỏ, ngày càng suy yếu, không còn đủ sức giữ vai trò sen đầm quốc tế. Sau một thời kỳ phát triển, Nhật Bản, Tây Đức và các nước Tây Âu khác cũng không tránh khỏi khủng hoảng. Mỗi nước đều tìm

lối thoát riêng rẽ và cạnh tranh với nhau khá gay gắt, mặc dù chúng cùng nhau liên minh chống chủ nghĩa xã hội.

.....

Lực lượng tổng hợp của ba dòng thác cách mạng của thời đại đã mạnh hơn... Chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đã yếu đi hơn trước rất nhiều, địa bàn hoạt động của chúng ngày càng bị thu hẹp. Các lực lượng cách mạng rõ ràng đã ở thế tiến công chiến lược, trái lại, chủ nghĩa đế quốc đang lùi sâu vào thế phòng ngự.

Nhằm cố giữ để khỏi mất thêm những vị trí mới và cố giành lại những vị trí đã mất, chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế ráo riết tập hợp lực lượng, chạy đua vũ trang, gây lại chiến tranh lạnh, phản kích điên cuồng. Cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi thế giới đang diễn ra hết sức phức tạp, nhưng khả năng cung cố hoà bình, ngăn ngừa chiến tranh thế giới ngày càng lớn hơn, mặc dù phải săn sàng làm thất bại âm mưu gây chiến của bọn đế quốc. Hoà bình là điều kiện phát triển của các lực lượng cách mạng và rất cần thiết đối với các nước xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc đấu tranh này, Liên Xô luôn luôn là trụ cột của các lực lượng cách mạng và yêu chuộng hoà bình. Vai trò của Liên Xô đối với cách mạng và hoà bình thế giới vô cùng to lớn. Lịch sử hơn nửa thế kỷ vừa qua chứng minh mọi thắng lợi của cách mạng ở tất cả các lực địa đều gắn liền với sự lớn mạnh của Liên Xô.

Đường lối quốc tế của chúng ta là luôn luôn giữ vững sự liên minh giữa ba nước Đông Dương, hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác..., đồng thời góp phần xứng đáng của mình vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới. Chúng ta cũng cần khai thác mâu thuẫn

trong hàng ngũ kẻ thù nhằm làm suy yếu chúng và tập trung mũi nhọn vào kẻ thù nguy hiểm nhất...

Trước tình hình vừa có hoà bình, vừa có thể lại xảy ra chiến tranh, Đại hội lần thứ IV của Đảng và các hội nghị Trung ương sau đó đã đề ra ba nhiệm vụ chiến lược phải đồng thời thực hiện là:

1. Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trong cả nước, lấy công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa làm nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ. Đẩy mạnh sản xuất, cải tiến phân phối, lưu thông, cải tiến quản lý kinh tế để ổn định và phát triển kinh tế, tiến lên từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam một cách vững chắc, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

2. Tăng cường lực lượng quốc phòng và an ninh, sẵn sàng bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chống mọi âm mưu và hành động phá hoại và xâm lược...

3. Làm tròn nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia; đoàn kết, hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Để bảo đảm hoàn thành những nhiệm vụ nói trên, phải không ngừng tăng cường sức chiến đấu của Đảng và toàn bộ hệ thống chuyên chính vô sản, xây dựng cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong các tổ chức cách mạng, trước hết là trong các cơ quan của Đảng và Nhà nước, đẩy mạnh phong

trào cách mạng của quần chúng, thực hiện ba nhiệm vụ cấp bách là ổn định và phát triển sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, tăng cường lực lượng quốc phòng và an ninh, sẵn sàng chiến đấu chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc; kiên quyết đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế và đời sống xã hội.

Chúng ta có đầy đủ khả năng thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trên đây, vì:

1. Đường lối cách mạng của Đảng ta đúng đắn. Thực tiễn cách mạng 5 năm vừa qua giúp chúng ta đánh giá đúng tình hình, hiểu rõ hơn những vấn đề của quá trình mới, của bước đi hiện nay, thấy rõ hơn những khả năng hiện thực, do đó, đề ra được những phương hướng, chủ trương, biện pháp đúng đắn, thích hợp, thể hiện trong các nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị. Những nghị quyết đó bước đầu phát huy tác dụng đối với sản xuất và đời sống nhân dân. Cùng với các nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế và xã hội, Bộ Chính trị đã có các nghị quyết về công tác tổ chức, công tác an ninh, và lần này nghị quyết của Ban Bí thư về công tác tư tưởng, nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách, bảo đảm việc thực hiện những nhiệm vụ chính trị trong vài ba năm trước mắt. Chúng ta đang tổng kết công tác kinh tế 5 năm vừa qua nhằm rút ra kinh nghiệm xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ ba.

Chúng ta không có ảo tưởng nhanh chóng xoay chuyển tình hình, nhưng, với phương hướng và chủ trương đúng, tổ chức và cách làm đúng, nhất định sẽ khắc phục được khó khăn tạm thời, đưa sự nghiệp cách mạng của nước ta tiếp tục tiến lên.

2. Nước ta có một tiềm lực kinh tế phong phú và đa dạng, lại có một lực lượng lao động dồi dào, cần cù và sáng tạo. Đó là một điều kiện vô cùng quan trọng để chúng ta xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

3- Cán bộ, đảng viên ta có nhiều băn khoăn, lo lắng, thậm chí một số sa đọa, biến chất, nhưng nói chung, đã được rèn luyện, thử thách trong cuộc chiến đấu lâu dài, trung thành với Đảng và chế độ, chịu đựng gian khổ, hy sinh, có ý chí vươn lên và có nhiều tiến bộ mới. Quần chúng nhân dân ta giàu tinh thần cách mạng và tài năng sáng tạo.

Trong các quá trình trước đây, kể cả những lúc có nhiều khó khăn, mỗi lần xác định được phương hướng phát triển đúng là cách mạng lại vươn lên mạnh mẽ. Lần này cũng vậy, tình hình bước đầu có chuyển biến, khí thế cách mạng của quần chúng đã xuất hiện.

4. Hợp tác quốc tế với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đang từng bước mở rộng. Cùng với những giúp đỡ về vật chất và kỹ thuật, các nước anh em tận tình giúp ta nhiều kinh nghiệm về tổ chức, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

III- NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Công tác tư tưởng phải quán triệt đường lối cách mạng của Đảng, bồi dưỡng tư tưởng cách mạng và tính chiến đấu của cán bộ, đảng viên, bồi dưỡng khí thế cách mạng của quần chúng, khắc phục những hiện tượng tiêu cực. Công tác tư tưởng có kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức, với việc tổ chức thực hiện từng mặt công tác cụ thể, khắc phục sai lầm, khuyết điểm về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, phát triển

sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, thì mới có hiệu quả thiết thực.

Công tác tư tưởng trong thời gian trước mắt cần phải tập trung giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Làm cho mọi người có nhận thức thật đúng về tình hình hiện nay.

Nước ta đang tiến lên chủ nghĩa xã hội nhưng sự phát triển của cách mạng không giản đơn, cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa cái mới và cái cũ đang diễn ra gay gắt. Nhận thức đúng đắn tình hình để có phương hướng, chủ trương, biện pháp đúng đắn trong từng bước đi cụ thể là vấn đề hết sức quan trọng. Công tác tư tưởng phải giúp cho mọi người nắm được tình hình thực tế và có phương pháp tư tưởng khoa học, phân tích đầy đủ cả mặt tích cực và mặt tiêu cực, thuận lợi và khó khăn; uốn nắn cách nhìn một chiều, nhấn mạnh một mặt. Chiều hướng sai lầm chủ yếu cần phải khắc phục là nhận định tình hình bi quan, không thấy thuận lợi cơ bản và nhân tố mới.

2. Nhận rõ đúng sai, tìm ra nguyên nhân, xác định phương hướng, giữ vững cái đúng, khắc phục sai lầm.

Công tác của chúng ta 5 năm vừa qua có nhiều thành tích và ưu điểm, đồng thời cũng có khuyết điểm và sai lầm. Điều quan tâm phổ biến và chính đáng của cán bộ, đảng viên là muốn hiểu rõ cái đúng, cái sai, nguyên nhân và phương hướng sửa chữa. Chúng ta cần phải tổng kết công tác, tổng kết kinh nghiệm. Trong bức thư gửi toàn Đảng về việc chuẩn bị Đại hội toàn quốc lần thứ V, Trung ương đã

kêu gọi tất cả các tổ chức đảng tiến hành phê bình và tự phê bình, phân tích đầy đủ mọi mặt công tác của chúng ta từ Đại hội lần thứ IV đến nay và thảo luận những biện pháp có hiệu quả cải tiến công tác, thực hiện thắng lợi những nghị quyết của Đảng và kế hoạch nhà nước năm 1981. Đây là một sinh hoạt tư tưởng quan trọng cần được tiến hành tốt.

3. Trước những khó khăn tạm thời về kinh tế và đời sống nhân dân, tư tưởng hữu khuynh đang có chiều hướng phát triển, trong khi đó, những hiện tượng nóng vội và hiện tượng bảo thủ cũng chưa được khắc phục. Công tác tư tưởng phải *năm vững đường lối của Đảng, chống những biểu hiện khuynh hữu, khuynh "tả" trong việc thực hiện đường lối, chủ trương về kinh tế của Đảng*.

a) *Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng* bao gồm đường lối chung, đường lối phát triển kinh tế và văn hoá, đường lối quốc phòng, đường lối quốc tế là rất đúng đắn. Đó là nguyên nhân quan trọng hàng đầu của thắng lợi to lớn của cách mạng nước ta. Trong việc vận dụng đường lối, chỉ đạo thực hiện, chúng ta chưa làm rõ bước đi cụ thể về những vấn đề như sau:

- Nước ta đang ở bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, với những đặc điểm của nước ta và của thế giới trong thời đại ngày nay. Chúng ta chưa làm rõ về lý luận và chưa thể hiện bằng chủ trương, chính sách cụ thể những vấn đề có tính quy luật của sự phát triển từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, nội dung cụ thể xây dựng chế độ làm chủ tập thể và công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong bước đi trước mắt; chưa xác định cụ thể trong việc tổ

chức thực hiện mối quan hệ giữa cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội (trong cả nước và đối với từng miền), bước đi cụ thể của ba cuộc cách mạng... Làm rõ những vấn đề nói trên để giúp cho việc chỉ đạo cụ thể tránh được những sai sót là điều rất quan trọng.

Để nắm vững được đường lối của Đảng, phải không ngừng nâng cao trình độ lý luận và trình độ hiểu biết thực tiễn của cán bộ, đảng viên.

b) *Về nhiệm vụ kinh tế cụ thể*, chú ý mấy vấn đề sau đây:

- Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng thấm nhuần sâu sắc Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương, Nghị quyết số 26 của Bộ Chính trị, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín của Trung ương về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế và xã hội năm 1981, hiểu đúng những sai sót của chúng ta trong thời gian vừa qua, quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương: xây dựng kế hoạch kinh tế một cách khoa học, sát với khả năng thực tế, thể hiện đúng đường lối của Đảng, cân đối hiện thực, khai thác được nhiều khả năng và đáp ứng được nhiều nhu cầu hợp lý. Cân đối kế hoạch trên ba khâu cơ bản: cả nước, địa phương và cơ sở. Kết hợp kế hoạch hoá với việc sử dụng quan hệ hàng hoá, thị trường, gắn liền kế hoạch với các chính sách đòn bẩy kinh tế. Phải tập trung cố gắng đạt tới những mục tiêu kinh tế chủ yếu một cách đồng bộ và toàn diện. Giáo dục sâu sắc ý thức tổ chức, kỷ luật và tinh thần trách nhiệm, coi trọng hiệu quả sản xuất và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, phải kịp thời uốn nắn lệch lạc.

- Trong sản xuất công nghiệp cũng như nông nghiệp, phải ra sức nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu

quả kinh tế, kiên quyết đấu tranh khắc phục tình trạng tự do chủ nghĩa, vi phạm chế độ quản lý kinh tế mà Chính phủ đã ban hành, vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa, gây ra lãng phí, mất mát. Việc chỉ đạo thực hiện nguyên tắc kết hợp ba lợi ích trong việc khoán sản phẩm phải chặt chẽ, không được xem nhẹ mặt nào, tăng cường khuyến khích lợi ích của người lao động và của tập thể, đồng thời đề phòng khuynh hướng buông lỏng lợi ích của xã hội, làm hại đến quan hệ sản xuất mới. Kịp thời khắc phục những khó khăn mắc mưu do chế độ khoán sản phẩm nẩy sinh ra.

- Trong phân phối, lưu thông, chú ý tiếp tục cải tiến đúng đắn giá cả và tiền lương, củng cố và mở rộng mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, ra sức nắm nguồn hàng trong tay Nhà nước, tăng cường quản lý thị trường và quản lý tiền mặt, tích cực thu thuế và thu nợ, phấn đấu ổn định tài chính và tiền tệ. Phải chống bảo thủ, ngại đổi mới, chậm khắc phục mặt rối ren, trì trệ của công tác phân phối, lưu thông, đồng thời, phải phê phán xu hướng thả lỏng và chạy theo thị trường không có tổ chức làm cho giá cả hỗn loạn.

- Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh cải tạo nông nghiệp ở miền Nam một cách vững chắc, khắc phục khuynh hướng do dự, buông lỏng ở một số nơi; tích cực củng cố chế độ quản lý các hợp tác xã ở miền Bắc cùng với việc thực hiện hình thức khoán sản phẩm.

- Về tổ chức quản lý kinh tế, kiên quyết bãi bỏ lối hành chính quan liêu bao cấp, thực hành phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa (có hạch toán kinh tế); mạnh dạn phân cấp quản lý, chống lối làm việc quan liêu, bảo thủ, trì trệ, gây

nhiều thiệt hại cho sản xuất. Kết hợp tốt ba loại biện pháp, coi trọng hơn nữa biện pháp kinh tế, đồng thời không chút nào xem nhẹ biện pháp giáo dục và biện pháp hành chính, nêu cao kỷ luật trong cán bộ và nhân dân, chuyên chính sắc bén với kẻ thù và phản tử xấu.

- Mau chóng nâng cao trình độ cán bộ về quản lý kinh tế, về ý thức kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước mà *Hiến pháp* mới đã ban hành. Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ phải có kế hoạch và làm tập trung trong vài ba năm để có thể tạo ra một sự chuyển biến thật sự, bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ chính trị đã đề ra. Phải chống tư tưởng sợ khó, sợ khổ, lười học trong cán bộ, đảng viên.

4. Về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, có hiện tượng mất cảnh giác, không thấy hết bản chất phản động và âm mưu sâu độc của địch, buông lỏng chuyên chính và đấu tranh.

Cần giải quyết mấy vấn đề sau đây:

- Làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng hiểu rõ nguyên nhân hai cuộc chiến tranh biên giới, cách giải quyết đúng đắn của Đảng ta, thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của cách mạng nước ta, của ba nước Đông Dương và của cách mạng thế giới là xoá bỏ chế độ diệt chủng, xây dựng một nước Campuchia thật sự độc lập, dân chủ,... củng cố nền độc lập của ba nước Đông Dương. Đập lại những luận điệu của địch vu cáo ta xâm lược và gây chiến, phá vỡ tình hữu nghị Trung - Việt.

.....

- Phải chống chiến tranh tâm lý của địch là một vấn đề thường xuyên, liên tục. Chiến tranh tâm lý của địch là một hình thức tuyên truyền kích động bằng những câu chuyện và

ca dao, hò vè, rỉ tai truyền miệng cho nhau hoặc tờ rơi bịa đặt và xuyên tạc những chủ trương, chính sách của ta hoặc lợi dụng những sơ hở, thiếu sót của ta để kích động, gây tâm lý hoang mang, thiếu tin tưởng nhất là đối với cán bộ lãnh đạo để hòng làm tan rã hàng ngũ của ta. Để chống lại chiến tranh tâm lý của địch, chúng ta phải phân biệt những người phát ngôn bừa bãi, vô tổ chức với những kẻ địch dụng tâm phá hoại. Đối với những người phát ngôn bừa bãi, thì phải giáo dục để họ biết rõ âm mưu của địch, nhận rõ đúng sai và phải chấp hành đúng kỷ luật tổ chức của Đảng. Mặt khác, phải tìm cho ra kẻ địch để có biện pháp trường trị thích đáng.

- Đi đôi với việc chống chiến tranh tâm lý, chúng ta phải kiên quyết chống địch phá hoại về kinh tế. Âm mưu của chúng là làm cho ta suy yếu đi để dẫn đến những rối ren về chính trị, cho nên các cơ quan, các ngành kinh tế phải hết sức cảnh giác. Những cơ quan có liên quan về công tác bảo vệ kinh tế phải có tổ chức thống nhất để chỉ đạo chống địch về mặt này.

5. Vấn đề hợp tác quốc tế với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa khác là một vấn đề nguyên tắc.

Độc lập, tự chủ và đoàn kết trên tinh thần quốc tế vô sản thống nhất với nhau. Sự đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa và các đảng cộng sản luôn luôn là vấn đề chiến lược quan trọng hàng đầu, là vấn đề sống còn trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động.

Đoàn kết và hợp tác toàn diện trên tinh thần quốc tế vô sản chân chính với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước anh em khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa là nền tảng của đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại của chúng ta. Sự

đoàn kết ấy là điều kiện quan trọng đối với sự an toàn của đất nước ta và bảo đảm sự phát triển của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hiện nay kẻ thù đang tập trung phá hoại sự đoàn kết quốc tế đó.

Trong phong trào cộng sản quốc tế đang tồn tại khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa tư sản và tiểu tư sản. Đó là những khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa cần được đấu tranh, phê phán vì chúng đều xa rời lập trường của giai cấp vô sản là gắn liền chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế... Họ xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê nin, hùa theo luận điệu của giai cấp tư sản chống đường lối đúng đắn của Liên Xô và Việt Nam, nhất là trên các vấn đề quốc tế, như phản đối Liên Xô giúp Áp gianxtan, phản đối Việt Nam giúp Campuchia.

6. Kiên quyết chống những luận điệu tuyên truyền phản động của địch, những tư tưởng chống cộng sản trên phạm vi quốc tế. Cuộc đấu tranh giai cấp trên phạm vi quốc tế đang diễn ra rất gay gắt. Các thế lực đế quốc và phản động đang diên cuồng chống Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Chúng vu khống các nước xã hội chủ nghĩa là bành trướng, xâm lược, xâm phạm nhân quyền; chúng ra sức phản tuyên truyền Việt Nam là tiểu bá, là xâm lược, ra sức xuyên tạc tình hình đất nước ta, dựng lên hình ảnh đen tối, dùng sách báo, phim ảnh, thơ ca, hò vè... để bôi xấu chế độ ta. Chúng ta phải phối hợp với các đảng anh em, kiên quyết chống lại những luận điệu phản tuyên truyền đó, mở rộng hoạt động tuyên truyền, cổ động của chúng ta trên phạm vi quốc tế để làm rõ đường lối, chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta, kịp thời đập lại một cách sắc bén những luận điệu phản động của địch.

7. Chống tư tưởng phi vô sản, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh.

Một đảng nắm chính quyền không vững vàng và trong sạch có thể thoái hoá, biến chất. Những nước đã xảy ra sự biến chất thường bắt đầu từ trong Đảng.

Trong Đảng ta, đã xuất hiện những hiện tượng không lành mạnh ở một bộ phận cán bộ, đảng viên: chuyên quyền, độc đoán, hành động vô tổ chức, vô kỷ luật, ức hiếp quần chúng, tham ô, ăn hối lộ, sống sa đọa, cá nhân chủ nghĩa, trực lợi, chia rẽ bè phái. Những hiện tượng ấy đang phá hoại tổ chức đảng, làm hại uy tín của Đảng, làm xói mòn lòng tin của quần chúng, làm giảm sức chiến đấu của Đảng. Phải mở một đợt học tập nhằm mục đích nâng cao phẩm chất cộng sản, kết hợp với việc chuẩn bị Đại hội sắp tới và việc phát thẻ đảng viên, phân tích, phê phán những hiện tượng, những tư tưởng, tác phong và hành động không lành mạnh nói trên; thi hành những biện pháp có hiệu quả cả về tư tưởng, tổ chức và hành chính, bảo đảm sự trong sạch và vững vàng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng. Phải xây dựng cho mỗi cán bộ, đảng viên phong cách người cộng sản: sống có nhiệt tình cách mạng, trung thực, trong sạch, giản dị, khiêm tốn, có kỷ luật, dân chủ, đoàn kết, thương yêu đồng chí, gần gũi quần chúng. Mỗi tổ chức đảng phải thường xuyên đấu tranh phê bình và tự phê bình chống những hiện tượng tiêu cực, đặt thành chế độ sinh hoạt trong các cấp uỷ, cơ quan, tổ chức cơ sở, mở rộng sự phê bình của quần chúng.

8. Tăng cường công tác giáo dục thanh niên là một vấn đề hết sức cấp bách và quan trọng.

Thanh niên ta trải qua các quá trình cách mạng và kháng chiến lâu dài, trong chiến đấu, sản xuất, công tác đều biểu lộ tinh thần tích cực cách mạng, chịu đựng nhiều hy sinh, gian khổ nhưng không hề nao núng và đã giành được những thành tích vẻ vang. Tuy nhiên, bước sang giai đoạn cách mạng mới có nhiều khó khăn mới, nhưng việc giáo dục xã hội chủ nghĩa trong thanh niên còn yếu, một bộ phận khá đồng thanh niên, kể cả trong và ngoài Đoàn, nhất là ở trong vùng mới giải phóng, còn chịu nhiều ảnh hưởng những tư tưởng, văn hoá của chế độ cũ cho nên sinh ra hư hỏng. Kẻ thù lại đang ra sức lợi dụng để đồi trụy hoá thanh niên. Các cấp uỷ đảng, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các cơ quan tuyên truyền, báo chí, nhà trường và gia đình phải phối hợp làm tốt công tác giáo dục thanh niên và thiếu nhi, chú trọng các vấn đề giáo dục phát huy truyền thống cách mạng kiên cường của cha anh, trách nhiệm của thanh niên đối với vận mệnh của Tổ quốc, vai trò đầu tàu của thanh niên đối với sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; đồng thời đấu tranh khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong lớp người trẻ tuổi. Các cấp uỷ đảng phải lãnh đạo chặt chẽ công tác của Đoàn Thanh niên, phải có chế độ thường kỳ nghe báo cáo, kiểm tra và chỉ đạo công tác của Đoàn một cách tích cực.

9. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục trong các vùng dân tộc thiểu số.

Đoàn kết các dân tộc đa số và thiểu số, chống lại mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù luôn luôn là một nhiệm vụ có tầm quan trọng chiến lược của Đảng và Nhà nước ta. Trong sự

nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, khối đoàn kết các dân tộc là một bảo đảm quan trọng cho thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa, kẻ thù đang âm mưu và hành động phá hoại khối đoàn kết dân tộc bằng chiến tranh tâm lý, bằng lừa phỉnh và phá hoại kinh tế. Khuyết điểm của các cấp, các ngành là chưa chú ý đúng mức các vùng dân tộc. Cần phải tăng cường công tác chính trị và tư tưởng ở các tỉnh biên giới phía Bắc cũng như ở Tây Nguyên nhằm củng cố đoàn kết đồng bào các dân tộc anh em, chống lại mọi âm mưu chia rẽ và phá hoại... Nêu cao ý thức trách nhiệm cả nước phải góp phần xây dựng và bảo vệ các vùng biên giới của Tổ quốc.

10. Tăng cường lãnh đạo mọi mặt công tác ở miền Nam cho sát với tình hình và đặc điểm của địa phương.

Nước ta trong thời kỳ chiến tranh bị chia cắt, hai miền làm hai nhiệm vụ chiến lược khác nhau. Ngày nay, nước nhà đã thống nhất và tiến lên chủ nghĩa xã hội, sự khác biệt về kinh tế và xã hội giữa hai miền đang giảm đi, nhưng ở miền Nam vẫn còn những vấn đề cần được giải quyết phù hợp với tình hình cụ thể. Hai khuynh hướng không đúng phải đồng thời khắc phục là muốn rập khuôn theo cách làm ở miền Bắc, và quá nhấn mạnh đặc điểm của địa phương, không thấy rõ sự liên quan và kết hợp với cái chung. Các cơ quan trung ương cần phải nắm sát tình hình ở miền Nam để có chủ trương cho đúng. Đồng thời các cấp uỷ ở miền Nam cũng báo cáo thường xuyên tình hình cho các cấp, các ngành ở trung ương được biết để cho sự chỉ đạo được sát với tình hình địa phương. Trong công tác tư tưởng, phải luôn coi trọng

việc giáo dục tinh thần đoàn kết, hợp tác, khắc phục những biểu hiện cục bộ, địa phương chủ nghĩa còn rót lại ở một số cán bộ ở cả hai miền.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG CẢI TIẾN CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Công tác tư tưởng của chúng ta đang lạc hậu so với sự phát triển của cách mạng và không kịp thời giải quyết những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống hằng ngày. Nó cũng lạc hậu cả về tổ chức, phương pháp công tác và cơ sở vật chất kỹ thuật. Lực lượng cán bộ chuyên trách của mặt trận tư tưởng, nói chung, còn yếu kém về chất lượng và ở một số bộ phận chưa đủ số lượng cần thiết.

Muốn kiện toàn tổ chức, cải tiến công tác tư tưởng, phải tiến hành đồng bộ và toàn diện, từ trên xuống và đối với từng bộ phận: thông tin, tuyên truyền, giáo dục, văn hoá, văn nghệ, báo chí, xuất bản. Phương pháp lãnh đạo và phương pháp công tác cũng phải sửa đổi.

1. Công tác tư tưởng luôn phải nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê nin và đường lối, chính sách của Đảng, phân tích và giải quyết những vấn đề tư tưởng có cơ sở khoa học, nhằm không ngừng nâng cao trình độ lý luận, chính trị, nhân sinh quan cách mạng và năng lực hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên, truyền bá chủ nghĩa xã hội khoa học và đường lối, chính sách của Đảng trong toàn xã hội, động viên quần chúng thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ của cách mạng.

2. Gắn liền với nhiệm vụ chính trị của Đảng và thực tiễn cách mạng, sát với từng đối tượng, công tác tư tưởng phải

luôn luôn chủ động phát hiện và giải quyết những vấn đề nóng hổi do cuộc sống đặt ra.

3. Công tác tư tưởng phải có tính chiến đấu sắc bén, kiên quyết phê phán và đấu tranh khắc phục những khuynh hướng chính trị và tư tưởng sai lầm, lối sống không lành mạnh, chống lại những luận điệu phản tuyên truyền của các thế lực thù địch, vạch trần và đẩy lùi chiến tranh tâm lý của chúng, giữ vững không khí lành mạnh về chính trị và tư tưởng trong Đảng và trong xã hội.

4. Cần phải có phương pháp đúng đắn và có nghệ thuật làm cho công tác tư tưởng có sức thuyết phục và hiệu quả cao.

5. Cần sử dụng sức mạnh tổng hợp của các phương tiện thông tin, tuyên truyền, giáo dục, văn hoá và thông qua sinh hoạt và công tác của các tổ chức đảng, Đoàn Thanh niên và các đoàn thể quần chúng khác. Kết hợp công tác tuyên truyền, giáo dục bề rộng cho đông người với công tác tư tưởng đi vào bể sâu, sát với hoàn cảnh, tâm lý và những vấn đề riêng của từng người.

Về từng mặt cụ thể:

1. Phải xây dựng chế độ và cải tiến phương pháp công tác tư tưởng theo nguyên tắc toàn Đảng làm công tác tư tưởng.

- Công tác tư tưởng luôn luôn là một công tác cơ bản trong mọi thời kỳ cách mạng. Vì vậy, nó là công việc chung của toàn Đảng và của tất cả cán bộ, đảng viên, không thể chỉ khoán trống cho các cơ quan chuyên môn. Mỗi người lãnh đạo phải là một người làm công tác tư tưởng. Công việc đầu tiên của bí thư cấp uỷ và bí thư chi bộ là làm công tác tư tưởng để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ chính trị.

Các tổ chức đảng và các cấp uỷ phải thường xuyên làm công tác tư tưởng, gắn liền công tác tư tưởng với mọi nhiệm vụ chính trị, với mọi hoạt động cách mạng ở địa phương hoặc đơn vị để giáo dục đảng viên và quần chúng, bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Mỗi cấp, mỗi ngành phải có chương trình công tác tư tưởng từng thời gian (hàng năm, ba tháng, một tháng) nhằm giải quyết những vấn đề do nhiệm vụ chính trị đặt ra. Trong cấp uỷ, phải có người chuyên trách công tác tư tưởng. Hằng tháng và ba tháng một lần, báo cáo về tình hình tư tưởng lên cấp trên. Từng thời gian, cấp trên phải kiểm tra tình hình và công tác tư tưởng ở cấp dưới để có sự chỉ đạo kịp thời. Mỗi đảng viên đều phải có trách nhiệm tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách của Đảng, giải đáp những vấn đề do quần chúng nêu lên và kịp thời chống những luận điệu chiến tranh tâm lý của địch.

Mỗi cấp, mỗi ngành phải xây dựng và kiện toàn đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên của mình theo Chỉ thị số 14-CT/TW của Ban Bí thư.

Công tác tư tưởng là công tác cơ bản của các đoàn thể quần chúng. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, ban chấp hành các đoàn thể phải chủ động tiến hành công tác tư tưởng trong các đoàn thể. Các đảng viên hoạt động trong các đoàn thể phải là người trực tiếp tuyên truyền, giải thích đường lối, chính sách của Đảng trong đồng đảo quần chúng và chống chiến tranh tâm lý của địch.

2. Cải tiến công tác thông tin, báo chí, xuất bản

Công tác thông tin, báo chí, xuất bản phải đi sát nhiệm vụ trung tâm của cách mạng là cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đi sát thực tiễn cách mạng và đời sống của quần chúng, trong nước cũng như ngoài nước, phát hiện và phổ biến những cái mới. Chú ý đăng những kinh nghiệm công tác thực tiễn, nhất là về mặt kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa để phổ biến kịp thời cho các nơi.

Biểu dương người tốt, việc tốt, nêu cao ưu điểm, thuận lợi, đồng thời phê phán những hiện tượng không lành mạnh, nói rõ khó khăn, thiếu sót và biện pháp khắc phục, không nói một chiều.

Mở rộng việc đăng ý kiến của nhân dân lao động (anh hùng, lao động tiên tiến, nhà khoa học, chuyên gia kinh tế, v.v.) đối với các vấn đề của đất nước.

Mở rộng phê bình và tự phê bình công khai trên báo chí đúng với tinh thần Chỉ thị số 197-CT/TW của Bộ Chính trị và ngăn chặn những hiện tượng trả thù người viết bài phê bình.

Tăng cường lượng thông tin, nâng cao chất lượng chính trị, tư tưởng của xã luận, bình luận nhằm nâng cao hơn nữa sức thuyết phục và tác dụng hướng dẫn dư luận. Báo chí cần dành nhiều chỗ đăng tin về những hành động anh hùng và sáng tạo của quần chúng. Giảm bớt những tin tức về lễ nghi, thăm viếng, về những hoạt động kỷ niệm. Khi cần, chỉ đưa tin ngắn gọn. Chỉ đăng khi cần thiết những lời phát biểu của các đồng chí lãnh đạo khi đi kiểm tra các địa phương.

Các phương tiện thông tin, báo chí phải hằng ngày đấu tranh chống những luận điệu phản tuyên truyền của địch.

Soát xét và bố trí lại mạng lưới thông tin, báo chí, phát

thanh, truyền thanh, truyền hình, xuất bản (nhất là hệ thống truyền thanh và truyền hình) cho phù hợp với nhu cầu và khả năng của ta, trên cơ sở phân công xã hội chủ nghĩa một cách hợp lý.

Kiện toàn bộ phận phụ trách của các cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản. Tăng cường công tác chỉ đạo của cấp uỷ đối với các cơ quan ấy và có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho từng ngành, chuẩn bị cho bước phát triển sắp tới. Cải tiến chế độ nhuận bút và chính sách đối với cán bộ làm báo. Cần có sự lãnh đạo chặt chẽ về mọi mặt đối với các báo của tư nhân và của các tôn giáo. Nghiên cứu việc quốc hữu hóa các báo tư nhân.

Việc xuất bản sách báo phải có kế hoạch và lãnh đạo chặt chẽ, tránh xuất bản những sách kém phẩm chất, có hại.

Nghiên cứu tách các bộ phận quản lý thông tin, báo chí, xuất bản, ấn loát ra khỏi Bộ Văn hoá để thành lập "Tổng cục Báo chí, xuất bản, ấn loát" trực thuộc Hội đồng Chính phủ, nhằm thống nhất quản lý toàn ngành. Ban Tuyên huấn Trung ương có nhiệm vụ chỉ đạo nội dung chính trị và hoạt động nghiệp vụ của tổng cục này.

Mở hội nghị chuyên đề bàn việc cải cách, nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác báo chí.

Sử dụng tốt nhất những cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, chuẩn bị xây dựng cơ sở mới cần thiết cho tất cả các ngành thông tin, báo chí, xuất bản của nước ta. Trước mắt, tập trung giải quyết việc sản xuất (hoặc nhập khẩu) giấy in báo, pin dùng cho máy thu thanh, và loa phóng thanh với mức tối thiểu cần thiết.

Tổ chức phát hành báo chí đến tận tay người đọc một

cách nhanh chóng, không dễ bị thất lạc hoặc bị sử dụng không đúng.

3. Cải tiến công tác giáo dục lý luận, chính trị

Công tác giáo dục lý luận và chính trị của chúng ta đã đạt được những thành tựu đáng kể, bằng các hình thức mở trường tập trung và các lớp học tại chức, đã bố trí cho hàng chục vạn cán bộ, đảng viên học tập các môn lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin và đường lối, chính sách của Đảng.

Công tác này cũng còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm: thiếu quy hoạch trong việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, chất lượng và hiệu quả giáo dục chưa cao, nhất là về mặt nâng cao năng lực hoạt động thực tiễn của người học. Công tác nghiên cứu lý luận chưa được coi trọng đúng mức và tổ chức chưa tốt. Hệ thống giáo dục lý luận, chính trị chưa hợp lý. Cơ sở vật chất của các trường chính trị chưa tương xứng với nhiệm vụ và yêu cầu giáo dục.

Công tác giáo dục của Đảng phải nhanh chóng đáp ứng nhu cầu đổi mới đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành để đủ sức lãnh đạo và quản lý đất nước, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, xây dựng chế độ làm chủ tập thể của nhân dân, nhất là cán bộ quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Việc đào tạo và bồi dưỡng phải đồng thời coi trọng cả chính trị và chuyên môn, lý luận và năng lực hoạt động thực tiễn. Công tác đào tạo phải có quy hoạch trước mắt và lâu dài. Việc cử cán bộ đi học các trường trong nước hoặc ở nước ngoài phải theo đúng tiêu chuẩn và yêu cầu của kế hoạch đào tạo.

Muốn mở rộng và nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận, chính trị cần phải cải tiến chương trình học tập và

phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn cách mạng, tăng cường đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng cho ngang tầm nhiệm vụ mới. Bên cạnh đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp, cần phải thu hút những cán bộ lãnh đạo, cán bộ khoa học, cán bộ chuyên môn vào việc giảng dạy.

Uỷ ban Khoa học xã hội, các viện nghiên cứu khoa học, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê nin cần phải tham gia tích cực vào việc giáo dục và đào tạo cán bộ. Sinh hoạt, hội thảo khoa học là phương pháp quan trọng để bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiên cứu và góp phần tổng kết kinh nghiệm của cách mạng, cần được mở rộng và có sự lãnh đạo chặt chẽ.

Tổ chức lại hệ thống trường đảng tập trung và mở rộng hệ thống trường, lớp học tại chức. Mở hội nghị chuyên đề về các trường đảng để cải tiến mọi mặt công tác của các trường và tổ chức lại các trường, xác định chức năng, nhiệm vụ của từng trường. Xây dựng chương trình học tập riêng cho cán bộ miền Nam và miền núi. Cải tiến công tác giáo dục lý luận, chính trị trong hệ thống trường học của Nhà nước và của các đoàn thể. Giúp đào tạo cán bộ cho các đảng anh em Lào và Campuchia, việc tổ chức giảng dạy phải làm thật chu đáo.

4. Tăng cường công tác văn hoá, văn nghệ

Nền văn hoá, văn nghệ cách mạng của nước ta từ Cách mạng Tháng Tám đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đã có một bước phát triển rực rỡ gắn liền với cuộc đấu tranh thần thánh của dân tộc ta đánh thắng các đế quốc xâm lược. Qua các quá trình phát triển của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta đã xây dựng được một nền văn hoá, nghệ

thuật mang tính chất dân tộc, tính đảng và tính nhân dân phong phú, đa dạng. Cách mạng đã đào tạo được một đội ngũ những người hoạt động văn hoá, văn nghệ có tài năng, trung thành với Tổ quốc và nhân dân, gắn liền với sự nghiệp của Đảng. Nền văn hoá, nghệ thuật của nước ta đang tiếp tục phát triển trong giai đoạn mới.

Năm năm qua, những người làm công tác văn hoá, văn nghệ đã cố gắng nhiều đáp ứng yêu cầu giáo dục, nâng cao đời sống tinh thần và thẩm mỹ của quần chúng. Chúng ta đã có những thành tích đáng kể trong sự nghiệp xây dựng và cải tạo văn hoá theo phương hướng xã hội chủ nghĩa. Văn hoá và văn nghệ xã hội chủ nghĩa có cơ sở khá vững vàng ở miền Bắc, cùng với những yếu tố văn hoá, văn nghệ cách mạng và tiến bộ ở miền Nam đã dần dần chiếm lĩnh đời sống văn hoá ở miền Nam. Tuy vậy, tàn dư của văn hoá, văn nghệ thực dân mới ở miền Nam vẫn còn rất nặng nề, nhất là những ảnh hưởng của nó trong tư tưởng và lối sống con người. Ở miền Bắc, mấy năm gần đây, hủ tục, mê tín dị đoan lại phục hồi ngày càng nghiêm trọng; ảnh hưởng của văn hoá thực dân mới từ vùng mới giải phóng lan ra và từ các nước phương Tây lén lút đưa vào cũng đã có những tác động tiêu cực nghiêm trọng trong nhân dân, nhất là trong thanh niên. Cuộc đấu tranh giữa hai nền văn hoá xã hội chủ nghĩa và thực dân mới tiếp diễn, nhất là ở miền Nam, phản ánh cuộc đấu tranh giữa hai con đường, có tính giai cấp sâu sắc.

Nhìn chung, trên lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, mặt lành mạnh là chủ yếu. Nhưng cũng có những hiện tượng lệch lạc, những khuynh hướng không lành mạnh. Khuynh hướng thứ nhất là bảo thủ, thoả mãn với những thành tích đã đạt được,

chưa thấy những đòi hỏi mới của sự phát triển, những nhu cầu mới của các đối tượng công chúng, nhất là của thanh niên, những nhu cầu này sinh do hoàn cảnh mới, do sự giao lưu văn hoá được mở rộng. Khuynh hướng thứ hai là hoài nghi, thậm chí phủ nhận thành tích, cho những thành tựu đã đạt được là cũ kỹ, đi tìm cái "mới", chạy theo những cái lạc hậu có khi mất phương hướng. Khuynh hướng thứ ba là chạy theo yêu cầu thương mại, chịu ảnh hưởng của văn hoá, văn nghệ thực dân mới, đi vào chủ nghĩa hình thức, sự hấp dẫn bề ngoài, kích động những thị hiếu thấp kém; khuynh hướng này đang phát triển. Đáng chú ý là đã xuất hiện một số tác phẩm xấu.

Nhiệm vụ của văn hoá, văn nghệ của chúng ta lúc này là làm sao phải phản ánh một cách sáng tạo thực tế những nhiệm vụ chính trị của Đảng đang hoạt động thực tiễn trong đời sống quần chúng góp phần vào những thắng lợi của những nhiệm vụ đó, nắm vững đường lối văn hoá, văn nghệ của Đảng, chống những khuynh hướng lệch lạc nói trên, nhất là khuynh hướng chịu ảnh hưởng của văn hoá, văn nghệ của chủ nghĩa thực dân mới.

Muốn đưa nền văn hoá, văn nghệ của chúng ta tiến lên mạnh mẽ, trước mắt, cần phải làm rõ mấy vấn đề sau đây:

Văn hoá, văn nghệ của ta là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nó phản ánh, đồng thời tác động đến quá trình cách mạng và trực tiếp tham gia cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, xây dựng nền văn hoá mới, nếp sống mới, con người mới. Cương lĩnh cách mạng văn hoá là một bộ phận cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng đề ra. Đó là quan

hệ giữa chính trị và văn hoá. Văn hoá luôn luôn gắn liền với thực tiễn cách mạng. Sự lãnh đạo của Đảng luôn luôn hướng hoạt động văn hoá, nghệ thuật theo đúng đường lối và nhiệm vụ cách mạng, đồng thời bảo đảm sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hoá xã hội chủ nghĩa.

Nền văn hoá, nghệ thuật của ta thể hiện thống nhất tính dân tộc, tính đảng, tính giai cấp và tính nhân dân. Đó là đặc trưng cơ bản của nền văn hoá, nghệ thuật xã hội chủ nghĩa. Để bảo đảm tính chất dân tộc, cần phải kế thừa có chọn lọc, không phải chỉ về mặt hình thức, mà phải đặc biệt quan tâm đến nội dung tinh hoa của nền văn hoá hàng nghìn năm của dân tộc ta. Nền văn hoá xã hội chủ nghĩa của ta luôn luôn mang tâm hồn Việt Nam, phong cách Việt Nam. Nó kế thừa vốn cũ của các dân tộc, tiếp thu tinh hoa của nhân loại và không ngừng sáng tạo những giá trị mới.

Văn hoá, nghệ thuật là một lĩnh vực hoạt động có tính đặc thù. Nghệ thuật đòi hỏi sự phong phú và đa dạng. Chức trách của nó là miêu tả và khái quát hoá cuộc sống bằng những hình tượng nghệ thuật. Những biến đổi cách mạng sâu sắc của đất nước, xã hội, con người trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa là những nguồn vô tận của sự sáng tạo, của những đề tài muôn màu, nghìn vẻ. Đảng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho những người viết văn, làm thơ, viết nhạc, soạn kịch, làm phim, vẽ tranh... mang hết tài năng của mình sáng tạo những giá trị tinh thần phản ánh cuộc đấu tranh vĩ đại của dân tộc và của Đảng đang xây dựng một sự nghiệp hùng vĩ trong lịch sử xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, cuộc sống văn minh, hạnh phúc. Nền văn hoá, văn nghệ của ta phải phục vụ cuộc đấu

tranh đó, phục vụ những người chiến đấu, sáng tạo lịch sử, ca tụng những cái đẹp của những người xây dựng xã hội mới, cuộc sống mới.

Chúng ta khuyến khích mọi tìm tòi, phát hiện mới, làm cho nền văn hoá của nước ta phong phú, góp phần vào sự phát triển của nền văn hoá mới của thế giới.

Chúng ta nghiêm khắc phê phán những hiện tượng gò bó, bảo thủ, sơ lược, công thức đối với hoạt động văn hoá, nghệ thuật, đồng thời ngăn ngừa và kiên quyết chống lại những ảnh hưởng của văn hoá tư sản, những khuynh hướng bắt chước tuỳ tiện nhân danh tìm tòi cái mới. Văn hoá, nghệ thuật gắn liền với chính trị, tham gia sự nghiệp cách mạng bằng sự sáng tạo những giá trị văn hoá và nghệ thuật mang nội dung giáo dục sâu sắc, mang tính tư tưởng và tính nghệ thuật cao. Những nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ luôn luôn có trách nhiệm cao trước đất nước và xã hội. Xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chính trị quan trọng.

Chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là phương pháp sáng tạo chủ yếu của văn học và nghệ thuật cách mạng, đã được thực tiễn chứng minh có sức sống dồi dào. Để nắm chắc phương pháp sáng tác cách mạng này và có tác phẩm có giá trị, mỗi chiến sĩ trên địa hạt văn hoá, nghệ thuật phải rèn luyện mình, phải đi vào thực tế của cuộc sống, phải xông vào những nơi mũi nhọn của cuộc đấu tranh cách mạng. Quanh quẩn trong bốn bức tường, thì không bao giờ có tác phẩm hay. Để luôn luôn làm giàu thêm cho phương pháp sáng tác, Đảng ta khuyến khích mọi sự tìm tòi những hình thức, và phát huy những phong cách khác nhau.

Phê bình có vai trò thúc đẩy to lớn đối với sự sáng tạo. Một tác phẩm có giá trị hay không phải trải qua sự bình giá có tính quần chúng. Phê bình là hoạt động lý luận, góp phần phát huy tác dụng chỉ đạo của lý luận đối với hoạt động sáng tạo, góp phần hướng dẫn và nâng cao thị hiếu thẩm mỹ lành mạnh trong quần chúng. Sự lạc hậu của phê bình là một nguyên nhân sự trì trệ của sáng tác. Công tác phê bình văn học, nghệ thuật cần phải nhanh chóng tổ chức lại và được lãnh đạo tốt. Những tác phẩm có giá trị phải được khen thưởng kịp thời.

Chỉnh đốn và tăng cường công tác nghiên cứu văn hoá, văn nghệ, bảo đảm cho nền văn hoá, văn nghệ của ta phát triển vững chắc theo phương hướng xã hội chủ nghĩa. Cần quan tâm đào tạo cán bộ nghiên cứu có trình độ cao. Đầu tư thích đáng cho công tác nghiên cứu.

Cần đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ quần chúng mạnh mẽ, sâu rộng và phong phú; chú trọng tổ chức các hình thức sinh hoạt văn hoá mới lành mạnh, nhất là đối với thanh niên, kiên trì vận động và hướng dẫn xây dựng nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan, nghiêm cấm lưu hành các văn hoá phẩm đồi trụy, phản động, thi hành các biện pháp an ninh và hành chính cần thiết để quét sạch các loại văn hoá phẩm này.

Ban Văn hoá - Văn nghệ có chức năng theo dõi các hoạt động văn hoá, văn nghệ, phát hiện những vấn đề có tính chất quan điểm, kiến nghị những chính sách, biện pháp thúc đẩy sự phát triển của nền văn hoá nước nhà, nhất là những vấn đề của cuộc cách mạng văn hoá mà chúng ta đang tiến hành;

kiểm tra việc thực hiện đường lối văn hoá của Đảng; giúp Trung ương quản lý cán bộ thuộc diện quản lý của Trung ương, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, nghệ sĩ có tài, phát hiện nhân tài mới. Bố trí lại cán bộ cho hợp với phẩm chất, tài năng và nghiệp vụ của cán bộ.

Bộ Văn hoá không phải là một tổ chức hành chính mà là một tổ chức chỉ đạo hoạt động văn hoá, nghệ thuật với nhiều đơn vị hoạt động vừa giáo dục, vừa phục vụ, vừa kinh doanh. Phải tổ chức lại bộ máy, bố trí lại cán bộ, sửa đổi lại phương pháp hoạt động của bộ và của toàn ngành để đủ sức làm tròn nhiệm vụ. Những ngành như xuất bản, điện ảnh, nên được tổ chức thành một hệ thống riêng, chủ động quản lý các mặt công tác thuộc ngành mình.

Các hội văn học, nghệ thuật cần được tổ chức lại cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sáng tạo của từng ngành. Xoá bỏ cơ chế tổ chức và chính sách có tính hành chính. Tăng cường các đảng đoàn các hội văn học nghệ thuật. Ban chấp hành các hội phải được chấn chỉnh lại qua bầu cử dân chủ. Phải sửa đổi toàn bộ chính sách, chế độ đối với các loại cán bộ làm công tác văn hoá, nghệ thuật, quy định tiêu chuẩn cụ thể cho từng loại; có chính sách đãi ngộ thích đáng theo tài năng và lao động sáng tạo của mỗi người để khuyến khích sáng tạo nghệ thuật, không phân biệt là đảng viên hay chưa phải đảng viên. Cần xử lý nghiêm minh những cán bộ hư hỏng. Có kế hoạch và biện pháp tích cực giúp đỡ văn nghệ sĩ cũ tự cải tạo.

Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật để có thể đáp ứng yêu cầu của công tác văn hoá, văn nghệ trong giai đoạn mới.

V- KIỆN TOÀN CƠ QUAN GIÚP CẤP ỦY LÀM CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

Hiện nay, tổ chức lực lượng chiến đấu trên mặt trận tư tưởng còn phân tán, sự phối hợp giữa các ngành làm công tác tư tưởng thiếu chặt chẽ, cơ quan giúp cấp ủy làm công tác tư tưởng yếu cả về số lượng và chất lượng. Để tăng cường công tác tư tưởng, vấn đề quan trọng hàng đầu là phải thực hiện chế độ toàn Đảng làm công tác tư tưởng, đồng thời nhanh chóng tổ chức lại lực lượng, kiện toàn cơ quan giúp cấp ủy làm công tác tư tưởng.

1. Kiện toàn ban tuyên huấn các cấp

Kiện toàn ban tuyên huấn các cấp, tăng cường chất lượng và cải tiến phương thức công tác, bảo đảm làm tốt chức năng:

- Giúp cấp ủy theo dõi, tổng hợp tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân; nghiên cứu và kiến nghị các chủ trương, biện pháp và kế hoạch công tác tư tưởng.

- Giúp cấp ủy kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện những nhiệm vụ công tác tư tưởng trong hệ thống tổ chức của Đảng, các cơ quan nhà nước và các đoàn thể quần chúng.

- Trực tiếp chỉ đạo một số cơ quan làm công tác tư tưởng và quản lý cán bộ phụ trách các cơ quan tuyên truyền, giáo dục theo sự ủy nhiệm của cấp ủy.

2. Tổ chức lại lực lượng nghiên cứu khoa học xã hội

Năm vững toàn bộ lực lượng nghiên cứu khoa học xã hội để sáp xếp và sử dụng cho hợp lý, đưa công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu khoa học xã hội vào nền nếp, có kế hoạch hàng năm và dài hạn, phục vụ thiết thực những nhiệm vụ

chính trị do Đảng đề ra và đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác tư tưởng.

Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trì cùng Trưởng Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê nin, Ban Văn hoá - Văn nghệ, Ban Khoa giáo Trung ương và Uỷ ban Khoa học Xã hội phối hợp xây dựng chương trình 5 năm (1981-1985) về nghiên cứu lý luận, nghiên cứu khoa học xã hội gắn liền với những nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn hiện nay để Bộ Chính trị thảo luận và thông qua.

Kiện toàn các cơ quan nghiên cứu khoa học xã hội bao gồm Trưởng Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, các cơ quan nghiên cứu lý luận của Đảng, Uỷ ban Khoa học Xã hội và các viện nghiên cứu của Nhà nước, các bộ môn khoa học xã hội của các trường đại học, định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan và quan hệ công tác giữa các cơ quan đó.

3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tư tưởng

Xác định quy hoạch xây dựng đội ngũ làm công tác tư tưởng bao gồm cán bộ nghiên cứu, giảng dạy lý luận, chính trị, báo cáo viên, cán bộ thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh và truyền hình.

Căn cứ tiêu chuẩn chung của cán bộ của Đảng, các cán bộ làm công tác tư tưởng phải không ngừng phấn đấu và rèn luyện theo những tiêu chuẩn sau đây: trung thành với đường lối của Đảng, hiểu biết có hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lê nin và đường lối, chính sách, có trình độ học vấn cần thiết, có kiến thức, kinh nghiệm nghề nghiệp; được rèn luyện trong thực tiễn cách mạng.

Xác định chính sách, chế độ thích hợp đối với cán bộ của các ngành làm công tác tư tưởng.

4. Xây dựng nền nếp quản lý công tác tư tưởng

Các cấp uỷ đảng, các ngành, các đoàn thể quần chúng có kế hoạch công tác tư tưởng và chế độ báo cáo, xin chỉ thị về công tác tư tưởng.

Các cấp uỷ phải định kỳ nghe báo cáo và giải quyết các vấn đề về công tác tư tưởng; chỉ đạo và phối hợp công tác của các cơ quan làm công tác tư tưởng. Có chế độ cho cán bộ phụ trách công tác tuyên huấn được dự các hội nghị cần thiết của cấp uỷ.

*

* *

Trên đây là phương hướng công tác tư tưởng trong thời gian trước mắt. Sau Đại hội lần thứ V của Đảng, sẽ chuẩn bị một nghị quyết mới về phương hướng cơ bản, lâu dài của công tác tư tưởng.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN Bí THƯ

Số 93-QĐ/TW, ngày 17 tháng 3 năm 1981

Về việc thành lập Ban Dân vận Trung ương và Đảng đoàn Mặt trận

Trong Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 20-11-1980, Bộ Chính trị đã quyết định kiện toàn Ban Dân vận phụ trách các vấn đề công tác đoàn thể quần chúng, công tác mặt trận, vận động trí thức, nhân sĩ, tôn giáo, vấn đề người Hoa... Để thi hành quyết định trên đây, Ban Bí thư Trung ương quyết định:

1- Giải thể Ban Dân vận và Mặt trận được thành lập theo Nghị quyết số 249-NQ/TW, ngày 29-3-1976 và Tiểu ban công tác người Hoa được thành lập theo Quyết định số 32-QĐ/TW, ngày 24-1-1979. Nay thành lập Ban Dân vận Trung ương và Đảng đoàn Mặt trận. Việc giải thể Tiểu ban công tác người Hoa sẽ do Ban Dân vận phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương để định thời gian tiến hành cho thích hợp.

2- Ban Dân vận Trung ương là cơ quan chuyên môn của Trung ương, có nhiệm vụ:

a) Chuẩn bị các đề án về công tác dân vận để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định; đối với các đề án về công tác của từng đoàn thể thì do đảng đoàn các đoàn thể hoặc Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí

Minh chuẩn bị. Ban Dân vận giúp đỡ và phối hợp cùng các đoàn thể chuẩn bị và phát biểu chính thức ý kiến của mình về đề án đó trước khi Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

b) Giúp Trung ương trong việc làm quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác dân vận và theo dõi, kiểm tra việc thi hành các nghị quyết, chỉ thị đó ở các cấp uỷ, các đoàn thể quần chúng, các ngành.

c) Giúp Trung ương quản lý cán bộ các đoàn thể quần chúng và Mặt trận theo quy định của Trung ương về phân công, phân cấp quản lý cán bộ và giúp đỡ đảng đoàn các đoàn thể, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Đảng đoàn Mặt trận Trung ương làm tốt công tác cán bộ theo các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của Trung ương.

d) Căn cứ vào Quy định số 14-QĐ/TW, ngày 22-2-1978 của Ban Bí thư làm trách nhiệm đã được quy định cho các ban đối với các đảng bộ cơ quan trung ương (cụ thể là các cơ quan trung ương các đoàn thể quần chúng và của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

4¹⁾. Ở các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, giải thể ban dân vận - mặt trận, thành lập ban dân vận và Đảng đoàn Mặt trận do đồng chí phó bí thư thường trực hoặc ủy viên thường vụ làm trưởng ban.

Ở các huyện, quận, thị, phường, xã không thành lập ban dân vận, chỉ phân công đồng chí phó bí thư thường trực hoặc ủy viên thường vụ phụ trách công tác dân vận.

5- Ban Dân vận Trung ương nghiên cứu đề nghị về tổ chức bộ máy, biên chế của Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương giúp Trung ương xét duyệt cụ thể.

1) Văn kiện này không thấy có mục 3 (B.T).

6- Ban Dân vận Trung ương, các đảng đoàn, các đoàn thể quần chúng, Mặt trận, Ban Bí thư Trung ương Đoàn, các tỉnh uỷ, thành uỷ, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ ĐÚC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THU**

Số 121-TT/TW, ngày 18 tháng 3 năm 1981

**Về việc chọn cử cán bộ đi học quản lý kinh tế
ở Liên Xô**

Theo hiệp định đã ký giữa Chính phủ ta và Chính phủ Liên Xô, trong 5 năm 1981 - 1985, Chính phủ Liên Xô nhận đào tạo và nâng cao trình độ về kiến thức quản lý kinh tế cho 1.400 cán bộ của ta, bao gồm:

- 130 cán bộ cao cấp sẽ sang học tại Viện Hàn lâm kinh tế quốc dân và Trường Quản lý cao cấp nông nghiệp Liên Xô, thời gian học là 4 tháng (3 tháng học tập, 1 tháng khảo sát).

- 1.270 cán bộ trung cấp sẽ sang học tại các trường quản lý kinh tế ngành, thời gian học là 10 tháng đối với những cán bộ đã thạo tiếng Nga, 22 tháng đối với những cán bộ biết ít tiếng Nga (sẽ học tiếng Nga trong 12 tháng, học quản lý kinh tế trong 10 tháng).

Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu các ban, bộ, tổng cục, các ngành kinh tế, các tỉnh uỷ, thành uỷ dựa trên cơ sở quy hoạch cán bộ mà cử những cán bộ sau đây đi học: trưởng ban, phó trưởng ban các ban kinh tế của Trung ương; thủ

trưởng, phó thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ và các tổng cục quản lý kinh tế tổng hợp hoặc quản lý kinh tế ngành; các đồng chí phụ trách các cục, vụ, viện nghiên cứu và chỉ đạo quản lý kinh tế của các ngành; giám đốc, phó giám đốc xí nghiệp, liên hiệp các xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp, tổng công ty, nông trường, lâm trường lớn của trung ương và địa phương; một số cán bộ giảng dạy, nghiên cứu về kinh tế của các trường; giám đốc, phó giám đốc sở kinh tế của các tỉnh, thành phố. Trong việc cử cán bộ đi học, ngoài số cán bộ đương chức, cần cử số cán bộ kế cận các chức danh nói trên (như: quản đốc phân xưởng, trưởng phòng của các xí nghiệp, nông trường, lâm trường, v.v.). Chú ý các ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, thực phẩm, công nghiệp nhẹ, cơ khí, điện tử, than và mỏ, điện lực, dầu khí, giao thông vận tải, xây dựng, kế hoạch, tài chính, ngân hàng, giá. Trong việc cử cán bộ đi học một đợt hoặc nhiều đợt, chú ý tới sự hình thành kíp đồng bộ để phát huy tác dụng trong việc thực hiện cơ chế quản lý mới (nhất là khung cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh).

Tiêu chuẩn chọn cử đi học đối với cán bộ trung cấp là: có phẩm chất, năng lực tốt; đã tốt nghiệp đại học kinh tế hoặc kỹ thuật trở lên; đã học lý luận chính trị theo chương trình cao cấp hoặc trung cấp hoặc ít nhất là học xong môn chính trị kinh tế học theo chương trình trung cấp; đã làm công tác quản lý kinh tế; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; 45 tuổi trở lại; có khả năng tiếp thu kiến thức mới và có khả năng học ngoại ngữ; có sức khoẻ để học tập và công tác lâu dài.

Ban Tổ chức Trung ương được giao trách nhiệm: phân phối chỉ tiêu tuyển sinh từng năm cho các ngành, các tỉnh,

thành phố; giúp ban Bí thư xem xét số cán bộ được chọn cử đi học thuộc diện sau đây: cán bộ cao cấp, cán bộ của các tỉnh, thành phố và của các ngành do Ban Tổ chức Trung ương quản lý cán bộ; tham gia việc xét duyệt cán bộ đi học của các ngành thuộc phạm vi quản lý cán bộ của các ban kinh tế; tổng hợp tình hình các ngành, các tỉnh cử cán bộ đi học hàng năm để báo cáo với Ban Bí thư; phối hợp với Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương tổ chức việc quản lý số cán bộ trong thời gian học ở Liên Xô.

Các ban kinh tế của Trung ương được giao trách nhiệm: xét duyệt số cán bộ trung cấp được cử đi học của các ngành thuộc phạm vi theo dõi của từng ban.

Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương có trách nhiệm: tổng hợp danh sách cán bộ được cử đi học của các ngành, các tỉnh sau khi các ban của Trung ương xét duyệt để làm việc với các cơ quan hữu quan của Liên Xô; tham gia ý kiến với các viện, trường của Liên Xô trong việc lập chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho số cán bộ kể trên; tổ chức việc đưa cán bộ đi học.

Bộ Lao động cùng với Bộ Tài chính nghiên cứu trình Chính phủ ban hành chính sách đai ngộ vật chất đối với số cán bộ đi học nói trên.

Các ban, bộ, tổng cục, tỉnh uỷ, thành uỷ nghiên cứu kỹ thông tri này, cử cán bộ đi học theo sự hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

T/M BAN Bí THƯ
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN Bí THƯ

Số 123-TT/TW, ngày 18 tháng 4 năm 1981

Về kế hoạch chọn cử cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý đi học Trường Đảng và Trường Hành chính - Kinh tế trong năm 1981

Trong khi chờ xét duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trong 5 năm 1981 - 1985, Ban Bí thư quyết định trong năm 1981, tiến hành tích cực công tác đào tạo, bồi dưỡng loại cán bộ này theo kế hoạch dưới đây:

1. Các lớp ở trong nước:

+ Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc:

- Hai lớp bổ túc, ngắn hạn cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và của Nhà nước, mỗi lớp có 100 người (đã có thông tri cụ thể).

- Tiếp tục mở lớp dài hạn 2 năm nhằm đào tạo cán bộ lãnh đạo của Đảng và của Nhà nước. Số lượng là 200 người. Cán bộ được chọn cử đi học là cán bộ lãnh đạo đương chức hoặc dự bị cho các chức vụ: bí thư, chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện, quận; uỷ viên thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ; cán bộ lãnh đạo công tác chính trị ở các bộ, tổng cục; chuyên viên nghiên cứu ở các ban của Trung ương Đảng. Tuổi đời: dưới

45; trình độ văn hoá: ít nhất là lớp 10 (đối với cán bộ công tác ở miền Nam, trình độ văn hoá lấy từ lớp 7).

- Một lớp dài hạn 2 năm đối với *cán bộ có thành phần bản thân là công nhân* để chuẩn bị đưa vào các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Số lượng là 100 người. Cán bộ được chọn cử đi học là thành phần công nhân, đã có thực tiễn công tác lãnh đạo, quản lý từ trưởng, phó quản đốc phân xưởng, hoặc thường vụ huyện uỷ, quận uỷ trở lên, tuổi dưới 40, đã tốt nghiệp đại học, có nhiều triển vọng. Tiền lương và các khoản phụ cấp khác trong thời gian đi học của những cán bộ này do ngân sách của trung ương đài thọ.

Ban Giám đốc Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc cần sớm cải tiến nội dung, chương trình giảng dạy cho các lớp nêu trên và trình Ban Bí thư quyết định.

+ *Trường Hành chính - Kinh tế Trung ương:*

- Một lớp cho cán bộ quản lý chung: bộ trưởng, thứ trưởng; vụ trưởng, phó vụ trưởng các ngành kinh tế ở trung ương; giám đốc các sở kinh tế ở các tỉnh, thành phố; chủ tịch, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân phụ trách kinh tế ở các tỉnh, thành phố; bí thư, chủ tịch uỷ ban nhân dân huyện, quận.

- Một lớp cho giám đốc, phó giám đốc các xí nghiệp công nghiệp (xây dựng) trực thuộc trung ương.

Mỗi lớp có 300 người. Thời gian học: khoảng 4 tháng. Phấn đấu trong vòng 2 năm bồi dưỡng xong số cán bộ thuộc đối tượng nêu trên.

2. Cử cán bộ đi học ở Liên Xô:

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch đã ký với Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô về việc đưa cán bộ của Việt Nam sang học tập, bồi dưỡng tại Viện Hàn lâm khoa học xã hội trực thuộc

Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô và Trường Đảng cao cấp Mátxeôva. Ban Giám đốc Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc cùng với Ban Tổ chức Trung ương và các ban có liên quan chuẩn bị việc ký tiếp với Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô về kế hoạch đưa cán bộ sang học cho đến năm 1985.

Thực hiện kế hoạch đưa cán bộ quản lý kinh tế sang Liên Xô học (theo kế hoạch đã ký với Chính phủ Liên Xô).

Trong năm 1981, ngoài việc đưa một số cán bộ cao cấp sang học tập, khảo sát, sẽ chọn cử 370 cán bộ trung cấp quản lý kinh tế ở các ngành trung ương, địa phương và cơ sở sản xuất, kinh doanh sang học tập tại các viện quản lý ngành. Trong việc phân phối chỉ tiêu tuyển sinh, cần chú ý tối yêu cầu đào tạo được một đội ngũ cán bộ quản lý đồng bộ cho từng cơ sở sản xuất, kinh doanh, từng ngành kinh tế, trước hết là các ngành, đơn vị cơ sở trọng điểm.

Ban Bí thư giao cho Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng với các ban của Đảng, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Trường Hành chính - Kinh tế Trung ương và các ngành có liên quan hướng dẫn cụ thể việc chọn cử cán bộ đi học theo từng loại lớp, xét duyệt cụ thể và báo cáo kết quả lên Ban Bí thư.

Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng các cơ quan nói trên nghiên cứu và trình Ban Bí thư duyệt ban hành sớm quy chế tuyển chọn cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng, trong đó xác định rõ các tiêu chuẩn và thể thức tuyển chọn để cán bộ có thể chủ động phấn đấu đạt tiêu chuẩn đi học; bảo đảm nguyên tắc làm việc tập thể trong vấn đề chọn cử cán bộ đi học; sau khi cấp trên có thẩm quyền xét duyệt, thì nói chung không được thay đổi danh sách. Ban Tổ chức Trung ương cần

hướng dẫn các ngành, các địa phương làm sớm quy hoạch về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; những cán bộ được dự kiến cử đi học cần được báo trước ít nhất 6 tháng.

Các ngành, các cấp căn cứ vào thông tri này và kế hoạch hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, chọn cử cán bộ đủ số lượng và bảo đảm tiêu chuẩn quy định. Cần ưu tiên chọn cử những cán bộ chủ chốt và cán bộ dự bị có nhiều triển vọng, gắn việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ với việc bố trí sử dụng cán bộ và kiện toàn cơ quan lãnh đạo của Đảng, của Nhà nước.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Để đẩy mạnh mọi mặt hoạt động khoa học và kỹ thuật phục vụ có hiệu quả nhất cho các yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội trước mắt và về lâu dài; để xây dựng thành công một nền khoa học và kỹ thuật tiên tiến của nước ta, Bộ Chính trị ra *Nghị quyết về chính sách khoa học và kỹ thuật* của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

I - NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TRONG THỜI GIAN QUA

Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của khoa học và kỹ thuật trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã đề ra nội dung của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, và đã khẳng định cần phải: "... tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa

học - kỹ thuật là then chốt". Nghị quyết còn chỉ rõ: "Phát triển khoa học và kỹ thuật nhằm phục vụ sản xuất, đời sống và quốc phòng".

Nhìn lại hơn 20 năm qua trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, tiền đề kinh tế và khoa học - kỹ thuật rất thấp, Đảng và Nhà nước ta đã luôn luôn cố gắng phát triển khoa học và kỹ thuật, và đã đạt được những kết quả đáng kể.

Các ngành khoa học và kỹ thuật đã có những cống hiến quan trọng vào việc giải quyết các nhiệm vụ phát triển sản xuất, ổn định đời sống nhân dân và tăng cường quốc phòng. Gần đây, công tác khoa học và kỹ thuật đã có một bước chuyển biến mới trong quá trình xây dựng đề án chính sách khoa học và kỹ thuật thống nhất của cả nước, xác định các phương hướng hoạt động chủ yếu, bước đầu cố gắng tổ chức và tập hợp lực lượng trên các phương hướng trọng điểm, xây dựng được một hệ thống 72 chương trình tiến bộ khoa học và kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước. Các chương trình này đã được đưa vào kế hoạch của các bộ và các ngành. Kế hoạch khoa học và kỹ thuật 5 năm (1981 - 1985) cũng đang được chuẩn bị tích cực, đi đôi với kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội.

Đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật, công nhân chuyên nghiệp đã được đào tạo với số lượng đông, có phẩm chất chính trị tốt, trình độ chuyên môn dần dần được nâng cao. Từ khi nước nhà thống nhất, tiềm lực khoa học và kỹ thuật được bổ sung thêm những anh chị em trí thức và công nhân kỹ thuật ở các vùng mới giải phóng, có lòng yêu nước và hăng hái tham gia xây dựng Tổ quốc. Kiều bào trí thức ở nước ngoài tham gia và giúp đỡ ngày một nhiều vào các hoạt động

khoa học và kỹ thuật ở trong nước.

Hệ thống nghiên cứu với các viện của Viện Khoa học Việt Nam, Uỷ ban Khoa học Xã hội, các trường đại học, với các viện, các trạm, trại của các bộ, các ngành, các địa phương đã được xây dựng, gần đây đang đảm nhiệm các chương trình và đề tài nghiên cứu quan trọng.

Hệ thống quản lý khoa học và kỹ thuật từ Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước đến các cơ quan quản lý của các ngành, các địa phương đã hình thành và đang bắt đầu phát huy tác dụng tích cực trong việc điều khiển các hoạt động khoa học và kỹ thuật trên phạm vi cả nước.

Hệ thống giáo dục đại học và chuyên nghiệp đã được xây dựng, hiện đang phấn đấu nâng cao chất lượng về mọi mặt, có khả năng đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân chuyên nghiệp theo nhiều ngành nghề khác nhau, cần thiết cho đất nước.

Hệ thống giáo dục phổ thông hàng năm đã đào tạo được hàng chục vạn chiến sĩ tương lai trên mặt trận khoa học và kỹ thuật, hiện đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết cải cách giáo dục của Đảng. Trình độ văn hóa và khoa học - kỹ thuật của nhân dân lao động ngày càng được nâng cao, tạo điều kiện thuận lợi để đưa nhanh các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, đời sống và quốc phòng.

Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, trước hết với Liên Xô và các nước trong Hội đồng đồng tình trợ kinh tế được tăng cường và mở rộng, đã tranh thủ sự giúp đỡ lớn về kinh nghiệm tổ chức và quản lý, về đào tạo đội ngũ cán bộ, tăng cường cơ sở vật chất và kỹ thuật, trao đổi thông tin khoa học và kỹ thuật...

Chúng ta đã đạt được những kết quả quan trọng nói trên

là nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng ta, sự cố gắng tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện và quản lý của Nhà nước; sự nỗ lực phấn đấu của đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật, của đồng bào nhân dân lao động và sự giúp đỡ quốc tế.

Những thành tích bước đầu đó đã tạo ra những cơ sở quan trọng và nhiều thuận lợi rất cơ bản cho sự phát triển khoa học và kỹ thuật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuy nhiên, công tác khoa học và kỹ thuật ở nước ta hiện nay còn nhiều *nhiều điểm và thiếu sót*.

Hiệu quả của các hoạt động khoa học và kỹ thuật còn thấp, chưa tương xứng với tiềm lực hiện có, chưa đáp ứng được những yêu cầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Công tác khoa học và kỹ thuật chưa gắn chặt với yêu cầu bức thiết của sản xuất, đời sống và quốc phòng. Những kết quả nghiên cứu khoa học và những tiến bộ kỹ thuật có giá trị chưa được áp dụng rộng rãi vào sản xuất và đời sống, gây ra sự lãng phí sức người, sức của.

Đảng và Nhà nước ta chưa có một quy hoạch thống nhất về công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật nên đã gây ra tình trạng tự phát và phân tán. Cơ cấu và trình độ ngành nghề chưa thật phù hợp với các yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và phát triển các ngành khoa học và kỹ thuật trọng điểm của nước ta. Cán bộ đầu đàn và những chuyên gia có trình độ cao trong nghiên cứu khoa học và giảng dạy còn ít, cán bộ có năng lực về tổ chức và quản lý còn thiếu nhiều. Đội ngũ cán bộ khoa học xã hội phát triển chậm hơn so với một số ngành khoa học khác.

Hệ thống các cơ quan nghiên cứu, các cơ quan quản lý

khoa học và kỹ thuật các cấp chưa được quy hoạch chặt chẽ, tổ chức chưa thật hợp lý, chức năng và nhiệm vụ chưa thật rõ ràng, chỉ đạo thiếu tập trung thống nhất. Bởi vậy, còn có tình trạng trùng lắp và tự phát trong phương hướng và đề tài nghiên cứu, thiếu phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan khoa học và kỹ thuật. Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước cũng như các cơ quan quản lý khoa học kỹ thuật của các bộ, các ngành, các địa phương chậm được củng cố nên chưa thực hiện được đầy đủ chức năng thống nhất quản lý các hoạt động khoa học và kỹ thuật trong cả nước. Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước và Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước chưa gắn chặt với nhau trong chức trách của mình; sự thiếu phối hợp chặt chẽ đó đã hạn chế rất nhiều việc áp dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất và đời sống của nhân dân.

Những *nhiều điểm và thiếu sót* nói trên có nhiều *nguyên nhân*:

Về khách quan, nước ta từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, điểm xuất phát về kinh tế và khoa học - kỹ thuật còn rất thấp; chiến tranh xâm lược tàn khốc kéo dài trên 30 năm, hoàn cảnh nước nhà bị chia cắt đã ảnh hưởng nặng nề đến sự phát triển về kinh tế cũng như về khoa học và kỹ thuật của nước ta.

Nhưng *nguyên nhân* chủ quan vẫn là chủ yếu:

Các cấp, các ngành, các cơ quan lãnh đạo kinh tế và khoa học, kỹ thuật từ trung ương đến địa phương và cơ sở chưa nắm thật vững đường lối và nhiệm vụ của Đảng đề ra trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, chưa nhận thức đầy đủ vai trò then chốt của cách mạng khoa học - kỹ thuật. Do đó, chưa quan tâm đầy đủ và tăng cường đúng mức sự lãnh đạo và

quản lý đối với các cơ quan khoa học và kỹ thuật, chưa phát động được phong trào quần chúng mạnh mẽ và liên tục tiến quân vào mặt trận khoa học và kỹ thuật.

Một số lớn cán bộ khoa học và kỹ thuật còn thiếu hiểu biết, hoặc chưa hiểu biết đầy đủ về đường lối kinh tế và đường lối cách mạng của Đảng, chưa thấy rõ mục tiêu kinh tế và xã hội chính là sức mạnh thúc đẩy sự phát triển của khoa học và kỹ thuật; do đó, khoa học và kỹ thuật chưa gắn liền thực sự với sản xuất và đời sống xã hội, với yêu cầu quốc phòng.

Kế hoạch khoa học và kỹ thuật chưa trở thành một bộ phận hữu cơ của kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội. Chính sách đầu tư dài hạn và có trọng điểm cho khoa học và kỹ thuật chưa được xây dựng, vốn đầu tư hiện nay chưa thích đáng. Nhiều điển hình tiên tiến chưa được tổng kết và áp dụng rộng rãi nên chưa phát huy được vai trò to lớn của khoa học và kỹ thuật đối với sản xuất, đời sống và quốc phòng.

Chính sách khoa học và kỹ thuật thống nhất, có hệ thống và tương đối hoàn chỉnh trong cả nước chưa được ban hành và chưa được thể chế hoá đầy đủ thành các văn bản pháp lệnh của Nhà nước để chỉ đạo các mục tiêu, nhiệm vụ, phương hướng hoạt động và tổ chức quản lý khoa học và kỹ thuật, tập trung lực lượng và đầu tư thích đáng vào các phương hướng trọng điểm, các chương trình ưu tiên. Do đó, tiềm lực khoa học và kỹ thuật hiện có chưa được phát huy đầy đủ, hiệu quả của hoạt động khoa học và kỹ thuật còn bị hạn chế.

Những thiếu sót về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản

lý khoa học và kỹ thuật vừa qua đã làm trở ngại đến việc áp dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất và đời sống, đã hạn chế sự phát triển khoa học và kỹ thuật.

Để đáp ứng với yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng, *phải tạo ra một bước chuyển biến mới* trong mọi hoạt động khoa học và kỹ thuật. Nhanh chóng áp dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật đã được kết luận, đẩy mạnh công tác nghiên cứu tạo ra những tiến bộ khoa học và kỹ thuật mới, góp phần tích cực vào việc hoàn thành thắng lợi các nghị quyết của Đảng và kế hoạch của Nhà nước, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc vĩnh cửu.

II - NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

Là một bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế và xã hội, *chính sách khoa học và kỹ thuật nước ta cần hướng mọi hoạt động vào nhiệm vụ thiết thực phục vụ phát triển sản xuất, ổn định và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, củng cố và tăng cường sức mạnh quốc phòng của đất nước*. Khoa học và kỹ thuật cần tập trung nghiên cứu các quy luật phát triển của tự nhiên, xã hội và con người Việt Nam, các mối quan hệ quốc tế, nhằm góp phần *phát huy đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*.

Trong điều kiện hiện nay, chính sách khoa học và kỹ

thuật cần đáp ứng được ba yêu cầu sau đây:

a) Chỉ đạo phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch khoa học và kỹ thuật 5 năm (1981 - 1985), hiện đang được hoàn chỉnh đi đôi với kế hoạch kinh tế.

b) Chỉ đạo công tác nghiên cứu hiện đang được tiến hành, nhằm xác định các căn cứ khoa học cần thiết cho kế hoạch 5 năm tiếp sau (1986 - 1990).

c) Chỉ đạo công tác nghiên cứu các phương hướng dự báo dài hạn hơn trong những lĩnh vực quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội.

Nhiệm vụ và mục tiêu của chính sách khoa học và kỹ thuật:

1- Phát huy vai trò động lực của khoa học trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế, văn hoá và xã hội, đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật kết hợp chặt chẽ với cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng tư tưởng và văn hoá, làm cho khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp đấu tranh để thực hiện *đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa, đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa*, góp phần thỏa mãn ở trình độ ngày càng cao những nhu cầu về vật chất và văn hoá của nhân dân: ăn, mặc, ở, sức khoẻ, học hành, đi lại và những nhu cầu khác; đáp ứng tích cực các yêu cầu của quốc phòng và an ninh. Đồng thời ra sức phấn đấu xây dựng thành công *nền khoa học và kỹ thuật tiên tiến* của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2- Mọi hoạt động khoa học và kỹ thuật, trong suốt thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, phải hướng vào phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp *cong nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa*, coi đó

là nhiệm vụ trung tâm, góp phần từng bước thực hiện kế hoạch tổ chức và trang bị lại toàn bộ nền kinh tế quốc dân trên cơ sở khoa học và kỹ thuật hiện đại, thực hiện cơ khí hoá, tự động hoá, điện khí hoá, hoá học hoá, đưa nền kinh tế của ta từ sản xuất nhỏ tiến lên một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa với *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hiện đại*; góp phần tích cực xây dựng *cơ sở vật chất và kỹ thuật* của chủ nghĩa xã hội trong vòng 3-4 kế hoạch 5 năm. Hiện nay, khoa học và kỹ thuật cần hướng vào nhiệm vụ thúc đẩy sự phát triển của *một số ngành công nghiệp quan trọng*: năng lượng và nhiên liệu, nguyên liệu và vật liệu, cơ khí và luyện kim, hoá chất, giao thông vận tải, v.v. và các ngành công nghiệp khác có liên quan trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp ở nước ta.

Trong những năm trước mắt, cần đẩy mạnh hoạt động khoa học và kỹ thuật, áp dụng nhanh chóng và rộng rãi các tiến bộ khoa học và kỹ thuật nhằm góp phần thực hiện bằng được *nhiệm vụ hàng đầu là phát triển vượt bậc nền sản xuất nông nghiệp toàn diện* của nước ta, phát huy được *các thế mạnh của đất nước* về lao động, đất đai, tài nguyên thiên nhiên nhiệt đới, *hình thành từng bước nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*, giải quyết tốt vấn đề bức thiết là *lương thực, thực phẩm, nguyên liệu* cho công nghiệp, *hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*.

3- Phát huy sức mạnh sáng tạo của khoa học và kỹ thuật kết hợp với tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, với truyền thống tốt đẹp của dân tộc, ra sức phấn đấu góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng *nền văn hoá mới* mang đầy đủ nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc, tính đảng và tính

nhân dân; xây dựng *con người mới* xã hội chủ nghĩa vừa cách mạng vừa khoa học, có tinh thần làm chủ tập thể, tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa và tinh thần quốc tế vô sản, yêu lao động, yêu khoa học, có năng lực làm chủ, sức khoẻ dồi dào, tình cảm cao đẹp, một lòng một dạ chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì lý tưởng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

4- Ra sức xây dựng *đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật và công nhân lành nghề* theo một quy hoạch thống nhất, có cơ cấu và trình độ phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của cả nước, của từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở, phù hợp với yêu cầu phát triển của các ngành khoa học và kỹ thuật trọng điểm của nước ta trước mắt và về lâu dài. Có cán bộ đầu đàn và chuyên gia trình độ cao trong nghiên cứu, giảng dạy và sản xuất, cán bộ có năng lực về tổ chức và quản lý trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội. Các yêu cầu quan trọng trên cần được vận dụng thích hợp vào nhiệm vụ và nội dung của giáo dục phổ thông, đại học, dạy nghề cũng như trong công tác giáo dục quần chúng rộng rãi.

5- Khoa học và kỹ thuật phải góp phần quan trọng vào công tác *tổ chức lại sản xuất, cải tiến quản lý kinh tế và xã hội, quản lý khoa học và kỹ thuật*, nhằm xây dựng hệ thống quản lý mới của nước ta.

6- Tích cực mở rộng *hợp tác quốc tế* về khoa học và kỹ thuật, kết hợp chặt chẽ với hợp tác kinh tế, và làm tiền đề cho mở rộng hợp tác kinh tế; nghiên cứu và lựa chọn những hình thức hợp tác thích hợp nhất trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi. Hết sức coi trọng chủ trương nhập các kỹ thuật có

chọn lọc, vận dụng những hình thức hợp tác kinh tế và khoa học - kỹ thuật có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của các ngành quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, có ý nghĩa lớn đối với yêu cầu tăng nhanh xuất khẩu.

7- Phát huy sức mạnh sáng tạo của khoa học và kỹ thuật để phát huy hết tiềm năng sản xuất hiện có và sẽ có nhằm *nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, tận dụng các nguồn nguyên liệu và nhiên liệu trong nước, tiết kiệm nhân lực và vật lực, đạt hiệu quả kinh tế cao, làm ra nhiều của cải vật chất cho xã hội*, góp phần giải quyết các nhiệm vụ cấp bách trước mắt là phát triển sản xuất, ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố và tăng cường khả năng quốc phòng; đồng thời đẩy mạnh tái sản xuất mở rộng, không ngừng tăng thu nhập quốc dân, xây dựng cuộc sống văn minh và hạnh phúc của nhân dân ta theo nguyên tắc và đạo đức của chế độ xã hội chủ nghĩa.

8- Ra sức khai thác theo chiều sâu tiềm lực khoa học và kỹ thuật hiện có, đồng thời tiếp tục phát triển tiềm lực về mọi mặt một cách đồng bộ, cân đối và có trọng điểm. Phấn đấu xây dựng thành công *nền khoa học và kỹ thuật tiên tiến của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, có trình độ hiện đại, bao gồm khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, và khoa học - kỹ thuật, có cơ cấu phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, văn hoá và xã hội của nước ta.

Nền khoa học và kỹ thuật đó phải có khả năng tạo ra những giá trị nhận thức mới để chỉ đạo hành động, đủ sức giải quyết những vấn đề khoa học và kỹ thuật trước mắt và lâu dài, do sản xuất, đời sống và quốc phòng đặt ra, với trình độ tiên tiến của thế giới, đón trước và mở ra cho nền kinh tế

và xã hội những phương hướng phát triển mới.

Nền khoa học và kỹ thuật đó biết phát huy mạnh mẽ tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, kế thừa truyền thống văn hóa và phát triển trên cơ sở khoa học những di sản tư tưởng khoa học và kinh nghiệm kỹ thuật sản xuất của dân tộc. Đồng thời, hết sức coi trọng việc tiếp thu có chọn lọc và làm chủ những thành tựu của cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại trên thế giới.

Ưu tiên phát triển một số *phương hướng khoa học và kỹ thuật có ý nghĩa quan trọng* đối với yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội, đối với sự phát triển tiềm lực khoa học và kỹ thuật của nước ta, có tính đến xu thế chủ yếu của sự phát triển khoa học và kỹ thuật trên thế giới. Phát triển đến đỉnh cao những ngành khoa học và kỹ thuật gắn liền với thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên, điều kiện nhiệt đới và con người Việt Nam.

Chú trọng phát triển sinh học, các ngành khoa học và kỹ thuật gắn liền với môi trường nhiệt đới, các khoa học kinh tế và quản lý. Ra sức nâng cao trình độ kỹ thuật và công nghệ, trước tiên là trong các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và hàng tiêu dùng, năng lượng, công nghiệp khai khoáng và luyện kim, công nghiệp dầu khí, công nghiệp chế tạo máy, công nghiệp điện tử, công nghiệp hóa chất. Vận dụng rộng rãi các phương pháp khoa học hiện đại vào công tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật và các ngành kinh tế quốc dân.

Việc xác định những phương hướng khoa học và kỹ thuật chủ yếu và thứ tự ưu tiên trong từng thời gian, cũng như trong suốt cả thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội là vấn

đề cực kỳ quan trọng, phải căn cứ vào đường lối và phương hướng phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội, vào thực tiễn hoạt động sản xuất, khoa học và kỹ thuật và khả năng hợp tác quốc tế mà tiếp tục nghiên cứu và xác định một cách chính xác và cụ thể.

*
* * *

Sự lãnh đạo và tổ chức thực hiện chính sách khoa học và kỹ thuật phải coi trọng *những phương châm và nguyên tắc* sau đây, mà tư tưởng cơ bản là xác định *bước đi* đúng đắn, sáng tạo ra những *phương pháp* có hiệu quả phù hợp với thực tế của nước ta.

1- Phải gắn liền khoa học và kỹ thuật với sản xuất và đời sống xã hội, làm cho khoa học và kỹ thuật nhanh chóng trở thành một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Dưa nhanh các tiến bộ khoa học và kỹ thuật của nước ta vào thực tiễn sản xuất, đời sống và quốc phòng.

Đặc biệt chú trọng tổng kết các điển hình tiên tiến về kinh tế và đời sống xã hội trên cơ sở khoa học, đề xuất các biện pháp có hiệu quả để nhanh chóng mở rộng.

Làm chủ và sớm vận dụng vào thực tiễn của nước ta những thành tựu khoa học và kỹ thuật của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước trên thế giới.

2- Phát triển khoa học và kỹ thuật phải toàn diện, đồng bộ và cân đối, nhưng phải hết sức tập trung vào những phương hướng trọng điểm, các ngành khoa học và kỹ thuật mũi nhọn, các chương trình ưu tiên. Khắc phục tình trạng

phân tán và tự phát.

3- Phải kết hợp chặt chẽ khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội; hết sức chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai, đồng thời quan tâm đầy đủ đến nghiên cứu cơ bản có định hướng.

4- Lãnh đạo và quản lý phát triển khoa học và kỹ thuật phải kết hợp chiều rộng với chiều sâu, kết hợp giữa các quy mô (nhỏ, vừa, lớn), các trình độ (từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp), vừa đáp ứng những yêu cầu cấp bách trước mắt, vừa bảo đảm cho sự phát triển về lâu dài.

5- Phát huy cao độ tính sáng tạo trong hoạt động khoa học và kỹ thuật, nêu cao tinh thần làm chủ tập thể và tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, kết hợp hoạt động của lực lượng nòng cốt là đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật với phong trào quần chúng rộng rãi nhằm sử dụng hết tiềm lực khoa học và kỹ thuật hiện có và sẽ có, nhanh chóng đem lại hiệu quả thiết thực, đáp ứng các mục tiêu kinh tế và xã hội.

6- Trong khi phát huy cao độ tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng tạo, ra sức tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, trước hết với Liên Xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, đặc biệt coi trọng sự hợp tác với hai nước Lào và Campuchia anh em.

Xuất phát từ đường lối chung của Đảng ta, căn cứ vào những nhiệm vụ, mục tiêu, phương châm và nguyên tắc đã nêu ở trên, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học - kỹ thuật, hơn bao giờ hết, cần dày công nghiên cứu, phát huy sức mạnh sáng tạo của mình, góp phần tìm ra *con đường phát triển kinh tế, khoa học và kỹ thuật thích hợp nhất*, những bước đi thích hợp nhất với hoàn cảnh cụ thể của nước

ta, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

III- NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT CHỦ YẾU

Các phương hướng khoa học và kỹ thuật phải gắn liền với nhiệm vụ phát triển vượt bậc sản xuất nông nghiệp của nước ta, phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, tạo cơ sở để thực hiện ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý.

Tập trung nỗ lực của khoa học và kỹ thuật vào yêu cầu giải quyết về cơ bản vấn đề *lương thực, thực phẩm*, phát triển các *hàng tiêu dùng* và tăng thêm nguồn *hang xuất khẩu*; đảm bảo cung cấp *năng lượng* và nhiên liệu cho sản xuất và đời sống; nâng cao trình độ và năng lực sản xuất của các ngành *cơ khí, luyện kim và hóa chất*, và tạo cơ sở *nguyên liệu* vững chắc cho các ngành kinh tế quốc dân; giải quyết tốt vấn đề *giao thông vận tải*.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác *điều tra cơ bản* tổng hợp làm cơ sở cho việc xây dựng *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp ở từng vùng và trong cả nước* và *cơ cấu nông - công nghiệp ở cấp huyện*; xây dựng những căn cứ khoa học cho việc *tổ chức lại nền sản xuất và cải tiến quản lý kinh tế và xã hội*.

Để góp phần thực hiện các phương hướng trên, khoa học và kỹ thuật cần phát huy có hiệu quả nguồn dự trữ *lao động* dồi dào của nước ta; phải đảm bảo sử dụng tối ưu, bảo vệ và không ngừng phát triển các nguồn *tài nguyên*: đất, nước, rừng, biển, các tài nguyên sinh vật và khoáng sản; phải đóng vai trò quan trọng trong việc sử dụng với hiệu suất cao các

máy móc thiết bị và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế; phải lấy việc thực hiện *tiết kiệm* năng lượng, nhiên liệu, nguyên liệu trong sản xuất và tiêu dùng làm một mục tiêu phấn đấu rất quan trọng.

A. Phương hướng tiến bộ khoa học và kỹ thuật

Cùng với các biện pháp tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý kinh tế, tiến bộ khoa học và kỹ thuật phải được coi là biện pháp hàng đầu để nâng cao năng suất lao động xã hội, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế.

1- Trong lĩnh vực *nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản và thủy lợi*.

Cần liên kết những cố gắng của nhiều ngành để khắc phục các khâu yếu kém trong nông nghiệp. Vận dụng rộng rãi các thành tựu của sinh học kết hợp với các biện pháp công nghiệp và biện pháp kinh tế nhằm đảm bảo vững chắc nhu cầu về lương thực - thực phẩm, nâng cao khả năng cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và tăng thêm nguồn hàng xuất khẩu.

Một vấn đề quan trọng để phát triển sản xuất hài hoà và khai thác tối ưu tài nguyên thiên nhiên ở nước ta là *xác định đúng đắn cơ cấu sản xuất* cho từng vùng kinh tế, thực hiện sự kết hợp hợp lý giữa trồng trọt và chăn nuôi, giữa sản xuất và chế biến, giữa nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản và công nghiệp, hình thành và phát triển *cơ cấu nông - công nghiệp ở cấp huyện*, đối với các vùng kinh tế khác nhau, chú trọng các vùng trọng điểm.

Khoa học và kỹ thuật cần hướng vào việc tuyển chọn, nhập nội, lai tạo và khu vực hoá các *giống cây trồng* và *vật*

nuôi, có năng suất cao, phẩm chất tốt, chống chịu trong điều kiện môi trường nhiệt đới, đặc biệt chú trọng các giống lúa, hoa màu chủ yếu, đậu tương và các loại rau đậu khác, các giống cây có sợi, có đường, có dầu, các giống cây công nghiệp dài ngày và ngắn này, các giống cây ăn quả, các giống lợn, trâu, bò, gia cầm..., các giống cá và thuỷ sản nước ngọt, nước lợ có giá trị kinh tế; xác định các bộ giống và cơ cấu giống phù hợp với từng mùa vụ và từng vùng sinh thái; xây dựng những căn cứ khoa học cho việc tổ chức sản xuất và cung cấp giống cho sản xuất đại trà.

Xây dựng và áp dụng hệ thống *các biện pháp kỹ thuật* tiên tiến; nâng cao hiệu quả sử dụng *các loại phân* hữu cơ và vô cơ, phát triển mạnh mẽ các loại phân xanh giàu đạm (bèo hoa dâu, cây họ đậu...); sử dụng kết hợp thức ăn tự nhiên với thức ăn công nghiệp nhằm phát triển nguồn *thức ăn cho chăn nuôi*; xây dựng các biện pháp tổng hợp *bảo vệ* có hiệu quả cây trồng và vật nuôi trên cơ sở kết hợp tốt nhất các biện pháp sinh học với các biện pháp canh tác và các biện pháp hoá học, coi trọng yêu cầu bảo vệ môi trường. Xây dựng hệ thống *công cụ* thích hợp từ thủ công đến nửa cơ giới và cơ giới cho trồng trọt, chăn nuôi, chế biến thuỷ sản, cho việc trồng rừng, khai thác, vận xuất và chế biến gỗ.

Hết sức coi trọng việc *sử dụng hợp lý, bảo vệ và cải tạo đất đai*. Tiến bộ khoa học và kỹ thuật phải phục vụ tốt cho việc thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích đất đai nông nghiệp, mở mang các vùng kinh tế mới, giữ vững và không ngừng nâng cao độ mõm của đất, ngăn chặn có hiệu quả hiện tượng xói mòn, thoái hoá.

Xây dựng các biện pháp *nông - lâm kết hợp*, cải tiến quy

trình kĩ thuật trồng rừng để thực hiện bằng được sự khôi phục diện tích phủ xanh cần thiết, trả lại mầu mỡ cho hàng triệu hécta đất trọc hiện đang thoái hoá, vừa cung cấp nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng, vừa bảo vệ đất, bảo vệ môi trường. Nghiên cứu hoàn thiện các phương pháp tổ chức sản xuất để khai thác tổng hợp tài nguyên. Chú trọng nghiên cứu áp dụng các biện pháp kĩ thuật bảo vệ rừng.

Phát triển mạnh mẽ *khoa học và kĩ thuật về biển*. Trên cơ sở điều tra thăm dò các nguồn tài nguyên, xác định trữ lượng, khả năng khai thác của biển, tổ chức lại sản xuất với cơ cấu nghề nghiệp hợp lý, cải tiến công cụ và phương pháp đánh bắt và nuôi trồng nhằm khai thác có hiệu quả cao nhất. Phát triển rộng rãi kĩ thuật nuôi cá nước ngọt và nước lợ.

Trong thuỷ lợi cần nghiên cứu quy hoạch khai thác, sử dụng tổng hợp các nguồn nước mặt, nước ngầm nhằm đảm bảo các nhu cầu của sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và đời sống, phát triển các hệ thống công trình thuỷ nông, kết hợp quy mô lớn với quy mô vừa và nhỏ, bảo đảm tưới tiêu khoa học, nhất là đối với các vùng chuyên canh lúa và cây công nghiệp; nghiên cứu và áp dụng từng bước các kĩ thuật tiên tiến trong việc xây dựng các công trình thuỷ lợi.

Một vấn đề quan trọng là cần nghiên cứu và từng bước xác định *cơ cấu bữa ăn* hợp lý, phù hợp với nhu cầu dinh dưỡng của từng lứa tuổi, từng loại nghề nghiệp, phù hợp với điều kiện và khả năng kinh tế của nước ta và của từng địa phương. Vấn đề này không những có ý nghĩa quan trọng đối với sức khoẻ của nhân dân, mà còn có ý nghĩa góp phần xác định phương hướng sản xuất lương thực, thực phẩm.

2- Trong lĩnh vực *công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực*

phẩm và công nghiệp dược phẩm.

Trong *công nghiệp nhẹ*, tiến bộ khoa học và kĩ thuật cần tập trung vào việc nghiên cứu sử dụng nguyên liệu trong nước phát triển các mặt hàng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và xuất khẩu: vải, lụa, len, các mặt hàng dệt; các dụng cụ gia đình và sản phẩm khác bằng sành, sứ, thuỷ tinh, phalê; các đồ dùng bằng da, caosu, chất dẻo; các loại giấy thông dụng, giấy bao bì và giấy kĩ thuật... Trước mắt, phải tự thiết kế và trang bị các dây chuyền quy mô vừa và quy mô nhỏ sản xuất các mặt hàng tiêu dùng để tận dụng lao động và nguồn nguyên liệu, vật liệu tại chỗ của các địa phương. Vận dụng khoa học và kĩ thuật vào việc phát triển thủ công mỹ nghệ. Hết sức coi trọng vấn đề từng bước hiện đại hoá tiểu công nghiệp. Chú trọng nâng cao chất lượng các mặt hàng.

Đối với những dây chuyền sản xuất hiện đại đã có và sẽ có, phải tập trung nghiên cứu giải quyết tốt các nhu cầu về phụ tùng và nguyên liệu, vật liệu thay thế, làm chủ các quy trình công nghệ tiên tiến để tăng nhanh số lượng các mặt hàng xuất khẩu đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Trong *công nghiệp thực phẩm*, cần chú trọng nghiên cứu và áp dụng các tiến bộ khoa học và kĩ thuật để bảo quản có hiệu quả, giảm đến mức thấp nhất tổn thất về lương thực, thực phẩm, cũng như các loại rau quả và hải sản xuất khẩu. Nghiên cứu và áp dụng những công nghệ chế biến thích hợp với nông sản và điều kiện nhiệt đới, cải tiến kĩ thuật chế biến và sản xuất đồ hộp để phục vụ cho bữa ăn của nhân dân và cho xuất khẩu.

Trong *công nghiệp dược phẩm*, cần phát hiện, nuôi trồng

và chế biến các loại cây thuốc, các loại động vật và thực vật có hoạt tính sinh học cao, tạo thêm nguồn dược liệu dồi dào trong nước, tăng khả năng sản xuất thuốc đáp ứng nhu cầu trong nước và để xuất khẩu. Đẩy mạnh tiến bộ khoa học và kỹ thuật để phát triển các ngành công nghiệp hoá dược, sinh tổng hợp và kháng sinh.

Vận dụng rộng rãi *công nghệ vi sinh* trong công nghiệp thực phẩm, công nghiệp dược và công nghiệp nhẹ.

3- Trong lĩnh vực *năng lượng - nhiên liệu*, cần nghiên cứu cân bằng năng lượng - nhiên liệu và xác định mức độ *điện khí hóa* tối ưu cho toàn quốc và trên từng vùng, trong từng thời kỳ phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Cần nâng cao độ tin cậy và chất lượng của việc cung cấp *năng lượng*, nâng cao hiệu quả sử dụng các nhà máy nhiệt điện, giảm tổn hao điện trên mạng lưới; đồng thời với việc xây dựng các công trình thuỷ điện lớn, tự thiết kế và thi công các nhà máy thuỷ điện nhỏ và vừa.

Nâng cao năng lực sản xuất than, cải tiến kỹ thuật chế biến than, nghiên cứu sử dụng các loại than có nhiệt lượng thấp.

Một hướng trọng điểm là cần đầu tư khoa học và kỹ thuật để tiếp tục tìm kiếm thăm dò, đẩy mạnh khai thác, chế biến *dầu khí*.

Ứng dụng các hình thức sử dụng từ thấp đến cao khí sinh vật, năng lượng mặt trời và gió.

Nghiên cứu và chuẩn bị các điều kiện để phát triển điện nguyên tử.

4- Trong lĩnh vực *cơ khí và công nghiệp điện tử*, cần xây

dựng quy hoạch *cơ khí hóa* cho các ngành kinh tế quốc dân với mức độ tối ưu trong từng thời kỳ, trên cơ sở đó tổ chức lại ngành cơ khí. Sắp xếp lại một cách khoa học các cơ sở hiện có để từng bước hình thành ngành công nghiệp điện tử.

Trước mắt, khoa học và kỹ thuật cần hướng vào nghiên cứu phương pháp, các quy trình công nghệ và thiết bị để phục hồi và chế tạo phụ tùng nhằm khai thác và sử dụng hết khả năng công suất của các máy móc và phương tiện hiện có.

Trong thiết kế và chế tạo máy, tiến bộ khoa học và kỹ thuật cần hướng vào việc nâng cao trình độ thiết kế, nắm vững các công nghệ cơ bản nhằm giải quyết tốt vấn đề chế tạo các công cụ lao động, máy móc, thiết bị cho các ngành kinh tế quốc dân, từ đơn giản phổ thông đến nửa cơ giới, cơ giới và hiện đại với chất lượng tốt, có các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật ngày càng cao, giảm chi phí về năng lượng và nguyên liệu, vật liệu cho một đơn vị sản phẩm.

Cần nâng cao trình độ kỹ thuật và công nghệ, chú trọng công nghệ chính xác, nắm vững công nghệ và thiết bị sản xuất các chi tiết lớn để từng bước trang bị nền kinh tế quốc dân trên cơ sở kỹ thuật tiến bộ, có năng suất cao, cơ giới hóa và tự động hóa sản xuất.

Trong lĩnh vực công nghiệp điện tử và vi điện tử, cần hướng vào giải quyết các vấn đề về vật liệu và công nghệ sản xuất linh kiện; đồng thời nâng cao trình độ thiết kế, tiến hành lắp ráp các khí tài điện tử để phục vụ cho nhu cầu trong nước và cho xuất khẩu.

5- Trong lĩnh vực *luyện kim*, nghiên cứu và áp dụng những công nghệ tiên tiến phù hợp với những đặc điểm của khoáng sản và nhiên liệu nước ta để tăng nhanh sản lượng

thép và một số *kim loại màu*. Chú trọng những công nghệ không dùng hoặc dùng ít than cốc, công nghệ luyện thép hợp kim và ferro, tinh luyện thiếc, sản xuất alumin và nhôm kim loại, hợp kim nhôm; công nghệ chế biến quặng đất hiếm. Đẩy mạnh phát triển ngành luyện kim bột. Nghiên cứu giải quyết tốt vấn đề than cốc và gạch chịu lửa cho ngành luyện kim.

6- Trong lĩnh vực *công nghiệp hóa chất*, cải tiến kỹ thuật và công nghệ để tận dụng tài nguyên trong nước, nâng cao khả năng đảm bảo nguyên liệu, vật liệu cho sản xuất công nghiệp và đáp ứng các nhu cầu của sản xuất nông nghiệp: phân bón, thuốc trừ sâu, các chất kích thích sinh trưởng, các hoá chất cơ bản và hoá chất tinh khiết, các loại vật liệu hoá học khác. Giải quyết tốt vấn đề bảo vệ chống ăn mòn cho các máy móc thiết bị của các dây chuyền sản xuất trong điều kiện nhiệt đới. Chú trọng vận dụng các quy trình công nghệ liên tục, các chu trình kín để tận dụng phế thải và không làm ô nhiễm môi trường. Tích cực chuẩn bị để triển khai công nghiệp hoá dầu.

7- Trong lĩnh vực *nguyên liệu và vật liệu*, tiến bộ khoa học và kỹ thuật cần hướng vào việc không ngừng mở rộng cơ sở nguyên liệu và vật liệu, trước hết từ các nguồn tài nguyên khoáng sản và sinh vật ở trong nước, sử dụng hợp lý và có hiệu quả các nguyên liệu nhập từ nước ngoài, đồng thời chú trọng nghiên cứu mọi khả năng thay thế bằng nguồn nguyên liệu trong nước; khai thác và sử dụng triệt để các nguồn sắn có ở địa phương, tận dụng các nguyên liệu thứ cấp, các phế liệu và chất thải; bảo đảm cung cấp ổn định nguyên liệu và vật liệu cho các ngành kinh tế quốc dân.

Trong *công tác địa chất*, cần nâng cao trình độ khoa học

và kỹ thuật, chú trọng cải tiến phương pháp và thiết bị để nâng cao chất lượng tìm kiếm thăm dò, cung cấp những số liệu đáng tin cậy về tài nguyên của đất nước. Đánh giá chính xác trữ lượng các khoáng sản, nhất là đối với các khoáng sản có giá trị kinh tế cao, cần thiết cho sự phát triển công nghiệp và cho xuất khẩu.

Trong *công nghiệp khai khoáng*, cần nghiên cứu và áp dụng các kỹ thuật và công nghệ khai thác và tuyển khoáng phù hợp với đặc điểm tài nguyên và điều kiện tự nhiên của ta nhằm nâng cao năng suất khai thác và giảm tỷ lệ tổn thất tài nguyên. Chú trọng thích đáng các công nghệ tận dụng các mỏ nhỏ, các loại quặng nghèo và khó xử lý.

Đẩy mạnh tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong việc xây dựng và phát triển những vùng chuyên canh bảo đảm cung cấp nguyên liệu ổn định và có chất lượng cho nhu cầu phát triển công nghiệp.

Nghiên cứu và áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ để khai thác và sử dụng tổng hợp các tài nguyên của rừng, biển và thềm lục địa, vừa mở rộng được cơ sở nguyên liệu cho công nghiệp, vừa bảo đảm cho sự tái sinh và tăng trưởng không ngừng của các nguồn tài nguyên sinh vật.

8- Trong lĩnh vực *xây dựng, giao thông vận tải và thông tin liên lạc*.

Từng bước phát triển *ngành xây dựng* theo hướng cơ giới hóa và công nghiệp hóa. Trước mắt, cần hợp lý hóa tổ chức thi công. Kết hợp công cụ thủ công với cơ giới để nâng cao năng suất lao động và chất lượng công trình. Áp dụng tiêu chuẩn hoá, thống nhất hoá, định hình hoá, và từng

bước tự động hóa công tác thiết kế. Sử dụng tài nguyên trong nước để phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng.

Trong *giao thông vận tải*, cần đề xuất và thực hiện các biện pháp tổ chức - quản lý và kỹ thuật để nâng cao hiệu suất sử dụng các công trình giao thông, các phương tiện vận tải hiện có và tiết kiệm nhiên liệu. Xây dựng phương hướng tiếp tục *phát triển và hoàn thiện mạng lưới giao thông có cơ cấu hợp lý*, với tỷ lệ tối ưu giữa các loại phương tiện, chú ý kết hợp các phương tiện cơ giới với các phương tiện phổ thông cải tiến, ưu tiên các phương tiện đường sông, đường biển; phát triển công nghiệp đóng tàu. Hợp lý hóa tổ chức, cơ giới hóa công tác bốc dỡ để nâng cao khả năng của các bến cảng và các khu đầu mối giao thông quan trọng.

Trong *thông tin bưu điện*, cần đầu tư khoa học và kỹ thuật vào việc nâng cao hiệu quả sử dụng mạng lưới thông tin hiện có, đồng thời tập trung lực lượng vào việc *xây dựng từng bước một mạng lưới thông tin liên lạc hiện đại, thống nhất* trong cả nước, kết nối được với mạng thông tin nước ngoài. Nhanh chóng đưa các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào thông tin bưu chính để nâng cao năng suất lao động, chất lượng phục vụ, hiệu quả kinh tế.

9- Trong lĩnh vực *bảo vệ sức khỏe*.

Cần nghiên cứu cơ cấu bệnh tật trong nhân dân, nâng cao trình độ và chất lượng công tác phòng bệnh và chữa bệnh, chú ý các bệnh xã hội, các bệnh nhiệt đới, các bệnh do hậu quả của chiến tranh, bệnh trẻ em và những bệnh hiểm nghèo. Tiếp thu và vận dụng tốt những thành tựu hiện đại của *y học thế giới*, đồng thời kế thừa và nâng cao những thành tựu và kinh nghiệm của *y học cổ truyền*, những kinh

nghiệm gia truyền có hiệu quả.

Cần nghiên cứu cải thiện *điều kiện lao động*, bảo đảm vệ sinh và an toàn lao động, ngăn chặn các bệnh nghề nghiệp. Nghiên cứu đề xuất các biện pháp hạn chế sinh để có hiệu lực. Phát huy vai trò của thể dục, thể thao trong công tác bảo vệ sức khoẻ và phát triển con người một cách hài hoà.

10- Trong lĩnh vực *bảo vệ môi trường*, cần đẩy mạnh các công trình nghiên cứu làm cơ sở cho việc bảo vệ có hiệu lực các hệ sinh thái, cho sự tái sinh của các tài nguyên thiên nhiên trong điều kiện nhiệt đới của nước ta trong quá trình phát triển kinh tế (khai hoang, khai thác dầu khí, xây dựng các công trình thuỷ điện, v.v.), cho việc khôi phục các hệ sinh thái đã bị phá hoại do chiến tranh và do việc khai thác tài nguyên không có tổ chức gây ra. Chú trọng đề xuất các biện pháp chống ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, chống thoái hoá đất và chống các tác nhân độc hại trong lao động sản xuất và trong sinh hoạt, nhất là tại các khu công nghiệp và các thành phố.

B. Phương hướng khoa học và kỹ thuật trong lĩnh vực *điều tra cơ bản, tổ chức nền kinh tế và đời sống xã hội, cải tiến quản lý kinh tế và xã hội*

Cần đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và về các yếu tố kinh tế - xã hội và con người để phục vụ cho việc tổ chức nền kinh tế và đời sống xã hội và cải tiến quản lý kinh tế và xã hội.

Công tác điều tra cơ bản phải luôn luôn đi trước một bước, phải được tiến hành có trọng điểm và đồng bộ, phải phối hợp tốt giữa điều tra từng yếu tố và điều tra tổng hợp

trên từng địa bàn khu vực. Tập trung ưu tiên cho những công trình điều tra nghiên cứu những tài nguyên khoáng sản và sinh vật có ý nghĩa lớn đối với nền kinh tế quốc dân (dầu mỏ, khí đốt, bôxít, tài nguyên biển và thềm lục địa...); đẩy mạnh điều tra toàn diện các vùng kinh tế khác nhau trong cả nước, chú trọng các vùng trọng điểm kể cả thềm lục địa.

Trong lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên, cần có những kết luận có căn cứ để đánh giá dự trữ các loại *tài nguyên trên mặt đất, trong lòng đất, thềm lục địa và trong vùng biển* của nước ta và đề xuất *chính sách sử dụng, bảo vệ và phát triển tài nguyên* đáp ứng kịp thời các yêu cầu của thực tiễn xây dựng đất nước.

Nâng cao chất lượng dự báo khí tượng thuỷ văn, dự báo các tai biến thiên nhiên, dự báo khí tượng nông nghiệp.

Cần sớm hoàn chỉnh *tập bản đồ quốc gia*.

Trong công tác điều tra cơ bản, cần tập hợp rộng rãi mọi lực lượng khoa học và kỹ thuật trong nước, mở rộng hợp tác khu vực, hợp tác quốc tế, tận dụng tối đa các phương pháp và phương tiện kỹ thuật hiện đại nhằm rút ngắn thời gian và nâng cao chất lượng công tác điều tra.

Cần đẩy mạnh nghiên cứu các căn cứ khoa học phục vụ trực tiếp cho việc phân vùng quy hoạch và phân bố lực lượng sản xuất, sớm xây dựng được *tổng sơ đồ về phân bố các lực lượng sản xuất* và những kiến nghị về *hình thành cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp ở cả nước*, và ở từng địa phương, từng vùng kinh tế lớn, *cơ cấu nông - công nghiệp ở cấp huyện* trong từng thời kỳ phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Phát triển đồng bộ những hướng nghiên cứu phục vụ trực tiếp cho việc hoàn thiện công tác quản lý kinh tế và xã hội.

Xây dựng những căn cứ khoa học cho việc cải tiến *hệ thống tổ chức quản lý kinh tế và xã hội* từ trung ương đến địa phương và cơ sở, cho việc cải tiến công tác kế hoạch hóa, cho việc áp dụng các phương pháp quản lý phù hợp với trình độ phát triển của sản xuất và xã hội.

Đẩy mạnh công tác *tiêu chuẩn hóa* làm cơ sở cho việc chuyên môn hóa và hiệp tác hóa sản xuất, cũng như cho việc hợp tác sản xuất với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế.

Kiện toàn công tác *quản lý kỹ thuật*, đưa công tác tiêu chuẩn hóa, đo lường và kiểm tra chất lượng sản phẩm vào nền nếp tại các cơ sở sản xuất.

Cần áp dụng các phương pháp khoa học và các công cụ tính toán hiện đại trong công tác quản lý; nhanh chóng xây dựng hệ thống thông tin kinh tế, xã hội thống nhất từ trung ương đến địa phương, hoạt động có hiệu quả; phổ cập rộng rãi các phương pháp tổ chức lao động có khoa học trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế - xã hội.

C. Phương hướng nghiên cứu khoa học tự nhiên

Khoa học tự nhiên phải nhằm vào việc xây dựng cơ sở khoa học cho việc tìm kiếm, khai thác, sử dụng và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường nước ta, cho việc sử dụng có hiệu quả các nguồn năng lượng, nhiên liệu, nguyên liệu của đất nước, cho việc phát triển các ngành kỹ thuật công nghiệp, nông nghiệp và y tế, cho việc tổ chức lại nền sản xuất và cải tiến quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Trong khi chú trọng nghiên cứu ứng dụng, cần quan tâm đầy đủ đến nghiên cứu cơ bản có định hướng nhằm tạo cơ sở

khoa học cho sự phát triển các nghiên cứu ứng dụng và tiếp thu các thành tựu hiện đại của khoa học và kỹ thuật trên thế giới, đảm bảo cho sự phát triển vững chắc của nền khoa học và giáo dục Việt Nam. Cần chú trọng phát triển các lĩnh vực nghiên cứu gắn với điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nước ta.

Toán học và điều khiển học - Nghiên cứu và ứng dụng các phương pháp toán học, điều khiển học và kỹ thuật tính toán phục vụ quản lý kinh tế, quản lý xã hội, điều tra cơ bản, phục vụ các ngành khoa học, kỹ thuật. Nghiên cứu ứng dụng một số kỹ thuật mũi nhọn về xử lý thông tin và điều khiển để góp phần phát triển kỹ thuật tính toán và điều khiển ở nước ta. Phát triển một số hướng chọn lọc về toán học lý thuyết, khoa học hệ thống và khoa học xử lý thông tin.

Vật lý - Nghiên cứu những vấn đề vật lý làm cơ sở cho việc xây dựng các quy trình công nghệ chế tạo các vật liệu vô cơ, đặc biệt từ các nguồn tài nguyên khoáng sản nước ta và cho việc phát triển các ngành công nghiệp hiện đại. Nghiên cứu về vật lý các quá trình biến đổi năng lượng để phục vụ việc sử dụng tối ưu các nguồn năng lượng, nhiên liệu nước ta. Nghiên cứu các hiệu ứng, các phương pháp vật lý hiện đại có khả năng ứng dụng vào công tác điều tra các nguồn tài nguyên thiên nhiên, vào sản xuất và phục vụ sự phát triển các ngành khoa học khác. Nghiên cứu những quy luật cơ bản về cấu trúc của vật chất làm nền tảng cho sự phát triển khoa học tự nhiên nước ta. Nghiên cứu những vấn đề vật lý làm cơ sở cho việc sử dụng không gian vũ trụ ở nước ta.

Cơ học - Nghiên cứu và ứng dụng các vấn đề cơ học làm cơ sở khoa học cho việc nâng cao hiệu quả kinh tế - kỹ thuật

và chất lượng của máy móc, công trình xây dựng, cho việc sử dụng các công nghệ tiên tiến và vật liệu mới. Điều tra, nghiên cứu các quy luật cơ học cơ bản của các môi trường và hiện tượng tự nhiên của nước ta. Phát triển nghiên cứu các hiệu ứng cơ học mới, cơ học của các hệ phức hợp, lý thuyết tối ưu hoá các hệ cơ học, các phương pháp tính và phương pháp thực nghiệm trong cơ học.

Hoá học - Nghiên cứu cơ sở khoa học về công nghệ phục vụ việc xử lý phức hợp các tài nguyên thiên nhiên (khoáng vật, dầu khí, tài nguyên sinh vật) và chế tạo các vật liệu, các loại hoá phẩm, trước hết là những hoá phẩm phục vụ nông nghiệp và bảo vệ sức khoẻ. Từng bước xây dựng các lĩnh vực hoá học đặc thù trên cơ sở tài nguyên và điều kiện tự nhiên, xã hội của nước ta: hoá dầu (và than), hoá các hợp chất sinh học, hoá phốtpho, hoá nhôm, hoá kim loại quý và đất hiếm, hoá silicát, điện hoá học, tổng hợp hữu cơ tinh vi.

Sinh học - Điều tra nghiên cứu để nắm vững các tài nguyên sinh vật, nghiên cứu các quy luật tồn tại và biến động của các hệ sinh thái nhiệt đới trên đất liền và ở biển làm cơ sở khoa học để đề xuất phương hướng, các biện pháp sử dụng hợp lý, bảo vệ và phát triển chúng. Ứng dụng các thành tựu sinh học hiện đại để giải quyết các vấn đề của sản xuất và đời sống, chú trọng việc tạo ra các phương pháp sinh học có hiệu quả nhằm tăng năng suất cây trồng và vật nuôi, bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ nhân dân. Tiến hành một số nghiên cứu sinh học hiện đại có triển vọng.

Các khoa học về trái đất - Tiến hành nghiên cứu tổng hợp các điều kiện và hiện tượng tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của nước ta làm cơ sở cho việc phân vùng quy hoạch,

cho kế hoạch phát triển kinh tế, cho việc sử dụng, khai thác hợp lý, cải tạo và bảo vệ tài nguyên, môi trường nước ta. Nghiên cứu những quy luật cơ bản của địa chất, địa lý, vật lý địa cầu, của sự thành tạo và phân bố khoáng sản nhằm phục vụ cho việc tìm kiếm tài nguyên khoáng sản, cho việc quy hoạch và thiết kế các công trình xây dựng.

Nghiên cứu các quy luật hình thành và biến động của các quá trình chủ yếu của biển nhiệt đới trong vùng biển Đông và thêm lục địa nước ta, đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế và quốc phòng.

D. Phương hướng nghiên cứu và hoạt động của các ngành khoa học xã hội

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, nắm vững nguyên tắc thống nhất giữa tính đảng và tính khoa học, liên hệ lý luận với thực tiễn, khoa học xã hội cần tập trung nghiên cứu *các quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, các quy luật phát triển của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, góp phần làm rõ những cơ sở khoa học của *việc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải tạo xã hội chủ nghĩa*, góp phần xây dựng và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và phục vụ thiết thực cho sự nghiệp xây dựng *chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới và con người mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*.

Khoa học xã hội nghiên cứu và nắm vững những đặc điểm và quy luật phát triển của xã hội Việt Nam, dân tộc Việt Nam, con người Việt Nam trong quá trình lịch sử tiến lên làm chủ vận mệnh của đất nước. Tổng kết những bài học

lịch sử của sự nghiệp dựng nước và giữ nước; giáo dục truyền thống đoàn kết đấu tranh, anh hùng bất khuất, lao động cần cù, thông minh sáng tạo, phong cách sống, lao động, chiến đấu cao đẹp của dân tộc Việt Nam. Tập trung nghiên cứu những tư tưởng và tình cảm lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh để giáo dục rộng rãi trong nhân dân. Nghiên cứu và giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng. Đấu tranh xoá bỏ những hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội, những tàn dư tư tưởng của phong kiến, tư sản và chủ nghĩa thực dân mới.

Nghiên cứu có trọng điểm các vấn đề lý luận và thực tiễn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, của phong trào cộng sản quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc, góp phần tăng cường khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh ba dòng thác cách mạng. Đấu tranh... chống mọi chủ nghĩa cơ hội, chống hệ tư tưởng tư sản và các trào lưu tư tưởng phản động khác.

Tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin chiếm địa vị thống trị trong đời sống tinh thần của xã hội nước ta và trở thành cơ sở tư tưởng và phương pháp luận chung cho các ngành khoa học và giải quyết đúng đắn các vấn đề thực tiễn.

Triết học - Nghiên cứu, phổ biến và vận dụng những vấn đề cơ bản của triết học Mác - Lê-nin để xây dựng thế giới quan khoa học, nhân sinh quan cộng sản chủ nghĩa, và phương pháp luận của triết học Mác - Lê-nin cho cán bộ và nhân dân.

Nghiên cứu những vấn đề triết học của chuyên chính vô

sản trong thời kỳ quá độ, của chế độ làm chủ tập thể, của cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá. Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa cơ sở và thượng tầng, giữa tồn tại và ý thức xã hội.

Nghiên cứu lịch sử tư tưởng triết học của dân tộc và sự thắng lợi của tư tưởng triết học Mác - Lê nin ở Việt Nam. Tiến hành phê phán có hệ thống các trào lưu triết học tư sản hiện đại, chủ nghĩa chống cộng,..., các chủ nghĩa cơ hội và các xu hướng triết học phản động khác. Mở rộng nghiên cứu các ngành đạo đức học, tâm lý học, mỹ học, lịch sử triết học.

Các khoa học kinh tế - Nghiên cứu các vấn đề của cách mạng về quan hệ sản xuất, của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, sự tác động của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ, của tổ chức và quản lý kinh tế, v.v.. Nghiên cứu những vấn đề hợp tác quốc tế, vấn đề liên kết kinh tế xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, sự khủng hoảng kinh tế của thế giới tư bản...; chính sách kinh tế của các nước Đông - Nam Á; phê phán lý luận chính trị kinh tế học tư sản hiện đại.

Phối hợp với các ngành khoa học có liên quan, đẩy mạnh công tác nghiên cứu của ngành địa lý nước ta.

Chủ nghĩa xã hội khoa học - Nghiên cứu về các quy luật của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, về liên minh công nông, về các vấn đề dân tộc và tôn giáo trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nghiên cứu vấn đề xoá bỏ hoàn toàn mâu thuẫn đối kháng trong xã hội và xoá bỏ dần sự khác biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa nông thôn và thành thị.

Đặc biệt nghiên cứu kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại, và các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa khác, sự hình thành khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa và hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới.

Xã hội học - Xây dựng phương pháp luận xã hội học Mác - Lê nin, dần dần tổ chức tiến hành những cuộc điều tra cơ bản trên mọi lĩnh vực của xã hội. Điều tra xã hội về cơ cấu xã hội Việt Nam từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, về cơ cấu gia đình và dân số, về tình hình sinh hoạt, thái độ chính trị của các giai cấp, các tầng lớp xã hội. Điều tra và nghiên cứu về tình hình quản lý xã hội, về tình hình lao động và dịch vụ, về nhu cầu văn hoá, về quá trình hình thành lối sống xã hội chủ nghĩa trong các tầng lớp nhân dân.

Luật học - Nghiên cứu những vấn đề lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật ở Việt Nam. Nghiên cứu những vấn đề lý luận pháp luật phục vụ cho việc quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, trong đó đặc biệt chú ý đến quản lý kinh tế. Nghiên cứu những điều kiện xã hội tạo nên hiệu lực của pháp chế và phát triển ý thức pháp luật xã hội chủ nghĩa, cơ chế đảm bảo quyền làm chủ tập thể của nhân dân, góp phần thực hiện *Hiến pháp* mới.

Các khoa học lịch sử (sử học, dân tộc học, khảo cổ học) - Nghiên cứu có hệ thống toàn bộ lịch sử nước ta, quá trình hình thành và lớn mạnh của cộng đồng dân tộc Việt Nam, từ buổi bình minh dựng nước qua các nền văn minh Văn Lang, Đại Việt, cho đến nền văn minh Việt Nam trong thời đại ngày nay, đặc biệt coi trọng thời kỳ lịch sử cận đại.

Hoàn thành bộ sử Việt Nam.

Đẩy mạnh dân tộc học, khảo cổ học.

Từng bước mở rộng việc nghiên cứu lịch sử các dân tộc trên thế giới, trước hết là lịch sử các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng.

Không ngừng nâng cao phương pháp luận sử học mácxít.

Các khoa học ngữ văn - Nghiên cứu về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa, các vấn đề cơ bản của lý luận Mác - Lênin về văn học và nghệ thuật. Đấu tranh chống mọi quan điểm phản động hoặc sai lầm trên lĩnh vực văn nghệ.

Nghiên cứu các vấn đề lịch sử văn nghệ Việt Nam và lịch sử văn nghệ thế giới, trước hết là văn nghệ các nước xã hội chủ nghĩa anh em và các nước có nền văn nghệ lớn trên thế giới.

Nghiên cứu những vấn đề văn hoá dân gian trên mọi lĩnh vực văn học, nghệ thuật, phong tục tập quán...

Thu thập, thu hồi, bảo tồn, khai thác các tài liệu thư tịch Hán Nôm.

Chuẩn hoá và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Nghiên cứu chính sách đối với tiếng nói và chữ viết của các dân tộc ít người ở Việt Nam. Hoàn thiện cuốn ngũ pháp Việt Nam, từ điển phổ thông tiếng Việt và xúc tiến biên soạn từ điển bách khoa Việt Nam.

IV - PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT HUY VÀ PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

Để thực hiện được những mục tiêu của chính sách khoa học và kỹ thuật, *yếu tố quyết định* là phải phát huy cao nhất tiềm lực khoa học và kỹ thuật hiện có về đội ngũ cán bộ, về hệ thống tổ chức và cơ sở vật chất - kỹ thuật nhằm vào

những yêu cầu cấp bách nhất của sự phát triển kinh tế và xã hội, tập hợp lực lượng khoa học và kỹ thuật vào các chương trình tiến bộ khoa học và kỹ thuật và nghiên cứu khoa học, có những chính sách, chế độ và biện pháp cần thiết để tạo ra những điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật của ta phục vụ thiết thực cho các yêu cầu sản xuất và đời sống. Đồng thời, tiếp tục phát triển tiềm lực khoa học và kỹ thuật một cách đồng bộ và cân đối vào những mục tiêu trước mắt và lâu dài của chính sách khoa học và kỹ thuật.

1. Cải tiến việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ khoa học và kỹ thuật

Trên cơ sở kiểm kê và đánh giá một cách toàn diện tiềm năng và hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ, để thực hiện các mục tiêu của chính sách khoa học và kỹ thuật, *cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ cho hợp lý nhằm phát huy hết khả năng từng người và tiềm lực của toàn đội ngũ*.

Vấn đề cấp bách hiện nay là phải tổ chức, sử dụng tốt hơn, với hiệu quả cao hơn đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật hiện có. Thành lập ngay Hội đồng đào tạo và phân phối cán bộ khoa học và kỹ thuật Nhà nước. Hội đồng này có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và có thẩm quyền điều động cán bộ khoa học và kỹ thuật từ ngành này sang ngành khác, từ địa phương này sang địa phương khác khi cần thiết. Theo quy định được quy định, thủ trưởng các cấp, kể cả các cơ quan khoa học và kỹ thuật có trách nhiệm bố trí cán bộ của mình cho phù hợp nhất với nhiệm vụ của cơ quan và khả năng của từng người. Mặt khác, trong khi nghiêm chỉnh chấp hành nhiệm vụ được tổ chức phân công,

cán bộ khoa học và kỹ thuật có thể để đạt nguyện vọng về việc bố trí công tác cho phù hợp nhất với khả năng của mình để phục vụ tốt cho nhu cầu của xã hội.

Thực hiện sự kết hợp tốt giữa điều động của cấp trên với trách nhiệm bố trí của thủ trưởng trực tiếp và sự tự nguyện của cán bộ để nhanh chóng hình thành những tập thể khoa học - kỹ thuật hoạt động sáng tạo, ngày càng đồng bộ và ngày càng chuyên sâu.

Phải ưu tiên tập trung vào những cơ quan khoa học đang có yêu cầu bức thiết, *nhanh chóng hình thành những tập thể đồng bộ đủ khả năng giải quyết những vấn đề khoa học và kỹ thuật quan trọng và quyết định nhất*, chú trọng tăng cường cho các cơ sở sản xuất những cán bộ khoa học và kỹ thuật có khả năng thực hành giỏi, nhằm đưa khoa học và kỹ thuật vào sản xuất một cách có hiệu quả.

Đồng thời, *phải tập hợp đồng đảo cán bộ khoa học và kỹ thuật* của nhiều cơ sở khoa học, nhiều đơn vị, nhiều ngành, nhiều địa phương vào các chương trình tiến bộ khoa học và kỹ thuật và nghiên cứu khoa học để cùng nhau thực hiện những nhiệm vụ khoa học và kỹ thuật được Đảng và Nhà nước giao cho.

Cân xây dựng thành chế độ để khuyến khích cán bộ giảng dạy tham gia nghiên cứu và sản xuất, cán bộ nghiên cứu, sản xuất và quản lý tham gia giảng dạy, nhất là đối với cán bộ đầu ngành và cán bộ có trình độ khoa học và kỹ thuật cao.

Cần mạnh dạn sử dụng cán bộ khoa học và kỹ thuật trẻ có năng lực và phẩm chất. Đặc biệt chú trọng đảm bảo những phương tiện làm việc và những điều kiện sinh hoạt cần thiết

để cho cán bộ khoa học và kỹ thuật, nhất là đối với những cán bộ có nhiều cống hiến và khả năng sáng tạo, có thể tập trung được thời gian và trí tuệ vào công tác khoa học. Cần đảm bảo cho cán bộ khoa học và kỹ thuật không ngừng nâng cao trình độ trong quá trình hoạt động thực tiễn bằng nhiều hình thức bồi dưỡng thích hợp.

Cần có chính sách và biện pháp tổ chức thích hợp để đồng đảo *kiều bào* có thể trực tiếp đóng góp vào sự phát triển khoa học và kỹ thuật của đất nước.

Trong công tác đào tạo cán bộ khoa học và kỹ thuật, phải quán triệt đầy đủ Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục.

Quy hoạch đào tạo phải được xây dựng một cách có căn cứ khoa học, đảm bảo *phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội* và cân đối với những điều kiện *đảm bảo chất lượng đào tạo*.

Đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật phải *đồng bộ về cơ cấu ngành nghề, trình độ và loại hình*. Cần chú trọng đặc biệt việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu khoa học và kỹ thuật, cán bộ quản lý khoa học và kỹ thuật có trình độ cao.

Phát triển mạnh việc đào tạo *trên đại học* với sự chỉ đạo chặt chẽ về quy hoạch và chất lượng đào tạo, đảm bảo sự đồng bộ về đội ngũ và phù hợp với các mục tiêu của chính sách khoa học và kỹ thuật. Nội dung các luận án phải hướng vào giải quyết những vấn đề thiết thực trước mắt và lâu dài do thực tiễn đất nước đề ra.

Mở rộng đào tạo *trên đại học ở trong nước*, bao gồm cả phó tiến sĩ và tiến sĩ. Thực hiện việc tiêu chuẩn hóa cán bộ giảng dạy theo chức vụ khoa học.

Đặc biệt quan tâm đến việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng

đúng chỗ *công nhân lành nghề*, coi đó là một lực lượng không thể thiếu trong việc đưa khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, nâng cao chất lượng sản phẩm; cùng với quần chúng lao động đồng đảo tiến quân vào mặt trận khoa học và kỹ thuật, không ngừng phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất. Phải ban hành các chế độ chính sách khuyến khích công nhân lành nghề tích cực công tác, ngày càng đi sâu vào nghề nghiệp.

Trên cơ sở đảm bảo sự bình đẳng thực sự về quyền lợi học tập cho mọi người và phổ cập giáo dục cho toàn dân, đảm bảo chất lượng giáo dục phổ thông, cần quan tâm đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ khoa học và kỹ thuật giỏi, *những nhân tài của đất nước*. Cần có biện pháp để sớm phát hiện mầm mống các tài năng từ những trường phổ thông cơ sở, tiếp tục đào tạo tại các trường lớp phổ thông khiếu, có kế hoạch đào tạo những học sinh xuất sắc nhanh chóng trở thành những cán bộ khoa học và kỹ thuật giỏi và trẻ tuổi. Trong các trường đại học, cần xây dựng một số trường đại học về ngành trọng điểm có đủ năng lực đào tạo được những nhà khoa học và kỹ thuật giỏi cho đất nước.

2. Kiện toàn hệ thống cơ quan nghiên cứu và triển khai

Tổ chức lại hệ thống các cơ quan nghiên cứu và triển khai trên nguyên tắc phân công hợp lý về chức năng và nhiệm vụ, trong đó:

Viện hàn lâm khoa học là cơ quan nghiên cứu khoa học cao nhất của Nhà nước, nơi tập hợp những cán bộ khoa học và kỹ thuật có trình độ cao, phẩm chất chính trị tốt, đã có

những cống hiến khoa học và kỹ thuật cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những người tiêu biểu cho nền khoa học Việt Nam.

Viện hàn lâm tiến hành nghiên cứu cơ bản các khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, đồng thời phụ trách những hướng nghiên cứu có triển vọng trong lĩnh vực khoa học - kỹ thuật có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và kỹ thuật của đất nước.

Viện hàn lâm thực hiện sự chỉ đạo về phương hướng nghiên cứu khoa học, phối hợp điều hoà các công trình nghiên cứu khoa học về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong cả nước, tham gia xây dựng chính sách khoa học và kỹ thuật của Nhà nước.

Trong các ngành kinh tế - kỹ thuật, phải điều chỉnh, sắp xếp lại và kiện toàn các cơ quan nghiên cứu và triển khai trên nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ trong các hoạt động từ nghiên cứu đến sản xuất, trong đó có những *viện nghiên cứu* quan trọng về những vấn đề mang tính chất chung về kinh tế và quản lý ngành và những vấn đề khoa học và kỹ thuật có tầm bao quát toàn ngành; có viện và cơ sở nghiên cứu chuyên ngành giải quyết từng nhiệm vụ kỹ thuật và công nghệ quan trọng hoặc từng cây, con trong nông nghiệp, nông trường, hợp tác xã,... Từng bước xây dựng *các liên hiệp khoa học - sản xuất* tại các bộ, các ngành, các địa phương thành cơ chế phối hợp các hoạt động khoa học - kỹ thuật và sản xuất, rút ngắn thời gian đưa các kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

Các cơ quan nghiên cứu và triển khai của các ngành cần

được sắp xếp hợp lý theo từng vùng kinh tế, tạo điều kiện cho sự phối hợp nghiên cứu của các cơ quan đó trên phạm vi lãnh thổ, sử dụng tốt nhất những cơ sở nghiên cứu và triển khai của địa phương nhằm mục đích làm chủ và nhân rộng kết quả của các ngành trong địa phương.

Mỗi trường đại học phải là một cơ sở giảng dạy đồng thời là một cơ sở nghiên cứu khoa học. Phát triển rộng rãi công tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật trong các trường đại học nhằm phát huy thế mạnh của đông đảo đội ngũ cán bộ khoa học và tính đồng bộ, đa dạng trong cơ cấu các ngành chuyên môn.

Phát huy hết tiềm năng của những cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ giảng dạy của trường, đồng thời xây dựng những phòng hoặc *viện nghiên cứu* chuyên ngành, chuyên đề hay liên ngành cần thiết.

Hoạt động nghiên cứu và triển khai của trường đại học phải nhằm giải quyết những vấn đề khoa học và kỹ thuật bức thiết nhất của nền kinh tế quốc dân, trước hết là những nhiệm vụ của các chương trình tiến bộ khoa học và kỹ thuật và chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm của Nhà nước, đồng thời coi trọng việc nghiên cứu phát triển lý luận của các ngành khoa học, phát triển khoa học giáo dục đại học, cải tiến nội dung chương trình đào tạo.

Cần có những hình thức tổ chức thích hợp: phát triển hình thức hợp đồng nghiên cứu và triển khai để kết hợp chặt chẽ nghiên cứu giảng dạy và sản xuất, nhất là kết hợp chặt chẽ giữa các trường đại học và các viện nghiên cứu của Viện hàn lâm khoa học và viện nghiên cứu của các ngành.

3. Đầu tư thích đáng cho các hoạt động khoa học và kỹ thuật

Cần khẳng định rằng *trong điều kiện kinh tế càng khó khăn, trình độ kỹ thuật của sản xuất càng thấp kém, thì càng phải chú trọng đầu tư cho các hoạt động khoa học và kỹ thuật, cho công tác đào tạo cán bộ khoa học và kỹ thuật và công nhân kỹ thuật*. Chính đó là con đường góp phần nhanh chóng nâng cao năng suất lao động xã hội và giải quyết triệt để những khó khăn trong sản xuất và trong nền kinh tế hiện nay. Mặt khác, phải tạo ra cho được một sự chuyển biến lớn trong việc nâng cao hiệu quả kinh tế của hoạt động khoa học và kỹ thuật *làm cho việc đầu tư cho khoa học và kỹ thuật trong thực tế trở thành hướng đầu tư có lợi nhất cho nền kinh tế quốc dân*.

Cần nâng cao tỷ lệ đầu tư tài chính cho hoạt động nghiên cứu và triển khai lên khoảng 2% thu nhập quốc dân trong kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, để đảm bảo cho công tác nghiên cứu khoa học và đặc biệt là để đẩy mạnh khâu nghiên cứu triển khai, đưa kết quả nghiên cứu khoa học vào sản xuất, đồng thời trong số đó, dành một tỷ lệ ngoại tệ cần thiết của kim ngạch xuất khẩu để giải quyết những nhu cầu về vật tư thiết bị cho các hoạt động khoa học và kỹ thuật.

Để đảm bảo cho các cơ quan nghiên cứu khoa học - kỹ thuật có điều kiện hoạt động tối thiểu, cần dành một tỷ lệ thích đáng vốn đầu tư cơ bản cho việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đồng thời bảo đảm cân đối các điều kiện vật tư để thực hiện.

Ngoài nguồn vốn dành cho các hoạt động khoa học và kỹ thuật nói trên, các ngành và cơ sở sản xuất cần huy động một

tỷ lệ cần thiết của nguồn vốn dành cho sản xuất và kinh doanh để bảo đảm đưa được các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất đại trà.

Trên cơ sở quy hoạch lại một cách hợp lý hệ thống các cơ quan nghiên cứu và triển khai, phải *tập trung đầu tư một cách có trọng điểm*, đảm bảo cho các cơ quan được xây dựng có thể hoạt động thông suốt trong toàn bộ quá trình nghiên cứu, triển khai và đưa nhanh chóng kết quả nghiên cứu vào sản xuất.

4. Tăng cường và cải tiến công tác bảo đảm vật tư thiết bị cho công tác nghiên cứu khoa học và kỹ thuật là một yêu cầu cấp thiết trong phát triển khoa học và kỹ thuật

Cần thực hiện việc quản lý thống nhất những vật tư và thiết bị khoa học chủ yếu trong toàn quốc từ khâu lập kế hoạch, phân bổ ngoại tệ, nhập khẩu, tổ chức sản xuất ở trong nước đến việc cung cấp phụ tùng thay thế và tổ chức bảo hành sửa chữa. Ưu tiên đảm bảo vật tư và thiết bị khoa học cho các chương trình tiến bộ khoa học và kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước.

Phát triển các hình thức *tổ chức phối hợp sử dụng* thiết bị, nhằm tận dụng tối đa công suất thiết bị hiện có, tổ chức các *dịch vụ khoa học* hoạt động theo nguyên tắc hạch toán kinh tế: phân tích, thí nghiệm, tính toán, cho thuê thiết bị, bảo hành và bảo dưỡng kỹ thuật đối với thiết bị khoa học.

Sớm xây dựng những cơ sở sản xuất thiết bị và vật tư khoa học để *tự giải quyết những nhu cầu về thiết bị và vật tư thông dụng* trong hoạt động nghiên cứu và triển khai.

5. Phải đặc biệt quan tâm phát triển công tác thông tin khoa học và kỹ thuật, coi thông tin là một yếu tố cực kỳ quan trọng của tiềm lực khoa học và kỹ thuật

Công tác thông tin phải góp phần tích cực *rút ngắn quá trình từ nghiên cứu đến sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý và lãnh đạo*.

Phấn đấu *đảm bảo thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ cho tất cả những hoạt động sáng tạo* trong khoa học - kỹ thuật và sản xuất, thông tin về những kết quả nghiên cứu, tiến bộ khoa học và kỹ thuật, sáng chế phát minh, tiêu chuẩn kỹ thuật, tài liệu dịch, mẫu hàng công nghiệp, v.v.. Hết sức *chú trọng phục vụ thông tin cho lãnh đạo và quản lý*, đúng nhu cầu, bằng những hình thức thích hợp, góp phần nâng cao chất lượng quyết định của lãnh đạo các cấp.

Để làm tốt những việc trên đây, *cần kết hợp thông tin với phổ biến kiến thức, kết hợp thông tin trong nước với thông tin ngoài nước, kết hợp thông tin khoa học và kỹ thuật với thông tin kinh tế - kỹ thuật*. Củng cố và phát triển mạng thông tin hiện nay, từng bước xây dựng hệ thống thông tin khoa học và kỹ thuật quốc gia bao gồm các trung tâm thông tin chuyên dụng, chuyên ngành, các cơ quan thông tin ở các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, giảng dạy và quản lý ở các địa phương và các vùng kinh tế lãnh thổ.

Kiện toàn cơ quan quản lý sáng chế phát minh. Đảm bảo cung cấp một cách thường xuyên và ổn định các sách báo, tạp chí khoa học và kỹ thuật nước ngoài cho các thư viện. Đẩy mạnh công tác dịch và xuất bản các tài liệu khoa học và kỹ thuật có giá trị của thế giới.

Cần thành lập *Viện nghiên cứu về chiến lược kinh tế và chiến lược khoa học và kỹ thuật* thuộc Viện hàn lâm khoa học Việt Nam, các *viện nghiên cứu kinh tế - kỹ thuật và thông tin khoa học và kỹ thuật* tại các bộ và các ngành kinh tế - kỹ thuật, để kết hợp một cách có hiệu quả công tác thông tin kinh tế và khoa học - kỹ thuật với việc chuẩn bị các quyết định về phát triển sản xuất và quản lý kinh tế.

Từng bước hiện đại hóa công tác thông tin, đù trình độ tương hợp với các tổ chức thông tin quốc tế.

V- TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Trong điều kiện hiện nay, *hợp tác quốc tế là bộ phận hợp thành rất quan trọng trong chính sách khoa học và kỹ thuật của Nhà nước*. Hợp tác khoa học và kỹ thuật phải góp phần thiết thực nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất và trình độ công tác nghiên cứu, tiết kiệm thời gian và phương tiện dành cho công tác nghiên cứu; nhanh chóng phát triển tiềm lực khoa học và kỹ thuật của đất nước; thúc đẩy việc hình thành và phát triển những hướng khoa học và kỹ thuật độc đáo của nước ta; thực hiện tốt việc liên kết xã hội chủ nghĩa và phân công quốc tế trong lĩnh vực khoa học và kỹ thuật.

Cần mở rộng hợp tác toàn diện với Liên Xô, và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Đồng thời hợp tác với các nước đang phát triển có điều kiện tự nhiên tương tự và một số nước khác để tranh thủ những kỹ thuật tiên tiến phù hợp với yêu cầu và khả năng của ta, trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi; tiếp tục phát triển quan hệ với các tổ chức khoa học - kỹ thuật của Liên hợp quốc. *Chú trọng đặc biệt tới việc*

phát triển hợp tác chặt chẽ và tương trợ anh em giữa ba nước Đông Dương.

Hợp tác quốc tế phải tiến hành có *trọng điểm*, không ngừng *phát triển các hình thức hợp tác có hiệu quả thiết thực*, cùng phôi hợp nghiên cứu các đề tài có ý nghĩa đối với ta mà các bên cùng quan tâm. Thúc đẩy việc hợp tác giữa các cơ quan khoa học cùng chức năng của nước ta với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Tạo điều kiện mở rộng tiếp xúc quốc tế giữa cán bộ khoa học và kỹ thuật của ta với các giới khoa học - kỹ thuật nước ngoài để kịp thời tiếp thu những thành tựu mới của khoa học và kỹ thuật thế giới. *Hết sức coi trọng kết hợp hợp tác khoa học và kỹ thuật với hợp tác kinh tế*, hợp tác khoa học và kỹ thuật phải đi trước một bước, làm tiền đề để mở rộng hợp tác kinh tế. Có những biện pháp tích cực để đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch hợp tác đã được ký kết cho đến kết quả cuối cùng.

Nhập kỹ thuật phải tiến hành có chọn lọc. Ưu tiên cho những kỹ thuật có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, nâng cao trình độ làm chủ về mặt kỹ thuật và công nghệ và tạo ra những nguồn xuất khẩu mới. Phấn đấu để từng bước có thể xuất được những kỹ thuật gắn liền với đặc điểm thiên nhiên và khả năng khoa học và kỹ thuật của ta.

VI- CẢI TIẾN QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

Cải tiến quản lý khoa học và kỹ thuật phải nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu của chính sách khoa học và kỹ thuật, sử dụng tối ưu tiềm lực khoa học và kỹ thuật và

nâng cao hiệu quả kinh tế của các hoạt động khoa học và kỹ thuật.

1. Trước tiên phải cải tiến một cách cơ bản công tác kế hoạch hóa khoa học và kỹ thuật, làm cho kế hoạch thực sự trở thành công cụ đắc lực của quản lý. Phát triển *phương pháp kế hoạch hóa theo chương trình có mục tiêu* để khắc phục tình trạng tản漫, chồng chéo, kém hiệu quả của các hoạt động khoa học - kỹ thuật.

Kế hoạch khoa học và kỹ thuật phải được xây dựng trên cơ sở các dự báo dài hạn, phải hướng vào việc giải quyết các vấn đề quan trọng và cấp bách nhất của kế hoạch kinh tế, và phải là *một bộ phận hữu cơ không thể thiếu của kế hoạch kinh tế*. *Nội dung kế hoạch phải bao quát toàn bộ quá trình từ nghiên cứu đến thiết kế, chế thử và đưa vào sản xuất* và phải được cân đối các điều kiện thực hiện về mặt tài chính và vật tư kỹ thuật. Cần xác định rõ trách nhiệm của thủ trưởng các cấp, của các cơ quan quản lý khoa học và kỹ thuật, quản lý kinh tế và quản lý tài chính trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch khoa học và kỹ thuật.

Tại các bộ sản xuất, các đồng chí bộ trưởng phải trực tiếp chỉ đạo công tác khoa học và kỹ thuật và các hoạt động nghiên cứu, triển khai cho đến kết quả cuối cùng là đưa được các thành tựu khoa học và kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất.

Tăng cường công tác đôn đốc kiểm tra thực hiện kế hoạch và đánh giá chất lượng hoàn thành. Sớm ban hành và thực hiện *quy chế kế hoạch hóa* để đưa công tác kế hoạch hóa khoa học và kỹ thuật vào nền nếp.

2. Tăng cường vận dụng các đòn bẩy kinh tế và các chính sách khuyến khích để thúc đẩy các hoạt động khoa học và kỹ thuật và đưa nhanh các thành tựu khoa học và kỹ thuật vào sản xuất

Cần cải tiến việc cấp phát và quản lý tài chính cho phù hợp với đặc điểm của các hoạt động khoa học và kỹ thuật, xác định đúng trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan quản lý khoa học và kỹ thuật các cấp trong việc vận dụng đòn bẩy kinh tế để thúc đẩy thực hiện các chương trình và kế hoạch khoa học và kỹ thuật. Từng bước thực hiện hạch toán kinh tế đối với một số loại hình tổ chức nghiên cứu và triển khai, đồng thời mở rộng hình thức ký kết hợp đồng kinh tế giữa các cơ quan nghiên cứu với nhau, giữa các cơ quan nghiên cứu với các cơ sở sản xuất.

Tại các cơ sở sản xuất, cần *đè cao chỉ tiêu chất lượng trong kế hoạch sản xuất*, vận dụng linh hoạt các đòn bẩy giá cả để khuyến khích và đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm và thúc đẩy đưa nhanh các thành tựu khoa học và kỹ thuật vào sản xuất.

Chú trọng thực hiện tốt các chính sách khuyến khích tinh thần và vật chất đối với cán bộ khoa học và kỹ thuật, dựa vào sản phẩm của lao động sáng tạo và hiệu quả kinh tế của các hoạt động khoa học và kỹ thuật. Khen thưởng thích đáng những cán bộ có thành tích trong công tác nghiên cứu và thiết kế thử nghiệm, những người sáng chế phát minh, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, những cán bộ và công nhân trực tiếp tham gia vào việc ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật đưa lại hiệu quả kinh tế cao. Trao giải thưởng

quốc gia cho những người có những công trình khoa học và kỹ thuật xuất sắc, có ý nghĩa to lớn đối với đời sống kinh tế và xã hội.

3. Cân kết hợp các biện pháp quản lý với việc tổ chức các phong trào quần chúng, thông qua sự hoạt động của Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ và các lực lượng vũ trang nhân dân nhằm khuyến khích các hoạt động sáng tạo của quần chúng, tạo điều kiện cho phong trào quần chúng đóng góp thiết thực và to lớn vào việc cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm, tổ chức lao động có khoa học và hoàn thiện quản lý.

Nhanh chóng xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động của các hội khoa học và kỹ thuật hướng vào nhiệm vụ phổ biến tri thức khoa học trong nhân dân, tuyên truyền và khuyến khích các hoạt động sáng tạo của đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và của nhân dân lao động.

4. Kiện toàn hệ thống các cơ quan quản lý khoa học và kỹ thuật

Hệ thống các cơ quan quản lý khoa học và kỹ thuật cần sớm được kiện toàn bao gồm Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, các vụ quản lý khoa học và kỹ thuật ở các bộ, các ban khoa học và kỹ thuật ở các tỉnh và thành phố, các phòng quản lý khoa học và kỹ thuật ở các cơ sở giảng dạy, nghiên cứu và sản xuất. Đồng thời củng cố hội đồng khoa học và kỹ thuật ở các cấp, các ngành để làm tốt chức năng tư vấn về khoa học và kỹ thuật cho lãnh đạo.

Các cơ quan quản lý và các cơ sở nghiên cứu khoa học và kỹ thuật phải được tăng cường về biên chế cho phù hợp với nhiệm vụ được giao và đáp ứng các yêu cầu đầy mạnh công tác khoa học và kỹ thuật kể cả việc tổ chức những viện, những cơ quan, cơ sở mới cần thiết. Tổ chức cần gọn nhẹ và có hiệu suất cao.

Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước là cơ quan tham mưu của Đảng và Nhà nước trong việc lãnh đạo và chỉ đạo khoa học và kỹ thuật, đồng thời là cơ quan quản lý thống nhất các hoạt động khoa học và kỹ thuật trong cả nước. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ đó, Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước cần được kiện toàn theo hướng: được bổ sung những cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm quản lý khoa học và kỹ thuật, có kinh nghiệm sản xuất, mở rộng sự tham gia của các uỷ ban và các bộ chủ chốt, được xác định những trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng trong việc xây dựng và quản lý các kế hoạch khoa học và kỹ thuật, trong việc quản lý thống nhất các tổ chức nghiên cứu và triển khai, trong việc phân bổ các nguồn dự trữ về các cán bộ, tài chính và vật tư khoa học, v.v. trong việc thống nhất quản lý công tác hợp tác quốc tế và thông tin khoa học và kỹ thuật.

5. Cân nghiên cứu thực hiện việc chỉ đạo thống nhất và phối hợp các hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội theo những chương trình nghiên cứu chung, tập hợp lực lượng nghiên cứu của Viện Hàn lâm khoa học, các trường đại học và các cơ quan nghiên cứu lý luận trực thuộc Trung ương Đảng.

**VII- TĂNG CUỒNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG,
SỰ QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ QUYỀN LÀM CHỦ
TẬP THỂ CỦA NHÂN DÂN LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI KHOA HỌC
VÀ KỸ THUẬT**

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định đưa mọi mặt hoạt động khoa học và kỹ thuật đến thắng lợi. Bởi vậy, các cấp uỷ đảng từ Trung ương đến địa phương và cơ sở phải thực sự coi khoa học và kỹ thuật là một trong những nội dung lãnh đạo chủ yếu của mình và phải thể hiện bằng hành động sự thống nhất chặt chẽ giữa cách mạng và khoa học, khoa học và cách mạng trong thực tiễn.

Các cấp uỷ đảng phải làm cho chính quyền các cấp, từng cán bộ, đảng viên, đoàn viên, mỗi một người dân lao động, mỗi một người chiến sĩ nhận thức đầy đủ, sâu sắc vai trò động lực của khoa học, vị trí then chốt của cách mạng khoa học - kỹ thuật đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Trên cơ sở đó mà phát huy nghị lực cách mạng và trí thông minh sáng tạo, vươn lên làm chủ khoa học và kỹ thuật, ra sức phấn đấu trở thành những người chiến sĩ trên mặt trận khoa học và kỹ thuật. Có làm được như vậy mới tạo nên một bước chuyển biến mạnh mẽ trong tư tưởng và hành động đối với công tác khoa học và kỹ thuật.

Căn cứ vào đường lối của Đảng và Nghị quyết của Bộ chính trị về chính sách khoa học và kỹ thuật lần này, các cấp uỷ đảng cần nêu cao quyết tâm, tìm ra những biện pháp lãnh đạo có hiệu quả để đưa nhanh, đưa mạnh các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào *phục vụ thiết thực cho sản xuất, đời sống và quốc phòng*. Phải ra sức phấn đấu học tập nâng cao kiến

thức và nắm vững đặc điểm lao động sáng tạo trong khoa học và kỹ thuật để khuyến khích nhiệt tình nghiên cứu, phát minh của đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật. Hết sức chú ý lắng nghe ý kiến của cán bộ khoa học và kỹ thuật, và của đông đảo nhân dân lao động trực tiếp sản xuất, đồng thời phải đặc biệt quan tâm đến công tác tổng kết và phổ biến rộng rãi các điển hình tiên tiến. Phải từ thực tiễn đi đến lý luận, từ lý luận trở về thực tiễn mà cải tiến công tác lãnh đạo làm cho chính sách khoa học và kỹ thuật biến thành hiện thực trong đời sống kinh tế và xã hội.

Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật cho cả nước, cho từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của các cấp uỷ đảng, của chính quyền các cấp. Phải thường xuyên coi trọng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, đường lối, chính sách của Đảng, xây dựng thế giới quan cách mạng, phương pháp luận khoa học, nâng cao phẩm chất và trình độ cho đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật. Phải làm cho cán bộ coi việc nghiên cứu khoa học, tổng kết các điển hình tiên tiến, đưa nhanh các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, đời sống và quốc phòng là nhiệm vụ chính trị hàng đầu của những người làm công tác khoa học và kỹ thuật dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Chú trọng bồi dưỡng cán bộ đầu đàn, chuyên gia giỏi, phát hiện và coi trọng nhân tài, đào tạo cán bộ trẻ và mạnh dạn giao việc. Chăm lo cải thiện đời sống và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ làm việc.

Cán bộ khoa học và kỹ thuật phải ra sức phấn đấu rèn luyện để trở thành người chiến sĩ trên mặt trận khoa học và kỹ thuật, vừa cách mạng, vừa khoa học, có phẩm chất và

năng lực, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, trung thực, đoàn kết, hăng say công tác, bền bỉ học tập, nghiên cứu và qua thực tiễn mà không ngừng sáng tạo, phát minh.

Các cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp phải quan tâm lãnh đạo xây dựng các tổ chức nghiên cứu và quản lý khoa học và kỹ thuật vững mạnh, thực sự trở thành những tập thể hoạt động sáng tạo, hoàn thành các nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước giao cho với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, tránh tình trạng biến các cơ quan khoa học và kỹ thuật thành các cơ quan hành chính quan liêu, xa rời thực tế.

Hết sức coi trọng công tác xây dựng tổ chức đảng, nhất là các chi bộ, đoàn kết nhất trí, vững mạnh toàn diện ở các cơ sở khoa học và kỹ thuật. Chăm lo bồi dưỡng những cán bộ có khả năng và trình độ để kết nạp vào Đảng, tăng nhanh tỷ lệ đảng viên trong đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật. Cần lựa chọn và bồi dưỡng cán bộ khoa học và kỹ thuật giỏi trở thành những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý khoa học và kỹ thuật của Đảng.

Cần củng cố và tăng cường ban khoa giáo các cấp đủ về số lượng, mạnh về chất lượng để giúp các cấp uỷ đảng chỉ đạo công tác khoa học và kỹ thuật, cùng với các cơ quan trực tiếp quản lý khoa học và kỹ thuật xây dựng phương hướng, chế độ, chính sách cụ thể, theo dõi, kiểm tra hoạt động khoa học và kỹ thuật của các ngành, làm tốt công tác tư tưởng và công tác cán bộ, làm cho đường lối, chính sách khoa học và kỹ thuật của Đảng được chấp hành nghiêm túc, sáng tạo và có hiệu quả.

Vấn đề cấp bách trước mắt là phải ra sức *tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với khoa học và kỹ thuật*.

Trước hết, là phải tăng cường sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Hội đồng Bộ trưởng, làm cho Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Uỷ ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Viện Hàn lâm khoa học và các cơ quan khoa học và kỹ thuật khác gắn bó chặt chẽ với nhau trong nhiệm vụ giúp Hội đồng Bộ trưởng xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học và kỹ thuật. Đồng thời phải làm cho kế hoạch khoa học và kỹ thuật thực sự trở thành bộ phận hữu cơ và căn cứ khoa học của các kế hoạch kinh tế. Các kế hoạch khoa học và kỹ thuật phải bám sát các mục tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội và phục vụ đắc lực cho các mục tiêu đó.

Hội đồng Bộ trưởng cần tăng cường sự chỉ đạo các kế hoạch khoa học và kỹ thuật dài hạn, trung hạn và ngắn hạn, kịp thời xét duyệt các kế hoạch đó. Chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai các chương trình khoa học và kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước. Thể chế hoá các hoạt động khoa học và kỹ thuật thành pháp lệnh của Nhà nước, ban hành các chính sách, chế độ, chỉ đạo bảo đảm kịp thời các nhu cầu vật chất cần thiết để khuyến khích sáng chế, phát minh và áp dụng nhanh chóng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào các ngành của nền kinh tế quốc dân. Bộ trưởng và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải trực tiếp nắm và chỉ đạo công tác khoa học và kỹ thuật, chịu trách nhiệm trước Đảng và Nhà nước về sự phát triển khoa học và kỹ thuật trong lĩnh vực của mình phụ trách.

Nhân dân lao động là lực lượng cách mạng hết sức to lớn, cũng là lực lượng trực tiếp đưa các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào sản xuất, đời sống và quốc phòng. Bởi vậy *phát huy*

quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động đối với khoa học và kỹ thuật là nhân tố cực kỳ quan trọng trong việc xoá bỏ cái cũ, sáng tạo ra cái mới, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế. Phải phát động quần chúng rộng rãi tiến quân vào mặt trận khoa học và kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất và quản lý trong công nhân và nông dân, phong trào tiến quân vào khoa học và kỹ thuật trong thanh niên và quân đội. Các đoàn thể nhân dân: Tổng Công đoàn Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam... và các lực lượng vũ trang nhân dân phải phấn đấu với một tinh thần hết sức tích cực, làm cho các phong trào ấy chất lượng ngày càng cao, quy mô ngày càng rộng, trở thành một bộ phận then chốt trong *phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa*. Cần khôi phục các hội khoa học quần chúng để phổ biến rộng rãi các kiến thức và tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào các tầng lớp nhân dân và tập hợp cán bộ khoa học và kỹ thuật theo ngành nghề, góp phần phát huy sức mạnh sáng tạo, tinh thần hợp tác, đoàn kết trong các tập thể khoa học và kỹ thuật.

*

* * *

"Khoa học là một động lực thúc đẩy lịch sử tiến triển, là một động lực cách mạng"¹. Ngày nay ở nước ta, khoa học và kỹ thuật là một động lực vô cùng mạnh mẽ để đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, góp

1. Lời của Các Mác.

phân to lớn chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, đưa chủ nghĩa xã hội đến toàn thắng trên đất nước ta.

Nghị quyết của Bộ Chính trị về một chính sách khoa học và kỹ thuật thống nhất, có hệ thống và tương đối hoàn chỉnh của nước ta lần này sẽ chấm dứt thời kỳ phát triển khoa học và kỹ thuật một cách tự phát, tản漫, thiếu hiệu quả. Các cấp lãnh đạo của Đảng và Nhà nước từ trung ương đến địa phương và cơ sở, toàn thể cán bộ khoa học và kỹ thuật, toàn thể nhân dân lao động cả nước hãy ra sức phấn đấu tổ chức thực hiện kiên quyết và sáng tạo nghị quyết quan trọng này của Bộ Chính trị, làm cho khoa học thực sự trở thành động lực trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới, con người mới, phát triển nền kinh tế, văn hoá và xã hội của nước ta, làm cho cách mạng khoa học - kỹ thuật thực sự trở thành then chốt trong ba cuộc cách mạng, lập những thành tích mới chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng ta, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG Bí THƯ

LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 106-CT/TW, ngày 22 tháng 4 năm 1981

Về việc ngăn chặn người trốn ra nước ngoài

Từ năm 1978 đến nay, lợi dụng khó khăn về kinh tế và đời sống của ta, bọn đế quốc, nhất là đế quốc Mỹ và phản động... tăng cường chiến tranh tâm lý, kích động người trốn ra nước ngoài bằng cả đường biển, đường bộ, hòng tạo ra tình hình chính trị không ổn định ở nước ta và bôi xấu chế độ ta.

Các cấp, các ngành đã cố gắng ngăn chặn người trốn đi; một số địa phương đã trùng trị bọn cầm đầu, bọn tổ chức người trốn đi. Nhưng tình hình vẫn chưa có sự chuyển biến cơ bản; các vụ trốn đi nước ngoài vẫn có chiều hướng phát triển xấu; thời gian gần đây, lan ra một số tỉnh, thành phố ở miền Bắc, đã có một số cán bộ, công nhân, viên chức bỏ việc, trốn ra nước ngoài.

Để kịp thời đập tan âm mưu và thủ đoạn của địch, phòng ngừa và ngăn chặn có hiệu quả người trốn đi nước ngoài, các cấp, các ngành cần làm tốt những công tác sau đây:

1- Chủ động làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức, học sinh và

các tầng lớp nhân dân. Làm cho mọi người hiểu rõ tình hình của nước ta, thắng lợi và khó khăn, nâng cao tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, xác định trách nhiệm của người cán bộ, đảng viên, người công dân phải xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục về nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Vạch rõ âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ, của bọn phản động..., những thủ đoạn chiến tranh tâm lý xảo quyệt để mọi người nhận rõ âm mưu của địch, nghiêm khắc lên án việc trốn ra nước ngoài là có tội đối với Tổ quốc, cảnh giác và kịp thời phát hiện, đấu tranh chống các luận điệu chiến tranh tâm lý, các hoạt động kích động người trốn đi nước ngoài. Nhà nước cần có những biện pháp tích cực ngăn chặn âm mưu của địch lợi dụng thư tín, tiền, hàng gửi qua đường bưu điện quốc tế vào nước ta để hoạt động chiến tranh tâm lý, kích động người trốn đi.

2- Tăng cường quản lý đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức, bộ đội và các tầng lớp nhân dân ở tất cả các tổ chức cơ sở. Động viên mọi người hăng hái lao động sản xuất, công tác, học tập và chiến đấu, đồng thời cố gắng khắc phục các khó khăn, chăm lo cải thiện đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức, bộ đội và nhân dân lao động. Củng cố và kiện toàn các tổ chức đảng, chính quyền, công an, dân quân tự vệ, các đoàn thể ở tất cả các cơ sở, bảo đảm chi bộ thật sự là hạt nhân lãnh đạo, các tổ chức quần chúng là lực lượng nòng cốt trong mọi hoạt động ở cơ sở và thường xuyên giáo dục các đoàn viên, hội viên; giúp đỡ kịp thời để uốn nắn các nhận thức sai lệch. Đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc;

phát hiện, ngăn chặn kịp thời những người có những biểu hiện chuẩn bị trốn đi nước ngoài và truy bắt, xử lý nghiêm khắc bọn tổ chức việc đưa đón người trốn đi.

3- Tăng cường giáo dục và quản lý chặt chẽ những người được giao nhiệm vụ quản lý tiền, vàng, đá quý; kịp thời điều chuyển công tác trong trường hợp cần thiết; thực hiện chế độ tập thể từ 2 đến 3 người chịu trách nhiệm về việc đi nhận và chuyển tiền, vàng, đá quý, không để bọn xấu lợi dụng lấy tiền, vàng, đá quý mang ra nước ngoài.

4- Lực lượng công an phải có kế hoạch nắm tình hình thật cụ thể và kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành động tuyên truyền, lôi kéo, lừa bịp và ép buộc, tổ chức người trốn đi. Các lực lượng hải quân, bộ đội biên phòng, lực lượng vũ trang địa phương, giao thông vận tải, hải sản phối hợp chặt chẽ với công an tăng cường bố phòng, tuần tra canh gác, kiểm soát các khu vực hải cảng, bến bãi, cửa khẩu, dọc bờ biển và biên giới, kiên quyết ngăn chặn người trốn đi. Cảnh báo, công nhân, nhân viên thường xuyên làm việc ở các hải cảng, bờ biển, hải đảo, cửa khẩu, các thuỷ thủ, lái tàu, lái xe... phục vụ ở các tuyến đường này phải được tuyển chọn kỹ; giáo dục cho mọi người thấy rõ âm mưu, thủ đoạn của địch. Điều chuyển công tác đối với những người không bảo đảm tin cậy về chính trị; không để kẻ địch và bọn xấu lợi dụng mua chuộc, hoặc cướp tàu thuyền, xe cộ để trốn đi. Quản lý chặt chẽ xăng dầu, các phương tiện vận chuyển; kiểm tra sát sao hành trình vận chuyển. Làm trong sạch địa bàn và xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc vững mạnh ở các khu vực trọng điểm, những nơi dễ lợi dụng để trốn đi.

5- Đối với người trốn đi bị bắt trở lại, cần phân loại

nhanh chóng, giáo dục và xét tha sớm những cụ già, em nhỏ; đưa ra toà án xét xử nghiêm khắc bọn cầm đầu, bọn tổ chức người trốn đi, bọn phá hoại, bọn lây cắp tài sản, tiền bạc của Nhà nước, bọn gây tội ác rồi trốn đi; tập trung giáo dục cải tạo tại chỗ, rồi đưa trả về giao cho địa phương, cơ sở quản lý; đối với những người có tội nhưng chưa đáng truy tố thì có thể thi hành cưỡng bức lao động và cư trú bắt buộc.

Xây dựng và ban hành sớm pháp lệnh trừng trị tội bỏ Tổ quốc trốn ra nước ngoài.

*
* * *

Công tác ngăn chặn người trốn ra nước ngoài là quan trọng và cấp bách. Các cấp, các ngành cần nghiên cứu, quán triệt chỉ thị này, kiểm điểm công tác thời gian qua, có kế hoạch, và biện pháp cụ thể, tổ chức thực hiện ở địa phương, ngành mình với tinh thần khẩn trương và nghiêm túc.

Ban Bí thư giao cho Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ trách nhiệm hướng dẫn cụ thể và theo dõi sát sao công tác này. Hàng tháng, các cấp, các ngành báo cáo tình hình và công tác này với Ban Bí thư và Ban Thường vụ Hội đồng Chính phủ, đồng gửi Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ.

Chỉ thị này được phổ biến miệng đến đảng uỷ cơ sở.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN Bí THU**

Số 12-TB/TW, ngày 23 tháng 4 năm 1981

Một số chủ trương về cảng Hải Phòng

Sau khi làm việc với Thường vụ Hội đồng Chính phủ, Quân uỷ Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Thành uỷ thành phố Hải Phòng, Ban Tổ chức Trung ương và các ngành liên quan, Ban Bí thư quyết định một số chủ trương cụ thể về cảng Hải Phòng như sau:

- 1- Cảng Hải Phòng nay trực thuộc Tổng cục Đường biển.
- 2- Chuyển ngành số cán bộ, quân nhân tự nguyện sang cán bộ, công nhân của cảng, làm việc hưởng theo chế độ cán bộ, công nhân viên cảng. Số cán bộ và quân nhân không tự nguyện thì chuyển về quốc phòng.
- 3- Tập trung mọi lực lượng làm công tác bảo vệ cảng vào một tổ chức thống nhất, do giám đốc cảng trực tiếp phụ trách, Bộ Nội vụ chỉ đạo về nghiệp vụ chuyên môn.
- 4- Về nhân sự:
 - Đồng chí Nguyễn Tường Lân, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải thôi kiêm chức Giám đốc và Bí thư Đảng uỷ cảng để chuyên trách phụ trách Tổng cục Đường biển.

- Đề bạt đồng chí Đỗ Văn Cương làm Giám đốc cảng.
- Đồng chí Nguyễn Văn Cáp làm Bí thư Đảng uỷ cảng, kiêm phụ trách công tác bảo vệ cảng, do Thành uỷ phân công.
- Các đồng chí Phó Giám đốc cảng do Bộ Giao thông vận tải bổ nhiệm.

Thông báo để Thường vụ Hội đồng Chính phủ, Quân uỷ Trung ương, Thành uỷ Hải Phòng, Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải, Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, Ban Công nghiệp Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và các ngành liên quan, các đồng chí có tên trên tổ chức thực hiện ngay, có kế hoạch, có chuẩn bị, tuyệt đối không để ảnh hưởng xấu đến sản xuất.

T/M BAN Bí THU
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 124-TT/TW, ngày 25 tháng 4 năm 1981

**Một số vấn đề về chỉ đạo thực hiện công tác
phát thẻ đảng viên**

Năm 1980, công tác phát thẻ đảng viên đã đạt được những kết quả về nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao ý thức đảng cho đảng viên (kể cả đảng viên là cán bộ cao cấp, trung cấp); đã thanh lọc, đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên, làm cho tổ chức đảng trong sạch và có sức chiến đấu, thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trước mắt của mỗi cơ sở.

Tuy nhiên, kết quả chưa đều, vẫn còn tình trạng không nắm vững tiêu chuẩn đảng viên, hữu khuynh trong việc xem xét tư cách đảng viên. Nhiều nơi đã sử dụng hình thức hoãn phát thẻ Đảng một thời gian để không đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách đảng viên; còn có hiện tượng truy trù, gạt người không "ăn cánh". Có chiều hướng khá phổ biến là nhiều đảng bộ vẫn còn để lại những đảng viên sa sút ý chí chiến đấu, không thi hành nghị quyết của Đảng, không còn tác dụng lãnh đạo quần chúng, không được quần chúng

tín nhiệm. Ở nhiều nơi, đảng viên còn nể nang, e dè đối với cán bộ có chức vụ phụ trách. Có trường hợp vô tổ chức, vô kỷ luật, vô trách nhiệm, không chấp hành chính sách, pháp luật, úc hiếp quần chúng mà vẫn không đưa ra khỏi Đảng.

Sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng trong những đợt về sau lơi lỏng; nhiều nơi chưa gắn công tác phát thẻ đảng viên với phong trào sản xuất, bảo vệ an ninh, chống các hiện tượng tiêu cực, v.v., chưa gắn công tác xây dựng Đảng với phong trào quần chúng.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành nắm vững và thực hiện tốt một số vấn đề sau đây:

1- Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ: "Phải hoàn thành công tác phát thẻ đảng viên vào cuối năm 1981". Bộ Chính trị đã có chủ trương: "Từ nay đến cuối năm 1981, cần tập trung chỉ đạo tốt công tác phát thẻ đảng viên gắn với củng cố chi bộ. Phải coi đây là biện pháp quan trọng để củng cố Đảng, vừa giáo dục đảng viên, thanh lọc đội ngũ đảng, vừa thúc đẩy nhiệm vụ trước mắt. Phải củng cố Đảng để phát thẻ đảng viên, nhưng cũng phải lấy việc phát thẻ đảng viên để củng cố Đảng". Cần thực hiện tốt chủ trương đó để lấy kết quả thiết thực chào mừng Đại hội lần thứ V của Đảng.

2- Số đồng cơ sở đảng còn lại chưa phát thẻ đảng viên là cơ sở yếu và kém; phải đặc biệt chú trọng kiểm tra, xem xét, kiện toàn và tăng cường các đảng uỷ cơ sở, chi uỷ thực sự là chỗ dựa tin cậy cho đảng uỷ cấp trên. Có làm được như vậy, thì mới bảo đảm tiến hành đúng đắn việc nhận xét, phân loại đảng viên và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

Trong một đảng bộ cơ sở, chi bộ nào đủ điều kiện được

phát thẻ đảng viên, thì người có đủ tư cách đảng viên của chi bộ đó được nhận thẻ đảng viên; không chờ củng cố xong tất cả các chi bộ rồi mới nhận thẻ đảng chung toàn đảng bộ.

3- Việc xem xét tư cách đảng viên phải bảo đảm yêu cầu phân loại đảng viên đúng, chặt chẽ, chống tư tưởng hữu khuynh, nể nang, xuê xoa, dễ người dễ ta, dẫn tới hạ thấp tiêu chuẩn đảng viên; chống tư tưởng cá nhân, bè phái, truyỀn đảng viên. Cần vận dụng tiêu chuẩn đảng viên cho sát, khi xem xét tư cách đảng viên, như:

- Đảng viên già yếu, ốm đau, đảng viên là cán bộ, công nhân nghỉ hưu, vẫn giữ phẩm chất cách mạng, thì được nhận thẻ đảng viên; không vì lý do già yếu, năng lực hạn chế mà cho là không đủ tư cách đảng viên.

- Đảng viên nữ đã có thời kỳ hoạt động tích cực, nay vì gia đình có khó khăn, neo đơn, bận con nhỏ, hiệu quả công tác thấp, nhưng vẫn giữ được phẩm chất cách mạng, thì được nhận thẻ đảng viên. Tổ chức đảng phải giao công tác cho số đồng chí này một cách phù hợp, tạo điều kiện để làm tốt nhiệm vụ.

- Đảng viên là bộ đội phục viên đã có thành tích chiến đấu, nay trở về địa phương, gia đình có khó khăn, công tác ở cơ sở có phần lúng túng, nếu không có khuyết điểm gì lớn ảnh hưởng đến tư cách đảng viên, thì được nhận thẻ đảng viên.

- Đảng viên ở vùng mới giải phóng, tuy đã có quá trình công tác, song chưa được học tập và bồi dưỡng, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa thấp, nhưng nếu được giáo dục, có khả năng vươn lên làm được nhiệm vụ của đảng viên, được quần chúng đồng tình, thì được nhận thẻ đảng viên.

- Đảng viên là người dân tộc ở miền núi, biên giới, tuy

có những tập tục không tốt (như... nghiện hút thuốc phiện), nhưng trung thành với Đảng, với cách mạng..., thì được nhận thẻ đảng viên.

- Đối với đảng viên có vấn đề vướng mắc về lịch sử chính trị, cấp trên phải nhanh chóng kết luận. Nếu chưa có điều kiện để kết luận sớm, đảng viên đó vẫn giữ được phẩm chất, nghiêm chỉnh chấp hành các chính sách của Đảng, tích cực công tác, thì vẫn được nhận thẻ đảng viên. Còn về vấn đề lịch sử chính trị, tổ chức đảng phải tiếp tục xem xét để kết luận. Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có bản hướng dẫn rõ thêm về vấn đề lịch sử chính trị, theo tinh thần của Chỉ thị số 192.

Đối với cán bộ, đảng viên bị tố giác, các cấp có trách nhiệm cần điều tra, xác minh và kết luận sớm.

Không được hoãn phát thẻ đảng viên một cách tràn lan, chỉ hoãn phát thẻ đối với đảng viên bị thi hành kỷ luật lưu đày và đảng viên thật sự có sai lầm, sau khi kiểm điểm, chi bộ xét thấy cần phải có thời gian để xem xét việc sửa chữa khuyết điểm, thì mới hoãn phát thẻ đảng viên và chỉ hoãn trong thời gian 6 tháng. Đến đợt sau, chi bộ phải xem xét, giải quyết.

4- Việc thanh lọc đảng viên phải làm mạnh hơn, kiên quyết hơn, bảo đảm cho đội ngũ đảng viên trong sạch, có chất lượng; phải thi hành nghiêm chỉnh và triệt để Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 20-11-1980 của Bộ Chính trị.

Việc xem xét tổ chức cơ sở đảng, tư cách đảng viên và xử lý đảng viên phải thật sự dựa vào quần chúng, nghiên cứu kỹ ý kiến của đảng viên và quần chúng, kết hợp chặt chẽ với

việc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực. Đối với những nơi có hiện tượng tiêu cực lớn, phải kết hợp chỉ đạo thi hành Chỉ thị số 81 của Ban Bí thư để làm rõ đúng sai, có cơ sở nhận xét và phân loại đảng viên.

5- Phải chấn chỉnh sự lãnh đạo của huyện uỷ, thị uỷ, quận uỷ..., bảo đảm kết hợp chặt chẽ việc củng cố cơ sở đảng, phát thẻ đảng viên và thực hiện nhiệm vụ chính trị; khắc phục tình trạng lo công việc trước mắt, buông lơi công tác củng cố đảng, phát thẻ đảng viên.

Ban Tổ chức, Uỷ ban Kiểm tra của huyện uỷ, quận uỷ phải được tăng cường thêm cán bộ của các ban khác và một số cán bộ của tỉnh có kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng để làm công tác phát thẻ đảng viên trong năm 1981; có thể sử dụng một số cán bộ nghỉ hưu có năng lực làm công tác xây dựng Đảng.

- Đối với những chi bộ, tổ chức cơ sở đảng quá kém nát, đa số đảng viên đã thoái hoá, biến chất, hoặc phạm sai lầm nặng đến mức phải đưa ra khỏi Đảng, hoặc có ý thức rõ rệt chống lại đường lối, chính sách của Đảng, thì tỉnh uỷ, thành uỷ được quyền giải tán tổ chức đó, trên cơ sở đề nghị của huyện uỷ, quận uỷ, sau khi đã trực tiếp kiểm tra kỹ lưỡng và được Trung ương chuẩn y (theo *Điều lệ Đảng*). Những đảng viên được đảng uỷ cấp trên cho đăng ký lại là đảng viên và được nhận thẻ đảng, thì được giới thiệu sinh hoạt đảng với một tổ chức đảng ở gần đó, hoặc lập chi bộ mới.

- Đối với đảng viên là cán bộ do đảng uỷ cấp trên quản lý (cấp tỉnh hoặc cấp trung ương quản lý): nếu đảng viên đó phải tạm hoãn nhận thẻ đảng, thì do huyện uỷ, quận uỷ, thị

uỷ quyết định; nếu không đủ tư cách nhận thẻ đảng, thì phải báo cáo lên cấp uỷ đảng quản lý cán bộ đó quyết định (vận dụng theo Quy định số 07-QĐ/TW, ngày 16-12-1977 của Ban Bí thư).

- Đến hết năm 1981, nếu còn đảng viên nào chưa đủ tiêu chuẩn để nhận thẻ đảng viên vì lý do đảng viên đó không phấn đấu rèn luyện, thì tổ chức đảng xoá tên trong danh sách đảng viên.

- Tỉnh uỷ, thành uỷ phải duyệt kế hoạch tiến độ về phát thẻ đảng viên và kế hoạch bố trí lực lượng cán bộ để bảo đảm hoàn thành căn bản công tác phát thẻ đảng viên trong năm 1981. Cấp trên cần tăng cường kiểm tra, chỉ đạo cụ thể công tác phát thẻ đảng viên ở các tổ chức cơ sở trọng điểm hoặc kém nát; uốn nắn kịp thời các khuynh hướng lệch lạc; chỉ đạo làm sơ kết công tác phát thẻ đảng viên từng đợt và tổng kết công tác phát thẻ đảng viên vào cuối năm 1981.

- Tỉnh uỷ, thành uỷ phải duyệt kế hoạch tiến độ về phát thẻ đảng viên và kế hoạch bố trí lực lượng cán bộ để bảo đảm hoàn thành căn bản công tác phát thẻ đảng viên trong năm 1981. Cấp trên cần tăng cường kiểm tra, chỉ đạo cụ thể công tác phát thẻ đảng viên ở các tổ chức cơ sở trọng điểm hoặc kém nát; uốn nắn kịp thời các khuynh hướng lệch lạc; chỉ đạo làm sơ kết công tác phát thẻ đảng viên từng đợt và tổng kết công tác phát thẻ đảng viên vào cuối năm 1981.

Ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ phải nghe báo cáo tình hình cụ thể về việc tiến hành phát thẻ đảng viên ở một số tổ

chức cơ sở đảng có nhiều khó khăn, để giúp các huyện ủy, quận uỷ làm tốt công tác này.

Các cấp uỷ đảng căn cứ vào Nghị quyết số 32 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 83 của Ban Bí thư và thông tri này, thực hiện đúng mục đích và yêu cầu của công tác phát triển đảng viên.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ**
Số 107-CT/TW, ngày 28 tháng 4 năm 1981

**Về tăng cường công tác giáo dục quốc phòng
nhân dân, chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng
làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc**

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ: "Xây dựng và củng cố quốc phòng là nhiệm vụ của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chuyên chính vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng".

Trong tình hình hiện nay, bọn phản động... câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động quốc tế, tiến hành âm mưu làm suy yếu và thôn tính nước ta, chúng ta phải sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược do chúng gây ra.

Việc giáo dục cho nhân dân lao động, chủ yếu là thế hệ trẻ có đủ khả năng và trình độ kỹ thuật quân sự cần thiết để sẵn sàng làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, tăng cường tiềm lực quốc phòng toàn dân, trở thành nhiệm vụ cấp thiết có tầm quan trọng chiến lược.

Từ trước đến nay, bên cạnh việc phát triển lực lượng dân

quân tự vệ, giáo dục quân sự trong các trường học, đào tạo sĩ quan dự bị, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương phát triển công tác giáo dục quốc phòng nhân dân dưới hình thức thể thao quốc phòng. Song việc tổ chức thực hiện, nội dung và phương thức hoạt động chưa đáp ứng được yêu cầu. Vì vậy, cần cải tiến tổ chức chỉ đạo, tích cực đưa công tác này lên một bước mới, theo tinh thần nghị quyết của Đại hội Đảng, nhằm những *mục tiêu* sau đây:

- Tạo ra một lực lượng hậu bị hùng hậu vừa có khả năng sẵn sàng chiến đấu tại chỗ, vừa nhanh chóng bổ sung cho quân đội chính quy khi cần thiết;

- Tạo điều kiện rút ngắn thời gian huấn luyện chiến sĩ mới, bảo đảm ngày càng có nhiều thanh niên sau khi nhập ngũ có thể chiến đấu được ngay, góp phần nâng cao chất lượng và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang;

- Góp phần giáo dục đạo đức cách mạng cho thiếu niên và thanh niên, đào tạo nhân viên kỹ thuật dự bị và sĩ quan dự bị cho các lực lượng vũ trang, tạo nguồn nhân viên kỹ thuật cho các ngành kinh tế, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, phát huy truyền thống cách mạng tốt đẹp và khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong thế hệ trẻ.

Phương hướng nhiệm vụ của công tác giáo dục quốc phòng nhân dân:

1- Tổ chức giáo dục và huấn luyện có hệ thống cho học sinh phổ thông, học sinh trung học chuyên nghiệp, học sinh các trường dạy nghề, học sinh các trường đại học và cao đẳng, cho lứa tuổi sắp làm nghĩa vụ quân sự những kỹ năng, kỹ thuật quân sự cần thiết; rèn luyện thể lực, tác phong, nếp sống có kỷ luật, trật tự, có văn hoá; chuẩn bị điều kiện cho

thanh niên nhanh chóng thích nghi với đời sống và sinh hoạt của quân đội khi nhập ngũ và góp phần thực hiện cải cách giáo dục ở trường học. Phổ biến rộng rãi trong cán bộ và nhân dân những kiến thức quân sự cần thiết và những biện pháp tự bảo vệ, phòng tránh khi chiến tranh xảy ra.

2- Tổ chức huấn luyện nghiệp dư ở các câu lạc bộ quốc phòng, mở rộng các hình thức giảng dạy, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng sử dụng một số loại phương tiện, khí tài kỹ thuật cần thiết, có liên quan đến quốc phòng và kinh tế cho thế hệ trẻ, gây lòng ham thích học tập kỹ thuật cho thiếu niên và thanh niên.

3- Phát triển các môn thể thao kỹ thuật (trước đây gọi là thể thao quốc phòng) như: nhảy dù, thông tin vô tuyến điện, bắn súng thể thao, mô tô, thuyền máy, lặn có khí tài, máy bay thể thao, mô hình, tàu lượn, các môn thể thao quân sự phối hợp, v.v., để góp phần rèn luyện, giáo dục cho thiếu niên và thanh niên về kỹ thuật, phẩm chất chính trị, ý chí và thể lực.

Một số biện pháp tăng cường công tác giáo dục quốc phòng nhân dân:

Để thực hiện tốt phương hướng nhiệm vụ trên, trong thời gian tới, cần tiến hành các biện pháp sau đây:

1- Tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể ở các cấp cần nhận rõ đặc điểm của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc hiện nay đòi hỏi phải tăng cường công tác quốc phòng nhân dân một cách toàn diện và có hiệu lực. Vì vậy, đi đôi với việc xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, phải hết sức chăm lo công tác giáo dục quốc phòng nhân dân, phổ biến các kiến thức quân sự cần thiết cho nhân dân lao động, chủ yếu cho thế hệ trẻ, coi đó là việc rất trọng yếu trong công tác vận động, giáo dục

quân chúng sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

2- Ban Bí thư Trung ương Đảng giao cho Bộ Quốc phòng thống nhất quản lý và chỉ đạo mọi hoạt động giáo dục quốc phòng nhân dân, trên cơ sở phát huy đầy đủ trách nhiệm của từng đoàn thể, từng ngành có liên quan. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Công đoàn Việt Nam, Bộ Giáo dục, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Tổng cục Dạy nghề, Bộ Y tế, Tổng cục Thể dục - Thể thao, Tổng cục Bưu điện và những ngành khác có liên quan cần có kế hoạch cụ thể về công tác này, coi đó là một nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của mình, thực sự cộng tác chặt chẽ với Bộ Quốc phòng và các cơ quan quân sự địa phương để tiến hành một cách có hiệu quả.

3- Bộ Quốc phòng cần thành lập một tổ chức gọn nhẹ và có hiệu lực để phụ trách công tác giáo dục quốc phòng nhân dân, có kế hoạch giải quyết tốt những nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Phối hợp với Uỷ ban Cải cách giáo dục, các ngành và các đoàn thể có liên quan, nghiên cứu cải tiến nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục và huấn luyện quân sự trong các trường phổ thông, trường dạy nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp và các trường cao đẳng, đại học, để bảo đảm khi tốt nghiệp, về cơ bản, học sinh trường phổ thông hoàn thành chương trình huấn luyện chiến sĩ mới, học sinh trường trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề hoàn thành chương trình hạ sĩ quan và nhân viên kỹ thuật dự bị, học sinh trường đại học và cao đẳng hoàn thành chương trình sĩ quan dự bị.

b) Biên soạn tài liệu, phổ biến kiến thức quân sự và những phương pháp tự bảo vệ, phòng tránh trong cán bộ và nhân dân.

c) Tổ chức một số câu lạc bộ thể thao kỹ thuật quân sự,

như: hàng không, hàng hải, ôtô, thông tin vô tuyến điện, bắn súng, v.v., bảo đảm cho các câu lạc bộ đó hoạt động có chất lượng và đem lại hiệu quả thiết thực cho quốc phòng và kinh tế.

d) Đào tạo, sử dụng, quản lý lực lượng chuyên nghiệp và nghiệp dư phục vụ các hoạt động giáo dục quốc phòng nhân dân, bao gồm cán bộ chuyên môn, giáo viên kỹ thuật, huấn luyện viên các môn.

d) Xây dựng, quản lý các công trình, sân bãi, dụng cụ, tài liệu, sản xuất, mua sắm các dụng cụ, vật tư, thiết bị cần thiết cho công tác huấn luyện quân sự ở các trường học và hoạt động của các câu lạc bộ thể thao kỹ thuật quân sự trong toàn quốc. Nghiên cứu, kiến nghị để Nhà nước ban hành các chế độ, chính sách nhằm phát triển rộng rãi và bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục quốc phòng nhân dân.

e) Thường xuyên có quan hệ với cấp uỷ đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng ở các cấp, các cơ quan và các ngành có liên quan để bàn các biện pháp phát triển và nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng nhân dân, hiệp đồng giải quyết các nhu cầu cần thiết nhằm bảo đảm thực hiện tốt kế hoạch phát triển công tác này trong từng thời gian.

g) Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt chế độ thống nhất quản lý, bồi dưỡng và điều động các sĩ quan, hạ sĩ quan và nhân viên kỹ thuật dự bị ở các địa phương và các ngành, để khi cần thiết, có thể nhanh chóng huy động vào những đơn vị vũ trang.

h) Hợp tác với hội quốc phòng của các nước xã hội chủ nghĩa để trao đổi kinh nghiệm, tranh thủ sự giúp đỡ về đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, về thiết bị, vật tư, dụng cụ cần thiết; trao đổi các đoàn đại biểu, các đoàn thể thao kỹ thuật để tăng cường sự hợp tác quốc tế, thúc đẩy và nâng cao chất

lượng phong trào trong nước, tiến tới tham gia một số tổ chức thể thao kỹ thuật quốc tế.

4- Các cơ quan thông tin, báo chí cần tăng thêm các hình thức, phương tiện và biện pháp tuyên truyền thích hợp, giáo dục trong nhân dân, trong thế hệ trẻ về tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc, truyền thống và lịch sử vẻ vang của các lực lượng vũ trang cách mạng; giáo dục lòng yêu mến Quân đội nhân dân, niềm vinh dự và tự hào sẵn sàng làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc. Giới thiệu, phổ biến rộng rãi kết quả và những kinh nghiệm tốt của các cơ sở, các địa phương, các ngành và các đoàn thể trong công tác giáo dục quốc phòng nhân dân.

*

* * *

Giáo dục quốc phòng nhân dân, chuẩn bị cho thế hệ trẻ sẵn sàng làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc là một yêu cầu quan trọng, trước mắt và lâu dài của nhân dân ta nhằm sẵn sàng đánh thắng bất cứ kẻ thù nào xâm lược đất nước ta. Các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở các cấp, các cơ quan và các ngành có liên quan cần nêu cao trách nhiệm, tích cực và chủ động cùng với Bộ Quốc phòng thực hiện tốt chỉ thị này.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN Bí THƯ

Số 13-TB/TW, ngày 30 tháng 4 năm 1981

**Về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng
đối với các tổ chức, cán bộ, đảng viên, công nhân,
lưu học sinh công tác và học tập ở ngoài nước**

Ngày 28-4-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã nghe báo cáo về những đề nghị cần xem xét đối với quy định tổ chức đảng ở ngoài nước.

Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 31-3-1961 của Ban Bí thư về tổ chức Ban Cán sự Đảng ngoài nước, ban hành cách đây hơn 20 năm. Đến nay tình hình có nhiều mặt phát triển khác, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, cho nên việc sửa đổi và bổ sung những quy định mới là cần thiết. Ban Bí thư đã cho ý kiến về dự thảo nghị quyết tổ chức đảng bộ ngoài nước và giao Ban Cán sự Đảng ngoài nước cùng Ban Tổ chức Trung ương chỉnh lý lại để trình Ban Bí thư duyệt chính thức.

Trong khi thảo luận vấn đề trên, Ban Bí thư nêu ra những việc có liên quan cần nghiên cứu và sớm có quyết định để giúp đưa việc quản lý cán bộ, đảng viên, thanh niên, công nhân của ta ra học tập và công tác ở nước ngoài vào nền nếp,

ổn định và đạt yêu cầu. Những việc đó là:

1- Trong việc đưa người ra công tác, học tập ở nước ngoài cần hết sức chú trọng khâu tuyển chọn và chuẩn bị chu đáo trước từ trong nước về các mặt: tổ chức, giáo dục tư tưởng..., và có sự phân công cụ thể cơ quan nào chịu trách nhiệm chính về loại đối tượng nào và trách nhiệm của các cơ quan phối hợp. Ví dụ: Bộ Lao động chịu trách nhiệm chính về việc tuyển chọn tổ chức học tập, sắp xếp khung cán bộ, chi bộ đảng lãnh đạo, chuẩn bị vật chất và thủ tục cho số lao động đi theo đường hợp tác lao động, Ban Tổ chức Trung ương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Công đoàn... là các cơ quan có trách nhiệm phối hợp.

2- Cần nghiên cứu và ban hành sớm một số quy chế, chính sách, chế độ cụ thể có tính pháp quy để hình thành dần thể chế quản lý đối với những người ra công tác, học tập ngoài nước. Ví dụ: việc mua bán, đưa hàng đi và về, chế độ nộp một phần thu nhập bằng ngoại tệ, chế độ chuyển tiền, v.v..

Chính phủ cần giao các cơ quan hữu quan (nội vụ, tài chính, ngân hàng, ngoại giao, hải quan...) nghiên cứu và có quyết định thích hợp.

3- Cần nghiên cứu ngay tổ chức đoàn thể quần chúng thích ứng với các đối tượng ra công tác, học tập ngoài nước; trước mắt là tổ chức công đoàn để có chủ trương thống nhất làm việc với bạn. Ban Bí thư gợi ý nguyên tắc là ta có tổ chức quần chúng riêng của mình, nhưng có quan hệ phối hợp chặt chẽ với tổ chức liên quan của bạn về những vấn đề cần thiết.

4- Cần nghiên cứu đưa công tác quản lý người Việt Nam ở ngoài nước thống nhất vào đồng chí đại sứ là người đại diện Đảng và Nhà nước ta ở nước đó. Ở đây có vấn đề cán bộ quân

sự công tác và học tập ngoài nước, Quân uỷ Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương và Ban Cán sự Đảng ngoài nước nghiên cứu thảo luận và có ý kiến đề nghị để Ban Bí thư hoặc Bộ Chính trị xét.

*
* * *

Xin thông báo để các ban, ngành nghiên cứu, tổ chức thực hiện.

T/L BAN Bí THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
NGUYỄN HỮU THỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Số 14-TB/TW, ngày 30 tháng 4 năm 1981

Kết luận của Ban Bí thư tại Hội nghị bàn việc xúc tiến công tác cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ

Từ ngày 28 đến ngày 31-3-1981, Ban Bí thư đã họp với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, các đồng chí phụ trách công tác cải tạo nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ, Ban Cải tạo Nông nghiệp miền Nam, Ban Nông nghiệp Trung ương và đại diện của một số ban, ngành khác ở Trung ương, để bàn việc xúc tiến công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp theo các chỉ thị số 43, 57, 93 của Trung ương. Kết luận của Ban Bí thư đã được hội nghị thảo luận và nhất trí.

I - VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC CẢI TẠO NÔNG NGHIỆP

Các tỉnh, các ngành nhất trí với nhận định của Ban Bí thư nêu trong Chỉ thị số 93-CT/TW, ngày 30-6-1980, về tình hình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp ở miền Nam. Từ khi có chỉ thị đó đến nay, các tập đoàn sản xuất và

hợp tác xã nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ đã được củng cố khá hơn, từng bước ổn định để tiến lên; gần đây, đã phát triển thêm một số tập đoàn sản xuất mới. Những tập đoàn tiên tiến và khá đã đạt kết quả sản xuất và thu nhập khá hơn so với lúc tập đoàn viên còn làm ăn cá thể. Một số xã, ấp đã thu hút được đông đảo nông dân vào làm ăn tập thể, từng bước cải tạo bộ mặt nông thôn, xây dựng nông thôn mới và góp phần củng cố, phát triển các tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở.

Tuy vậy, các tỉnh và các ngành đều thấy rằng việc thực hiện nhiều mặt công tác trọng yếu về cải tạo nông nghiệp dê ra trong các chỉ thị của Trung ương còn chậm. Đến nay, vẫn chưa thực hiện xong việc điều chỉnh ruộng đất và chưa tổ chức được đông đảo nông dân vào các hình thức thấp. Các tổ chức kinh tế tập thể mới thu hút khoảng 9% nông hộ với 7% ruộng đất; có những tập đoàn sản xuất và hợp tác xã làm ăn còn kém so với khi sản xuất cá thể. Ở nông thôn Nam Bộ, tình hình bóc lột vẫn tồn tại dưới nhiều hình thức, sự phân hoá giai cấp đang diễn ra hàng ngày. Việc cải tạo nông nghiệp chưa thật sự được coi là công tác trọng tâm thường xuyên ở nông thôn. Trong chỉ đạo, có lúc, có việc nôn nóng, đơn giản, làm ồ ạt, không vững chắc; có lúc, có việc lại chần chờ, do dự, thiếu tích cực. Mặt khác, do chưa nắm vững mục đích của việc cải tạo nông nghiệp, nên chưa gắn chặt được cải tạo với xây dựng và phát triển nông nghiệp, chưa kết hợp tốt cải tạo và xây dựng trong nông nghiệp với cải tạo công thương nghiệp và xây dựng các mặt kinh tế, văn hoá ở nông thôn. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với cán bộ, đảng viên và nông dân, đặc biệt là giáo dục lập trường, quan

điểm của giai cấp công nhân trong việc đấu tranh xoá bỏ nạn bóc lột và tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp cũng như việc chấn chỉnh, kiện toàn tổ chức ở cơ sở và ở cấp huyện đều chưa bảo đảm được yêu cầu của công tác cải tạo nông nghiệp. Nhiều ngành ở trung ương chưa thiết thực tham gia cải tạo nông nghiệp. Sự chỉ đạo của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ còn thiếu chặt chẽ.

II- MỘT SỐ CHỦ TRƯƠNG VÀ QUAN ĐIỂM CẦN NẤM VỮNG TRONG CÔNG TÁC CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA ĐỐI VỚI NÔNG NGHIỆP

Mục đích, yêu cầu, phương châm, chính sách lớn về cải tạo nông nghiệp ở miền Nam được nêu trong các chỉ thị của Bộ Chính trị và của Ban Bí thư đã thể hiện rõ những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng đối với công tác rất quan trọng này. Qua nhận thức và hành động thực tế của các cấp, các ngành, Ban Bí thư thấy cần nhấn mạnh lại một số chủ trương và quan điểm sau đây:

1. Kiên quyết và khẩn trương thực hiện chủ trương điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn

Ngay sau khi hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc, Đảng ta đã đề ra các chủ trương triệt để xoá bỏ tàn tích bóc lột phong kiến, xoá bỏ các hình thức bóc lột của phú nông, tư sản ở nông thôn, điều chỉnh ruộng đất, tạo cơ sở để đưa nông dân đi vào làm ăn tập thể bằng các hình thức từ thấp đến cao. Những chủ trương đó đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nông dân, trước hết là đáp ứng yêu cầu về ruộng đất của nông dân không có ruộng và thiếu ruộng. Thế nhưng, đến

nay nhiều vùng ở nông thôn Nam Bộ vẫn còn một bộ phận khá đông nông dân không có hoặc chỉ có rất ít ruộng đất, phải sống bằng lao động làm thuê. Người nông dân, trước hết là nông dân nghèo vẫn bị bóc lột dưới nhiều hình thức. Những nhận thức mơ hồ, không phân rõ ranh giới giữa bóc lột và lao động chẳng những tồn tại trong quần chúng mà còn có trong một bộ phận cán bộ, đảng viên. Tình hình đó làm cho quần chúng nông dân, trước hết là nông dân nghèo, trong đó có nhiều người vốn là cơ sở cách mạng giảm sút lòng tin và sự gắn bó đối với Đảng. Một số chính sách về phân phối, lưu thông trong thời gian gần đây đã tăng cường được quan hệ kinh tế giữa nông dân với Nhà nước, nhưng tác động của các chính sách đó chủ yếu là đối với tầng lớp nông dân có nhiều nông sản hàng hoá. Trong tình hình đó, chúng ta càng phải quan tâm đến các chính sách bảo đảm lợi ích của tầng lớp nông dân nghèo, củng cố lực lượng "chí cốt" của giai cấp công nhân, đồng thời phải có chính sách và biện pháp hạn chế, đi tới xoá bỏ nạn bóc lột và tình trạng phân hoá giai cấp ở nông thôn.

Việc điều chỉnh ruộng đất để chia cho nông dân không có ruộng và thiếu ruộng theo các chính sách nêu trong Chỉ thị số 57 của Bộ Chính trị càng trở nên bức thiết. Không thể đợi khi vận động thành lập tập đoàn sản xuất mới tiến hành việc điều chỉnh ruộng đất. Chủ trương như vậy là sai, dẫn đến trì hoãn việc điều chỉnh ruộng đất, vì trong thời gian trước mắt, chưa thể mở rộng nhanh việc xây dựng tập đoàn sản xuất.

Hiến pháp mới đã quy định ruộng đất thuộc quyền sở hữu toàn dân và Nhà nước đang chuẩn bị ban hành luật về đất đai. Đó là yếu tố thuận lợi mới cho việc điều chỉnh ruộng

đất và quản lý ruộng đất ở nông thôn. Các tỉnh uỷ phải chỉ đạo các huyện, xã kiểm tra, đánh giá lại kết quả chấp hành Chỉ thị 57 của Bộ Chính trị về điều chỉnh ruộng đất và điều tra, xem xét kỹ tình hình ruộng đất của các tầng lớp nhân dân ở nông thôn hiện nay. Trên cơ sở đó, tỉnh uỷ đề ra kế hoạch, biện pháp tiếp tục thực hiện các chính sách cụ thể về ruộng đất đã được quy định trong Chỉ thị 57 của Bộ Chính trị, chỉ đạo sát sao những nơi chưa làm hoặc làm chưa tốt, phấn đấu trong năm 1981 giải quyết xong; đồng thời, kiến nghị các chủ trương, biện pháp sát hợp với tình hình hiện nay để giải quyết ruộng đất cho nông dân không có ruộng và thiếu ruộng (chính sách về điều chỉnh ruộng đất chưa đúng đến vườn cây ăn quả, diện tích trồng cây công nghiệp dài ngày, diện tích trồng cây nguyên liệu gắn với cơ sở chế biến công nghiệp, ao, hồ, đầm của tư nhân. Đổi với những loại đất đai này, phải nghiên cứu chu đáo để có chính sách, hình thức tổ chức cải tạo thích hợp và phải trình Trung ương quyết định; các địa phương không được tự ý tiến hành).

Ban Nông nghiệp Trung ương cùng với Bộ Nông nghiệp phải theo dõi chặt chẽ việc điều chỉnh ruộng đất, đề xuất với Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ những chủ trương, chính sách cụ thể cần tiếp tục giải quyết, hướng dẫn và kiểm tra các địa phương để bảo đảm tốt việc chấp hành chính sách điều chỉnh ruộng đất, ngăn ngừa tình trạng cán bộ lợi dụng việc này để chiếm đất, giành đất tốt. Hàng tháng, Ban Nông nghiệp Trung ương phải báo cáo tình hình thực hiện việc này lên Ban Bí thư.

Kế hoạch điều chỉnh ruộng đất cần đi đôi với kế hoạch tổ chức nông dân vào tổ đổi công, tổ đoàn kết sản xuất; noi đã

chuẩn bị đủ điều kiện, thì xây dựng tập đoàn sản xuất. Đồng thời phải phát triển hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng và quan tâm giúp đỡ những nông dân nghèo mới được chia ruộng có điều kiện, phương tiện sản xuất, không phải cho thuê ruộng, bán hoa màu non, v.v..

2. Năm vững mục đích cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi với nông nghiệp

Hợp tác hoá nông nghiệp là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, của việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đổi với nông nghiệp có *yêu cầu trực tiếp* là thay đổi chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất nhằm xoá bỏ nạn bóc lột và nguồn gốc sinh ra bóc lột, đồng thời tạo điều kiện cho sản xuất phát triển mạnh mẽ. Ý nghĩa quan trọng của việc cải tạo nông nghiệp là nó tạo cơ sở cho việc tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động, đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật (hợp tác hoá đi đôi với thuỷ lợi hoá, từng bước cơ giới hoá, ứng dụng kỹ thuật canh tác tiến bộ) nhằm *mục đích cuối cùng* là phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động; trên cơ sở đó mà cải thiện đời sống của nông dân và nhân dân, tăng tích luỹ cho Nhà nước và cho kinh tế tập thể. Đó chính là tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng ở nông thôn, trên cơ sở xác lập và không ngừng phát huy chế độ làm chủ tập thể của nông dân.

Trong tình hình cả nước đang có nhiều khó khăn về kinh tế, đang còn mất cân đối về nhiều mặt, nhất là về lương thực, thì công tác cải tạo nông nghiệp ở đồng bằng Nam Bộ, vùng trọng điểm số một về lương thực của cả nước, càng phải quán triệt và thực hiện đúng mục đích

phát triển sản xuất, không được phạm những khuyết điểm trong cải tạo nông nghiệp làm ảnh hưởng xấu đến sản xuất, gây thêm khó khăn cho nền kinh tế.

Dánh giá công tác cải tạo nông nghiệp, phải lấy kết quả sản xuất làm căn cứ. Qua kinh nghiệm thực tế phải làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nông dân quán triệt sâu sắc mục đích, nội dung của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, kiên quyết khắc phục những nhận thức, tư tưởng và hành động lệch lạc, sai trái.

3. Quán triệt sâu sắc phương châm tích cực và vững chắc trong công tác cải tạo nông nghiệp

Nông dân Nam Bộ, đặc biệt là trung nông, từ lâu đã đi vào sản xuất hàng hoá, gắn với cơ chế thị trường, và do đó có quan hệ ràng buộc với kinh tế tư bản chủ nghĩa. Xu hướng tự phát làm giàu trên cơ sở chế độ tư hữu thể hiện khá rõ, nhất là trong trung nông lớp trên. Nhưng mặt khác, với bản chất lao động, lại đã từng đi theo Đảng trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, nông dân Nam Bộ tin theo Đảng, có thể tiếp thu con đường làm ăn tập thể đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đặc điểm đó đòi hỏi phải nắm vững phương châm tích cực và vững chắc trong quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Chúng ta phải tích cực, chủ động tạo điều kiện dẫn dắt nông dân từng bước đi vào con đường làm ăn tập thể, không thụ động ngồi chờ, vì nông dân không thể tự mình đi lên chủ nghĩa xã hội. Sự dẫn dắt đó không thể nóng vội mà phải qua những bước quá độ, bằng nhiều hình thức thích hợp; công tác giáo dục tư tưởng phải kiên trì và phải chứng minh bằng thực tế cho nông dân thấy cách làm ăn tập thể phát triển được sản xuất và nâng cao được đời sống của

nông dân, tốt hơn cách làm ăn cá thể; từ đó mà thu hút nông dân tự nguyện tham gia. Có tích cực giáo dục, vận động nông dân và tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cán bộ, về tổ chức, thì mới có bước đi vững chắc. Ngược lại, bước đi ban đầu vững chắc sẽ tạo cơ sở cho bước phát triển mạnh mẽ của phong trào hợp tác hoá. Yêu cầu tích cực và vững chắc không đối lập nhau mà tác động tốt lẫn nhau.

Trong thời gian qua, do không nắm vững mục đích và phương châm cải tạo nông nghiệp, nên đã có lúc thành lập tập đoàn sản xuất và hợp tác xã một cách ô ạt, thiếu chuẩn bị, không tôn trọng nguyên tắc "tự nguyện", coi nhẹ các hình thức thấp để tập dượt nông dân đi vào làm ăn tập thể. Nhiều tập đoàn sản xuất và hợp tác xã làm ăn kém, không đứng vững được, bị tan rã. Điều đó ảnh hưởng không ít đến lòng tin của nông dân và của cả một bộ phận cán bộ, đảng viên đối với con đường làm ăn tập thể. Kẻ địch và những phần tử xấu lợi dụng cơ hội, kích động tâm lý hoài nghi, thành kiến đối với các tổ chức kinh tế tập thể. Cách làm "sượng" trong bước đầu đã gây thêm khó khăn cho bước sau.

Tuy vậy, qua bước này, và nhất là từ khi có Chỉ thị số 93 của Ban Bí thư, một số tập đoàn sản xuất và hợp tác xã đã được xây dựng và củng cố, làm ăn tốt, bước đầu thể hiện được tính ưu việt của tổ chức kinh tế tập thể. Các cấp uỷ đảng và cán bộ, đảng viên đã tích luỹ được một số kinh nghiệm quý. Quy hoạch và kế hoạch phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long đang được xúc tiến. Tình hình đó, cùng với việc không ngừng mở rộng trận địa xã hội chủ nghĩa trong các ngành kinh tế khác và việc tăng cường quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với nông dân, đang

tạo ra những điều kiện thuận lợi mới cho việc đẩy mạnh cải tạo gắn với tổ chức lại sản xuất và phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới một cách toàn diện, cũng như việc kết hợp cải tạo nông nghiệp với cải tạo công, thương nghiệp.

Lúc này, trên tư tưởng chỉ đạo, phải tránh khuynh hướng chần chừ, không tranh thủ thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đẩy mạnh cải tạo nông nghiệp một cách tích cực và vững chắc; tránh khuynh hướng "đóng cửa" để củng cố tập đoàn sản xuất, vin cớ "chờ đợi nông dân", sinh ra thụ động, không tích cực tạo điều kiện để phát triển thêm tập đoàn sản xuất mới. Đồng thời, phải ngăn ngừa và khắc phục mọi biểu hiện đơn giản, nôn nóng, muốn đưa ngay nông dân vào các hình thức tổ chức sản xuất tập thể mà coi nhẹ các hình thức thấp, vội xoá bỏ việc trả hoa lợi ruộng đất ở các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, thoát ly trình độ và tâm lý của đồng đảo quần chúng nông dân, vi phạm nguyên tắc "tự nguyện, cùng có lợi, dân chủ" trong cuộc vận động hợp tác hoá nông nghiệp.

4. Phát huy tính ưu việt của các tổ chức kinh tế tập thể

Các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã phải làm ăn tốt ngay từ đầu, đó là một yếu tố quan trọng để lôi cuốn nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể. Yêu cầu đặt ra là: các tổ chức này trong bước đầu mới thành lập phải đạt được kết quả sản xuất và tổ chức đời sống tốt hơn so với khi các hộ thành viên còn làm ăn cá thể; thu nhập của phần lớn các hộ phải bằng và cao hơn khi còn sản xuất riêng lẻ (yêu cầu này có cơ sở để thực hiện, vì trong bước đầu của phong trào hợp tác hoá, những hộ gia nhập đầu tiên phần lớn là nông dân nghèo và trung nông lớp dưới). Từ kết quả bước đầu đó, phấn

đấu vươn lên qua một thời gian đạt và vượt kết quả sản xuất và thu nhập của những hộ trung nông lớp trên, do đó có sức lôi cuốn họ vào tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Nếu ngay từ đầu đã đòi hỏi tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nhất thiết phải hơn hẳn trung nông lớp trên, thì không phù hợp với thực tế và dẫn tới chấn chừ, do dự trong việc vận động tổ chức nông dân đi vào làm ăn tập thể.

Để đạt được yêu cầu nêu trên, một mặt, Nhà nước cần có các chính sách nâng đỡ, khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể. Nhà nước cần quan tâm giải quyết vấn đề này một cách tích cực, phù hợp với khả năng thực tế của nền kinh tế. Nhưng mặt khác, có ý nghĩa quyết định là các tổ chức kinh tế tập thể phải phát huy được tính ưu việt vốn có của quan hệ sản xuất mới để phát triển sản xuất, đạt năng suất và hiệu quả cao hơn so với khi các thành viên còn làm ăn cá thể. Muốn vậy, việc thành lập tập đoàn sản xuất và hợp tác xã phải đi đôi với việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch sản xuất và phương án kinh tế - kỹ thuật, đưa ra quần chúng bàn bạc. Kế hoạch và phương án này phải dựa vào thế mạnh của việc tổ chức làm ăn tập thể, đề ra những việc thiết thực, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn khi làm ăn cá thể như: làm thuỷ lợi tốt hơn, quay vòng đất nhanh hơn, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật mạnh mẽ hơn, phát triển chăn nuôi và kinh doanh nhiều ngành nghề để sử dụng lao động tốt hơn, v.v.. Đi đôi với phương án tổ chức kinh tế tập thể, phải chú ý hướng dẫn và khuyến khích kinh tế gia đình phát triển đúng hướng. Ngay từ đầu, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã phải có một cơ chế quản lý thích hợp, động viên được nhiệt tình lao động của xã viên trên cơ sở kết hợp đúng đắn ba lợi ích, đồng thời

không ngừng giáo dục và nâng cao tinh thần làm chủ tập thể của cán bộ, đảng viên và quần chúng nông dân. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý có ý thức gắn bó một cách kiên định với kinh tế tập thể và biết cách quản lý là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng đối với thành công của tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp.

III- HÌNH THÚC, BUỚC ĐI VỀ HỢP TÁC HÓA NÔNG NGHIỆP

1. Hình thức

Quá trình đưa nông dân đi vào làm ăn tập thể bao gồm hai loại hình thức: một loại là các hình thức thấp mang tính chất quá độ, chưa thay đổi chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất (dưới đây gọi tắt là các hình thức quá độ); một loại là các hình thức tổ chức kinh tế tập thể trên cơ sở tập thể hóa tư liệu sản xuất chủ yếu. Giữa các hình thức có mối quan hệ chặt chẽ; từng hình thức có vị trí và chức năng nhất định, hình thức trước tạo tiền đề để chuyển sang hình thức sau cao hơn.

a) Các hình thức quá độ

Các hình thức quá độ mà phổ biến là tổ đoàn kết sản xuất, là hình thức tập hợp nông dân cá thể nhằm ba yêu cầu: đổi công, tương trợ lẫn nhau trong sản xuất; tiến hành sản xuất theo sự hướng dẫn của kế hoạch nhà nước; thực hiện quan hệ kinh tế với Nhà nước.

Trong các hình thức quá độ, có thể thực hiện từ đổi công từng việc, từng vụ, đến đổi công thường xuyên có bình công chấm điểm hay có định mức, thực hiện một số công tác quản lý chung. Mặt khác, trong các tổ chức này, phải chú ý điều

hoà hợp lý quyền lợi giữa các tầng lớp nông dân, hạn chế bóc lột, đồng thời thực hiện sự liên minh chặt chẽ về kinh tế với Nhà nước, thu hẹp và tiến tới cắt đứt quan hệ buôn bán với tư sản thành thị và tư thương. Cao hơn nữa là bắt đầu góp vốn xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật chung, như làm thuỷ lợi, mua máy, v.v., kinh doanh sản xuất tập thể về từng mặt.

Cần thấy rõ vai trò và tác dụng của các hình thức quá độ trong giai đoạn hiện nay, tổng kết và phổ biến các kinh nghiệm sáng tạo của cơ sở và của quần chúng, thu hút cho được hầu hết nông dân cá thể tham gia. Mặt khác, không dừng lại lâu ở các hình thức quá độ, mà phải tích cực tạo điều kiện chuyển lên tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã một cách vững chắc.

b) Các hình thức tập thể hóa nông nghiệp

+ Tập đoàn sản xuất

Tập đoàn sản xuất là tổ chức kinh tế tập thể có nội dung: tập thể hóa ruộng đất và tư liệu sản xuất chủ yếu khác; tổ chức lao động tập thể trên cơ sở hiệp tác có phân công; thực hiện phân phối theo lao động là chủ yếu. Với nội dung đó, tập đoàn sản xuất thực chất là hợp tác xã nông nghiệp quy mô nhỏ. Trừ một số trường hợp đặc biệt, nói chung tập đoàn sản xuất còn trả hoa lợi ruộng đất, trả tiền thuê máy và công cụ chưa tập thể hoá, phân phối một phần quan trọng sản phẩm làm ra cho xã viên theo ngày công lao động, như hợp tác xã bậc thấp. Các tập đoàn sản xuất có quy mô nhỏ, quản lý một cấp nên dễ phát huy quyền làm chủ tập thể trực tiếp của xã viên và phù hợp với trình độ quản lý của số đông cán bộ cơ sở hiện nay. Do đó, trong những năm trước mắt, tập đoàn sản xuất là hình thức thích hợp nhất để tổ chức nông dân đi vào làm ăn tập thể.

Tuy vậy, vì quy mô quá nhỏ, ruộng đất còn phân tán, nên việc phát huy tính ưu việt của kinh tế tập thể còn bị hạn chế. Nhiều nơi đã phát triển các hình thức liên doanh giữa các tập đoàn sản xuất, có nơi đi tới hình thức tổ chức liên tập đoàn để có thêm khả năng tổ chức lại sản xuất, phân công lại lao động, xây dựng một số cơ sở vật chất - kỹ thuật và công trình phúc lợi chung.

Trong tình hình hiện nay, phải vừa tích cực củng cố các tập đoàn sản xuất đã được xây dựng, vừa phát triển thêm tập đoàn sản xuất ở những nơi có điều kiện, đồng thời chủ động tạo điều kiện để phát triển mạnh hơn nữa các tập đoàn sản xuất. Mặt khác, cần thấy mặt hạn chế của tập đoàn sản xuất và xu thế tất yếu phải chuyển lên hợp tác xã có quy mô thích hợp, để tích cực, chủ động tạo điều kiện cho bước chuyển đó (quan trọng nhất là củng cố các tập đoàn làm ăn tốt, nâng cao ý thức làm chủ tập thể của nông dân và chuẩn bị được đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã), không nên dừng lại lâu ở hình thức, quy mô tập đoàn sản xuất.

+ *Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp*

Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có quy mô lớn hơn tập đoàn sản xuất (ở vùng đồng bằng có quy mô vài ba trăm hécta; ở vùng trung du có quy mô vài trăm hécta canh tác, không kể đất rừng); do đó có điều kiện để tổ chức lại sản xuất, phân công lao động, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật ở một mức cao hơn, phát huy được đầy đủ hơn tính ưu việt của tổ chức kinh tế tập thể. Việc xoá bỏ phân phối theo hoa lợi ruộng đất có thể đặt ra ngay khi chuyển từ tập đoàn sản xuất lên hợp tác xã, hoặc phải giải quyết chậm hơn, là tuỳ thuộc vào tình hình phát triển sản xuất (bảo đảm được thu

nhập của xã viên, kể cả những người vốn có nhiều ruộng) và phải được xã viên thực sự tự nguyện.

Trước mắt, cần tập trung sức củng cố các hợp tác xã hiện có và có thể phát triển thêm một số hợp tác xã ở những nơi đã chuẩn bị tốt các điều kiện cần thiết, phấn đấu tạo ra cho được trong mỗi huyện, mỗi vùng khác nhau trong huyện một vài hợp tác xã kiểu mẫu để lấy đó làm gương thuyết phục nông dân và có kinh nghiệm tại chỗ cho cán bộ cơ sở học tập.

Trong việc xây dựng, củng cố tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, phát huy tính ưu việt của kinh tế tập thể, một yếu tố rất quan trọng là ngay từ đầu phải có một cơ chế quản lý thích hợp. Cơ chế đó lấy kế hoạch làm trung tâm, đồng thời sử dụng các đòn bẩy kinh tế dựa trên sự kết hợp đúng đắn ba lợi ích, gắn trách nhiệm và lợi ích của người lao động với kết quả cuối cùng của sản xuất. Trong việc thực hiện cơ chế đó, có vấn đề áp dụng hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động theo Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư. Đối với các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp ở Nam Bộ, việc áp dụng cách khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động phải qua làm thủ, rút kinh nghiệm để giải quyết các vấn đề cụ thể cho sát hợp với đặc điểm của các tổ chức kinh tế tập thể mới thành lập, nhằm đảm bảo thực hiện tốt mục đích và nguyên tắc của cách khoán này, kiên quyết ngăn ngừa tình trạng "khoán trống" cũng như tình trạng cấp trên thiếu chủ động và tích cực chỉ đạo, cấp dưới "làm chui", dẫn tới nhiều thiếu sót, lêch lạc. Tỉnh uỷ phải duyệt kế hoạch làm thủ cách khoán này và cùng với huyện chỉ đạo chặt chẽ việc tiến hành.

Một số đồng chí chưa hiểu đúng thực chất của cách

khoán một số khâu công việc gắn với sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động, nên còn ngần ngại trong việc áp dụng. Bộ Nông nghiệp cùng với Ban Nông nghiệp Trung ương cần giải thích, hướng dẫn cụ thể, giúp tinh tổ chức tốt việc làm thủ, đúc kết kinh nghiệm và tập huấn cán bộ bảo đảm cho cách khoán này được áp dụng một cách đúng đắn, vững chắc, kịp thời.

Đi đôi với các hình thức tổ chức nông dân vào sản xuất tập thể, cần làm tốt việc cải tạo đổi với máy nông nghiệp của tư nhân và phát triển các hình thức hợp tác trong lĩnh vực mua bán và tín dụng ở nông thôn:

- Việc cải tạo đổi với máy nông nghiệp của tư nhân phải vừa đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp, vừa hạn chế, đi đến xoá bỏ bóc lột bằng kinh doanh máy móc. Vì vậy, cần thi hành đúng chủ trương, biện pháp đã đề ra trong Chỉ thị số 57 của Bộ Chính trị và các quy định của Nhà nước. Qua kinh nghiệm thực tế, do máy của tư nhân đều là máy cũ, nên hình thức cải tạo và cách quản lý có hiệu quả nhất là phải ràng buộc và khuyến khích được chủ máy chăm lo bảo dưỡng, sửa chữa, sử dụng tốt máy để bảo đảm sản xuất nông nghiệp. Nhà nước phải hướng dẫn việc sử dụng máy và việc trả công máy nông nghiệp thông qua việc cung ứng xăng dầu; đồng thời phải xây dựng và củng cố các trạm máy nông nghiệp quốc doanh để đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, tăng cường quan hệ giữa nông dân và Nhà nước, hướng dẫn, kiểm tra các tổ hợp máy, tập đoàn máy cũng như các đội máy trong tập đoàn sản xuất.

- Cần tích cực phát triển các *hợp tác xã mua bán* ở xã, cửa hàng mua bán, đại lý mua bán ở áp, gắn chặt với tổ chức

thương nghiệp quốc doanh trên địa bàn huyện; phát triển *các hợp tác xã tín dụng* ở xã và các quỹ tín dụng nhân dân ở áp dưới sự chỉ đạo và hướng dẫn về nghiệp vụ của ngân hàng huyện. Đồng thời, sử dụng và cải tạo tiểu thương, tăng cường quản lý thị trường, tăng cường thu thuế công thương nghiệp, cắt đứt quan hệ của tư sản thành thị và thương nhân với nông dân, ngăn chặn nạn cho vay nặng lãi đối với nông dân và chống thất thu cho ngân sách nhà nước.

2. *Bước đi*

Trong thời gian trước mắt, *phải tổ chức được rộng rãi nông dân ở khắp nơi vào các hình thức quá độ, vừa củng cố cho tốt các tập đoàn sản xuất và các hợp tác xã hiện có*, tạo ra được những tập đoàn sản xuất và hợp tác xã kiểu mẫu thực sự, *vừa phát triển tập đoàn sản xuất và hợp tác xã ở những nơi có điều kiện*. Đồng thời, khẩn trương chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc phát triển rộng khắp tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, đi tới cơ bản hoàn thành *tập thể hoá nông nghiệp với hình thức tập đoàn sản xuất là chủ yếu*, trong những năm tới.

IV - CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Về tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, củng cố cơ sở gắn với công tác xây dựng huyện và kiện toàn cấp huyện, đào tạo cán bộ, phát huy trách nhiệm lãnh đạo của các cấp uỷ đảng, trách nhiệm của các ngành, các đoàn thể đối với công tác cải tạo nông nghiệp, Chỉ thị 93-CT/TW¹⁾ đã nêu

1) Xem: *Sđd*, t. 41, tr. 200.

đầy đủ. Cần làm tốt những quy định ấy. Dưới đây, chỉ nêu một số điểm:

1. Trước mắt, kết hợp với việc thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác tư tưởng, cần giáo dục kỹ lại nội dung các chỉ thị 43, 57, 93 của Trung ương và kết luận lần này của Ban Bí thư trong các cấp uỷ đảng, các cấp chính quyền, các ngành, các đoàn thể, để tạo ra sự nhất trí mới và quyết tâm cao trong tư tưởng cũng như trong hành động.

2. Phải đặc biệt coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, bao gồm cả cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, cán bộ nghiệp vụ, trước hết là chủ nhiệm hợp tác xã, tập đoàn trưởng, kế toán, đội trưởng sản xuất. Đội ngũ cán bộ chủ chốt của hợp tác xã và tập đoàn sản xuất phải được lựa chọn trong những người có lý lịch chính trị rõ ràng, gắn bó với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đi vào con đường làm ăn tập thể, không tư lợi, hống hách, được quần chúng tín nhiệm. Phải không ngừng bồi dưỡng, nâng cao năng lực về quản lý sản xuất tập thể, về kiến thức kỹ thuật sản xuất nông nghiệp cho những cán bộ đó.

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất phải đi đôi với kế hoạch củng cố cơ sở đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng ở xã, ấp.

Bên cạnh việc đào tạo, sắp xếp, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ là chủ yếu, Ban Tổ chức Trung ương cần bàn cụ thể với các ngành thực hiện ngay kế hoạch tăng cường cán bộ cho các tỉnh và huyện ở Nam Bộ, trước hết là cho các tỉnh, huyện trọng điểm về sản xuất nông sản hàng hoá cung cấp cho Nhà nước.

3. Tỉnh uỷ và uỷ ban nhân dân tỉnh, huyện uỷ và uỷ ban nhân dân huyện, trước hết là đồng chí bí thư cấp uỷ đảng,

phải trực tiếp chỉ đạo công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp và công tác xây dựng nông thôn toàn diện. Cần có quy hoạch, kế hoạch kết hợp cải tạo với xây dựng trong 5 năm, từng năm và từng vụ ở từng tỉnh, từng huyện để chủ động trong lãnh đạo. Cần phối hợp chặt chẽ hoạt động của các ngành ở tỉnh, hướng về huyện và cùng với huyện hướng thẳng về cơ sở để chỉ đạo, hướng dẫn và giúp đỡ cơ sở làm tốt công tác cải tạo nông nghiệp.

Trước mắt, cần gấp rút tiến hành việc *điều tra lại tình hình nông thôn*, chủ yếu là điều tra diễn biến về tình hình ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác của các tầng lớp nông dân ở các vùng khác nhau trong từng tỉnh, để chỉ đạo cho sát, đúng. Từng tỉnh, thành phố kết hợp với các huyện làm, dưới sự hướng dẫn của Ban Nông nghiệp Trung ương. Ban Nông nghiệp Trung ương tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư, chậm nhất là vào cuối quý III-1981.

4. Ở trung ương, cần đưa công tác cải tạo nông nghiệp vào kế hoạch nhà nước và biến các chủ trương, chính sách của Đảng thành văn bản pháp quy của Nhà nước. Thường vụ Hội đồng Chính phủ cần chỉ đạo các bộ (có các ban của Trung ương Đảng tham gia) giúp Chính phủ nghiên cứu và ban hành sớm các văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể về một số chính sách, như: bổ sung chính sách về điều chỉnh ruộng đất, giải quyết ruộng đất cho nông dân không có ruộng và thiếu ruộng; quy định về diện tích để lại cho xã viên khi vào tập đoàn sản xuất và hợp tác xã, về trả hoa lợi ruộng đất; các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, cung ứng vật tư đối với kinh tế tập thể; chính sách về cải tạo công nghiệp nhỏ, thương nghiệp; bổ sung chính sách về thuế đối

với công thương nghiệp; điều lệ hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng.

Để kết hợp được chặt chẽ cải tạo với xây dựng, Bộ Nông nghiệp phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc chỉ đạo, hướng dẫn cụ thể và kiểm tra các địa phương trong công tác cải tạo nông nghiệp.

5. Trong quý II-1981, cần thống nhất sớm Ban Nông nghiệp Trung ương và Ban Cải tạo Nông nghiệp miền Nam theo nghị quyết của Bộ Chính trị, để giúp Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghiên cứu chủ trương, chính sách, phối hợp hoạt động của các ngành, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và sơ kết, tổng kết kinh nghiệm về công tác cải tạo nông nghiệp. Các đồng chí phụ trách hai ban cùng với Ban Tổ chức Trung ương phải bàn ngay để tiến hành tốt việc này và báo cáo lên Ban Bí thư.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 18-TB/TW, ngày 8 tháng 5 năm 1981

THÔNG BÁO CỦA BAN Bí THƯ

Về chính sách thuế nông nghiệp

Bộ Chính trị đã nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính trình về chính sách thuế nông nghiệp mới và ý kiến của Thường vụ Hội đồng Chính phủ, Ban Nông nghiệp Trung ương, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Chính sách thuế nông nghiệp mới phải thể hiện được ba yêu cầu:

- a) Khuyến khích sản xuất nông nghiệp phát triển, cả thâm canh, tăng vụ và khai hoang mở rộng diện tích.
- b) Khuyến khích nông dân đi vào làm ăn tập thể.
- c) Bảo đảm nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước công bằng hợp lý.

2. Một số chủ trương cụ thể:

- Tính trong cả nước, thu thuế nông nghiệp khoảng 10% sản lượng lương thực quy thóc, thu bằng hiện vật; Nhà nước cần nấm thêm lương thực, nông sản hàng hoá để bảo đảm cho nhu cầu cả nước thì thu mua bằng hợp đồng hai chiều hoặc mua theo giá thoả thuận.
- Diện tích và sản lượng tăng vụ phải sau 5 năm, thành

tập quán rồi mới tính thuế.

- Diện tích khai hoang thì sau 5 năm đưa vào sản xuất mới tính thuế.

- Ở miền Nam cần có hai biểu thuế: biểu thuế đối với tập thể và biểu thuế đối với cá thể.

- Ở miền núi: cách tính thuế và thu thuế phải giản đơn; những vùng sản xuất quá khó khăn thì cho miễn thuế.

- Cần nghiên cứu thu thuế trên diện tích và sản lượng thu được ở vườn cây ăn quả, mặt nước, đồng cỏ... trên tinh thần khuyến khích tận dụng, tăng năng suất, không được để xảy ra tiêu cực phá hoại sản xuất.

3. Cần điều tra nắm vững tình hình ruộng đất ở các vùng trong cả nước, xây dựng *Luật thuế nông nghiệp*; trước khi trình ra Bộ Chính trị, phải trưng cầu ý kiến rộng rãi các cấp, các ngành, các cơ sở. Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm xây dựng dự luật này, có sự phối hợp của các cơ quan liên quan, như: Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp, Ủy ban Pháp chế của Chính phủ, Ban Nông nghiệp Trung ương...

Trong khi chưa có luật, Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ tạm thời về thuế nông nghiệp, đồng thời chấn chỉnh bộ máy thu thuế, chỉ đạo các địa phương tiến hành vận động, giáo dục nông dân, xã viên hợp tác xã nông nghiệp, đoàn viên các tập đoàn sản xuất ra sức tăng gia sản xuất, làm tròn nghĩa vụ đóng thuế nông nghiệp.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ
Số 108-CT/TW, ngày 14 tháng 5 năm 1981
Về việc tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh
chống các hiện tượng tiêu cực trong năm 1981

Năm 1980, do tác động của chuyển biến tích cực trong tình hình chung từ khi thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị, do các cấp, các ngành cố gắng thực hiện Chỉ thị 81 của Ban Bí thư, việc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội đã có tiến bộ hơn trước. Ở nhiều nơi, cấp uỷ đảng và thủ trưởng lãnh đạo chặt chẽ, kiên quyết, các ngành phối hợp đồng bộ, hiện tượng tiêu cực có mặt đã giảm, điều đó chứng tỏ việc chống các hiện tượng tiêu cực dù rất khó khăn, phức tạp, nhưng ta nhất định có thể làm tốt.

Tuy nhiên, kết quả chống các hiện tượng tiêu cực còn hạn chế, chưa có sự chuyển biến cơ bản, hiện nay có những mặt và những vụ xảy ra rất nghiêm trọng. Tài sản xã hội chủ nghĩa bị lấy cắp, mất mát nhiều, nhất là ở các ngành kinh tế lớn, các thành phố lớn, các cảng lớn. Tệ hối lộ xảy ra ở nhiều ngành, nhiều cấp, vừa tinh vi, vừa trắng trợn. Tệ ức hiếp

quân chúng, nhất là ở cơ sở trong nhiều nơi diễn ra nặng nề. Công tác chống địch phá hoại kinh tế còn rất yếu. Việc làm ăn phi pháp, đầu cơ buôn lậu chưa bị đẩy lùi, có mặt phát triển rất phức tạp.

Việc chống các hiện tượng tiêu cực chuyển biến chậm, chủ yếu là do sự lãnh đạo vừa qua tuy có quan tâm và cố gắng hơn trước, nhưng thiếu liên tục, thiếu khẩn trương và chưa có quyết tâm cao. Đặc biệt, nhiều đồng chí thủ trưởng các ngành, các cơ quan quản lý vật tư, tài sản của Nhà nước chưa thấy rõ trách nhiệm và không trực tiếp chỉ đạo việc đấu tranh một cách tích cực. Các đoàn thể quần chúng chưa thực hiện tốt nhiệm vụ động viên và tổ chức quần chúng thành một phong trào đấu tranh mạnh mẽ.

Để chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nhiệm vụ đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực, Ban Bí thư chỉ thị:

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban cán sự đảng trong các bộ, các ngành cùng với các đoàn thể ở trung ương và các cấp uỷ đảng trong quân đội, công an phải đề cao trách nhiệm, kiên quyết tiếp tục chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chỉ thị 81 của Ban Bí thư.

Cần thấy rõ các hiện tượng tiêu cực hiện nay có tác động xấu đến nhiều mặt kinh tế, xã hội, chính trị, nhất là làm giảm lòng tin của quần chúng, đồng thời các hiện tượng tiêu cực phát triển là cơ hội cho địch lợi dụng để phá hoại ta. Vì vậy, phải kiên quyết đấu tranh để chặn đứng, tiến tới xoá bỏ

các hiện tượng tiêu cực.

Phải tập trung chỉ đạo việc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực *trong năm 1981 và vài năm tới để tạo ra cho được một sự chuyển biến cơ bản*, nhằm đáp ứng yêu cầu quan trọng của nhiệm vụ mới trong tình hình hiện nay và sắp tới.

2. Năm yêu cầu chống các hiện tượng tiêu cực trong năm 1981:

Một là: Làm trong sạch các cơ sở đảng, chính quyền, công an, quân đội, các đoàn thể, các cơ sở tập thể. Trước hết, phải làm trong sạch các cơ sở đảng, công an, quân đội và các cơ quan, đơn vị nhà nước quản lý nhiều vật tư và tài sản. Kiên quyết đưa những người thoái hóa, biến chất không chịu sửa chữa ra khỏi Đảng và các tổ chức này.

Hai là: Trong khu vực nhà nước và khu vực tập thể, phải quản lý và bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn và khắc phục có hiệu quả tệ ăn cắp, nhất là đối với vật tư, tài sản hiếm quý và thiết yếu cho sản xuất, đời sống, quốc phòng. Phải chặn đứng tệ hối lộ và kiên quyết bài trừ tệ úc hiếp quần chúng.

Ba là: Ngoài xã hội, phải chặn đứng hoạt động chiến tranh tâm lý, phá hoại của địch về tư tưởng, ngăn chặn và đánh bại âm mưu, hoạt động của địch phá hoại kinh tế, dẹp cho được các ổ lưu manh, côn đồ, đầu cơ buôn lậu.

Bốn là: Đi đôi với chống kiên quyết, phải xây dựng mạnh về các mặt tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hoá và cải tiến tổ chức quản lý, thực hiện bốn chế độ, nhất là *chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật* đối với cán bộ phụ trách.

Năm là: Cố gắng giải quyết công ăn việc làm cho quần chúng bằng việc tổ chức lao động sản xuất và vận động

phong trào quần chúng đi xây dựng vùng kinh tế mới.

3. Để bảo đảm được nhiệm vụ, yêu cầu trên, *phải có những biện pháp chỉ đạo thực hiện một cách toàn diện, tích cực và khẩn trương hơn nữa*.

Trước hết, việc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực chỉ có thể làm tốt trên cơ sở gắn chặt với việc thực hiện các nhiệm vụ, công tác lớn của Đảng và Nhà nước; mặt khác, để làm tốt các nhiệm vụ, công tác lớn của Đảng và Nhà nước, thì cần gắn chặt với việc chống các hiện tượng tiêu cực. Phải gắn chặt việc đấu tranh này với việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1981, thi hành *Hiến pháp* mới, bầu cử Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, chuẩn bị Đại hội lần thứ V của Đảng, thực hiện các nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Bí thư về cải tiến quản lý kinh tế, cải tiến công tác phân phôi - lưu thông, tăng cường công tác tổ chức, công tác tư tưởng, công tác quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tiếp tục thực hiện tốt công tác phát triển đảng, v.v.. Phải có *kế hoạch thật cụ thể* để kết hợp việc chống các hiện tượng tiêu cực với từng công tác nói trên; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, tránh nói chung chung. Cần chú ý:

a) Có kế hoạch kết hợp chặt chẽ việc *chống các hiện tượng tiêu cực trong nội bộ đảng* với việc thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Bí thư về công tác tổ chức, công tác tư tưởng. Đặc biệt phải kết hợp với các đợt giáo dục nâng cao phẩm chất, đạo đức cộng sản của người đảng viên với các đợt phát triển đảng, với việc củng cố cơ sở đảng và chuẩn bị Đại hội lần thứ V của Đảng.

Tất cả các chi bộ phải thực hiện nghiêm chỉnh nhiệm vụ đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực mà Chỉ thị 81 đã đề ra.

Mỗi đảng viên, bất cứ ở cương vị nào, đều phải nghiêm chỉnh chấp hành *Điều lệ Đảng*, kiên quyết chống các hiện tượng tiêu cực, trước hết là trong nội bộ đảng; kiên quyết chống địch phá hoại, đồng thời phải lãnh đạo, tổ chức các đoàn viên, hội viên và quần chúng thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực.

b) Động viên, tổ chức quần chúng đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực thành *phong trào cách mạng sôi nổi* ở tất cả các xí nghiệp, công trường, nông trường, cửa hàng, bệnh viện, trường học, hợp tác xã, phường, xã, v.v.. Chỉ có thể có phong trào quần chúng sôi nổi, nếu ta *thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng*, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng đi đôi với đẩy mạnh việc tổ chức, hướng dẫn đời sống vật chất và văn hoá của quần chúng, đồng thời phát động quần chúng xây dựng và thực hiện các quy chế về quản lý, công tác, hoạt động ở các cơ sở kinh tế, các cơ quan hành chính, sự nghiệp và các quy chế về an ninh, trật tự, nếp sống văn minh ở các phường, các xã.

Như vậy, phong trào quần chúng chống các hiện tượng tiêu cực phải có nội dung toàn diện, cả cải tạo và xây dựng, cả xây và chống. Chú ý xây dựng các mặt tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hoá, xây dựng tổ chức và quản lý. Lấy *lao động sản xuất, xây dựng con người mới, văn hoá mới xã hội chủ nghĩa* để cải tạo cái cũ, cái lạc hậu; biểu dương, cổ vũ các nhân tố tích cực để đẩy lùi và khắc phục các hiện tượng tiêu cực. Giáo dục, ngăn ngừa là chính, đồng thời đề cao trách nhiệm và kỷ luật; khi có sai phạm, phải xử lý kịp thời và nghiêm minh, kể cả xét xử trước pháp luật.

Các đoàn thể quần chúng, nhất là *Công đoàn, Đoàn*

Thanh niên, Hội Phụ nữ có trách nhiệm chính trong việc phát động phong trào quần chúng. Phải làm cho mỗi tổ chức cơ sở của đoàn thể thật sự trở thành nòng cốt của phong trào đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực.

c) Phải xây dựng và thực hiện tốt các quy chế quản lý, nhất là thực hiện nghiêm ngặt *chế độ trách nhiệm và chế độ kỷ luật* đối với việc quản lý tài sản xã hội chủ nghĩa, quản lý tổ chức và quản lý con người *trong các cơ quan, các cơ sở sản xuất, kinh doanh của Nhà nước và các cơ sở tập thể*.

Tất cả các cấp lãnh đạo, các cơ quan nhà nước, trước hết là các đồng chí phụ trách các bộ, ngành ở trung ương và uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố phải thực hiện nghiêm chỉnh trách nhiệm của mình đối với việc chống các hiện tượng tiêu cực. Các đồng chí thủ trưởng các bộ, các ngành ở trung ương và chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố phải chịu trách nhiệm đầy đủ trước Trung ương Đảng, Chính phủ và trước pháp luật đối với việc mất mát tài sản nhà nước do mình quản lý và đối với các hiện tượng tiêu cực xảy ra trong ngành hoặc địa phương mình. Từ nay, ngành nào, địa phương nào, đơn vị nào nếu để các hiện tượng tiêu cực xảy ra nghiêm trọng hoặc kéo dài, thì *không đủ tiêu chuẩn xét duyệt hoàn thành nhiệm vụ*.

Phải có kế hoạch gắn chặt việc chống các hiện tượng tiêu cực với việc cải tiến cơ chế quản lý kinh tế, cải tiến công tác phân phối - lưu thông. Hướng chính là ra sức bồi dưỡng, phát huy những nhân tố mới tích cực, đồng thời sớm phát hiện và uốn nắn những lệch lạc. Kiên quyết ngăn chặn việc lợi dụng các sơ hở trong khi thi hành các chính sách, biện pháp mới về

quản lý kinh tế để tham ô, ăn cắp, gây thiệt hại cho tài sản của Nhà nước.

Chính phủ và các bộ, ngành ở trung ương, các uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố phải có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ hơn nữa việc xây dựng và thực hiện bốn chế độ (chế độ trách nhiệm, chế độ kỷ luật, chế độ bảo vệ của công, chế độ phục vụ nhân dân), gắn chặt với việc chống các hiện tượng tiêu cực và cải tiến cơ chế quản lý kinh tế.

d) Đè cao trách nhiệm và vai trò của các cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ, các cơ quan có chức năng kiểm tra, kiểm soát và các cơ quan chuyên chính.

Các ngành *tài chính, ngân hàng, vật tư, lao động, v.v.*, có nhiệm vụ vừa tiến hành chặt chẽ việc chống các hiện tượng tiêu cực trong ngành mình, vừa làm tốt việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các ngành, các cấp theo chức năng của mình nhằm phát hiện, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa.

Cơ quan Thanh tra Nhà nước có trách nhiệm đòi hỏi và kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý đối với vật tư, tài sản được Nhà nước giao.

Người lãnh đạo của mỗi ngành, mỗi cấp phải tự mình tiến hành một cách thường xuyên và có hiệu lực việc kiểm tra, kiểm soát cấp dưới, đồng thời tăng cường chỉ đạo và phối hợp hoạt động kiểm tra, giám sát của các cơ quan thanh tra chuyên trách, các cơ quan chức năng, nhất là hoạt động kiểm tra, giám sát của quần chúng (qua các tổ chức thanh tra của công nhân, thanh tra của nhân dân, các đội kiểm tra của công nhân, v.v.). Phối hợp chặt chẽ công tác kiểm tra của Đảng với công tác thanh tra của Nhà nước và các ngành chức

năng nhằm biểu dương, cổ vũ mặt tốt và ngăn chặn, phê phán, xử lý kịp thời những mặt sai trái.

Tất cả các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở, nhất là các ngành quản lý kinh tế phải *thực hiện nghiêm ngặt chế độ đăng ký, kiểm kê, kiểm soát* thường xuyên và đột xuất các vật tư, tài sản của Nhà nước giao cho ngành mình, đơn vị mình quản lý. Khi phát hiện hành vi sai phạm, phải xử lý nghiêm khắc và có biện pháp khắc phục kịp thời các sơ hở.

Các cấp uỷ đảng và chính quyền phải tăng cường chỉ đạo và có kế hoạch thống nhất hoạt động của các cơ quan nghiệp vụ, công an, quân đội, các đoàn thể trong *công tác quản lý thị trường và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội*, phối hợp chặt chẽ việc chống các hiện tượng tiêu cực trong nội bộ đảng và trong cơ quan nhà nước với việc chống địch phá hoại và chống các hiện tượng tiêu cực ngoài xã hội. Dưới sự lãnh đạo thống nhất và tập trung của cấp uỷ đảng, mở những đợt truy quét có trọng điểm, nhất là ở các thành phố, triệt để bài trừ bọn côn đồ, lưu manh chuyên nghiệp và bọn đầu cơ buôn lậu, tổ chức cuộc sống của nhân dân có an ninh và trật tự xã hội ngày càng vững chắc.

Phải thực hiện tốt hơn nữa Chỉ thị số 86¹⁾ của Ban Bí thư, bảo đảm xử lý các vụ vi phạm được nghiêm minh, kịp thời, chính xác. Cấp uỷ đảng phải chỉ đạo chặt chẽ công tác xử lý. Các cơ quan pháp luật phải phát huy chức năng của mình, dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng, xét xử cho đúng và kịp thời. Đối với các vụ vi phạm cần đưa ra pháp luật, phải làm nhanh, kịp thời, chính xác. Đối với các vụ có thể

xử lý bằng kỷ luật của Đảng, của đoàn thể, kỷ luật hành chính của Nhà nước, phải tiến hành kịp thời, kiên quyết, nghiêm minh, *không được để kéo dài, dây dưa, làm cho quần chúng hoài nghi*.

4. Những ngành trọng tâm và những địa bàn trọng điểm:

Ở trung ương, trọng tâm là năm ngành: giao thông vận tải, lương thực, vật tư, nội thương, ngoại thương. Hai lực lượng chuyên chính trọng yếu là quân đội và công an. Trọng điểm là ba thành phố lớn: Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh.

Các bộ, các ngành phải phối hợp với các địa phương làm tốt trong các cơ sở của mình ở địa phương, nhất là ở các thành phố lớn. Ở các tỉnh, thành phố, ngoài những trọng điểm của từng địa phương, phải phối hợp với các ngành, chú ý làm tốt trong năm ngành và hai lực lượng trọng điểm kể trên.

Tất cả các ngành, các địa phương, ở thành phố cũng như nông thôn, trong khu vực nhà nước, khu vực tập thể và ngoài xã hội, đều phải tiến hành việc *chống các hiện tượng tiêu cực trong toàn ngành, toàn địa phương và phải làm tốt ở cơ sở*.

Ở thành phố, phải lấy phường làm cơ sở; ở mỗi phường, phải nắm chắc từng gia đình, hiểu được tình hình sinh hoạt kinh tế, đời sống, quan hệ chính trị, xã hội, việc chấp hành pháp luật.

Ở nông thôn, phải nắm huyên, hợp tác xã, xã, ấp.

Ở các ngành kinh tế, sự nghiệp, phải nắm xí nghiệp, cửa hàng, công trường, nông trường, bệnh viện, trường học, v.v.. Phải nắm chắc lao động, vật tư, tài sản, tiền vốn trong toàn ngành, nắm chắc tận cơ sở.

5. Về tổ chức chỉ đạo, Ban Bí thư quyết định thống nhất

1) Xem: *Sđd*, t. 41, tr. 23.

chỉ đạo việc chống các hiện tượng tiêu cực *trong nội bộ đảng, trong cơ quan nhà nước, cơ sở tập thể và các đoàn thể với việc đấu tranh chống địch phá hoại và chống các hiện tượng tiêu cực ngoài xã hội*; giao nhiệm vụ cho Ban Chỉ đạo 79 Trung ương giúp Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Chính phủ chỉ đạo thống nhất và phối hợp chặt chẽ cuộc đấu tranh theo phạm vi này. Ban Chỉ đạo 79 ở các cấp, các ngành cũng có nhiệm vụ như vậy.

Để làm được tốt nhiệm vụ trên, Ban Chỉ đạo 79 ở các cấp, các ngành phải được tổ chức *có đủ quyền lực*. Ở mỗi địa phương và mỗi ngành, đồng chí bí thư, đồng chí chủ tịch uỷ ban nhân dân, đồng chí thủ trưởng là người *chịu trách nhiệm chính* trong việc chống các hiện tượng tiêu cực ở địa phương mình, ngành mình, phải là *người cầm cờ* trong việc chỉ đạo chống các hiện tượng tiêu cực. Đối với địa phương, đồng chí *chủ tịch uỷ ban nhân dân* (đồng thời là phó bí thư) làm trưởng Ban Chỉ đạo 79. Đối với ngành, đồng chí *bộ trưởng, tổng cục trưởng* làm trưởng Ban Chỉ đạo 79; nếu đồng chí bộ trưởng, tổng cục trưởng bận không làm được, phải cử đồng chí *thứ trưởng thường trực hoặc đồng chí phó tổng cục trưởng thường trực làm*. Riêng đối với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, vì công việc đối nội, đối ngoại nhiều hơn nên có thể phân công đồng chí phó bí thư thường trực hoặc phó chủ tịch thường trực làm trưởng Ban Chỉ đạo 79, nhưng đồng chí bí thư thành uỷ và chủ tịch uỷ ban nhân dân vẫn phải có trách nhiệm chính đối với việc chống các hiện tượng tiêu cực.

Thành phần của Ban Chỉ đạo 79 vẫn như cũ; thành viên phải là những đồng chí cấp uỷ viên hoặc trưởng các ngành, ban, đoàn thể cùng cấp. Điều quan trọng là phải có một bộ

phận thường trực có năng lực, gồm khoảng 5-6 người, chọn trong các đồng chí phụ trách các cơ quan kiểm tra, thanh tra, nội chính, kiểm sát, tổ chức... Ban Chỉ đạo 79 và bộ phận thường trực phải có chương trình, nội dung hoạt động thiết thực và cụ thể, sinh hoạt chặt chẽ và đều đặn, làm việc thực sự, tránh biến ban chỉ đạo thành "hội đồng".

Hằng tháng, các đồng chí lãnh đạo các bộ, các ngành phải nghe Ban Chỉ đạo 79 báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo, đồng thời báo cáo lên trung ương. Ở địa phương, 6 tháng một lần, cấp uỷ đảng phải nghe Ban Chỉ đạo 79 báo cáo sơ kết tình hình công tác chống các hiện tượng tiêu cực và cho ý kiến chỉ đạo, báo cáo lên trung ương.

Bộ máy giúp việc phải gọn nhẹ, dựa vào cơ quan kiểm tra của Đảng, cơ quan thanh tra của chính quyền và cơ quan công an, nhưng phải kiện toàn đủ mạnh, thì mới bảo đảm được nhiệm vụ giúp Ban Chỉ đạo 79. *Kiên quyết điều động một số cán bộ có năng lực và có phẩm chất để làm công tác này*.

Chú ý tăng cường cán bộ cho các tổ chức thanh tra, kiểm tra ở các nơi còn yếu, nhất là ở cấp huyện và các đơn vị kinh tế quan trọng. Mặt khác, phải tích cực sử dụng và phát huy các cơ quan chức năng, nghiệp vụ, các cơ quan kinh tế tổng hợp trong việc chống các hiện tượng tiêu cực, hết sức chú ý vai trò của các đoàn thể quần chúng.

Các tỉnh, thành phố, các bộ, ngành, đoàn thể ở trung ương phải thực hiện nghiêm chỉnh việc báo cáo tình hình chống các hiện tượng tiêu cực, hàng tháng, 3 tháng và làm báo cáo sơ kết, tổng kết gửi lên trung ương.

*

* *

Nhận được chỉ thị này, các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban cán

sự, đảng đoàn của các ngành, các đoàn thể ở trung ương phải *tập thể thảo luận, kiểm điểm, bàn kế hoạch thực hiện cụ thể* trong địa phương, ngành mình và báo cáo ngay về trung ương. Sau đó, phải tổ chức chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện và có chương trình hành động thiết thực, khẩn trương.

Chỉ thị này được phổ biến đến các cơ sở của đảng để tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 38-NQ/TW, ngày 16 tháng 5 năm 1981

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN Bí THƯ

Về tổ chức đảng ngoài nước

Năm 1961, Ban Bí thư đã có Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 31-3-1961 về tổ chức đảng ngoài nước. Các đảng bộ ngoài nước đã căn cứ vào đó làm công tác xây dựng đảng và thu được kết quả tốt.

Nay công tác của Đảng và Nhà nước ta ở ngoài nước đã mở rộng trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều địa bàn khác nhau. Nhiệm vụ của tổ chức đảng đối với các đơn vị công tác ở ngoài nước ngày càng nặng nề, phức tạp. Nghị quyết 16 của Ban Bí thư cần được bổ sung phù hợp với tình hình mới để xây dựng các đảng bộ ngoài nước thật vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có đủ sức *bảo đảm thực hiện các mặt công tác của tổ chức đảng; giám sát cán bộ, đảng viên và quần chúng trong việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại và các công tác khác của Đảng và Nhà nước, bảo vệ danh dự quốc gia, bảo vệ lợi ích dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế; nâng cao không ngừng chất lượng đào tạo cán bộ, công nhân; bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng; rèn luyện đảng viên, cán bộ, xây dựng đảng trong sạch và vững mạnh, cảnh giác chống lại âm mưu phá hoại của địch.*

Về tổ chức đảng ở ngoài nước và cơ quan phụ trách các đảng bộ ở ngoài nước, Ban Bí thư quy định như sau:

I- VỀ TỔ CHỨC ĐẢNG Ở NGOÀI NƯỚC

A. Về tổ chức

Ở mỗi nước, nếu có ba đảng viên chính thức trở lên, được thành lập một đảng bộ.

Nếu ít đảng viên, thì lập một chi bộ. Nếu đảng viên đông và có nhiều cơ sở khác nhau, mỗi cơ sở thành lập một đảng bộ cơ sở (chi bộ hoặc đảng bộ cơ sở, ở trên có ban chấp hành đảng bộ chung tại mỗi nước để thống nhất lãnh đạo tất cả các đảng bộ cơ sở, gọi tắt là Đảng uỷ Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tại..., tùy theo tên nước mà gọi). Ban chấp hành đảng bộ tại mỗi nước do cơ quan được Ban Bí thư Trung ương Đảng uỷ quyền chỉ định hoặc do đại hội đảng bộ ở nước đó bầu ra, với nhiệm kỳ là 2 năm.

Những đảng viên của ta công tác ở các cơ quan của đảng và chính phủ các nước anh em hoặc các tổ chức kinh tế, xã hội khác (như: làm việc trong cơ quan xuất bản tác phẩm kinh điển Mác - Lenin, làm chuyên gia, dạy học ở các trường, làm việc trong cơ quan Hội đồng tương trợ kinh tế...) nếu có ba đảng viên chính thức trở lên, cũng được thành lập một chi bộ, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đảng uỷ tại nước đó.

Đối với đơn vị chỉ có một, hai đảng viên, không đủ điều kiện lập chi bộ, thì ghép mấy cơ quan gần nhau, tổ chức thành chi bộ ghép, hoặc những đảng viên đó tham gia sinh hoạt với một chi bộ gần nhất, nếu thuận tiện. Trong trường hợp đặc biệt có một, hai đảng viên phân tán ở rất xa, không

tiện ghép với nhau hoặc không thể tham gia sinh hoạt ở một chi bộ nào được, thì những đảng viên đó thường kỳ tự kiểm điểm về tình hình công tác, học tập, về việc chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của đảng uỷ, thường kỳ báo cáo tình hình công tác, học tập và đóng đảng phí cho đảng uỷ; đảng uỷ cần gửi những thông tri, chỉ thị cần thiết của Đảng, những nghị quyết của đảng uỷ cho đảng viên đó biết và thi hành.

Đối với các đoàn tham quan, nghiên cứu... ở ngoài nước (thời gian không quá 3 tháng) và một số cán bộ, đảng viên do Quân uỷ Trung ương cử đi học, vì điều kiện công tác đặc biệt hoặc vì thời gian công tác có hạn, để cho công tác được thuận lợi và tiện cho việc theo dõi, chỉ đạo, tổ chức đảng trong các đơn vị kể trên không nằm trong hệ thống lãnh đạo chung của đảng bộ ở mỗi nước, mà do đảng bộ sở quan ở trong nước và Quân uỷ Trung ương trực tiếp lãnh đạo, nhưng thường xuyên cần có sự liên hệ công tác với đồng chí phụ trách đại sứ quán ở đó.

B. Về nhiệm vụ, quyền hạn của ban chấp hành đảng bộ ở nước ngoài

Ban chấp hành đảng bộ ở mỗi nước là cấp uỷ đảng cấp trên trực tiếp của đảng bộ cơ sở, có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- Lãnh đạo toàn bộ công tác xây dựng đảng bao gồm công tác giáo dục, bồi dưỡng đảng viên; chuẩn y việc kết nạp đảng viên mới và việc chuyển đảng viên dự bị lên chính thức; chia chi bộ đồng đảng viên, lập đảng uỷ cơ sở; chấp hành kỷ luật của Đảng đối với đảng viên, theo đúng quy định của *Điều lệ Đảng*; lập danh sách và quản lý danh sách đảng viên; tiếp

nhận và giới thiệu sinh hoạt đảng cho đảng viên trong nước ra ngoài nước hoặc trở về trong nước; thu đảng phí và quản lý tài chính của đảng bộ ở ngoài nước.

Ngoài ra, vì điều kiện địa lý xa xôi, để công tác khởi trở ngại và giải quyết được kịp thời, Ban Bí thư uỷ nhiệm cho ban chấp hành đảng bộ ở nước ngoài (đảng uỷ ở mỗi nước) được xét chuẩn y việc thành lập hoặc giải thể các đảng bộ cơ sở.

- Chỉ đạo mọi hoạt động của đảng bộ cơ sở theo chức năng quy định cho từng loại tổ chức cơ sở đảng.

- Lãnh đạo các tổ chức quần chúng trong phạm vi phụ trách, như: Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

- Lãnh đạo việc thi hành các chế độ, chính sách và cải thiện đời sống trong cán bộ, công nhân, nhân viên, học sinh và nghiên cứu sinh.

- Tổ chức học tập, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng và tình hình trong nước cho đảng viên và quần chúng.

- Thường xuyên theo dõi và báo cáo tình hình tổ chức đảng về cơ quan giúp Ban Bí thư Trung ương Đảng phụ trách đảng bộ đó ở trong nước.

Về nhiệm vụ của tổ chức đảng ở cơ quan ngoại giao, ngoại thương, phải thực hiện đúng như điều 36, chương V của *Điều lệ Đảng*:

"Tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan không quyết định chủ trương, biện pháp về công tác chuyên môn của cơ quan, nhưng có trách nhiệm góp ý kiến về việc xây dựng kế hoạch công tác hàng năm và việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong cơ quan, tăng cường kỷ luật công tác, động viên cải tiến công tác của cơ quan, tích

cực đấu tranh chống chủ nghĩa quan liêu, làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với đảng viên và người ngoài đảng. Phải giám sát tình hình đảng viên trong cơ quan, kể cả người phụ trách, thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chấp hành pháp luật Nhà nước, kịp thời phát hiện những việc làm sai trái để góp ý kiến với người phụ trách và báo cáo những vấn đề cần thiết với cơ quan lãnh đạo của Đảng cấp trên. Đảng uỷ, chi uỷ ở cơ quan có trách nhiệm tham gia ý kiến vào việc lựa chọn, cất nhắc cán bộ trong cơ quan, theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương".

Các đảng uỷ, chi bộ lưu học sinh phải lãnh đạo đảng viên, quần chúng và các tổ chức của học sinh, nghiên cứu sinh thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của tổ chức đảng và cơ quan nhà nước cấp trên; lãnh đạo tốt nhiệm vụ học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức, giữ gìn quan hệ hữu nghị với bạn...

C. Về cán bộ chuyên trách công tác đảng ở ngoài nước

Ở những đảng bộ có đồng đảng viên, được lập đảng uỷ; bí thư đảng uỷ phải là cán bộ chuyên trách, có phẩm chất và năng lực tương ứng với cương vị phụ trách. Trong trường hợp chưa có điều kiện bố trí bí thư chuyên trách, thì mới dễ đồng chí đại sứ kiêm nhiệm.

Cần sử dụng cán bộ của các ngành như Bộ Ngoại giao, Bộ Ngoại thương, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... làm công tác đảng. Ngoài ra, cứ 200 đảng viên được một cán bộ chuyên trách công tác đảng. Ở

những địa bàn quan trọng, tuy số lượng đảng viên ít hơn, cũng được một cán bộ chuyên trách. Cần xây dựng một đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực làm công tác xây dựng đảng, có hiểu biết một số vấn đề cơ bản về công tác ngoại giao, ngoại thương, công tác quản lý việc đào tạo cán bộ và công nhân. Từng bước chuyên môn hoá cán bộ làm công tác đảng ở ngoài nước.

II- CƠ QUAN PHỤ TRÁCH CÁC ĐẢNG BỘ Ở NGOÀI NƯỚC

1. Về nguyên tắc, các đảng bộ ở ngoài nước là những đảng bộ trực thuộc Trung ương Đảng. Nhưng để công tác được thuận lợi, tiện cho việc theo dõi, chỉ đạo và bảo đảm công việc giải quyết được kịp thời, Ban Bí thư đã quyết định thành lập Ban Cán sự Đảng ngoài nước và uỷ nhiệm cho Ban Cán sự tập thể chịu trách nhiệm giúp Trung ương Đảng chỉ đạo và quản lý các đảng bộ ở ngoài nước.

2. Thành phần của ban cán sự gồm có một số ủy viên chuyên trách và một số uỷ viên kiêm nhiệm ở các ngành hữu quan (sẽ có quyết định riêng). Ban cán sự có bộ phận thường trực gồm bí thư ban cán sự, một phó bí thư và một uỷ viên.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể của ban cán sự:

a) Giúp Trung ương Đảng theo dõi và quản lý lực lượng đảng ở ngoài nước; nghiên cứu, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác xây dựng đảng. Chỉ đạo các đảng bộ này theo chức trách của mình, bảo đảm trước hết hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, đồng thời thực hiện tốt công tác xây dựng tổ chức đảng, tổ chức quần chúng và đơn vị cơ sở của các ngành hữu quan.

b) Được Trung ương Đảng uỷ quyền xét, chỉ định hoặc chuẩn y ban chấp hành đảng bộ ở mỗi nước, thông qua các nghị quyết đại hội các đảng bộ hoặc các nghị quyết của ban chấp hành các đảng bộ đó, đồng thời được Trung ương Đảng uỷ quyền trực tiếp xét việc kết nạp đảng viên mới, thi hành kỷ luật đối với đảng viên, chi uỷ viên và chuẩn y ban chấp hành chi bộ ở những nước chỉ có chi bộ (chưa có đảng uỷ), thu đảng phí và chuyển nộp cho cơ quan tài chính của Đảng.

c) Chỉ đạo các đảng bộ ngoài nước làm tốt công tác vận động quần chúng, nhất là đối với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; thu hút đông đảo quần chúng tham gia xây dựng đảng.

d) Góp ý kiến với các ngành hữu quan trong việc xem xét bổ trí những cán bộ chủ chốt có cơ cấu trong đảng uỷ tại nước ngoài, trước khi trình Trung ương Đảng hoặc cấp có thẩm quyền quyết định. Thông qua việc quản lý đảng viên, hướng dẫn các cấp uỷ đảng ở ngoài nước tham gia ý kiến vào việc lựa chọn, cất nhắc cán bộ trong cơ quan theo quy định ở điều 36 trong *Điều lệ Đảng*; giúp các cơ quan trong nước hiểu biết những vấn đề của cán bộ này sinh khi hoạt động ở ngoài nước, kiến nghị với các ngành hữu quan và các cơ quan có thẩm quyền về những trường hợp để bạt cán bộ không chính xác, hoặc sử dụng không hợp lý có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng.

đ) Tổ chức việc phổ biến và thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng cho các đảng bộ ở ngoài nước và thường xuyên báo cáo với Trung ương Đảng về tình hình tổ chức đảng ở ngoài nước.

Nhiệm vụ của bộ phận thường trực là: tổ chức thực hiện các nghị quyết của Ban Cán sự; giải quyết công việc giữa hai kỳ họp của Ban Cán sự và báo cáo Ban Cán sự trong kỳ họp gần nhất; thay phiên nhau đi kiểm tra và hướng dẫn công tác tại chỗ cho các tổ chức đảng ở ngoài nước.

4. Để làm tốt nhiệm vụ nói trên, Ban Cán sự cần tận dụng được bộ máy của cơ quan công tác đối ngoại. Bộ máy giúp việc Ban Cán sự cần gọn, nhẹ, coi trọng chất lượng, gồm có văn phòng, các tiểu ban tuyên huấn, tổ chức. Ban Cán sự làm nhiệm vụ của Uỷ ban Kiểm tra, nhưng cần có một số chuyên viên giúp về mặt nghiệp vụ. Đối với công tác quần chúng, Ban Cán sự sử dụng những cán bộ biệt phái theo dõi công tác ở ngoài nước của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Công đoàn. Cán bộ giúp việc Ban Cán sự phải là những chuyên viên có phẩm chất chính trị tốt, vững vàng, có kiến thức và năng lực, đủ sức làm nhiệm vụ được giao.

5. Ban Cán sự thông qua các đảng uỷ và chi uỷ trực thuộc mà chỉ đạo và quản lý các đảng bộ. Phải rất coi trọng việc bố trí, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo của các đảng uỷ, chi uỷ; quy định cho các đảng bộ ở ngoài nước chế độ báo cáo và xin chỉ thị một cách chặt chẽ, thường xuyên với Ban Cán sự, bảo đảm thông tin kịp thời, chính xác từ ngoài nước về, từ trong nước ra, phục vụ tốt việc chỉ đạo và quản lý các đảng bộ ở ngoài nước.

6. Để gắn được công tác xây dựng đảng với nhiệm vụ chính trị, ban cán sự đảng các ngành hữu quan cần thông báo cho Ban Cán sự Đảng ngoài nước biết phương hướng, nhiệm vụ công tác dài hạn, từng thời kỳ... của đơn vị thuộc ngành mình ở ngoài nước (trừ những vấn đề cơ mật, quy định không được phổ biến). Phối hợp bàn và chuẩn bị về tư tưởng

và tổ chức một cách chu đáo đối với những người ra ngoài nước học tập, lao động. Đặc biệt chú ý việc bố trí khung cán bộ và bồi dưỡng cho cán bộ biết cách chỉ đạo, quản lý các mặt công tác của đơn vị, đoàn thanh niên và chi bộ. Ban Cán sự Đảng ngoài nước và ban cán sự đảng các ngành hữu quan cần thông tin cho nhau về tình hình hoạt động của các tổ chức đảng, các đơn vị công tác nhằm kết hợp và phát huy tác dụng tích cực giữa việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với công tác xây dựng đảng và ngược lại. Các ngành có đơn vị công tác lâu dài ở ngoài nước cần có một bộ phận theo dõi, tổng hợp tình hình và đưa công tác quản lý các đơn vị công tác ở ngoài nước vào nền nếp.

*
* * *

Nghị quyết này thay Nghị quyết 16-NQ/TW, được phổ biến đến các chi bộ ở ngoài nước, các đồng chí đại sứ, đại biện, lãnh sự ở các nước ngoài, các ban, ban cán sự, đảng đoàn trực thuộc Trung ương để thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn hoặc phát hiện những vấn đề mới, cần báo cáo và xin chỉ thị Ban Bí thư.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 109-CT/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1981

**Về việc tiếp tục thi hành Nghị quyết số 26-NQ/TW
về cải tiến công tác phân phối, lưu thông**

Nghị quyết số 26-NQ/TW của Bộ Chính trị về cải tiến công tác phân phối, lưu thông ban hành tháng 6-1980 và sau khi được cụ thể hóa bằng một số văn bản pháp quy cần thiết, bắt đầu được thực hiện từ tháng 10-1980. Các ngành, các cấp đã làm một số việc, thu được một số kết quả bước đầu, rõ nhất là trong việc áp dụng chế độ khoán sản phẩm đến người lao động trong nông nghiệp, chế độ lương khoán, lương sản phẩm trong xí nghiệp quốc doanh, trong việc vận dụng phương thức và chính sách giá cả thích hợp để thu mua nấm nguồn hàng lương thực, thực phẩm và các nông sản khác, trong việc tăng cường thu thuế công thương nghiệp; đồng thời có cố gắng duy trì mức cung cấp lương thực, thực phẩm cho công nhân, viên chức trong điều kiện vụ mùa vừa qua ở miền Bắc bị thiệt hại nặng. Tuy nhiên, tình hình kinh tế vẫn rất khó khăn: sản xuất phát triển chậm; tài chính, tiền tệ vẫn bội chi lớn; thị trường, giá cả biến động phức tạp và

không lành mạnh; đời sống công nhân, viên chức tiếp tục còn nhiều khó khăn; kỷ luật và pháp luật Nhà nước nhiều nơi bị vi phạm nghiêm trọng nhưng chưa được xử lý thích đáng; trong chỉ đạo thực hiện, còn có chỗ chưa chặt chẽ, chưa thống nhất.

Những kết quả bước đầu thu được chứng tỏ phuơng hướng và chủ trương cải tiến công tác phân phối, lưu thông đề ra trong Nghị quyết số 26 là đúng. Tình hình mới càng đòi hỏi phải thi hành các chủ trương và biện pháp cải tiến công tác phân phối, lưu thông một cách tích cực, mạnh mẽ, thống nhất và có kỷ luật hơn.

**I- PHƯƠNG HƯỚNG TIẾP TỤC CẢI TIẾN CÔNG TÁC
PHÂN PHỐI, LƯU THÔNG**

Sản xuất quyết định phân phối, lưu thông; song trong tình hình hiện nay, sản xuất khó khăn, cung - cầu mất cân đối nghiêm trọng thì phân phối, lưu thông là khâu trọng yếu cần tập trung giải quyết.

Mọi hoạt động phân phối, lưu thông phải lấy việc phục vụ và thúc đẩy sản xuất, phục vụ đời sống của nhân dân lao động làm mục tiêu hàng đầu; phải ra sức nắn nguồn hàng vào tay nhà nước, làm chủ thị trường, bảo đảm đời sống của nhân dân, ổn định tài chính và tiền tệ.

Phải sửa đổi các chính sách, chế độ và phương thức phân phối, lưu thông theo hướng: khuyến khích sản xuất; không ngừng phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, sử dụng và quản lý tốt các thành phần kinh tế khác; thực hiện phương thức kinh doanh hạch toán kinh tế, tiếp tục khắc phục lối quản lý hành chính quan liêu bao cấp; thực hiện

đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, mở rộng quyền tự chủ tài chính và hoạt động kinh doanh cho địa phương và cơ sở, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn tình trạng phân tán, tuỳ tiện, vô tổ chức, vô kỷ luật.

Phải bảo đảm kết hợp đúng đắn ba lợi ích (lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của người lao động), khuyến khích hơn nữa lợi ích của người lao động và của cơ sở sản xuất.

Phải kết hợp đúng đắn ba loại biện pháp, trong đó biện pháp kinh tế là cơ bản, đồng thời sử dụng mạnh mẽ biện pháp hành chính, chống đầu cơ buôn lậu, chống những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, giữ vững trật tự và kỷ luật nhà nước trong quản lý nền kinh tế, quản lý thị trường; phải tăng cường giáo dục tư tưởng, làm cho mọi người nhận rõ hơn nữa tinh thần và nhiệm vụ, tích cực sản xuất, công tác, cần kiệm xây dựng đất nước, cảnh giác với mọi âm mưu thâm độc của địch.

Phải coi kế hoạch hoá là phương pháp chủ yếu để quản lý nền kinh tế quốc dân, đồng thời vận dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh tế, trước mắt giá và lương là những vấn đề cấp bách phải giải quyết.

Hiện nay chưa có đủ điều kiện thực hiện cải cách giá cả, tiền lương. Dựa vào phương hướng chính sách của Đảng và Nhà nước, *lấy kế hoạch làm căn cứ chủ yếu, phải điều chỉnh từng bước hệ thống giá của Nhà nước* cho phù hợp với tình hình thực tế, dần dần đi đến xác định hệ thống giá mới; không lấy giá thị trường "tự do" (trong đó có những yếu tố đầu cơ, phá hoại) làm căn cứ để chỉ đạo giá và các hoạt động kinh tế. Phải nắm và chỉ đạo *hai hệ thống giá*: hệ thống giá tương đối ổn định do Nhà nước xác định và công bố (giá thu mua trong nghĩa vụ, giá bán tư liệu sản xuất theo hợp đồng

kinh tế hai chiều, giá bán lẻ những mặt hàng thiết yếu...) và hệ thống giá vận dụng linh hoạt trong hoạt động kinh doanh của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán.

Đi đôi với việc điều chỉnh một bước hệ thống giá, cần *phục hồi lương cho công nhân, viên chức*; thương nghiệp quốc doanh phải bằng mọi cách bảo đảm *cung cấp các mặt hàng thiết yếu*; các ngành sản xuất dựa theo chính sách của Chính phủ, vận dụng đúng đắn các hình thức *khoán sản phẩm, lương khoán* để phát triển sản xuất, tăng năng suất, hạ giá thành, trên cơ sở đó mà tăng thu nhập, phấn đấu bảo đảm tiền lương thực tế của công nhân, viên chức không bị giảm sút và đi dần vào thế ổn định.

II- CÁC CHỦ TRƯỞNG, BIỆN PHÁP CỤ THỂ

1. Đẩy mạnh sản xuất, nắm nguồn hàng, phấn đấu thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1981 theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Tiếp tục thực hiện những chủ trương, chính sách có tác dụng phát huy *quyền chủ động của ngành, địa phương và cơ sở*, khuyến khích và đẩy mạnh sản xuất. Phấn đấu giải quyết các khó khăn trong sản xuất (nguyên liệu, năng lượng...) và vận tải bằng cách khai thác các khả năng sẵn có của các ngành, địa phương và cơ sở, phát huy các nhân tố mới, tích cực, đồng thời kiên quyết khắc phục những hiện tượng tiêu cực.

Các bộ, tổng cục phải hướng dẫn cụ thể và giúp đỡ tích cực các địa phương và cơ sở giải quyết các khó khăn, mắc mưu trả ngại cho sản xuất. Các ngành, các địa phương phải kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo các cơ sở sản xuất quốc doanh

trung ương và địa phương thực hiện nghiêm chỉnh chế độ *giao nộp sản phẩm*, bảo đảm Nhà nước nắm chắc được nguồn hàng để phân phối có tổ chức, có kế hoạch. Phải đẩy mạnh *thu thuế và thu mua* đối với kinh tế tập thể và cá thể; các hợp tác xã, tập đoàn và hộ kinh doanh cá thể phải nghiêm chỉnh thực hiện *nghĩa vụ đối với Nhà nước*. Các địa phương, các ngành phải chấp hành đúng các kế hoạch *điều động vật tư và hàng hoá* của trung ương.

2. *Khẩn trương mở rộng kinh doanh của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và tăng cường quản lý thị trường*. Phải mở rộng kinh doanh thương nghiệp trên tất cả các lĩnh vực thu mua, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ, tiến tới *năm đại bộ phận bán buôn, chi phối phần lớn bán lẻ, làm chủ thị trường*, trước hết về những loại hàng thiết yếu (tư liệu sản xuất chính, lương thực, thực phẩm; nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu có giá trị, những hàng nhà nước nhập khẩu, những sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh hay hợp tác xã sản xuất theo kế hoạch nhà nước). Cần giải quyết gấp các điều kiện vật chất cần thiết (vốn thu mua, hàng hoá, vật tư để trao đổi với khu vực kinh tế tập thể và cá thể, vận tải, kho tàng, bao bì...), *mở rộng mạng lưới kinh doanh của thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã*, nâng cao trình độ hiểu biết chính sách và nghiệp vụ, phẩm chất, đạo đức của đội ngũ cán bộ, nhân viên thương nghiệp, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ và phương thức kinh doanh mới.

Cần chấn chỉnh và cải tiến *phương thức phân phối*, thuận tiện cho người tiêu dùng. Hình thành ngay hệ thống cửa hàng hay quầy hàng cung cấp, có quỹ hàng riêng, vốn riêng và hạch toán riêng, để một mặt, bảo đảm cung cấp,

tăng cường kiểm soát, chống tham ô, lợi dụng; mặt khác, tạo điều kiện cho bộ phận còn lại của thương nghiệp quốc doanh được linh hoạt về giá cả và phương thức kinh doanh để đấu tranh với tư thương, kéo dần giá thị trường tự do xuống mức hợp lý.

Cần tích cực và khẩn trương thi hành các biện pháp tăng cường quản lý thị trường: hoàn thành việc *đăng ký kinh doanh công, thương nghiệp*, có chủ trương và thái độ rõ đối với từng loại hàng đang được kinh doanh trên thị trường (trong đó có cả những mặt hàng nhà nước thống nhất quản lý và những mặt hàng nhập lậu từ nước ngoài vào); trên cơ sở đó, *từng bước tổ chức quản lý, cải tạo tư thương, sắp xếp thị trường*. Cần phối hợp chặt chẽ hoạt động của các ngành tài chính, thương nghiệp, thuế, công an, toà án trong việc quản lý thị trường, chống man khai, lậu thuế, trốn thuế, đầu cơ, buôn lậu.

Tiến hành các biện pháp đồng bộ và nghiêm ngặt để chặn đứng các hoạt động buôn lậu qua biên giới.

Quản lý chặt chẽ vàng, đá quý và ngoại tệ, áp dụng các biện pháp mạnh mẽ để *chấm dứt tình trạng buôn bán bất hợp pháp vàng và ngoại tệ*.

Sử dụng đầy đủ sức mạnh và quyền lực của chuyên chính vô sản để *trừng trị bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn phá hoại kinh tế*, đưa ra xét xử ngay một số vụ lớn.

3. *Ôn định đời sống của nhân dân lao động, trước hết là đời sống của các lực lượng vũ trang và công nhân, viên chức* bằng các biện pháp chính sau đây:

- Bảo đảm cung cấp theo định lượng và theo giá ổn định những mặt hàng thiết yếu;

- Phụ cấp lương do giá hàng biến động, trong đó có một số mặt hàng nhà nước điều chỉnh giá lên;
- Mở rộng diện thi hành chế độ trả lương khoán, lương sản phẩm một cách đúng đắn.

Vấn đề quan trọng hàng đầu là làm sao công nhân có đủ việc làm và làm việc có năng suất, do đó mà nâng cao thu nhập.

Bảo đảm cung cấp những mặt hàng thiết yếu là biện pháp rất quan trọng để ổn định đời sống của các lực lượng vũ trang và công nhân, viên chức trong tình hình hiện nay. Định lượng cung cấp phải do Chính phủ quy định và phải được thi hành thống nhất trong cả nước. Những mặt hàng bán cung cấp theo định lượng và giá ổn định như hiện nay cho công nhân, viên chức là: lương thực, thịt, cá, nước chấm, đường, chất đốt, bột ngọt, vải, xà phòng giặt. Đối với rau và muối, nhà nước vẫn bảo đảm cung cấp nhưng điều chỉnh giá lên và tính bù vào lương. Những mặt hàng bán cung cấp theo phương thức thích hợp và giá ổn định cho công nhân, viên chức là: phụ tùng xe đạp (săm, lốp, xích, líp), chiếu cói, vải nhựa đi mưa, quạt bàn loại nhỏ, ruột phích, chè uống.

Những người ăn theo trong gia đình công nhân, viên chức được cung cấp lương thực, thực phẩm, chất đốt, vải theo quy định hiện hành.

Nhà nước cung cấp theo giá ổn định giấy viết cho học sinh, thuốc cho người bệnh, sữa cho trẻ sơ sinh.

Trong tình hình hàng hoá còn khó khăn, việc bảo đảm cung cấp những mặt hàng thiết yếu nói trên phải dựa trên nguyên tắc:

- Hết sức lo cho tiền tuyến, cho các lực lượng vũ trang;
- Phải bảo đảm cung cấp lương thực, thực phẩm cho công

nhân, viên chức các thành phố và khu công nghiệp tập trung, chú trọng đến những lao động nặng nhọc, những nghề có độc hại, những ngành mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân;

- Phải dành một phần hàng công nghiệp thích đáng cho nông thôn để đẩy mạnh thu mua;
- Phải chăm sóc tốt thương binh, gia đình liệt sĩ có khó khăn, trẻ em và người bệnh.

Do giá thị trường tăng lên, để bảo đảm tiền lương thực tế, giảm bớt khó khăn cho công nhân, viên chức, đi đôi với bảo đảm cung cấp những mặt hàng thiết yếu, nhà nước phụ cấp lương cho công nhân, viên chức tính bình quân chung bằng khoảng một lần (100%) tiền lương cơ bản *bắt đầu từ 1-6-1981*. Các chế độ lương và phụ cấp do Chính phủ quy định phải được thi hành thống nhất trong cả nước. Cần tiếp tục vận dụng đúng đắn các hình thức lương khoán, khoán sản phẩm trên cơ sở định mức, đơn giá hợp lý để đẩy mạnh sản xuất và tăng thu nhập cho công nhân. Đối với lao động trong khu vực hành chính, sự nghiệp, cần nghiên cứu chính sách thưởng thích đáng để khuyến khích phát huy tinh thần trách nhiệm và nâng cao hiệu suất công tác, chất lượng phục vụ, đồng thời cần tích cực tinh giản biên chế.

Cần chú ý giúp đỡ thoả đáng những gia đình nghèo, đồng con ở các thành phố, khu công nghiệp tập trung.

Đối với những người buôn bán và làm nghề tự do có thu nhập cao, ngoài các biện pháp điều chỉnh giá, xoá bỏ chế độ bao cấp, nhà nước cần sử dụng biện pháp thuế để điều tiết lại một phần thu nhập không hợp lý của họ.

4. Tiếp tục cải tiến và điều chỉnh từng bước hệ thống giá:
 - Gấp rút nghiên cứu định lại giá bán buôn vật tư nhập

khẩu, vật tư trong nước (trước hết là nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu) trên cơ sở giá nhập mới và tỷ giá hối đoán mới; định lại *giá bán buôn xí nghiệp, giá bán buôn công nghiệp* theo các yếu tố cấu thành giá đã và còn thay đổi, tạo điều kiện thực hiện tốt hạch toán kinh tế, bảo đảm nhà nước tập trung nguồn hàng, nguồn thu, giải quyết hợp lý ba lợi ích.

- *Giá mua sản phẩm và giá bán tư liệu sản xuất đối với khu vực kinh tế tập thể, cá thể* (nông nghiệp, lâm nghiệp, nghề cá, nghề muối, tiểu thủ công nghiệp, vận tải...) cần được xác định lại trên cơ sở *tỷ giá hợp lý* giữa sản phẩm nông nghiệp, nghề cá, nghề muối với hàng công nghiệp, bảo đảm cho người sản xuất bù đắp được đủ chi phí và có lãi thích đáng, và nói chung nhà nước không phải bù lỗ.

Ở các tỉnh Nam Bộ cũ, cần tiếp tục chỉ đạo thực hiện và hoàn chỉnh hệ thống giá mua nông sản và giá bán tư liệu sản xuất nông nghiệp trên cơ sở giá đã hình thành; đồng thời nghiên cứu xây dựng và áp dụng dần hệ thống giá mua, bán ổn định theo quan hệ hợp đồng giữa nhà nước với các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.

Ở miền Bắc, các tỉnh duyên hải miền Trung và Tây Nguyên, cần điều chỉnh giá mua nông sản và giá bán tư liệu sản xuất nông nghiệp theo tỷ giá thích hợp với điều kiện sản xuất của từng vùng, và ổn định giá mua, bán mới trong nghĩa vụ và theo quan hệ hợp đồng; đối với các sản phẩm ngoài nghĩa vụ thì mua, bán theo giá thỏa thuận.

Giá mua sản phẩm và giá bán tư liệu sản xuất đối với các ngành, nghề khác như nghề cá, nghề muối, tiểu thủ công nghiệp, vận tải... cần được điều chỉnh sớm cho phù hợp với hệ thống giá mới trong công nghiệp và nông nghiệp.

- *Về giá bán lẻ hàng tiêu dùng*, phải hạn chế đi đến xoá bỏ việc bù lỗ đối với hàng tiêu dùng nói chung, bảo đảm nhà nước kinh doanh có lãi, phải xuất phát từ chính sách tiêu dùng phù hợp với hoàn cảnh thực tế hiện nay, tùy theo từng nhóm hàng, từng đối tượng người tiêu dùng mà nhà nước định giá bán lẻ theo hướng: hàng thiết yếu thì tích luỹ ít hoặc hoà vốn, các loại hàng khác thì tích luỹ cao hơn.

Việc điều chỉnh giá bán lẻ phải làm thận trọng, từng bước. Trước mắt tạm thời *giữ giá cung cấp hiện nay đối với những mặt hàng cung cấp theo định lượng* (trừ rau và muối) cho công nhân, viên chức và gia đình và cho học sinh các trường đại học, trường trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề; các mặt hàng cung cấp không theo định lượng mà theo phương thức thích hợp thì có thể từng bước điều chỉnh giá lên một mức hợp lý vào lúc thích hợp, và bù lương cho công nhân, viên chức. Đối với một số mặt hàng *nhu Thuốc chữa bệnh, giấy viết, sữa cho trẻ sơ sinh*, thì điều chỉnh giá lên có mức độ, để nhà nước không bị lỗ hoặc giảm bù lỗ. Đối với những mặt hàng khác và số hàng bán ngoài định lượng thì bán giá cao; phải tùy theo lực lượng hàng hoá của nhà nước mà chỉ đạo giá một cách linh hoạt để điều tiết cung cầu và bán bình thường, chống đầu cơ mua đi bán lại, đấu tranh ổn định thị trường và kéo dần giá thị trường xuống mức hợp lý.

Chính phủ cần chỉ đạo giá chặt chẽ, các ngành, các địa phương và cơ sở không được tự tiện điều chỉnh giá những mặt hàng thuộc diện nhà nước thống nhất quản lý, những mặt hàng do Chính phủ (hoặc các cơ quan được uỷ quyền) quyết định giá.

5. Cân bằng ngân sách nhà nước là một nhiệm vụ cực kỳ cấp thiết và trọng yếu. Phải tính toán và bố trí lại ngân sách nhà nước năm 1981 phù hợp với việc điều chỉnh giá và lương lần này; phấn đấu thực hiện một cách kiên quyết và triệt để bằng các biện pháp cụ thể về *tăng thu, tiết kiệm chi*, như:

- Tăng thu quốc doanh trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, phấn đấu tăng năng suất, hạ giá thành, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ giao nộp sản phẩm cho nhà nước.

- Tăng thu thuế trong khu vực kinh tế tập thể và cá thể, trên cơ sở thu đúng chính sách, không để thất thu và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các hợp đồng giao công, cung cấp hàng cho nhà nước.

- Thu đủ số tiền tăng lên do điều chỉnh giá, đồng thời cấp đủ và kịp thời các khoản bù lỗ và vốn thu mua.

- Thực hiện triệt để tiết kiệm chi trong sản xuất và đời sống, nhất là chi xây dựng cơ bản, chi quốc phòng, chi hành chính, chống lãng phí trong mọi hoạt động kinh tế, trong mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước (mua sắm đồ đạc và phương tiện, tiếp khách, tặng phẩm, hội nghị, liên hoan tổng kết cuối năm...) và trong đời sống (ma chay, cưới xin...).

6. Kiên quyết phấn đấu hạn chế, tiến tới chấm dứt bội chi tiền mặt.

Bội chi tiền mặt hiện đang là một nguy cơ nghiêm trọng cho nền kinh tế quốc dân. Phải tính toán kỹ các phương án giá - lương - tiền trên cơ sở nắm chắc lực lượng vật tư, hàng hoá của nhà nước; tính toán và bố trí lại kế hoạch tín dụng và tiền mặt năm 1981 và từng quý, quản lý hết sức chặt chẽ việc phát hành, tăng cường các biện pháp quản lý tiền mặt và điều hoà lưu thông tiền tệ nhằm vừa phục vụ tốt và kịp

thời các yêu cầu của sản xuất, kinh doanh của các đơn vị và phục vụ đời sống, vừa hạn chế bội chi tiền mặt; mở rộng việc thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng. Ra sức cải tiến và tăng cường công tác tín dụng nhằm phục vụ tốt cho sản xuất, xây dựng và lưu thông, nâng cao hiệu quả của vốn đầu tư, phát huy vai trò giám đốc ban đồng tiền của Ngân hàng Nhà nước.

Đẩy mạnh cuộc vận động gửi tiền vào quỹ tiết kiệm; chấn chỉnh tổ chức và phương thức phục vụ, thuận lợi cho người gửi, bổ sung chính sách nhằm khuyến khích hơn nữa người gửi tiền tiết kiệm, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền tiết kiệm dài hạn.

III- TỔ CHỨC VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Tiếp tục cải tiến phân phôi, lưu thông theo các nội dung trên đây là một thay đổi rất cơ bản trong chính sách và phương thức hoạt động phân phôi, lưu thông; phải chuẩn bị tốt để thực hiện tốt; không được để xảy ra những tác động xấu về kinh tế và tâm lý xã hội do không chuẩn bị chu đáo và làm ô ạt.

Chuẩn bị lực lượng hàng hoá là vấn đề có ý nghĩa quyết định.

Phải đề ra ngay các biện pháp cụ thể nhằm khuyến khích và thúc đẩy sản xuất, phấn đấu thực hiện tốt kế hoạch nhà nước năm 1981, đồng thời phải *tăng cường chỉ đạo việc giao nộp sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh và việc thu mua năm nguồn hàng* của hợp tác xã và tư nhân vào tay nhà nước; chấm dứt ngay tình trạng các xí nghiệp quốc

doanh và các địa phương không giao nộp sản phẩm đúng chế độ và kế hoạch.

Tổ chức ngay một đợt kiểm tra và thanh tra rộng khắp và rất nghiêm ngặt, đồng thời tiến hành kiểm kê tồn kho vật tư, hàng hoá ở các cơ quan và đơn vị sản xuất, kinh doanh, để thu hồi ngay vào ngân sách những khoản thu của nhà nước còn nằm ngoài ngân sách, thu hồi số tiền mặt tồn quỹ không hợp lý vượt định mức vào Ngân hàng Nhà nước; tính lại giá trị vật tư hàng hoá tồn kho theo giá mới.

Thi hành các biện pháp rất kiên quyết nhằm tăng cường tính *thống nhất và kỷ luật nhà nước về tài chính, về phát hành tiền, về giá cả, tiền lương*, đi đôi với mở rộng quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh, và quyền chủ động của các ngành, các địa phương. Đẩy mạnh thực hiện các biện pháp chống tiêu cực (hối lộ, ăn cắp, buôn lậu, gây phiền hà). Cần quy định lại *sự phân công, phân cấp giữa các ngành, các cấp* trong các lĩnh vực quản lý tài chính, giá cả, tổ chức thu mua, phân phối và quản lý thị trường.

Thường vụ Hội đồng Chính phủ và các đồng chí bộ trưởng phải chỉ đạo chặt chẽ, hướng dẫn cụ thể, tăng cường kiểm tra việc thực hiện ở các đơn vị cơ sở, các địa phương, sớm phát hiện những lệch lạc trong việc chấp hành để kịp thời uốn nắn những thiếu sót và sửa đổi, bổ sung các chính sách, chế độ cho sát với thực tiễn. Các địa phương, các ngành, các đơn vị phải nghiên cứu kỹ để vận dụng đúng các chính sách, chế độ của nhà nước vào hoàn cảnh thực tế của ngành và địa phương; sửa đổi ngay những quy định mà ngành hoặc địa phương đã tự đặt ra trái với chính sách, chế độ chung của Chính phủ. Từ nay, những hành động vi phạm các chế độ

quản lý thống nhất của nhà nước về tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương... phải được xử lý thích đáng về mặt đảng cũng như về mặt nhà nước.

Toàn thể đảng viên, cán bộ phải có ý thức và làm cho mỗi người dân cũng có ý thức cảnh giác đầy đủ về âm mưu phá hoại của địch... trên mặt trận kinh tế và các lĩnh vực giá cả, thị trường, tài chính, tiền tệ. *Phải bảo vệ các cơ sở kinh tế* một cách nghiêm ngặt nhất là các cơ sở sản xuất quan trọng, các kho tàng, bến cảng, cửa hàng... Phải đề cao kỷ luật *giữ gìn bí mật kinh tế*; tăng cường giáo dục, tuyên truyền giải thích cho *mọi người hiểu rõ chủ trương, chính sách* của Đảng và Chính phủ, luôn luôn cảnh giác để phòng, kịp thời vạch trần những thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc và chiến tranh tâm lý của địch, ngăn chặn mọi âm mưu và hành động phá hoại của chúng.

*
* * *

Chỉ thị này cần được tổ chức truyền đạt chu đáo, khẩn trương, với nội dung thích hợp với từng loại đối tượng trong các ngành, các cấp, trong cán bộ, đảng viên và quần chúng, bảo đảm mọi người thông suốt và chấp hành hết sức nghiêm chỉnh.

Bộ Chính trị giao cho Hội đồng Chính phủ chỉ đạo thực hiện một cách khẩn trương và có chuẩn bị chu đáo các mặt: nắm lại tình hình cung cầu vật tư, hàng hoá và cân đối tiền - hàng, trên cơ sở đó tính toán chặt chẽ phương án giá, lương, tiền, có kế hoạch triển khai từng bước vững chắc, chuẩn bị lực lượng hàng hoá, tổ chức và cán bộ, nhất là ở cơ sở; chỉ đạo thực hiện tốt việc đẩy mạnh sản xuất, tập trung

nguồn hàng trong tay nhà nước, bảo đảm cung cấp cho các lực lượng vũ trang, công nhân, viên chức, tăng cường quản lý thị trường, chống đầu cơ, buôn lậu, quản lý tiền tệ, thu chi tài chính; dựa vào các đoàn thể quần chúng và sử dụng các cơ quan thông tin, tuyên truyền để giáo dục quần chúng, hướng dẫn dư luận.

Ban Bí thư phải tăng cường kiểm tra việc chấp hành chính sách ở các ngành, các cấp. Mọi điển hình tốt cần được phát hiện kịp thời, có kết luận chính thức và phát triển rộng ra. Những việc làm tốt, những đơn vị và cá nhân làm tốt cần được khen thưởng thích đáng. Mọi hành động vô tình hay cố ý làm sai chính sách, không chấp hành nghiêm chỉnh chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Chính phủ đều phải được các cấp có trách nhiệm xử lý rất nghiêm khắc.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG Bí THƯ
LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN Bí THƯ

Số 24-TB/TW, ngày 15 tháng 6 năm 1981

**Về việc sửa đổi khung bậc lương của
Bí thư tỉnh uỷ và Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh,
thành phố trực thuộc trung ương**

Căn cứ vào vị trí của tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương hiện nay,

Theo đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương,

Trong phiên họp ngày 19-5-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã quyết định sửa đổi khung bậc lương của bí thư tỉnh uỷ, chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung ương như sau:

- Nâng bậc lương khởi điểm của bí thư tỉnh uỷ và chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương lên 170 đồng như lương khởi điểm của thứ trưởng (riêng Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh thì xếp như lương bộ trưởng). Sau một thời gian ít nhất là 5 năm làm tốt, không phạm sai lầm nghiêm trọng thì được nâng lên 180 đồng như bậc lương cao nhất của thứ trưởng.

- Các chế độ đối với bí thư, chủ tịch tỉnh cũng được áp

dụng như chế độ đồi với thứ trưởng hiện nay.

Quyết định này được thi hành kể từ tháng 7-1981 cho đến khi ban hành chế độ lương mới.

Xin thông báo để các đồng chí biết và thi hành.

T/L BAN Bí THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
NGUYỄN HỮU THỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN Bí THƯ

Số 25-TB/TW, ngày 27 tháng 6 năm 1981

**Tiếp tục giải quyết vấn đề Fulro kết hợp
với phát triển kinh tế - văn hóa ở Tây Nguyên
(Hội nghị Ban Bí thư, ngày 2-6-1981)**

I

Chỉ thị số 04-CT/TW, ngày 2-2-1977 của Ban Bí thư đã nêu những nhận định, nhiệm vụ, yêu cầu cơ bản về giải quyết vấn đề Fulro ở Tây Nguyên.

Hơn 4 năm qua, các đảng bộ địa phương ở Tây Nguyên cùng lực lượng vũ trang, an ninh địa phương và các ngành quân đội, công an, v.v., các đoàn thể, đồng bào dân tộc phối hợp chặt chẽ, giải quyết được một bước quan trọng vấn đề Fulro. Ta đã diệt, bắt, gọi hàng một bộ phận quan trọng của Fulro, phá kế hoạch lấy thanh niên bổ sung lực lượng, đẩy Fulro vào thế bị động, tan rã. Ta đã đào tạo, bồi dưỡng một lực lượng cốt cán, cán bộ cơ sở, phát triển và củng cố một bước cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng, nâng cao thêm trình độ giác ngộ chính trị của các dân tộc; phát triển sản xuất, cải thiện một bước đời sống vật chất, văn

hoá ở Tây Nguyên...

Tuy vậy, thành tích về các mặt còn thấp so với thời gian và khả năng hoạt động của ta, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra ban đầu theo Chỉ thị 04. Đến nay, Fulro vẫn duy trì được hệ thống tổ chức (tuy xộc xệch), vẫn lợi dụng được tình cảm dân tộc, lừa bịp và khống chế một bộ phận quan trọng quần chúng các dân tộc làm bình phong, giải quyết lương thực, bổ sung lực lượng... Đặc biệt, từ cuối năm 1980, Fulro câu kết được với tàn quân Pôn Pốt, lập căn cứ ở Đông Bắc Campuchia, lập được hành lang Tây Nguyên - Campuchia - Thái Lan; bọn phản động... nắm Fulro để chống ta và phá hoại công cuộc xây dựng Tây Nguyên. Tình hình an ninh chính trị ở Tây Nguyên chưa thật sự ổn định. Kinh tế, văn hoá phát triển chậm, đời sống của đồng bào các dân tộc còn nhiều khó khăn, tuy được cải thiện hơn trước. Thực lực cách mạng tại chỗ còn yếu, cơ sở chính trị chưa thật vững mạnh...

Nguyên nhân chủ yếu là do ta chưa đánh giá đầy đủ âm mưu của bọn... câu kết với đế quốc cùng bọn tay sai tại chỗ đối phó với cách mạng Việt Nam, với ba nước Đông Dương; trong công tác chỉ đạo giải quyết vấn đề Fulro, có nơi, có lúc thiếu tập trung, thiếu liên tục; chưa đồng thời kết hợp với khả năng cho phép, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống của quần chúng với việc giải quyết vấn đề Fulro; chưa coi trọng đúng mức việc phát động quần chúng, xây dựng cơ sở, đào tạo cán bộ người dân tộc; chưa nghiên cứu ban hành những chính sách cần thiết hỗ trợ cho việc giải quyết vấn đề Fulro; việc chấp hành chính sách, nhất là chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ở Tây Nguyên còn nhiều sai sót.

Hiện nay, bọn... câu kết với đế quốc đã tập hợp và nắm

Fulro cùng các lực lượng phản động ở khu vực thành mặt trận phản động chống phá lâu dài cách mạng Việt Nam, cách mạng Campuchia và Lào.

Lực lượng Fulro ở rừng đã bị tan rã, nhưng chúng vẫn còn cơ sở xã hội, vẫn lợi dụng trình độ giác ngộ thấp kém và tình cảm dân tộc để mê hoặc, lừa bịp, lôi kéo đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên. Hiện nay, địch vẫn có cơ sở ở nhiều buôn làng, khống chế một số xã, duy trì được hệ thống tổ chức, giữ được cơ quan chỉ huy đầu não, vẫn có âm mưu tiếp tục lấy thanh niên các dân tộc bổ sung lực lượng.

Cơ sở chính trị của ta (tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, dân quân tự vệ...) tuy có phát triển, nhưng không đều; đã có một số đảng viên người dân tộc, nhưng còn quá ít, vẫn còn nhiều cơ sở yếu kém; ta chưa có đội ngũ cán bộ người dân tộc để củng cố, phát triển tổ chức và phát triển phong trào nhân dân các dân tộc ở địa phương.

Đời sống vật chất của đồng bào các dân tộc tuy được cải thiện, đã giải quyết được lương thực, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, còn thiếu nhiều thứ hàng thiết yếu hằng ngày; đời sống văn hoá, tinh thần chưa được chăm lo đúng mức.

Vấn đề cơ bản và lâu dài ở Tây Nguyên là xây dựng kinh tế, phát triển sản xuất, tổ chức đời sống của đồng bào các dân tộc, từng bước làm thay đổi bộ mặt ở Tây Nguyên, làm cho đồng bào thấy được tính ưu việt của cách mạng, từ đó tranh thủ được tình cảm, củng cố được lòng tin của đồng bào các dân tộc, cô lập được bọn Fulro. Đồng thời tuyên truyền, vận động, giáo dục, giác ngộ đồng bào, phân biệt thật rõ địch và ta, đào tạo đội ngũ đồng đảo cán bộ người dân tộc nhằm xây dựng, củng cố các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, bảo đảm thực hiện các chính sách của Đảng, của

Nhà nước, nâng cao đời sống của đồng bào các dân tộc; ban hành các chính sách phù hợp với đặc điểm của vùng dân tộc ở Tây Nguyên và sử dụng lực lượng vũ trang tiếp tục truy quét Fulro, diệt lực lượng vũ trang tập trung của Fulro, diệt bọn đầu sỏ Fulro để giải quyết nhanh chóng vấn đề Fulro ở Tây Nguyên.

Như vậy, trong thời gian tối, vẫn căn cứ vào Chỉ thị 04, ngày 2-2-1977 và Chỉ thị 37, ngày 10-2-1978 của Ban Bí thư, tiến hành các mặt công tác ở Tây Nguyên với tinh thần khẩn trương hơn, toàn diện hơn.

1. Khẩn trương giải quyết vấn đề Fulro:

a) Các tỉnh Gia Lai - Kon Tum, Đắc Lắc, Lâm Đồng và Thuận Hải tiếp tục tổ chức các đội công tác do cán bộ có đủ trình độ, năng lực phụ trách, bám những cơ sở yếu kém, tiến hành công tác phát động quần chúng, đào tạo và bồi dưỡng cốt cán, từng bước xây dựng cơ sở chính trị; phát hiện và bóc gỡ hết cơ sở của Fulro, không để Fulro lôi kéo thanh niên theo chúng... Phấn đấu đến hết năm 1981 không còn cơ sở yếu kém; đồng thời có kế hoạch củng cố các tổ chức, phát triển phong trào ở các khu vực khác trong tỉnh.

Các tỉnh Nghĩa Bình, Phú Khánh, Đồng Nai, Sông Bé có kế hoạch củng cố cơ sở ở khu vực giáp ranh, cảnh giác phát hiện và truy lùng Fulro về mốc nối hoặc ẩn náu.

b) Ban Dân tộc Trung ương chủ trì cùng với các ngành có liên quan và địa phương nghiên cứu ngay để ban hành sớm những chính sách cần thiết, như: chính sách đối với Fulro về hàng, bị bắt; chính sách đối với trí thức, tầng lớp trên người dân tộc; chính sách đào tạo cán bộ người dân tộc; chính sách

thu nạp người địa phương vào nông trường, lâm trường, v.v..

c) Các cơ quan kinh tế (Bộ Tài chính, Bộ Vật tư, Bộ Nội thương, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước...) cần giải quyết cụ thể những nhu cầu cấp bách, bảo đảm các mặt hoạt động của các lực lượng tham gia giải quyết vấn đề Fulro.

d) Lực lượng công an và quân đội phối hợp truy đánh liên tục bọn Fulro tập trung ở rừng, chặn đánh các đường tiếp tế, liên lạc, đường ra biên giới, bóc gỡ hết cơ sở của Fulro ở buôn làng, thi hành đúng đắn chính sách khoan hồng, sử dụng người về hàng, bị bắt kêu gọi Fulro và thanh niên theo chúng trở về làng bản, nhằm cô lập cao độ và diệt bằng được bọn chỉ huy ngoan cố, đẩy Fulro tan rã nhanh.

đ) Quân khu V tổ chức lực lượng phối hợp hoạt động liên tục ở vùng Đông Bắc Campuchia và Nam Lào, truy diệt tàn quân Pôn Pốt, diệt Fulro chạy sang, phá căn cứ của tàn quân Pôn Pốt, của Fulro, diệt bọn đầu sỏ, cắt đứt hành lang Tây Nguyên - Campuchia - Thái Lan, cắt đứt liên lạc giữa Fulro và bọn phản động ở vùng ba biên giới Thái Lan - Lào - Campuchia.

e) Lập Ban Chỉ đạo giải quyết vấn đề Fulro ở Quân khu V: Ban Bí thư phân công đồng chí Đoàn Khuê, Uỷ viên Trung ương Đảng, Tư lệnh kiêm Chính uỷ Quân khu V phụ trách chung, đồng chí Văn làm Phó trưởng ban; các đồng chí phó bí thư thường trực các tỉnh là Trưởng ban 04 của tỉnh và cán bộ của Bộ Nội vụ, Ban Dân tộc Trung ương tham gia.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phân công đồng chí Phạm Hùng chủ trì cùng các tỉnh ở Tây Nguyên, các quân khu V, VII và các ngành có liên quan ở trung ương triển khai gấp các mặt công tác trên đây.

2. Đánh giá đúng tình hình phát triển kinh tế, văn hoá, cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên, có kế hoạch và biện pháp thiết thực, tích cực đẩy lên trong thời gian tới:

a) Các tỉnh ở Tây Nguyên, khi tổng kết kinh tế 5 năm qua, cần đánh giá đúng thành tựu đã đạt, những mặt chưa làm được, phân tích rõ nguyên nhân; trên cơ sở tiềm năng và khả năng thực tế của địa phương và sự giúp đỡ của các ngành ở trung ương, xây dựng kế hoạch 5 năm 1981-1985. Khi địa phương làm việc này, cần có sự tham gia bàn bạc của Uỷ ban kế hoạch Nhà nước và những ngành có liên quan ở trung ương. Cần chuẩn bị một hội nghị bàn chuyên đề về phát triển kinh tế và các mặt ở Tây Nguyên.

b) Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành nông nghiệp, thuỷ lợi, lâm nghiệp, giao thông - vận tải, lao động, công nghiệp thực phẩm, cơ khí, điện lực, địa chất, giáo dục, y tế, văn hoá - thông tin, quốc phòng, nội thương, ngoại thương cần kiểm điểm theo trách nhiệm của từng ngành việc tham gia phát triển kinh tế, văn hoá, cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên; phân tích đầy đủ nguyên nhân, tích cực chuẩn bị cùng địa phương tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 37, ngày 10-2-1978 của Ban Bí thư.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo, đôn đốc các ngành hoàn thành sớm công việc trên đây, chuẩn bị mở hội nghị chuyên đề về phát triển kinh tế và các mặt ở Tây Nguyên.

T/M BAN Bí THƯ
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN Bí THƯ

Số 110-CT/TW, ngày 29 tháng 6 năm 1981

Về bảo đảm sinh hoạt dân chủ trong Đảng và giữ gìn kỷ luật phát ngôn

Sự đoàn kết nhất trí, thống nhất ý chí và hành động trên cơ sở đường lối chính trị và những nguyên tắc tổ chức là yếu tố quan trọng bảo đảm sức mạnh của Đảng. Vì vậy, đối với những người cộng sản, bảo vệ sự đoàn kết nhất trí của Đảng cũng như bảo vệ con người của mắt mình.

Đảng ta có truyền thống quý báu đoàn kết nhất trí. Trên nửa thế kỷ hoạt động vừa qua, nhờ sự đoàn kết nhất trí của toàn Đảng chung quanh Trung ương, Đảng ta đã đoàn kết toàn dân và toàn quân, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa cách mạng nước ta tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong *Di chúc* để lại cho toàn Đảng, Bác Hồ đã tha thiết dặn chúng ta phải chăm lo củng cố sự đoàn kết nhất trí.

Hiện nay, trước tình hình mới, có nhiều thuận lợi lớn, song cũng có nhiều khó khăn, phức tạp; số đông cán bộ, đảng viên giữ vững phẩm chất, tính kiên định cách mạng, hăng hái làm tròn nhiệm vụ. Nhưng cũng có một số cán bộ, đảng

viên dao động về chính trị và tư tưởng, lại chưa được rèn luyện về tính tổ chức và kỷ luật, đã có những biểu hiện của chủ nghĩa tự do, vô kỷ luật, tuỳ tiện phát biểu ý kiến trái với đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, tuỳ tiện phê phán các cấp lãnh đạo, gây nên ảnh hưởng xấu đối với sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, có hại đối với uy tín của Đảng trước quần chúng nhân dân và tạo điều kiện cho kẻ thù lợi dụng sơ hở này để chia rẽ nội bộ ta.

Vì mục đích củng cố sự đoàn kết nhất trí, tăng cường kỷ luật trong đội ngũ chiến đấu của mình, chống lại mọi âm mưu của kẻ thù, đưa cách mạng nước ta vượt qua mọi khó khăn, tiến tới những thắng lợi mới, Ban Bí thư nhắc nhở các cấp ủy đảng, toàn thể cán bộ và đảng viên:

1. Luôn luôn nêu cao phẩm chất cộng sản chủ nghĩa, bảo vệ sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, giữ vững kỷ luật của Đảng, chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa tự do, vô kỷ luật. Cảnh giác trước âm mưu chia rẽ của kẻ thù, tăng cường sức chiến đấu của Đảng trên mặt trận chính trị và tư tưởng.

2. Sinh hoạt dân chủ trong Đảng cần phải bảo đảm để mọi đảng viên có thể phát biểu ý kiến của mình đối với công việc của Đảng. Tất cả đảng viên đều có nghĩa vụ và có quyền phát biểu ý kiến của mình đối với đường lối, chính sách, chủ trương, công tác của Đảng trong chi bộ đảng nhưng có vấn đề phát biểu trong chi bộ đảng không lợi, thì phát biểu với đảng uỷ hoặc đồng chí phụ trách cơ quan, hoặc trực tiếp trình bày, gửi thư đến các cơ quan lãnh đạo, kể cả ý kiến tán thành, ý kiến phản đối và kiến nghị về những công việc chung. Đó là thực hiện quyền làm chủ của

mỗi đảng viên trong tổ chức của Đảng.

3. Nghiêm cấm cán bộ, đảng viên phát biểu ý kiến trái với đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng ở ngoài chi bộ đảng mà mình sinh hoạt, ở trên bất kỳ diễn đàn nào (báo chí, hội thảo, câu lạc bộ hoặc truyền bá với từng người, từng nhóm). Việc đưa ra những tin không đúng sự thật hoặc thuộc về những vấn đề nội bộ, về bí mật của Đảng và Nhà nước đều là hành động trái với nguyên tắc của Đảng và lợi ích của cách mạng.

4. Đối với những vấn đề mới đang nghiên cứu, thảo luận trong các cơ quan lãnh đạo hoặc các cơ quan có trách nhiệm chưa có kết luận, không ai được phép phổ biến những ý kiến đang thảo luận và truyền bá ý kiến riêng của mình.

5. Những đồng chí có quan hệ công tác với người nước ngoài chỉ được nói những điều đã chuẩn bị đầy đủ và đã được cơ quan có trách nhiệm thông qua. Nghiêm cấm cán bộ, đảng viên đem việc nội bộ của Đảng và Nhà nước ta nói với người nước ngoài.

6. Cán bộ, đảng viên khi gặp quần chúng phát biểu những điều trái với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phải giải thích cho họ thông hiểu; nếu gặp những phần tử xấu xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà nước, thì phải tích cực đấu tranh.

7. Đối với những đồng chí vi phạm kỷ luật về những vấn đề nêu trong chỉ thị này, cần phải xử lý kịp thời, nghiêm minh từ hình thức khiển trách đến hình thức cao nhất là khai trừ ra khỏi Đảng, và báo cáo lên cấp trên.

Chỉ thị này cần được phổ biến cho tất cả các tổ chức và

các chi bộ. Các cấp uỷ đảng và chi bộ phải kiểm tra tình hình ở chi bộ và đơn vị cơ sở, để có những biện pháp có hiệu lực bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh chỉ thị này.

T/M BAN Bí THƯ
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 111-CT/TW, ngày 29 tháng 6 năm 1981

**Về việc lãnh đạo bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh
*Pháp lệnh trùng tri tội hối lộ***

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhằm khắc phục hiện tượng tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, Nhà nước đã ban hành *Pháp lệnh trùng tri tội hối lộ*.

Hiện nay, hối lộ đã trở thành tệ tham nhũng. Đối tượng bị trùng tri về tội hối lộ chủ yếu là những phần tử thoái hoá, biến chất trong cán bộ, đảng viên lợi dụng chức quyền, lợi dụng tổ chức để mưu cầu lợi ích bất chính trong khi thực hiện công việc được Đảng, Nhà nước giao cho. Nó làm giảm uy tín của Đảng, của Nhà nước, làm suy yếu hiệu lực của tổ chức. Cần phải kiên quyết đấu tranh loại trừ tệ tham nhũng này trong đời sống xã hội, làm cho tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể thật sự trong sạch và vững mạnh, bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh, bảo vệ uy tín của Đảng, của Nhà nước, bảo vệ lợi ích của nhân dân.

1. Các cấp, các ngành, trước hết là cấp uỷ đảng, thủ trưởng và những cơ quan có chức năng bảo vệ pháp luật, phải

quán triệt sâu sắc tinh thần cơ bản và nội dung của pháp lệnh này trong các tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, quân đội các cấp cho đến cơ sở. Cần có ngay văn bản giải thích nội dung của pháp lệnh này và phổ biến rộng rãi trên đài phát thanh - truyền hình, trên báo, làm cho mọi người thống nhất nhận thức về pháp lệnh, bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh và vận dụng thống nhất; đồng thời gây thành phong trào quần chúng tích cực phát hiện, đấu tranh chống tệ hối lộ.

2. Rà soát lại tổ chức, kể cả cán bộ và nhân viên của những tổ chức thường tiếp xúc với quần chúng, chú ý những tổ chức quản lý, phân phối vật tư, hàng hoá, tiền, những tổ chức giải quyết về nhà đất, công việc làm, cho đi học, khám xét, đăng ký kinh doanh, đăng ký hộ khẩu, thuế vụ, hải quan, xử án...; điều chuyển ngay những người đã vi phạm trong khi chờ bị xử lý và bố trí người tin cậy, trong sạch thay thế.

Trong sinh hoạt thường kỳ của tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể, quân đội các cấp, phải kiểm điểm tình hình đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, phê phán những sơ hở, thiếu sót, những hiện tượng hối lộ, kịp thời phát hiện và chủ động ngăn ngừa vi phạm, nhằm tăng cường quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức, bộ đội.

3. Cấp ủy đảng và thủ trưởng các ngành, các cấp chịu trách nhiệm lãnh đạo thi hành pháp lệnh này, sử dụng Ban 79 cùng cấp để tổ chức thực hiện. Ban 79 cùng những ngành có liên quan cần phối hợp giải quyết kịp thời những đơn, thư phát hiện, tố giác và người bị tố giác ăn hối lộ, nhanh chóng xác minh, kết luận, xử lý; mọi vi phạm, tội phạm hối lộ, không phân biệt chức vụ của người vi phạm và người phạm

tội, đều bị xử lý nghiêm minh theo pháp lệnh này và theo Chỉ thị số 86, ngày 6-2-1980 của Ban Bí thư; được phép đăng lên báo những vụ án hối lộ nghiêm trọng.

Ba tháng, sáu tháng, phải sơ kết, thông báo công khai trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương mình tình hình vi phạm và xử lý về tội này cũng như các tội lây cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và úc hiếp quần chúng (có thể thông báo trên đài phát thanh và đăng báo địa phương), nhằm thường xuyên giáo dục, động viên cán bộ, bộ đội, công nhân, viên chức và nhân dân.

4. Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm theo dõi việc thi hành chỉ thị này và kịp thời có kiến nghị cần thiết; cùng với Ban 79 Trung ương chỉ đạo giải quyết những vụ quan trọng, phức tạp. Sáu tháng một lần, Ban 79 Trung ương có thông báo nội bộ đến cấp tỉnh, thành phố và các ngành ở trung ương về tình hình và kết quả chống các hiện tượng tiêu cực, nhất là tội hối lộ.

Chỉ thị này được phổ biến đến chi bộ, được trích đăng trên báo, trên đài phát thanh - truyền hình.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 125-TT/TW, ngày 30 tháng 6 năm 1981

Về việc bồi dưỡng cán bộ chủ chốt ở xã

Vừa qua, cùng với việc mở lớp đào tạo cán bộ cơ sở, học tập theo các chương trình sơ cấp, trung cấp (theo hệ thống trường đảng), một số tỉnh, huyện đã tổ chức việc bồi dưỡng ngắn ngày hoặc mở những hội nghị thảo luận, học tập kinh nghiệm lãnh đạo của các xã tiên tiến, nhằm giúp cán bộ chủ chốt ở xã quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và những công tác cụ thể của địa phương. Việc này đã có tác dụng thiết thực thúc đẩy một số công tác đạt kết quả tốt.

Tuy vậy, chất lượng của việc bồi dưỡng chưa cao, nội dung chưa toàn diện, mới chú trọng về chủ trương, phương hướng, biện pháp phát triển kinh tế; còn nhiều vấn đề cấp bách khác chưa được quan tâm đúng mức; về những khó khăn, lúng túng trong công tác của cán bộ, nhất là công tác quản lý kinh tế, xây dựng kế hoạch từ dưới lên, chức năng và nhiệm vụ công tác cụ thể của bí thư, chủ tịch uỷ ban nhân dân xã, chủ nhiệm hợp tác xã, thì chưa làm rõ.

Để thực hiện chủ trương tích cực bồi dưỡng cán bộ cơ sở

đã ghi trong Nghị quyết số 32 của Bộ Chính trị về công tác tổ chức, qua kinh nghiệm làm thủ có kết quả ở tỉnh Tây Ninh và huyện Mỹ Văn (Hải Hưng), Ban Bí thư quyết định việc triển khai công tác bồi dưỡng cán bộ chủ chốt ở xã như sau:

1- Ban Tuyên huấn và Ban Tổ chức Trung ương cùng với các tỉnh uỷ, thành uỷ rút kinh nghiệm, cải tiến chương trình và phương pháp giảng dạy, học tập ở các lớp lý luận chính trị theo hệ thống trường đảng các cấp. Trên cơ sở đó, về cơ bản và lâu dài, phải mở lớp thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở học tập lý luận có hệ thống. Thời gian học tập phải ngắn gọn, thích hợp với hoàn cảnh sản xuất và điều kiện công tác ở xã.

2- Mặt khác, các tỉnh uỷ, thành uỷ cần bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở nắm vững những nghị quyết, chỉ thị mới của Trung ương và biết cách vận dụng, tổ chức thực hiện. Đồng thời, từng bước cải tiến phương pháp làm việc ở cơ sở.

Trước mắt, từ nay đến quý IV-1981, các tỉnh uỷ, huyện uỷ tiến hành việc bồi dưỡng xong bảy cán bộ chủ chốt ở xã, quán triệt và biết cách thực hiện những vấn đề chính theo chương trình mà các ban của Trung ương Đảng đã biên soạn.

Các ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ trực tiếp chỉ đạo chặt chẽ các huyện uỷ mở lớp bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Các đồng chí thường vụ huyện uỷ có trách nhiệm trình bày bài giảng ở các lớp.

Đối với những huyện uỷ không có điều kiện tự lực làm được, thì tỉnh uỷ tổ chức việc bồi dưỡng tập trung ở từng vùng (một vài huyện), tùy theo số cán bộ cơ sở và điều kiện cụ thể mà tổ chức lớp học.

Đối với những xã mà cấp uỷ đảng chưa được kiện toàn, huyện uỷ cần soát xét lại cán bộ chủ chốt, nếu không bảo

đảm công tác, thì thay ngay hoặc cử người có đủ tiêu chuẩn đi học rồi về thay thế. Trong trường hợp chỉ định khó khăn, phải nêu tiêu chuẩn đưa ra quần chúng tham gia ý kiến và đảng bộ quyết định.

Thời gian của mỗi lớp là khoảng 10 ngày. Nếu cần làm thêm công việc khác của địa phương, thì tùy theo hoàn cảnh, thời vụ, định ngày giờ cho thích hợp, nhưng không nên kéo dài quá 15 ngày.

Các ban của Trung ương Đảng (Tổ chức, Tuyên huấn, Nông nghiệp, Kinh tế - Kế hoạch, Nội chính, Dân vận) và Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước cần chuẩn bị đề cương bài giảng và tổ chức việc bồi dưỡng đầy đủ đối với các ban của tỉnh, để tỉnh bồi dưỡng cho các ban thường vụ huyện ủy nắm vững nội dung của bài giảng, bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở đạt được kết quả tốt.

Ban Tổ chức và Ban Tuyên huấn Trung ương giúp Ban Bí thư hướng dẫn cụ thể để thực hiện thông tri này và theo dõi việc thi hành để báo cáo lên Ban Bí thư.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN Bí THƯ

Số 113-CT/TW, ngày 11 tháng 7 năm 1981

Về việc tiến hành đại hội đảng bộ các cấp và cử đại biểu đi dự Đại hội lần thứ V của Đảng

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Ban Bí thư ra chỉ thị về yêu cầu, nội dung, cách tiến hành đại hội các cấp và về việc cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc:

1. Đại hội lần thứ V của Đảng được triệu tập trong hoàn cảnh toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đã phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, chiến đấu anh dũng, lao động cần cù, vượt qua nhiều khó khăn và đã giành được những thắng lợi to lớn.

Bên cạnh những thành tích nổi bật về đánh thắng quân... xâm lược, tiếp tục làm nghĩa vụ quốc tế đối với Lào và Campuchia, đặc biệt là đã ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp cứu nước của nhân dân Campuchia giành được thắng lợi hoàn toàn, chúng ta cũng đạt được những thành tựu trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Gần đây, những nhân tố tích cực trong phong trào lao động sản xuất đã tạo ra những

hiệu quả thiết thực ở nhiều nơi và đang hứa hẹn những kết quả lớn hơn.

Tuy nhiên, chúng ta có những nhược điểm và khuyết điểm về vận dụng đường lối, về kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân, về quản lý kinh tế, quản lý phân phối, lưu thông, về chỉ đạo thực hiện và về bố trí tổ chức, cán bộ như thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng gửi các cấp ủy đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên đã chỉ rõ.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần này phải tập trung được trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân nhằm cụ thể hoá hơn nữa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng, phát huy những ưu điểm và nhân tố tích cực, chỉ rõ phương hướng và biện pháp khắc phục khó khăn, sửa chữa khuyết điểm, tạo ra trong thời kỳ kế hoạch 5 năm 1981-1985 và những năm tiếp theo một bước chuyển biến quan trọng trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và tiếp tục làm tròn nhiệm vụ quốc tế.

Đại hội đảng bộ các cấp lần này nhằm mục đích chuẩn bị thật tốt cho Đại hội lần thứ V của Đảng và bảo đảm tổ chức thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội Đảng, do đó *yêu cầu của việc tiến hành đại hội đảng bộ các cấp lần này là:*

- Đề cao tinh thần trách nhiệm, mở rộng dân chủ, bảo đảm cho đảng viên và các đại biểu tham gia thảo luận các vấn đề do Trung ương và cấp uỷ đảng đề ra một cách thiết thực, đóng góp phân tích cực của mình vào việc quyết định các vấn đề chung của toàn Đảng và của mỗi đảng bộ.

- Qua việc nghiên cứu, thảo luận các đề cương do Trung ương đưa xuống và liên hệ với thực tế của địa phương, đơn vị, nâng cao một bước nhận thức về đường lối, chính sách của

Đảng. Trên cơ sở đó, xúc tiến việc chuẩn bị đề án của cấp uỷ đảng sẽ đưa ra đại hội đảng bộ.

- Cử được những đại biểu thật sự xứng đáng, có đủ tiêu chuẩn đi dự đại hội đảng bộ cấp trên hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc, đồng thời kiện toàn được cấp uỷ đảng thật sự có chất lượng theo đúng quy định và hướng dẫn của Trung ương.

- Trên cơ sở bảo đảm tốt các yêu cầu trên đây, góp phần tạo ra sự nhất trí cao của Đại hội đại biểu toàn quốc, tăng cường đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng và ở mỗi đảng bộ, tạo thêm điều kiện thuận lợi để tổ chức thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc.

- Sau Đại hội lần thứ V của Đảng, quán triệt một cách sâu sắc nghị quyết của đại hội, tiến hành tự phê bình và phê bình nghiêm túc về ưu điểm, khuyết điểm của đảng bộ và của cấp uỷ đảng, hoàn chỉnh đề án đã chuẩn bị để trình đại hội đảng bộ, bảo đảm cho các quyết định của đại hội đảng bộ có tính tích cực, có căn cứ thực tế và vững chắc.

2. Đại hội đảng bộ các cấp lần này sẽ được tổ chức thành hai đợt:

- Đợt 1: thảo luận đề cương báo cáo về tình hình và nhiệm vụ, một số vấn đề về sửa đổi *Điều lệ Đảng*; cử đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc.

- Đợt 2: sẽ tiến hành sau Đại hội đại biểu toàn quốc để kiểm điểm việc thi hành nghị quyết của đại hội đảng bộ lần trước, quán triệt và bàn việc thi hành Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, quyết định nhiệm vụ mới của đảng bộ trong thời kỳ kế hoạch 5 năm 1981-1985 (chủ yếu là trong nhiệm kỳ tới của cấp uỷ đảng), bầu cử ban chấp hành mới đối với những nơi đã hết nhiệm kỳ hoặc gần hết nhiệm

kỳ. Ở những nơi khác, có thể bầu cử bổ sung hoặc thay đổi một số cấp uỷ viên, nếu đại hội đảng bộ xét thấy cần thiết.

Ở đại hội của tổ chức cơ sở đảng, những vấn đề do Trung ương đưa xuống thảo luận sẽ có quy định cụ thể sau. Đối với nơi tuy đã hết nhiệm kỳ của cấp ủy đảng, nhưng tỉnh uỷ, thành ủy cũng chỉ cho tiến hành việc thảo luận những vấn đề do Trung ương đưa xuống để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc, còn việc bàn định nhiệm vụ, mục tiêu, biện pháp phấn đấu của đảng bộ trong nhiệm kỳ tới và bầu cử cấp uỷ đảng, thì đợi sau Đại hội Đảng toàn quốc sẽ tiến hành.

Đợt 1 của đại hội đảng bộ các cấp sẽ bắt đầu tiến hành từ cơ sở vào khoảng cuối tháng 9-1981 cho đến hết tháng 10-1981 thì tiến hành xong ở đại hội đảng bộ cấp tỉnh, thành phố và đảng bộ trực thuộc Trung ương. Đợt 2 sẽ tiến hành đại hội đảng bộ cấp tỉnh, thành phố trong quý I-1982, sau đó tiếp tục tiến hành đại hội đảng bộ huyện, quận và cơ sở. Sau Đại hội lần thứ V của Đảng, Ban Bí thư sẽ có thông tri hướng dẫn cụ thể về nội dung và cách tiến hành đợt 2 của đại hội đảng bộ các cấp.

3. Việc bầu cử đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên và Đại hội đại biểu toàn quốc phải được tiến hành thật chu đáo, bảo đảm chặt chẽ tiêu chuẩn đại biểu.

Các đại biểu phải là đảng viên ưu tú, tuyệt đối trung thành với Đảng, vừa có phẩm chất tốt, vừa có năng lực. Đặc biệt, phải là những đảng viên có lập trường chính trị kiên định, đã hoàn toàn nhất trí và thật sự thông suốt đường lối, quan điểm của Đảng cả về đối nội và đối ngoại. Phải là những đồng chí tiêu biểu cho tinh thần phấn đấu cách mạng và trí tuệ của đảng bộ, có kiến thức và kinh nghiệm thực tế

trên lĩnh vực hoạt động của mình, có khả năng đóng góp thật sự vào các vấn đề bàn định ở đại hội.

Đại biểu đi dự Đại hội lần thứ V của Đảng phải có nhiều đồng chí là cán bộ cao cấp và trung cấp hoạt động ở các cơ quan lãnh đạo của Đảng, các ban, các ngành quan trọng, các đoàn thể ở cấp trung ương, tỉnh, thành phố; đồng thời phải có tỷ lệ thích đáng về số đại biểu hoạt động ở các huyện, các viện nghiên cứu về kinh tế, khoa học - kỹ thuật, các cơ sở sản xuất kinh doanh và sự nghiệp.

Chú trọng lựa chọn các đồng chí có năng lực quản lý kinh tế, khoa học - kỹ thuật. Chú ý thích đáng các anh hùng, chiến sĩ thi đua ưu tú ở các đơn vị sản xuất, kinh doanh và trong các lực lượng vũ trang.

Các đoàn đại biểu, nhất là của các tỉnh, thành phố cần tăng số đại biểu là công nhân, có tỷ lệ thích đáng đại biểu là cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số (ở các địa phương có dân tộc thiểu số).

Về số lượng đại biểu: căn cứ vào tình hình chung, vào số lượng đảng viên và tầm quan trọng của mỗi đảng bộ trực thuộc (theo điều 20 của Điều lệ Đảng), căn cứ vào tổng số đại biểu được triệu tập đến dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Ban Bí thư quyết định phân phối đại biểu theo các nguyên tắc sau đây:

Các đảng bộ ở miền Bắc và các đảng bộ quân đội: cứ 2.800 đảng viên chính thức, thì được cử một đại biểu. Các đảng bộ ở miền Nam do điều kiện chiến đấu trước đây, số đảng viên hiện nay vẫn còn ít: cứ 1.000 đảng viên chính thức, thì được cử một đại biểu.

Ở những đảng bộ vùng công nghiệp tập trung: cứ 30.000

công nhân, thì được cử thêm một đại biểu.

Trung ương sẽ xét tính chất và tầm quan trọng khác của một số đảng bộ (như: tập trung đông cơ quan trung ương, quan trọng về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, vùng dân tộc, v.v.) để phân phối thêm một số đại biểu. Các đảng bộ tỉnh, sau khi tính toán các điều kiện trên đây mà vẫn còn ít đại biểu, thì được cử thêm để mỗi tỉnh ít nhất có 11 đại biểu. Đảng bộ đặc khu Vũng Tàu -Côn Đảo cũng được cử thêm một số đại biểu.

Các đảng bộ ở ngoài nước (do Ban Cán sự Đảng ngoài nước giúp Trung ương quản lý) không thể mở đại hội để cử đại biểu, nên đại biểu sẽ do Trung ương chỉ định.

Các đảng bộ khác trực thuộc Trung ương ít nhất được cử một đại biểu, và tuỳ theo tầm quan trọng của từng đảng bộ, sẽ xét có thể được cử thêm đại biểu hay không.

Trung ương cũng sẽ giới thiệu một số uỷ viên Trung ương và cán bộ cao cấp ở cơ quan trung ương về các đảng bộ trực thuộc Trung ương (kể cả đảng bộ quân đội) để ứng cử làm đại biểu đi dự Đại hội lần thứ V của Đảng.

Các đơn vị bầu cử được cử một số đại biểu dự khuyết để khi cần, có thể thay đại biểu chính thức vì lý do nào đó mà không đến dự đại hội được.

4. Để tiến tới đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội lần thứ V của Đảng, sau khi nhận được chỉ thị này, các tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương cần kiểm điểm để thực hiện tốt thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng gửi các cấp về việc mở Đại hội đại biểu toàn quốc.

Trên cơ sở quán triệt các nghị quyết, chỉ thị gần đây của Trung ương và của Bộ Chính trị (như: Nghị quyết Hội nghị

Trung ương lần thứ sáu, lần thứ chín, các Nghị quyết 26-NQ/TW, 32-NQ/TW của Bộ Chính trị, 36-NQ/TW của Ban Bí thư), cần thúc đẩy phong trào thi đua thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1981, làm tốt công tác phát triển đảng gắn với củng cố cơ sở, nhất là cơ sở yếu kém, kiện toàn tổ chức, cải tiến chế độ làm việc. Phải bố trí đúng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, xây dựng quy hoạch cán bộ kết hợp với việc chuẩn bị cho bầu cử cấp uỷ đảng trong năm 1982.

Một mặt, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương phải hướng dẫn việc tiến hành đại hội cơ sở và cấp huyện, quận theo chỉ thị này; mặt khác, phải chuẩn bị đợt 2 của đại hội cấp tỉnh một cách tích cực.

Cách chuẩn bị và tiến hành đại hội cần theo đúng Chỉ thị số 55-CT/TW, ngày 14-10-1978 và Quy định số 12-QĐ/TW, ngày 4-2-1978 của Ban Bí thư. Điều cơ bản là phải coi trọng việc tổng kết tình hình thực tế, nhất là về lãnh đạo kinh tế và công tác xây dựng đảng của địa phương, của đơn vị trong nhiệm kỳ, rút ra những bài học kinh nghiệm về xây dựng và thực hiện kế hoạch nhà nước, các biện pháp tổ chức quản lý, công tác tư tưởng và công tác tổ chức để bảo đảm chất lượng của đề án và của các quyết định ở đại hội lần này.

Cần tiến hành đại hội với tinh thần khẩn trương, thiết thực, tránh hình thức, lãng phí. Việc lấy ý kiến của quần chúng phải được tiến hành với tinh thần thật sự tôn trọng quần chúng; nêu các vấn đề cho quần chúng thảo luận và đóng góp ý kiến; tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến một cách chu đáo, đưa vào đại hội đảng bộ cơ sở và các cấp để thảo luận và quyết định.

Các ban, các ngành ở trung ương căn cứ vào đề cương bao

cáo của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, chuẩn bị các vấn đề thuộc trách nhiệm của ban, ngành mình để góp ý kiến với các tỉnh ủy, thành ủy về những vấn đề quan trọng trong công tác của từng ngành mà đại hội đảng bộ địa phương cần chú ý giải quyết. Ban Tổ chức Trung ương căn cứ vào các nguyên tắc đã quy định để tính toán phân bổ số đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc Trung ương, trình Ban Bí thư duyệt.

*

* *

Hiện nay, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, khó khăn vẫn còn nhiều; địch đang tìm cách phá hoại những thành tựu cách mạng của nước ta, khoét sâu các khuyết điểm hòng kích động quần chúng và chia rẽ nội bộ ta. Để bảo đảm đại hội thành công tốt đẹp, các đảng bộ cần đề cao trách nhiệm, tăng cường đoàn kết nhất trí, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ luật, ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ về sản xuất, phân phối - lưu thông, tổ chức đời sống, quốc phòng và an ninh... một cách tốt nhất và có hiệu quả nhất.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN Bí THƯ

Số 36-TB/TW, ngày 22 tháng 7 năm 1981

Về việc bổ sung Tiểu ban chuẩn bị Hội nghị Trung ương về quản lý kinh tế và các đồng chí phụ trách các tổ báo cáo chuyên đề

1. Do sự thay đổi công tác của một số đồng chí trong Tiểu ban chuẩn bị Hội nghị Trung ương về quản lý kinh tế, và để tăng cường sự gắn bó giữa công tác nghiên cứu với việc chỉ đạo thực hiện các vấn đề về cải tiến quản lý kinh tế, Thường trực Ban Bí thư quyết định bổ sung các đồng chí có tên dưới đây làm thành viên của tiểu ban:

- Đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Trưởng ban Kinh tế - Kế hoạch Trung ương,

- Đồng chí Ngô Duy Đông, Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương,

- Đồng chí Đặng Thí, Chủ nhiệm Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng.

Để bảo đảm tính liên tục của việc nghiên cứu các vấn đề về quản lý kinh tế, các đồng chí Võ Thúc Đồng và Đặng Việt Châu vẫn tiếp tục tham gia công việc của tiểu ban.

2. Đối với các báo cáo chuyên đề về tổ chức quản lý kinh

tế thuộc từng ngành, từng lĩnh vực, nay bổ sung và thay đổi các đồng chí phụ trách một số chuyên đề như sau:

- Thêm chuyên đề về quản lý lao động do đồng chí Đào Thiện Thi, Bộ trưởng Bộ Lao động phụ trách.

- Đề án về xây dựng huyện phục vụ cho việc tổng kết kinh tế và xây dựng kế hoạch 5 năm, do đồng chí Lê Bình, Phó trưởng ban Nông nghiệp, làm tổ trưởng Tổ Nghiên cứu đề án, nay đồng thời là một chuyên đề về tổ chức quản lý kinh tế.

- Chuyên đề về tổ chức quản lý xây dựng cơ bản: đồng chí Đồng Sĩ Nguyên, Bộ trưởng Bộ Xây dựng phụ trách.

- Chuyên đề về tổ chức quản lý nông nghiệp: đồng chí Ngô Duy Đông, Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương phụ trách. Đồng chí Võ Thúc Đồng tiếp tục tham gia tổ chuyên đề này để bảo đảm tính liên tục của việc nghiên cứu. Đồng chí Võ Chí Công chỉ đạo việc nghiên cứu chuyên đề về tổ chức quản lý nông nghiệp gắn với việc tổng kết nông nghiệp và xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp trong 5 năm 1981-1985.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN Bí THƯ

Số 126-TT/TW, ngày 25 tháng 7 năm 1981

Về việc tiến hành đợt sinh hoạt nâng cao phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên

Khi tổng kết hội nghị truyền đạt nghị quyết về những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng, Ban Bí thư đã có hướng dẫn về việc thực hiện đợt sinh hoạt nâng cao phẩm chất đảng viên. Thông tri này nói rõ thêm mấy điều cần chú ý về đợt sinh hoạt này.

1. Việc giáo dục phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của các cấp uỷ đảng và các tổ chức đảng ở cơ sở. Sinh hoạt này nhằm đạt mấy yêu cầu cụ thể sau đây:

a) Làm cho các cấp uỷ thấy rõ hơn sự cần thiết phải thường xuyên chăm lo giáo dục phẩm chất cộng sản, và những người lãnh đạo các cấp nêu gương về việc giữ gìn phẩm chất cách mạng.

b) Làm cho tất cả các đồng chí trong Đảng thấy rõ ảnh hưởng tai hại của một bộ phận cán bộ thoái hoá, biến chất.

c) Đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực đang gây trở ngại cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, làm tổn thương uy tín

của Đảng trước quần chúng như đã nêu rõ trong Nghị quyết số 36; đặt cơ sở cho việc tiếp tục giáo dục, rèn luyện nâng cao phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên.

d) Qua học tập và phê bình, tự phê bình mà củng cố tổ chức đảng.

2. Muốn đạt được những yêu cầu nói trên, cần kết hợp việc học tập nâng cao nhận thức với thực hiện tự phê bình và phê bình, biểu dương mặt tốt, đồng thời nghiêm khắc phê phán những hiện tượng không lành mạnh và thi hành kỷ luật cho đến khai trừ ra khỏi Đảng những cán bộ, đảng viên sa sút nghiêm trọng về phẩm chất và thoái hóa biến chất.

Đợt sinh hoạt này nên tiến hành như sau:

a) Tổ chức thảo luận trong tất cả các đảng bộ cơ sở về tư cách đảng viên; về tình hình và nhiệm vụ cách mạng nước ta hiện nay và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên; về tình hình phẩm chất của cán bộ, đảng viên trong đảng bộ; tác hại và nguyên nhân của sự giảm sút về phẩm chất cách mạng; những biện pháp cần áp dụng để kết hợp giáo dục và kỷ luật, khắc phục những hiện tượng tiêu cực, nâng cao phẩm chất người cộng sản.

b) Mỗi cán bộ, đảng viên tự liên hệ, đánh giá phẩm chất của mình, đề ra phương hướng khắc phục và rèn luyện. Tùy theo tình hình cụ thể, đảng uỷ cơ sở có thể nghe báo cáo và góp ý kiến nhân dịp nhận xét đảng viên để phát thẻ, dựa vào nội dung kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình theo chế độ thường xuyên hoặc hội nghị kiểm điểm đối với số đảng viên có nhiều sai lầm về phẩm chất. Tất cả cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp, đều phải báo cáo về tình hình phẩm chất của mình đối với tổ chức đảng cơ sở, noi mình sinh hoạt.

Đồng thời tổ chức cho quần chúng tham gia phê bình cán bộ, đảng viên.

3. Để đạt được yêu cầu của đợt sinh hoạt:

a) Nội dung giáo dục phẩm chất cộng sản bao gồm nhiều mặt, song đợt sinh hoạt kỳ này cần tập trung vào mấy vấn đề sau đây:

- Giáo dục lòng trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, nhất trí và kiên định bảo vệ đường lối của Đảng, chống các hiện tượng tự do vô kỷ luật, vô trách nhiệm trong hành động và trong phát ngôn.

- Giáo dục ý thức tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, chống các hiện tượng chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, trù dập cán bộ, ức hiếp quần chúng.

- Giáo dục lối sống trong sạch, cách mạng; chống các hiện tượng ăn cắp, hối lộ, buôn lậu, ăn chơi sa đọa, bao che cho nhau xâm phạm lợi ích của quần chúng và của Nhà nước.

b) Các ban, ban cán sự, các đảng uỷ, đảng đoàn ở tất cả các cấp, các ngành và các tỉnh uỷ, thành uỷ thảo luận kế hoạch; ngoài kế hoạch chung về công tác tư tưởng, cần có kế hoạch riêng về công tác giáo dục và biện pháp nâng cao phẩm chất cán bộ, đảng viên.

Các cấp uỷ huyện, quận và tương đương cũng thảo luận kế hoạch về đợt sinh hoạt này rồi hướng dẫn cho cấp dưới thực hiện. Nên làm thử ở một số cơ sở, rút kinh nghiệm để chỉ đạo chung.

c) Ban Tuyên huấn Trung ương hướng dẫn cụ thể thêm về đợt sinh hoạt này.

4. Đợt sinh hoạt này không bắt buộc các tổ chức cơ sở cùng làm một lúc. Tùy theo tình hình sản xuất và công tác,

có thể nơi làm trước, nơi làm sau, nhưng phải cố gắng làm xong trước khi họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng.

T/M BAN Bí THƯ
LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ
Số 114-CT/TW, ngày 31 tháng 7 năm 1981

**Về việc lãnh đạo cuộc bầu cử hội đồng nhân dân
và uỷ ban nhân dân các cấp huyện, thành phố
thuộc tỉnh, thị xã, quận, xã, phường, thị trấn**

Sắp tới, cuộc bầu cử hội đồng nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, quận, xã, phường, thị trấn là một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn dân ta, nhằm tiếp tục thi hành *Hiến pháp* mới, giáo dục và động viên mọi người phát huy tinh thần làm chủ tập thể, thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của công dân, tự giác và tích cực tham gia bầu cử, sáng suốt lựa chọn những đại biểu xứng đáng để tăng cường năng lực quản lý của chính quyền trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh và quốc phòng ở các địa phương trong cả nước.

Đại biểu hội đồng nhân dân phải là người có năng lực hoàn thành nhiệm vụ của đại biểu, chăm lo lợi ích của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân, gương mẫu chấp hành và có năng lực vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, được nhân dân tín nhiệm. Kiên quyết không đưa vào hội đồng nhân dân

những người ức hiếp quần chúng, tham ô, ăn hối lộ. Ở những nơi có tình hình chính trị phức tạp, phải lựa chọn kỹ, không để kẻ địch lọt vào hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân.

Trong hội đồng nhân dân, ngoài những thành phần chủ yếu như: công nhân, nông dân tập thể, trí thức xã hội chủ nghĩa, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản lý kinh tế, cần chú ý đối với thương binh, quân nhân phục viên có đủ tiêu chuẩn đại biểu. Ở những vùng có dân tộc thiểu số, tôn giáo, cần có một số đại biểu của các dân tộc, các tôn giáo. Ở các thành phố, thị xã có các đảng phái dân chủ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trước đây đã có đại biểu trong hội đồng nhân dân, thì nay cũng cần có đại biểu của các đảng phái đó. Hội đồng nhân dân cấp phường ở thành phố cần có một số cán bộ, viên chức nhà nước sinh hoạt ở đường phố tham gia, chú ý chọn bầu người có điều kiện hoạt động.

Hội đồng nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh, thị xã, quận nên có khoảng 50% là đại biểu trực tiếp sản xuất; từ 25% đến 30% là đại biểu nữ; từ 25% đến 35% là đại biểu trẻ từ 21 đến 35 tuổi. Số lượng đảng viên (có một số là cấp uỷ viên) tham gia ở mức cần thiết để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn bộ hoạt động của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân, nhưng không nên quá 60%.

Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn nên có từ 25% đến 30% là đại biểu nữ, từ 25% đến 40% là đại biểu trẻ từ 21 đến 35 tuổi. Đảng viên tham gia không quá 60%.

Đối với miền Nam, căn cứ vào tỷ lệ thành phần chung trên đây, các tỉnh uỷ, thành uỷ hướng dẫn cụ thể cho phù hợp với tình hình ở từng nơi.

Uỷ ban nhân dân cần có những đồng chí có năng lực

quản lý hành chính, quản lý kinh tế, được quần chúng tín nhiệm. Cần phân công một số đồng chí trong cấp uỷ đảng là đại biểu hội đồng nhân dân vào uỷ ban nhân dân để phụ trách các chức vụ chủ chốt và một số ngành như: công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, giao thông vận tải, thương nghiệp, tài chính, văn hoá, giáo dục, công an, quân sự...

Để bảo đảm cho cuộc bầu cử đúng pháp luật, các cấp uỷ đảng ở địa phương cần sớm thành lập ban chỉ đạo bầu cử để chỉ đạo các ngành, các cấp ở địa phương thực hiện nhiệm vụ từ bước chuẩn bị đến lúc kết thúc.

Cần giúp đỡ và tạo mọi điều kiện để Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp thực hiện tốt việc hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử, bảo đảm cho cử tri ở cơ sở thảo luận kỹ việc lựa chọn, giới thiệu người ra ứng cử, nhất là đối với cấp xã, phường, thị trấn; thật sự lắng nghe và tôn trọng ý kiến xây dựng của quần chúng trong việc giới thiệu, lựa chọn người, kiên quyết chống mệnh lệnh, gò ép, hoặc dân chủ hình thức.

Chú trọng lãnh đạo việc tổ chức kiểm điểm hết nhiệm kỳ của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân một cách nghiêm túc, thiết thực; thật sự tôn trọng và chân thành tiếp thu ý kiến phê bình của nhân dân đối với hội đồng nhân dân, nhất là đối với uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Các cấp uỷ đảng ở địa phương và các ngành có liên quan ở trung ương phối hợp chặt chẽ để giải quyết kịp thời những vấn đề cần thiết, bảo đảm cho cuộc bầu cử tiến hành thuận lợi, an toàn, đạt kết quả tốt.

Cần rút kinh nghiệm về việc tổ chức chỉ đạo cuộc bầu

cử Quốc hội khoá VII và hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vừa qua để làm tốt cuộc bầu cử lần này.

Trong thời gian bầu cử hội đồng nhân dân các cấp lần này có nhiều công tác lớn, cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp cần sắp xếp chương trình hợp lý, lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, bảo đảm các công tác đều đạt yêu cầu.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Trung ương Đảng Xã hội chủ nghĩa Thống nhất Đức in tặng Trung ương Đảng ta bộ *Tuyển tập Mác - Ăngghen* gồm sáu tập sách và một tập tra cứu, mục lục (mỗi tập in sáu vạn bản). Bộ sách này do Nhà xuất bản Sự Thật (Việt Nam) và Nhà xuất bản Dixơ (Cộng hoà Dân chủ Đức) hợp tác biên dịch và xuất bản. Tập đầu tiên đã được in xong và sẽ được gửi sang nước ta trong thời gian gần đây.

Để kịp thời tổ chức việc giới thiệu và sử dụng tốt bộ sách quý này, Ban Bí thư quyết định:

1. Ban Tuyên huấn Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn kế hoạch phát hành, phân phối và sử dụng bộ *Tuyển tập Mác - Ăngghen*.

2. Ngoài số sách bán bình thường, dành một tỷ lệ cần thiết để cung cấp (không lấy tiền) cho các cơ quan, trước hết là các nhà trường, các cơ quan làm công tác nghiên cứu, giảng dạy lý luận chính trị và các môn khoa học xã hội. Số sách này được đưa vào thư viện, tủ sách dùng chung và ở các

nơi đó có thể cho cán bộ cần có sách để tra cứu thường xuyên được mượn dùng tại phòng làm việc hoặc nhà riêng.

3. Ban Tuyên huấn Trung ương cùng với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Bộ Văn hoá và Thông tin, Uỷ ban Vật giá Nhà nước và Nhà xuất bản Sự Thật quy định kế hoạch phát hành, phân phối số sách này và giá bán sách cho thích hợp.

Về số tiền bán sách, sau khi đã trừ các chi phí về xuất bản và phát hành, đều giao cho Ban Tài chính - Quản trị Trung ương để nộp vào quỹ chung của Đảng.

4. Tổng Công ty phát hành sách thuộc Bộ Văn hoá và Thông tin có nhiệm vụ tổ chức việc tiếp nhận, bảo quản sách và thực hiện tốt kế hoạch phát hành, phân phối bộ sách kể trên. Nhà xuất bản Sự Thật, các cơ quan báo chí ở trung ương và địa phương có trách nhiệm phối hợp với ngành phát hành sách tổ chức việc giới thiệu bộ sách và cổ động việc đọc.

5. Các cơ quan, đơn vị được phân phối sách cần sử dụng, bảo quản tốt bộ sách quý này, có biện pháp ngăn ngừa và nghiêm cấm việc lợi dụng vào những mục đích không chính đáng hay phi pháp.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN Bí THƯ

Số 128-TT/TW, ngày 12 tháng 8 năm 1981

Kỷ niệm lần thứ 36 Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9

Năm nay, chúng ta kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 giữa lúc toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang đẩy mạnh mọi mặt hoạt động thiết thực tiến tới Đại hội lần thứ V của Đảng.

Trong dịp kỷ niệm này, các ngành, các cấp cần làm tốt những việc sau đây:

1. Tổ chức một đợt tuyên truyền tập trung biểu dương chế độ ưu việt và thành tựu to lớn của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong 5 năm qua; khẳng định thế đi lên vững chắc hiện nay của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo dày dạn và sáng tạo của Đảng; nâng cao truyền thống đoàn kết và tinh thần làm chủ tập thể của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, không ngừng kiện toàn bộ máy nhà nước ta thật sự trong sạch và vững mạnh.

Gắn liền nội dung tuyên truyền trên đây với nội dung tuyên truyền chuẩn bị Đại hội lần thứ V của Đảng và bầu cử

hội đồng nhân dân các cấp quận, huyện và phường, xã.

Trong sinh hoạt thường kỳ của các chi bộ đảng và các đoàn thể, nhất là Đoàn thanh niên, tổ chức đọc và thảo luận bài diễn văn của đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá VII.

Bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, tổ chức rộng rãi các cuộc nói chuyện, các diễn đàn của từng giới ở các xí nghiệp, cơ quan, trường học, đơn vị quân đội, các phường, xã.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thông tin, cổ động ở cơ sở.

Tổ chức triển lãm biểu dương những thành tựu kinh tế, những điển hình làm ăn tốt của địa phương, đơn vị.

Báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình có kế hoạch hướng dẫn tuyên truyền và phản ánh sinh hoạt của các địa phương, cơ sở theo những nội dung nói trên.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chính quyền thật sự trong sạch và vững mạnh, nhất là ở cơ sở.

Các địa phương cần có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ việc chuẩn bị bầu cử hội đồng nhân dân các cấp quận, huyện và phường, xã gắn liền với việc triển khai đợt sinh hoạt nâng cao phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực.

Nghiêm khắc xử lý và kiên quyết loại trừ những phần tử thoái hoá, biến chất, vi phạm nghiêm trọng *Hiến pháp* và pháp luật trong các cơ quan nhà nước.

3. Phát động đợt thi đua mới ở mỗi đơn vị, địa phương, nhằm hoàn thành những công trình trọng điểm, những công tác trọng tâm trước mắt, phấn đấu đạt kết quả cao nhất trong việc kết thúc kế hoạch nhà nước năm 1981, lập thành

tích thiết thực chào mừng Đại hội lần thứ V của Đảng.

Các địa phương, cơ sở tổ chức mít tinh gọn nhẹ kỷ niệm Quốc khánh 2-9, nội dung tập trung vào yêu cầu nói trên.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 129-TT/TW, ngày 13 tháng 8 năm 1981

**Về việc góp ý kiến phê bình công tác lãnh đạo
của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ
Hội đồng Bộ trưởng trong thời gian qua**

Để chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, Bộ Chính trị yêu cầu mỗi đồng chí Uỷ viên Trung ương góp ý kiến phê bình những ưu điểm, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ IV đến nay. Cần tập trung phê bình trên bốn điểm, như sau:

- Về việc chấp hành đường lối của đại hội có ưu điểm, khuyết điểm gì?
- Về những chủ trương, chính sách cụ thể trên các mặt có ưu điểm, khuyết điểm gì?
- Về tổ chức thực hiện các quyết định đó có ưu điểm, khuyết điểm gì?
- Về tác phong và lề lối làm việc có ưu điểm, khuyết điểm gì?

Ngoài những điểm cần tập trung phát biểu ý kiến ở trên,

nếu các đồng chí thấy có vấn đề gì cần nói thêm thì các đồng chí cứ phát biểu.

Những vấn đề trên, đề nghị các đồng chí phát biểu ý kiến bằng văn bản và gửi về cho đồng chí Lê Đức Thọ trước ngày 15-9-1981 để chúng tôi tập hợp lại đưa ra báo cáo Bộ Chính trị thảo luận. Sau đó, Bộ Chính trị sẽ trình ra Hội nghị Trung ương vào tháng 11-1981 vì Hội nghị Trung ương sắp tới chưa làm kịp.

Mong các đồng chí tích cực đóng góp ý kiến và khẩn trương gửi thư trả lời đảm bảo đúng thời gian đã nói ở trên. Thư này các đồng chí bỏ vào hai phong bì và trực tiếp hoặc cử người tin cậy đưa đến nhà số 6 - Nguyễn Cảnh Chân.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 115 - CT/TW, ngày 7 tháng 9 năm 1981

**Về việc đẩy mạnh công tác bồi túc văn hóa
cho cán bộ và thanh niên ưu tú**

Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác bồi túc văn hóa cho cán bộ và nhân dân lao động, ngành giáo dục và nhiều địa phương đã đạt một số kết quả tốt.

Tuy nhiên, trong các cấp ủy đảng, các đồng chí lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ sở sản xuất, kể cả ngành giáo dục vẫn có những đồng chí chưa nhận thức rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết của công tác này, chưa quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện đúng mức. Hiện nay, số cán bộ và thanh niên ưu tú, nhất là số cán bộ chủ chốt đi học bồi túc văn hóa vẫn rất ít; trình độ văn hóa của nhiều cán bộ và thanh niên trong cả nước, nhất là ở miền Nam và miền núi, còn thấp. Tình hình đó gây trở ngại cho việc tiếp thu khoa học - kỹ thuật, tiếp thu và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng trên mọi lĩnh vực công tác.

Để thực hiện Chỉ thị 45-CT/TW, ngày 2-6-1978, của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc xây dựng quy hoạch cán bộ

lãnh đạo và cán bộ quản lý, Nghị quyết 32-NQ/TW, ngày 20-11-1980, của Bộ Chính trị về công tác tổ chức, Ban Bí thư quyết định một số chủ trương và biện pháp lớn về công tác bồi túc văn hóa cho cán bộ và thanh niên ưu tú, như sau:

1. Về mục tiêu phấn đấu: nhanh chóng nâng cao trình độ văn hóa, sớm tiến tới phổ cập trình độ phổ thông trung học cho cán bộ các cấp từ 45 tuổi trở xuống và thanh niên ưu tú. Trước mắt, từ nay tới năm 1985, phải bảo đảm cho cán bộ và thanh niên ưu tú ở các vùng đạt được trình độ như sau:

a) Ở vùng đồng bằng và trung du miền Bắc: cán bộ các cấp tối thiểu phải học hết chương trình phổ thông cơ sở, trong đó có khoảng 30% cán bộ cơ sở, 70% cán bộ cấp huyện và hầu hết cán bộ cấp tỉnh phải học hết chương trình phổ thông trung học.

b) Ở vùng đồng bằng miền Nam: cán bộ cơ sở tối thiểu phải học hết lớp 5, khoảng 70% học hết chương trình phổ thông cơ sở. Cán bộ cấp huyện, cấp tỉnh tối thiểu phải học hết chương trình phổ thông cơ sở, khoảng 50% học hết chương trình phổ thông trung học.

c) Ở vùng đồng bào dân tộc: cán bộ cơ sở và cán bộ cấp huyện tối thiểu phải học hết lớp 5; khoảng 30% cán bộ cấp huyện học hết chương trình phổ thông cơ sở. Cán bộ cấp tỉnh tối thiểu phải học hết chương trình phổ thông cơ sở, khoảng 30% học hết chương trình phổ thông trung học.

Cán bộ trẻ dưới 30 tuổi và thanh niên ưu tú ở các vùng đồng bằng và trung du phải phấn đấu nhanh chóng học hết chương trình phổ thông trung học; ở các vùng dân tộc, cần phấn đấu sớm học hết chương trình phổ thông cơ sở và một bộ phận học lên phổ thông trung học để có điều kiện học

tập tiếp ở các trường đại học và chuyên nghiệp.

2. Sớm xây dựng quy hoạch bồi túc văn hoá cho cán bộ và thanh niên ưu tú, tổ chức thực hiện tốt quy hoạch đó

Ban Tổ chức Đảng phối hợp chặt chẽ với Ban Khoa giáo (hoặc Tuyên giáo) và ngành Giáo dục các cấp để giúp cấp uỷ đảng nắm lại trình độ văn hoá của đội ngũ cán bộ và thanh niên ưu tú, xác định rõ mục tiêu phấn đấu cụ thể trong 5 năm 1981-1985 đối với từng loại, xây dựng quy hoạch bồi túc văn hoá cho các đối tượng này. Sau khi được cấp uỷ đảng duyệt, phải thông báo đến từng cơ quan và từng cán bộ trong diện cần học để thực hiện. Các cơ quan quản lý cán bộ phải bảo đảm cho cán bộ được học tập theo đúng quy hoạch và kế hoạch.

3. Củng cố, mở rộng hệ thống trường, lớp bồi túc văn hoá cho cán bộ và thanh niên ưu tú

Các địa phương cần củng cố hoặc mở nhiều hình thức trường, lớp thích hợp:

Mỗi tỉnh, mỗi huyện cần có trường bồi túc văn hoá tập trung dành cho cán bộ và thanh niên ưu tú, trường và lớp bồi túc văn hoá nửa tập trung dành cho đối tượng thuộc diện cần học văn hoá nhưng không có điều kiện đi học ở trường tập trung. Có thể có trường riêng cho cán bộ và cho thanh niên hoặc lập hai hệ trong cùng một trường.

Mở các trường, lớp bồi túc văn hoá tại chức theo khu vực hoặc liên cơ quan, xí nghiệp, trong đó có những lớp dành riêng cho cán bộ. Đối với một số cán bộ chủ chốt của tỉnh, huyện quá bận công tác, cần cử giáo viên đặc trách việc kèm cặp và hướng dẫn tự học.

Mở các lớp bồi túc văn hoá trong trường đảng, trường của ngành và của đoàn thể quần chúng để bồi túc văn hoá trước

khi bước vào học tập lý luận, chính trị, chuyên môn.

Ở các vùng dân tộc, mỗi tỉnh, mỗi huyện hoặc liên huyện cần có trường thanh niên dân tộc để bồi túc văn hoá cho cán bộ trẻ và thanh niên dân tộc. Hết sức quan tâm tuyển học sinh thuộc các dân tộc ít người ở vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh và vùng biên giới.

Phát triển các trường, lớp bồi túc văn hoá vừa làm vừa học ở cơ sở cho cán bộ trẻ và thanh niên ưu tú.

Bộ Giáo dục cần sớm ban hành điều lệ của các loại trường bồi túc văn hoá; ưu tiên cung cấp thiết bị và đồ dùng dạy học cho các trường.

4. Tăng cường đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên bồi túc văn hoá

Các trường bồi túc văn hoá tập trung phải có đủ cán bộ quản lý và giáo viên đồng bộ. Các loại trường, lớp bồi túc văn hoá khác phải có cán bộ quản lý và một số giáo viên chuyên trách làm nòng cốt. Ở các xã và các đơn vị sản xuất, cơ quan lớn, phải có cán bộ và giáo viên chuyên trách công tác bồi túc văn hoá. Các cán bộ và giáo viên chuyên trách phải có kinh nghiệm giảng dạy người lớn, biết vận động quần chúng và có phẩm chất, đạo đức tốt.

Ngoài ra, cần xây dựng đội ngũ giáo viên nghiệp dư chọn từ giáo viên phổ thông, cán bộ khoa học - kỹ thuật và thanh niên có văn hoá, có nhiệt tình đối với công tác dạy bồi túc văn hoá.

Bộ Giáo dục cần tổ chức tốt việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên này.

5. Ngành giáo dục phải tiếp tục cải tiến chương trình, nội dung, phương pháp dạy học

Chương trình, nội dung và phương pháp dạy bồi túc văn

hoá cho cán bộ và thanh niên cần phù hợp với lứa tuổi, đặc điểm tâm lý, điều kiện công tác và sản xuất... của người học. Đối với cán bộ trẻ và thanh niên ưu tú, chương trình cần bảo đảm cung cấp cho người học những kiến thức phổ thông, cơ bản, có hệ thống. Đối với cán bộ đứng tuổi, chương trình cần tinh giản, thiết thực, kết hợp kiến thức văn hoá phổ thông với kiến thức về kỹ thuật, quản lý... để có thể vận dụng ngay được vào công tác.

6. Xác định rõ nghĩa vụ học tập và có chế độ, chính sách khuyến khích cán bộ, thanh niên học tập

Cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt và thanh niên phải nhận thức rõ học tập nâng cao trình độ văn hoá là một nghĩa vụ, một trách nhiệm trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mỗi cán bộ, bất kể ở cương vị công tác nào, nếu còn tuổi học được mà chưa đạt trình độ văn hoá quy định, đều phải phấn đấu khắc phục khó khăn, gương mẫu học tập trong các hình thức trường, lớp nêu trên.

Trong việc sử dụng, đề bạt cán bộ, cần coi trọng cả tiêu chuẩn về trình độ văn hoá.

Để khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, thanh niên học tập, Bộ Giáo dục cần sớm có kiến nghị với Hội đồng Bộ trưởng ban hành một số chế độ, chính sách thích hợp.

7. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm của các ngành, các cấp

Các cấp uỷ đảng, uỷ ban nhân dân các cấp cần nhận thức đúng đắn yêu cầu bức thiết của công tác bổ túc văn hoá cho cán bộ và thanh niên ưu tú, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tích cực giải quyết các điều

kiện cần thiết cho công tác này. Bản thân các đồng chí trong các cấp uỷ đảng phải làm gương cho cán bộ, thanh niên và nhân dân đi học bổ túc văn hoá.

Ban tổ chức đảng các cấp có trách nhiệm chủ trì việc giúp cấp uỷ đảng xây dựng quy hoạch, sắp xếp cho cán bộ và thanh niên ưu tú luân phiên đi học đúng quy hoạch, bảo đảm cho các trường bổ túc văn hoá tập trung, nửa tập trung... tuyển sinh đủ số lượng và đúng đối tượng.

Ban khoa giáo (hoặc tuyên giáo) các cấp có trách nhiệm giúp cấp uỷ đảng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các ngành và các cấp dưới thực hiện các chủ trương, biện pháp về công tác bổ túc văn hoá cho cán bộ và thanh niên ưu tú; cùng với ngành giáo dục tổ chức việc tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm tốt của các đơn vị tiên tiến.

Ngành giáo dục cần coi công tác bổ túc văn hoá cho cán bộ và thanh niên ưu tú là một trong những công tác trọng tâm, kiện toàn bộ máy quản lý công tác bổ túc văn hoá từ bộ đến cơ sở để chỉ đạo công tác này đúng với vị trí của nó.

Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp và Bộ Giáo dục có kế hoạch đào tạo cán bộ có trình độ trên đại học cho ngành bổ túc văn hoá.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải đẩy mạnh phong trào học tập văn hoá trong thanh niên, giới thiệu với Đảng những đoàn viên ưu tú để Đảng có kế hoạch bồi dưỡng.

Các ngành cần xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch bồi túc văn hoá cho cán bộ và thanh niên trong ngành gắn với quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý,

cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ của ngành mình. Cần quan tâm củng cố các trường, lớp bồi túc văn hoá do ngành quản lý.

Chỉ thị này cần được phổ biến tới các tổ chức cơ sở của Đảng và mỗi cấp phải có kế hoạch thực hiện.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN Bí THƯ

Số 131-TT/TW, ngày 10 tháng 9 năm 1981

Về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 36 của Ban Bí thư

Theo báo cáo của Ban Tuyên huấn Trung ương, đến nay đã có 32 tỉnh, thành phố và 16 ngành trung ương triển khai việc thực hiện Nghị quyết của Ban Bí thư *về những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng*. Nhiều địa phương triển khai nghị quyết đến cấp huyện, một số nơi làm đến cơ sở.

Những nơi làm tốt đã tổ chức điều tra, phân tích, đánh giá tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên, trên cơ sở đó, cấp uỷ kiểm điểm sự lãnh đạo về công tác tư tưởng của mình và ra nghị quyết về công tác này. Quá trình nghiên cứu và bàn việc thực hiện nghị quyết cũng là quá trình đấu tranh tư tưởng, nâng cao nhận thức về tình hình và nhiệm vụ, về đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước, về trách nhiệm và phẩm chất đảng viên, trách nhiệm của cấp uỷ và cán bộ phụ trách đơn vị đối với công tác tư tưởng.

Bước đầu quán triệt Nghị quyết của Ban Bí thư, nhiều địa phương chú ý chấn chỉnh nền nếp sinh hoạt của tổ chức đảng ở cơ sở: họp đều kỳ, có nội dung cụ thể và có tính chính

trị, tư tưởng hơn trước; đồng thời, tổ chức việc bồi dưỡng nâng cao nhận thức và năng lực công tác cho cán bộ chủ chốt ở các tổ chức cơ sở. Một số địa phương đã gắn liền việc thực hiện nghị quyết với việc triển khai cuộc đấu tranh chống văn hoá phản động và đồi trụy. Một số nơi bước đầu kiện toàn cơ quan giúp cấp uỷ làm công tác tư tưởng, xây dựng nền nếp phối hợp hoạt động của các cơ quan tuyên truyền, giáo dục và các đoàn thể theo sự chỉ đạo thống nhất của cấp uỷ.

Tuy nhiên, Nghị quyết của Ban Bí thư phổ biến đến nay đã 6 tháng, nhưng kết quả thực hiện nhìn chung còn thấp và tiến độ triển khai còn chậm, nhất là ở các cơ quan trung ương. Một số cơ quan làm không nghiêm túc, chỉ phổ biến đại khái và không thảo luận đầy đủ việc thực hiện nghị quyết ở cơ quan và ngành mình. Có nơi không hướng dẫn chu đáo, để xảy ra hiện tượng nhiều vấn đề nêu lên không được thảo luận và kết luận.

Để bảo đảm thực hiện đầy đủ nghị quyết gắn liền với việc thực hiện những nhiệm vụ trước mắt và chuẩn bị Đại hội lần thứ V của Đảng, Ban Bí thư nhắc các cấp thực hiện đúng những điều sau đây:

- Những ngành và địa phương đã tổ chức việc thực hiện Nghị quyết 36 của Ban Bí thư, cần tổng kết, rút kinh nghiệm và có kế hoạch tiếp tục đẩy mạnh việc thi hành nghị quyết. Những nơi chưa làm, phải làm xong và báo cáo lên Ban Bí thư trong tháng 10-1981. Những nơi đã làm nhưng sơ sài, không theo đúng hướng dẫn của Ban Bí thư, phải thực hiện những biện pháp có hiệu quả quán triệt nghị quyết, giải quyết tốt những vấn đề tư tưởng cụ thể của cơ quan và địa phương.

- Thông qua việc phổ biến và giải thích bài diễn văn của

đồng chí Tổng Bí thư tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá VII, làm cho mọi người có nhận thức đúng về tình hình và nhiệm vụ của cách mạng nước ta, nhất trí với đường lối và chương trình kinh tế - xã hội những năm 80 do Đảng đề ra.

Làm cho mọi người thấy rõ hơn nữa bản chất phản động, âm mưu và thủ đoạn... chống phá cách mạng nước ta, nâng cao cảnh giác và ý chí chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, kiên quyết làm thất bại chiến tranh tâm lý của địch.

Làm cho cán bộ, đảng viên thấu suốt và thực hiện đúng những chính sách quan trọng của Nhà nước đã ban hành nhằm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương, Nghị quyết 26 và Chỉ thị số 109 của Bộ Chính trị, trên cơ sở đó, thống nhất ý chí và hành động trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Tiến hành tốt đợt sinh hoạt nâng cao phẩm chất cộng sản cho cán bộ, đảng viên theo Thông tri số 126-TT/TW, ngày 25-7-1981 của Ban Bí thư. Sau đó, xây dựng chế độ mỗi lần tổ chức đảng kiểm điểm công tác đều có phân tích, xem xét tình hình phẩm chất của cán bộ, đảng viên ở cơ sở mình, thường xuyên phê bình và tự phê bình chống những hiện tượng tiêu cực, xử lý kịp thời những người phạm sai lầm nghiêm trọng.

- Ban Tuyên huấn Trung ương xúc tiến ngay việc chuẩn bị các hội nghị chuyên đề nêu trong Nghị quyết số 36 của Ban Bí thư. Trước mắt, Ban Tuyên huấn Trung ương cần phối hợp với các tổ chức đảng ở các ngành và các địa phương tổ chức việc thông báo tình hình và âm mưu mới của địch, nhất là những thủ đoạn phá hoại về chính trị, tư tưởng và

kinh tế, hướng dẫn những biện pháp đổi phó kịp thời.

Giao cho Ban Tuyên huấn Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi việc thực hiện thông tri này ở các địa phương, các cơ quan và các ngành ở trung ương và làm báo cáo lên Ban Bí thư trước ngày 30-10-1981.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN Bí THƯ

Số 96- QĐ/TW, ngày 14 tháng 9 năm 1981

Về việc thống nhất quản lý các xí nghiệp in của Đảng

- Để thống nhất quản lý các xí nghiệp in của Đảng nhằm bảo đảm tốt việc in các báo, tạp chí, sách và tài liệu của Đảng ở Trung ương và thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh;

- Theo đề nghị của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương sau khi đã bàn nhất trí với các ban biên tập các báo, tạp chí của Đảng, Thành ủy Hà Nội và Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh;

BAN Bí THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH

1. Giao trách nhiệm cho Ban Tài chính - Quản trị Trung ương quản lý thống nhất các nhà in báo *Nhân dân* ở Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh; nhà in báo *Hà Nội mới*; nhà in *Tạp chí Cộng sản* và nhà in báo *Sài Gòn giải phóng*.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương xúc tiến việc tổ chức quản lý các nhà in nói trên để tận dụng công suất và mở rộng các mặt hàng về in theo hướng: thành lập một xí nghiệp liên hợp in ở Hà Nội (gồm các nhà in báo *Nhân dân*, báo *Hà*

Nội mới, Tạp chí Cộng sản); một xí nghiệp liên hợp in ở thành phố Hồ Chí Minh (gồm các nhà in báo *Nhân dân*, báo *Sài Gòn giải phóng*) và xí nghiệp in ở Đà Nẵng. Các xí nghiệp liên hợp in ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và xí nghiệp in ở Đà Nẵng hợp thành Công ty kinh doanh về in của Đảng trực thuộc Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, hoạt động theo phương thức hạch toán kinh doanh, trong đó mỗi xí nghiệp liên hợp và xí nghiệp in Đà Nẵng đều là những đơn vị hạch toán kinh tế độc lập.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm cùng với công ty và các xí nghiệp liên hợp, xí nghiệp in nói trên quy định cụ thể về quan hệ chỉ đạo, chế độ làm việc, về tổ chức hợp đồng với các báo, v.v., nhằm bảo đảm sự chỉ đạo tập trung thống nhất để cao trách nhiệm và quyền chủ động sản xuất - kinh doanh của công ty, các xí nghiệp liên hợp và xí nghiệp, phục vụ tốt nhất việc in các báo *Nhân dân*, *Hà Nội mới*, *Sài Gòn giải phóng* và *Tạp chí Cộng sản*.

2. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương là một đơn vị kế hoạch của Nhà nước, nhận chỉ tiêu kế hoạch của Hội đồng Bộ trưởng (hoặc của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước được Hội đồng Bộ trưởng uỷ quyền) và giao chỉ tiêu kế hoạch cho Công ty kinh doanh về in (về mặt thủ tục, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương bàn với Văn phòng Hội đồng Bộ Trưởng, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước để ra văn bản theo đúng quy định của Hội đồng Bộ trưởng).

Để bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ nói trên, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương chỉ đạo Công ty kinh doanh về in tổ chức thống nhất việc tiếp nhận, khai thác và cung cấp vật tư cho các xí nghiệp liên hợp và xí nghiệp in. Trước mắt,

Bộ Văn hoá và Thông tin tiếp tục cấp phát vật tư theo chỉ tiêu kế hoạch năm 1981 đã duyệt cho các xí nghiệp in nói trên của Đảng. Từ năm 1982 trở đi, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương lập kế hoạch vật tư, thiết bị về in trình Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt.

3. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hoá và Thông tin, Thành uỷ thành phố Hà Nội, Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh và các ban biên tập báo *Nhân dân*, báo *Hà Nội mới*, báo *Sài Gòn giải phóng*, *Tạp chí Cộng sản* có trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 133 - TT/TW, ngày 14 tháng 9 năm 1981

**Về việc tiếp tục cuộc vận động "xây dựng
lực lượng công an nhân dân trong sạch,
vững mạnh và đầy mạnh phong trào quần chúng
bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới"**

Ngày 25-6-1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 92-CT/TW về cuộc vận động *xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh và đầy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới*.

Được sự quan tâm của các cấp uỷ đảng, các ngành và các đoàn thể, sau một năm tiến hành cuộc vận động, lực lượng công an nhân dân đã được xây dựng, củng cố thêm một bước; phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được mở rộng ở nhiều nơi, nhất là ở một số vùng xung yếu, trọng điểm. Kết quả bước đầu của cuộc vận động đã phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân mà lực lượng công an nhân dân là nòng cốt, xung kích trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Nhưng

so với yêu cầu, mục tiêu và nội dung của cuộc vận động, thì kết quả đạt được còn hạn chế.

Để phát huy những kết quả, đồng thời khắc phục những khuyết điểm qua cuộc vận động, Ban Bí thư Trung ương Đảng đồng ý cho tiếp tục tiến hành cuộc vận động này theo tinh thần và nội dung của Chỉ thị số 92 - CT/TW, ngày 25-6-1980 cho đến hết năm 1982, và tiến hành thành ba đợt:

- **Đợt 1:** từ nay đến hết tháng 12-1981,
- **Đợt 2:** từ tháng 1 đến tháng 6-1982,
- **Đợt 3:** từ tháng 7 đến hết tháng 12-1982.

Căn cứ vào yêu cầu, mục tiêu và nội dung trong Chỉ thị số 92 - CT/TW, Bộ Nội vụ hướng dẫn nội dung công tác cụ thể cho từng đợt của cuộc vận động.

Các cấp uỷ đảng cần chỉ đạo sát sao các ngành, các cấp thực hiện cuộc vận động đầy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc ; chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện cuộc vận động xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, nhất là việc tập huấn trong lực lượng công an nhân dân ở địa phương mình đạt được kết quả tốt theo kế hoạch của Bộ Nội vụ.

Ban cán sự đảng các ngành, các đảng đoàn các đoàn thể tiến hành việc sơ kết cuộc vận động và tiếp tục chỉ đạo thực hiện cuộc vận động.

Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ, sau khi sơ kết cuộc vận động, cần có kế hoạch cụ thể hướng dẫn tiếp tục cuộc vận động này trong tất cả lực lượng công an nhân dân.

Các tỉnh, thành phố, đặc khu, các ngành và đoàn thể 6 tháng một lần tổ chức việc sơ kết, đánh giá kết quả từng đợt vận động, rút kinh nghiệm, đề ra nội dung, biện pháp tiếp

tục làm trong 6 tháng sau. Mỗi lần sơ kết có báo cáo gửi Ban Bí thư Trung ương Đảng, đồng thời gửi Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ để theo dõi. Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ có kế hoạch tổng kết cuộc vận động này trong quý I-1983.

T/M BAN Bí THƯ
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 134-TT/TW, ngày 15 tháng 9 năm 1981

Về việc bài trừ tệ ăn uống, biếu quà

Trong tình hình đời sống của cán bộ và nhân dân ta có nhiều khó khăn, vừa qua, một số cơ quan, đoàn thể, xí nghiệp, công trường và hợp tác xã đã nhân dịp họp hội nghị, đón tiếp khách, tổ chức ăn uống, biếu quà, gây ảnh hưởng xấu trong cán bộ và nhân dân.

Từ nay, nghiêm cấm việc bày ra ăn uống quá tiêu chuẩn, chế độ. Các cán bộ đi họp hội nghị, xuống dưới công tác đều ăn uống bình thường và thanh toán theo chế độ quy định. Các đoàn công tác và các cán bộ của các cấp, các ngành về làm việc ở các địa phương, các đơn vị cơ sở, có trách nhiệm nhắc nhở, ngăn chặn việc bày ra ăn uống, liên hoan và không được nhận quà biếu. Các cơ quan, đơn vị cấp dưới không được biếu quà đối với các đoàn công tác và cán bộ cấp trên về làm việc ở cơ quan, đơn vị mình.

Yêu cầu Hội đồng Bộ trưởng ban hành sớm các quy định bổ sung và sửa đổi về chế độ chi tiêu cho hội nghị, đón tiếp khách trong nước và nước ngoài, v.v., phù hợp với tình hình

kinh tế của nước ta hiện nay.

Thông tri này được phổ biến rộng rãi đến các chi bộ và các cán bộ, nhân viên ngoài Đảng để thực hiện nghiêm túc; nếu ai vi phạm, thì tuỳ theo tính chất của sự việc mà thi hành kỷ luật nghiêm minh.

T/M BAN BÍ THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 135-TT/TW, ngày 18 tháng 9 năm 1981

**Về việc quán triệt và thi hành Nghị quyết
số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về tình hình
thế giới và nhiệm vụ, chính sách đối ngoại
của Đảng và Nhà nước ta**

Ngày 18-5-1981, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW *Về tình hình thế giới và nhiệm vụ, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta* (đã gửi tới các đồng chí trưởng ban và bí thư ban cán sự). Đây là văn kiện cơ bản của Bộ Chính trị phân tích, đánh giá những đặc điểm và xu thế chủ yếu của tình hình thế giới trong thời kỳ sau Việt Nam và triển vọng tình hình trong những năm 80, đề ra những nhiệm vụ và chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta trên mặt trận đối ngoại trong những năm tới để phục vụ những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

Từ nay đến khi họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, công việc rất khẩn trương và chưa có thời gian để tổ chức hội nghị phổ biến nghị quyết nói trên của Bộ Chính trị. Việc này sẽ được kết hợp khi phổ biến nghị quyết của Đại hội lần thứ V của Đảng.

Trước mắt, để kịp thời triển khai thực hiện Nghị quyết

của Bộ Chính trị, Ban Bí thư yêu cầu Ban Đổi ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Ban Cán sự Đảng ngoài nước, Ban Tuyên huấn Trung ương, Viện Mác - Lê nin tiến hành từ nay đến cuối năm 1981 các công việc dưới đây:

1. Tổ chức nghiên cứu trong ban cán sự, cán bộ cấp vụ trưởng và tương đương vụ trưởng của ngành mình nhằm quán triệt những nhận định cơ bản của nghị quyết về tình hình thế giới, về sự sắp xếp bạn và thù; quán triệt những nhiệm vụ và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong những năm tới.

2. Trên cơ sở đó, từng ngành kiểm điểm công tác, đề ra chương trình tổ chức và hành động để bảo đảm thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Bộ Chính trị.

Ban Bí thư giao trách nhiệm cho Ban Đổi ngoại Trung ương và Bộ Ngoại giao nghiên cứu kế hoạch thực hiện những vấn đề sau đây:

- Vấn đề đoàn kết nhân dân châu Á.
- Vấn đề tranh thủ nhân dân Trung Quốc.
- Vấn đề tranh thủ nhân dân Đông - Nam Á.
- Vấn đề đoàn kết và hợp tác chặt chẽ giữa ba nước Đông Dương.

Các ngành nói trên báo cáo Ban Bí thư về việc thực hiện các công việc trên đây.

T/M BAN Bí THƯ
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN Bí THƯ

Số 97- QĐ/TW, ngày 29 tháng 9 năm 1981

Về việc chuyển Trường Công đoàn Trung ương thành Trường cao cấp của Tổng Công đoàn Việt Nam

Căn cứ vào yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của các đoàn thể quần chúng trong tình hình mới;

Căn cứ vào đề nghị của Đảng đoàn Tổng Công đoàn Việt Nam (Công văn số 05-VP/ĐĐ, ngày 25-4-1981), được sự nhất trí của Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp;

BAN Bí THƯ QUYẾT ĐỊNH

1. Chuyển Trường Công đoàn Trung ương thành Trường cao cấp của Tổng Công đoàn Việt Nam. Trường này có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn có trình độ cao cấp về lý luận và nghiệp vụ công tác công đoàn.
2. Trường cao cấp Tổng Công đoàn Việt Nam chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp của Đảng đoàn và Ban Thư ký

Tổng Công đoàn Việt Nam. Ban Tuyên huấn Trung ương chỉ đạo và hướng dẫn về nội dung, chương trình lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin. Ban Cán sự Đảng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp giúp đỡ về cán bộ và quy định nội dung, chương trình giảng dạy bậc đại học.

3. Trường cao cấp Tổng Công đoàn Việt Nam được áp dụng các chính sách, chế độ hiện hành của Đảng và Nhà nước đối với các trường đại học.

4. Đảng đoàn và Ban Thư ký Tổng Công đoàn, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 116-CT/TW, ngày 29 tháng 9 năm 1981

**Về việc tăng cường sự lãnh đạo của các
cấp ủy đảng đối với tổ chức và hoạt động
của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam**

Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, công tác vận động, tổ chức, giáo dục nông dân có ý nghĩa rất quan trọng nhằm tăng cường liên minh công - nông dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Để bảo đảm cho tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể được thống nhất trong cả nước, Ban Bí thư đã quyết định cho ban hành bản điều lệ của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam. Bản điều lệ đã quy định rõ tính chất, mục đích, nhiệm vụ của hội và tổ chức hội ở các cấp và cơ sở. Những điều khoản trong điều lệ là những vấn đề cơ bản về tổ chức và hoạt động của hội. Các cấp uỷ đảng cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam, nhằm phát huy mạnh mẽ tinh thần làm chủ tập thể của nông dân, ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; làm cho cán bộ, đảng viên và nông dân

CHỈ THỊ

CỦA BAN Bí THƯ

lao động trong cả nước quán triệt chỉ thị này và bản điều lệ của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam; các cấp uỷ đảng cần cử đồng chí cấp uỷ viên và những cán bộ có năng lực làm công tác này.

Ở trung ương, tỉnh, huyện, thành lập hội đồng của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể ở từng cấp; cơ quan thường trực của hội đồng gắn với Ban Nông nghiệp của Đảng, là một bộ phận của Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Nông nghiệp tỉnh, thành phố (cả miền Bắc và miền Nam). Ban Nông nghiệp của Đảng ở trung ương và tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm giúp Ban Bí thư và thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo, chỉ đạo toàn bộ công tác của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể.

Ở cấp huyện, cần cử đồng chí thường vụ cấp uỷ đảng phụ trách nông nghiệp trực tiếp làm chủ tịch Hội đồng Nông dân tập thể ở huyện và một số cán bộ có chất lượng giúp việc làm nhiệm vụ thường trực của Hội đồng Nông dân tập thể huyện.

Ban Nông nghiệp Trung ương có trách nhiệm làm quán triệt cho Ban Nông nghiệp tỉnh, thành phố và các cán bộ phụ trách công tác hội ở cấp tỉnh, thành phố, huyện về bản chỉ thị này và bản điều lệ của hội, đồng thời, có kế hoạch hướng dẫn những công tác trước mắt cho các cấp hội.

Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Trù bị đại hội nông dân tập thể Trung ương cần xây dựng bản đề cương về tổ chức đại hội đại biểu nông dân tập thể toàn quốc, trình Ban Bí thư duyệt để kịp chuẩn bị việc mở đại hội này, sau Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, Đại hội đại biểu nông dân tập thể tỉnh, thành phố, huyện sẽ họp sau Đại

hội đại biểu nông dân tập thể toàn quốc. Ban Nông nghiệp Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ cần tổ chức thực hiện tốt chỉ thị này và báo cáo kết quả việc thi hành chỉ thị này với Ban Bí thư.

T/M BAN Bí THƯ
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 118-CT/TW, ngày 30 tháng 9 năm 1981

**Về việc củng cố tổ chức và tăng cường công tác
của Hội Y học cổ truyền dân tộc Việt Nam
trong giai đoạn mới**

Đảng và Nhà nước ta đã đề ra chủ trương, đường lối kết hợp chặt chẽ y học hiện đại với y học cổ truyền của dân tộc, xây dựng nền y học Việt Nam.

Trong hơn 20 năm qua, chấp hành chủ trương, đường lối đó, Hội Đông y Việt Nam đã có thành tích trong việc tập hợp, giáo dục, động viên các lương y đem tài năng và kinh nghiệm của mình tham gia công tác phòng chữa bệnh, phòng chống dịch, phát triển và sử dụng thuốc dân tộc, góp phần tích cực phục vụ sức khoẻ nhân dân; phối hợp với ngành y tế tổ chức sưu tầm những kinh nghiệm quý của y học, được học cổ truyền. Tuy nhiên do nguyên nhân khách quan và chủ quan nên trong những năm gần đây, hoạt động của hội bị giảm sút, hội chưa làm được tốt chức năng và nhiệm vụ của mình.

Để củng cố tổ chức, tăng cường công tác, phát huy vai trò và

trách nhiệm của hội trong giai đoạn mới, Ban Bí thư quyết định:

1. Đổi tên Hội Đông y Việt Nam thành *Hội Y học cổ truyền dân tộc Việt Nam*, gọi tắt là *Hội Y học dân tộc Việt Nam*.

Hội bao gồm những người thật sự làm việc chân chính về nghề y và được cổ truyền.

Hội Y học dân tộc Việt Nam cần làm tốt các nhiệm vụ:

a) Vận động, tập hợp, giáo dục và đoàn kết những người làm nghề y, được cổ truyền, động viên mọi người ra sức đóng góp tài năng và kinh nghiệm vào công tác phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân.

b) Góp sức với ngành y tế tổ chức tốt việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, lương y ngày càng đông đảo; thừa kế và phát huy y học cổ truyền của dân tộc, nhất là trong việc phát hiện và vận động những lương y giỏi, những người có môn thuốc gia truyền sẵn sàng cống hiến và truyền thụ cho các lương y trẻ và con cháu thừa kế.

c) Góp sức cùng ngành y tế tăng cường đoàn kết giữa những người làm nghề y, được cổ truyền với những người làm nghề y, được hiện đại; nêu cao tinh thần hợp tác và ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, cùng nhau chăm lo sức khỏe của nhân dân.

d) Cùng ngành y tế đề xuất với các cơ quan của Đảng và Nhà nước những chính sách, chế độ cần thiết để tạo thuận lợi cho việc phát triển công tác y, được học cổ truyền.

2. Xúc tiến việc củng cố tổ chức và cải tiến công tác của các cấp hội, bảo đảm cho hội làm tốt những nhiệm vụ của mình. Do tình hình chính trị, kinh tế và xã hội ở miền Nam và miền Bắc còn khác nhau, nên trong thời gian trước mắt, Hội Y học dân tộc Việt Nam được tổ chức như sau:

Ở trung ương, cần tiếp tục kiện toàn Ban Chấp hành Trung ương hội đủ sức chỉ đạo hội trong phạm vi cả nước.

Ở các địa phương thì tổ chức ba cấp: ban chấp hành tỉnh, thành hội; huyện, quận, thị hội; ở cơ sở (xã, phường, v.v.) nơi có từ 10 hội viên trở lên thì thành lập chi hội, nơi có ít hơn thì thành lập tổ.

Riêng ở miền Nam, trước hết thành lập ban chấp hành lâm thời của hội ở cấp tỉnh, thành phố. Ban chấp hành lâm thời của hội ở các tỉnh, thành phố phải phối hợp chặt chẽ với ty hoặc sở y tế để có kế hoạch điều tra nắm chắc lực lượng lương y trong tỉnh, thành phố, thu hút và sử dụng những lương y giỏi và tốt vào mạng lưới y tế chung; trên cơ sở đó, từng bước tổ chức hội ở các huyện, quận và thị xã; ở cấp xã, phường, trước mắt thành lập chi hội ở những nơi lực lượng y học cổ truyền dân tộc tương đối mạnh và bảo đảm được sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước đối với các hoạt động của hội. Ban Chấp hành Trung ương hội cần có kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ, bảo đảm việc thành lập tổ chức của hội được vững chắc, tránh làm ào ạt.

3. Ban chấp hành các cấp của hội cần bao gồm những lương y tiêu biểu, được giới lương y tín nhiệm và còn sức khoẻ để hoạt động, một số cán bộ y tế am hiểu về y học cổ truyền và cán bộ chính trị (nếu cần).

Về biên chế, ban chấp hành hội ở cấp tỉnh, thành phố, cần có một số người chuyên trách. Từng địa phương căn cứ vào tình hình và yêu cầu công tác của hội trong tỉnh, thành phố để quy định cán bộ chuyên trách cho sát. Nói chung ở cấp huyện, quận, thị xã, ban chấp hành hội không cần có cán bộ chuyên trách; uỷ ban nhân dân và ngành y tế ở huyện, quận, thị xã cần tạo điều kiện thuận lợi cho hội hoạt động tốt.

4. Ngành y tế và Hội Y học dân tộc Việt Nam ở các cấp cần hợp tác chặt chẽ, đoàn kết tương trợ để thực hiện tốt việc thừa kế, phát huy và phát triển y học cổ truyền dân tộc kết hợp chặt chẽ với y học hiện đại, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 266-CP, ngày 19-10-1978 của Hội đồng Chính phủ, kiên quyết khắc phục những biểu hiện sai trái với đường lối, quan điểm của Đảng trong ngành y tế và trong Hội Y học dân tộc Việt Nam.

5. Ban Chấp hành Trung ương Hội Y học dân tộc Việt Nam cần có kế hoạch tốt chuẩn bị và triệu tập đại hội các cấp hội để đề ra phương hướng hoạt động của hội phù hợp với tình hình, nhiệm vụ và yêu cầu mới, quyết định đổi tên hội và bầu ban chấp hành mới của hội đủ sức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của hội ở các cấp. Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế có trách nhiệm giúp đỡ Ban Chấp hành Trung ương hội chỉ đạo chuẩn bị và tiến hành đại hội của hội ở các cấp.

6. Ban Tổ chức Trung ương cùng Ban Khoa giáo Trung ương nghiên cứu việc tổ chức đảng đoàn trong các cấp của hội để trình Ban Bí thư xét và quyết định. Trong khi chưa có quyết định mới của Ban Bí thư, Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế có nhiệm vụ lãnh đạo Hội Y học dân tộc Việt Nam như quy định trước đây.

Các cấp uỷ đảng, các ngành có liên quan cần nghiên cứu và có kế hoạch tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ thị này.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 45-TB/TW, ngày 5 tháng 10 năm 1981

**Về kế hoạch đưa cán bộ của Đảng ta sang Liên Xô
học tập, bồi dưỡng theo hệ thống trường Đảng
1982-1985**

Theo báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương về kết quả thực hiện kế hoạch 1980-1981 đưa cán bộ của Đảng ta sang Liên Xô học tập bồi dưỡng theo hệ thống trường Đảng và dự kiến kế hoạch 1982-1985, Thường trực Ban Bí thư có ý kiến sau đây:

1. Tiếp tục đưa cán bộ của Đảng ta sang Liên Xô học tập, bồi dưỡng theo các hình thức và với số lượng hằng năm như kiến nghị số lượng cụ thể các loại. Việc cử cán bộ đi học ở các nước xã hội chủ nghĩa khác thì ngoài các lớp đã thoả thuận với bạn, Ban Bí thư giao cho Ban Đối ngoại Trung ương tìm hiểu kỹ khả năng của bạn và làm việc thêm với các ban của Đảng có trách nhiệm về vấn đề này rồi báo cáo và có đề nghị Ban Bí thư sẽ quyết định sau.

2. Ban Tổ chức Trung ương căn cứ chỉ tiêu ký kết lập quy hoạch, kế hoạch cụ thể để thực hiện cùng các ngành có liên quan xét chọn cử người đi học đúng tiêu chuẩn quy định, nhất là chọn số cán bộ tương đối trẻ của các cơ quan tham mưu của Đảng sang học. Việc đưa số cán bộ giảng dạy và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, phải lựa chọn những anh em tốt. Những cán bộ đi học theo hệ thống trường các đoàn thể thì Ban Dân vận Trung ương có trách nhiệm xem xét lại và đề nghị Ban Bí thư xét duyệt. Các ban khác của Đảng như Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương căn cứ chức năng lâu nay đã được giao cùng Ban Tổ chức Trung ương thực hiện kế hoạch đưa cán bộ đi học tập bồi dưỡng ở Liên Xô đạt kết quả tốt.

3. Để bảo đảm chất lượng học tập, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc Trung ương có nhiệm vụ tuyển chọn, chỉ đạo và bồi dưỡng một tổ phiên dịch Nga văn khá để phục vụ các đoàn học sinh được cử đi học tập ở Liên Xô; giúp biên dịch khai thác các tài liệu của các đoàn mang về và của bạn gửi tặng để giúp cho công tác đào tạo cán bộ của Đảng. Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc cũng có trách nhiệm cung cấp các tài liệu tiếng Việt cho Viện Hàn lâm và Trường Đảng cao cấp theo yêu cầu của bạn để giúp cho cán bộ ta sang học tập nghiên cứu được thuận lợi, đồng thời chuẩn bị giảng viên sang báo cáo những đề tài cho học viên của ta đang học ở Liên Xô theo yêu cầu của Viện Hàn lâm hoặc Trường Đảng cao cấp Mátxcơva.

4. Ban Tổ chức Trung ương cần trao đổi với sứ quán ta tại Liên Xô để bố trí người quản lý những cán bộ được cử

sang học (kể cả cán bộ đi học quản lý kinh tế), đồng thời cùng Trưởng Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Ban Tuyên huấn Trung ương khai thác những kết quả của cán bộ ta đã học tập được để phục vụ cho yêu cầu chung của Đảng.

5. Ban Bí thư giao cho Ban Đổi ngoại Trung ương liên hệ trao đổi với bạn kiểm điểm thực hiện kế hoạch 2 năm 1980-1981 và dự kiến ký kết với bạn từ nay đến 1985, nếu bạn thấy cần thì Ban Bí thư cũng đồng ý cử một số cán bộ sang trực tiếp làm việc với bạn hoặc mời bạn sang làm việc với các cơ quan có trách nhiệm của ta.

Vậy thông báo để các đồng chí biết thực hiện.

T/L BAN Bí THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
NGUYỄN HỮU THỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 137-TT/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1981

**Về kế hoạch mở đại hội đại biểu đảng bộ
các cấp để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu
toute quốc lần thứ V của Đảng**

Chỉ thị số 113-CT/TW, ngày 14-7-1981 của Ban Bí thư đã nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung của việc mở đại hội đại biểu đảng bộ các cấp và việc cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng.

Để bảo đảm những yêu cầu, nội dung của chỉ thị này, Ban Bí thư hướng dẫn kế hoạch mở đại hội đại biểu các cấp đợt một nhằm chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và quy định thêm một số điểm về cấu tạo của các đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng như sau:

1. Thời gian tiến hành đại hội đại biểu đảng bộ các cấp:

Đại hội các cấp từ cơ sở đảng đến cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tương đương sẽ bắt đầu từ ngày 1-12-1981 đến hết ngày 9-1-1982. Thời gian tiến hành đại hội được quy định như sau:

Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu của các tổ chức cơ

sở đảng sẽ họp từ 3 đến 4 ngày, trong khoảng thời gian từ ngày 1 đến ngày 10-12-1981. Nếu các tổ chức cơ sở đảng ở các cơ quan và một số xí nghiệp có nhiều ý kiến đóng góp vào đề án, thì có thể họp thêm từ 1 đến 2 ngày.

Đại hội đại biểu cấp quận, huyện và tương đương họp từ 5 đến 6 ngày, trong khoảng thời gian từ ngày 11-12 đến ngày 26 -12-1981.

Đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh, thành phố và tương đương họp từ 8 đến 10 ngày trong khoảng thời gian từ ngày 27 -12-1981 đến ngày 9 -1-1982.

2. Nội dung của đại hội đảng bộ các cấp trong đợt 1:

Đại hội của tổ chức cơ sở đảng và đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện, quận và tương đương sẽ thảo luận đề cương tóm tắt *Báo cáo chính trị*, tóm tắt *Báo cáo xây dựng Đảng* và những vấn đề bổ sung *Điều lệ Đảng*; bầu đại biểu đi dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên.

Đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh, thành phố và tương đương sẽ thảo luận dự thảo *Báo cáo chính trị*, *Báo cáo xây dựng Đảng* và những vấn đề bổ sung *Điều lệ Đảng*; bầu đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng.

3. Tổ chức chỉ đạo của Trung ương và của các cấp ủy đảng đối với đại hội các cấp:

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ 10, Ban Bí thư sẽ phổ biến đến các đồng chí bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương những vấn đề cần thiết về nội dung, về kế hoạch tiến hành đại hội các cấp.

Ban Bí thư uỷ nhiệm cho Ban Tổ chức Trung ương triệu tập hội nghị các trưởng ban tổ chức của tỉnh, thành phố và đại diện các đảng uỷ trực thuộc Trung ương để bàn kế hoạch

mở đại hội các cấp và bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên cho đến đại hội toàn quốc.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương căn cứ vào sự hướng dẫn của Trung ương làm kế hoạch mở đại hội các cấp thuộc đảng bộ mình, bồi dưỡng cho bí thư, các uỷ viên thường vụ phụ trách tổ chức, tuyên huấn, kiểm tra của quận, huyện và một số cán bộ có năng lực để giúp quận uỷ, huyện uỷ bồi dưỡng cho các bí thư đảng uỷ, bí thư chi bộ ở cơ sở và một số cán bộ cần thiết về nội dung của các vấn đề sẽ thảo luận ở đại hội đảng bộ cơ sở. Ở các tỉnh, thành phố có ít đơn vị cơ sở, thì cấp tỉnh, thành phố có thể trực tiếp bồi dưỡng cho bí thư cơ sở.

Để giúp cấp uỷ đảng theo dõi, hướng dẫn đại hội cấp dưới, tỉnh uỷ, huyện uỷ cần tập trung các cấp uỷ viên và một số cán bộ có năng lực, bồi dưỡng về các vấn đề của Trung ương đưa xuống thảo luận ở đại hội cấp dưới và phân công các đồng chí đó về giúp đỡ cấp dưới tiến hành đại hội. Ban Bí thư sẽ cử một số chuyên viên (gồm cán bộ các ban của Đảng và Văn phòng Trung ương) về các tỉnh, thành phố để theo dõi việc tiến hành đại hội từ cơ sở đến cấp tỉnh, thành phố.

Các đảng bộ trực thuộc Trung ương (không kể các đảng bộ tỉnh, thành phố) căn cứ vào điều kiện cụ thể của đảng bộ mình ấn định thời gian tiến hành đại hội cho cấp dưới, nhưng vẫn phải bảo đảm hết ngày 9 -1-1982 tổ chức xong đại hội ở cấp mình.

Đối với một số đảng bộ có đặc điểm riêng, Ban Bí thư chủ trương như sau:

Đảng bộ Quân đội nhân dân Việt Nam sẽ do Quân uỷ Trung ương căn cứ vào Chỉ thị số 113-CT/TW, hướng dẫn các

cấp bộ đảng trong quân đội tiến hành việc mở đại hội.

Ban Cán sự Đảng Bộ Giao thông vận tải giúp Trung ương hướng dẫn Đảng bộ Tổng cục Đường sắt, Đảng bộ Ban Xây dựng 64, Đảng bộ Tổng công ty Đại lý vận tải quá cảnh Việt Nam tiến hành đại hội đại biểu ở từng đơn vị để thảo luận đề án đại hội và bầu cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc.

Ban Cán sự Đảng Tổng cục Địa chất được Ban Bí thư giao phụ trách hướng dẫn việc mở đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên ở cơ sở (5 cơ sở) để thảo luận đề án đại hội và cử đại biểu đi dự đại hội cấp trên. Các đoàn đại biểu do đại hội cơ sở cử ra được Ban Cán sự triệu tập họp để thảo luận đề án đại hội và cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc.

4. Chế độ báo cáo:

Để bảo đảm sự chỉ đạo của Trung ương đối với đại hội đảng bộ các cấp và kịp thời nghiên cứu ý kiến của các đại biểu, Ban Bí thư quy định các tỉnh uỷ, thành uỷ phải báo cáo về Trung ương bằng điện tử và bằng văn bản như sau:

- Báo cáo bằng điện tử: tiến độ của đại hội ở cơ sở, cấp huyện, quận; số đại biểu dự đại hội, cán bộ trên cử đến; những ý kiến chính thảo luận trong đại hội ở từng cấp và những vấn đề cần xin ý kiến Trung ương. Đối với đại hội của cấp tỉnh, thành phố, cần có điện báo cáo tóm tắt ý kiến thảo luận hằng ngày về Ban Bí thư.

- Báo cáo bằng văn bản: khi kết thúc đại hội ở từng cấp cơ sở, huyện, tỉnh uỷ, thành uỷ và cấp uỷ tương đương phải tổng hợp ngay tình hình, đánh giá kết quả của đại hội, báo cáo những kiến nghị với Trung ương. Tổng hợp những ý kiến của đại hội đảng bộ các cấp nêu lên, nhất là những vấn đề mà đại hội đảng bộ các cấp đề xuất, kiến nghị với Đại hội

Đảng toàn quốc.

Ngoài ra, các tỉnh uỷ, thành uỷ và các đảng uỷ trực thuộc Trung ương phải báo cáo đầy đủ các tài liệu, hồ sơ, thống kê về đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố và kết quả bầu đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc theo sự hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

5. Về cấu tạo của các đoàn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc:

Ngoài các điểm đã nói trong Chỉ thị số 113-CT/TW, Ban Bí thư quy định thêm một số điểm về cấu tạo của các đoàn đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc như sau:

- a) Các đoàn đại biểu tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần có ít nhất 1/3 số đại biểu là đảng viên ưu tú hoạt động ở quận, huyện, cơ quan của các liên hiệp sản xuất, liên hiệp các xí nghiệp, công ty tương tự và cơ sở; chú trọng lựa chọn những đảng viên ưu tú hoạt động ở các đơn vị sản xuất, kinh doanh và sự nghiệp có tầm quan trọng đối với địa phương và toàn quốc.

Các đoàn đại biểu tỉnh, thành phố và quân đội nhân dân phải có ít nhất 10% đại biểu là công nhân đang trực tiếp sản xuất (thành phần xã hội là công nhân hiện nay ở trong Đảng chiếm 10%). Ở những nơi có tỷ lệ đảng viên là công nhân cao (hơn 10%), thì tỷ lệ đại biểu là công nhân phải tương ứng với tỷ lệ đảng viên là công nhân trong đảng bộ. Ở những đảng bộ tập trung công nhân được Trung ương xét cho thêm một số đại biểu, thì ngoài số đại biểu là công nhân tính theo tỷ lệ nói trên, số đại biểu cho thêm ấy nhất thiết phải lựa chọn thêm trong những đảng viên là công nhân ưu tú đang hoạt động ở các đơn vị cơ sở.

Các đoàn đại biểu cần có tỷ lệ thích đáng đại biểu là nữ.

Ở các đoàn đại biểu tỉnh, thành phố, ít nhất phải có 17% đại biểu là nữ (hiện nay, tỷ lệ đảng viên nữ trong toàn Đảng là trên 17%).

Ở các tỉnh có đồng bào dân tộc thiểu số, thì trong cơ cấu của đoàn đại biểu cần chú trọng có tỷ lệ thích đáng đại biểu là người dân tộc thiểu số. Ở những tỉnh đông người dân tộc thiểu số được Trung ương cho thêm một số đại biểu, thì ngoài tỷ lệ thích đáng nói trên, đại biểu được cho thêm nhất thiết phải lựa chọn trong số đảng viên người dân tộc thiểu số.

(Kèm theo số đại biểu được phân phối cho các đảng bộ, không kể số đại biểu do Trung ương giới thiệu về ứng cử ở địa phương).

Các cấp uỷ đảng cần nghiên cứu kỹ Chỉ thị 113-CT/TW và thông tri này để chấp hành nghiêm chỉnh và báo cáo nội dung chính của Chỉ thị 113-CT/TW và thông tri này trước đại hội đảng bộ.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức, biên chế
của Ban Văn hóa - Văn nghệ Trung ương**

Thi hành Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 20-11-1980 của Bộ Chính trị về công tác tổ chức, trong đó đã quyết định thành lập Ban Văn hoá - Văn nghệ (phần 3, điểm 1), nay Ban Bí thư quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức, biên chế của Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương như sau:

1. Ban Văn hoá - Văn nghệ là cơ quan chuyên môn của Trung ương Đảng, có nhiệm vụ:
 - a) Chuẩn bị và phối hợp với các ban cán sự đảng, các đảng đoàn các hội văn học, nghệ thuật, v.v., nghiên cứu các đề án về công tác văn hoá, văn nghệ để trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.
 - b) Giúp Trung ương Đảng làm quán triệt đường lối, chính sách, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác văn hóa, văn nghệ và theo dõi, kiểm tra việc thực hiện trong các cấp uỷ đảng, các ngành và các tổ chức văn hoá, văn nghệ, nhằm kịp thời phát huy các nhân tố tích cực, phát hiện những biểu hiện sai trái, lệch lạc và kiến nghị các chủ trương, biện pháp

để uốn nắn, sửa chữa kịp thời.

c) Giúp Trung ương Đảng quản lý cán bộ văn hoá, văn nghệ theo quy định về phân công, phân cấp quản lý cán bộ; giúp đỡ Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hoá và thông tin, các đảng đoàn các hội văn học, nghệ thuật làm tốt công tác cán bộ theo các nghị quyết, chỉ thị và sự hướng dẫn của Trung ương.

d) Thi hành Quyết định số 14-QĐ/TW, ngày 22-2-1978 của Ban Bí thư về trách nhiệm của các ban đối với các đảng bộ cơ quan, cụ thể là đối với Đảng bộ cơ quan Bộ Văn hoá và thông tin, đảng bộ cơ quan các hội văn học, nghệ thuật.

2. Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu về tổ chức bộ máy và biên chế của ban để trình Ban Bí thư xét duyệt (biên chế không quá 25 người, chưa kể nhân viên hành chính và phục vụ).

3. Ở thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh thành lập Ban Văn hoá - Văn nghệ của thành uỷ. Ở các tỉnh, thành phố khác, Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo và ở các huyện, quận, thị xã, công tác văn hoá, văn nghệ vẫn do ban tuyên huấn của cấp uỷ đảng phụ trách.

4. Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hoá, các đảng đoàn các hội văn học, nghệ thuật, các tỉnh uỷ, thành uỷ, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Trung ương có trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 120-CT/TW, ngày 21 tháng 10 năm 1981

**Về chủ trương, biện pháp giải quyết khó khăn
về lương thực hiện nay và trong những năm tới**

I

Năm nay, nhờ sản xuất được mùa, lương thực huy động tăng nhiều so với những năm trước, các tỉnh Nam Bộ đã bảo đảm được các nhu cầu ở địa phương, riêng các tỉnh đồng bằng Cửu Long còn giao nộp trung ương một số lương thực khá lớn; các tỉnh Khu V đã tự lực giải quyết được lương thực ở địa phương. Ở miền Bắc, do vụ mùa 1980 mất nặng, trong 6 tháng đầu năm 1981, tình hình lương thực của Nhà nước và nhân dân nhiều vùng nông thôn hết sức khó khăn. Sau thu hoạch vụ chiêm xuân thắng lợi lớn, tình hình lương thực ở các vùng nông thôn nhìn chung đã ổn định trở lại. Nhưng về phần Nhà nước, mặc dù đã huy động vụ này đạt mức cao nhất từ trước tới nay, cộng thêm số lương thực điều từ Nam Bộ ra và số lương thực nhập khẩu theo kế hoạch năm 1981, cân đối lương thực vẫn thiếu hụt nhiều, không đủ để bảo đảm cung cấp bình thường cho các nhu cầu, kể cả ở những

địa bàn trọng điểm.

Để khắc phục khó khăn trên đây, bảo đảm đời sống của các lực lượng vũ trang, công nhân, viên chức và nhân dân lao động khác trong những tháng giáp hạt vụ mùa tới, Hội đồng Bộ trưởng cần chỉ đạo các ngành trung ương có liên quan và các uỷ ban nhân dân các cấp nắm chắc nhu cầu lương thực, có biện pháp tích cực giải quyết khẩn trương, đồng bộ và kịp thời các vấn đề cụ thể về sản xuất, huy động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối, quản lý giá cả, thị trường, chống đầu cơ buôn lậu, ăn cắp lương thực của Nhà nước. Phải soát lại các nhu cầu cho chặt chẽ, giảm bớt mức bán ra cho phù hợp với khả năng thực tế, dành ưu tiên phân phối cho Thủ đô, các lực lượng vũ trang, các khu công nghiệp tập trung, các công trường xây dựng cơ bản trọng điểm và một số tỉnh biên giới đang có khó khăn.

II

A. Lương thực là một vấn đề chiến lược lâu dài, có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng, bảo đảm đời sống của nhân dân, do đó có ý nghĩa rất lớn cả về kinh tế, chính trị và xã hội. Đây cũng là vấn đề mà hiện nay cũng như trong nhiều năm tới, ta còn gặp khó khăn, nhất là ở miền Bắc. *Sang năm 1982, để chủ động trước mọi tình huống, phải có một sự chuyển biến sâu sắc, căn bản trong các ngành, các cấp, trong cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm phấn đấu tự lực giải quyết vấn đề lương thực của cả nước bằng lực lượng trong nước, trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, tăng cường huy động*

nắm chắc tuyệt đối bộ phận lương thực hàng hoá trong tay Nhà nước, điều hoà lực lượng kịp thời nơi thừa và nơi thiếu, quản lý chặt chẽ việc phân phối, tiêu dùng trên tinh thần triệt để tiết kiệm, trong phạm vi khả năng thực tế về sản xuất và huy động trong nước, nhất thiết không y lại vào bên ngoài.

1- *Phải đặt vấn đề lương thực gắn liền với thực phẩm để chăm lo tốt hơn bữa ăn của toàn dân.* Trong sản xuất cũng như trong tiêu dùng, về lương thực, phải chú ý cả lúa và các loại màu có chất bột; về thực phẩm, phải quan tâm trước hết các loại rau, quả, các loại đậu (nhất là đậu tương, lạc), rồi đến cá, thịt, trứng... và hết sức coi trọng khâu chế biến thực phẩm.

Phải căn cứ điều kiện kinh tế cụ thể của từng vùng, từng địa phương mà gắn kết với đất đai trên địa bàn huyện, xác định phương hướng, kế hoạch sản xuất các loại lương thực, thực phẩm và cơ cấu bữa ăn của dân cư cho thích hợp trên tinh thần: sản xuất gì ăn nấy; nơi có nhiều màu, phải tổ chức tốt việc thu mua, chế biến để tiêu dùng tại chỗ là chính, nơi còn thừa thì điều đi nơi khác; khắp các vùng phải đẩy mạnh sản xuất các loại thực phẩm có điều kiện, nhất là rau, đậu, quả để bổ sung cho lương thực.

Về lực lượng sản xuất, ngoài nông dân, phải giáo dục, động viên và đặt rõ trách nhiệm cho các tầng lớp dân cư khác kể cả quân đội, các nông trường, lâm trường, các cơ quan, xí nghiệp, công trường, trường học đóng ở nông thôn và các huyện, thị có điều kiện phải tham gia sản xuất lương thực, thực phẩm để tự giải quyết một phần nhu cầu của mình.

2- Theo phương hướng cơ bản trên đây, từ khâu xây dựng

kế hoạch đến khâu chỉ đạo thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1982 và những năm tới, các ngành, các địa phương phải tính toán kỹ các mặt sản xuất, phân phối và tiêu dùng, *thực hiện cho được cân đối lương thực và thực phẩm trên địa bàn từng huyện và trong từng tỉnh, vừa bảo đảm nhu cầu của toàn bộ dân cư ở địa phương, vừa bảo đảm kế hoạch giao nộp cho trung ương, góp phần tích cực giải quyết cân đối lương thực chung của cả nước.*

3- Mục tiêu phấn đấu cụ thể đề ra cho từng loại tỉnh như sau:

- Những tỉnh trước đây hằng năm vẫn thiếu lương thực, phải dựa một phần vào nguồn trung ương tiếp trợ, nay phải sản xuất đủ dùng cho toàn bộ dân cư ở địa phương (trừ lực lượng vũ trang chủ lực).

- Những tỉnh trước đây chỉ sản xuất và huy động đủ chi dùng ở địa phương, nay phải vươn lên bảo đảm nhu cầu của toàn bộ dân cư ở địa phương, đóng góp một phần cho trung ương và có dự trữ.

- Những tỉnh trọng điểm lúa của cả nước (như các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và một số tỉnh ở đồng bằng sông Hồng) ngoài phần bảo đảm nhu cầu của toàn bộ dân cư và một số dự trữ cần thiết ở địa phương, phải giao nộp cho trung ương ngày một nhiều hơn theo chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, để đáp ứng nhu cầu của các lực lượng vũ trang chủ lực, Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, các khu công nghiệp tập trung, các công trường xây dựng trọng điểm, những vùng biên giới phải luôn luôn chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu cao, đồng thời tăng dần quy mô dự trữ lương thực của Nhà nước.

- Những thành phố, khu công nghiệp, các lực lượng vũ

trang chủ lực được trung ương cung cấp cũng phải có kế hoạch và biện pháp tích cực sản xuất lương thực, thực phẩm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, của từng loại đơn vị, để tự giải quyết tại chỗ một phần nhu cầu của mình, giảm bớt phần trung ương phải điều từ nơi xa tới.

B. Với tiềm năng to lớn của cả nước về lao động và đất đai, với ưu thế của nền nông nghiệp nhiệt đới, với cơ sở vật chất và kỹ thuật trong nông nghiệp hiện có và được bổ sung thêm (chủ yếu bằng đẩy mạnh xuất để nhập), nếu biết phát huy những thành tích và kinh nghiệm đã đạt được trên mặt trận lương thực trong mấy năm qua, *chúng ta hoàn toàn có khả năng phấn đấu vươn lên tự lực giải quyết vấn đề lương thực của cả nước bằng những biện pháp chính sau đây:*

1- Các cấp và cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cần *điều hành một cách kiên quyết hơn việc thực hiện kế hoạch phân bố lại lao động trong phạm vi từng huyện, từng tỉnh, từng khu vực và trong cả nước; tăng cường đầu tư thêm lao động, vốn, vật tư và cơ sở vật chất kỹ thuật* một cách có trọng điểm và có hiệu quả nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện theo quy hoạch và kế hoạch nhà nước, sát hợp với điều kiện thực tế của từng vùng, từng địa phương; đặc biệt chú trọng tăng vụ, mở rộng thêm diện tích, xây dựng những vùng thâm canh lớn của cả nước và của từng tỉnh để tăng nhanh năng suất và sản lượng lương thực, thực phẩm.

Mặt khác, *tích cực cải tiến tổ chức và quản lý sản xuất nông nghiệp ở cơ sở và trên địa bàn huyện; đẩy mạnh phong trào hợp tác hóa nông nghiệp* ở Nam Bộ dưới những hình thức tổ chức thích hợp đi đôi với *điều chỉnh ruộng đất* ở những nơi cần thiết; củng cố các hợp tác xã nông nghiệp ở

miền Bắc và Khu V, thực hiện rộng rãi chế độ *khoán sản phẩm đến người lao động*.

2- Thực hiện tốt các chính sách thu thuế, thu nợ và thu mua, bảo đảm Nhà nước nắm chắc tuyệt đối bộ phận lương thực, thực phẩm hàng hoá để phân phối có kế hoạch cho các nhu cầu hợp lý của xã hội.

Đi đôi với huy động lúa, phải tập trung sức giải quyết tốt hơn các khâu đào dỡ, chế biến, thu mua, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ màu ở những nơi trọng điểm sản xuất để khuyếch phát triển sản xuất màu, tăng tỷ trọng màu trong lương thực.

- Về thuế nông nghiệp, Bộ Tài chính cần hoàn thành sớm việc xây dựng điều lệ thuế nông nghiệp mới trình Bộ Chính trị và Hội đồng Nhà nước xét và quyết định.

- Để thu mua được nhiều lương thực, thực phẩm, *đi đôi với biện pháp giáo dục chính trị tư tưởng, cần đặc biệt coi trọng tăng cường lực lượng vật tư hàng hoá trong tay Nhà nước để trao đổi với người sản xuất*, nhất là về tư liệu sản xuất nông nghiệp, vật liệu xây dựng và hàng công nghiệp tiêu dùng thiết yếu, dựa vào các nguồn do công nghiệp trung ương, công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp trong nước sản xuất và nguồn nhập khẩu. Cần *quản lý chặt chẽ việc phân phối sử dụng quỹ vật tư hàng hoá đó*, dựa vào hợp đồng hai chiều đã ký kết từ đầu vụ mà tổ chức cung ứng vật tư kịp thời vụ, đủ số lượng với phẩm chất tốt và theo đúng giá chỉ đạo của Nhà nước cho các hợp tác xã nông nghiệp, tập đoàn sản xuất và nông dân nhằm phục vụ tốt cho sản xuất và bảo đảm Nhà nước nắm chắc được nguồn hàng.

- Về giá cả, trên cơ sở giá mua và bán hiện đang áp dụng,

tiếp tục nghiên cứu để hoàn chỉnh hệ thống giá bán tư liệu sản xuất và giá mua lương thực ở Nam Bộ. Bắt đầu từ vụ mùa 1981, thực hiện điều chỉnh giá bán tư liệu sản xuất và giá mua lương thực, thực phẩm ở miền Bắc, các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên theo quyết định của Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành.

- *Thực hiện các biện pháp quản lý thị trường tận gốc.* Kiên quyết không cho thương nhân về nông thôn mua lương thực, làm hỗn loạn giá cả, thị trường; tổ chức, sắp xếp và sử dụng những tiểu thương tốt phục vụ việc mua, bán, xay xát, vận chuyển cho ngành lương thực; có kế hoạch chuyển dần những người buôn bán lương thực sang làm việc khác; chống mọi hoạt động đầu cơ, buôn lậu lương thực.

- *Tăng cường cơ sở vật chất* (bao bì, kho tàng, cân đong, cơ sở xay xát, phương tiện và lực lượng bốc xếp, vận chuyển), chấn chỉnh tổ chức và cải tiến công tác quản lý kinh doanh của ngành lương thực, hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ hư hao, mất mát và mọi hiện tượng lăng phí khác trong các khâu lưu thông, trùng trị nghiêm khắc những bọn lợi dụng, tham ô, ăn cắp và phá hoại lương thực của Nhà nước.

3- *Quản lý chặt chẽ việc phân phối, tiêu dùng lương thực trong toàn xã hội và trong khu vực Nhà nước phụ trách.*

- Thông qua phân bố lại lao động, bố trí lại các kế hoạch sản xuất và xây dựng trong phạm vi từng huyện, từng tỉnh và cả nước, giảm bớt số dân phi nông nghiệp ở các thành phố, thị xã; đưa bớt người từ nơi thiếu lương thực tới những nơi thừa lương thực, còn nhiều khả năng về đất đai và tài nguyên.

- Kiên quyết chấn chỉnh tổ chức, giảm nhẹ biên chế của

Nhà nước, đưa bớt cán bộ tốt của tỉnh, huyện về tăng cường cho cơ sở; lấy người của cơ sở đi đào tạo rồi trở về phục vụ ở cơ sở.

- Sử dụng hợp lý số lao động dôi thữa trong các cơ quan, xí nghiệp, công trường hiện đang không có hoặc thiếu việc làm để đưa đi sản xuất lương thực, thực phẩm.

- Thực hiện chính sách triệt để tiết kiệm tiêu dùng lương thực trong toàn xã hội cũng như trong khu vực Nhà nước: hạn chế kinh doanh ăn uống của tư nhân; cấm nấu rượu lậu; vận động nhân dân không ăn uống lãng phí trong các dịp hè, lễ tết; quản lý chặt chẽ các khoản chi tiêu của cơ quan, xí nghiệp nhà nước và hợp tác xã về tiếp khách, liên hoan, hội nghị, cấm không được ăn uống ngoài chế độ gây tổn phí về lương thực, tiền bạc của Nhà nước và tập thể.

- Chính quyền địa phương và ngành lương thực cần có chế độ kiểm tra thường xuyên để nắm chắc nhu cầu của từng đơn vị cơ sở, ở từng địa phương, bảo đảm cung cấp đúng số người, đúng chế độ và tiêu chuẩn của Nhà nước, thi hành kỷ luật nghiêm minh đối với thủ trưởng các đơn vị cố tình khai man để lén thưa lương thực của Nhà nước.

- Đối với một số đối tượng ở những nơi có điều kiện tự giải quyết lương thực, Nhà nước có thể không cung cấp hiện vật mà trả bằng tiền.

- Soát kỹ lại để điều chỉnh một số tiêu chuẩn cung cấp hiện nay quá cao, không hợp lý.

- Cải tiến tổ chức và công tác phân phối của ngành lương thực để vừa phục vụ tốt hơn người tiêu dùng, vừa quản lý được lương thực của Nhà nước.

- Đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, giảm bớt

tỷ lệ tăng dân số hằng năm.

*
* * *

Bộ Chính trị yêu cầu tất cả các ngành, các cấp, tất cả cán bộ, đảng viên nghiên cứu kỹ chỉ thị này, nhận thức đúng tính chất quan trọng và cấp thiết của vấn đề lương thực hiện nay, có kế hoạch và biện pháp thật cụ thể, thiêt thực nhằm giáo dục, động viên và tổ chức quần chúng thực hiện có kết quả những chủ trương chính sách lớn Bộ Chính trị đã đề ra nhằm giải quyết tốt vấn đề lương thực trước mắt và trong những năm tới.

T/M BỘ CHÍNH TRI
TỔNG Bí THƯ
LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ LÊ DUẨN
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 10 BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG***

Ngày 12 tháng 10 năm 1981

Thưa các đồng chí Trung ương,

Hơn 5 năm qua, dưới ánh sáng đường lối Đại hội lần thứ IV của Đảng và nghị quyết của các hội nghị Trung ương, nhân dân cả nước ta đã nỗ lực phấn đấu giành được những thắng lợi rất to lớn. Song sự nghiệp của chúng ta đang đứng trước rất nhiều khó khăn, đặc biệt là tình hình kinh tế và đời sống hiện nay rất nghiêm trọng.

Đại hội lần thứ V của Đảng ta có nhiệm vụ kiểm điểm lại việc chấp hành đường lối của Đại hội IV, đánh giá cho đúng thực trạng kinh tế - xã hội hiện nay, phân tích rõ nguyên nhân của tình hình, căn cứ vào đó, vạch ra những mục tiêu kinh tế - xã hội trong thời kỳ 1981 - 1985 kéo dài cho đến năm 1990, đề ra những chủ trương, biện pháp đưa nền kinh

* Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 12-10 đến ngày 2-11-1981.

tế thoát khỏi khó khăn và tiến lên một cách vững chắc, để chuẩn bị cho đại hội, dự kiến sẽ họp ba hội nghị toàn thể của Ban Chấp hành Trung ương. Hội nghị lần thứ 10 này sẽ thảo luận và góp ý kiến vào dự thảo *Báo cáo chính trị* và dự thảo *Báo cáo về xây dựng Đảng*.

Dự thảo *Báo cáo chính trị* được chuẩn bị theo tinh thần để làm sáng tỏ và giải đáp trúng những vấn đề do cuộc sống đặt ra. Trong dự thảo, sau khi đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội IV trong 5 năm qua, Bộ Chính trị đã tự phê bình những sai lầm, khuyết điểm trong việc đánh giá tình hình khi bước vào kế hoạch 1976- 1980, trong việc cụ thể hóa và chấp hành đường lối, trong công tác quản lý kinh tế và xã hội và trong việc tổ chức thực hiện. Dự thảo vạch ra nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong thời gian sắp tới. Về mặt kinh tế, dự thảo vạch ra chiến lược kinh tế trong chặng đầu của thời kỳ quá độ và phương hướng nhiệm vụ của thời kỳ 1981- 1985. Tuy nhiên, về những chủ trương, biện pháp để ứng phó với tình hình kinh tế trước mắt, thì dự thảo không đề ra cụ thể; bởi vì cho đến nay, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng vẫn chưa tính toán xong kế hoạch nhà nước năm 1982 và 5 năm; và chặng, đối với các vấn đề như ăn, mặc, nguyên vật liệu để sản xuất hàng tiêu dùng, sắp xếp lại xây dựng cơ bản, đẩy mạnh xuất khẩu, cung ứng điện, than, bảo đảm giao thông vận tải, thiết lập trật tự mới trên mặt trận phân phối lưu thông, v.v. thì phải nghiên cứu chuyên đề, lập phương án riêng từng mặt, rồi lại làm phương án kinh tế tổng hợp, thì mới tìm ra được những giải pháp cụ thể. Vì vậy, ở hội nghị này chỉ mới trình ra Trung ương những phương hướng và nhiệm vụ để các đồng chí thảo luận.

Hôm nay, tôi xin trình bày thêm một vài vấn đề trong *Báo cáo chính trị*, với hy vọng góp phần vào việc thảo luận của hội nghị chúng ta.

I - VỀ NHIỆM VỤ SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ TỔ QUỐC

Nước ta đang ở trong tình hình vừa có hoà bình vừa có thể xảy ra chiến tranh. Hội nghị lần thứ tư của Trung ương họp năm 1978 đã nhận định như vậy. Hiện nay và trong nhiều năm sắp tới, tình hình nước ta cũng sẽ như vậy. Đó là một nhận định rất quan trọng...

Như vậy, nhân dân ta càng phải nấm thật vững và làm tốt hai nhiệm vụ chiến lược:

Một là, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Hai là, bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và đánh thắng bất kỳ quy mô chiến tranh nào của địch.

Nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc cùng với *nghĩa vụ quốc tế* mà chúng ta đang gánh vác đối với hai nước Lào và Campuchia, đặt đất nước ta trước những khó khăn rất lớn. Một phần rất quan trọng nhân lực và của cải vật chất, tất nhiên bị hút vào công cuộc quốc phòng, khiến cho những mất cân đối trong kinh tế càng thêm gay gắt. Mặc dù vậy, chúng ta không thể lơi lỏng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu vì đây là việc sống còn của cả dân tộc.

Hơn hai năm nay với sự giúp đỡ của Liên Xô, công cuộc phòng thủ đất nước ta đã được tăng cường một bước quan trọng, nhất là ở các tuyến dọc biên giới phía Bắc. Lực lượng vũ trang của chúng ta, cả quân chủ lực và quân địa phương, được trang bị mạnh hơn và được huấn luyện kỹ hơn so với

khi kháng chiến chống Mỹ. Tất nhiên, còn có những nhược điểm và khuyết điểm, có mặt khuyết điểm nghiêm trọng phải sửa chữa rất kiên quyết, rất nghiêm túc, song chúng ta có thực tế để khẳng định một cách chắc chắn rằng hiện nay chúng ta có thể chiến lược tốt hơn bao giờ hết để bảo vệ Tổ quốc, rằng quân và dân ta có đủ tinh thần, lực lượng và biết cách đánh thắng bọn xâm lược mới, nếu chúng liều lĩnh gây chiến tranh chống nhân dân ta một lần nữa.

Về cách đánh, chúng ta có bài học thành công trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đó là bài học mà Đại hội lần thứ IV của Đảng đã tổng kết, nay thấy cần nhắc lại để chúng ta nấm vững và vận dụng một cách thuần thục khi tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Vì sao ta đánh thắng được đế quốc Mỹ?

Ta thắng mỹ là do Đảng ta có đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng đúng đắn và sáng tạo. Đường lối cách mạng là giường cao hai ngọn cờ *độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*. Đó là nguồn gốc mọi sức mạnh của cách mạng nước ta. Đó cũng là chân lý, là sức mạnh của thời đại. Phương pháp cách mạng là vận dụng *chiến lược tiến công đồng thời biết thắng từng bước*. Với đường lối và phương pháp đó, Đảng và nhân dân ta đã phả huy được lực lượng tổng hợp của cả nước ta và kết hợp lực lượng của cách mạng Việt Nam với lực lượng cách mạng của thời đại mới, tạo ra được sức mạnh tổng hợp lớn hơn sức mạnh của Mỹ và tay sai trên chiến trường để đánh thắng chúng.

Bài học về đường lối và phương pháp cách mạng của Đảng ta trong kháng chiến chống Mỹ cũng tức là bài học về *tạo ra sức mạnh tổng hợp* của chiến tranh nhân dân cứu nước

và giữ nước. Trong chiến tranh kẻ nào mạnh hơn thì kẻ đó thắng, tuyệt nhiên không có một sự tình cờ nào. Nói mạnh, yếu ở đây là nói so sánh lực lượng một cách tổng hợp, trong không gian và thời gian nhất định, chứ không chỉ so sánh về trang bị kỹ thuật của quân đội, hoặc chỉ xét thuần về phương diện đấu tranh quân sự, kinh tế. Lãnh đạo chiến tranh, nói cho cùng, là tạo ra cho được sức mạnh tổng hợp mạnh hơn đối phương để đánh thắng đối phương.

Thật vậy, nếu so sánh Mỹ với ta, thì đế quốc Mỹ mạnh hơn ta hàng trăm, thậm chí hàng nghìn lần về *kinh tế*, về số *lực lượng và chất lượng vũ khí, khí tài quân sự*, khi chiến tranh mới bắt đầu. Nhưng Mỹ yếu hơn ta một cách tuyệt đối về *chính trị*, về *văn hóa* đồng thời cũng kém hơn ta về *khoa học và nghệ thuật quân sự*.

Về *chính trị*, chiến tranh của Mỹ là chiến tranh xâm lược, chiến tranh phi nghĩa; đi liền theo đó là văn hóa thực dân, văn hóa biến con người thành cái máy, thành con thú, thành tay sai và nô lệ. Chiến tranh của ta là vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, là chiến tranh chính nghĩa, hợp lòng người, hợp trào lưu của thời đại. *Văn hóa* của ta là văn hóa yêu nước, chống đế quốc, văn hóa nhân bản và vì con người. Với nền chính trị và văn hóa như vậy, chúng ta đã tận dụng được sức mạnh của thời đại, tranh thủ được sự giúp đỡ của anh em, bạn bè trên thế giới để khắc phục chỗ yếu về kinh tế và về trang thiết bị kỹ thuật của bộ đội ta.

Khoa học, nghệ thuật chiến tranh nhân dân của ta ưu việt hơn khoa học và nghệ thuật chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ. Khoa học, nghệ thuật quân sự của Mỹ chỉ dựa vào sức mạnh quân sự và hoàn toàn y lại vào vũ khí, vào

kỹ thuật. Trái lại, nhờ vận dụng khoa học quân sự của chủ nghĩa Mác - Lê nin và kinh nghiệm tiên tiến của quân đội các nước anh em, nhờ biết kế thừa và phát huy tài thao lược của tổ tiên thuở trước, Đảng ta đã sáng tạo ra một khoa học và nghệ thuật quân sự mang sắc thái đặc đáo Việt Nam, phù hợp với chiến trường Việt Nam và phát huy những đức tính của con người Việt Nam. Cái cốt lõi của khoa học và nghệ thuật quân sự của ta là thực hành chiến lược tiến công. Khi Mỹ mới vào miền Nam gây chiến tranh xâm lược, ta không rút lui, không phòng ngự, mà ta tiến công theo cách của ta. Trên phạm vi cả nước, ta đẩy mạnh cách mạng ở miền Nam, bảo vệ và phòng thủ miền Bắc. Trên tiền tuyến miền Nam ta vừa tiến công vừa phòng ngự, tiến công bằng đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị song song, bằng đấu tranh "hai chân, ba mũi" với mức độ thích hợp trên ba vùng chiến lược: nông thôn đồng bằng, rừng núi và thành thị; bằng cách cảng địch ra, chia cắt và bao vây địch lại để đánh; bằng thực hành phương châm: làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ. Trong quá trình đánh Mỹ, ta còn dùng *phản công để tiến công*, bẻ gãy các mũi hành quân tìm diệt của địch, đánh ngay vào sào huyệt và đầu não của Mỹ - ngụy. Khi cách mạng đã có ưu thế áp đảo và có thời cơ, thì lập tức chuyển sang *tiến công*, bằng cả sức mạnh quân sự và sức mạnh chính trị, đánh tan rã toàn bộ quân địch, bằng những chiến dịch tiến công liên tục, dồn dập, để giành thắng lợi hoàn toàn.

Chúng ta còn có bài học lớn về xây dựng *hậu phương*, "Hậu phương là nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của chiến tranh". Trong những năm chống Mỹ, miền Nam là tiền tuyến, miền Bắc là hậu phương. Miền Bắc tiến hành

cách mạng xã hội chủ nghĩa để làm cơ sở cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà. Miền Bắc là nơi cung cấp sức người, sức của không bao giờ cạn cho tiền tuyến miền Nam. Làm được điều đó là nhờ có chế độ làm chủ tập thể sau khi thiết lập quan hệ sản xuất mới, dưới hai hình thức sở hữu: toàn dân và tập thể.

Ngày nay, trong việc tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc... chúng ta cần nắm vững và vận dụng sáng tạo những bài học về phát huy sức mạnh tổng hợp, về thực hành chiến lược tiến công, về xây dựng và củng cố hậu phương. Với chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đang được thiết lập và ngày càng củng cố, chúng ta đang xây dựng và nhất định sẽ xây dựng được thế trận chiến tranh nhân dân làm chủ vững chắc, tiến công mạnh mẽ.

II- MẤY VẤN ĐỀ TRONG ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ ĐƯỜNG LỐI KINH TẾ Ở NƯỚC TA

Đảng ta là một đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê nin. Vì vậy, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn luôn làm theo những lời dạy của những bậc thầy của chúng ta là Mác, Ăngghen và Lê nin. Đồng thời, Đảng ta luôn luôn phải sáng tạo, bởi vì chân lý là cụ thể. Chúng ta cố gắng vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê nin cho sát hợp với hoàn cảnh cụ thể của nước ta. Bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê nin đòi hỏi chúng ta như thế.

Mùa Xuân 1975, ngay sau toàn thắng của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta cho rằng giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước đã kết thúc; và

Đảng ta đề ra một chiến lược mới cho cách mạng Việt Nam: chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa, đưa cả nước độc lập, thống nhất cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chuyển chiến lược cách mạng như vậy là hoàn toàn làm đúng theo chủ nghĩa Mác - Lê nin. Chúng ta biết trước đây Mác đã kết luận rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ nổ ra ở những nước tư bản phát triển cao nhất, đến mức mà ở đó quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa mâu thuẫn gay gắt với tính chất của lực lượng sản xuất, không còn chứa đựng nổi những lực lượng sản xuất mới và đòi hỏi phải được phá bỏ, để thay thế bằng quan hệ sản xuất mới phù hợp hơn, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Quy luật ấy là một sự phát hiện rất vĩ đại của Mác. Nhưng sau đó, căn cứ vào điều kiện mới của lịch sử, khi chủ nghĩa tư bản đã chuyển thành chủ nghĩa đế quốc, thì Lê nin, người học trò lỗi lạc nhất của Mác, đã kết luận rằng cách mạng xã hội chủ nghĩa không nhất thiết nổ ra trước tiên ở nước tư bản phát triển cao nhất như Mác đã dự kiến, mà có thể nổ ra và thắng lợi trước tiên ở một số nước, thậm chí ở một nước tư bản có trình độ phát triển trung bình, hoặc có khi còn thấp. Đó là một quy luật mới, nhưng cũng hoàn toàn mácxít, một phát hiện vĩ đại của Lê nin. Sau thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, Lê nin lại đề ra luận điểm nổi tiếng: với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản ở những nước tiên tiến, những nước lục hậu cũng có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Chính chúng ta đã và đang làm đúng luận điểm này của Lê nin.

Chuyển chiến lược cách mạng như vậy cũng là hoàn toàn theo đúng cương lĩnh chính trị của Đảng từ năm 1930,

trong đó đã đề ra chủ trương: sau khi cách mạng chống đế quốc, chống phong kiến giành được thắng lợi, thì "tranh đấu thắng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa".

Chuyển biến lược cách mạng như vậy cũng là hoàn toàn phù hợp với đòi hỏi khách quan của tình hình, với xu thế tất yếu của cách mạng, với nguyện vọng của nhân dân, không thể nào khác được. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở nước ta ngay từ đầu do Đảng ta lãnh đạo. Ngay từ đầu, cuộc cách mạng ấy được tiến hành dưới hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta kiên cường và bền bỉ đấu tranh chống mày đế quốc, không chỉ vì độc lập của Tổ quốc, mà còn vì chủ nghĩa xã hội nữa. Khi sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước giành được toàn thắng, thì giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước kết thúc, cách mạng nước ta chuyển sang một giai đoạn mới. Giai đoạn cách mạng mới ấy, lẽ đương nhiên, chỉ có thể là cách mạng xã hội chủ nghĩa, là cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội, không thể có con đường nào khác, cũng không thể có một giai đoạn trung gian nào nữa.

Chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, câu hỏi lớn đặt ra trước Đảng ta và nhân dân ta là: làm thế nào để đưa đất nước ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội? Đặc biệt là câu hỏi: làm thế nào tạo ra được nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, là nền tảng vật chất vững chắc cho chủ nghĩa xã hội, cũng là cơ sở vật chất kỹ thuật vững chắc cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc?

Như chúng ta đã nói, Mác vạch ra rằng chủ nghĩa xã hội chỉ có thể ra đời khi đã có nền đại công nghiệp cơ khí hoá. Đó

là quy luật khách quan của lịch sử xã hội loài người. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là, dưới sự lãnh đạo của chính đảng của mình, tiến hành cách mạng lật đổ chế độ tư bản, xoá bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất đã được tạo ra trong lòng chế độ tư bản. Cùng với việc ấy là xây dựng kiến trúc thương tầng mới cho phù hợp với hạ tầng cơ sở mới. Mác nêu rõ ràng để thực hiện sự chuyển biến cách mạng ấy, từ xã hội tư bản sang xã hội cộng sản, cần có một thời kỳ quá độ, thời kỳ quá độ ấy không thể là gì khác ngoài nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản.

Lênin đã nói đến khả năng tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trước tiên ở một nước tư bản chủ nghĩa có trình độ phát triển trung bình, thậm chí thấp - và cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại đã chứng thực sự đúng đắn của luận điểm ấy. Nhưng mặt khác, Lênin cũng khẳng định quy luật lịch sử khách quan mà Mác đã phát hiện là quy luật cần được tuân thủ nghiêm ngặt. Do đó, Lênin nhấn mạnh rằng cơ sở vật chất - kỹ thuật duy nhất của chủ nghĩa xã hội là nền đại công nghiệp cơ khí hoá. Chỉ có điều khác là nếu Mác nói rằng chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng trên cơ sở của nền đại công nghiệp cơ khí hoá mà chủ nghĩa tư bản đã tạo ra trong lòng nó rồi, thì Lênin nói rằng, sau khi có được chính quyền, thiết lập được chuyên chính vô sản, ở trong một nước chủ nghĩa tư bản phát triển ở mức trung bình như nước Nga, thì giai cấp vô sản phải tạo ra nền đại công nghiệp cơ khí hoá ấy, thông qua công cuộc công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Theo tinh thần ấy, Lênin đã nêu ra công

thức nổi tiếng: *chủ nghĩa cộng sản là chính quyền xô viết cộng với điện khí hoá cả nước*. Trong những năm lãnh đạo nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, Lênin đề ra kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà những nét chính có thể tóm tắt là: nắm vững nội dung toàn diện của chuyên chính vô sản (chính trị, kinh tế, văn hoá, tư tưởng, hoà bình, bạo lực, cưỡng bức, giáo dục, v.v.), thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà, đưa nông dân vào con đường chủ nghĩa xã hội bằng hợp tác hoá, kế hoạch hoá sự phát triển nền kinh tế quốc dân, sử dụng quan hệ hàng hoá - tiền tệ để xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiến hành cách mạng văn hoá. Về vấn đề tiến lên chủ nghĩa xã hội của những nước lục hậu bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, tuy Lênin đã đề ra luận điểm về khả năng ấy với điều kiện cần thiết là có sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến; song Lênin chưa có điều kiện để vạch ra quy luật của quá trình tiến lên ấy.

Sau khi Lênin qua đời, Đảng Cộng sản Liên Xô đứng đầu là Stalin đã kiên quyết thực hiện di huấn của Lênin, lãnh đạo nhân dân Liên Xô xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. Những quy luật kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa mới được nghiên cứu nhiều và tổng kết ở Liên Xô sau chiến tranh; bản thân Stalin cũng tham gia tích cực vào việc nghiên cứu và tổng kết ấy. Từ đó đến nay, hệ thống các quy luật của chủ nghĩa xã hội, trong đó có quy luật kinh tế cơ bản do Stalin nêu lên năm 1951, đang tiếp tục được xem xét, bổ sung và hoàn chỉnh. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới được hình thành, và đến nay, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội đã có gần 65 năm kinh nghiệm ở Liên Xô, 35 năm kinh nghiệm ở nhiều nước khác.

Những kinh nghiệm này đã được từng bước tổng kết. Năm 1957, Văn kiện của Hội nghị các Đảng Cộng sản và Công nhân ở Mátxcơva đã nêu 9 điểm có tính chất như những quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, các nước anh em đã bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với một trình độ kinh tế xuất phát khác hẳn nước ta; hoặc từ một nền sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển cao, như Tiệp Khắc và Cộng hoà dân chủ Đức; hoặc từ một nền sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển trung bình, có trường hợp thấp, như nước Nga năm 1917 và một số nước Đông Âu khác năm 1945.

Đặc điểm cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là: từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ, tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Đó là một tình hình rất đặc biệt, có thể nói là chưa có tiền lệ trong lịch sử. Cái khó nhất cũng là từ đặc điểm cơ bản ấy. Tất nhiên còn có khó khăn do 30 năm chiến tranh, khó khăn do tình hình quốc tế phức tạp,... nhưng cái khó cơ bản nhất vẫn là sản xuất nhỏ. Như đã nói, chủ nghĩa Mác - Lênin đã phát hiện quy luật: chủ nghĩa xã hội chỉ có thể tồn tại trên một nền sản xuất lớn với kỹ thuật hiện đại. Nước ta có khả năng tiến từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội, nhưng sự phát triển của nước ta cũng phải phục tùng quy luật lớn ấy của lịch sử: chỉ khi nào nước ta có một nền sản xuất lớn dựa trên một nền kỹ thuật hiện đại thì nước ta mới trở thành một nước xã hội chủ nghĩa với đầy đủ ý nghĩa của nó. Mà muốn có nền sản xuất lớn ấy thì phải tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Mà muốn công nghiệp hoá thì phải có tích luỹ.

Nhưng nói sản xuất nhỏ là nói năng suất lao động xã hội

rất thấp. Với năng suất lao động xã hội thấp ấy, xã hội ta sản xuất chưa đủ tiêu dùng, tích luỹ hoàn toàn không có.

Trong lịch sử trước kia, sản xuất nhỏ tự phát chuyển lên sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, phải trải qua một thời gian dài hàng thế kỷ. Đó là một quá trình bóc lột và tước đoạt thậm tệ nhân dân lao động, một quá trình đầy rẫy những tội ác ghê tởm mà giai cấp tư sản đã gây ra trong nước và đối với nhiều dân tộc khác, để có nguồn tích luỹ cần thiết. Nước ta khác hẳn, do nhân dân lao động làm chủ. Những phương pháp tàn bạo và dã man mà giai cấp tư sản đã dùng để có được tích luỹ không thể đem ra áp dụng đối với nước ta. Trái lại, chúng ta phải từng bước cải thiện đời sống của nhân dân, hơn nữa lại phải đáp ứng những yêu cầu hết sức cấp bách của đời sống nhân dân sau chiến tranh, lại còn phải gánh vác những chi phí quốc phòng rất lớn để bảo vệ vững chắc đất nước. Và cùng với những việc ấy, chúng ta nhất thiết phải tạo ra được tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế. Vuột qua những khó khăn to lớn chồng chất, đảm nhận những nhiệm vụ lịch sử nặng nề như vậy, chúng ta giải quyết như thế nào?

Cố nhiên, nói rằng nước ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế còn phô biến là sản xuất nhỏ, đó là nói một cách tổng quát, cốt nêu bật bản chất có tính đặc trưng nhất, để từ đó tìm ra các quan hệ cơ bản, các quy luật của con đường tiến lên; nói như thế không hề có ý phủ nhận rằng nền kinh tế nước ta sau khi cả nước độc lập và thống nhất là một tổng thể kinh tế phức tạp, trong đó có những yếu tố của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Đặc điểm "sản xuất nhỏ còn phô biến" thể hiện như thế nào, chúng ta

đã phân tích trong *Báo cáo chính trị* trình bày tại Đại hội IV.

Trong lịch sử trước đây, sản xuất nhỏ chỉ có hai khả năng: hoặc dãm chân tại chỗ, hoặc phát triển một cách tự phát thành sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa. Thời đại ngày nay có những yếu tố mới, trong đó những nét nổi bật nhất là:

1. Chủ nghĩa xã hội đã trở thành hệ thống thế giới, thành một cộng đồng quốc tế có công nghiệp hiện đại và khoa học - kỹ thuật tiên tiến.

2. Cách mạng khoa học - kỹ thuật đang phát triển dồn dập, tạo ra lực lượng sản xuất mới đồ sộ chưa từng có. Mọi dân tộc đều có khả năng nắm lấy những thành tựu của cuộc cách mạng ấy, bằng con đường đi tắt, tiến lên ngang trình độ các nước phát triển.

3. Ba dòng thác cách mạng của thời đại đang ở thế tiến công và thắng lợi. Lịch sử chứng kiến một sự thúc đẩy cách mạng về quyền làm chủ trên quy mô cả loài người. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ngày càng gắn liền nhau, và trở thành một sự đòi hỏi bức bách của các dân tộc.

4. Cả thế giới là một thị trường, song song tồn tại với hai hệ thống thị trường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, cùng các thị trường khu vực. Trong phạm vi từng loại thị trường ấy có sự phân công lao động, trao đổi buôn bán.

Trong những điều kiện lịch sử như vậy, đã xuất hiện một *khả năng* phát triển mới của sản xuất nhỏ: tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Và trong điều kiện cách mạng do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo thì sự phát triển của sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội là *tất yếu*, là một vấn đề có *tính quy luật*. Song, chỉ có điều là sự phát triển ấy không thể là một quá trình tự phát, mà chỉ có thể là một quá

trình do con người hoàn toàn tự giác và chủ động điều khiển. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội bao giờ và ở bất kỳ nước nào cũng là một quá trình tự giác, - chủ nghĩa tư bản dù thối nát đến đâu, những mâu thuẫn chúa động trong lòng nó gay gắt đến mức như thế nào, nó cũng không thể tự phát chuyển thành chủ nghĩa xã hội. Từ sản xuất nhỏ tiến lên, tạo lập ra cả xã hội xã hội chủ nghĩa hầu như từ không đến có, từ cơ sở kinh tế đến kiến trúc thượng tầng, quá trình ấy lại càng mang tính tự giác, chủ động và sáng tạo cao hơn nữa.

Con người tự giác và chủ động điều khiển một quá trình lịch sử, không có nghĩa là con người có thể hành động một cách chủ quan, tuỳ tiện. Con người phải hành động theo đúng quy luật của sự vật. Đối với Đảng ta, điều vô cùng quan trọng là tìm cho được quy luật của quá trình cách mạng tiến từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội. Có như vậy thì mới lãnh đạo được cách mạng xã hội chủ nghĩa đi đến thắng lợi. Vấn đề đặt ra là: nếu ngày nay, việc sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội là một vấn đề có tính quy luật, thì bản thân quá trình ấy có những quy luật chi phối nó hay không? Chúng ta khẳng định là có.

Tất nhiên không thể trong một thời gian ngắn, phát hiện được toàn bộ hệ thống các quy luật. Tuy vậy, có khả năng tìm ra những quy luật và những vấn đề có tính quy luật cơ bản nhất, và trong thực tiễn cách mạng sẽ dần dần bổ sung và hoàn thiện sự nhận thức của chúng ta. Và để tìm tòi và phát hiện những quy luật hoặc những vấn đề có tính quy luật của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội, ngoài việc suy nghĩ sâu sắc trên những gì mà những bậc thầy của chúng ta đã viết về chủ nghĩa xã hội và về quá trình cách

mạng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải tham khảo những quy luật của quá trình phát triển tự phát từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa tư bản, những quy luật của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cũng như những quy luật của chủ nghĩa tư bản và của chủ nghĩa xã hội. Chúng ta phải tham khảo những hiểu biết mới nhất về chủ nghĩa tư bản cũng như về chủ nghĩa xã hội. Chúng ta phải tham khảo những ý kiến, những kết luận của các đảng anh em đã phát biểu về vấn đề tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Nghĩa là phải tham khảo những tri thức của loài người đã tích luỹ được liên quan đến vấn đề mà chúng ta phải giải quyết. Căn cứ vào những tri thức ấy, chúng ta phải tìm tòi và phát hiện những khả năng và động lực nội tại của xã hội ta, làm sáng tỏ cơ chế kết hợp với nhau, tác động đến nhau giữa các khả năng, các động lực trong lòng xã hội, và giữa các yếu tố bên trong ấy với các yếu tố mới của thời đại đã nêu lên ở trên kia.

Những kết quả nghiên cứu của chúng ta về các *quy luật và những vấn đề có tính quy luật* của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội đã được trình bày dưới dạng đường lối, trong văn kiện của Đại hội lần thứ IV của Đảng: *đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa*. Đó là đường lối, đồng thời đó cũng là quy luật, là những vấn đề có tính quy luật.

Ở đây tôi xin nói rõ một số điểm:

Trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối kinh tế do Đại hội lần thứ IV nêu ra, có nhiều điểm các bậc thầy của chúng ta đã nói, có nhiều điểm đã được các đảng anh em kết luận; đồng thời có những điểm do chúng ta đề ra.

1. Hai vấn đề cốt lõi của đường lối là *làm chủ tập thể* và *công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa*. Có thể coi đó là quy luật. Và điều này không ra ngoài công thức nổi tiếng của Lênin: chủ nghĩa cộng sản là *chính quyền xôviết* cộng với *điện khí hoá cả nước*. Khái niệm chính quyền xôviết ở đây chủ yếu là nói *quyền làm chủ* của nhân dân lao động, làm chủ không chỉ về chính trị mà cả về kinh tế, văn hoá, xã hội; bởi vì nói xôviết là nói công nhân làm chủ xí nghiệp, nông dân làm chủ ruộng đất, thôn xóm. Và khái niệm điện khí hoá cả nước ở đây đồng nghĩa với *công nghiệp hoá*.

2. Chúng ta nói *ba cuộc cách mạng* cũng không ra ngoài những điều các bậc thầy của chúng ta đã nói, không khác với những việc các nước xã hội chủ nghĩa anh em đã làm, đang làm và đã tổng kết. Chúng ta nêu cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, điều đó hoàn toàn đúng đắn với đất nước ta, vì vấn đề trung tâm là công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, vấn đề then chốt nhất là chuyển biến nền kỹ thuật của nước ta từ lạc hậu thành hiện đại, từ đó tạo ra năng suất lao động cao. Chúng ta nêu lên ba cuộc cách mạng phải được tiến hành đồng thời vì các cuộc cách mạng tác động lẫn nhau, thúc đẩy lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau. Có tiến hành đồng thời, trong sự quan hệ mật thiết với nhau thì mới đưa lại kết quả.

3. Các đảng các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong các nghị quyết của mình đều nêu ra, và trên thực tế đang làm là: xây dựng *chế độ*, xây dựng *nền kinh tế*, xây dựng *nền văn hoá* và xây dựng *con người*. Về điểm này ta cũng nói như các đảng anh em.

Song chúng ta không dừng lại ở đó. Có một số luận điểm

do chúng ta phát triển, xuất phát từ những căn cứ mà chúng ta đã trình bày ở trên. Nhưng luận điểm ấy là gì?

4. Trong chiến tranh giải phóng, là một nước nhỏ chống các đế quốc to, chúng ta đã biết phân tích những chỗ mạnh chỗ yếu của ta và của địch, từ đó phát huy các thế mạnh của ta, hạn chế các thế mạnh của địch, *tạo ra một lực lượng tổng hợp mạnh hơn địch*. Do đó, chúng ta đã lần lượt đánh thắng oanh liệt nhiều đế quốc, trong đó có tên đầu sỏ là Mỹ.

Ngày nay, nhiệm vụ chiến lược đã thay đổi, phương thức tổ chức và hoạt động, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, có nhiều điều khác hẳn trong chiến tranh. Song, *bài học về phát huy lực lượng tổng hợp* vẫn giữ nguyên giá trị. Chúng ta chỉ có thể hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ lịch sử hết sức khó khăn đưa đất nước ta từ sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bằng cách tạo ra cho được một *lực lượng tổng hợp của cách mạng xã hội chủ nghĩa*. *Đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế chính là lực lượng tổng hợp cần thiết ấy*. Đường lối đó phát huy sức mạnh của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy những khả năng đã có và đang tiềm tàng của đất nước, và bằng sự gắn bó nước ta với Liên Xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, với ba dòng thác cách mạng cho phép chúng ta tận dụng các khả năng mới của thời đại.

Nếu như trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, những nhân tố của sản xuất lớn thường tách rời nhau, đối lập nhau, thì trái lại, đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế Đảng ta để ra đòi hỏi gắn liền ngay từ đầu những nhân tố ấy với nhau, tạo ra một cách đi hợp lý, không lặp lại những trình tự trước sau có tính chất tự phát của tiến trình từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa.

Đường lối của ta không cắt rời từng mặt hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, không cô lập từng phần của sự nghiệp cách mạng thành từng lĩnh vực khép kín. Nó không mở ra cánh kéo giữa công nghiệp và nông nghiệp, không đổi lập thành thị và nông thôn, không để xảy ra mâu thuẫn gay gắt giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, không tách rời tập trung và dân chủ, thị trường địa phương và thị trường cả nước. Nó không phân chia đứt đoạn các bước hiệp tác giản đơn, công trường thủ công và đại công nghiệp cơ khí, các quy mô lớn, vừa và nhỏ, các trình độ kỹ thuật thủ công, nửa cơ giới và cơ giới.

Đường lối của ta là một tổng thể hoàn chỉnh trong đó có sự kết hợp, sự quy định lẫn nhau, sự ảnh hưởng lẫn nhau rất chặt chẽ, sự tác động và thúc đẩy lẫn nhau có sự thâm nhập vào nhau và trong một chừng mực nào đó có sự đồng nhất với nhau giữa mục tiêu với phương tiện và biện pháp, giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa cơ sở kinh tế và kiến trúc thương tầng, giữa kinh tế với quốc phòng, giữa cải tạo và xây dựng, giữa ba cuộc cách mạng, giữa xây dựng chế độ mới, xây dựng nền kinh tế mới và xây dựng nền văn hoá mới và con người mới, giữa điều kiện khách quan và tính năng động chủ quan, giữa nguyên nhân và kết quả. Lực lượng tổng hợp được tạo ra từ sự đồng thời ra đời và tác động lẫn nhau giữa các yếu tố ấy.

Nếu cân nhắc lại thì lực lượng tổng hợp đó là: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới, con

người mới xã hội chủ nghĩa. Trong kinh tế, lực lượng tổng hợp đó là lực lượng của cả ba cuộc cách mạng, của cả chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hoá mới, con người mới; trực tiếp về kinh tế là lực lượng của sự gắn bó công - nông nghiệp thành cơ cấu ngay từ đầu, kết hợp hài hoà kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, làm kế hoạch ba cấp, theo tinh thần hạch toán kinh tế và kinh doanh, nắm cả giá trị sử dụng lẫn giá trị và quy luật giá trị, thống nhất lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, dính liền phân công lao động và mở rộng thị trường trong nước với phát triển kinh tế đối ngoại, trước hết là với Liên Xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

5. *Làm chủ tập thể của nhân dân lao động* là nội dung của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nó vừa là *mục đích*, vừa là *động lực* của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa. Làm chủ tập thể là yếu tố quan trọng nhất trong lực lượng tổng hợp. Không thực hiện được quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động thì không thể tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, không thể đưa sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội. Trong thời kỳ quá độ, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, mà nòng cốt là liên minh công - nông, thực hiện bằng nhà nước, dưới sự lãnh đạo của đảng tiên phong của giai cấp công nhân, đó là chuyên chính vô sản. Hoàn toàn không có gì đối lập nhau, mà chính là có sự thống nhất giữa chuyên chính vô sản và làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là thực hiện chuyên chính vô sản một cách đúng đắn, chứ không phải là làm việc gì khác.

Chúng ta lấy khái niệm làm chủ tập thể từ trong tác

phẩm của Mác và Ăngghen. Các vị thầy này đã nói đến xã hội xã hội chủ nghĩa như là xã hội mà đặc trưng cơ bản là : 1) yếu tố tập thể (chung, cộng đồng) là yếu tố chủ đạo, đối lập với các xã hội có giai cấp đối kháng, trong đó yếu tố cá thể là chủ đạo - 2) con người làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân, trở thành tự do.

Làm chủ tập thể không chỉ giới hạn trong lĩnh vực sinh hoạt chính trị và trong các quyền tự do chính trị mà có nội dung toàn diện: làm chủ thiên nhiên, xã hội và bản thân, làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Về kinh tế, làm chủ tập thể vừa là quan hệ sản xuất mới, vừa là một lực lượng sản xuất mạnh, bởi vì làm chủ tập thể về kinh tế chính là làm chủ và sử dụng tốt lao động, đất đai và các tư liệu sản xuất khác, đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

Làm chủ tập thể là kết hợp sức mạnh làm chủ của nhân dân lao động ở *ba cấp*: cả nước, địa phương và cơ sở. Điều đó không có nghĩa là nhân dân và cán bộ ở cấp nào thì làm chủ cấp đó, không biết gì đến các cấp khác, gây ra phân tán, chia cắt cả xã hội, cả nền kinh tế, và dẫn đến tranh chấp giữa các cấp với nhau. Trái lại, ở mỗi cấp đều có cả ba cấp cùng làm chủ theo một sự phân công nhiệm vụ, phân định quyền hạn và phân phối lợi ích hợp lý.

Làm chủ tập thể là coi trọng trước hết phát huy sức mạnh của cộng đồng, làm sáng tỏ tính hơn hẳn của *cộng đồng*, đi đôi với khuyến khích mạnh mẽ sáng kiến *cá nhân*, động lực cá nhân, với nhận thức rằng: ưu thế của chủ nghĩa xã hội là sức mạnh của tập thể. Đó là cái mà chủ nghĩa tư bản không có - nhưng ưu thế của chủ nghĩa xã hội còn là cá nhân, sức mạnh của cá nhân. Phải kết hợp và phát huy cả hai sức mạnh ấy thì

chủ nghĩa xã hội sẽ hơn hẳn, về mọi mặt, chủ nghĩa tư bản. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới phát huy được cá nhân đầy đủ nhất, mọi động viên được mỗi người ngày đêm suy nghĩ đem hết tâm lực làm cho Tổ quốc giàu mạnh.

Làm chủ tập thể là vận dụng sự thống nhất hài hoà giữa *ba lợi ích*: lợi ích xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích từng người lao động, là thực hiện sự tương ứng chặt chẽ giữa dân chủ và kỷ luật, giữa quyền hạn, lợi ích và nghĩa vụ. Làm như thế này cũng là theo tinh thần điều ta vừa nói ở trên.

Làm chủ tập thể là chăm lo chu đáo và đòi hỏi nghiêm ngặt đối với từng cá nhân, mỗi *gia đình* và toàn xã hội, coi đó là ba đơn vị cơ bản gắn bó chặt chẽ với nhau của sự tồn tại, của cuộc sống.

Làm chủ tập thể có cơ sở vật chất là cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hợp lý, được bảo đảm bằng một cơ chế quản lý kinh tế - xã hội thích hợp và bằng hệ thống tổ chức bao gồm *Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý*, được thiết lập đúng đắn ở các cấp. Làm chủ tập thể được thể hiện rõ rệt khi phát động được *phong trào sôi nổi của đồng đảo quần chúng* tiến hành ba cuộc cách mạng tại các cơ sở, các địa phương, thành thị, nông thôn, và trong cả nước.

6. *Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa* là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhằm tạo ra cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, với nền đại công nghiệp cơ khí đủ sức trang bị kỹ thuật mới cho toàn bộ kinh tế quốc dân, với nền nông nghiệp sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa tiên tiến. Đó là cơ sở vật chất kỹ thuật nhất thiết phải có để thực sự xây dựng được chủ nghĩa xã hội, nhất thiết phải có để củng cố quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc ta.

Đó cũng chính là cái mà chúng ta thiếu nhất, sự thiếu thốn này hàng ngày đè nặng trên hoạt động kinh tế và đời sống của nhân dân ta. Vấn đề là tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa ở nước ta bắt đầu từ đâu, qua những chặng đường như thế nào; và trong chặng đường đầu tiên hiện nay, nội dung chủ yếu của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là gì?

Đường lối của ta đã nêu : "ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp thành một cơ cấu". Vừa qua có sự hiểu không thống nhất về luận điểm ấy, nên nay trong *Báo cáo chính trị* đã nói lại, mong rằng sẽ có sự nhận thức thống nhất. Ở đây có vấn đề thứ tự ưu tiên giữa nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng; lại còn có vấn đề kết hợp công nghiệp và nông nghiệp thành một cơ cấu. Chúng ta xin nói tinh thần của vấn đề này trong dự thảo *Báo cáo chính trị*.

Đương nhiên, chúng ta phải bắt đầu công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa từ những cái mà chúng ta sẵn có, và trong những cái đó, chúng ta phải phát huy trước tiên những gì là vốn quý nhất, là thế mạnh nhất, có khả năng đáp ứng tốt hơn cả những nhu cầu trước mắt, đồng thời có khả năng tạo ra được lực lượng mạnh hơn cả để tiến lên trong chặng đường tiếp sau.

Chủ nghĩa tư bản bắt đầu công nghiệp hoá bằng cách tích tụ và tập trung *tiền thành tư bản*, làm cho *tư bản - tiền* trở thành phương tiện sản xuất.

Đối với chúng ta, cái vốn (tư bản) quý nhất của chúng ta là lao động. Năng lực tiềm tàng lớn có thể phát huy ngay, đối tượng lao động có khả năng thu hút lực lượng lao động đông

đảo nhất là đất đai (kể cả rừng và biển). Một khả năng to lớn của chúng ta là ngành nghề. Sức mạnh to lớn của chúng ta là chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Chế độ làm chủ tập thể tạo điều kiện cho phép kết hợp lao động với đất đai. Chế độ làm chủ tập thể tạo điều kiện cho phép, cùng với và từ sự kết hợp lao động với đất đai, mở mang mạnh các ngành, nghề. Do đó, sớm tạo ra lực lượng sản xuất mới, năng suất lao động mới, với cơ cấu mặt hàng phù hợp với yêu cầu trước mắt của sản suất và đời sống.

Vì vậy, điều quan trọng nhất, việc có thể và cần phải làm ngay, là làm chủ tập thể để sử dụng hợp lý, với hiệu quả cao lao động, đất đai và phát triển các ngành, nghề, phân bổ lại và phân công mới lao động tại từng cơ sở, trên từng địa phương và trong cả nước; để mọi người lao động đều có việc làm, để khai thác tốt nhất đất đai mà ta có, không tặc đất nào bị bỏ phí.

Chính theo tinh thần ấy, dự thảo *Báo cáo chính trị* đã trình bày rõ *chiến lược kinh tế từ nay đến cuối những năm 80*: Trong kế hoạch 5 năm 1981-1985 và những năm 80, *nội dung chủ yếu của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là thực hiện một bước quan trọng việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, lấy việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa làm tiêu điểm để xây dựng cơ cấu công-nông nghiệp, kết hợp đúng đắn nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng*.

Trong khi hướng công nghiệp nặng chủ yếu và trước hết nhằm thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng phát triển, chúng ta không ngừng suy nghĩ, tìm mọi cách xây dựng một số ngành công nghiệp nặng then chốt: điện, than,

dầu và khí, cơ khí, luyện kim, hoá chất, đặc biệt là cơ khí. Bởi vì chúng ta không được bao giờ quên rằng cơ sở vật chất kỹ thuật duy nhất của chủ nghĩa xã hội là nền đại công nghiệp cơ khí hoá, rằng điều quyết định để tạo ra năng suất lao động cao là chuyển lao động thủ công thành lao động cơ khí hoá, là trang bị kỹ thuật mới chẳng những cho nông nghiệp mà cho toàn bộ kinh tế quốc dân.

Vấn đề *kết hợp nông nghiệp và công nghiệp thành một cơ cấu* là một sự phát hiện mới của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa chúng ta. Có kinh nghiệm của Liên Xô, của Bungari và của một số nước khác. Cộng với kinh nghiệm của các nước anh em, chúng ta cũng có sự nghiên cứu riêng của chúng ta về quá trình kết hợp và tách ra giữa nông nghiệp và công nghiệp trong lịch sử, và từ kinh nghiệm thực tế của ta về vấn đề này, chúng ta đã rút ra kết luận cho mình.

7. Về vấn đề *vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất cả nước*

Vấn đề kinh tế địa phương là vấn đề của nước ta. Trước đây các nước anh em chưa đặt ra; nay một số nước đang đặt ra. Tất nhiên, kinh tế trung ương là xương sống của nền kinh tế quốc dân, có tầm quan trọng sống còn đối với kinh tế của cả nước. Về vấn đề này, nhận thức của chúng ta nhất trí với cách đặt vấn đề của tất cả các nước anh em. Cái chúng ta muốn làm rõ là vai trò của kinh tế địa phương.

Kinh tế trung ương cũng như kinh tế địa phương đều gồm có công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ và nông nghiệp. Song, kinh tế trung ương chủ yếu là những cơ sở quan trọng nhất trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp, đặc biệt là

hệ thống then chốt trong công nghiệp nặng; còn kinh tế địa phương chủ yếu là nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng, dính liền với lao động, tài nguyên và ngành, nghề ở địa phương, dính với đời sống của nhân dân địa phương. Kinh tế trung ương được xây dựng lớn mạnh, các ngành kinh tế - kỹ thuật sớm được hình thành, thì kinh tế địa phương càng có điều kiện phát triển mạnh. Và phát triển mạnh kinh tế địa phương là nhằm bảo đảm đời sống của nhân dân tại chỗ, đồng thời góp sức xây dựng kinh tế trung ương.

Là tổ chức cơ bản của sản xuất lớn hiện đại, các ngành kinh tế - kỹ thuật có tác dụng chuyển lao động thủ công thành lao động cơ khí, tạo ra máy móc, công cụ và vật liệu mới, thúc đẩy chuyên môn hoá, hợp tác hoá và liên hiệp sản xuất, nâng cao trình độ khoa học - kỹ thuật, tăng năng suất lao động, làm ra sản phẩm với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Tích cực và chủ động xây dựng các ngành kinh tế - kỹ thuật theo những hình thức thích hợp, sát với đặc điểm từng ngành, là một chủ trương chiến lược trước mắt và lâu dài.

Suốt quá trình tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, kinh tế địa phương có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc sử dụng lao động, đất đai và mở mang ngành, nghề, trong việc gắn bó ngay từ đầu công nghiệp và nông nghiệp thành cơ cấu, trong việc liên kết các thành phần kinh tế, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với cải tạo quan hệ sản xuất, *đặc biệt là trong việc thực hiện tích luỹ, tích tụ và cung ứng nguồn vốn tập trung cho trung ương*, trong việc đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu, trong việc phân phối của cải vật chất và *tổ chức đời sống của nhân dân*, trong việc *kết hợp kinh tế với quốc phòng*. Kinh tế địa phương là địa bàn quan trọng quy tụ cả ba cấp

làm chủ tập thể, cả sức mạnh từ cơ sở vươn lên, sức mạnh từ trung ương toả về, và sức mạnh bung ra ngay tại chỗ.

Từ một số năm nay, trong khi tìm con đường và biện pháp đi lên, chúng ta đã thấy được một địa bàn kinh tế có vai trò cực kỳ trọng yếu, đó là *huyện*. Địa bàn kinh tế huyện dính liền với các hợp tác xã, nằm trong cơ cấu kinh tế tỉnh, thành phố và gắn bó chặt chẽ với các ngành kinh tế - kỹ thuật của cả nước. Với số lượng lao động và quy mô đất đai thích hợp, huyện là địa bàn rất cơ bản để thực hiện làm chủ tập thể, thực hiện phân công lao động kết hợp lao động với đất đai, mở mang ngành nghề, để phát triển kinh tế, văn hoá, để bảo đảm đời sống của nhân dân và đóng góp cho cả nước. Chỉ có thông qua huyện, trung ương mới nắm được và kết hợp được lao động với đất đai.

Kinh tế trung ương là phần kinh tế quốc dân do cấp trung ương trực tiếp quản lý, kinh tế địa phương là phần kinh tế quốc dân do cấp địa phương trực tiếp quản lý. Song vừa xây dựng kinh tế trung ương, vừa phát triển kinh tế địa phương là một bộ phận trong đường lối kinh tế của Đảng, thể hiện quy luật tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, chứ không phải chỉ là một cách thức, một biện pháp quản lý, một vấn đề phân công trong bộ máy nhà nước giữa cấp trung ương và cấp địa phương. Cơ cấu kinh tế địa phương như thế nào là đúng đắn, điều đó chủ yếu được quyết định bởi yêu cầu tất yếu của việc bố trí cơ cấu kinh tế quốc dân hợp lý trong từng chặng đường, bởi điều kiện lao động, tài nguyên và thế mạnh từng địa phương, bởi đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của các ngành kinh tế, chứ không phải chủ yếu được quyết định bởi tình hình chủ quan của bộ máy quản lý

và sự thuận tiện của công tác quản lý. Thí dụ: nếu trình độ của cấp lãnh đạo ở địa phương còn yếu so với tầm quan trọng và quy mô cần thiết của kinh tế địa phương, thì cấp trung ương phải tăng cường cấp lãnh đạo địa phương để nó có đủ sức làm nhiệm vụ, chứ không phải vì thế mà thu hẹp kinh tế địa phương lại.

Cần ban hành sớm các chính sách, chế độ cụ thể, xoá bỏ ngay các quy định gò bó, trái buộc không hợp lý, giải quyết dứt khoát và không cầu toàn các vướng mắc hiện nay giữa một số địa phương và một số ngành trung ương, bổ sung lực lượng và tăng cường giúp đỡ cho các địa phương. Tóm lại, phải rất khẩn trương làm mọi việc cần thiết để mạnh dạn mở rộng quyền hạn và trách nhiệm cho cấp huyện, quận và cấp tỉnh, thành, làm cho mỗi cấp địa phương có phạm vi chủ động rộng rãi để phát triển kinh tế địa phương đúng quy hoạch và kế hoạch cả nước, phát huy sáng kiến, khai thác tiềm năng, nâng cao tính năng động trong kinh doanh, để tự cân đối nhu cầu và đóng góp ngày càng nhiều cho cả nước. Đương nhiên, mở rộng quyền đi đôi tương ứng với nâng cao trách nhiệm và tăng cường kỷ luật, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

8. Vấn đề phát triển kinh tế có *kế hoạch*. Ngay từ đầu của quá trình tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, vì đã xác lập chế độ làm chủ tập thể, cho nên phải tuân thủ quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch. Điều quan trọng là vận dụng quy luật phát triển có kế hoạch sao cho sát với điều kiện của nước ta là sản xuất nhỏ còn phổ biến, đang ở chặng đầu tiên của quá trình từ sản xuất nhỏ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Nhất thiết phải thực hiện *ba cấp cơ bản làm kế hoạch*: cả nước, địa phương và cơ sở. Cấp kế hoạch cả nước là rất quan trọng, đó là ưu thế của chế độ xã hội chủ nghĩa; về mặt này, nước ta và các nước anh em giống nhau. Nhưng đối với nước ta, còn là sản xuất nhỏ, kế hoạch cấp cơ sở và cấp địa phương cũng rất quan trọng. Đây không phải chỉ là một vấn đề phương pháp nghiệp vụ làm kế hoạch, mà là vấn đề vận dụng trong kế hoạch hoá quy luật tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội, là vấn đề thể hiện trong kế hoạch hoá chế độ làm chủ tập thể trên ba cấp cơ bản. Các nước xã hội chủ nghĩa anh em nói chung đều có ba cấp cơ bản làm kế hoạch. Điều đặc biệt của ba cấp kế hoạch ở nước ta là thực hiện một chế độ kế hoạch hoá trên cơ sở xem địa phương là một cơ cấu kinh tế, chế độ kế hoạch hoá ấy cho phép phát huy được khả năng lao động, đất đai và các năng lực sản xuất khác, liên kết được các thành phần kinh tế, phát triển được các mối quan hệ kinh tế hợp lý ngang và dọc, trong nước và với nước ngoài, làm cho những nhân tố của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa này nở khắp toàn thân của nền kinh tế, từ các cơ sở, các địa phương, các ngành và trong cả nước.

Chúng ta phát huy ngay từ đầu tính hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội về kế hoạch hoá từ trung ương đối với toàn bộ kinh tế quốc dân, tập trung về trung ương một bộ phận lớn nguồn tích luỹ để xây dựng những công trình then chốt, nắm vững từ trung ương những cân đối lớn và những chỉ tiêu chủ yếu quyết định việc hình thành cơ cấu kinh tế mới, việc hình thành những ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng có liên quan đến những nhu cầu cơ bản của sản xuất, của việc xây

dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, của đời sống và của nhu cầu phòng thủ đất nước. Đồng thời, cũng ngay từ đầu, chúng ta mạnh dạn mở rộng quyền hạn và trách nhiệm kế hoạch hoá cho các địa phương: huyện, quận và tỉnh, thành, mở rộng quyền hạn và trách nhiệm kế hoạch hoá cho các đơn vị cơ sở của kinh tế quốc doanh (xí nghiệp) và kinh tế tập thể (hợp tác xã). Tiềm năng nằm tại địa phương và cơ sở. Chế độ kế hoạch hoá đúng đắn tạo điều kiện cho mọi địa phương, mọi cơ sở đều khai thác được mọi khả năng, phát huy được rộng rãi tính chủ động và sáng tạo, tự cân đối được nhu cầu và đóng góp vào sự nghiệp phát triển của cả nước.

Chế độ kế hoạch hoá của chúng ta gắn liền với *hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa*. Kế hoạch phải được xây dựng trên tinh thần hạch toán kinh tế, tức là phải nêu cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế xã hội. Hạch toán là một vấn đề có tính quy luật, một sự đòi hỏi khoa học và lịch sử. Còn là sản xuất nhỏ, thì sản xuất phải có lãi, có như vậy mới có tích luỹ, mới có điều kiện để công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Những năm trước mắt, nhiều xí nghiệp chưa đủ điều kiện để thực hiện chế độ hạch toán kinh tế một cách đầy đủ, song chúng ta không cầu toàn, mà phải thực hiện hạch toán kinh tế bằng được, theo nội dung và mức độ thích hợp rồi tiến lên từng bước. Ngay ở bước đầu, phải nắm thực chất của chế độ hạch toán kinh tế là mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế, trên cơ sở kế hoạch nhà nước, khuyến khích mạnh mẽ và đòi hỏi nghiêm ngặt các đơn vị kinh tế phải khai thác mọi tiềm năng, phát huy sáng kiến, sản xuất và kinh doanh có hiệu quả cao, tự bù đắp được mọi chi phí, thu được nhiều lợi

nhuận, và thực hiện sự phân phối lợi nhuận thỏa đáng, bảo đảm cả ba loại lợi ích.

Trong kế hoạch hoá và quản lý, chúng ta phải biết kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Phải kinh doanh trong nước bằng cách nấm vững và đáp ứng đúng nhu cầu thị trường cả nước và ở từng địa phương, mở rộng thị trường trong nước, phát triển các quan hệ kinh tế giữa các cơ sở và địa phương theo kế hoạch và bằng hợp đồng, không để các quan hệ hành chính quan liêu lấn át và ràng buộc hoạt động kinh tế. Phải kinh doanh xuất nhập một cách nhanh nhẹn, đặc biệt là phải biết quay vòng linh hoạt, qua nhiều loại hàng, qua nhiều thị trường, để xuất được những thứ ta có thể xuất, và nhập được những thứ ta cần nhập.

Một cơ chế kế hoạch hoá thẩm nhuần tinh thần hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, như vậy là vừa nấm vững giá trị sử dụng đồng thời rất coi trọng giá trị và quy luật giá trị. Cần gắn liền kế hoạch sản xuất với kế hoạch tài chính, vận dụng tốt các quan hệ hàng hoá - tiền tệ, các quan hệ thị trường. Đối với chúng ta, vận dụng quan hệ thị trường chủ yếu là ngay trong kế hoạch, và thị trường chủ yếu là thị trường có tổ chức; đồng thời, chúng ta ra sức sử dụng và quản lý tốt thị trường tự do. Trong toàn bộ công tác quản lý, chúng ta rất chú ý phát huy tác dụng của các *đòn bẩy kinh tế*.

Ưu thế của chủ nghĩa xã hội, như phân trên đã nói là sức mạnh của tập thể, trước hết là sức mạnh của cả nước, của từng địa phương, của từng đơn vị cơ sở; sức mạnh ấy phải được phát huy bằng kế hoạch, kết hợp với hạch toán và kinh doanh. Song ưu thế của chủ nghĩa xã hội còn là *kết hợp sức mạnh của tập thể với sức mạnh của từng cá nhân*.

Không phát huy được sức mạnh của cá nhân, ưu thế của chủ nghĩa xã hội giảm đi một nửa. Phải bằng nhiều biện pháp hành chính, tổ chức, tư tưởng, kinh tế, v.v. phát huy sức mạnh của cá nhân, trong đó có biện pháp dùng các đòn bẩy kinh tế. Đặc biệt khi lao động phần lớn còn là thủ công hoặc nửa cơ khí, khi máy móc chưa đủ để đóng vai trò là kẻ tổ chức sản xuất, là kẻ bắt buộc người lao động phải sản xuất theo đúng những nhịp điệu nhất định, những quy định về kỹ thuật nhất định, thì vai trò của các đòn bẩy kinh tế lại càng quan trọng.

Chế độ kế hoạch hoá của chúng ta rất coi trọng tính khoa học và cách mạng. Chúng ta có chế độ kế hoạch hoá đúng, đồng thời tích cực xây dựng các căn cứ khoa học cho kế hoạch, từ điều tra cơ bản, dự đoán kinh tế - xã hội, lập quy hoạch, đến xây dựng các cân đối liên ngành, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật cho công tác kế hoạch hoá.

9. *Mở rộng hợp tác quốc tế* là một vấn đề có tính quy luật. Ngày nay đối với mọi nước, quan hệ quốc tế về kinh tế là một vấn đề có tính quy luật, bởi vì trên thế giới có sự phân công lao động quốc tế: phân công trong phạm vi từng thị trường (xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa) và phân công trong phạm vi thị trường thống nhất thế giới. Chúng ta cần tham gia sự phân công lao động quốc tế, trước hết với Liên Xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế và với các nước khác để nhập những vật tư cần thiết cho sản xuất và đời sống mà chúng ta chưa tạo ra được, bằng cách xuất những sản phẩm mà nước ta có ưu thế, như nông sản nhiệt đới, một số khoáng sản, hàng tiêu dùng và thủ công mỹ nghệ.

Song điều chủ yếu làm cho hợp tác quốc tế đổi với ta thành quy luật là:

Một: Như Lenin đã nói, những nước lạc hậu muốn tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, cần có sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến. Đây chưa phải là điều kiện đủ, nhưng là điều kiện cần thiết. Đối với ta, sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác là rất quan trọng.

Hai: Ta phải công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, phải nhập kỹ thuật. Phải qua hợp tác quốc tế, chủ yếu là qua xuất nhập để làm việc ấy.

10. *Phát triển khoa học - kỹ thuật, ứng dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật tiên tiến* là một vấn đề có tính quy luật.

Ta tiến lên chủ nghĩa xã hội trong thời đại cách mạng khoa học - kỹ thuật. Đó là điều kiện rất thuận lợi. Áp dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật hiện đại cho phép đi lên sản xuất lớn bằng những con đường ngắn hơn.

Việc này gắn liền với một loạt biện pháp, trong đó phổ cập giáo dục phổ thông là một biện pháp đặc biệt quan trọng.

III- VẤN ĐỀ CHẤP HÀNH ĐƯỜNG LỐI VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thực tiễn cách mạng 5 năm qua, tuy không phải là một thời gian dài, nhưng có nội dung phong phú về các hoạt động kinh tế, đã giúp chúng ta khẳng định chắc chắn rằng: đường lối của Đảng là đúng đắn. Thắng lợi đạt được là do đã thấu suốt đường lối, quyết tâm, nghiêm chỉnh thực hiện đường lối, cụ thể hoá đường lối một cách đúng đắn và sáng tạo. Khuyến

điểm và sai lầm là do chưa thấu suốt, chưa cụ thể hoá hoặc cụ thể hoá chưa đúng đường lối. Đồng thời trong thành tựu và khuyết điểm, sai lầm, quản lý và tổ chức thực hiện cũng có phần trách nhiệm rất lớn.

A. Có một vấn đề quan trọng cần làm rõ: như thế nào là *chấp hành và cụ thể hoá đường lối* của Đảng trong từng chặng đường của sự nghiệp cách mạng, trong từng kế hoạch 5 năm?

Đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng là đúng đắn cho suốt thời kỳ quá độ đưa nước ta tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Nghĩa là đường lối ấy phải được chấp hành ngay từ khi nước ta vừa bước vào thời kỳ quá độ, qua tất cả các chặng đường, từ chặng đầu đến chặng cuối, đến khi thời kỳ quá độ kết thúc, chủ nghĩa xã hội được xây dựng thành công. Qua thực tiễn chấp hành đường lối mà dần dần bổ sung, làm cho đường lối ngày càng phong phú hơn, hoàn thiện hơn.

Cụ thể hoá đường lối của Đảng trong chặng đường đầu tiên hiện nay, kể từ khi cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, hoàn toàn không phải là đặt ra một đường lối nào khác, ngoài đường lối chung và đường lối kinh tế. Đặt vấn đề như vậy thì khác nào cho rằng đường lối của Đảng chỉ đúng chung chung cho thời gian dài, nhưng hiện nay chưa thích hợp, chưa dùng được; do đó, phải tạm gác đường lối chung ấy sang một bên, để xác định một đường lối cụ thể khác, sát với chặng đường đầu tiên này! Rõ ràng cách đặt vấn đề như vậy là không đúng, là không chấp nhận được.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, về kinh tế, cụ thể hoá đường lối của Đảng bao gồm những nội dung chính như sau:

Một là: Hoàn toàn phù hợp với đường lối chung và đường

lối kinh tế, căn cứ vào đường lối ấy và nhằm thực hiện đường lối ấy, phải vạch ra *chiến lược kinh tế – xã hội* cho từng chặng đường của thời kỳ quá độ (thời gian chừng 15 năm¹). Ba bộ phận hợp thành chủ yếu của chiến lược kinh tế – xã hội là: hệ thống các mục tiêu và các biện pháp lớn bảo đảm thực hiện mục tiêu. Những biện pháp này bao gồm chính sách phát triển (có thể coi như chính sách cơ cấu) và các chính sách kinh tế.

Chiến lược kinh tế – xã hội được cụ thể hóa thành các kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm. Chính theo ý nghĩa ấy, chúng ta thường nói rằng: “Kế hoạch nhà nước là cương lĩnh thứ hai của Đảng”. Sự hình thành cơ cấu kinh tế quốc dân hợp lý, sự vận động của các mối quan hệ kinh tế lớn, phương hướng đầu tư, chủ trương sản xuất, chính sách phân phối lưu thông, chính sách tiêu dùng..., tất cả những điều đó đều phải được xác định đúng đắn trong chiến lược kinh tế – xã hội và trong các kế hoạch nhà nước.

Hai là: Hoàn toàn phù hợp với đường lối chung và đường lối kinh tế, căn cứ vào đường lối ấy và nhằm thực hiện đường lối ấy, phải vạch ra *chiến lược xây dựng, cải tạo và phát triển của từng ngành kinh tế*, trước hết là những ngành quan trọng, có vị trí hàng đầu hoặc có vai trò then chốt. Phải dày công nghiên cứu, vạch chiến lược đúng của một loạt ngành: chiến lược nông nghiệp (trong đó có riêng chiến lược lương thực, chiến lược về một số nông sản chính), chiến lược lâm

1. Theo kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, một chiến lược kinh tế – xã hội phải bao gồm một chặng đường ít nhất 15 năm, vì 10 năm chỉ có thể phát triển trên cơ sở cơ cấu kinh tế cũ, chưa đủ để tạo ra một cơ cấu kinh tế mới.

nghiệp, chiến lược thủy sản, chiến lược hàng tiêu dùng (trong đó có riêng chiến lược về vải mặc), chiến lược điện, chiến lược than, chiến lược dầu và khí, chiến lược cơ khí, chiến lược luyện kim, chiến lược hoá chất, chiến lược giao thông vận tải, chiến lược kinh tế đối ngoại. Phải vạch ra những chiến lược và chủ trương cụ thể về thị trường, giá cả, tài chính, cung ứng vật tư, v.v. nghĩa là chiến lược cụ thể về phân phối lưu thông. Cũng có thể xếp vào loại chiến lược bộ phận này một loạt chiến lược rất quan trọng là chiến lược phát triển kinh tế địa phương, đặc biệt là *xây dựng 400 huyện*.

Tuy gọi là chiến lược bộ phận, song các chiến lược nói trên đều có ý nghĩa cả nước, sự chính xác hoặc sai sót ở đây có hệ quả sâu rộng đến toàn bộ nền kinh tế quốc dân, đến đời sống của cả xã hội.

Ba là: Hoàn toàn phù hợp với đường lối chung và đường lối kinh tế, căn cứ vào đường lối ấy và nhằm thực hiện đường lối ấy, phải vạch ra một *hệ thống quản lý kinh tế – xã hội* đúng đắn. Những bộ phận hợp thành chủ yếu của hệ thống quản lý là hệ thống tổ chức sản xuất và kinh doanh, chế độ kế hoạch hóa, các chính sách đòn bẩy, chế độ hạch toán kinh tế và kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý và chế độ làm việc. Cần nói rõ thêm rằng: việc vạch ra (thiết kế) hệ thống quản lý thì thuộc về lĩnh vực cụ thể hóa đường lối, còn việc áp dụng (vận hành) hệ thống quản lý là thuộc về lĩnh vực tổ chức thực hiện.

B. Chúng ta đã nhiều lần nhấn mạnh rằng sau khi đã có đường lối, thì công tác *quản lý và tổ chức thực hiện* có vai trò cực kỳ quan trọng, quyết định bản thân vận mệnh của đường lối.

Việc tổ chức thực hiện bao gồm những nhân tố chính như sau:

Một là, ý chí chiến đấu cách mạng, tinh thần hăng hái vươn lên, không ngại khó, ngại khổ, đi đôi với ý thức tổ chức, kỷ luật, thái độ nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng.

Hai là, thiết lập cho được cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, thành một hệ thống có sức mạnh tổng hợp to lớn, trong đó mỗi bộ phận đều mạnh: Đảng mạnh, Nhà nước mạnh, các đoàn thể quần chúng mạnh, nhân dân thực sự làm chủ tập thể, và giữa các bộ phận có những mối quan hệ đúng đắn, từ cơ sở, các địa phương, các ngành, đến cả nước. Ở trên đã nói, việc xây dựng các cơ cấu kinh tế địa phương, trong đó quan trọng vào bậc nhất là 400 huyện. Ở đây nói thêm: phải xây dựng các *ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng*, phải kiện toàn bộ máy nhà nước như *Hội đồng Bộ trưởng* và các bộ, các uỷ ban nhân dân các cấp.

Sức mạnh của hệ thống tổ chức là ở tính hợp lý của các chức năng, nhiệm vụ, tính chính xác của các mối quan hệ, đồng thời là ở năng lực và phẩm chất của con người, của *cán bộ*. Hiện nay, điều quyết định để bảo đảm hiệu lực của tổ chức là thực hiện đầy đủ chính sách cán bộ của Đảng, điều này đòi hỏi cải tiến mạnh mẽ các khâu quy hoạch, lựa chọn, đề bạt, sắp xếp, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ.

Ba là, có một chế độ làm việc thực sự cách mạng và khoa học, về chuẩn bị quyết định, ra quyết định và thực hiện quyết định. Ở đây, cần nhấn mạnh vai trò quan trọng và trách nhiệm rất lớn của các ban tham mưu của Đảng và Nhà nước, của việc sử dụng sự hiểu biết của các nhà chuyên môn,

các cán bộ khoa học - kỹ thuật trong từng lĩnh vực. Đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng rất lớn của công tác điều hành, công tác kiểm tra, và của việc thưởng, phạt nghiêm minh.

Những ưu điểm, khuyết điểm và những bài học của chúng ta trong 5 năm qua về cụ thể hoá đường lối của Đảng và về quản lý và tổ chức thực hiện đã được phân tích trong *Báo cáo chính trị* và trong bản kiểm điểm nội bộ.

C. Nhân tố quyết định mọi thắng lợi là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng

Đảng ta có những ưu điểm rất lớn, đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành được thắng lợi vĩ đại cho cách mạng Việt Nam. Song hiện nay, tình hình tổ chức và tư tưởng trong Đảng có những mặt giảm sút; trình độ của Đảng nói chung chưa ngang tầm của nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng là một việc hết sức cần thiết và cấp bách trong lúc này.

Phải phấn đấu liên tục cho Đảng ta được trang bị vững chắc chủ nghĩa Mác - Lê nin, nắm vững hơn nữa đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội lần thứ IV vạch ra, loại trừ mọi ảnh hưởng của chủ nghĩa cơ hội. Phải xây dựng Đảng ta đủ sức làm tròn sứ mệnh lịch sử xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và... bảo vệ vững chắc thành quả của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê nin, góp phần giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh "ai thắng ai" trên phạm vi thế giới.

- Phải xây dựng Đảng ta từ chỗ chỉ thành thạo trong cách mạng dân tộc dân chủ, trong lãnh đạo đánh giặc, trở thành một Đảng *thành thạo cả trong lãnh đạo cách mạng*.

xã hội chủ nghĩa, lãnh đạo xây dựng kinh tế. Phải nâng cao trình độ hiểu biết của Đảng về quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhất là quy luật kinh tế. Phải đào tạo một đội ngũ cán bộ biết quản lý kinh tế, quản lý xã hội, đặc biệt là thành thạo về kinh doanh, buôn bán và hiểu biết khá về khoa học - kỹ thuật.

- Phải đấu tranh khắc phục những khuyết điểm của Đảng về tính cách mạng, tính khoa học, về óc thực tiễn và óc sáng tạo. Đảng viên phải rèn luyện thành những chiến sĩ bônsêvích: trung thành, tận tụy, hy sinh, xả thân. Phải loại trừ cho được những tật bệnh đang đục khoét cơ thể của Đảng, làm giảm phẩm chất cách mạng của người cộng sản. Phải đưa ra khỏi Đảng những phần tử cơ hội, thoái hoá, biến chất, sâu mọt, thu hút vào Đảng những phần tử ưu tú trong nhân dân lao động được rèn luyện và trưởng thành trong sản xuất và chiến đấu.

- Phải giữ vững nguyên tắc léninnít trong sinh hoạt đảng, thực hành tự phê bình, phê bình nghiêm túc.

- Phải kế thừa và giữ vững truyền thống của Đảng, truyền thống của một đảng cách mạng kiên cường, đoàn kết nhất trí, luôn luôn là một ý chí và chỉ một mà thôi, không chồng chênh nghiêng ngả trước mọi phong ba, bão táp.

*

* *

Năm năm qua, trong cục diện chung của cách mạng, bên cạnh những thắng lợi và thành tựu to lớn, thực trạng kinh tế- xã hội có nhiều khó khăn, và có những khó khăn nghiêm trọng, đồng thời cũng bộc lộ những khuyết điểm, sai lầm của

chúng ta trong lãnh đạo và quản lý kinh tế. Hiện nay, vấn đề nóng hổi trong hoạt động và đời sống, trong ý nghĩ và tâm tư của cán bộ và nhân dân là làm sao chuyển biến được tình hình, khắc phục sự chậm chạp của sản xuất, chấm dứt sự lộn xộn của phân phôi, lưu thông, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, giải quyết những thiếu thốn quá đáng trong đời sống và đưa nền kinh tế tiến lên.

Vì những khó khăn và khuyết điểm sai lầm kéo dài, cho nên trong tâm tư của cán bộ và nhân dân, có sự thiếu tin tưởng vào khả năng chuyển biến tình hình.

Kỳ này chúng ta cần thảo luận ráo riết để khắc phục tâm tư ấy, tạo ra niềm tin mãnh liệt, trước hết là ở trong chúng ta.

Khắc phục những khó khăn và khuyết điểm sai lầm, chuyển biến được tình hình không phải là giản đơn, và cũng không nên nghĩ đến một vài biện pháp giản đơn. Muốn chuyển biến, phải phấn đấu trên nhiều mặt, *phải chuyển toàn diện. Phải chuyển trên tất cả các lĩnh vực từ cụ thể hóa đường lối đến hệ thống quản lý và tổ chức thực hiện, từ trung ương đến cơ sở. Đặc biệt là bản thân Đảng ta phải chuyển.*

Những khó khăn lớn trước mắt về kinh tế xét thực chất và trong một chừng mực rất lớn, là sự thể hiện những khó khăn cơ bản của quá trình tiến thẳng từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong điều kiện cụ thể của nước ta. Đó chính là những khó khăn cơ bản đang diễn ra hằng ngày trong cuộc sống một cách bức xúc.

Vì vậy, tìm cách vượt qua những khó khăn trước mắt, chúng ta gấp con đường và những biện pháp cơ bản để đưa đất nước, đưa nền kinh tế tiến lên, nhìn chung suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, và nhìn sát hơn cho chặng

đường của kế hoạch 5 năm 1981-1985 và những năm 80.

Hơn bao giờ hết, cần có sự hiểu đúng, sự nhất trí cao, sự cụ thể hoá tốt, sự tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh và có hiệu lực đối với đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng.

Hãy thử đặt câu hỏi: phải chăng có thể tạm gác những vấn đề cơ bản sang một bên, và do đó, cũng tạm chưa thi hành đường lối, chủ trương có tính chất cơ bản, để vạch ra những chủ trương khác - những chủ trương cấp bách mà tình thế đang đòi hỏi - nhằm tập trung toàn bộ lực lượng giải quyết những vấn đề bức xúc của thực trạng kinh tế - xã hội trước mắt, tạo ra những tiền đề cần thiết, sau đó sẽ nói tới những vấn đề cơ bản, sẽ thực hiện đường lối cơ bản để tiến lên?

Những vấn đề bức xúc hiện nay là gì? Là thiếu lương thực, thực phẩm, nhất là phần lương thực của Nhà nước; là thiếu vải mặc, thiếu những hàng tiêu dùng thiết yếu nhất cũng như những hàng tiêu dùng thông thường; là thiếu điện, than, xăng dầu, thiếu vật tư kỹ thuật cho nông nghiệp, thiếu nguyên liệu cho công nghiệp; là sự ì ạch về giao thông vận tải. Từ sự trì trệ, chậm chạp của sản xuất, cộng thêm những sai lầm kéo dài về quản lý và tổ chức thực hiện, đã dẫn đến tình trạng mất cân đối nặng nề về xuất - nhập khẩu và thanh toán quốc tế, bội chi rất nghiêm trọng về tài chính và tiền tệ, có phần rõ rệt về giá cả và thị trường, các hiện tượng tiêu cực phát triển. Tóm lại, vấn đề bức xúc hiện nay là bảo đảm nhu cầu tối thiểu về ăn, mặc, ở, đồ dùng hằng ngày, đi lại, học hành, chữa bệnh của nhân dân, bảo đảm guồng máy sản xuất xã hội chạy được đều đặn, bình thường, các năng lực sản xuất sẵn có được sử dụng, từ đó mà thiết lập trật tự mới

trên mặt trận phân phôi, lưu thông, tiêu dùng, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực về kinh tế - xã hội.

Chỉ cần kể ra những sự thiếu thốn và gọi tên những vấn đề, cũng đủ thấy rõ đây vừa là những yêu cầu cấp bách trước mắt mà cũng chính là những yêu cầu cơ bản, nói đúng hơn, đây là phần cấp bách của nhiều yêu cầu cơ bản. Chính đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng đã được vạch ra nhằm giải quyết những yêu cầu vừa cấp bách vừa cơ bản này, từ đó đưa đất nước tiến lên, chứ không phải để làm gì khác.

Muốn đáp ứng những yêu cầu vừa cấp bách vừa cơ bản trên đây, phải sắp xếp lại nền kinh tế, bao gồm cả cơ cấu xây dựng cơ bản, cơ cấu sản xuất và cơ cấu phân phôi, lưu thông, tiêu dùng. Điều đó là đúng. Song, sắp xếp lại nền kinh tế hoàn toàn không chỉ có nghĩa là soát xét danh mục các công trình xây dựng để định hoãn một số công trình chưa cần thiết hoặc không có hiệu quả, và phân loại các xí nghiệp sẵn có xem loại nào đáng được ưu tiên cung ứng điện, than và các phương tiện vật chất khác, loại nào được cung ứng một phần, loại nào cần chuyển hướng sản xuất, loại nào quá thua lỗ, nên đóng cửa. Nếu sắp xếp lại nền kinh tế chỉ là như thế thì quá giản đơn, hình như tất cả vấn đề chỉ là sửa chữa một số sai sót về đầu tư, và điều chỉnh các cơ sở cho thích nghi với tình hình thiếu năng lượng và nguyên liệu. Không phải thế. Sắp xếp lại nền kinh tế là công việc chúng ta đã làm ngay từ khi miền Nam được giải phóng, cả nước thống nhất, và hiện nay vẫn phải tiếp tục làm một cách chính xác hơn, vững chắc hơn. Sắp xếp lại nền kinh tế có nội dung cơ bản nhất và quan

trọng nhất là cải tạo cả bản chất và chuyển lại cả phương hướng của kinh tế quốc dân, tổ chức lại toàn bộ nền sản xuất xã hội, xoá bỏ tình trạng sản xuất nhỏ, khắc phục hậu quả chiến tranh và sự chia cắt lâu dài của đất nước, loại trừ di sản độc hại của chủ nghĩa thực dân mới, hình thành cơ cấu kinh tế mới theo đúng đường lối của Đảng.

Chỉ có thấu suốt đường lối của Đảng về cơ cấu kinh tế, thì mới sửa chữa được những sai lầm về đầu tư, và làm cho guồng máy sản xuất, phân phối, lưu thông, tiêu dùng chạy được đều đặn, theo quy đạo đúng của sự phát triển.

Năm năm qua, chúng ta có ngày càng nhiều những xí nghiệp, hợp tác xã, một số huyện, tỉnh và ngành, mà điều kiện và phương tiện không hơn, thậm chí có khi còn kém các đơn vị khác, nhưng đã thu được thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh tế, hoặc là thành tích tương đối toàn diện, hoặc là thành tích về từng mặt. Điều rất hay là chính cán bộ và quần chúng ở cơ sở và địa phương đã có những sáng kiến có giá trị lớn, có tác dụng phổ biến, chứng minh và góp phần cụ thể hoá đường lối của Đảng.

Những đơn vị đạt thành tích tốt có đơn vị ở trong Nam, có đơn vị ở ngoài Bắc, mỗi đơn vị có những đặc điểm và điều kiện riêng, thành tích của các đơn vị có những khía cạnh khác nhau, từng đơn vị có cách làm và bước đi của mình. Song, tất cả các đơn vị ấy đều có một số điểm chung. Đó là: tất cả các đơn vị ấy đều tin tưởng, hăng hái chấp hành đường lối của Đảng, đều thực hiện được - ở mức độ khác nhau - quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, đều tìm được cách sử dụng tốt lao động, đất đai và các năng lực sẵn có, đều biết coi trọng hiệu quả kinh tế trong kế hoạch,

hạch toán và kinh doanh, đều vận dụng được sự thống nhất giữa ba lợi ích, đều nhạy cảm với cái mới và mạnh dạn phát huy sáng kiến, đều phát động được phong trào quần chúng, và trong nhiều trường hợp, nội dung của phong trào đã dần dần bao quát được ba cuộc cách mạng. Tóm lại, các đơn vị xuất sắc đã kiên quyết chấp hành và chấp hành đúng đường lối của Đảng.

Cần vạch rõ ràng: *đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng không thay thế cho kế hoạch nhà nước, không thay thế cho các chủ trương cụ thể. Đường lối và kế hoạch cũng không thay được công tác quản lý và tổ chức thực hiện.* Xây dựng kế hoạch 5 năm và hằng năm phải rút bài học kinh nghiệm những năm qua để loại trừ cách làm kế hoạch vừa không thấu suốt đường lối của Đảng, vừa thiếu căn cứ, không xuất phát đầy đủ từ thực tế, không làm ở ba cấp cơ bản, không làm từ cơ sở, không hạch toán kinh tế, không kinh doanh, gây ra những tổn thất không đáng có. Kế hoạch nhà nước phải theo sát những chủ trương cụ thể được xác định đúng đắn cho từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương và cả đến từng cơ sở. Kế hoạch phải dựa trên những phương án kinh tế - kỹ thuật được lựa chọn kỹ, phải cân đối rất vững chắc, thiết thực và đồng bộ, cân đối cho cả nền kinh tế và cân đối cho từng công việc quan trọng. Kế hoạch phải có hệ thống chỉ tiêu định lượng cụ thể, nêu ra những mức độ phấn đấu được cân nhắc chặt chẽ, rõ ràng có khả năng hiện thực đạt và vượt mức. Tất cả những điều trên đây là hoàn toàn cần thiết và cực kỳ quan trọng.

Song, toàn bộ kế hoạch nhà nước cũng như các chủ trương cụ thể về từng ngành, từng lĩnh vực phải hoàn toàn

phù hợp với đường lối của Đảng, chứ không thể ra ngoài hoặc sai chêch đường lối.

Trước mắt chúng ta là triển vọng rất tốt đẹp của sự nghiệp cách mạng, đồng thời là những năm phấn đấu rất gian khổ. Phải sản xuất nhiều hơn, tốt hơn, với những phương tiện vật chất bằng hoặc ít hơn trước. Phải hết sức tiết kiệm trong tiêu dùng cho xây dựng, sản xuất, quốc phòng cũng như đời sống, coi mọi sự lãng phí là phạm tội với đất nước, nhất thiết không tiêu dùng quá khả năng sản xuất, nhất thiết phải dành dụm để tăng lực lượng dự trữ, để có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế quốc dân.

Chúng ta phải ra sức vươn lên, nắm vững đường lối của Đảng, cụ thể hoá đường lối một cách đúng đắn, làm tốt kế hoạch, hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện và điều hành công việc một cách nghiêm chỉnh, có kỷ luật và hiệu lực cao, phát động cho được phong trào cách mạng của nhân dân lao động ở nông thôn và thành thị. Lúc này hơn bao giờ hết, phải nêu cao ý chí cách mạng, tinh thần chiến đấu kiên cường, nhằm thắng vào khó khăn và chiến thắng khó khăn. Từ trung ương, các ngành, các địa phương đến cơ sở, phải cùng nhau chuyển, ra sức phát huy mọi khả năng, xoá bỏ những quy định quan liêu, trói buộc, đồng thời giữ vững tập trung dân chủ, khắc phục tình trạng vô kỷ luật và óc bản vị, địa phương chủ nghĩa. Phải dồn sức của tất cả các cấp hướng về cơ sở, chỉ đạo, giúp đỡ và phục vụ cho cơ sở, coi cơ sở sản xuất, kinh doanh là tiền tuyến của mặt trận kinh tế, tạo cho được một *phong trào cách mạng sôi nổi ở cơ sở*.

Làm được như vậy, nhất định chúng ta sẽ vượt qua

những khó khăn hiện nay, thực hiện được một sự chuyển biến rõ rệt của cục diện kinh tế, thu hẹp những mặt mảng đối bức bách nhất, đáp ứng những nhu cầu cấp thiết nhất, nâng cao lòng tin tưởng và phấn khởi của cán bộ, đảng viên và quần chúng, sáng tạo điều kiện cho những bước tiến mạnh mẽ trong chặng đường tiếp sau.

Chúng ta nhất định phấn đấu để đoàn kết toàn Đảng, lãnh đạo toàn dân, toàn quân ta hăng hái tiến lên giành những thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 10
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

Ngày 2 tháng 11 năm 1981

Sau ba tuần làm việc khẩn trương với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp hành Trung ương đã thu được kết quả tốt. Đây là thắng lợi quan trọng trong quá trình chuẩn bị Đại hội lần thứ V của Đảng. Hội nghị đã thể hiện được sự đoàn kết nhất trí trong Trung ương, giữa tập thể Trung ương với Bộ Chính trị. Hội nghị đã nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc, thể hiện quyết tâm của Trung ương nhìn thẳng vào khuyết điểm, khó khăn để tìm biện pháp thực hiện một sự chuyên biến thật sự trong công tác lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước, nhằm đưa đất nước vượt khỏi tình trạng không bình thường về kinh tế - xã hội hiện nay và tiến lên thu được thắng lợi mới.

Kể cả việc trao đổi ở tổ và thảo luận ở hội trường, đã có 127 đồng chí Trung ương phát biểu ý kiến, và hầu hết đã biểu thị nhất trí với nội dung của dự thảo *Báo cáo chính trị*.

Căn cứ vào ý kiến phát biểu của các đồng chí Trung ương, xin trình bày sau đây ý kiến kết luận của Bộ Chính trị.

**I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH, THẮNG LỢI VÀ THÀNH TÍCH,
KHUYẾT ĐIỂM VÀ SAI LẦM**

A. Thắng lợi và thành tích

Năm năm qua đi vào lịch sử dân tộc như một chặng đường thắng lợi rất vang danh của cách mạng Việt Nam. Vượt qua những khó khăn to lớn và chồng chất, nhân dân ta đã đưa cách mạng Việt Nam phát triển lên một thế chiến lược mới, vững chắc hơn bất kỳ thời kỳ nào khác trong lịch sử, tạo ra khả năng dồi dào để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

1- Chúng ta đã nhanh chóng thực hiện một loạt chính sách có tác dụng thúc đẩy quá trình *thống nhất nước nhà về mọi mặt*, tạo ra cuộc sống chung chan hòa của cả dân tộc.

2- Chúng ta đã thiết lập vững vàng hệ thống chuyên chính vô sản trong cả nước, bước đầu thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, *bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội*, mở rộng quyền tự do dân chủ của nhân dân, đập tan kế hoạch hậu chiến của Mỹ và những âm mưu gây nội loạn...

3- Thắng lợi của *hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc* là thắng lợi có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn.

4- Chúng ta thu được thắng lợi có tính chiến lược trong việc tăng cường liên minh chiến đấu và thế chiến lược liên hoàn chưa từng có của cách mạng ba nước Đông Dương, trong việc mở rộng hợp tác toàn diện giữa nước ta với Liên Xô

(về nội bộ, chúng ta hiểu đây là liên minh chiến lược), và phát triển sự hợp tác giữa nước ta với cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta cũng tiếp tục nhận được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

5- Về mặt kinh tế, mặt dầu công tác quản lý của chúng ta có những khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng, và chúng ta phải hết sức nghiêm khắc đối với khuyết điểm, sai lầm đó, song nhân dân lao động cả nước, công nhân, nông dân, cán bộ, các ngành, các địa phương, kể cả lực lượng vũ trang, đã phấn đấu kiên cường, khắc phục vô vàn khó khăn, và đã làm được nhiều việc.

Những việc đã làm được là:

- Chúng ta đã khắc phục những hậu quả nặng nề do chiến tranh xâm lược của Mỹ và... cùng bè lũ tay sai gây ra. Những cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải ở miền Bắc bị phá hoại trong chiến tranh, đến nay về cơ bản đã được khôi phục. Những vùng nông thôn rộng lớn ở miền Nam bị chiến tranh tàn phá đã được xây dựng lại.

- Hàng triệu người đã được giúp đỡ về lại quê cũ đoàn tụ với gia đình và tham gia xây dựng đất nước. Cả triệu người thất nghiệp ở vùng mới giải phóng đã được thu xếp công ăn việc làm. Đã phục hồi nhân phẩm cho hàng vạn nạn nhân của lối sống và văn hoá đồi trụy dưới chế độ cũ.

- Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, đã xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản ở miền Nam, đã cấn bản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp ở các tỉnh Khu V cũ; đã bước đầu tổ chức đưa nông dân ở các tỉnh Nam Bộ cũ vào con đường làm ăn tập thể hoá bằng hình thức tập đoàn sản xuất.

- Năng lực sản xuất của các ngành kinh tế được tăng

cường một bước, tuy rằng việc phát huy năng lực này chưa tốt. Nhiều cơ sở kinh tế đang xây dựng chưa xong, sẽ phát huy tác dụng trong thời gian của kế hoạch 1981-1985.

- Sản xuất tuy chưa đáp ứng được nhu cầu, nhưng một số mặt có phát triển trong thời gian kế hoạch 1976-1980, hoặc so với thời kỳ 1971-1975.

Nhiều tỉnh trước kia luôn luôn thiếu ăn, lúc mới giải phóng phải nhờ vào sự giúp đỡ của trung ương về lương thực và thực phẩm, nay đã tự đáp ứng được nhu cầu, có tỉnh đã đóng góp được cho trung ương.

- Về đời sống, chúng ta đã vượt qua được nạn đói uy hiếp nghiêm trọng ở nhiều vùng, có lúc lên đến mấy triệu người. Đời sống của nhân dân ta còn nhiều thiếu thốn. Song ở nhiều nơi, nhất là trong vùng nông thôn, có được cải thiện rõ rệt trên một số mặt.

Phải thấy hết những khó khăn mà nhân dân ta đã vượt qua để làm được những việc trên đây. Đó là hậu quả rất nặng nề của 30 năm chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới, chỉ riêng trong việc tháo gỡ bom mìn, phục hoà ruộng đất, hàng nghìn đồng bào và chiến sĩ đã anh dũng hy sinh; đó là những đảo lộn to lớn về kinh tế - xã hội sau chiến tranh, những nhiệm vụ hết sức nặng nề về an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội phải giải quyết song song với những nhiệm vụ trên mặt trận kinh tế; đó là thiên tai nặng và liên tiếp; đó là việc... đột ngột cắt viện trợ, rút chuyên gia,... gây ra hai cuộc chiến tranh làm chúng ta thiệt hại về người, về của và khiến cho chi phí quốc phòng tăng đột ngột đến mức rất cao; đó là cuộc chiến tranh phá hoại toàn diện... thường xuyên chống nước ta. Vì vậy, chúng ta đánh giá những việc đã làm được là

những *thành tựu đáng kể*. Nói như thế là đúng mức, là khẳng định sự nỗ lực to lớn, lao động quên mình, thậm chí cả hy sinh xương máu của nhân dân lao động, của đảng viên, nhân viên và cán bộ nhà nước, của các địa phương và các ngành. Chúng ta có những khuyết điểm, sai lầm nghiêm trọng và những khó khăn lớn trên mặt trận kinh tế, do đó, chúng ta không nói thắng lợi to lớn, tuy rằng nói thắng lợi to lớn cũng không có gì gượng ép. Trên một số lĩnh vực và ở khá nhiều địa phương, đúng là có thắng lợi to lớn. Không nên vì khuyết điểm, sai lầm và hiện nay có khó khăn mà phủ nhận thành tựu của nhân dân lao động.

Chúng ta phải rút bài học về làm ăn có hiệu quả. Hiệu quả là một trong những tiêu chuẩn cao nhất, song không phải là tiêu chuẩn duy nhất để đánh giá thành tựu. Vả lại, những tiêu chuẩn về hiệu quả cũng cần phải được xác định một cách đúng đắn và trong hiệu quả cuối cùng của sản xuất và xây dựng, phải tính đến những yếu tố như thiên tai, địch phá, v.v..

Coi những công suất mới được tạo ra trong công nghiệp, nông nghiệp và các ngành kinh tế khác là những thành tựu đáng kể không mâu thuẫn với nhận định rằng công tác đầu tư xây dựng cơ bản có nhiều khuyết điểm, sai lầm. Những khuyết điểm, sai lầm trong đầu tư xây dựng cơ bản về phương hướng và cơ cấu đầu tư chung cũng như về phương hướng và cơ cấu đầu tư trong từng ngành, về kết hợp quy mô lớn, vừa và nhỏ, về kết hợp đầu tư chiều rộng và đầu tư chiều sâu, về bố trí tiến độ xây dựng, dàn mỏng, không tập trung, về lãng phí trong thiết kế và thi công, v.v., cộng với những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong bố trí kế

hoạch kinh tế và điều hành kinh tế làm cho mặc dù đã đầu tư 18 tỷ đồng, tăng được 10,4 tỷ đồng tài sản cố định, nhưng tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân không tăng (sự không tăng này còn do những nguyên nhân khác quan khác nữa). Điều đó không có nghĩa là các công trình đã và đang xây dựng là không có tác dụng mà trái lại, hầu hết các công trình đều đã và sẽ đem lại sản phẩm mới cho nền kinh tế quốc dân, ví dụ: Nhà máy giấy Bãi Bằng đã một phần đi vào sản xuất; các nhà máy ximăng; các nhà máy cọc sợi làm xong sẽ tăng công suất kéo sợi lên gấp đôi, cân đối được năng lực kéo sợi với năng lực dệt; 1,8 triệu ha đất gieo trồng mới đã cho sản phẩm. Nhà máy điện Phả Lại khi xây dựng xong sẽ tăng công suất phát điện của miền Bắc lên ba lần - không làm sớm một nhà máy điện cỡ 10-15 vạn kilôát để có điện sớm là sai về chủ trương, còn khi Nhà máy điện Phả Lại làm xong thì đó là một thành tựu lớn, v.v.. Tất nhiên, có một số công trình làm ra không có tác dụng hay còn lâu mới phát huy tác dụng, gây lãng phí, nhưng số này chiếm tỷ lệ không lớn lắm.

6- Về mặt *văn hoá*, xây dựng nền văn hoá mới, đấu tranh loại trừ văn hoá phản động, dối truy, lạc hậu do chế độ cũ để lại, bên cạnh những khuyết điểm, chúng ta đã thu được nhiều thành tựu.

Xin nói thêm một điểm về thắng lợi trên mặt trận đối ngoại. Vì thắng lợi của chúng ta trong chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc có ý nghĩa thời đại rất to lớn, vì sự nghiệp của chúng ta tiêu biểu cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội chân chính, cho nền Mỹ,... cùng bọn đế quốc và phản động quốc tế khác tìm mọi cách vu khống, nói xấu

ta, hòng bôi nhọ hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế. Hiện nay, chúng đang lấy vấn đề người di tản và vấn đề Campuchia để lén án chúng ta. Chúng đã, đang và còn tìm cách tổ chức người di tản để chống phá ta lâu dài (việc này chúng không chỉ thực hiện đối với Việt Nam mà còn đối với nhiều nước khác).

Trên một số diễn đàn quốc tế, như tại Đại hội đồng Liên hợp quốc vừa qua, số đông các nước bỏ phiếu chống ta trong vấn đề Campuchia. Trong khi xem xét sự việc này, không nên lẫn lộn hiện tượng với bản chất. Hơn nữa, về thái độ của các nước trong những vấn đề nói trên, chúng ta nên phân biệt thái độ của nhân dân và thái độ của các chính phủ. Về thái độ của nhân dân, nếu có một bộ phận nào đó chưa đồng tình với chúng ta, thì ta phải xét đến ảnh hưởng của sự tuyên truyền của địch và những thiếu sót của chúng ta trong công tác tuyên truyền đối ngoại. Về thái độ của các chính phủ, chúng ta nên xem xét dưới nhiều giác độ.

Chúng ta... giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng, là làm việc chính nghĩa, phù hợp với xu thế của thời đại, phù hợp với những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Vì vậy, không nên căn cứ vào một số hiện tượng mà kết luận rằng hình ảnh của Việt Nam lu mờ, Việt Nam bị cô lập trên trường quốc tế. Bằng việc làm tốt công cuộc bảo vệ Tổ quốc, đồng thời làm tròn nhiệm vụ giúp đỡ cách mạng Lào và cách mạng Campuchia, bằng việc khắc phục những khuyết điểm, sai lầm của chúng ta trong lãnh đạo và quản lý kinh tế và xã hội để cải thiện tình hình mọi mặt hiện nay, chúng ta nhất định sẽ làm cho hình ảnh của Việt Nam luôn luôn đẹp

đẽ trước nhân dân thế giới, và đó cũng là nghĩa vụ quốc tế của chúng ta đối với cả nghìn triệu người trong các nước đang phát triển.

B. Nguyên nhân của những thắng lợi và thành tựu

1- Đường lối đúng đắn của Đảng. Hội nghị Trung ương khẳng định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa do Đại hội IV của Đảng đề ra là đúng đắn và sáng tạo. Đường lối ấy đã vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác-Lênin, vận dụng đúng đắn kinh nghiệm của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, tổng kết kinh nghiệm 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và 30 năm chiến tranh giải phóng, và dựa trên sự đánh giá chính xác những đặc điểm lớn nhất của tình hình đất nước ta. Ba đặc điểm lớn của giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta do Đại hội IV nêu ra, nay nhìn lại là chính xác đối với lúc bấy giờ, và đối chiếu với tình hình hiện nay, vẫn chính xác. Các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và các nghị quyết của Bộ Chính trị cụ thể hoá đường lối của đại hội, là đúng đắn, và có những nghị quyết ra rất kịp thời, như Nghị quyết 2, Nghị quyết 4, Nghị quyết 6, Nghị quyết 9... Chính là nhờ chấp hành Nghị quyết Đại hội và Nghị quyết 2 của Trung ương, mà các địa phương, nhất là các tỉnh mới giải phóng ở miền Nam, đã thu được những thành tựu lớn về nông nghiệp. Dưới ánh sáng của Nghị quyết 4 của Trung ương, đã thực hiện được sự chuyển hướng mau lẹ, kiên quyết, kịp thời, do đó đã chiến thắng trong hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

2- Sự lãnh đạo vững vàng của Trung ương Đảng và Bộ Chính trị.

3- Sự anh dũng, kiên cường của nhân dân, quân đội, chiến sĩ công an, sự nỗ lực của đảng viên và cán bộ các ngành, các địa phương, các đơn vị vũ trang.

4- Sự hợp tác giúp đỡ to lớn kịp thời và có hiệu lực của Liên Xô, sự ủng hộ và hợp tác của nhân dân Lào và Campuchia, sự giúp đỡ và hợp tác của các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

5- Sự đồng tình và ủng hộ của bầu bạn khắp nơi và của nhân dân tiến bộ trên thế giới.

C. Nguyên nhân của khó khăn, tiêu cực trong đời sống kinh tế và xã hội

Trước hết, nói về kinh tế. Những khó khăn, tiêu cực về kinh tế có những nguyên nhân khách quan rất quan trọng. Nói nguyên nhân khách quan không phải để giảm nhẹ khuyết điểm, sai lầm chủ quan của chúng ta, mà vì đây là sự thật. Những nguyên nhân khách quan đó là:

- 1- Sản xuất nhỏ.
- 2- Hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh ác liệt và chủ nghĩa thực dân cũ và mới; sự đảo lộn lớn về kinh tế, xã hội sau chiến tranh.
- 3- Hành động thù địch... tiếp đó là chiến tranh mới... ở biên giới Tây Nam và ở phía Bắc.
- 4- Kiểu chiến tranh phá hoại toàn diện... chống nước ta.
- 5- Thiên tai liên tiếp.
- 6- Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế trên thế giới.
- 7- Sự thiếu hiểu biết của chúng ta về kinh tế và quản lý

kinh tế (đây là nhân tố chủ quan, nhưng cũng là sản phẩm khách quan của một hoàn cảnh lịch sử).

Những nhân tố khách quan này là tác nhân rất lớn gây ra những khó khăn của chúng ta về kinh tế. Giả sử chúng ta không phạm những khuyết điểm, sai lầm chủ quan thì tình hình kinh tế hiện nay tuy ít khó khăn hơn, nhưng chắc chắn vẫn còn rất khó khăn, những mất cân đối lớn chưa thể khắc phục được.

Cần làm rõ nguyên nhân khách quan để chuẩn bị tư tưởng cho toàn Đảng, toàn dân hiểu rõ khó khăn, không có ảo tưởng, đồng thời nêu cao ý chí phấn đấu cách mạng cho mọi người để ai nấy đều nỗ lực cao nhất, góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Về khuyết điểm, sai lầm chủ quan: Khuyết điểm, sai lầm chủ quan của chúng ta là rất nghiêm trọng; trong những mặt nhất định, đó là nguyên nhân chủ yếu gây ra hoặc làm trầm trọng thêm tình hình khó khăn hiện nay.

Muốn phân tích chính xác khuyết điểm, sai lầm về kinh tế, cần phải tổng kết kinh tế. Việc đó hiện nay đang làm. Lần này, chúng ta tạm kết luận một số vấn đề.

Như trên đã nói, chúng ta khẳng định đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội IV của Đảng đề ra là đúng và sáng tạo. Đường lối ấy cũng là quy luật và những vấn đề có tính quy luật của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chúng ta khẳng định đường lối ấy có giá trị và cần được thực hiện *trong suốt thời kỳ quá độ, bao gồm cả chang đầu của thời kỳ ấy*. Khuyết điểm, sai lầm chính của chúng ta là khuyết điểm, sai lầm về cụ thể

hoá đường lối, thi hành các nghị quyết của đại hội và của Ban Chấp hành Trung ương, về quản lý và kế hoạch hoá, và về tổ chức và chỉ đạo thực hiện. Sau đây là những khuyết điểm, sai lầm cụ thể:

1- Chúng ta có những biểu hiện chủ quan, nóng vội và bảo thủ, trì trệ

Biểu hiện chủ quan: Đánh giá chưa đúng mức quy mô và tầm cỡ của những khó khăn trong thực trạng kinh tế - xã hội sau chiến tranh: sự đảo lộn về kinh tế và xã hội, hậu quả 30 năm chiến tranh, hậu quả chủ nghĩa thực dân mới; sự mất đi đột ngột của một nguồn viện trợ lớn; những khó khăn của sản xuất nhỏ. Không dự kiến đầy đủ những hậu quả kinh tế mà sự phản bội... gây ra. Không dự kiến hết những diễn biến không thuận lợi của tình hình quốc tế đối với ta. Chưa đánh giá đúng mức những khó khăn trong việc khắc phục sự non kém của chúng ta về quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Biểu hiện nóng vội: Trong hệ thống chỉ tiêu ban đầu về phát triển kinh tế 5 năm, có nhiều chỉ tiêu cao. Chủ trương xây dựng cơ bản lúc đầu quá lớn, thiên về công trình lớn, dàn đều, nặng về xây dựng mới, nhẹ cải tạo và mở rộng cơ sở cũ. Vay mượn quá nhiều, nhất là của các nước tư bản, để xây dựng và phát triển kinh tế. Nóng vội còn biểu hiện ở một số chủ trương và hành động cụ thể khác: đưa quy mô hợp tác xã lên quá to, xây dựng nhiều công trình không qua chuẩn bị chu đáo, làm việc không qua thí điểm, rút kinh nghiệm trước khi mở rộng ra diện.

Biểu hiện bảo thủ, trì trệ: không đánh giá hết các thuận lợi, các khả năng đã có cũng như đang tiềm tàng, về lao động, đất đai, rừng, biển, cơ sở vật chất, và không có đầy đủ quyết

tâm tìm biện pháp phát huy những khả năng đó. Không chấp hành hoặc chấp hành không nghiêm chỉnh, không kiên quyết nhiều chủ trương lớn của Đảng, ví dụ: xây dựng chế độ làm chủ tập thể về kinh tế, phát triển nông nghiệp, phát triển hàng tiêu dùng, xuất khẩu, phát triển kinh tế địa phương, đẩy mạnh cách mạng khoa học và kỹ thuật, v.v..

Duy trì quá lâu cơ chế quản lý bao cấp, các chính sách giá cả không phù hợp, các chế độ phân phổi (thí dụ: khoán, chế độ lương) không khuyến khích người lao động, các chế độ, chính sách gò bó địa phương và cơ sở, v.v..

Về hai biểu hiện nôn nóng và bảo thủ, trì trệ, thì nôn nóng xuất hiện trên một số mặt và phần lớn vào lúc đầu của kế hoạch 5 năm 1976-1980. Nó đã được thực tế buộc phải uốn nắn. Còn biểu hiện bảo thủ, trì trệ thì xuất hiện một cách phổ biến, cả trên chủ trương lẫn hành động, và hiện nay đang là trở ngại lớn nhất cho sự phát triển kinh tế.

2- Nếu chủ quan, nóng vội, bảo thủ, trì trệ là những biểu hiện, thì vấn đề có tính bản chất, và là nguyên nhân quan trọng bậc nhất mà chúng ta cần phân tích sâu sắc để rút kinh nghiệm là:

Chúng ta không nắm vững việc chấp hành, cụ thể hoá đúng đắn đường lối của Đảng, hay nói một cách khác, không vận dụng đúng các quy luật kinh tế của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa thể hiện trong đường lối của Đảng.

a) Chưa chấp hành tốt đường lối về xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp, kết hợp kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế và quốc phòng, kết hợp giữa phát triển kinh tế trong nước với mở rộng kinh tế đối ngoại.

Chúng ta chưa nắm hết và chưa phát huy tốt khả năng lao động, đất đai, các ngành, nghề, chưa tập trung đúng mức và chưa làm tốt việc phát triển nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, đẩy mạnh xuất khẩu. Chưa sử dụng tốt các cơ sở hiện có và chưa xây dựng mới một cách đúng đắn những ngành công nghiệp nặng theo yêu cầu và nhằm phục vụ trước hết cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, đặc biệt là các ngành điện, than, hoá chất, cơ khí, giao thông vận tải. Chưa xây dựng tốt huyện và chưa phát huy khả năng về công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, của mấy thành phố lớn: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, và ở các thành phố này, chưa xây dựng tốt các quận, các phường. Như vậy là xây dựng địa phương chưa tốt mà xây dựng ngành cũng chưa tốt. Quan hệ kinh tế với nước ngoài có nhiều khuyết điểm, sai lầm, nhất là trong vấn đề tạo ra mặt hàng xuất khẩu; tư tưởng ỷ lại nặng, xuất khẩu kém, sử dụng vốn ngoài nước không tốt.

b) Chưa chấp hành tốt đường lối, cũng tức là chưa vận dụng tốt quy luật trong quản lý kinh tế, đặc biệt là chưa vận dụng tốt quy luật phát triển kinh tế có kế hoạch để thực hiện quyền làm chủ tập thể về mặt kinh tế:

- Không thực sự làm kế hoạch ba cấp và xây dựng kế hoạch từ cơ sở, như vậy thoát ly quy luật tồn tại của nền kinh tế nước ta là tồn tại từng cơ sở, tồn tại từng địa phương và tồn tại cả nước, do đó không phát huy mọi khả năng đã có và đang tiềm tàng của mỗi cấp nhằm cân đối với các nhu cầu của mỗi cấp, bằng sản xuất để tiêu dùng và bằng xuất - nhập khẩu. Và như vậy cũng tức là không thực hiện làm chủ ở ba cấp, là một nội dung lớn của làm chủ tập thể.

- Không gắn kế hoạch với hạch toán ở tất cả ba cấp, không khuyến khích và bắt buộc mỗi cơ sở, mỗi địa phương, mỗi ngành làm ăn bù đắp được chi phí và phải có lãi để tái sản xuất mở rộng, khuyếch khích lợi ích vật chất cho cá nhân và tăng cường phúc lợi tập thể. Cơ chế bao cấp tràn lan. Các chế độ, chính sách không bảo đảm sự kết hợp hài hoà giữa lợi ích của Nhà nước, của tập thể và của người lao động, do đó không phát huy hai sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể là sức mạnh của cộng đồng và sức mạnh của từng người. Không ngăn chặn được lãng phí, không khuyến khích tiết kiệm và tiêu dùng hợp lý để tích luỹ.

- Không gắn kế hoạch với kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Cách làm ở cả ba cấp là tự cấp, tự túc, "khép kín", không biết buôn bán, xoay trở (theo nghĩa tốt, hoạt bát), mở rộng thị trường trong nước, mở rộng thị trường ra nước ngoài; không linh hoạt, nhanh nhẹn, quay vòng đồng vốn rất chậm chạp.

c) Chưa phát huy được vào kinh tế sức mạnh tổng hợp của việc nắm vững chuyên chính vô sản, đồng thời tiến hành ba cuộc cách mạng, lấy cách mạng khoa học - kỹ thuật làm then chốt, xây dựng chế độ làm chủ tập thể, xây dựng nền kinh tế, nền văn hoá và con người mới. Đặc biệt, không biết phát huy sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể (cả nước làm chủ, từng địa phương làm chủ, từng cơ sở làm chủ, từng người lao động làm chủ, kết hợp sức mạnh của cộng đồng và của từng người, kết hợp làm chủ về kinh tế với làm chủ về chính trị, văn hoá, xã hội, thực hiện làm chủ ba cấp, làm chủ bằng cách kết hợp hài hoà ba loại lợi ích). Không kết hợp tốt ba cuộc cách mạng, không làm tốt cách mạng khoa học - kỹ thuật, không phát động được phong trào cách mạng của quần chúng.

Sai lầm, khuyết điểm về chấp hành đường lối xét cho cùng là không nắm quy luật (thể hiện trong đường lối) và không nắm thực tế.

3- Một khuyết điểm, sai lầm rất nghiêm trọng là tổ chức và chỉ đạo thực hiện. Nói chung là: quan liêu, không nhạy bén, bảo thủ, trì trệ, thiếu trách nhiệm và buông lỏng quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Bộ máy công kẽnh, tổ chức không phù hợp với hoạt động kinh tế, kém hiệu lực. Chế độ làm việc chưa bảo đảm chuẩn bị tốt các quyết định, chưa bảo đảm thực hiện các quyết định có kết quả và đến nơi đến chốn, chưa bảo đảm phát hiện kịp thời và phát huy những sáng kiến tốt của quần chúng và cơ sở.

Công tác cán bộ chậm chạp, bảo thủ, trì trệ, không theo kịp yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng và cải tạo kinh tế.

Khuyết điểm, sai lầm về các mặt khác:

1- Công tác tư tưởng, văn hoá thiếu sắc bén, kém tính chiến đấu. Cuộc đấu tranh chống những tàn dư của xã hội cũ, chống chiến tranh phá hoại, chiến tranh tâm lý của địch, chống những tư tưởng phản động thiếu kiên quyết, sâu sắc, thiếu kịp thời và liên tục. Trong các ngành giáo dục, văn hoá, văn nghệ, y tế, thể dục, thể thao, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, cũng có nhiều khuyết điểm cụ thể, đặc biệt là về tính chiến đấu và về chất lượng.

2- Pháp chế xã hội chủ nghĩa chậm được tăng cường, việc thi hành pháp luật bị buông lỏng, cuộc đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực thiếu kiên quyết và liên tục.

3- Công tác xây dựng Đảng có những trì trệ nghiêm trọng kéo dài trong xây dựng tư tưởng và xây dựng tổ chức. Về mặt tư tưởng, thiếu nhạy bén và kém tính chiến đấu. Về mặt tổ

chức, chưa đi kịp tình hình và nhiệm vụ mới: chưa làm cho Đảng thật trong sạch; chưa xây dựng được một cơ cấu tổ chức đồng bộ và mạnh; chưa xây dựng được phong cách và chế độ làm việc cách mạng và khoa học. Đặc biệt, công tác cán bộ có nhiều chậm trễ trên tất cả các khâu đào tạo, đề bạt, sắp xếp, chính sách, chế độ.

Về trách nhiệm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.

Về nguyên tắc, *Bộ Chính trị* chịu trách nhiệm về những thiếu sót trong việc đánh giá tình hình; về nắm vững đường lối, làm quán triệt đường lối, lãnh đạo để cụ thể hoá đường lối; về những thiếu sót trong các chủ trương, chính sách, biện pháp lớn mà Bộ Chính trị thông qua (chiến lược kinh tế, kế hoạch kinh tế, v.v.).

Ban Bí thư chịu trách nhiệm về những thiếu sót trong việc đôn đốc và kiểm tra Hội đồng Bộ trưởng thực hiện đường lối, các nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị và các chủ trương, chính sách của Đảng; về việc không kiện toàn đúng mức các ban của Đảng để giúp Ban Bí thư làm tốt nhiệm vụ ấy; về những thiếu sót trong việc đề nghị bố trí cán bộ thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

Hội đồng Bộ trưởng, trước hết là Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, chịu trách nhiệm về những thiếu sót trong tổ chức và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng về kinh tế, xã hội, trong việc chưa cụ thể hoá hoặc cụ thể hoá chưa tốt, chưa đúng đường lối của đại hội, trong việc chưa kiện toàn đúng mức các bộ, các địa phương và các cơ quan tham mưu của Nhà nước. Ở đây, cần vạch rõ trách nhiệm của các cơ quan tham mưu của Đảng và Nhà nước. Các ngành và các cấp địa

phương, các cơ sở cũng đều chịu trách nhiệm về thiếu sót, sai lầm trong phạm vi của mình.

II-NHIỆM VỤ CÁCH MẠNG TRONG THỜI GIAN TỐI

A. Nhận định tình hình hiện nay

Có thể nói tóm tắt là chúng ta ở trong một tình hình *hết sức khó khăn*

1- Nước ta đang *vừa có hoà bình, vừa phải đối phó với một kiểu chiến tranh phá hoại toàn diện...*; đồng thời *không loại trừ khả năng xảy ra chiến tranh lớn*; điều này còn tuỳ thuộc vào sự phát triển của tình hình quốc tế. Chúng ta phải hết sức cảnh giác theo dõi sát những diễn biến rất phức tạp hiện nay trên thế giới.

Kiểu chiến tranh phá hoại toàn diện đó là: chiến tranh du kích ở Campuchia; gây sức ép, khuê khích, lấn chiếm bằng quân sự; kích động bạo loạn, chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp; chia rẽ các dân tộc, chia rẽ nội bộ, phá hoại uy tín của Đảng và Nhà nước ta; phá hoại kinh tế, có thể dùng chiến tranh sâu bọ phá hoại mùa màng; phá rối an ninh, nhen nhóm bọn phản cách mạng; du nhập văn hoá phẩm phản động, đồi truy, dụ dỗ, lôi kéo người di tản; tìm cách cô lập và bội nhợ, hạ uy thế của nước ta trên trường quốc tế; thực hiện chính sách cấm vận, bao vây về kinh tế, và nhiều thủ đoạn khác nữa.

2- Về *kinh tế*, sản xuất phát triển chậm trong khi dân số tăng nhanh; sản xuất về mặt giá trị chưa bảo đảm được tiêu dùng, một phần tiêu dùng phải dựa vào vay và viện trợ, chưa có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế; thiếu lương thực, vải mặc,

than, xăng dầu và các nguyên, vật liệu cần thiết cho sản xuất; ngân sách bội chi lớn, tiền phát hành ngày càng nhiều, giá cả tăng vọt, thị trường không ổn định; xuất không đủ nhập, nợ đến hạn phải trả rất lớn. Sản xuất ở nhiều nơi bị đình đốn, năng suất lao động xã hội giảm, hiệu quả kinh tế thấp; làm ăn thua lỗ. Kỷ cương về kinh tế lỏng lẻo, những hiện tượng tiêu cực nghiêm trọng kéo dài và đang trong chiều hướng phát triển: ăn cắp, đầu cơ, buôn lậu, hối lộ, "móc ngoặc", v.v..

3- Về *đời sống*, có nhiều khó khăn. Khu vực nông thôn ổn định và có cải thiện trên vấn đề ăn và ở, còn thiếu thốn về vải mặc, thuốc chữa bệnh, bảo đảm học hành và các nhu cầu văn hoá...Đời sống của công nhân, cán bộ và bộ đội rất khó khăn, thu nhập thực tế giảm nhiều và đang tiếp tục giảm. Trong khi đó, bọn bóc lột mới, bọn làm ăn phi pháp thì làm giàu và sống xa hoa. Sự tương phản đó gây bất bình trong nhân dân lao động.

4- Về *trật tự và an toàn xã hội*, đặc biệt là ở các thành phố, có những diễn biến xấu, làm cho nhân dân lo lắng. Về *văn hoá*, những nọc độc của văn hoá thực dân mới, những hủ tục, mê tín, dị đoan thì dẹp chỗ này, phát sinh chỗ khác, lúc phê phán thì tạm lùi, hễ lợi đấu tranh lại xuất hiện, nói chung đến nay vẫn chưa ngăn chặn được.

5- Trong Đảng và cơ quan nhà nước, có một bộ phận không nhỏ đảng viên không đủ tiêu chuẩn, và điều đáng quan tâm là một số cán bộ, kể cả cán bộ cao cấp, giảm sút ý chí chiến đấu, thoái hoá, biến chất, cơ hội về chính trị.

6- Về *thái độ của các tầng lớp nhân dân lao động đối với tình hình hiện nay và đối với sự lãnh đạo của Đảng*:

Nhân dân lao động ta đã đi theo sự lãnh đạo của Đảng trong hơn nửa thế kỷ đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng cuộc sống mới, xã hội chủ nghĩa. Nhân dân hiểu rất rõ Đảng ta, tin tưởng Đảng ta, và không hoài nghi gì về lý tưởng của Đảng, về quyết tâm của Đảng phấn đấu cho độc lập của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân. Mặt khác, do tác động của một số nhân tố sau đây: đời sống khó khăn, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội kéo dài và có chiều hướng phát triển, an toàn xã hội nhiều nơi không được bảo đảm, nhiều chính sách, chế độ, nhất là về kinh tế, không còn phù hợp nữa, nhưng không được sửa chữa kịp thời, sự thiếu gương mẫu của một bộ phận đảng viên và cán bộ, nhân viên nhà nước, sự quan liêu, trì trệ, thiếu trách nhiệm của nhiều cơ quan nhà nước trong việc điều hành kinh tế, xã hội, cộng với chiến tranh tám lý của địch, sự tuyên truyền của những phần tử xấu, bất mãn và sự yếu kém của công tác tuyên truyền, giải thích của ta, cho nên trong nhân dân có tâm trạng lo lắng, lo lắng về tình hình và về khả năng khắc phục những khó khăn và tiêu cực hiện nay trong đời sống kinh tế và xã hội. Có một bộ phận cán bộ và nhân dân giảm sút lòng tin đối với Đảng. Chúng ta cần hết sức cảnh giác trước tình hình này, nhất là vì khó khăn còn nhiều và kẻ địch đang lợi dụng khó khăn để kích động quần chúng.

Trong một vài năm trước mắt, những khó khăn và tiêu cực trên đây có mặt sẽ giảm bớt hoặc được khắc phục, nhưng cũng có thể có mặt diễn biến nghiêm trọng hơn, đặc biệt là về vấn đề giá cả, thị trường và những ảnh hưởng của giá cả, thị trường đối với tám lý xã hội.

Chúng ta cũng có nhiều *thuận lợi* rất quan trọng. Đó là :

1- Thuận lợi lớn nhất là Đảng ta thấy rõ ưu điểm và

khuyết điểm của mình, có quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, sai lầm, nắn đường lối chắc hơn, nắn thực tế của đất nước cụ thể hơn, chính xác hơn, nhất định tìm ra giải pháp đúng đắn và có hiệu lực để chuyển biến tình hình.

Qua 5 năm này, rõ ràng toàn Đảng ta cũng như đảng bộ các cấp trưởng thành lên một bước. Các đảng bộ ở miền Nam từ chỗ chưa biết hoặc ít biết, nay đã có bước trưởng thành về làm kinh tế. Nhiều đảng bộ ở miền Bắc, trước đây chỉ quen làm kinh tế theo lối hành chính bao cấp, nay đã bắt đầu biết làm kinh tế theo lối hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đảng ta đã thu được những kinh nghiệm cụ thể mới về nhiều lĩnh vực.

Tổ chức đảng và chính quyền ở vùng giải phóng đã được xây dựng tại hầu khắp mọi cơ sở, bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng.

2- Chế độ ta ưu việt.

3- Nhân dân ta là một nhân dân tuyệt vời; có ý thức chính trị cao, anh dũng trong chiến đấu, kiên cường trong lao động sản xuất, chống thiên tai, rất thông cảm với những khó khăn của đất nước.

4- Về phòng thủ đất nước, chúng ta có lực lượng lớn mạnh, thế bố phòng vững chắc và kinh nghiệm đánh địch nhiều hơn trước.

5- Chúng ta đã bắt đầu có những chuyển biến về quản lý theo hướng đúng, đặc biệt là một số chính sách gần đây, như chế độ khoán mới trong nông nghiệp, chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực, v.v.. Những chuyển biến đó đang tạo ra một khí thế mới trong lao động sản xuất, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực ở những nơi chính sách mới được áp dụng đúng đắn.

6- Chúng ta có những *năng lực sản xuất* chưa được sử dụng hết, như lao động, đất đai, cơ sở vật chất - kỹ thuật, chúng ta lại có những năng lực sản xuất mới đã và sẽ được tăng lên. Có thể nói những *khả năng tiềm tàng* trong nền kinh tế còn rất lớn. Thí dụ: đó là khả năng sử dụng 90-100% công suất máy móc hiện nay mới sử dụng 30-40%, khả năng của việc sử dụng hợp lý và tập trung, đồng bộ những năng lượng, vật tư hiện có, như điện, than, xăng dầu, phân bón và khắc phục lãng phí để đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều; là khả năng thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích trong nông nghiệp; là khả năng của các vùng khác nhau của đất nước mà hiện nay có điều kiện hơn để phát huy (đồng bằng sông cửu Long, đồng bằng sông Hồng, miền Đông Nam Bộ, duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, trung du và miền núi phía Bắc); là khả năng phát triển cây công nghiệp ngắn ngày như đậu tương, mía, đay, v.v., là triển vọng về dầu và khí ở thềm lục địa miền Nam cũng như ở đồng bằng sông Hồng và vịnh Bắc Bộ, v.v..

7- Quan hệ hợp tác toàn diện với Liên Xô, mở rộng hợp tác với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Triển vọng của việc mở rộng hợp tác toàn diện, đặc biệt là hợp tác kinh tế trong liên minh chiến đấu giữa nước ta với Lào và Campuchia.

B. Về hai nhiệm vụ chiến lược

Do tình hình vừa có hoà bình, vừa đang có một kiểu chiến tranh phá hoại toàn diện của địch, vừa có thể xảy ra chiến tranh lớn, cho nên nhân dân ta phải đồng thời làm hai nhiệm vụ chiến lược:

Một là, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Hai là, tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ Tổ quốc.

Ở đây, xin nói lại vấn đề một chiến lược hay hai chiến lược cách mạng. Trước thắng lợi mùa Xuân năm 1975, nước ta là một nước cùng một lúc tiến hành hai chiến lược cách mạng: chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, nhằm hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc và thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Sau thắng lợi mùa Xuân 1975, cả nước ta từ chối làm hai chiến lược cách mạng, chuyển sang làm *một chiến lược duy nhất* là chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa, và bây giờ cũng vẫn như thế. Mỗi nước xã hội chủ nghĩa, bất kỳ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội hay trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội phát triển, đều có nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, chừng nào còn chủ nghĩa đế quốc thì phải luôn luôn sẵn sàng. Nay, vì chúng ta đang đương đầu với một kiểu chiến tranh phá hoại toàn diện của địch và đứng trước nguy cơ có thể xảy ra chiến tranh lớn, do đó, tuy đất nước ta làm *một chiến lược là chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhưng có hai nhiệm vụ chiến lược*: xây dựng chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Việc chúng ta thiếu sẵn sàng chiến đấu lúc đầu ở biên giới Tây Nam không phải vì trước đây chúng ta chỉ đề một chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa duy nhất và chưa đề ra hai nhiệm vụ chiến lược, mà là vì chúng ta có *khuyết điểm về đánh giá địch*.

... Chúng ta đã biết khá sớm bản chất phản động và có

lường trước sự phản bội của chúng. Chúng ta cũng đã làm một số việc để đề phòng sự phản bội đó.... Nhưng do phải có sách lược đúng đắn để thắng Mỹ và để tranh thủ hoàn cảnh hoà bình cho công cuộc xây dựng lại đất nước sau thắng lợi mùa Xuân năm 1975, cho nên chúng ta không thể ra những văn kiện chính thức của Bộ Chính trị, của Trung ương Đảng, cũng không thể làm công tác tư tưởng để trong Đảng khởi mør hổ, cũng như không thể tiến hành sớm hơn khi điều kiện cho phép, những công tác chuẩn bị cần thiết để đề phòng địch đánh ta.

Mặt khác, chúng ta chậm nhận thấy sự câu kết... để đánh ta. Do vậy, việc bố trí phòng thủ ở biên giới Tây Nam cũng như việc chuẩn bị để đánh trả những cuộc tiến công lấn chiếm của quân Pôn Pốt trong một vài năm đầu đã không làm đầy đủ.

Tuy nhiên, điều quan trọng nhất cần nhấn mạnh là sau khi nhận rõ..., thì Bộ Chính trị và Trung ương Đảng ta đã đề ra những chủ trương chiến lược đúng đắn, kiên quyết và kịp thời để ứng phó với tình hình, bảo đảm giành được thắng lợi vững chắc cho cách mạng. Do đó, chúng ta đã làm tất cả mọi việc, về đối nội cũng như đối ngoại, để kịp thời đối phó với mọi tình huống chiến tranh, gấp rút chuẩn bị mọi mặt để đánh thắng địch, phá tan ý đồ của địch bao vây và tiến công ta bằng hai gọng kìm; và trên thực tế, chúng ta đã hành động một cách rất kiên quyết, đánh thắng nhanh và thắng lớn ở cả phía Tây Nam và phía Bắc.

Bây giờ, xin trở lại nói hai nhiệm vụ chiến lược:

Chúng ta đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội không những bởi vì chủ nghĩa xã hội là mục đích cao

nhất của toàn bộ sự nghiệp của chúng ta mà còn vì chủ nghĩa xã hội, sự vững mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa là sự bảo đảm cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần thấy rõ tính chất rất nặng nề và phức tạp của nhiệm vụ chống kiểu chiến tranh phá hoại toàn diện... phải *làm mọi việc cần thiết để đánh bại cho kỳ được cuộc chiến tranh phá hoại ấy*. Đồng thời, chúng ta không được một phút lơ là cảnh giác, phải theo dõi sát mọi âm mưu và hành động của địch, mọi diễn biến và tác động của tình hình thế giới, phải *bảo đảm cho đất nước luôn luôn sẵn sàng chiến đấu và có đủ khả năng chiến đấu thắng lợi trong trường hợp kẻ địch gây chiến tranh xâm lược quy mô lớn*. Phải kết hợp tốt kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, theo những phương hướng cơ bản, lâu dài, đồng thời nhanh chóng điều chỉnh cho phù hợp với những biến động có thể xảy ra. Những vấn đề cụ thể về quốc phòng và an ninh, về kết hợp kinh tế với quốc phòng, về cách thức quân đội tham gia làm kinh tế, cần được nghiên cứu, lập thành các phương án cụ thể để trình các hội nghị Trung ương và hội nghị Bộ Chính trị quyết định, không thể nói nhiều trong *Báo cáo chính trị* trình đại hội.

C. Về nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội

Năm năm này là 5 năm tiếp tục thực hiện đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội do Đại hội IV đề ra. Tình hình đang đòi hỏi phải có *sự chuyển biến mạnh* về kinh tế, tư tưởng, trật tự và an toàn xã hội, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực; để làm những việc này, phải có *sự chuyển biến mạnh* trong cơ chế quản lý, trong tổ chức bộ máy, trong bố trí cán bộ, trong

phương pháp điêu hành, và quyết định hơn cả là phải có sự chuyển biến rất mạnh về sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng ta. Chúng ta thực hiện nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh phải dành sức người, sức của rất lớn để đối phó với chiến tranh phá hoại toàn diện ngày càng tăng của địch, trong lúc thời gian của kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 sau Đại hội V của Đảng thực tế chỉ còn lại 3 năm rưỡi. Tình hình của năm 1981 có những nhân tố mới nhưng cũng còn nhiều mặt chưa chuyển biến, đặc biệt việc đổi mới của cơ chế quản lý, tạo ra sự chuyển biến thực sự trong tổ chức và trong chỉ đạo thực hiện của chúng ta đòi hỏi phải có thời gian. Vì vậy, chúng ta cần suy nghĩ để xác định những việc cần làm và có thể làm được đến năm 1985.

Về kinh tế xã hội, rút kinh nghiệm 5 năm vừa qua, chúng ta thấy cần thiết phải xác định một *chiến lược dài hạn*. Công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta nhất định phải qua nhiều chặng đường. Muốn xác định các chặng đường, phải nghiên cứu công phu, đồng thời cũng phải chờ thực tiễn. Tuy vậy, chúng ta cũng cố gắng xác định chiến lược kinh tế - xã hội cho chặng đường đầu tiên hiện nay. Đây là một công trình khoa học mà rồi đây sẽ phải được tổ chức nghiên cứu một cách chu đáo. Trong Đại hội này, chúng ta căn cứ vào đường lối của Đại hội IV và thực tiễn của những năm qua để xác định *một số vấn đề có tính nguyên tắc chỉ đạo việc nghiên cứu chiến lược kinh tế - xã hội dài hạn; đó cũng là những vấn đề có tính nguyên tắc chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch 5 năm 1981 - 1985*.

Trung ương đã nhất trí tán thành tinh thần của những vấn đề đã được nêu lên trong dự thảo *Báo cáo chính trị*, tức

là: bốn mục tiêu kinh tế - xã hội, và một số chính sách phát triển, cùng một số biện pháp lớn.

Trong tư tưởng chỉ đạo việc xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội dài hạn và xây dựng kế hoạch 5 năm 1981 - 1985, xin nhấn mạnh mấy vấn đề sau đây:

1- *Năm vũng quan hệ giữa hai mục tiêu bảo đảm đời sống và bảo đảm nhu cầu quốc phòng, an ninh với hai mục tiêu xây dựng và cải tạo kinh tế*. Bảo đảm và từng bước không ngừng cải thiện đời sống là mục tiêu cao nhất của chúng ta. Đó cũng là yêu cầu cấp bách, vì đời sống hiện nay rất khó khăn. Đồng thời, nhu cầu quốc phòng - ngoài phần có thể nhờ Liên Xô viện trợ - cũng là một yêu cầu không thể không đáp ứng đúng mức. Nhưng, muốn bảo đảm những nhu cầu ấy thì ngay trước mắt, và nhất là về lâu dài, phải dựa trên cơ sở xây dựng và cải tạo kinh tế, đặc biệt là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, không thể đơn thuần nói đến nhu cầu đời sống, mà xem nhẹ yêu cầu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật. Nếu ngày nay thu hẹp tích luỹ để mở rộng tiêu dùng thì chắc chắn một số năm sau tiêu dùng sẽ bị thực tế khách quan đánh tụt xuống. Ngược lại, nếu ngày nay biết duy trì tiêu dùng ở mức hợp lý, biết tự giác chịu đựng khó khăn về đời sống để có tích luỹ thích đáng thì một số năm sau sẽ có điều kiện mở rộng không ngừng tiêu dùng. Vấn đề là xác định tỷ lệ đúng đắn giữa tích luỹ và tiêu dùng cho phù hợp với hoàn cảnh từng lúc.

Về đời sống, chúng ta phải làm cho mọi người, mọi ngành, mọi cấp hiểu rõ là *phải sống bằng sức mình, bằng kết quả lao động của mình, không thể sống quá mức mà lao động mình làm ra cho phép*. Phải sớm chấm dứt việc sống dựa vào

viện trợ bên ngoài. Làm chặng những đê đùi sông, mà phải có dư đê tích luỹ. Vốn vay mượn của nước ngoài phải dùng vào tích luỹ. Nếu về những mặt hàng nào đó làm ra chưa đủ để bảo đảm nhu cầu và phải nhập, thì phải có hàng khác để xuất có giá trị tương đương với số hàng phải nhập. Nguyên tắc này phải được áp dụng đối với từng người, từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành và cả nước.

2- Vấn đề cơ cấu công - nông nghiệp: chúng ta chủ trương đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, lấy việc đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa làm tiêu điểm để xây dựng cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý, kết hợp đúng đắn nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng. Đó là cách thức tiến hành công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, cụ thể hoá đường lối "ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ" trong chặng đường hiện nay. Nói cụ thể hơn, những năm tới đây, chúng ta phải tập trung cao độ cho nông nghiệp, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức phát triển hàng tiêu dùng, kể cả công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu. Đối với công nghiệp nặng, thì trước hết tạo các điều kiện cần thiết để phát huy năng lực hiện có, mặt khác xây dựng mới có trọng điểm và tuỳ theo khả năng, nhằm chủ yếu phục vụ cho nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng. Những ngành công nghiệp nặng đã có và có thể xây dựng mới như thế bao gồm: điện, than, dầu và khí, hoá chất phục vụ nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng (kể cả thuốc chữa bệnh), cơ khí sản xuất phụ tùng, máy móc phục vụ nông nghiệp, chế biến nông sản và phục vụ

công nghiệp hàng tiêu dùng, luyện kim. Đồng thời, phải xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường phương tiện để giải quyết một bước quan trọng vấn đề bảo đảm giao thông vận tải.

Việc xây dựng hệ thống công nghiệp nặng tương đối phát triển là nhiệm vụ của chặng đường tiếp theo. Song, ngay trong chặng đường hiện nay cũng phải có sự chuẩn bị rất tích cực và phải ra sức tranh thủ thời cơ để nếu có khả năng thì bắt đầu xây dựng một số công trình mấu chốt càng sớm càng tốt.

Về nội dung của việc đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ở đây chỉ nói đưa *một bước* lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phù hợp với yêu cầu và khả năng trong khoảng mười năm tới.

Nội dung ấy là:

a) Nông nghiệp của cả nước, nghĩa là bất cứ ở đâu, cũng phải sản xuất và phân phối sản phẩm theo *kế hoạch thống nhất của cả nước* (tức là theo chế độ ba cấp làm kế hoạch). Sản xuất và phân phối bố trí theo kế hoạch cả nước không còn là sản xuất tự cấp, tự túc trong phạm vi nhỏ hẹp, mà đã mang tính chất của sản xuất lớn, cung ứng nhiều hàng hoá cho xã hội. Theo kế hoạch của cả nước, nông nghiệp phải làm được ba nhiệm vụ: bảo đảm lương thực cho toàn xã hội, cung ứng nguyên liệu nông sản cho công nghiệp hàng tiêu dùng và tạo ra nguồn xuất khẩu quan trọng. Muốn thế, theo kế hoạch của cả nước, nông nghiệp phải đi vào *chuyên canh và thâm canh*, phải *phân công lao động* hợp lý để phát triển cả trồng trọt, chăn nuôi và các ngành, nghề.

Để phát huy tiềm năng của nông nghiệp nhiệt đới, và trong điều kiện diện tích canh tác bình quân rất thấp, chúng

ta nhấn mạnh vấn đề *thâm canh, tăng vụ* (bao gồm cả xen canh, gối vụ) đối với tất cả các loại đất đang sử dụng. Đồng thời chúng ta chú trọng đúng mức vấn đề *mở thêm diện tích* đi đôi với *phân bố lại lao động trong phạm vi cả nước*. Về việc khai thác cho được 10 triệu ha đất nông nghiệp và 15 triệu ha đất rừng (theo hướng nông - lâm kết hợp), chúng ta nêu ra với tinh thần tích cực, còn thời gian cụ thể thì không đóng khung trong 10 năm, mà còn tùy thuộc vào sự tiến bộ của chúng ta về phân bố lại lao động trong cả nước để khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới trong một số năm sắp tới. Về vấn đề này, chúng ta phải áp dụng chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm.

b) Đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật, *hiện đại hoá một bước nông nghiệp* bằng ứng dụng khoa học - kỹ thuật, thực hiện thủy lợi hoá, cơ khí hoá, hoá học hoá, điện khí hoá nông nghiệp tùy theo khả năng. Ở đây, cũng nhấn mạnh chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm. Về thuỷ lợi, phải bảo đảm cho thâm canh, tăng vụ, trên đất thuộc cung như trên đất mới, phù hợp với yêu cầu tưới, tiêu của từng loại cây trồng. Phải mở rộng sản xuất phân lân. Để có thêm phân đạm và thuốc trừ sâu cần thiết cho nông nghiệp, nhất định phải qua xuất mà nhập trong khi ta chưa sản xuất đủ. Về cơ khí hoá nông nghiệp, phải tiến hành từng bước; cơ khí hoá là rất cần thiết để tăng vụ và làm kịp thời vụ, đặc biệt trong điều kiện nhiều vùng thiếu trâu, bò cày. Phải tích cực chế tạo phụ tùng, máy móc trong nước, phần chưa sản xuất được thì phải thông qua xuất để nhập. Vì vậy, việc đẩy mạnh xuất nông sản là rất quan trọng, trước hết để nhập vật tư kỹ thuật, bảo đảm đủ nhu cầu của sản xuất nông nghiệp, đồng thời bảo

đảm những nhu cầu cần thiết cho các ngành khác. Việc ứng dụng thành tựu của cách mạng xanh là rất quan trọng. Tất cả quá trình hiện đại hoá trên đây phải đi đôi với việc phát triển chế biến, bảo quản tốt, vận chuyển kịp thời v.v.., và muôn thế, phải có những cơ sở vật chất - kỹ thuật tương ứng.

c) *Phải xây dựng huyện*. Hai nội dung nói trên chỉ có thể thực hiện tốt bằng cách lấy huyện làm địa bàn. Trên địa bàn huyện, ngoài sản xuất, còn phải phát triển văn hoá, xây dựng nông thôn mới. Huyện là một cơ cấu kinh tế, trong đó có phân công lao động, có chuyên canh, có ngành, nghề. Trong huyện có các hợp tác xã, mỗi hợp tác xã là một đơn vị sản xuất; vì vậy *hợp tác hoá nông nghiệp là một nội dung quan trọng của việc đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa*. Kinh tế phụ gia đình và kinh tế trên đất 5% của xã viên cũng rất quan trọng, cần được hướng dẫn và kết hợp với kinh tế tập thể, với kinh tế quốc doanh trong huyện theo một kế hoạch thống nhất.

Nhu thế, sản xuất lớn không hoàn toàn đồng nghĩa với quy mô lớn của đơn vị sản xuất. Kinh tế gia đình, kinh tế cá thể kết hợp với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể theo một kế hoạch thống nhất, cũng là bộ phận cấu thành của sản xuất lớn. Về quy mô hợp tác xã, theo kinh nghiệm, nên ổn định ở quy mô vừa phải, không nên làm quy mô lớn và quá lớn. Đối với đồng bằng sông Cửu long, trong 5 năm này, hình thức phổ biến sẽ là tập đoàn sản xuất. Các tập đoàn sản xuất được phân công sản xuất, kết hợp với nhau, và kết hợp với kinh tế quốc doanh và kinh tế gia đình trên địa bàn huyện theo kế hoạch chung, cũng là bộ phận cấu thành của sản xuất lớn.

Việc xây dựng huyện phải từ cơ sở hiện có mà đi lên. Những vấn đề quan trọng nhất cần làm là: *xác định phương hướng sản xuất* để thực hiện thâm canh, chuyên canh, sử dụng lao động để phát triển trồng trọt, chăn nuôi, mở mang ngành, nghề. Kế hoạch sản xuất của huyện phải nhắm vào những nhu cầu đời sống nhân dân trong huyện, xuất - nhập khẩu và đóng góp cho cả nước. Về lao động, phải phân công lao động để ngoài sản xuất, còn xây dựng thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật trong huyện, xây dựng các công trình phúc lợi công cộng. Công nghiệp của huyện *chủ yếu là thủ công nghiệp* gia đình, hợp tác xã thủ công nghiệp, làm hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, chế biến nông sản, sản xuất và sửa chữa công cụ; tùy theo điều kiện, có thể có một số xí nghiệp, tiểu công nghiệp chế biến nông sản, làm thức ăn gia súc, sản xuất vật liệu xây dựng, v.v., do các hợp tác xã nông nghiệp trưởng thành lên, liên doanh với nhau mà xây dựng và quản lý. Ngoài ra, có những trạm máy móc nông nghiệp, các trạm, trại giống hoặc thực nghiệm khoa học - kỹ thuật, được xây dựng với sự giúp đỡ của Nhà nước, hoặc do Nhà nước và nhân dân cùng làm. Trên đây là nói các huyện trong các vùng nông nghiệp, còn đối với các huyện ở các vùng lâm nghiệp, vùng chuyên canh cây công nghiệp, vùng biển, thì cũng theo tinh thần trên đây mà xây dựng cơ cấu kinh tế cho phù hợp.

Muốn làm được những việc ấy, phải tăng cường cán bộ cho huyện, nhất là cán bộ có năng lực, có trình độ. Bộ máy của cấp huyện phải gọn, nhẹ, hợp lý và tinh, không bày ra hàng chục ban, phòng. Theo tinh thần đó, có thể xây dựng cả 400 huyện, với sức của bản thân huyện là chính, có sự tăng cường cán bộ của trung ương và của tỉnh cho huyện. Tùy theo

sức của mình, trung ương phải tập trung giúp đỡ xây dựng những huyện trọng điểm, có tiềm năng lớn và có khả năng tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá.

3- Kết hợp đúng đắn xây dựng kinh tế trung ương và phát triển mạnh kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất

Đây là một vấn đề chiến lược mà 5 năm qua chúng ta thực hiện chưa được tốt. Chúng ta xây dựng ngành cũng chưa tốt mà xây dựng địa phương cũng chưa tốt. Nhưng vấn đề cần nhấn mạnh là chúng ta chưa thấy rõ vị trí quan trọng của kinh tế địa phương trong quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trong chế độ làm chủ tập thể ba cấp. Vấn đề kinh tế địa phương không chỉ và chủ yếu không phải là vấn đề phân cấp quản lý, mà là vấn đề xây dựng cơ cấu kinh tế. Sắp tới, cần tổ chức nghiên cứu để cụ thể hoá đường lối của Đảng trên vấn đề này, lập các phương án để xây dựng kinh tế các địa phương.

Đặc biệt, phải ra sức xây dựng Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Cần dựa vào các thế mạnh của hai thành phố về đội ngũ lao động có kỹ thuật và có văn hoá, về tiềm lực khoa học - kỹ thuật, về cơ sở vật chất - kỹ thuật đã có, mà ra sức phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, sản xuất nhiều mặt hàng tiêu dùng, và những tư liệu sản xuất nhất định nhằm đáp ứng nhu cầu của cả nước, trước hết là của đồng bằng sông Hồng đối với Hà Nội và đồng bằng sông Cửu Long đối với thành phố Hồ Chí Minh, và mở rộng xuất khẩu. Cũng cần ra sức chú ý đến thành phố Hải Phòng và các thành phố khác.

Phải có kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá ở các tỉnh

miền núi, phát huy các thế mạnh của miền núi, nhằm nâng cao đời sống nhân dân các dân tộc, củng cố quốc phòng và an ninh, mở rộng trao đổi với các tỉnh miền xuôi và mở rộng xuất - nhập khẩu.

4- Mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài, ra sức đẩy mạnh xuất khẩu

Đây là vấn đề có tính quy luật của quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cũng như 5 năm qua, từ nay về sau, hợp tác toàn diện trước hết với Liên Xô là vấn đề nguyên tắc, đồng thời phát triển hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia, với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế, cũng là vấn đề nguyên tắc.

Hiện nay, chúng ta đang nhờ Liên Xô giúp ta lập sơ đồ tổng thể về phát triển kinh tế quốc dân cho đến năm 2000. Sơ đồ được xây dựng xong sẽ là căn cứ hết sức quan trọng để chúng ta mở rộng phân công, hợp tác về kinh tế với Liên Xô, với các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế, cũng như để Liên Xô giúp đỡ có hiệu quả hơn cho chúng ta xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Chúng ta cũng đang tích cực chuẩn bị cho hội nghị các Tổng Bí thư và Bí thư thứ nhất bàn về phối hợp chính sách kinh tế giữa các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Từ trước đến nay và trong nhiều năm sau này, sự hợp tác kinh tế giữa nước ta với Liên Xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế chủ yếu còn là sự giúp đỡ một chiều. Song, chúng ta phải quyết tâm phấn đấu sớm làm cho sự hợp tác đó mang tính chất cùng có lợi. Muốn vậy, phải triệt để chống tư tưởng ỷ lại. Chúng ta cũng cần mở rộng quan hệ kinh tế với các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa,

trên nguyên tắc giữ vững chủ quyền dân tộc, không can thiệp vào nội bộ của nhau và hai bên cùng có lợi. Điều này phù hợp với quy luật của thế giới ngày nay, là cả thế giới vẫn còn là một thị trường.

Trong việc mở rộng quan hệ kinh tế với nước ngoài, vấn đề đẩy mạnh xuất khẩu là vấn đề có tính chất chiến lược. Xuất khẩu trong chặng đường đầu tiên hiện nay là nông sản, lâm sản, hải sản, hàng tiêu dùng, một số sản phẩm công nghiệp nặng và một số khoáng sản. Về nông sản, theo hiểu biết của chúng ta, phải ra sức tạo mẩy mặt hàng xuất khẩu lớn sau đây: đậu tương, đường, thuốc lá, chè, cà phê, caosu, đay, rau quả, một số tinh dầu, cây thuốc, sản phẩm chăn nuôi. Đối với từng mặt hàng xuất khẩu, phải xây dựng phương án kinh tế - kỹ thuật, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch, từ sản xuất đến chế biến, bao bì đóng gói, vận chuyển, v.v.. Đối với các mặt hàng xuất khẩu khác, cũng phải làm như vậy.

Chủ trương của chúng ta là Nhà nước độc quyền ngoại thương và trung ương thống nhất quản lý công tác ngoại thương. Phù hợp với nguyên tắc đó, mỗi ngành, mỗi địa phương, mỗi cơ sở phải tự cân đối nhu cầu sản xuất và đời sống trong phạm vi mình bằng tự lực sản xuất và thông qua xuất - nhập khẩu. Phải chấm dứt tình trạng ngồi chờ cấp trên một cách thụ động. Phải đẩy mạnh xuất khẩu để nhập khẩu những thiết bị, vật tư kỹ thuật và những thứ hàng khác cần thiết cho mình. Nói chung, đơn vị nào cũng phải xuất khẩu. Phải tiến tới tổ chức cho từng gia đình người lao động tham gia làm hàng xuất khẩu. Nhà nước cần có những quy chế thích hợp để quản lý công tác xuất - nhập khẩu, mở rộng xuất - nhập khẩu theo hướng này.

5- Chế độ quản lý và kế hoạch hóa

Phù hợp với chế độ làm chủ tập thể ba cấp, thống nhất ba lợi ích, trước hết phải thực hiện ba cấp làm kế hoạch, xây dựng kế hoạch từ cơ sở. Kế hoạch mỗi cấp, trước hết là kế hoạch cơ sở, phải ra sức phát huy khả năng sẵn có và tiềm tàng nhằm đáp ứng nhu cầu của đơn vị, đóng góp cho cả nước, đẩy mạnh xuất - nhập khẩu.

Mỗi cấp phải làm chủ bằng kế hoạch và chỉ có làm kế hoạch tốt thì mới thực sự làm chủ.

Kế hoạch phải thấm nhuần quan điểm *hạch toán kinh tế*, thực chất là vận dụng quy luật giá trị trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Kế hoạch của mỗi đơn vị phải xây dựng trên tinh thần bù đắp được chi phí sản xuất và phải có lợi nhuận để tái sản xuất mở rộng, khuyến khích vật chất cho cá nhân người lao động và tăng cường phúc lợi tập thể. Phải loại trừ cơ chế bao cấp tràn lan. Thực hiện hạch toán kinh tế, loại trừ bao cấp, thực chất cũng là thực hiện quyền làm chủ, là phát huy tinh thần tự lực, tự cường, tự chịu trách nhiệm về sản xuất và đời sống trong phạm vi mình. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong quá trình từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, tập thể là sức mạnh rất quan trọng, là ưu thế của chế độ, đồng thời cá nhân cũng là một sức mạnh rất quan trọng. Do đó, chế độ phân phối của chúng ta, các chính sách của chúng ta về phân phối, lưu thông phải kết hợp hài hoà ba lợi ích. Chế độ khoán mới trong nông nghiệp đã đem lại những kết quả tích cực. Chúng ta có khuyết điểm là chậm thấy vấn đề này. Cần tiếp tục hoàn thiện chế độ khoán ấy và chăm chú theo dõi để uốn nắn các lách laced, nhất là đừng để xảy ra tình trạng

khoán trống. Trong công nghiệp, cũng phải áp dụng những hình thức trả công thích đáng, để phát huy tính tích cực và tinh thần sáng tạo của người công nhân, vừa làm lợi cho cá nhân, vừa làm lợi cho xí nghiệp và Nhà nước. Nếu chúng ta làm tốt việc phát huy sức mạnh của tập thể đi đôi với phát huy sức mạnh của cá nhân, thì với những vốn vật chất như hiện nay, có thể tạo ra tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân cao hơn nhiều.

Giá cả hiện nay đang có nhiều biến động. Chúng ta phải nghiên cứu, giải quyết thích đáng, để từng bước vững chắc nhưng càng sớm càng tốt, tiến đến ổn định giá cả.

Những vấn đề tiền lương, tài chính, ngân hàng cũng phải được đặc biệt quan tâm và cải tiến. Trong bất cứ tình hình nào, cũng phải bảo đảm đời sống cho những người lao động ở khu vực ăn lương.

Đối với thị trường, phải trên cơ sở ra sức đẩy mạnh sản xuất, đặc biệt là sản xuất lương thực, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng (kể cả vật liệu xây dựng) và nhà nước các cấp nắm nguồn hàng, mà quản lý chặt chẽ thị trường, đấu tranh chống đầu cơ, buôn lậu, xác lập ưu thế của thị trường xã hội chủ nghĩa, quản lý và sử dụng tốt thị trường tự do.

Kế hoạch phải thấm nhuần quan điểm *kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, kinh doanh trong nước và kinh doanh ngoài nước. Kinh doanh cũng là làm chủ. Phải rất linh hoạt, nhạy bén. Phải nghiên cứu để sớm cải tiến chế độ cung ứng vật tư, chế độ tiêu thụ sản phẩm, phát triển các mối liên kết kinh tế ngang và dọc giữa các ngành với địa phương, giữa các địa phương với nhau, giữa các ngành với nhau, giữa các cơ sở với nhau, giữa huyện này và huyện khác, giữa thành phố và

nông thôn. Đồng thời, như trên đã nói, cấp nào cũng phải kinh doanh xuất - nhập khẩu.

Phải kết hợp chặt chẽ xây dựng kế hoạch với điều hành thực hiện kế hoạch. Kế hoạch không bao giờ có thể chính xác hoàn toàn và dự đoán được hết mọi thứ yếu tố; cho nên phải qua điều hành mà điều chỉnh kịp thời những chỗ không phù hợp của kế hoạch.

6- *Phải tạo ra lực lượng tổng hợp* để phát triển kinh tế. Phải tiến hành ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt, xây dựng chế độ làm chủ tập thể trong kinh tế kết hợp với xây dựng chế độ làm chủ tập thể về các mặt khác. Chế độ làm chủ tập thể trong kinh tế cần chú ý phát huy làm chủ của cả nước, làm chủ của từng địa phương, làm chủ của từng ngành, làm chủ của từng cơ sở, làm chủ của từng người lao động. Phải nghiên cứu những cơ chế quản lý thích hợp, những chế độ, chính sách thích hợp về phân phối, lưu thông, do phát huy cho được sức mạnh của chế độ làm chủ tập thể. Phải làm chủ bằng việc kết hợp hài hoà ba lợi ích. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với sự quản lý đúng đắn của Nhà nước, phải phát động cho kỳ được *phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng*.

Về nhiệm vụ kinh tế 5 năm 1981- 1985. Lẽ ra chúng ta đề ra nhiệm vụ kinh tế sau khi đã có phương hướng và nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm. Hiện nay kế hoạch 5 năm đang trong quá trình xây dựng; vì vậy, lần này chúng ta chỉ đề ra một số vấn đề có tính nguyên tắc để làm cơ sở cho việc xây dựng phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm. Sau đây là những nhiệm vụ chủ yếu:

1- Giải quyết những vấn đề cấp bách nhất để ổn định

và cải thiện một bước đời sống của nhân dân. Trước hết bảo đảm đủ lương thực cho xã hội. Cung ứng cho công nhân, viên chức, bộ đội đủ lương thực, thực phẩm đã được Nhà nước quy định.

Giải quyết vải mặc ở mức cân thiết tối thiểu. Có đủ giấy viết, giấy in sách giáo khoa, giấy in báo. Bảo đảm đủ những loại thuốc thiết yếu cho nhu cầu chữa bệnh của nhân dân. Cung ứng khá hơn các đồ dùng gia đình và đồ dùng cá nhân thông thường. Tăng thêm phương tiện đi lại của nhân dân. Xây dựng thêm nhà ở và cải thiện điều kiện ở, nhất là về cung ứng nước, điện, vệ sinh của nhân dân thành phố; hướng dẫn và giúp đỡ nông dân xây dựng nhà ở. Tổ chức tốt hơn đời sống văn hoá và tinh thần của nhân dân.

2- *Sắp xếp lại sản xuất*, ra sức khai thác mọi khả năng sẵn có và tiềm tàng, nhằm tạo ra thế cân đối mới theo hướng sau đây: tập trung cao độ lực lượng cả nước cho mặt trận nông nghiệp; đẩy mạnh sự phát triển của lâm nghiệp và thủy sản; ra sức phát triển sản xuất hàng tiêu dùng. Tăng sản xuất và giải quyết tốt hơn việc cung ứng một cách tập trung và theo thứ tự ưu tiên cho nền kinh tế: điện, than, các sản phẩm cơ khí, hoá chất, kim loại, nguyên liệu. Tăng cường giao thông vận tải. Đẩy mạnh thăm dò và khai thác dầu khí. Phát triển kinh tế địa phương, trong cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; tích cực xây dựng huyên. Làm tốt việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh thi đua xã hội chủ nghĩa.

3- Thiết lập trật tự mới trên mặt trận *phân phối lưu thông*, nhất là phấn đấu kiên quyết ổn định giá cả, thị trường. Bố trí lại tiêu dùng cho phù hợp với khả năng của

nền kinh tế. Thực hành *tiết kiệm* nghiêm ngặt trên mọi lĩnh vực, kiên quyết giảm chi về hành chính và xây dựng cơ bản. Tích cực phân bố lao động trong cả nước, tinh giản biên chế trong bộ máy hành chính, chuyển công nhân ở những xí nghiệp và công trường không có điều kiện hoạt động sang các nơi khác.

4- *Bố trí lại xây dựng cơ bản:* Cải tạo, mở rộng và nâng cao các cơ sở cũ sẵn có; kiên quyết đình, hoãn một số công trình xét ra chưa có điều kiện xây dựng hoặc chưa thật cấp bách; tiếp tục xây dựng công trình dở dang xét ra có điều kiện và có nhu cầu cấp bách; xây dựng mới có trọng điểm và theo khả năng một số công trình bức thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của kế hoạch 5 năm 1981- 1985 và những năm sau. Nâng cao hiệu quả vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

5- Đẩy mạnh công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước về các mặt chế độ sở hữu, chế độ quản lý, chế độ phân phối.

6- Mở rộng hợp tác kinh tế với Liên Xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Đặc biệt tạo cho được một sự chuyển biến lớn về xuất khẩu để nhập khẩu, giảm dần chênh lệch giữa xuất và nhập, tiến tới cân bằng xuất và nhập.

7- Đổi mới hệ thống quản lý kinh tế. Thực hiện kế hoạch ba cấp và xây dựng kế hoạch từ cơ sở. Xoá bỏ tận gốc cơ chế quan liêu bao cấp, khắc phục bằng được tình trạng trì trệ, bảo thủ, vô trách nhiệm, vô kỷ luật, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nâng cao tính năng động,

sáng tạo, tinh thần trách nhiệm và kỷ luật, bảo đảm năng suất, chất lượng, hiệu quả.

8- Tăng cường quản lý xã hội, giữ vững trật tự xã hội, kiên quyết đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực; kiên quyết chống những hoạt động phá hoại kinh tế, chiến tranh gián điệp của địch; xây dựng nếp sống xã hội chủ nghĩa, lành mạnh, yên vui.

9- Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ đất nước.

Tất cả những nhiệm vụ này đều nhằm trước hết là ổn định đời sống và cố gắng có cải thiện phần nào trên một số mặt, làm cho nền kinh tế thoát khỏi tình hình không bình thường hiện nay, cố gắng từng bước tạo ra thế cân đối mới, giảm bớt khó khăn, chặn đứng và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. Đây là những nhiệm vụ tối thiểu phải làm, tập trung sức của các ngành, các địa phương làm cho kỳ được. Phải đổi mới hệ thống quản lý và kế hoạch hoá. Phải tạo ra một bước chuyển biến quan trọng về tổ chức và điều hành, từ Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và Hội đồng Bộ trưởng, đến các bộ, các địa phương, đặc biệt là các cơ sở và các huyện.

Tinh thần chung là nhằm vào những vấn đề cấp bách nhất của đời sống kinh tế hiện nay, và đề ra mức độ hiện thực, có thể thực hiện được. Chúng ta đề ra mục tiêu khiêm tốn, nhưng nếu làm đúng thì có những việc trước đây mấy chục năm ta không làm được, nay trong 5 - 3 năm có thể làm xong. Như vấn đề nguyên liệu cho mặc, mấy chục năm vừa qua chúng ta không làm được gì, nay chúng ta đề ra chủ trương phát triển trồng đay, trồng dâu nuôi tằm, trồng bông

gòn, trồng cây dứa dại, trồng bông sợi dài, trồng bông địa phương, v.v.. Nếu chúng ta có biện pháp đúng, có chính sách đúng, có tổ chức chỉ đạo đúng, thì chúng ta tin rằng trong một số năm sẽ có biến chuyển. Kinh nghiệm giải quyết lương thực của một số tỉnh Khu V cũ đã chứng tỏ điều đó. Tinh thần chúng ta là: tích cực nhưng vững chắc, vững chắc trên tinh thần cách mạng tiến công, tìm mọi cách để sớm chuyển biến được tình hình.

Về văn hoá, hiện nay một trong khía cạnh quan trọng của chiến tranh phá hoại của địch là chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp, nhất là về mặt văn hoá, và đối tượng chính của địch là thanh niên. Vì vậy, chúng ta phải rất coi trọng việc chống chiến tranh tâm lý, chiến tranh gián điệp của địch trên mặt trận văn hoá. Phải phấn đấu kiên quyết, liên tục, triệt để, quét sạch những tàn dư tư tưởng, văn hoá phản động, lạc hậu, sản phẩm của xã hội cũ, chống và thay đổi xuên ngang ngừa mọi ảnh hưởng của tư tưởng và văn hoá tư sản phản động, đòi truy của chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế thâm nhập từ ngoài vào. Đồng thời, chúng ta nhận rõ công cuộc cải tạo và xây dựng trên mặt trận tư tưởng, văn hoá có quan hệ rất mật thiết với công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế.

Việc chống văn hoá phản động và lạc hậu phải đi đôi với việc xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới. Đại hội lần thứ IV của Đảng đã chỉ rõ nền văn hoá mới là nền văn hoá có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc và cũng đã chỉ rõ cái cơ bản nhất của nội dung xã hội chủ nghĩa là làm chủ tập thể. Lần này, chúng ta nêu ra cái cơ bản của tính chất dân tộc là thương nước, thương nhà, thương người,

thương mình và tinh thần dân chủ, bình đẳng trong quan hệ giữa người với người.

Cuộc đấu tranh chống tư tưởng, văn hoá phản động, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới phải xem thanh niên và thiếu niên là đối tượng quan trọng nhất. Tất cả các ngành, các lực lượng trong mặt trận văn hoá phải được huy động hướng vào mục tiêu cải tạo và xây dựng này. Phải đặc biệt chú ý nâng cao chất lượng. Để cho việc phát triển văn hoá đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, của sự nghiệp cách mạng và phù hợp với khả năng của nền kinh tế, cần thực hiện chủ trương Nhà nước và nhân dân cùng làm.

Trên mặt trận văn hoá và tư tưởng, phải hết sức chủ động, sắc bén, giành thắng lợi từng giờ, từng phút.

Vấn đề *tăng cường cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý* là một vấn đề hết sức quan trọng. Nhưng đây cũng là vấn đề rất mới mẻ đối với chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong các hội nghị của Bộ Chính trị và của Trung ương bàn về *Hiến pháp* mới, chúng ta có tiến một bước trong vấn đề này, đã thể chế hoá chế độ làm chủ tập thể trong *Hiến pháp* mới của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trong Đại hội V này, chúng ta chưa có điều kiện để nói gì hơn. Bởi vì cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, phải được cụ thể hoá thành các quy tắc, thể chế, nền nếp hoạt động để giải quyết đúng đắn các vấn đề cụ thể trong mỗi quan hệ giữa các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước, giữa Nhà nước với nhân dân. Đây là vấn đề rất rộng lớn, đòi hỏi sự nghiên cứu kỹ lưỡng về lý luận và thực tiễn. Sau đại hội, chúng ta sẽ tiếp tục nghiên cứu để làm rõ hơn để cụ thể hoá cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Trong việc tăng cường Nhà nước, vấn đề bảo đảm *an ninh chính trị và tăng cường trật tự, an toàn xã hội* là rất quan trọng. Cùng với việc làm thất bại chiến tranh phá hoại của địch, chúng ta cần ra sức phấn đấu chống các hành động của các phần tử xấu xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của tập thể, làm thiệt hại đến tính mạng và tài sản của nhân dân, bảo đảm cho được trật tự và an toàn xã hội, việc này đòi hỏi các lực lượng công an nhân dân phải phát huy tinh thần chiến đấu, làm tốt nhiệm vụ của mình, đồng thời cần phát động phong trào quần chúng mạnh mẽ, làm cho lực lượng và khí thế lành mạnh áp đảo những lực lượng và hiện tượng xấu.

III- VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO CỦA TRUNG ƯƠNG

Trong Hội nghị Trung ương lần này, tất cả các đồng chí Trung ương đều nhất trí là phải tạo ra cho kỳ được sự chuyển biến thật sự của Đảng, kiên quyết khắc phục các hiện tượng tiêu cực trong Đảng, làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu, có năng lực lãnh đạo hoàn thành nhiệm vụ mới, giữ vững được lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Đó là sự đòi hỏi bức thiết của cách mạng hiện nay.

Đảng ta là một đảng cách mạng kiên cường, có truyền thống đoàn kết, có uy tín lớn với nhân dân ta và có uy tín lớn trong phong trào cộng sản quốc tế. Bước vào cuộc chiến đấu mới, đại đa số cán bộ, đảng viên đã giữ vững phẩm chất cách mạng, tiến bộ về trình độ và năng lực công tác, làm tròn nhiệm vụ trong những hoàn cảnh hết sức khó khăn. Đó là

mặt cơ bản, là chỗ mạnh của Đảng ta. Song gần đây, có tình hình đáng lo ngại là một bộ phận đảng viên, trong đó có cả một số cán bộ cao cấp và trung cấp, sa sút về ý chí chiến đấu, về tinh thần trách nhiệm, về phẩm chất cách mạng; các nguyên tắc về sinh hoạt đảng không được tôn trọng và chấp hành đầy đủ; nhiều nghị quyết, chỉ thị của Đảng không được tổ chức thực hiện tốt và đạt kết quả thấp; những điều đó đã ảnh hưởng không tốt đến lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Đó là tình hình nghiêm trọng, cần phải có những biện pháp giải quyết nhanh và có hiệu quả, đồng thời phải tổng kết những vấn đề mới về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền.

Hội nghị Trung ương lần này khẳng định nhiệm vụ then chốt trong công tác xây dựng Đảng hiện nay là *nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng một cách toàn diện* đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, trước hết là trên mặt trận xây dựng và quản lý kinh tế, đồng thời đổi mới công tác tư tưởng, công tác tổ chức, bảo đảm cho Đảng trong sạch và vững mạnh.

Phải có những biện pháp kiên quyết về tư tưởng và tổ chức để *giữ vững phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên*. Cán bộ, đảng viên từ các đồng chí Trung ương cho đến các đảng viên thường ở cơ sở phải là những chiến sĩ tiền phong, gương mẫu về mọi mặt để tập hợp được quần chúng, động viên được quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Phải tiến hành thực sự một cuộc *thanh lọc đảng viên*, đưa ngay ra khỏi Đảng tất cả những phần tử xấu, hư hỏng,

thoái hoá biến chất, tê liệt ý chí cách mạng, không còn tín nhiệm với quần chúng. Nếu cần thiết phải đưa vài chục vạn người không đủ tiêu chuẩn là đảng viên ra khỏi Đảng, chúng ta cũng kiên quyết làm, không do dự. Làm như vậy, chắc chắn Đảng sẽ mạnh lên, công tác lãnh đạo sẽ tốt hơn. Tuy nhiên, việc thanh lọc đảng viên phải có sự chỉ đạo chặt chẽ, có sự hướng dẫn và kiểm tra chu đáo để tránh những lạch lác.

Phải gấp rút *củng cố cơ sở đảng*, nhất là củng cố chi bộ đảng. Nội dung và kế hoạch củng cố chi bộ phải phù hợp với từng loại chi bộ ở các ngành khác nhau và các vùng khác nhau. Phải sửa đổi nội dung sinh hoạt chi bộ cho đúng với vai trò và trách nhiệm lãnh đạo chính trị của Đảng, để chi bộ thực sự là nơi giáo dục, rèn luyện đảng viên về ý chí chiến đấu cách mạng, về năng lực lãnh đạo, chứ không được hạ thấp sinh hoạt chi bộ đảng như sinh hoạt của tổ chức quần chúng hoặc tổ chức sản xuất.

Về công tác tư tưởng, cần kiên quyết đấu tranh chống tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, tư tưởng cơ hội, tư tưởng tự do vô kỷ luật. Phải vừa phát huy dân chủ, vừa đề cao kỷ luật, thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình từ Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến các cấp uỷ đảng, các đảng bộ cơ sở. Kết hợp công tác giáo dục tư tưởng trong Đảng với cuộc đấu tranh chống tiêu cực toàn diện trong các cơ quan nhà nước, trong toàn xã hội.

Ngay sau Đại hội V, cần tổ chức một cuộc giáo dục chính trị trong toàn Đảng, lấy việc nghiên cứu các văn kiện của Đại hội Đảng làm cơ sở để giáo dục cán bộ, đảng viên về đường lối chính sách của Đảng, về nhiệm vụ và trách nhiệm của đảng

viên, phê phán những tư tưởng sai lầm, bồi dưỡng ý chí cách mạng của người đảng viên cộng sản.

...

Trong công tác xây dựng đảng, phải làm thật tốt việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ, đảng viên về mọi mặt, nhất là nâng cao trình độ về công tác kinh tế. Ngay sau Đại hội V của Đảng, phải tổ chức và thực hiện nay chế độ bắt buộc các cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý học tập về lý luận kinh tế, chính sách kinh tế, tổ chức và quản lý kinh tế.

Vấn đề quyết định nhất trong công tác xây dựng đảng là vấn đề cán bộ. *Kiên quyết và khẩn trương bố trí, sắp xếp lại cán bộ*, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các cấp uỷ đảng, các ban của Đảng và các cơ quan quản lý của Nhà nước, đưa những người thực sự có tinh thần trách nhiệm và có năng lực lên làm việc. Phải kết hợp cho đúng ba loại cán bộ: cán bộ chính trị, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật. Đào tạo và bồi dưỡng nhanh đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế.

Về cách làm việc của Trung ương, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cần có cải tiến, sửa đổi.

Cần có quy chế làm việc của các Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương để mỗi đồng chí Trung ương phát huy được trách nhiệm và khả năng của mình trong sự lãnh đạo tập thể. Các đồng chí Trung ương cần được thông tin đầy đủ, nhất là về những việc quan trọng, để có thể tham gia có hiệu quả vào công tác lãnh đạo của Trung ương. Đồng thời, mỗi đồng chí Trung ương cũng phải chủ động phát huy khả năng và điều kiện của mình đóng góp vào sự lãnh đạo chung.

Cần có sự phân công hợp lý để các đồng chí trong Bộ Chính trị có điều kiện làm nhiều hơn, làm sâu hơn việc nghiên cứu, cụ thể hoá đường lối, bàn bạc và quyết định các chính sách quan trọng về kinh tế, xã hội.

Phải tăng cường Ban Bí thư để thực sự chỉ đạo được tất cả các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chỉnh và có kết quả các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị, kiểm tra được công việc của Chính phủ, của các đoàn thể.

Phải kiện toàn nhanh Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng để bảo đảm điều hành công việc của Chính phủ một cách nhanh nhạy, sắc bén. Mạnh dạn đưa các đồng chí còn trẻ và có năng lực quản lý tham gia Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.

Cần đổi mới cách làm việc của Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Có quy trình làm việc chặt chẽ và khoa học để quyết định đúng và tổ chức thực hiện đúng các vấn đề về đường lối chính sách, chủ trương quan trọng. Các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định phải được chuẩn bị chu đáo, có những tiểu ban của Trung ương xem xét kỹ trước. Để thực sự tăng cường công tác nghiên cứu các vấn đề về đường lối chính sách, về cải tiến quản lý kinh tế, quản lý xã hội, về cải tiến lãnh đạo và về xây dựng đảng, phải đổi mới, kiện toàn về tổ chức, cán bộ, về phương pháp công tác của các ban giúp việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư cũng như các cơ quan nghiên cứu của Nhà nước.

Trên đây là kết luận của Bộ Chính trị về những ý kiến lớn mà các đồng chí Trung ương đã phát biểu. Nếu có những vấn đề gì trong bản kết luận này mà các đồng chí Trung ương muốn thảo luận thêm thì tuỳ Trung ương quyết định.

Sau khi Trung ương thông qua bản kết luận này, Bộ Chính trị sẽ căn cứ vào đây và những ý kiến khác của các đồng chí Trung ương liên quan đến một số vấn đề chi tiết trong dự thảo *Báo cáo chính trị* để sửa sang lại bản dự thảo báo cáo. Bản dự thảo báo cáo sẽ được thảo luận tại đại hội các tỉnh, thành phố, các đảng bộ trực thuộc Trung ương. Còn tài liệu đưa ra thảo luận tại các đại hội cấp dưới, thì sẽ là một bản đính cương tóm tắt.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Ban Bí thư thông báo để các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ và các đảng uỷ trực thuộc Trung ương biết.

T/M BAN Bí THƯ
LÊ ĐỨC THỌ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 59-TB/TW, ngày 10 tháng 12 năm 1981

**Về việc chuyển Ủy viên Trung ương dự khuyết
lên Ủy viên Trung ương chính thức***

Căn cứ vào số lượng Ủy viên Trung ương chính thức do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV quyết định và số lượng hiện có sau khi ba Ủy viên Trung ương chính thức đã từ trần.

Căn cứ vào *Điều lệ Đảng* đã quy định,

Trong kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 10 đã nhất trí chuyển ba đồng chí Ủy viên Trung ương dự khuyết sau đây lên Ủy viên Trung ương chính thức:

- Trần Hanh,
- Hoàng Minh Thảo,
- Đào Duy Tùng.

* Để giúp bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi xếp thông báo này vào nhóm tài liệu Hội nghị Trung ương (B.T).

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 138-TT/TW, ngày 11 tháng 11 năm 1981

**Về việc áp dụng hình thức "khoán sản phẩm"
trong các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã
nông nghiệp ở các tỉnh Nam Bộ**

Thực hiện Chỉ thị số 100 ngày 13-1-1981 và Thông báo số 14 ngày 30-4-1981 của Ban Bí thư, trong vụ sản xuất đong xuân và hè thu vừa qua, thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh ở Nam Bộ đã làm thí điểm về việc khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động (dưới đây gọi tắt là "khoán sản phẩm") trong một số tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp (các tỉnh ở Tây Nguyên và Khu V cù đã sơ kết việc làm thử "khoán sản phẩm" và đã mở rộng việc áp dụng trong các hợp tác xã như ở miền Bắc).

Qua kinh nghiệm của những nơi làm thử ở các tỉnh Nam Bộ, cách "khoán sản phẩm" được nông dân hưởng ứng và tiếp thu nhanh, đưa lại kết quả tốt trong sản xuất và đời sống, tạo ra nhân tố mới, có ý nghĩa quan trọng không những đối với việc củng cố tập đoàn sản xuất và hợp tác xã mà còn tác

động tích cực đến sự phát triển của phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở Nam Bộ.

Mặt khác, các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã ở Nam Bộ, phần đông mới thành lập; mức độ tập thể hoá tư liệu sản xuất còn thấp, trình độ quản lý còn yếu. Do đó, việc áp dụng "khoán sản phẩm" phải được chỉ đạo chặt chẽ, phải chuẩn bị những điều kiện cần thiết thì mới đưa lại kết quả tốt. Nếu để tự phát, làm thiếu chuẩn bị và không được chỉ đạo sát sao, thì dễ đi tới "khoán trắng", làm cho tập đoàn sản xuất, hợp tác xã chỉ còn là hình thức.

Qua tổng kết kinh nghiệm làm thử, Ban Bí thư chủ trương *mở rộng việc áp dụng hình thức "khoán sản phẩm" trong các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp ở Nam Bộ trên cơ sở chỉ đạo chặt chẽ, chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết, bảo đảm thực hiện đúng mục đích và nguyên tắc cải tiến công tác khoán nêu trong Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư.*

Để thực hiện tốt chủ trương này, cần chú ý những vấn đề dưới đây:

1. Muốn áp dụng hình thức "khoán sản phẩm", các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã cần *chuẩn bị những điều kiện chủ yếu* như sau:

- Quản lý chặt chẽ ruộng đất (nắm vững diện tích và chất đất), các tư liệu sản xuất chủ yếu khác và lao động; xây dựng được các định mức kinh tế - kỹ thuật (định mức lao động, định mức vật tư và định mức sản lượng gắn với quy trình kỹ thuật) và lập được kế hoạch sản xuất - phân phối, làm căn cứ cho việc "khoán sản phẩm".

- Lập được nội quy "khoán sản phẩm", xác định rõ trách

nhiệm và lợi ích của tập thể, của nhóm hoặc người lao động trong từng khâu canh tác, phù hợp với đặc điểm sản xuất của từng nơi.

- Có đội ngũ cán bộ quản lý trung thực, được huấn luyện về cách "khoán sản phẩm".

Phương án "khoán sản phẩm", đặc biệt là định mức khoán và nội quy khoán, phải được đại hội tập đoàn viên hoặc xã viên thảo luận và thông qua. Cấp huyện phải kiểm tra và duyệt cho tập đoàn sản xuất, hợp tác xã thực hiện phương án đó. Đối với các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã tiên tiến đang quản lý tốt theo hình thức "khoán việc", việc chuyển sang áp dụng "khoán sản phẩm" phải do cán bộ, tập đoàn viên và xã viên tự nguyện, không được gò ép hoặc ngăn cản.

Cấp tỉnh và huyện phải hướng dẫn, giúp đỡ cho đơn vị cơ sở tích cực chuẩn bị các điều kiện nêu trên để mở rộng việc áp dụng "khoán sản phẩm" một cách chủ động và vững chắc; kiên quyết không để xảy ra "khoán trống".

2. Các vấn đề cụ thể trong việc áp dụng hình thức "khoán sản phẩm" cần được vận dụng sát hợp với điều kiện thực tế, trên cơ sở bảo đảm thực hiện đúng mục đích và các nguyên tắc đã nêu trong Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư, không máy móc, nhưng phải tránh tùy tiện, buông lỏng. Bộ Nông nghiệp phải cùng với các tỉnh đúc kết kinh nghiệm của những nơi đã làm thử ở miền Nam, kết hợp với vận dụng kinh nghiệm ở miền Bắc để hướng dẫn chung và theo dõi sát sao việc thực hiện ở cơ sở, kịp thời phổ biến những kinh nghiệm tốt và uốn nắn những lách laced. Chú ý hướng dẫn các vấn đề, như:

- Việc xác định những khâu giao khoán cho nhóm hoặc người lao động phải trên cơ sở tổ chức hợp lý lao động hiệp

tác có phân công trong tập đoàn sản xuất và hợp tác xã.

- Định mức giao khoán và kế hoạch phân phối thu nhập phải bảo đảm cho phần thu nhập của người lao động theo ngày công lớn hơn và tăng nhanh hơn phần thu nhập dựa vào sản lượng vượt mức khoán.

- Việc giao diện tích làm khoán phải dựa vào căn cứ chủ yếu là khả năng lao động và sự phân công lao động trong tập đoàn sản xuất, hợp tác xã; tránh giao manh mún và gây trở ngại cho việc cải tạo, tổ chức lại đồng ruộng; tập đoàn viên và xã viên không được thuê mướn nhân công làm trên diện tích nhận khoán.

3. Tăng cường tổ chức, chỉ đạo thực hiện

- Cần tổ chức việc nghiên cứu, thảo luận quán triệt Chỉ thị số 100 và Thông tri này của Ban Bí thư trong các cấp ủy đảng, các tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng ở nông thôn Nam Bộ nhằm thống nhất tư tưởng và hành động trong việc thực hiện. Phân tích rõ mối quan hệ giữa "khoán việc" và "khoán sản phẩm"; tránh hiểu sai, đối lập hai hình thức khoán đó. Cần đánh giá đúng ý nghĩa quan trọng của việc áp dụng "khoán sản phẩm", nhưng phải gắn nó với việc tổ chức lại sản xuất, đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật và phải tăng cường công tác xây dựng đảng ở nông thôn cả về tư tưởng và tổ chức, xây dựng và củng cố các tổ chức chính quyền, các đoàn thể quần chúng, thì mới củng cố và phát triển tốt tập đoàn sản xuất và hợp tác xã.

- Việc thực hiện "khoán sản phẩm" giúp cho kinh tế tập thể có điều kiện phát huy tính ưu việt của mình và nhờ đó có sức thu hút nông dân đi vào làm ăn tập thể. Muốn khai thác được khả năng mới này, các địa phương, nhất là những nơi

mà tỷ lệ kinh tế tập thể còn thấp, phải *phát triển mạnh các hình thức quá độ, đặc biệt là tổ đoàn kết sản xuất* và hướng dẫn nó hoạt động tốt để tập dượt nông dân, đào tạo cán bộ và chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác cho việc đi vào làm ăn tập thể. Khi chuyển lên tập đoàn sản xuất hoặc hợp tác xã, trên cơ sở tập thể hoá ruộng đất và các tư liệu sản xuất chủ yếu khác, có thể áp dụng ngay từ đầu cách quản lý theo hình thức "khoán sản phẩm", nhưng phải chuẩn bị chu đáo.

Ở những xã, ấp đã có tập đoàn sản xuất làm ăn tốt theo cách "khoán sản phẩm", toả được sức thu hút đối với nông dân cá thể, cần chủ động đón trước bước phát triển mới của phong trào hợp tác hoá bằng cách mở rộng tập đoàn sản xuất hoặc lập thêm tập đoàn mới. Ở những xã, ấp đã có nhiều tập đoàn sản xuất, các tỉnh cần rút kinh nghiệm về các hình thức quá độ (như: tổ chức liên doanh, hình thành một số khâu quản lý chung giữa các tập đoàn sản xuất, v.v.) để chuẩn bị điều kiện kịp thời chuyển lên hợp tác xã với quy mô thích hợp.

- Trong quá trình mở rộng một cách vững chắc việc áp dụng "khoán sản phẩm", các tỉnh và các huyện phải tiếp tục *chỉ đạo điểm* để không ngừng hoàn thiện cơ chế khoán mới, đồng thời rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

- Việc thực hiện "khoán sản phẩm" đi đôi với đẩy mạnh phong trào hợp tác hoá nông nghiệp bằng các hình thức từ thấp đến cao, tổ chức lại và phát triển sản xuất nông nghiệp đòi hỏi phải tăng cường công tác *xây dựng huyệ và kiện toàn cấp huyện*. Ban Cải tạo nông nghiệp miền Nam trước đây, nay được hợp nhất vào Ban Nông nghiệp Trung ương và thay đổi chức năng, phương thức hoạt động; do đó, cần thu gọn lại

bộ máy để tăng cường cán bộ cho các địa phương, trước hết là các huyện.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ ở Nam Bộ phải có kế hoạch phổ biến và chỉ đạo thực hiện thông tri này cùng với Chỉ thị số 100 của Ban Bí thư cho sát với tình hình địa phương, Bộ Nông nghiệp và Ban Nông nghiệp Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện, hàng quý báo cáo kết quả lên Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

trước mắt là chuẩn bị cho việc tổ chức lễ đặt móng cho tượng của Lê nin trong thời gian họp Đại hội lần thứ V của Đảng ta để đoàn đại biểu của Đảng Cộng sản Liên Xô có thể kết hợp tham gia.

Xin thông báo để các đồng chí biết thi hành.

THÔNG BÁO CỦA BAN Bí THU

Số 51-TB/TW, ngày 12 tháng 11 năm 1981

Về việc xây dựng tượng V.I.Lê nin tại Hà Nội

T/L BAN Bí THU
CHÁNH VĂN PHÒNG
NGUYỄN HỮU THỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Ban Bí thư trong phiên họp ngày 5-11-1981, đồng ý với đề nghị của Ban Đối ngoại về việc dựng tượng V.I.Lê nin tại Hà Nội, và quyết định:

Thành lập một tiểu ban để giúp Ban Bí thư đôn đốc kiểm tra các cơ quan có liên quan của ta trong việc phối hợp với các cơ quan có liên quan của Liên Xô tiến hành thiết kế và xây dựng tượng Lê nin cũng như tổ chức các hoạt động trọng thể nhân dịp đặt móng và khánh thành tượng Lê nin.

Tiểu ban này gồm:

- Đồng chí Lê Quang Đạo, Bí thư Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, làm trưởng tiểu ban,
- Đồng chí Nguyễn Văn Hiếu, Bộ trưởng Bộ Văn hoá,
- Đồng chí đại diện Ban Đối ngoại Trung ương,
- Đồng chí đại diện Hội Mỹ thuật Việt Nam.

Tiểu ban cần họp bàn ngay để nắm tình hình, đề ra chủ trương, kế hoạch công tác và biện pháp thực hiện,

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 139-TT/TW, ngày 18 tháng 11 năm 1981

**Về việc tổ chức sản xuất trong các cơ quan
của Đảng**

Vừa qua, nhiều cơ quan của Đảng từ trung ương đến địa phương đã tổ chức sản xuất để góp phần giảm bớt chi tiêu của quỹ đảng, cải thiện đời sống của cán bộ, công nhân, nhân viên trong các cơ quan của Đảng.

Tuy nhiên, các hoạt động sản xuất còn lẻ tẻ, chưa có phương hướng kế hoạch cụ thể, nhất là chưa có chế độ quản lý nghiêm ngặt và thiếu sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp uỷ đảng. Kết quả sản xuất ở nhiều nơi chưa được ghi vào ngân sách chung của Đảng ở địa phương.

Để chỉ đạo việc tổ chức sản xuất trong các cơ quan của Đảng theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đưa lại hiệu quả thiết thực, Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ:

1. Nắm vững mục đích của việc tổ chức sản xuất trong các cơ quan của Đảng là tạo ra một số sản phẩm thiết thực phục vụ cho các hoạt động của cơ quan đảng, góp phần vào

việc ổn định và bảo đảm đời sống của cán bộ, công nhân, nhân viên; đồng thời tăng thêm nguồn thu cho ngân sách của Đảng.

2. Các cấp uỷ đảng căn cứ vào hoàn cảnh cụ thể và các yếu tố sẵn có của từng địa phương (về đất đai, cơ sở vật chất - kỹ thuật, nguyên liệu, vật liệu, lao động, tiền vốn,...), xác định phương hướng, hình thức tổ chức sản xuất thích hợp, bảo đảm đưa lại hiệu quả kinh tế thiết thực, không bị thua lỗ, v.v..

Hướng sản xuất chủ yếu là trồng trọt, chăn nuôi, sửa chữa những phương tiện, thiết bị của cơ quan.

Tổ chức sản xuất phải theo đúng nguyên tắc, chế độ và pháp luật của Nhà nước, theo đúng phương hướng kế hoạch của địa phương, có hiệu quả kinh tế, bảo đảm có lãi, không được bù lỗ, đồng thời giữ gìn uy tín chính trị của cơ quan đảng.

Công tác quản lý phải hết sức chặt chẽ, theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện hạch toán kinh tế, tuyệt đối không được làm ăn theo lối hành chính, quan liêu bao cấp. Không được coi sản phẩm, tiền của do sản xuất, kinh doanh làm ra là tài sản riêng, quỹ riêng của cá nhân hoặc tổ chức nào; mọi khoản thu, chi đều phải được phản ánh vào ngân sách của Đảng. Nghiêm cấm việc lập quỹ đen, quỹ riêng để ngoài ngân sách của Đảng; mọi khoản chi tiêu đều phải theo đúng tiêu chuẩn, chế độ của Đảng và Nhà nước. Phải thực hành tiết kiệm và kiên quyết chống tham ô, lãng phí, ăn cắp, làm hư hỏng vật tư, hàng hoá.

3. Về tổ chức thực hiện, các cơ quan đảng căn cứ vào điều kiện và khả năng thực tế của mình, xây dựng kế hoạch triển

khai cụ thể thông tri này ở cơ quan mình, địa phương mình. Trước hết, phải điều tra, khảo sát, chuẩn bị về lao động, tiền vốn, vật tư, cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết, nhất là phải có cán bộ quản lý tốt, v.v.. Xây dựng phương án kinh tế - kỹ thuật và lập kế hoạch sản xuất cụ thể trình cấp uỷ đảng xét duyệt.

Các cấp uỷ đảng phải chỉ đạo chặt chẽ việc sản xuất, cử cán bộ hiểu biết về quản lý kinh tế phụ trách trực tiếp công tác này. Mặt khác, cần tranh thủ sự giúp đỡ về khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ của các cơ quan chuyên môn. Về lao động, cần khuyết khích số cán bộ, công nhân, nhân viên thừa ra (sau khi sắp xếp lại tổ chức, biên chế), chuyển sang sản xuất, nhất thiết không được tăng thêm biên chế.

4. Ban Bí thư giao trách nhiệm cho Ban Tài chính - Quản trị Trung ương hướng dẫn việc tổ chức sản xuất trong các cơ quan đảng, quy định cụ thể việc sử dụng tiền vốn, lao động, vật tư, sản phẩm và kiểm tra việc thực hiện ở các cấp.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BAN Bí THƯ

Số 53-TB/TW, ngày 18 tháng 11 năm 1981

Về một số vấn đề công tác tài chính - quản trị của Đảng

Vừa qua, Ban Bí thư đã nghe báo cáo và cho ý kiến một số vấn đề sau đây về công tác tài chính - quản trị:

I- VỀ TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH ĐẢNG

Để chi tiêu cho hoạt động của Đảng, Đảng phải có ngân sách, phải xây dựng tài chính của Đảng.

Tài chính của Đảng bao gồm mấy nguồn thu chính: đảng phí, sản xuất kinh doanh (bao gồm cả in và xuất bản sách báo), trợ cấp của Nhà nước.

Về chi, tập trung vào mấy yêu cầu chủ yếu: tiền lương cho cán bộ, nhân viên cơ quan đảng; công tác tuyên truyền giáo dục; công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, xây dựng tổ chức của Đảng; hoạt động quốc tế; xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và mua sắm phương tiện vật tư phục vụ yêu cầu công tác của cơ quan đảng và bảo đảm điều kiện sinh hoạt cho cán bộ, nhân viên cơ quan đảng.

Hiện nay tiền đảng phí thu được chỉ chiếm một tỷ lệ thấp trong ngân sách hàng năm của Đảng, sản xuất kinh doanh mới bắt đầu, in và xuất bản sách báo còn phải

bù lỗ nhiều, khoản tiền Nhà nước trợ cấp cho ngân sách đảng khá lớn và mỗi năm một tăng. Vì vậy, một mặt Đảng phải cải tiến chế độ thu đảng phí bảo đảm tăng thu cho ngân sách đảng, mặt khác phải đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, tiến tới có tài chính độc lập của Đảng, phấn đấu giảm dần mức tăng hằng năm khoản trợ cấp của Nhà nước. Tuy đó là vấn đề lâu dài, nhưng phải được các cấp uỷ đảng tích cực thực hiện.

Tất cả các khoản thu và chi của Đảng đều phải rõ ràng, đi vào chính sách, chế độ; phải bảo đảm nguyên tắc và có quy định chặt chẽ.

Ngân sách của Đảng phải thống nhất từ trên xuống dưới. Thu bao nhiêu, chi bao nhiêu đều phải thống nhất vào ngân sách chung của Đảng, vào quỹ của Đảng. Tuyệt đối không được có quỹ đen hoặc hình thức biến tướng của nó. Tránh tình trạng chi tiêu bừa bãi, ăn uống lu bù, không đúng chế độ. Cần phải có những quy định cụ thể. Cái gì trước đã có, nay cần xem xét lại để thi hành cho nghiêm chỉnh; cái gì không còn phù hợp thì đề nghị Trung ương bổ sung hoặc sửa đổi, các cấp không được tự ý định ra những chế độ mới thay đổi những quy định của Trung ương. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan để đề nghị bổ sung hoặc sửa đổi những chế độ không còn thích hợp. Các quy định của Đảng cần thống nhất với các quy định của Nhà nước.

II - VẤN ĐỀ NÂNG MỨC THU ĐẢNG PHÍ

Đảng phí là một vấn đề có ý nghĩa chính trị, đồng thời

cũng là một nguồn thu quan trọng của tài chính đảng. Vấn đề đóng đảng phí của từng đảng viên phải được xem xét đến trong các cuộc sinh hoạt thường kỳ của chi bộ.

Mức đóng đảng phí hiện nay của đảng viên được định ra từ năm 1962, sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, đến nay không còn hợp lý nữa; đã qua 19 năm, tình hình chính trị, kinh tế, xã hội trong nước ta đã có nhiều thay đổi, Đảng ta cũng đã có những bước trưởng thành vượt bậc. Đảng lẽ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV phải có sự thay đổi mức đóng đảng phí.

Tài chính để bảo đảm hoạt động của Đảng gặp nhiều khó khăn; tăng thu cho ngân sách của Đảng bằng cách tăng thu đảng phí một cách hợp lý là việc cần thiết. Song đặt vấn đề đó trong lúc này chưa thích hợp. Hơn nữa, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V sắp họp sẽ có những điểm bổ sung và sửa đổi về *Điều lệ Đảng*, thì sau đó cũng phải có sự cải tiến chế độ thu đảng phí.

Mức thu đảng phí là một vấn đề phức tạp, vừa phải bảo đảm tỷ lệ thu thích đáng cho ngân sách của Đảng, vừa phải bảo đảm yêu cầu chính trị và sự bình đẳng, công bằng trong đóng góp theo nghĩa vụ của đảng viên đối với Đảng, đồng thời phải phù hợp với hoàn cảnh sinh sống của đảng viên. Vì vậy cần phải được nghiên cứu một cách toàn diện; cần đi sâu tìm hiểu tình hình đời sống và khả năng đóng góp của các loại đảng viên: đảng viên ở nông thôn, làm nghề cá, nghề muối, nghề rừng, ở đồng bằng, ở miền núi, đảng viên là công nhân, viên chức ăn lương (từng mức lương cao, thấp khác nhau), thợ thủ công, v.v..

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương phối hợp cùng Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương tổ chức việc

nghiên cứu và chuẩn bị đề án cải tiến chế độ thu đảng phí trình Bộ Chính trị sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V.

III - VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

Với ý thức tự lực tự cường, phát huy tiềm năng của địa phương, nhiều tỉnh (ở miền Nam nhiều hơn) đã bắt đầu tổ chức sản xuất kinh doanh; ở trung ương cũng đã làm một ít.

Sản xuất kinh doanh trong các cơ quan đảng phải nhằm mục đích: tạo ra sản phẩm để góp phần cung cấp các nhu cầu cần thiết yếu cho hoạt động của Đảng; giúp thêm vào việc ổn định và bảo đảm đời sống cán bộ, công nhân, nhân viên của các cơ quan đảng; tham gia thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế chung; tăng thêm nguồn thu cho ngân sách của Đảng, từng bước xây dựng tài chính độc lập của Đảng.

Hướng sản xuất chủ yếu là: trồng trọt, chăn nuôi, sửa chữa những phương tiện thiết bị của cơ quan.

Tổ chức sản xuất phải theo đúng nguyên tắc và pháp luật của Nhà nước, theo đúng phương hướng kế hoạch của địa phương; phải thực hiện hạch toán kinh tế, tuyệt đối không được làm ăn theo lối hành chính bao cấp; phải có hiệu quả kinh tế, bảo đảm có lãi, không được bù lỗ, đồng thời phải giữ uy tín chính trị của cơ quan đảng.

Quản lý phải hết sức chặt chẽ. Mọi khoản thu chi đều phải được phản ánh vào ngân sách của Đảng, phải theo đúng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước. Vì điều kiện vốn, vật tư hạn chế và chưa có kinh nghiệm tổ chức quản lý, nên trước mắt việc tổ chức sản xuất kinh doanh chỉ nên tiến hành ở trung ương và cấp tỉnh; đối với cấp huyện thì phải xét

kỹ, nơi nào có điều kiện, tỉnh tham gia cùng huyện thì cho làm.

IV - VỀ VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT QUẢN LÝ CÁC XÍ NGHIỆP IN

Ngày 14-9-1981, Ban Bí thư đã có Quyết định số 96-QĐ/TW về việc thống nhất quản lý các xí nghiệp in của Đảng. Quyết định này cần được khẩn trương thực hiện.

Ban Bí thư cần nhấn mạnh thêm mấy ý sau đây:

- Hiện nay giấy giấc, mực... và công in đều cao, nên in và xuất bản báo lõi nhiều. Vì vậy, việc thống nhất quản lý các xí nghiệp in của Đảng càng trở nên cấp thiết; có thống nhất quản lý mới thực hiện được hợp lý hóa, chuyên môn hóa, quản lý được chặt chẽ và dần dần thực hiện kinh doanh có lãi.

- Vì tính chất hoạt động rất cơ động của báo đảng, nên các xí nghiệp in của Đảng phải ưu tiên in báo đảng bảo đảm đúng thời gian quy định; đồng thời in và xuất bản các sách và báo khác để tận dụng công suất của nhà máy và kinh doanh có lãi.

- Để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đó, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cùng với các ban biên tập các báo *Nhân dân*, *Hà Nội mới*, *Sài Gòn giải phóng* và *Tạp chí Cộng sản* bàn bạc để xây dựng quy chế cho các xí nghiệp in của Đảng.

T/L BAN Bí THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
NGUYỄN HỮU THỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THU**

Số 141-TT/TW, ngày 25 tháng 11 năm 1981

Về việc chỉ đạo đại hội phụ nữ các cấp

Căn cứ vào yêu cầu của phong trào phụ nữ trước tình hình và nhiệm vụ mới, Ban Bí thư đã quyết định cho Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tổ chức Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ V vào quý II năm 1982 để quán triệt và thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng.

Đại hội phụ nữ các cấp sẽ được tiến hành ngay sau đại hội đảng bộ các cấp (đợt 2). Đại hội phụ nữ ở cơ sở, huyện, tỉnh và thành phố phải đạt yêu cầu: phát động được phong trào cách mạng của quần chúng phụ nữ tích cực thi đua thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương do đại hội đảng bộ các cấp đề ra.

Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng chỉ đạo sát sao đại hội phụ nữ các cấp, bố trí cho Hội Liên hiệp Phụ nữ ở địa phương tiến hành đại hội theo kế hoạch của Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Hội Liên hiệp Phụ nữ tổ chức đại hội đạt kết quả tốt.

T/M BAN Bí THU
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN Bí THU**

Số 55-TB/TW, ngày 25 tháng 11 năm 1981

**Về việc tặng thưởng Huân chương Sao Vàng,
Huân chương Hồ Chí Minh cho các đồng chí
lãnh đạo Đảng, Nhà nước Cộng hoà dân chủ
nhân dân Lào***

Trong phiên họp ngày 24-11-1981, Bộ Chính trị đã quyết định:

1. Nhân dịp Quốc khánh Lào 2-12-1981, tặng Huân chương Sao Vàng cho đồng chí Xuphanuvông, Uỷ viên Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chủ tịch nước, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tối cao nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, Chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Lào xây dựng Tổ quốc.

2. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 5 ngày ký *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác* giữa Việt Nam và Lào (18-7-1982), tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho các đồng chí Uỷ viên Bộ

* Đầu dê do chúng tôi đặt (B.T).

Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Phó Thủ tướng nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào: Nuhắc Phumxavăն, Phumi Vôngvichít, Khămtày Xiphăndon, Phun Xipaxót và đồng chí Xixomphon Lòvănxay, Uỷ viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tối cao nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

3. Cử đồng chí Chu Huy Mân, Uỷ viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước thay mặt Đảng và Nhà nước ta trao tặng Huân chương Sao Vàng cho đồng chí Xuphanuvông vào ngày 2-12-1981. Thành phần của đoàn do Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Bộ trưởng giải quyết cụ thể.

4. Ban cán sự Đảng Bộ Ngoại giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện lễ trao tặng huân chương.

Ban Bí thư thông báo để các đồng chí biết và thi hành.

T/M BAN Bí THƯ
LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN Bí THƯ

Số 101-QĐ/TW, ngày 30 tháng 11 năm 1981

Về việc cử các Uỷ viên Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*

Căn cứ vào Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 7-1-1978 của Bộ Chính trị về việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* và *Hồ Chí Minh tuyển tập*, thành lập Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập* do đồng chí Trưởng Chinh làm Chủ tịch;

Xét yêu cầu của công tác chỉ đạo việc biên tập và xuất bản hai bộ sách nói trên,

BAN Bí THƯ TRUNG ƯƠNG QUYẾT ĐỊNH

1. Cử các đồng chí có tên sau đây làm Uỷ viên Hội đồng chỉ đạo việc biên tập và xuất bản *Hồ Chí Minh toàn tập*:

- Đồng chí Đào Duy Tùng, Uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương, Viện trưởng Viện Mác - Lênin, Uỷ viên Thường trực Hội đồng.

- Đồng chí Nguyễn Vịnh, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương, Uỷ viên Hội đồng.

- Đồng chí Hà Huy Giáp, Viện trưởng Viện Bảo tàng Hồ

Chí Minh, Uỷ viên Hội đồng.

- Đồng chí Nguyễn Văn Phùng, Phó trưởng Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, Uỷ viên Hội đồng.
- Đồng chí Phạm Thành, Giám đốc, Tổng biên tập Nhà xuất bản Sự thật, Uỷ viên Hội đồng.

2. Hội đồng có nhiệm vụ chỉ đạo về phương hướng, nội dung công tác biên tập và xuất bản toàn bộ các tác phẩm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xét duyệt và cho công bố các văn bản trước tác và tài liệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hội đồng bàn bạc tập thể và giải quyết một cách khoa học những vấn đề về nội dung của bản thảo do cơ quan biên tập đề xuất. Những vấn đề chưa thống nhất trong Hội đồng sẽ được trình Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư quyết định.

3. Hội đồng sẽ quy định cụ thể về nguyên tắc, lề lối làm việc của mình để bảo đảm công tác trên được tiến hành một cách khẩn trương và chu đáo.

4. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Trung ương, Viện Mác - Lenin, Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh và các đồng chí nói trên (ở Điều 1) có trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN Bí THƯ

Số 142-TT/TW, ngày 30 tháng 11 năm 1981

Về việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Bộ Tư pháp

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định số 143 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của Bộ Tư pháp.

Để Bộ Tư pháp sớm triển khai tiến hành công tác, kịp thời phục vụ các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ và các ban cán sự đảng các ngành có liên quan thực hiện những điều sau đây:

1. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ phối hợp chặt chẽ với Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp chỉ đạo tốt việc thành lập các tổ chức tư pháp ở tỉnh, thành phố, đặc khu và ở các huyện, quận, thị xã theo đúng nghị định của Hội đồng Bộ trưởng. Các cấp uỷ đảng cần làm tốt khâu nhân sự, bố trí cán bộ đủ số lượng và bảo đảm chất lượng cho các tổ chức tư pháp ở tỉnh, huyện... nhất là cán bộ phụ trách.

2. Ban Cán sự Đảng Toà án nhân dân tối cao và Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp khẩn trương tiến hành việc bàn giao những

nhiệm vụ và tổ chức theo quy định mới của luật về tòa án.

Đối với những công việc mà Bộ Tư pháp có khả năng đảm nhận ngay, hai bên tiến hành việc bàn giao để các công việc này sớm đi vào ổn định. Khi bàn giao công việc, phải đồng thời bàn giao tổ chức và cán bộ lâu nay chuyên trách vấn đề đó để cơ quan mới hoạt động bình thường, thực hiện được nhiệm vụ ấy.

Đối với những việc mà Bộ Tư pháp chưa có điều kiện nhận bàn giao ngay, thì trong thời gian quá độ chuẩn bị bàn giao, Toà án nhân dân tối cao có trách nhiệm tiếp tục đảm đương công việc ấy như trước. Trong khi giải quyết các công việc này, Toà án nhân dân tối cao cần có thông báo và tranh thủ ý kiến của Bộ Tư pháp.

Không được vì thời gian chuẩn bị và tiến hành việc bàn giao mà làm ảnh hưởng, gây trở ngại đến công tác xét xử và đến việc quản lý các hoạt động khác của ngành.

Ban Nội chính Trung ương chủ trì họp giữa hai Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp và Toà án nhân dân tối cao để hướng dẫn các vấn đề cần thiết trong việc bàn giao.

3. Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Bộ Tư pháp và việc bàn giao giữa hai ngành toà án và tư pháp.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ NHỮNG MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1982

(Trình Hội nghị lần thứ 11* của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng, khoá IV)

Phần một **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1981**

Kế hoạch nhà nước năm 1981 thực hiện trong hoàn cảnh hết sức khó khăn: Hậu quả của chiến tranh biên giới năm 1979 chưa hết, vụ mùa năm 1980 ở miền Bắc lại thất thu nặng, lương thực nhập khẩu giảm nhiều, nguồn vay các nước tư bản không còn, nợ đến hạn phải trả lớn, lại thiếu nguồn thanh toán, năm nay là năm đầu tiên chúng ta thực hiện thanh toán với các nước xã hội chủ nghĩa theo giá khối SEV, v.v.. Do vậy, những khó khăn và mất cân đối lớn của nền kinh tế bộc lộ ra gay gắt hơn nhiều so với các năm trước, chủ yếu về các mặt: vật tư, nguyên liệu, năng lượng, vận tải, xuất nhập

* Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 diễn ra từ ngày 7 đến ngày 16-12-1981 (B.T).

khẩu và trả nợ, lương thực, tài chính, tiền tệ, ...

Trước tình hình đó, các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở đã có nhiều cố gắng, đã quán triệt hơn tinh thần tự lực tự cường, và khẩu hiệu hành động mà Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra là "Với phương tiện vật tư, tiền vốn do Nhà nước cung ứng bằng hoặc ít hơn, phải sản xuất tốt hơn, làm ra nhiều của cải vật chất hơn". Đồng thời việc thực hành một số chủ trương, chính sách mới, bước đầu chú ý sử dụng đòn bẩy kinh tế, khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với người lao động, như ổn định nghĩa vụ lương thực, khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp, mở rộng quyền chủ động của các xí nghiệp, trả lương theo sản phẩm, thưởng năng suất... trong công nghiệp; mở rộng xuất khẩu cho các địa phương, điều chỉnh giá, trợ cấp lương, v.v. đã có tác dụng động viên tính tích cực lao động sản xuất của nhân dân, thúc đẩy các đơn vị cơ sở phát huy tính năng động trong sản xuất kinh doanh, tính toán hiệu quả kinh tế, khắc phục khó khăn, khai thác tiềm năng về lao động, vật tư, nguyên liệu, tiền vốn để phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống. Công tác chỉ đạo thực hiện cũng có những chuyển biến nhất định. Nhờ vậy, trên một số mặt, có những *thành tích và tiến bộ* đáng kể:

1. Nông nghiệp thăng lợi toàn diện, cả sản xuất lương thực, cây công nghiệp và chăn nuôi

Trong điều kiện vật chất kém các năm trước (phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu,...), nông nghiệp được mùa, nhờ tác dụng tích cực của chính sách ổn định nghĩa vụ lương thực, khoán sản phẩm trong hợp tác xã, và thời tiết năm nay nói chung thuận. Trong nông dân xã viên đã dấy lên một phong

trào thi đua sôi nổi, tận dụng các khả năng lao động, đất đai, mở rộng diện tích, tăng vụ và thâm canh tăng năng suất cây trồng, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nhất là trong khâu giống. Sản lượng lương thực đạt gần 15 triệu tấn, xấp xỉ kế hoạch, tăng trên 40 vạn tấn so với năm 1980, là năm đạt sản lượng cao nhất từ trước tới nay (miền Bắc tăng trên 90 vạn tấn), trong đó thóc 12,3 triệu tấn, tăng 66 vạn tấn. Nếu miền Nam không giảm gần nửa triệu tấn thóc (do không cấy được gần ba mươi vạn ha), sản lượng hoa màu không giảm 23 vạn tấn, thuốc trừ sâu rầy cung cấp đủ hơn, thì thặng lợi còn lớn hơn nữa. Nhu cầu lương thực trong nông thôn được bảo đảm tốt hơn các năm trước, kể cả những nơi thường gặp khó khăn nhất như Nghệ Tĩnh, Thanh Hoá, Bình - Tri - Thiên... Nông dân khắp nơi, nhất là miền Bắc, rất phấn khởi và tin tưởng.

Diện tích cây công nghiệp hàng năm tăng 1,8% so với năm 1980. Sản lượng một số cây tăng khá. Chăn nuôi gia súc, gia cầm đều tăng, riêng đàn lợn tăng 4%, đàn bò tăng 2%.

2. Công tác huy động lương thực và thu mua nông sản có tiến bộ

Thu mua được gần 2,5 triệu tấn (tương đương 1,7 triệu tấn quy gạo), đạt 78% kế hoạch, tăng hơn 1 triệu tấn so với năm 1979 và tăng 45 vạn tấn so với năm 1980 (năm nay là năm số lượng lương thực nhập khẩu thấp nhất trong 6 năm qua. Trong 5 năm 1976 - 1980 bình quân mỗi năm nhập khẩu trên 1 triệu tấn quy gạo, năm 1981 chỉ còn 53 vạn tấn). Đó là một cố gắng lớn của cán bộ và nhân dân ta, để vượt qua tình hình khó khăn lớn về lương thực.

So với năm 1980, thu mua lạc tăng 14%, mía tăng 74%,

thuốc lá tăng 15%, đay tăng 2%, cói tăng 4%, thịt lợn tăng 36%, rau quả tăng 7%...

3. Sản xuất công nghiệp có nhiều cố gắng. Sản lượng một số sản phẩm quan trọng tăng khá: thiếc tăng 9%, xà lan vận tải tăng 83%, ca nô, tàu kéo tăng 44%, đường mía (phân trung ương quản lý) tăng 81%, đồ hộp tăng 23%, thuốc lá điều tăng 37%, muối tăng 14%, cá biển đạt kế hoạch và tăng một ít so với năm 1980... Đặc biệt, nhiều xí nghiệp công nghiệp đã chủ động tìm, khai thác nguyên liệu từ nông, lâm, hải sản và tận dụng phế liệu, phế phẩm; tiểu, thủ công nghiệp phát triển hơn năm 1980. Các địa phương phát triển khá là thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai, Hậu Giang, Tiền Giang...

Tuy nhiên, *nhiều sản phẩm chủ yếu đạt thấp*. Sản lượng điện 3,8 tỷ kWh, đạt 94% kế hoạch, than 5,7 triệu tấn, đạt 95% kế hoạch, thép 3,7 vạn tấn - 74% kế hoạch, giảm 38% so với năm 1980, máy kéo Bông Sen 1.200 cái - 75% kế hoạch, giảm 33%; phân đạm 1,2 vạn tấn -30% kế hoạch, giảm 8%; sơn hóa học 3.800 tấn -76% kế hoạch, giảm 24%; ximăng 60 vạn tấn - 48% kế hoạch, giảm 4%; gạch 1,1 tỷ viên - 60% kế hoạch, giảm 46%; ngói 215 triệu viên - 58% kế hoạch, giảm 56%; gỗ 1,4 triệu m³ - 89% kế hoạch, giảm 8%.

Đặc biệt, *các hàng tiêu dùng quan trọng đang có yêu cầu cấp thiết, đạt kế hoạch thấp, thậm chí có thứ giảm so với năm 1980*: vải 160 triệu mét, đạt 73% kế hoạch, giảm 11%; các mặt hàng dệt, sợi khác cũng đều đạt kế hoạch thấp; chiếu cói 8 triệu chiếc - 57% kế hoạch, giảm 6%; giấy 4,2 vạn tấn - 75% kế hoạch, giảm 11%; lốp xe đạp 5,3 triệu cái - 71,5% kế hoạch; đồ sứ 80% kế hoạch, giảm 19%; đồ dùng thủy tinh

87% kế hoạch, giảm 9%; diêm 60% kế hoạch, giảm 21%; xà phòng 2,2 vạn tấn - 88% kế hoạch, giảm 10%...

Tình hình trên, một phần do nguyên nhân khách quan (thiếu nguyên liệu, vật tư, năng lượng), song một phần không nhỏ là do chỉ đạo thực hiện kém, đã gây khó khăn lớn cho việc đáp ứng các yêu cầu bức thiết của sản xuất và đời sống nhân dân, cho việc cân đối hàng hoá và tiền tệ, cho việc cố gắng ổn định dân thị trường, giá cả, tài chính và lưu thông tiền tệ.

4. Xuất, nhập khẩu: Xuất khẩu ước đạt 350 triệu rúp/đôla, 87% kế hoạch (nếu kể cả xuất khẩu của các địa phương ước đạt 370 - 380 triệu rúp/đôla), nhưng do giá thị trường quốc tế tăng (cũng có thứ giảm như đường...) nên thực tế chỉ xấp xỉ bằng năm 1980. Xuất khẩu đạt thấp, không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết với các nước xã hội chủ nghĩa, ảnh hưởng lớn đến kế hoạch nhập khẩu từ thị trường tư bản về một số vật tư, nguyên liệu tối cần thiết cho các ngành kinh tế. Trong số 120 triệu đôla nhập khẩu năm 1981, chỉ có 40 triệu đôla là hàng của kế hoạch năm 1981, còn lại là hàng của năm 1980 về tiếp và hàng viện trợ của các tổ chức quốc tế.

Việc phân công thu mua không rõ ràng, có tình trạng tranh chấp giữa các ngành, giữa trung ương và địa phương, giữa các địa phương với nhau. Việc xuất khẩu của địa phương còn bị hạn chế vì chưa được hướng dẫn và chỉ đạo thống nhất.

5. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản thực hiện 2.850 triệu đồng, trong đó xây lắp 1.510 triệu đồng, đạt 91% về tổng số và 95% về xây lắp. Với việc thực hiện bước đầu chủ trương

tập trung ưu tiên cho các công trình trọng điểm, tiến độ thi công của một số công trình trọng điểm như thủy điện Hoà Bình, ximăng Bỉm Sơn, Hoàng Thạch, phân lân Lâm Thao, giấy Vĩnh Phú, sợi Hà Nội, Nha Trang... được đảm bảo. Tuy nhiên, số vốn thực hiện đạt cao như trên có phần do yếu tố giá mới, nhưng khối lượng công trình thì đạt thấp. Đến tháng 9 mới hoàn thành được 16 công trình trong số 66 công trình dự kiến hoàn thành trong năm. Tình trạng đầu tư phân tán, xây dựng kéo dài vẫn chưa được khắc phục.

6. Khối lượng hàng hóa vận tải chỉ đạt 83% về tấn và 78% về tấn/km so với kế hoạch. Khối lượng hàng nhập khẩu đưa về nước được 4,2 triệu tấn, phải bỏ lại ở ngoài nước khoảng 30 vạn tấn (tương đương 70-80 triệu rúp). Vận tải than Quảng Ninh hai năm nay chỉ dừng lại ở mức 3,4- 3,5 triệu tấn (năm 1977-1978 đã đạt 4,2 -4,3 triệu tấn). Tuy đã huy động 13 vạn tấn tàu (lúc cao nhất 18- 19 vạn tấn, trong đó có 11 vạn tấn tàu biển loại lớn), nhưng chỉ vận chuyển được 40 vạn tấn lương thực từ miền Nam ra (đường biển 27 vạn tấn, đường sắt 13 vạn tấn), bằng 50% kế hoạch. Tình trạng ách tắc của ngành vận tải đã thực sự gây trở ngại lớn đối với các ngành sản xuất, xây dựng và sinh hoạt của nhân dân.

7. Phân phối lưu thông vẫn mất cân đối nghiêm trọng và diễn biến phức tạp. Nghị quyết 26 và Chỉ thị 109 của Bộ Chính trị đang được triển khai thực hiện một cách toàn diện, bước đầu phát huy tác dụng của các đòn bẩy kinh tế, khắc phục một bước cơ chế phân phối mang nặng tính chất bao cấp, chuyển sang cơ chế phân phối mới và quản lý

kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

- *Việc nắm nguồn hàng vào tay Nhà nước* về lương thực, thực phẩm, nông sản, có tiến bộ rõ rệt, nhờ chính sách giá cả về thu mua mới, nhưng nắm hàng công nghiệp và một số nông sản nguyên liệu còn yếu. Một số xí nghiệp quốc doanh không chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật giao nộp sản phẩm cho Nhà nước. Trong đợt kiểm kê ngày 1-5, nhiều hàng hoá trong kho nhà nước bị tiêu tán phi pháp.

Việc quản lý vật tư, hàng hoá chưa chặt chẽ, có nhiều sơ hở, để thất thoát không ít.

Tình hình quỹ hàng hoá thiếu hụt làm cho nhà nước bị động, thiếu lực lượng vật tư, hàng hoá để làm chủ thị trường, làm cho cung cầu mất cân đối nặng hơn năm 1980, làm phức tạp thêm công tác phân phối vốn đã căng thẳng, tác hại xấu đến cân đối hàng - tiền, đến giá cả và đời sống nhân dân.

- *Giá cả đang trong giai đoạn điều chỉnh bắt đầu từ giữa năm 1981 đến nay đang diễn biến và chưa ổn định*

Giá thu mua nông sản và tỷ giá nông sản - công nghệ phẩm cơ bản là phù hợp và đang phát huy tác dụng.

Việc chỉ đạo giá bán lẻ chưa thật chặt chẽ, một số ngành và địa phương điều chỉnh giá một cách tuỳ tiện, không theo đúng chính sách và giá chuẩn của Nhà nước, có xu hướng chạy theo giá thị trường tự do, việc điều chỉnh giá nhiều lần trong một thời gian ngắn, nhiều nơi mua, bán cao hơn giá quy định, làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân, nhất là công nhân, viên chức.

Việc điều chỉnh giá bán buôn là cần thiết, nhưng trong một thời gian quá ngắn, chúng ta thay đổi hầu như toàn bộ

hệ thống giá cả; việc chuẩn bị chưa được đầy đủ, việc tính toán còn sai sót, việc chỉ đạo thực hiện không đồng bộ và ăn khớp, nhất là giữa giá cả, kế hoạch, tài chính. Do đó, gây khó khăn nhất định cho hoạt động của một số ngành sản xuất, xây dựng, lưu thông. Để giữ được hệ thống giá bán lẻ và giá thu mua nông sản không bị xáo trộn, gần đây đã điều chỉnh hạ một số giá (kim loại, gỗ, cước vận tải...). Như vậy là Nhà nước phải chịu lỗ. Tình hình kinh tế - tài chính, và tình hình thị trường, giá cả chưa ổn định. Phải tiếp tục nghiên cứu và theo dõi sát sự diễn biến của tình hình.

- Về phân phối thu nhập và đời sống công nhân, viên chức.
Việc cung cấp những mặt hàng thiết yếu, ở nhiều nơi, không bảo đảm đủ định lượng, giá bán lẻ một số mặt hàng quan trọng của thương nghiệp quốc doanh tăng hơn mức giá chỉ đạo và do giá thị trường tự do tiếp tục biến động nên phần phụ cấp tăng thêm của công nhân viên chức đến nay đã bị điều tiết hết, đời sống vẫn còn nhiều khó khăn.

Một số địa phương tự đề ra những chế độ riêng, trợ cấp và bù giá một số mặt hàng ngoài diện Nhà nước quy định. Do đó, hiện nay, thu nhập của công nhân, viên chức giữa các ngành nghề và giữa một số địa phương có những chênh lệch không hợp lý.

Trong lúc đời sống cán bộ, công nhân có khó khăn, thì ngược lại bọn gian thương, đầu cơ, những kẻ làm ăn phi pháp... thu được những khoản lời lớn do ta không làm tốt việc cải tạo và quản lý thị trường. Một số nhân viên nhà nước, mất phẩm chất cũng có những nguồn thu bất chính.

Tình hình tài chính quốc gia thiếu hụt nghiêm trọng, phản ảnh nền sản xuất giảm sút và hiệu quả rất thấp, phân

phối tiêu dùng quá khả năng.

Ngân sách bội chi ít nhất 3,5- 4 tỷ đồng (tính theo giá mới), gấp ba lần tổng số bội chi trong 5 năm (1976- 1980).

Tiền mặt bội chi 4 - 4,5 tỷ đồng (tính toán sơ bộ, khoảng 2 tỷ đồng phải phát hành thêm cho nhu cầu lưu thông do thay đổi giá), số còn lại là lạm phát, bằng năm 1980. Giá trị đồng tiền giảm sút nghiêm trọng (theo ước tính của Ngân hàng, một đồng hiện nay bằng 0,13 đồng năm 1975). Điểm nổi bật trong năm nay là những vấn đề hết sức khó khăn và phức tạp của nền kinh tế quốc dân tập trung chủ yếu trên lĩnh vực phân phối - lưu thông.

8. Các hiện tượng tiêu cực trong xã hội phát triển nặng nề thêm, an ninh kinh tế, an ninh chính trị có lúc, có nơi không bảo đảm (nhiều vụ phá hoại kinh tế nghiêm trọng, đã xảy ra nhiều vụ ăn cắp, kể cả ăn cướp tài sản nhà nước).

Tình hình sản xuất, phân phối và đời sống trên đây đã có phần gây nên những diễn biến xấu cả về tư tưởng và đạo đức. Trong thực tế, đang diễn ra sự phân hoá xã hội mới. Điều rất đáng chú ý là một số tổ chức kinh tế xã hội chủ nghĩa đã bị biến chất, thực sự trở thành một sức phá hoại ta từ bên trong.

Tóm lại, tình hình kinh tế năm 1981 có những chuyển biến đáng kể trên một số mặt, nhất là về sản xuất nông nghiệp, huy động lương thực và nông sản, tiểu thủ công nghiệp ở một số tỉnh, thành phố... Các chủ trương, chính sách mới về quản lý, về phân phối lưu thông, vận dụng các đòn bẩy kinh tế... bước đầu phát huy tác dụng tích cực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân. Nhiều nhân tố mới, kinh nghiệm sáng tạo của các ngành, địa

phương và cơ sở càng khẳng định sự cần thiết cấp bách phải đổi mới cách suy nghĩ, đổi mới cách làm ăn, cách quản lý để phá bỏ chế độ quan liêu bao cấp, mở đường cho lối làm ăn chủ động, sáng tạo, có tính toán. Đương nhiên trong quá trình thực hiện chính sách mới, không tránh khỏi những chênh choạc; chỉ cần chúng ta bình tĩnh tổng hợp các thông tin, kịp thời xử lý các mặt lạch lạc, đưa công tác quản lý sản xuất kinh doanh tiến lên một bước mới, ngày càng đúng đắn hơn.

Tuy nhiên, nhiều mặt kế hoạch đạt thấp: sản xuất công nghiệp, vận tải, xây dựng cơ bản...; công tác phân phối, lưu thông đang có nhiều diễn biến phức tạp. Do vậy, tình hình kinh tế - tài chính hiện nay mất cân đối nghiêm trọng và đang diễn biến theo chiều hướng không bình thường, ảnh hưởng không tốt cả về chính trị, xã hội.

Trong các khó khăn lớn cần đặc biệt chú ý đến mấy vấn đề sau đây: đời sống nhân dân, chủ yếu là công nhân, viên chức giảm sút, nhiều mặt không bảo đảm mức tối thiểu cần thiết; năng lượng, nguyên liệu, phụ tùng sửa chữa thiếu nghiêm trọng; năng lực vận tải quá yếu kém; xuất khẩu dẫm chân tại chỗ và nhập khẩu phải hạn chế dưới mức nhu cầu tối thiểu cho hoạt động bình thường của nền kinh tế; nợ nước ngoài đến hạn trả lớn; xây dựng cơ bản vẫn rất phân tán; ngân sách, tiền mặt bội chi quá nhiều...

Tình hình trên đây bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Về khách quan: nền kinh tế nước ta vốn lạc hậu, lại chậm phát triển và đã sống dựa vào bên ngoài quá nặng. Ngay đến năm 1981, một phần quỹ tiêu dùng và toàn bộ quỹ tích luỹ vẫn còn phải dựa vào bên ngoài. Có thể nói: chúng ta chưa

thật sự sống bằng sức của ta, bằng của cải của ta làm ra, nền kinh tế quốc dân không bảo đảm tái sản xuất giản đơn.

Nhưng *về chủ quan*, nhận thức cũng như việc làm còn nhiều mặt không theo kịp tình hình và nhiệm vụ đòi hỏi.

- *Về công tác kế hoạch.* Trong năm 1981, ta đã mạnh dạn bố trí kế hoạch sát với thực tế hơn, chúng ta đã bước đầu thay đổi cách làm kế hoạch, phát huy tính chủ động và sáng tạo của cơ sở và địa phương. Nhờ đó, tuy vật tư nhà nước cung cấp ít hơn trước, mức thực hiện kế hoạch cũng không quá giảm sút. Tuy vậy ta vẫn chưa đánh giá thật đúng tình hình, trên một số mặt vẫn cần đổi kế hoạch vượt quá khả năng của nền kinh tế. Vẫn còn trông chờ vào khả năng không chắc chắn từ bên ngoài (lương thực, xăng, dầu, phân bón,...).

Chúng ta thấy rõ tiềm năng hơn nhưng chưa tính đầy đủ đến các điều kiện khai thác tiềm năng, mà trước hết là khả năng tổ chức, chỉ đạo thực hiện đang rất yếu và chuyển biến chậm.

Chúng ta đã không xử lý một cách kiên quyết các mâu thuẫn lớn ngay từ khi xây dựng kế hoạch: vấn đề lương thực, ngoại tệ tư bản và trả nợ, xăng, dầu, điện, than, xây dựng cơ bản, vận tải...

Chúng ta cần tiếp tục mạnh dạn tạo điều kiện cho các ngành, các địa phương và cơ sở chủ động phát huy sáng kiến, khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh tế của sản xuất, kinh doanh. Đồng thời chúng ta phải nắm vững yêu cầu thống nhất tập trung của kế hoạch nhà nước, không thể làm yếu vai trò kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước. Trong năm qua hiệu lực của kế hoạch bị giảm sút, hạch toán kinh tế bị rối loạn, công tác thông tin, thống kê không đủ điều kiện để

bảo đảm chính xác.

Chúng ta có đề ra việc điều chỉnh, sắp xếp lại sản xuất, xây dựng cơ bản, phân phối và tiêu dùng, nhưng thực tế đã không làm tốt từ xây dựng kế hoạch cho đến chỉ đạo thực hiện.

Về các chính sách và đòn bẩy kinh tế. Việc sử dụng chưa tốt các đòn bẩy kinh tế, việc xử lý chưa tốt công tác phân phối - lưu thông làm cho tình hình kinh tế - tài chính càng không ổn định.

Đương nhiên muốn khắc phục các mất cân đối lớn của nền kinh tế và các mặt tiêu cực trong sản xuất, đời sống, chúng ta phải có phương hướng đúng và liên tục phấn đấu trên các mặt trong một thời gian.

- Về công tác quản lý chỉ đạo

Năm 1981, công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của Hội đồng Bộ trưởng và các ngành, các địa phương đã có những chuyển biến, tiến bộ. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn những biểu hiện trì trệ, khuyết điểm.

Chưa kiên quyết tập trung bám sát các mục tiêu quan trọng nhất của nền kinh tế: chậm sắp xếp lại nền kinh tế, không kịp thời chỉ đạo điều hành đối với sản xuất điện, than, giao thông, vận tải, xuất khẩu và sản xuất một số mặt hàng quan trọng nhất (vải, sợi...); điều chỉnh xây dựng cơ bản làm chậm; chưa giải quyết tốt sự thiếu hụt ngoại tệ tư bản, nhất là việc trả nợ; công tác tiết kiệm, trước hết là tiết kiệm các vật tư chiến lược chưa nghiêm ngặt. Tính pháp lệnh của kế hoạch không được tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh.

Công tác quản lý, chỉ đạo điều hành của các ngành, các địa phương đã có những chuyển biến mới, tiến bộ mới, song cũng còn nhiều khuyết điểm trong chỉ đạo sản xuất kinh

doanh, như chỉ đạo việc kiểm kê hàng hoá và thay đổi giá cả, chỉ đạo sản xuất của ngành dệt, của ngành điện (để tỷ lệ điện tự dùng và tổn thất đường dây quá cao), của ngành than (chất lượng than xấu), của ngành vận tải (hệ số quay vòng phương tiện quá cao và nhiều hiện tượng tiêu cực tiếp tục phát triển), của ngành lâm nghiệp (để gỗ ú đọng tại bãi I lớn...), của ngành y tế (trong việc quản lý và phân phối thuốc), v.v..

Tư tưởngỷ lại, trông chờ bên trên, bên ngoài vẫn chưa được khắc phục trong các ngành, các cấp.

Một vấn đề lớn nữa là *quan hệ ngành và cấp*, giữa trung ương và địa phương không được xác định rõ, đang là một cản trở trong quản lý, gây ra nhiều mâu thuẫn trong điều hành công việc.

Kỷ luật mọi mặt chưa được đề cao, pháp chế xã hội chủ nghĩa chưa được coi trọng, hợp tác xã hội chủ nghĩa còn yếu, lê lối làm việc vẫn chưa được cải tiến, chưa tập trung thảo luận và xử lý các vấn đề cụ thể. Việc chuẩn bị quyết định có thiếu sót, do đó quyết định thiếu chính xác; chậm kết luận những vấn đề khi có ý kiến khác nhau.

Tình hình kinh tế không bình thường nay đòi hỏi sớm có các biện pháp đặc biệt, kiên quyết để nhanh chóng lập lại trật tự kinh tế, ổn định tình hình sản xuất và đời sống, đưa nền kinh tế từng bước tiến lên. Những kinh nghiệm mới, nhân tố mới trong sản xuất, kinh doanh, trong quản lý kinh tế năm 1981 khẳng định khả năng to lớn của chúng ta khắc phục khó khăn giành những thắng lợi mới.

Năm vững và cụ thể hoá đường lối phát triển kinh tế của Đảng, tập trung sức vào mặt trận quan trọng hàng đầu là

nông nghiệp, đồng thời đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, phát huy tinh thần tự lực, tự cường, nâng cao ý thức làm chủ tập thể của nhân dân lao động, kiên quyết xoá bỏ quản lý hành chính - bao cấp, chuyển sang quản lý kinh doanh, có hạch toán, phát động phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng ở khắp các ngành, các địa phương và cơ sở, nhất định chúng ta sẽ tạo ra một chuyển biến lớn trong nền kinh tế quốc dân ngay trong năm 1982 và những năm tới.

Phần hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ NHỮNG MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1982

A. CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT VÀ CÁC NHÂN TỐ MỚI CỦA NĂM 1982

Năm 1982 có vị trí đặc biệt quan trọng, là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng và của đại hội đảng bộ các cấp, là năm thứ hai của kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1981 - 1985), là năm phát huy những nhân tố mới, những kinh nghiệm mới, nhưng cũng phải tiếp tục khắc phục những khó khăn và mất cân đối lớn từ những năm trước dồn lại và khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác quản lý, chỉ đạo.

Bước vào năm 1982, chúng ta có những khả năng và nhân tố mới cần được khai thác tốt:

- Sự nhất trí ngày càng cao về thực trạng nền kinh tế,

nguyên nhân của tình hình, sẽ đưa tới sự thống nhất cao về phương hướng, chủ trương, biện pháp cho thời gian tới, là một sức mạnh để khắc phục khó khăn, ổn định kinh tế, đưa nền kinh tế từng bước đi lên. Đại hội Đảng lần thứ V sẽ là động lực thúc đẩy toàn Đảng, toàn dân nỗ lực thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch 5 năm (1981 - 1985), tạo ra các điều kiện cần thiết khai thác tốt các tiềm năng sẵn có.

- Chúng ta có những năng lực sản xuất chưa được sử dụng hết như lao động, đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật; những năng lực sản xuất mới đã và sẽ được tăng lên. Công suất máy móc thiết bị hiện nay mới sử dụng khoảng 50%; khả năng của việc sử dụng hợp lý, tiết kiệm và tập trung đồng bộ những nguồn năng lượng, vật tư hiện có, như điện, than, xăng dầu, phân bón; khả năng thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích trong nông nghiệp.. còn nhiều.

- Việc chấn chỉnh công tác cải tiến quản lý và chỉ đạo thực hiện (đã bắt đầu trong năm 1981 theo hướng coi trọng các đòn bẩy kinh tế, khuyến khích kinh tế, thống nhất ba lợi ích, chú trọng đến kinh doanh hạch toán, đề cao tinh thần tự lực...) sẽ được đẩy mạnh là một yếu tố mang tính quyết định đến việc hoàn thành các kế hoạch do Đảng và Nhà nước đề ra.

- Mỗi quan hệ hợp tác, tương trợ giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong Hội đồng tương trợ kinh tế, nhất là sự hợp tác và giúp đỡ của Liên Xô đối với nước ta tiếp tục được tăng cường là một nhân tố thuận lợi lớn.

Mặt khác, cần thấy rõ những khó khăn về các điều kiện vật chất:

- Mức tồn kho hầu hết các loại vật tư, hàng hoá quá mỏng, có những loại hầu như không còn tồn kho, tình trạng "ăn dong" vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu sẽ còn nặng nề trong năm 1982, ngay khi bước vào quý I.

- Vật tư, nguyên liệu nhập khẩu từ các nước xã hội chủ nghĩa: trừ phân đạm tăng khá (từ 56 vạn tấn năm 1981 lên 1,1 triệu tấn năm 1982) và một số loại vật tư khác có tăng chút ít nhưng không đáng kể (thép, đồng, xút cốt tich, thuốc nổ, sǎm lốp ôtô), còn những thứ khác chỉ bằng hoặc kém năm 1981. Riêng xăng, dầu theo hiệp định đã ký, Liên Xô chỉ cung cấp 1,43 triệu tấn, nếu không có nguồn bổ sung thì hầu hết các ngành sẽ bị cắt giảm mạnh (kể cả điện và giao thông vận tải là hai ngành cần được ưu tiên cũng không bằng năm 1981 là năm đã quá căng thẳng). Pirít sắt năm 1981 nhập của Liên Xô 4 vạn tấn, năm 1982 không còn nữa. Việc mang về hết, phân phối kịp thời đến nơi tiêu dùng các hàng hoá trên vẫn còn là một khó khăn lớn.

- Các loại vật tư, nguyên liệu nhập khẩu từ thị trường tư bản dự kiến 160 - 170 triệu đôla nhưng còn phụ thuộc rất lớn vào khả năng xuất khẩu và khả năng thanh toán nợ đến hạn của ta.

- Các loại vật tư, nguyên liệu trong nước, trừ nông sản và ximăng có thể khá hơn năm 1981 nhưng các loại nguyên liệu quan trọng khác như than, gỗ, gạch, ngói, vôi... cũng chỉ bằng hoặc thấp hơn năm 1981. Riêng về điện, cố gắng cân đối để có sản lượng trên 4 tỷ kwh, nhưng vẫn còn thiếu 700 triệu kwh

(riêng miền Bắc thiếu 450 triệu kwh). Tình hình cung cấp điện chưa có điều kiện cải thiện hơn năm 1981:

- Năng lực vận tải vẫn trong tình trạng yếu kém.
- Khả năng tiền vốn rất hạn chế và vẫn còn nhiều khó khăn.

B - PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CƠ BẢN CỦA KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC NĂM 1982

Xuất phát từ tình hình kinh tế hiện nay, từ những thuận lợi và khó khăn, căn cứ vào mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 đã được xác định, nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch nhà nước năm 1982 là: *Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, phát huy cao độ tính chủ động, sáng tạo của các ngành, các địa phương, nhất là của cơ sở, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân, phát động phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng, thực hiện phương châm trung ương và địa phương, Nhà nước và nhân dân cùng làm trên các lĩnh vực, quyết tâm tạo ra một sự chuyển biến mới, mạnh mẽ trong toàn bộ nền kinh tế và đời sống xã hội.*

Kế hoạch nhà nước năm 1982 phải quán triệt thực hiện một bước mạnh theo mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và những tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 (theo báo cáo của kế hoạch 5 năm).

Theo tinh thần đó, kế hoạch nhà nước năm 1982 phải tập trung phấn đấu thực hiện cho được những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Tập trung cao độ sức lực của toàn Đảng, toàn dân, các ngành, các cấp cho nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là *đẩy*

mạnh sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực và thực phẩm, cho nhiệm vụ huy động lương thực cho Nhà nước, bảo đảm nhu cầu lương thực cả nước.

2. Phát huy mọi tiềm năng, đặc biệt là tiềm năng nguyên liệu trong nước và năng lực sản xuất hiện có của công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, *ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, nhất là các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu* đối với đời sống nhân dân, giảm bớt một phần tình hình cảng thẳng hiện nay về các mặt hàng này.

3. *Bảo đảm các điều kiện cần thiết để các ngành công nghiệp năng* (diện, than, cơ khí, phân bón, hoá chất...) phát huy tối đa năng lực sản xuất của mình tập trung *phục vụ đặc lực nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, giao thông vận tải...*

4. Tận lực phát huy mọi tiềm năng của các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở *đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu.*

5. Làm tốt giao thông vận tải, bảo đảm tiếp nhận hết hàng nhập, vận tải Bắc - Nam, vận tải than,...

6. Sắp xếp lại *công tác xây dựng cơ bản*. Tập trung ưu tiên bảo đảm các điều kiện thực hiện tốt tiến độ xây dựng của các công trình trọng điểm của Nhà nước, các công trình quan trọng của các ngành và các địa phương.

7. *Lập lại trật tự trên lĩnh vực phân phối - lưu thông* theo hướng kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phục vụ tốt sản xuất và đời sống. Nhiệm vụ then chốt, cấp bách là tập trung nắm nguồn hàng vào tay Nhà nước, quản lý chặt chẽ và phân phối hợp lý vật tư, hàng hoá, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa ba lợi ích, tiếp tục xử lý các vấn đề về giá cả, tăng

cường quản lý thị trường, điều tiết những thu nhập không hợp lý, tăng cường một bước mạnh thị trường xã hội chủ nghĩa, ngăn chặn tình trạng lạm phát, ổn định tài chính, tiền tệ, thị trường, giá cả, ổn định đời sống nhân dân, nhất là công nhân, viên chức và bộ đội, ở các thành phố lớn và khu công nghiệp tập trung.

8. Kết hợp kinh tế với quốc phòng

Bảo đảm các yêu cầu cần thiết về phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng và an ninh. Đi đôi với nhiệm vụ săn sàng chiến đấu, các lực lượng vũ trang, tuỳ theo điều kiện của mình, cần tham gia xây dựng kinh tế, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm, làm đường giao thông, làm thủy lợi...; kết hợp công nghiệp quốc phòng với công nghiệp dân dụng, phát huy năng lực của công nghiệp quốc phòng nhằm tăng thêm sản phẩm cho xã hội.

9. Tiếp tục tạo ra *một bước chuyển biến mạnh, từ cơ chế quản lý hành chính - bao cấp sang cơ chế quản lý và kế hoạch hoá theo hướng kinh doanh xã hội chủ nghĩa và hạch toán kinh tế.*

10. *Chấn chỉnh và củng cố bộ máy quản lý nhà nước, khôi phục lại kỷ cương, kỷ luật* trong toàn bộ hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước. Nêu cao *pháp chế xã hội chủ nghĩa*. Kiên quyết đấu tranh *đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực* trong đời sống kinh tế và xã hội. Kiên quyết trừngh trị bọn phá hoại, bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn tham ô, ăn cắp tài sản của Nhà nước và nhân dân. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Phát động phong trào quần chúng, nhất là ở các đơn vị cơ sở tham gia công tác bảo vệ trật tự trị an, bảo vệ kinh tế, tổ chức tốt công tác kiểm tra và thanh tra nhân dân.

C- NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA CÁC NGÀNH KINH TẾ

I- NÔNG NGHIỆP

a) Tập trung cao độ cho *sản xuất lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh sản xuất lúa, màu, rau, đậu các loại* (nhất là *đậu tương*), *lạc, mía, đường và cá để giải quyết vấn đề ăn*.

Phấn đấu đạt cho được *16,5 triệu tấn* lương thực quy thóc (13,5 triệu tấn lúa và 3 triệu tấn màu quy thóc), tăng 1,7 triệu tấn so với năm 1981 là năm có sản lượng cao nhất.

Từ năm 1982, từng địa phương, nhất là từng huyện, phải có một cơ cấu sản xuất và tiêu dùng lương thực phù hợp với đặc điểm của mình để tự giải quyết nhu cầu lương thực. Phải cân đối lương thực trên địa bàn từng huyện.

Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh Hải Hưng, Thái Bình, Hà Bắc, Nghĩa Bình, Phú Khánh, v.v. phải ra sức tăng mạnh sản xuất để cung cấp được nhiều nhất lương thực cho nhu cầu chung của cả nước.

Các tỉnh nông nghiệp khác phải vươn lên tự giải quyết cho được nhu cầu lương thực của địa phương mình và tiến tới có đóng góp cho nhu cầu chung. Nhà nước chỉ cung cấp lương thực cho các thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung, bộ đội, các vùng chuyên canh cây công nghiệp, làm muối, làm cá...; bộ đội, cán bộ, công nhân ở những nơi có điều kiện phải tăng gia sản xuất để tự giải quyết một phần nhu cầu lương thực cho mình.

Theo hướng trên, cân đối lương thực năm 1982 như sau:

- Các tỉnh Khu V đủ ăn.
- Các tỉnh B2¹⁾ thừa 50 vạn tấn quy gạo (sẽ dành cho xuất khẩu 10 vạn tấn, điêu ra Bắc 40 vạn tấn).

1) B2: Nam Bộ (B.T).

- Các tỉnh miền Bắc huy động 84 vạn tấn quy gạo, cộng với 40 vạn tấn điêu từ miền Nam ra sẽ có 1,27 triệu tấn quy gạo và khống chế mức tiêu dùng bình quân 11 vạn tấn/tháng, giảm 1,5 - 2 vạn tấn so với năm 1980 - 1981, nhưng phải giảm mức tồn kho cần thiết mới tạm đủ trang trải mức tiêu dùng hạn chế đó.

Biện pháp chủ yếu để thực hiện mục tiêu trên:

- Tập trung gieo cấy 7,35 triệu ha cây lương thực, tăng 50,5 vạn ha so với năm 1981, trong đó lúa 5,8 triệu ha, tăng 26 vạn ha, màu 1,55 triệu ha, tăng 25 vạn ha.

- Phát huy tiềm năng thâm canh của vùng đồng bằng sông Hồng, để giải quyết nhu cầu lương thực tại chỗ, đỡ vận tải từ miền Nam ra. Coi trọng vùng đồng bằng sông Cửu Long để huy động được nhiều lương thực cho cả nước.

- Về chỉ đạo, cần tập trung cho vùng sản xuất ổn định và các huyện, hợp tác xã có điều kiện đạt cao sản. Vụ đông-xuân cần được hết sức coi trọng vì sản xuất vụ này ổn định hơn, sẽ cấy 1,73 triệu ha lúa, tăng 10 vạn ha, chủ yếu là phục hóa ở miền Nam, sử dụng khoảng 1/3 phân đạm cả năm cho lúa, đưa năng suất lên 26 tạ/ha, sản lượng 4,6 triệu tấn, tăng 43 vạn tấn. Trong đó ưu tiên các điều kiện để thâm canh cao trên 87 vạn ha (miền Bắc 58 vạn ha), sản lượng 2,75 triệu tấn.

- Nguồn phân đạm nhập khẩu 1,1 triệu tấn, phải đưa về trước 30-7 ít nhất 85 vạn tấn để sử dụng trong năm kế hoạch, tăng 50% so với năm 1981, trong đó tập trung cho lúa 60 vạn tấn, rau và cây công nghiệp 20 vạn tấn, số còn lại gối đầu cho năm sau; ưu tiên cung cấp cho 2 triệu ha lúa đã chủ động nước.

- Bảo đảm cung cấp 20 vạn tấn phân lân, 9 vạn tấn phân kali; thuốc trừ sâu 6 triệu rúp và 15 triệu đôla, gấp đôi năm 1981. Cung cấp 18 vạn tấn xăng, dầu, bằng năm 1981, và 300 triệu kwh điện (riêng ở miền Bắc); 6 vạn bơm thuốc trừ sâu, tăng 71%. Tổ chức tốt công tác bảo vệ thực vật phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng, nghiên cứu thay thế giống lúa và có biện pháp chống sâu rầy có hiệu quả cho một số tỉnh vừa qua bị sâu rầy phá hoại.

- Về thủy lợi, tập trung sức hoàn thành các công trình có thể phát huy tác dụng trong năm 1982, đưa diện tích tưới lên 3,8 triệu ha, tăng 4,4 vạn ha (miền Bắc 2,1 vạn ha, miền Nam 2,3 vạn ha), diện tích tiêu úng tăng 1,4 vạn ha, ngăn mặn tăng 7.200 ha.

b) *Cây công nghiệp:*

- Chú trọng *phát triển mạnh cây công nghiệp ngắn ngày*. Tổ chức lại sản xuất ở các vùng tập trung. Sản lượng đậu tương 11,6 vạn tấn, tăng 93% so với năm 1981; lạc 13 vạn tấn, tăng 25%; mía 5 triệu tấn, tăng 32%; thuốc lá 2,8 vạn tấn, tăng 21%; đay 4,8 vạn tấn, tăng 50%; cói 8,6 vạn tấn, tăng 8%...

- Đổi mới *cây công nghiệp lâu năm, chủ yếu tập trung thâm canh, khai thác tốt diện tích hiện có*. Cà phê 2,3 vạn ha (trồng mới 2.600 ha), sản lượng 6.700 tấn, tăng 26%; cao su 9,8 vạn ha (trồng mới 1 vạn ha), sản lượng 5 vạn tấn, tăng 5%; chè 5,4 vạn ha (trồng mới 3.200 ha), sản lượng 12 vạn tấn, tăng 14%.

Phát triển mạnh trồng dâu, nuôi tằm ở tất cả những nơi có điều kiện và những cây có sợi khác như bông, bông gòn, lanh, dứa dại... để từng bước giải quyết nhu cầu về mặc.

c) *Chăn nuôi:*

Khuyến khích phát triển mạnh chăn nuôi gia đình: trâu bò, lợn; chú trọng phát triển mạnh những loại gia súc ít dùng thức ăn tinh. Đàn lợn 11 triệu con, tăng 6% so với năm 1981; sản lượng thịt lợn hơi tăng 9%; đàn trâu tăng 4%; đàn bò tăng 4%. Cố gắng cân đối thức ăn để duy trì đàn lợn và gà công nghiệp tập trung xung quanh các thành phố lớn.

II- LÂM NGHIỆP VÀ NGƯ NGHIỆP

- Về *lâm nghiệp*: Khai thác 1,5 triệu m³ gỗ, tăng 5% so với năm 1981, xuất khẩu 21 vạn m³ qua chế biến và tiêu dùng trong nước trên 1,1 triệu m³. Ưu tiên bảo đảm cho khai thác than, nguyên liệu giấy, đóng phương tiện vận tải, bán cho nông dân để thu mua nông sản,...

Sử dụng quỹ nuôi rừng trồng 7 vạn ha rừng tập trung, chú trọng các vùng trọng điểm gỗ trụ mỏ, nguyên liệu giấy sợi và trồng rừng vùng biên giới...

Phát động phong trào rộng khắp trong nhân dân các địa phương *trồng cây lấy gỗ, củi*.

Đẩy mạnh trồng và khai thác các lâm sản quý như nhựa thông, cánh kiến, quế và các lâm sản khác như mây tre, song, lá buông, cây có dầu, cây dược liệu.

Tăng cường bảo vệ rừng, có biện pháp phòng và chống nạn đốt, phá rừng.

- Về *ngư nghiệp*: Năm 1982 khai thác 42 vạn tấn cá biển, thu mua giao nộp 18 vạn tấn, chế biến 60 triệu lít nước mắm. Xuất khẩu hải sản 18 triệu đôla.

Tận dụng các mặt nước để nuôi cá nước ngọt, nhất là ở các vịnh đai thực phẩm; củng cố và phát triển các cơ sở nuôi

cá giống; tổ chức quản lý, khai thác tốt cá sông, ngòi, đầm để đạt sản lượng 18 vạn tấn.

III - CÔNG NGHIỆP

Đẩy mạnh sản xuất *hàng tiêu dùng*, nhất là các mặt hàng thiết yếu đối với đời sống, như vải, giấy, thuốc chữa bệnh; ưu tiên bảo đảm các điều kiện cho các ngành *công nghiệp then chốt*: *điện, than, dầu khí, cơ khí, phân bón, để các ngành này phục vụ đắc lực nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu và giao thông vận tải*.

Năm 1982 phải thực hiện một bước việc *sắp xếp lại sản xuất công nghiệp* cho phù hợp với khả năng cung cấp vật tư nguyên liệu, năng lượng... Sử dụng một cách hợp lý và tiết kiệm vật tư nguyên liệu, nhất là nguyên liệu nhập khẩu. Khai thác và sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, nhất là nguyên liệu từ nông, lâm, hải sản.

Khuyến khích tiểu, thủ công nghiệp, tận dụng phế liệu, phế phẩm để phát triển mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Dự kiến giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng 3% so với năm 1981, trong đó công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng tăng 3,3%.

1. *Tận lực phát triển sản xuất hàng tiêu dùng*, nhất là các loại sản phẩm sản xuất bằng nguyên liệu trong nước. Có chính sách, chế độ cụ thể bảo đảm cho các cơ sở công nghiệp địa phương và tiểu, thủ công nghiệp phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh, khai thác các loại nguyên liệu nông, lâm sản... để làm ra nhiều hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

- *Sản xuất sợi, vải*: Sản lượng sợi 4,5 vạn tấn, tăng 38% so với năm 1981. Dành lượng sợi tối đa để dệt vải, ưu tiên bảo đảm điện, than và ngoại tệ nhập 6.000 tấn sợi, thuốc nhuộm và phụ tùng máy sợi, dệt ở thị trường tư bản, chấn chỉnh công tác quản lý, tổ chức và chỉ đạo ngành dệt để đạt sản lượng *vải 260 triệu mét*, tăng 62%.

Với mức sản xuất 260 triệu mét và nhập khẩu 20 triệu mét, dự kiến cung cấp cho các nhu cầu không thể thiếu được 180 triệu mét (gồm trả gia công 85 triệu mét, bán hết theo phiếu vải đã cấp từ năm 1979: 25 triệu mét, viện trợ cho Lào và Campuchia 10,5 triệu mét, cho các lực lượng vũ trang, bảo hộ lao động...). Số còn lại 110 triệu mét phân phối cho nhân dân Tây Nguyên và các tỉnh biên giới 7,2 triệu mét (bình quân 3 mét/người), còn 103 triệu mét sẽ phân phối bình quân 2 mét/người.

- *Giấy*: Bảo đảm cung cấp 8.500 tấn xút cốt tích, nhập khẩu 1 vạn tấn bột giấy, cung cấp và vận tải đủ tre, nứa, gỗ làm nguyên liệu, để sản xuất 5,5 vạn tấn, tăng 31% so với năm 1981, trong đó giấy viết 2 vạn tấn, tăng 33%, đủ cung cấp cho học sinh. Riêng Nhà máy giấy Bãi Bằng sản xuất 1,5 vạn tấn giấy, trong đó dành cho xuất khẩu 5.000 tấn, để nhập thêm 5.000 tấn xút.

- *Thuốc chữa bệnh*: Trong điều kiện sản xuất hoá dược và thuốc kháng sinh còn nhỏ bé, cần vận động trồng và sử dụng rộng rãi những cây thuốc tại xã; mỗi trạm y tế xã có 1 - 2 ha đất trồng cây thuốc và vận động từng gia đình trồng có sự hướng dẫn của ngành y tế.

Sản xuất thuốc chủ yếu sử dụng nguyên liệu trong nước, đồng thời tranh thủ đến mức tối đa nhập thuốc, nhất là thuốc

kháng sinh. Năm 1982, dự kiến nhập 16 triệu rúp và 3 triệu đôla để nhập nguyên liệu và thuốc kháng sinh

Dự kiến trên đây được thực hiện thì năm 1982 thuốc chữa bệnh đỡ căng thẳng hơn.

Ngành y tế cần cải tiến việc quản lý và phân phối thuốc. Nghiêm trị bọn đầu cơ thuốc và sản xuất thuốc giả.

- *Lốp xe đạp*: Bảo đảm cung ứng đủ caosu, nhập đủ 700 tấn tanh (chủ yếu ở thị trường tư bản) để sản xuất 7 triệu chiếc lốp xe đạp, tăng 32% so với năm 1981. Dự kiến xuất khẩu 1,5 - 2 triệu cái, còn 5 - 5,5 triệu cái tiêu dùng trong nước, tăng 55% so với năm 1981.

Đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng tiêu dùng quan trọng khác như đường mía 20 vạn tấn, trong đó đường do trung ương quản lý 4,5 vạn tấn, tăng 12%; thuốc lá điếu 650 triệu bao, tăng 35%; chè 2 vạn tấn, tăng 11%; rượu mùi 27 triệu lít, tăng 8%; đồ hộp 1,5 vạn tấn, tăng 11%; muối 65 vạn tấn, tăng 14%; phụ tùng xe đạp 7.000 tấn, tăng 18%...

2. Về điện:

Dự kiến sản lượng điện 4.035 triệu kwh, tăng 6% so với năm 1981.

Để đạt sản lượng trên, dự kiến ưu tiên cung cấp cho ngành điện 29 vạn tấn dầu, 1,56 triệu tấn than (bao đảm vận chuyển 5.000 tấn/ngày), 2.500 tấn bi gang, bi thép cho nghiên cứu... Điều về gấp số phụ tùng lò, máy đã ký nhập của các nước xã hội chủ nghĩa và giải quyết số ngoại tệ cần thiết để nhập phụ tùng sửa chữa các nhà máy điện, chú trọng Nhà máy điện Ninh Bình và các cơ sở điện miền Nam; nhập thiết bị bổ sung cho tổ tuabin khí 2 lắp đặt thêm ở Thái Bình.

Sắp xếp lại sản xuất công nghiệp, xây dựng cho phù hợp

với khả năng cung cấp nguyên liệu và năng lượng. Tiết chế nghiêm ngặt điện trong sinh hoạt. Chấn chỉnh công tác quản lý ngành điện, ban hành chính sách tiết kiệm điện. Ngành điện cần có biện pháp giảm đến mức thấp nhất điện tự tiêu dùng và điện tổn thất trên đường dây.

Do nguồn điện ở miền Bắc rất căng thẳng, phải ưu tiên cho các cơ sở sản xuất vải, sợi, cho nông nghiệp - thủy lợi và một số công trường, xí nghiệp trọng điểm. Trong trường hợp úng, hạn đột xuất, sẽ cung cấp thêm dầu để phát thêm tuabin khí và cắt giảm nhu cầu phi nông nghiệp và ánh sáng để giữ cho sản xuất công nghiệp được tương đối bình thường. Có kế hoạch tổ chức sản xuất ca đêm để đỡ căng thẳng về điện.

Ở miền Nam, điện cho sản xuất và sinh hoạt đều dùng chung một hệ thống, cần nghiên cứu tách thành hai hệ thống riêng biệt, nơi nào có điều kiện cho tiến hành ngay, trước hết làm ở những nơi có những hộ tiêu thụ điện lớn, thuộc diện trọng điểm sản xuất phải bảo đảm.

3. Về than:

Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng nhập khẩu vật tư, phụ tùng cho ngành than, dự kiến *sản xuất 6,1 triệu tấn than*, bốc đất đá 224 triệu m³. Than dành cho xuất khẩu 1,5 triệu tấn, tiêu dùng trong nước 4,5 triệu tấn, phân phối theo thứ tự ưu tiên cho điện, dệt, giấy, thuỷ tinh xuất khẩu và y tế, sản xuất phân lân, phân đạm, chế biến lương thực, thực phẩm, vận tải, chất đốt...

Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống tuyển, rửa để tăng chất lượng than.

Than Na Dương 8 vạn tấn, đáp ứng yêu cầu tối thiểu của sản xuất ximăng. Than mõ Phấn Mẽ 6 vạn tấn. Đẩy mạnh

khai thác than của các mỏ ở các địa phương kể cả than nâu, than bùn.

Các ngành có liên quan cùng với tỉnh Quảng Ninh, tích cực giải quyết đời sống cho công nhân mỏ, nhất là cung cấp kịp thời tiền lương, lương thực, thực phẩm, đồ dùng bảo hộ lao động.

4. Về dầu khí:

- Thi công giếng khoan sâu đầu tiên để tìm kiếm, thăm dò dầu khí trên cấu tạo Bạch Hổ (lô 09) thuộc thềm lục địa phía Nam, theo chương trình hợp tác với Liên Xô.

Năm 1982 phải hoàn thành xây dựng một số khu vực trong khu công nghiệp dầu khí Vũng Tàu, để bảo đảm vận chuyển dàn khoan số 1 ra xây lắp tại vị trí khoan. Bảo đảm điều kiện sinh hoạt cho các chuyên gia Liên Xô, bảo đảm sự hoạt động bình thường cho xí nghiệp liên doanh.

- Hoàn thành tìm kiếm, thăm dò, có báo cáo chính xác trữ lượng khí ở Tiên Hải C để quyết định phương hướng khai thác. Tiếp tục triển khai tìm kiếm ở các vùng Đông Quan, Tiên Hải A.

5. Cơ khí:

Trong tình hình vật tư, năng lượng có hạn, cần tập trung đẩy mạnh sản xuất công cụ lao động, phụ tùng sửa chữa thiết bị cho các ngành; sản xuất các sản phẩm phục vụ nông nghiệp, giao thông vận tải; tăng các sản phẩm phục vụ xuất khẩu và một số mặt hàng tiêu dùng.

Dự kiến sản xuất 12.600 tấn phụ tùng, tăng 12% so với năm 1981, tăng mức trung, đại tu xà lan, canô, tàu kéo, toa xe, đầu máy xe lửa và ôtô lên 12-25%; sản xuất 20 triệu công cụ lao động, 4,5 vạn tấn xà lan tăng 21%; 1 vạn tấn thuyền ximăng lưới thép, tăng 25%, 6 vạn bom thuốc trừ sâu, tăng 71%...

6. Luyện kim:

Sản xuất 1,4 vạn tấn gang; 3,6 vạn tấn thép; 400 tấn thiếc, tăng 5%; 1,1 vạn tấn crômít, bằng năm 1981.

7. Hóa chất:

Sản xuất 27 vạn tấn phân lân, trong đó có 17 vạn tấn supe lân bằng năm 1981 chủ yếu là sử dụng pirít sắt tồn kho; phân đạm Urê 2 vạn tấn tăng 67%. Thuốc trừ sâu gia công 13.500 tấn, tăng 35%. Sơn hoá học 5.000 tấn, tăng 32%. Xà phòng, bột giặt 2,3 vạn tấn, tăng 5%. Ác quy, que hàn điện, xút cốt tích bằng năm 1981.

8. Vật liệu xây dựng:

Sản xuất 96 vạn tấn ximăng, tăng 59% so với năm 1981, trong đó các nhà máy ximăng lớn 85 vạn tấn (Ximăng Hải Phòng 30 vạn tấn, Hà Tiên 20 vạn tấn, Bỉm Sơn 25 vạn tấn, Hoàng Thạch 10 vạn tấn; sản xuất 1,5 tỷ viên gạch, tăng 34%; 255 triệu viên ngói, tăng 19%; 6,5 triệu m³ đá, tăng 8,5%.

IV - ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

Kiên quyết bố trí vốn đầu tư tập trung hơn, phù hợp với khả năng thực tế hơn. Cân đối khả năng các mặt chỉ có thể dành cho xây dựng cơ bản 40 vạn tấn ximăng, 6,0 vạn tấn xăng dầu, 7,3 vạn tấn thép, 27 vạn m³ gỗ, tương ứng với khối lượng xây lắp khoảng 1.400 triệu đồng cho nên phải soát xét chặt chẽ lại toàn bộ công trình xây dựng cơ bản. Nhưng việc làm này rất khó và phức tạp, vì các công trình hiện nay đang xây dựng là những công trình quan trọng và đang ở vào giai đoạn cần đẩy mạnh thi công. Trong khi đó các bộ và địa phương yêu cầu vốn đến 2,6 tỷ đồng xây lắp.

Sau khi cân nhắc các phương án, dự kiến bố trí vốn xây lắp 1.400 triệu đồng, vì nếu ít hơn sẽ không bảo đảm được

những mục tiêu tối thiểu và sẽ gây thêm nhiều hậu quả bất lợi cho sản xuất và đời sống, không những của năm 1982 mà còn cho cả các năm sau, trước mắt phải giải quyết việc bảo quản thiết bị, số công nhân xây dựng không có việc làm,...

Với phương án trên, dự kiến sẽ bố trí:

- Tập trung đầu tư cho các ngành then chốt của nền kinh tế như điện, than, dệt, giấy, dầu khí, phân bón, luyện kim (thiếc), vật liệu xây dựng, thực phẩm, nông nghiệp, giao thông vận tải để đạt những mục tiêu thiết yếu nhất.

Ưu tiên cho các công trình trọng điểm của Nhà nước (40% tổng số vốn xây lắp). Trước hết tập trung cho Nhà máy điện Phả Lại (120 triệu đồng xây lắp, nếu kể cả các công trình đồng bộ với nó, thì vốn xây lắp lên tới 170 triệu đồng). Bảo đảm tiến độ các công trình hoàn thành đi vào sản xuất, kho lương thực, kho thu mua nông sản; các khâu quan trọng của giao thông vận tải như khu vực cảng Hải Phòng, cảng Cửa Lò, các tuyến đường sắt phục vụ khai thác than, apatít, đường sắt Thống nhất. Đầu tư thích đáng cho nhà ở của Hà Nội (7 vạn m²), và của các công trình đã và sẽ đi vào sản xuất.

Với mức bố trí này trong năm 1982 và 1983 những công trình lớn sau đây sẽ đi vào sản xuất: Điện Phả Lại (tổ máy 1), Ximăng Hoàng Thạch, Ximăng Bỉm Sơn, Sợi Nha Trang, Sợi Hà Nội, Đường La Ngà, ba nhà máy gỗ lạng ở Buôn Ma Thuột, Gia Lai - Kon Tum, Sông Bé. Dự kiến năm 1982 khai hoang 10 vạn ha, trong đó bằng nguồn vốn tập trung 5 vạn ha (năm 1981: 28 vạn ha) để trồng mới 1 vạn ha caosu, 2.600 ha cà phê; xây dựng 10 vạn tấn kho thu mua lương thực ở miền Nam, 18 vạn m² nhà ở cho Hà Nội và các khu công nghiệp.

- Dự kiến vốn đầu tư của địa phương khoảng 320 - 350

triệu đồng xây lắp (giảm 1/3 so với năm 1981) chủ yếu là cho nông nghiệp. Dành vốn thích đáng cho việc khôi phục 27 huyện, thị xã Cao Bằng, Lạng Sơn. Đến năm 1984 sau khi một số công trình lớn hoàn thành mới có điều kiện tăng vốn cho các địa phương.

- Hạn chế đầu tư đối với công trình khởi công mới, các trường đào tạo; tạm dừng đầu tư cho các nông trường, các trạm, trại nông nghiệp xây dựng kéo dài, không có hiệu quả.

V- VỀ VẬN TẢI

Hai năm gần đây, do thiếu phụ tùng vật tư sửa chữa, sắm lốp... nên năng lực vận tải giảm sút (hầu hết các loại phương tiện chỉ hoạt động được trên dưới 50%, nhất là ngành đường sắt giảm sút nghiêm trọng. Khả năng vận tải chỉ đáp ứng 60 - 70% yêu cầu các ngành kinh tế).

Vì vậy phải tăng phương tiện vận chuyển, chấn chỉnh công tác tổ chức quản lý để tăng năng lực vận tải. Ưu tiên cung cấp vật tư nguyên liệu, phụ tùng để khôi phục và sửa chữa đầu máy xe lửa, canô, tàu kéo, xà lan vận tải... Điều nhanh số thép tấm đã ký nhập về, cung cấp đủ điện, que hàn, sơn... để sản xuất cho được 4,5 vạn tấn xà lan vận tải. Cố gắng tìm nguồn vốn để mua xà lan, tàu vận tải ven biển. Sử dụng rộng rãi phương tiện vận tải thủ công, cải tiến. Phát triển nhanh thuyền ximăng lưới thép, thuyền buồm đi ven biển (20 - 30 vạn tấn).

Năm 1982, tập trung sức giải quyết cho được ba mục tiêu chính dưới đây:

- Tiếp nhận và vận chuyển 4,2 triệu tấn hàng nhập, bằng năm 1981:

Bộ Ngoại thương và Bộ Giao thông - Vận tải phải ký

ngay với bạn lịch điều hàng về trong các quý. Thương lượng để bạn giao sớm các mặt hàng trong nước có yêu cầu bức thiết, nhất là xăng, dầu, thép đóng tàu, xàlan, phân bón, pirit sắt, có kế hoạch phân bố hàng nhập về các cảng một cách hợp lý để có thể tiếp nhận toàn bộ khối lượng hàng nhập về trong năm, đặc biệt là các mặt hàng quan trọng phải đưa về hết trong quý III-1982.

- Vận chuyển 4,3 triệu tấn than Quảng Ninh:

Với năng lực vận tải hiện có, chỉ vận chuyển được 3,8 triệu tấn. Vì vậy, cần bảo đảm thường xuyên sẵn sàng ở các cảng khu mỏ Quảng Ninh bình quân 15.000 tấn/ngày, xếp dỡ giải phóng xàlan nhanh để phát huy năng lực hiện có, đồng thời có biện pháp đóng gấp xàlan bổ sung cho vận tải than 2,5 vạn tấn và huy động năng lực vận chuyển của các địa phương để vận chuyển cho được 4,3 triệu tấn than.

- Vận tải Bắc - Nam:

Vận chuyển cho được 50 vạn tấn lương thực từ miền Nam ra Bắc, tăng 50% so với năm 1981. Có biện pháp cụ thể tổ chức tốt khâu gom hàng, giải quyết bao bì và xếp dỡ ở các cảng. Cần có biện pháp tăng thêm tàu nhỏ để các tàu lớn đi vận tải ngoài nước có hiệu quả hơn.

VI- XUẤT, NHẬP KHẨU VÀ CÂN ĐỐI NGOẠI TẾ TƯ BẢN

- Yêu cầu *xuất khẩu* năm 1982 khoảng 650 triệu rúp/đôla, trong đó để thực hiện nghĩa vụ đã cam kết với các nước xã hội chủ nghĩa là 447 triệu rúp, chưa kể 90 triệu rúp nợ của năm 1981, nhập khẩu với mức tối thiểu từ thị trường tư bản 200 triệu đôla, nhưng khả năng xuất khẩu tính đến nay mới được 510 triệu rúp/đôla (350-360 triệu rúp và 150-160 triệu đôla), tăng 160 triệu rúp/đôla (chưa kể xuất khẩu của địa

phương khoảng 50-60 triệu rúp/đôla). Chủ yếu là hàng nông sản và nông sản chế biến 195 triệu rúp/đôla, tăng 62%, gồm đậu tương 2 vạn tấn (năm 1981 chưa xuất); lạc 1,5 vạn tấn, tăng 15% so với năm 1981; rau quả hộp 1,3 vạn tấn, tăng 30%; quả ướp đông 8.000 tấn, tăng 60%; quả tươi các loại tăng 33%; đường 8 vạn tấn; rượu 12 triệu lít, tăng 20%; chè 1,1 vạn tấn, tăng 10%; cà phê 4.000 tấn, tăng 33%; thuốc lá điếu 280 triệu bao. Than 1,5 triệu tấn, ximăng 5 vạn tấn. Hải sản 18 triệu đôla, tăng 3 triệu đôla. Quế từ 500 tấn lên 1.000 tấn. Cao sao vàng từ 80 triệu hộp lên 150 triệu hộp. Các sản phẩm gia công cơ khí cũng tăng khá.

Phát triển mạnh hình thức kinh doanh dịch vụ, cung ứng tàu biển, du lịch, hàng không, bưu điện, văn hoá phẩm... thực hiện các biện pháp, chính sách thích hợp để thu hút các nguồn kiều hối, mở các cửa hàng kinh doanh thu ngoại tệ, ...

Cần xác định sớm các mặt hàng xuất khẩu do nhà nước quản lý. Với các mặt hàng này, các ngành và địa phương trước hết phải thực hiện nghĩa vụ giao nộp cho trung ương, phần xuất khẩu tăng thêm thì địa phương được hưởng. Các mặt hàng không do nhà nước thống nhất quản lý, địa phương có thể tự xuất để nhập các vật tư, hàng hoá cần thiết cho mình.

Xuất khẩu là *nghĩa vụ* của mọi ngành, mọi địa phương, mọi cơ sở. Từng ngành, từng địa phương phải có kế hoạch cân đối xuất - nhập. Ngành nào, địa phương nào sử dụng hàng nhập thì phải bảo đảm hàng xuất để cân đối, nếu không xuất được thì phải giảm nhập.

- Về nhập khẩu:

Chú trọng các mặt hàng quan trọng như phân bón, xăng, dầu, thép tấm... hết sức chặt chẽ trong việc nhập thiết bị.

Đối với các công trình thiết bị toàn bộ đã ký kết, nhưng chưa xây dựng thì thương lượng với các nước gửi lại. Nhập khẩu ở thị trường tư bản đã bối trí 170 triệu đôla, tăng 50% so với năm 1981; chủ yếu là dựa vào nguồn xuất khẩu (150 triệu đôla), viện trợ của Thụy Điển (15 triệu)...

Với mức xuất - nhập khẩu như trên, cân đối ngoại tệ tư bản còn thiếu 378 triệu đôla, trong đó nợ đến hạn phải trả trong năm là 335 triệu đôla (chưa kể 160 triệu đôla nợ của năm 1981 chưa trả được).

Mặt khác, phải có ngay 50 triệu đôla để phục vụ cho các yêu cầu cấp bách trước mắt (24 triệu đôla để nhập 6.000 tấn sợi, 15 triệu thuốc trừ sâu, 3 triệu thuốc chữa bệnh ...), chưa kể các nhu cầu quan trọng khác như nhập than mõi, than nhựa, các loại hóa chất công nghiệp, thạch cao.

Trong những năm tới, khả năng xuất khẩu cũng chỉ giải quyết được nhu cầu nhập khẩu vật tư nguyên liệu ở thị trường tư bản với mức rất hạn chế, nên chưa đóng góp vào việc trả nợ được.

Mấy năm qua, Nhà nước đã huy động nguồn ngoại tệ dự trữ để trả nợ. Đến nay nguồn ngoại tệ dự trữ đã cạn. Năm 1982 số xuất khẩu sang thị trường tư bản 150 triệu đôla, đã bối trí nhập vật tư nguyên liệu. Cần có phương án vay để trả hoặc hoãn nợ ngay từ bây giờ. Đồng thời phải có phương án cụ thể về khai thác kim loại quý, đá quý, đặc sản, ... để góp phần vào trả nợ.

VII- KHOA HỌC - KỸ THUẬT

Tiếp tục triển khai 71 chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật trọng điểm của Nhà nước, đồng thời tiến hành một số

đề tài quan trọng của các ngành, các cấp, góp phần giải quyết các mục tiêu chủ yếu sau đây:

- Trong sản xuất lương thực và thực phẩm:

Đối với lúa: Hoàn chỉnh một bước hệ thống sản xuất và cung cấp giống lúa. Phổ biến rộng rãi các loại giống mới, năng suất cao, chống sâu bệnh, chịu chua mặn, thích hợp chân ruộng trũng. Áp dụng quy trình tưới, tiêu khoa học cho số diện tích lúa có hệ thống thuỷ nông hoàn chỉnh. Nhanh chóng hoàn chỉnh và xây dựng hệ thống các trạm bảo vệ thực vật, các đội bảo vệ thực vật ở hợp tác xã, áp dụng các biện pháp tổng hợp phòng, trừ sâu bệnh hại lúa. Áp dụng rộng rãi kỹ thuật bón đậm viền, quy trình chế biến phân chuồng. Mở rộng diện tích bèo dâu, điền thanh; mở rộng mô hình cải tạo đất bạc màu, đất dốc, đất phèn.

Đối với màu: Tăng nhanh diện tích trồng các giống ngô mới TH2A số 2 năng suất tăng 5-7 tạ/ha; giống khoai tây mới VĐ1, VĐ2; phổ biến giống đỗ tương ngắn ngày ĐT74, ĐT76, năng suất tăng 3-4 tạ/ha; mở rộng diện tích vụ đông trên đất lúa xuân ở miền Bắc.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm: Nhân nhanh giống lợn mới đại bạch XI, giám định, bình tuyển lợn nái, tăng đàn lợn lai vỗ béo, áp dụng biện pháp tổng hợp phòng trừ bệnh cho lợn, phổ biến biện pháp tiêu diệt bệnh toï gà quy mô toàn tỉnh...

Nuôi cá và đánh bắt cá: Áp dụng tổng hợp các kỹ thuật tiến bộ về nuôi cá tăng sản, cho cá để nhân tạo, phổ biến các giống cá chép lai năng suất gấp 2 lần cá thường; áp dụng kỹ thuật tiến bộ đánh bắt tôm, cá để tăng sản lượng cá, tôm xuất khẩu.

- Giải quyết các khó khăn về nguyên liệu, năng lượng:

Về gang thép: Áp dụng công nghệ sản xuất, sửa chữa tàu, thuyền bằng ximăng lưới thép, áp dụng quy trình đúc gang tiến bộ, giảm tỷ lệ phế phẩm dưới 15%...

Về vật liệu xây dựng: Áp dụng rộng rãi các thiết kế định hình, mở rộng sản xuất gạch không nung, các chất kết dính thay thế ximăng mác thấp, gạch chịu lửa và các nguyên liệu khác như sản xuất axít phosphoric, sơn chống bám bẩn đáy tàu, nguyên liệu bột giặt...

Về gỗ: Áp dụng các biện pháp kỹ thuật đẩy nhanh tốc độ, chất lượng trồng rừng, vận xuất, vận chuyển gỗ, lắp đặt dây chuyền cưa xẻ tại cửa rừng, đưa hệ số sử dụng gỗ từ 40% lên 50-60%, đẩy mạnh ngâm tẩm, bảo quản gỗ.

Về nhiên liệu, năng lượng: Áp dụng bù công suất vô công cho hệ thống điện miền Bắc để tiết kiệm 30-50 triệu kwh điện, sản xuất các thiết bị sử dụng dạng năng lượng mới: khí sinh vật, động cơ gió, bơm nước.

- Về giao thông vận tải và xuất khẩu:

Áp dụng công nghệ, kỹ thuật mới để tăng năng lực phương tiện vận tải, dùng ximăng lưới thép để sản xuất và phục hồi phương tiện vận tải, cải tiến công nghệ bốc dỡ, áp dụng tổ chức khoa học trong điều độ và tổ chức lại kho bãi.

Áp dụng triệt để biện pháp bảo quản tôm, cá xuất khẩu bằng nước biển có pha hoá chất.

- Đẩy mạnh các mặt hoạt động quản lý kỹ thuật: tiêu chuẩn đo lường, chất lượng, nhằm bảo đảm chất lượng, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Công tác thông tin khoa học - kỹ thuật cần đảm bảo phục vụ các chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật trọng

điểm nhà nước, tăng cường cơ sở vật chất về thông tin cho một số bộ có yêu cầu cấp bách, v.v..

VIII- LAO ĐỘNG, VÀ ĐÀO TẠO

1. Về dân số

Trong những năm 1976 - 1980 tỷ lệ tăng dân số 2,55 - 2,6% (mỗi năm tăng trên 1 triệu người). Năm 1981 - 1982 tuy có giảm nhưng chưa được bao nhiêu (năm 1981: 2,37%, năm 1982 dự kiến 2,3%). Cần nghiên cứu và thực hành các biện pháp và chính sách về vấn đề này để phấn đấu đến năm 1985 giảm tỷ lệ tăng dân số xuống 1,5 - 1,7%.

2. Về dân số phi nông nghiệp

Năm 1981 có 16,87 triệu người, chiếm 30,7% dân số. Năm 1982, với tỷ lệ tăng tự nhiên và tăng do tuyển sinh, tuyển quân, tuyển cho các ngành kinh tế cần thiết sẽ lên đến 17,37 triệu người, dự kiến đưa xuống 17,2 triệu người, bằng các biện pháp chủ yếu:

- Chuyển bớt số lao động dôi ra trong khu vực nhà nước về sản xuất nông nghiệp;

- Mở cuộc vận động lớn, đi đôi với các biện pháp về kinh tế và hành chính đối với nhân dân thành phố, thị xã, thị trấn, nhất là các tỉnh miền Nam, để dồn bớt dân về nông thôn và đi xây dựng vùng kinh tế mới.

3. Về phân bố lao động

Theo quyết định của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, để thực hiện mục tiêu của kế hoạch 5 năm (1981-1985) đưa đi vùng kinh tế mới 1 triệu lao động, thì năm 1982 sẽ phải đưa đi 25 vạn lao động với hơn 60 vạn nhân khẩu.

Phải sử dụng một cách tiết kiệm vốn và lương thực để tổ chức nhân dân đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Kết hợp hình thức Nhà nước trợ cấp, địa phương và nhân dân cùng góp sức để hoàn thành nhiệm vụ to lớn này.

Ban chỉ đạo phân bố lao động và dân cư trung ương cùng với Bộ Lao động xây dựng chỉ tiêu cụ thể và hướng dẫn các địa phương thực hiện, khuyến khích hình thức nhân dân tự đi, Nhà nước giúp đỡ một phần. Các tỉnh, huyện có điều kiện như Thanh Hoá, Nghệ Tĩnh... trước mắt đi lên miền tây của tỉnh; các tỉnh Bình - Trị - Thiên, Quảng Nam - Đà Nẵng chủ yếu đi Tây Nguyên và Đông - Nam Bộ; các tỉnh đồng bằng sông Hồng đi đồng bằng sông Cửu Long và biên giới phía Bắc. Các biện pháp vật chất cho hình thức này do các địa phương tự cân đối theo tinh thần Nhà nước trợ cấp một phần và dân đóng góp một phần.

4. Về lao động khu vực nhà nước

Đầu năm 1982 có 3,5 triệu người. Phải có biện pháp thật kiên quyết để giảm mạnh biên chế hành chính khu vực nhà nước.

Sắp xếp lại tổ chức sản xuất, xây dựng; giải thể bớt các cơ sở sản xuất không có nguyên vật liệu và tổ chức xây dựng không còn nhiệm vụ; chuyển các cơ sở sản xuất quốc doanh nhỏ, không có hiệu quả, trở lại hình thức tập thể; sắp xếp lại tổ chức bộ máy quản lý nhà nước và bộ máy quản lý sản xuất, kinh doanh; đồng thời đổi mới cơ cấu lao động khu vực nhà nước, thay thế người già yếu, người không có trình độ và năng lực.

- Vận động công nhân, viên chức về sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhất là số mới tuyển, số cán bộ

xã điêu lèn huyện, tỉnh, chưa qua đào tạo. Có chính sách giải quyết về tiền lương thỏa đáng.

- Mở rộng diện nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động.
- Buộc thôi việc đối với những người vi phạm kỷ luật lao động, tham ô, ăn cắp của công.

- Soát xét lại bộ máy tổ chức của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể ở tất cả các cấp; kiên quyết giảm bớt các đầu mối trung gian, các tổ chức không thật cần thiết; không mở thêm các tổ chức mới; thực hiện giảm biên chế ít nhất 20-30%.

5. Chấn chỉnh công tác tiền lương, mở rộng hình thức lương khoán theo khối lượng sản phẩm trên cơ sở chấn chỉnh lại công tác định mức, chống khuynh hướng hạ thấp định mức. Điều chỉnh lại hệ thống tiền lương, khắc phục các hiện tượng quá bất hợp lý hiện nay, bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động và phù hợp với tình hình giá cả thay đổi.

6. Về giải quyết việc làm cho người lao động

Lực lượng lao động xã hội năm 1982 tăng 1 triệu người so với năm 1981. Số lao động chưa có việc làm hiện nay lên đến 1,7 triệu người, trong đó hơn một nửa tập trung ở các thành phố lớn.

Các địa phương, nhất là các huyện cần kết hợp tổ chức lại sản xuất, mở rộng phân công lao động tại chỗ trên địa bàn huyện, phát triển mạnh sản xuất nông nghiệp, phát triển ngành nghề để tăng nhanh sản lượng nông nghiệp và hàng tiêu dùng, giải quyết việc làm cho người lao động. Ở các vùng đồng dân, cần đưa mạnh dân đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Việc giải quyết việc làm cho người lao động cần tập trung trước hết đối với thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... Ngoài việc đưa bớt dân về sản xuất nông nghiệp, cần dành nguyên liệu gia công hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng để thu hút lao động; điều cho các nhu cầu của Nhà nước (riêng Hà Nội 1,8 vạn người: tuyển sinh 8.000 người, tuyển lao động 2.000 người, hợp tác lao động với các nước xã hội chủ nghĩa 5.000 người...); mở rộng các dịch vụ.

Tuy vậy số người chưa có việc làm ở các thành phố vẫn còn nhiều, cần tiếp tục giải quyết.

7. Tiếp tục hợp tác lao động với các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời nghiên cứu mở rộng hợp tác lao động với một số nước ngoài xã hội chủ nghĩa (Trung Đông và châu Phi). Dự kiến năm 1982 đưa đi khoảng 3 vạn người. Năm 1982 và các năm tới cần xúc tiến làm tốt việc này để từ nay đến năm 1985 có thể có nguồn thu cho nhà nước khoảng 180 triệu rúp.

8. Đào tạo cán bộ chuyên môn và công nhân kỹ thuật

Trên cơ sở xác định quy mô đào tạo mà sắp xếp lại các trường đào tạo cho phù hợp với khả năng kinh tế - tài chính và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn trước mắt và sau này, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo; chuyển mạnh sang hình thức đào tạo chuyên tu, tại chức, trên cơ sở đó, cần:

- Chuyển học sinh của các ngành hiện chưa có yêu cầu sang học các ngành đang còn thiếu; chỉ tuyển mới có mức độ và phải tính toán chặt chẽ.

- Kết hợp việc tuyển sinh đào tạo theo địa phương và

vùng lãnh thổ với nhu cầu sử dụng tại chỗ. Mở rộng việc đào tạo cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật cho khu vực kinh tế tập thể và do họ đóng góp kinh phí đào tạo.

- Nghiên cứu, ban hành chế độ, chính sách đối với cán bộ đại học và trung học chuyên nghiệp được phân công về hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp, đi miền núi.

Theo hướng đó, năm 1982 dự kiến tuyển vào các trường đại học và cao đẳng giảm 10% so với kế hoạch năm 1981 (trong đó dài hạn giảm 16%); tuyển vào các trường trung học chuyên nghiệp giảm 18% (trong đó dài hạn giảm 17%); đào tạo công nhân kỹ thuật giảm 40%.

IX- THƯƠNG NGHIỆP VÀ ĐỜI SỐNG

Tập trung sức nắn nguồn hàng vào tay nhà nước, nhất là các nguyên liệu cho công nghiệp và xuất khẩu, hàng tiêu dùng thiết yếu cho công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang. Dự kiến huy động 3,4 triệu tấn lương thực, tăng 38% so với năm 1981; thịt lợn 17 vạn tấn, tăng 19%; đồ tương 4 vạn tấn, gấp 3,3 lần; rau 25 vạn tấn; lạc 3 vạn tấn, tăng 20%; mía (cho các nhà máy đường của trung ương) 80 vạn tấn, tăng 83%; thuốc lá 2,2 vạn tấn, tăng 95%; chè 10 vạn tấn, tăng 10%; đay 3 vạn tấn, tăng 20%; cói 6 vạn tấn, tăng 22%; đường sản xuất thủ công 12 vạn tấn, tăng 33%...

Thực hiện các biện pháp nghiêm ngặt để nhà nước nắm cho được toàn bộ sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh và đại bộ phận sản phẩm của hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp.

Với mức sản xuất như đã bố trí, nhà nước chỉ có khả năng giải quyết một số nhu cầu cấp thiết, trước hết tập trung

sức ổn định đời sống công nhân, viên chức, các lực lượng vũ trang và các thành phố lớn, khu công nghiệp tập trung.

Mỗi địa phương, mỗi vùng cần đẩy mạnh sản xuất, thu mua, nắm nguồn hàng để tự trang trải nhu cầu tại chỗ, giảm bớt cảng thẳng về vận chuyển, nhất là vận chuyển từ miền Nam ra.

- Về *lương thực, thực phẩm* (thịt, cá, nước mắm, nước chấm, bột ngọt) bảo đảm mức cung cấp cho công nhân, viên chức và các lực lượng vũ trang theo tiêu chuẩn định lượng như năm 1981. Riêng đường, do sản xuất và thu mua tăng, mức cung cấp dự kiến khá hơn năm 1981.

- Về *vải mặc*, nếu đạt được sản lượng dự kiến, nhà nước sẽ cung cấp được bình quân 2m/người (chưa kể phần địa phương tự túc về mặc).

- Về *hàng tiêu dùng*, lốp xe đạp, nilông đi mưa, chiếu cói khả năng cung cấp cho cán bộ, công nhân và nhân dân tăng hơn năm 1981, nhưng so với yêu cầu vẫn còn thấp.

- Về *chất đốt*, dầu thắp sáng cho nhân dân và chất đốt cho Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh cố gắng giữ như năm 1981. Riêng than và củi dành làm chất đốt tuy có tăng, nhưng vẫn còn cảng thẳng.

X- TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ VÀ GIÁ CẢ

Tình hình tài chính - tiền tệ và cân đối tiền hàng đang diễn biến phức tạp. Nếu không có các biện pháp đặc biệt và có hiệu lực, thì mức bội chi ngân sách và tiền mặt có thể còn cao hơn nhiều so với năm 1981. Nếu vậy, thì tình hình thị trường, giá cả, đời sống sẽ bị đảo lộn lớn.

Để khắc phục tình hình đó, cần có những biện pháp

mạnh bạo, kiên quyết nhằm tăng thu, hạn chế tối mức thấp nhất bội chi ngân sách và tiền mặt:

1. Khuyến khích phát triển sản xuất hàng tiêu dùng ở tất cả các đơn vị xí nghiệp, kể cả các xí nghiệp sản xuất tư liệu sản xuất, xí nghiệp quốc phòng. Đi đôi với việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa ba lợi ích trong chế độ tiền thưởng, phân phối lợi nhuận, phải chấn chỉnh việc giao nộp sản phẩm cho Nhà nước, tập trung các nguồn thu vào ngân sách nhà nước.

2. Nghiên cứu các chính sách thuế và tổ chức tốt việc thu thuế đối với khu vực kinh tế tập thể và cá thể, nhất là đối với các hộ tư nhân kinh doanh công, thương nghiệp, tìm mọi cách thu cho được khoản thu nhập chênh lệch do tăng giá. Phải kiện toàn tổ chức chỉ đạo công tác thu thuế ở các địa phương.

3. Nghiên cứu việc *phát hành công trái* và mở rộng các hình thức xổ số, cải tiến hình thức gửi tiết kiệm để huy động lượng tiền nhàn rỗi trong dân.

4. Triệt để tiết kiệm chi tiêu ở tất cả các đơn vị sản xuất, kinh doanh, hành chính sự nghiệp, quốc phòng, an ninh; tính toán lại quy mô đào tạo. Thực hiện việc "lấy thu bù chi" đối với các đơn vị hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, các đơn vị sự nghiệp, các viện nghiên cứu khoa học - kỹ thuật... Nghiên cứu thực hiện việc khoán chi cho các địa phương, cho các ngành, các đơn vị quản lý hành chính.

5. Tăng cường quản lý thị trường, nghiêm trị bọn đầu cơ, móc ngoặc, buôn lậu, tham ô, ăn cắp vật tư, hàng hoá của Nhà nước.

Bằng những biện pháp này, dự tính có thể thu thêm 3,5 - 4,5 tỷ đồng, giảm bớt bội chi đến mức thấp nhất.

Việc chỉ đạo công tác phân phối lưu thông cần phải nám

thật chắc tình hình diễn biến để kịp thời uốn nắn, khắc phục những hiện tượng lệch lạc, tiêu cực, nhằm nhanh chóng đưa tình hình kinh tế - tài chính trở lại hoạt động bình thường.

XI- VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, Y TẾ VÀ XÃ HỘI

- Về văn hóa và thông tin:

Hướng các hoạt động văn hóa - thông tin, nghệ thuật vào phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, động viên phong trào thi đua lao động sản xuất và thực hành tiết kiệm, nhằm thực hiện tốt kế hoạch nhà nước năm 1982, đồng thời đấu tranh mạnh mẽ chống chiến tranh tâm lý của địch; chống các tư tưởng bi quan, tiêu cực, vô tổ chức, vô kỷ luật; loại trừ văn hóa nô dịch, đồi trụy, mê tín, dị đoan đang có chiều hướng phục hồi. Đi đôi với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, các hoạt động văn hóa - nghệ thuật cần phát triển mạnh, góp phần tăng nguồn thu cho Nhà nước, đồng thời tiết kiệm chi dùng trong ngành.

- Dự kiến xuất bản 17 tỷ trang in, bằng 98% so với năm 1981, riêng sách giáo khoa phổ thông tăng 4%. Cố gắng duy trì mức phát hành các loại báo *Nhân dân* và *Quân đội nhân dân*, còn các loại tạp chí, tập san, các giấy tờ khác phải soát xét lại để giảm bớt và chuyển sang hạch toán kinh doanh.

- Nâng cao chất lượng các buổi phát thanh và truyền hình.

- Việc sản xuất và phát hành phim cần kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị và bảo đảm kinh doanh, lấy thu bù chi, tiến tới có lãi.

- Về giáo dục:

Nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện từng bước cải cách giáo dục. Khuyến khích và chỉ đạo tốt phong trào các trường học tham gia lao động sản xuất, thiết thực làm ra của cải vật chất

cho xã hội. Đẩy mạnh công tác bồi túc văn hóa tại chức, có kế hoạch chống mù chữ trở lại, nhất là ở các tỉnh miền núi. Tăng cường bồi túc văn hóa tập trung cho các tỉnh miền núi phía Bắc, các tỉnh miền Nam. Củng cố các lớp mẫu giáo hiện có, bảo đảm thu nhận khoảng 33% số trẻ trong độ tuổi.

Dự kiến số học sinh mẫu giáo năm học 1982 - 1983 khoảng 1,6 triệu cháu, bằng năm học 1981 - 1982. Số học sinh phổ thông đầu năm học 12,3 triệu, (trong đó cấp I phổ thông cơ sở 8,2 triệu em, cấp II - 3,4 triệu em, phổ thông trung học 75 vạn em, tăng 4%); số học sinh bồi túc văn hóa tập trung khoảng 5 vạn người, tăng 15%.

- Về y tế, xã hội, thể thao thể dục:

Đẩy mạnh cuộc vận động vệ sinh, phòng bệnh và sản xuất vắcxin để chủ động ngăn ngừa dịch bệnh. Phát huy tác dụng của mạng lưới y tế cơ sở, đặc biệt là y tế xã, để làm tốt việc chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Củng cố, nâng cao chất lượng các cơ sở điều trị, điều dưỡng hiện có, tranh thủ xây dựng các công trình nước ngoài viện trợ cả thiết bị và vật liệu.

Dự kiến năm 1982 có 11.491 cơ sở điều trị và điều dưỡng với 199 nghìn giường, tăng 3% so với năm 1981.

Nâng cao chất lượng các nhà trẻ. Dự kiến số trẻ em được thu nhận vào nhà trẻ 1,3 triệu cháu, tăng gần 2% so với năm 1981.

Mở rộng cuộc vận động rèn luyện thân thể trong nhân dân, phấn đấu năm 1982 có 2,6 triệu người đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể, tăng 4%.

Theo các chỉ tiêu kế hoạch đã bố trí như trên, các chỉ tiêu tổng hợp của nền kinh tế dự kiến như sau¹:

1. Tính theo giá cố định năm 1970. Các chỉ tiêu này chưa tính đến các yếu tố bấp bênh chủ yếu về nông nghiệp.

	Đơn vị	Kế hoạch 1982	Kế hoạch 1982 so với ước thực hiện	1981 (%)
- Tổng sản phẩm xã hội	tr. đ	25.300	104,0	
- Thu nhập quốc dân sản xuất	"	13.606	105,5	
- Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp	"	8.811	111,2	
- Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiêu thụ công nghiệp	"	8.760	103,0	
- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản.	"	3.294	115,5	
Trong đó: Xây lắp		1.400	93,0	
- Khối lượng hàng hoá vận tải trong nước	tr. tấn	51,5	122	
	tr. t/km	5.141	117	
- Giá trị hàng hóa xuất khẩu	tr. r/đôla	510	145,0	
- Giá trị hàng hóa nhập khẩu	"	1.400	110,0	
- Tổng mức lưu chuyển hang hóa bán lẻ trên thị trường có tổ chức	tr. đ	33.000	-	
- Tổng quỹ tiền lương	"	6.440		

Nhìn tổng quát lại, theo các chỉ tiêu kế hoạch bố trí như trên, dự kiến tổng sản phẩm xã hội khoảng 25.300 triệu

đồng, tăng 4,0% so với năm 1981, thu nhập quốc dân sản xuất 13.606 triệu đồng, tăng 5,5%. Thu ngoài nước 2.420 triệu đồng, giảm 11,4%. Từ đó thu nhập quốc dân sử dụng khoảng 16.026 triệu đồng, tăng 2,6% so với năm 1981, trong đó quỹ tích luỹ 2.035 triệu đồng, tăng 10,0%; quỹ tiêu dùng nhân dân (không kể viện trợ và phần tiêu dùng hàng hoá của quốc phòng - an ninh) 12.960 triệu đồng, tăng 2,4%. Do dân số tăng 2,3% nên mức tiêu dùng bình quân đầu người 230,6 đồng, chỉ tăng 0,2% so với năm 1981.

Như vậy, nếu quỹ tiêu dùng (không kể một phần hàng hoá của quốc phòng) là 12.960 triệu đồng, thì thu nhập quốc dân sản xuất không những đáp ứng được yêu cầu của quỹ tiêu dùng mà còn thừa khoảng 5%.

Nếu quỹ tiêu dùng (kể cả một phần hàng hoá của quốc phòng) là 14.090 triệu đồng, thì thu nhập quốc dân sản xuất mới bảo đảm được 96,6% quỹ tiêu dùng. Như vậy số quỹ tiêu dùng còn thiếu và toàn bộ quỹ tích luỹ, về mặt giá trị mà nói, phải dựa vào nguồn vốn vay của nước ngoài.

Trong tình hình khó khăn của nền kinh tế, việc bố trí kế hoạch nhà nước năm 1982 đã cố gắng tập trung vào một số mục tiêu chủ yếu nhằm từng bước ổn định tình hình kinh tế, đời sống xã hội.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn và mất cân đối lớn chưa giải quyết được:

- Nguồn xăng, dầu còn rất hạn chế.
- Lương thực khu vực nhà nước ở miền Bắc còn gay gắt.
- Chưa có tiền trả nợ.
- Tài chính, tiền tệ vẫn tiếp tục bội chi.

- Năng lực vận tải vẫn yếu kém, chỉ bảo đảm khoảng 60 - 70% yêu cầu của nền kinh tế.
- Số người lao động chưa được sắp xếp việc làm còn lớn, nhất là ở các thành phố lớn.

Phần ba

VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Kế hoạch năm 1982 có rất nhiều khó khăn, muôn ổn định một bước kinh tế và đời sống, phải kiên quyết tập trung mục tiêu, điều chỉnh nền kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, thực hành triệt để tiết kiệm, kiên quyết giảm chi để mức chi tiêu cân đối với nguồn thu có thể có. Muốn vậy, phải có một loạt biện pháp, chế độ, chính sách thích hợp. Các chế độ, chính sách này phải được ban hành sớm làm cơ sở cho việc thực hiện kế hoạch.

Sau đây là một số biện pháp cấp bách chủ yếu

A- VỀ QUẢN LÝ KINH TẾ VÀ KẾ HOẠCH HOÁ

Kiên quyết lập lại trật tự trong quản lý, khôi phục những nếp quản lý đúng đắn đã được xây dựng từ trước, sửa đổi, bổ sung những chỗ không phù hợp trong chính sách và chế độ quản lý:

1. Đề nghị Trung ương Đảng thông qua sớm nghị quyết về *cải tiến quản lý kinh tế và kế hoạch hoá*, trên cơ sở đó hình thành cơ chế quản lý mới, thay đổi các chính sách cũ, định các chính sách mới; theo dõi chặt chẽ các chính sách mới đã

ban hành gần đây, uốn nắn những mặt lêch lạc làm cho các chính sách này phát huy tác dụng ngày càng tốt hơn.

2. Sớm quy định toàn diện việc *phân công phân cấp giữa trung ương và địa phương*.

3. Trong công tác *kế hoạch hoá*: Khôi phục và bổ sung các định mức, trước hết các định mức tiêu hao vật tư chủ yếu, cụ thể hoá việc xây dựng kế hoạch, cân đối kế hoạch ở ba cấp, năm 1982 phải làm tốt trước hết ở huyện; sửa đổi, bổ sung hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh nhằm mở rộng quyền chủ động của các cấp, nhất là của cơ sở, làm cho kế hoạch gắn chặt với kinh doanh và hạch toán kinh tế, đồng thời bảo đảm tính tập trung của kế hoạch nhà nước.

4. Tiến hành *hạch toán kinh tế* chặt chẽ, khôi phục các chế độ hạch toán kinh tế đúng đắn, chấn chỉnh từ việc ghi chép sổ liệu ban đầu, bổ sung các chế độ cần thiết nhằm xoá bỏ chế độ bao cấp, nâng dần tính chủ động, tự chịu trách nhiệm về tài chính của cơ sở, hết sức coi trọng hiệu quả kinh tế.

Chấn chỉnh công tác thông tin kinh tế.

5. Sớm ban hành luật ruộng đất, luật về nghĩa vụ lao động...

6. Chấn chỉnh tổ chức và tăng cường hoạt động của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, phát động phong trào quần chúng nhất là ở cơ sở, tham gia công tác thanh tra, kiểm tra. Nêu cao chức năng của các cơ quan tài chính, ngân hàng về mặt phục vụ, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh, cũng như về mặt kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh, hạch toán kinh tế của các đơn vị cơ sở,...

B- BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO

1. *Phải chỉ đạo tập trung, đồng bộ đổi mới sản xuất lương*

thực, huy động lương thực cho Nhà nước. Phân phối lương thực phải thật chặt chẽ. Tiết kiệm gắt gao lương thực. Nghiêm trị những kẻ đầu cơ, ăn cắp và để lãng phí lương thực.

2. Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cùng Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, các cơ quan tham mưu khác và các Bộ Công nghiệp nhẹ, Công nghiệp thực phẩm, Điện lực, Mỏ và Than, Giao thông vận tải... chỉ đạo điều hành, phối hợp chặt chẽ, bảo đảm thực hiện tốt các chỉ tiêu *sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu* đối với đời sống và *hàng xuất khẩu*.

3. Về sắp xếp lại sản xuất công nghiệp và xây dựng

- Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước phối hợp với các bộ, tổng cục và địa phương, *bố trí sắp xếp lại sản xuất công nghiệp và xây dựng*: loại xí nghiệp công nghiệp và công trường xây dựng cần được bảo đảm ưu tiên số 1 về các điều kiện vật tư, nguyên liệu và năng lượng để sản xuất được liên tục và xây dựng đúng tiến độ theo kế hoạch; loại xí nghiệp chỉ có khả năng bố trí có mức độ các điều kiện sản xuất và loại công trình xây dựng phải dãn tiến độ thi công; và sau nữa là loại xí nghiệp phải chuyển hướng sản xuất do thiếu năng lượng và nguyên liệu. Trên cơ sở đó, cần có biện pháp giải quyết các vấn đề do việc sắp xếp này đặt ra, như phục vụ đời sống, chuyển hướng sản xuất và giải quyết việc làm đối với số lao động dôi ra, v.v..

- Các bộ và các địa phương xử lý thiết bị của các công trình hoãn xây dựng do mình quản lý. Xác định thiết bị nào có thể lắp đặt vào các công trình hiện có để huy động sử dụng, công trình nào phải bảo quản để khi có điều kiện có thể tiếp tục xây dựng. Có kế hoạch và biện pháp bảo quản tốt các công trình đang xây dựng dở dang, nay tạm ngừng xây dựng.

- Bộ Nông nghiệp chủ trì cùng với các ngành có liên quan trong quý I - 1982 soát xét lại các nông trường hiện có, xác định phương án sản phẩm và hiệu quả kinh tế để có thái độ xử lý thích hợp.

4. Về xuất khẩu

Trong quý I - 1982 Bộ Ngoại thương trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng các vấn đề về chính sách xuất khẩu, về quan hệ giữa trung ương và địa phương và cơ sở trong việc xuất, nhập khẩu, quy định cụ thể những mặt hàng do Nhà nước nắm độc quyền xuất khẩu, những sản phẩm khuyến khích địa phương tự xuất khẩu, đề xuất kiến nghị giải quyết các vướng mắc trong việc huy động nguồn hàng xuất khẩu hiện nay, nhất là về giá cả thu mua hàng xuất khẩu, v.v..

5. Theo dõi sát tình hình diễn biến, tiếp tục đi sâu nghiên cứu, xử lý ngay các vấn đề về phân phối - lưu thông

Có những biện pháp kiên quyết, có hiệu lực để tập trung nắm nguồn hàng vào tay Nhà nước, quản lý thị trường. Các xí nghiệp quốc doanh phải nghiêm túc thực hiện kỷ luật giao nộp toàn bộ sản phẩm cho Nhà nước, kỷ luật nộp tích luỹ, kỷ luật về tiền mặt. Nghiêm trị các trường hợp vi phạm kỷ luật, giữ sản phẩm lại để phân phối nội bộ, tuồn hàng ra ngoài.

Xử lý gấp vấn đề giá cả, kịp thời tháo gỡ các ách tắc của sản xuất, kinh doanh, xây dựng cơ bản. Nhanh chóng tìm cách ổn định đời sống cán bộ, công nhân viên.

6. Tiết kiệm

Triệt để giảm chi phí hành chính, tiết kiệm chi quốc phòng, an ninh.

Ban bố chính sách tiết kiệm điện, than, xăng, dầu và các nguyên liệu chủ yếu. Công bố chỉ tiêu tiết kiệm cho

mọi ngành (dự kiến 10% vốn và vật tư chủ yếu).

Kiểm kê chặt chẽ và tìm mọi biện pháp huy động thiết bị, vật tư tồn kho, ứ đọng.

7. Lao động và dân số

Kiên quyết thực hiện các biện pháp có hiệu lực để *giảm biên chế hành chính khu vực nhà nước và nhân khẩu phi nông nghiệp*.

Không lập ra các tổ chức mới, xóa bỏ các tổ chức trung gian không cần thiết. Đưa bớt nhân khẩu phi nông nghiệp về sản xuất nông nghiệp.

Bộ Lao động chủ trì cùng với Ban Tổ chức Chính phủ và Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước trong quý I - 1982 trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về biện pháp và chính sách giảm biên chế, về điều chỉnh chế độ tiền lương cho phù hợp với tình hình giá cả tăng lên, các biện pháp dỡ bớt nhân khẩu phi nông nghiệp ra ngoại thành, ngoại thị để sản xuất nông nghiệp.

Uỷ ban Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em chủ trì cùng với Bộ Y tế trình Hội đồng Bộ trưởng về biện pháp hạn chế sinh đẻ.

8. Đào tạo

Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Tổng cục Dạy nghề chủ trì cùng với Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước và các bộ có liên quan chuẩn bị nội dung trình Hội đồng Bộ trưởng về sáp xếp lại hệ thống các trường và quy mô đào tạo.

9. Tổ chức cán bộ

Kiện toàn gấp sự chỉ đạo của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, kiện toàn các tổ chức yếu kém, mạnh dạn đề bạt cán bộ có phẩm chất và năng lực.

Chấn chỉnh lề lối làm việc, hướng về cấp dưới và cơ sở,

khẩn trương giải quyết khó khăn cho cơ sở. Tăng cường kiểm tra, đề cao kỷ luật, khen thưởng.

Các biện pháp trên đây cần được nghiên cứu kỹ và sớm ban hành.

*
* * *

Kế hoạch trên đây đã cố gắng bối trí gần với thực tế. Nhưng trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay, chúng ta chưa chủ động bảo đảm chắc chắn nhiều điều kiện vật chất của sản xuất, cho nên yếu tố quyết định của việc hoàn thành kế hoạch là tính năng động của chỉ đạo, tính chủ động sáng tạo của các ngành, các địa phương, các cơ sở, là phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa của những người lao động.

**PHÁT BIỂU Ý KIẾN
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG Bí THƯ LÊ DUẨN
KẾT LUẬN HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG**

Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương thảo luận về phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch năm 1982 và kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 đã xác nhận những nhận định cơ bản của Hội nghị lần thứ 10 vừa qua, tiếp tục cụ thể hóa và làm rõ thêm một số phương hướng, chủ trương cho năm 1982.

Hôm nay, thay mặt Bộ Chính trị, tôi phát biểu một số ý kiến kết thúc cuộc thảo luận của hội nghị chúng ta.

I- VỀ TÌNH HÌNH NĂM 1981

Năm 1981 là năm đạt thành tựu và tiến bộ trên nhiều lĩnh vực:

1. Nông nghiệp thắng lợi toàn diện

Đây là năm đạt sản lượng *lương thực* cao nhất từ trước tới nay, vượt kế hoạch và tăng 70 vạn tấn so với năm 1980 (riêng miền Bắc tăng gần 1 triệu tấn; nếu miền Nam cấy hết gần 30 vạn hécta và sản lượng mì không giảm 23 vạn tấn thì thắng lợi còn lớn hơn nữa).

Cây công nghiệp tăng khá; đặc biệt đậu tương tăng hơn 60% về diện tích và gấp đôi về sản lượng so với năm 1980, mở ra triển vọng phát triển lớn.

Chăn nuôi cả lợn, trâu, bò đều phát triển khá.

Huy động lương thực được 2,5 triệu tấn, đó là mức cao nhất đạt được trong những năm qua. Thu mua các loại nông sản thực phẩm như đậu tương, thịt lợn, cá nước ngọt, đường, v.v., đều tăng nhiều so với các năm trước.

2. Sản xuất công nghiệp đạt kế hoạch và tăng một ít so với năm 1980; riêng công nghiệp địa phương vượt kế hoạch 7,5%, trong đó tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp vượt kế hoạch 10%. Sản lượng một số sản phẩm quan trọng như thiếc, xàлан, canô, tàu kéo, đường mía, đồ hộp, thuốc lá... tăng khá. Tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm được bảo đảm.

3. Điều cần nhấn mạnh là những thành tích, tiến bộ nói trên đạt được trong khi điều kiện vật chất như phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu, năng lượng, vật tư, nguyên liệu đều kém sút nhiều so với những năm trước.

Nhưng do bước đầu thực hiện một số đổi mới trong cơ chế quản lý như ổn định nghĩa vụ lương thực, khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và người lao động, điều chỉnh giá thu mua nông sản, thực hiện quyền chủ động sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp công nghiệp, tăng tỷ lệ tiền thưởng năng suất, mở rộng quyền cho các địa phương kinh doanh xuất - nhập khẩu, v.v. đã phát huy những nhân tố tích cực mới trong phong trào lao động sản xuất. Đặc biệt những chủ trương đó đã bước đầu thúc đẩy các địa phương, các cơ sở đi vào làm ăn có tính toán, cố gắng tìm mọi cách khai thác

tiềm năng để phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện từng bước đời sống của công nhân, viên chức và người lao động. Thực tiễn nói trên khẳng định:

- Nền kinh tế của ta đang có những khó khăn và mất cân đối nghiêm trọng, nhưng bên cạnh đó cũng có những khả năng tiềm tàng rất to lớn, trong đó có những khả năng trong tâm tay chưa được khai thác tốt.

- Chúng ta hoàn toàn có thể khai thác được các khả năng đó nếu nắm vững và biết vận dụng các vấn đề có tính quy luật trong đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội lần thứ IV đề ra mà Hội nghị lần thứ 10 của Trung ương đã khẳng định là đúng đắn. Trước hết là thực hiện việc chuyển mạnh từ cơ chế quản lý hành chính, bao cấp sang cơ chế quản lý mới, bảo đảm chế độ làm chủ ở ba cấp cơ bản, gắn liền kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện sự thống nhất và kết hợp đúng đắn giữa ba lợi ích; phát huy cao độ tính năng động sáng tạo của từng đơn vị cơ sở, tính tích cực sản xuất của mỗi người lao động, cũng như ý thức trách nhiệm của các ngành, các địa phương trong chỉ đạo thực hiện. Đây chính là biện pháp quan trọng hàng đầu để khai thác những năng lực sẵn có và những khả năng tiềm tàng, khắc phục những khó khăn trước mắt để đưa nền kinh tế tiến lên. Chúng ta cần tổng kết tốt những điển hình tiên tiến trên các mặt hoạt động kinh tế để phổ biến rộng rãi những kinh nghiệm ấy; đồng thời để đổi mới cách suy nghĩ, đổi mới cách làm ăn, đi sâu vào việc hoàn thiện từng bước hệ thống quản lý mới của nền kinh tế chúng ta.

Bên cạnh thành tựu và tiến bộ còn có những khuyết điểm: không cấy hết gần 30 vạn hécta ở miền Nam và đã để

cho sản lượng màu giảm 23 vạn tấn. Nhiều mặt hàng tiêu dùng thiết yếu như vải, hàng may mặc, giấy, chiếu coi, phụ tùng xe đạp, sành sứ, thuỷ tinh, xà phòng, thuốc chữa bệnh... đạt kế hoạch quá thấp, làm ảnh hưởng tới quỹ hàng hoá đối lưu giữa Nhà nước với nông dân, đến nguồn thu ngân sách nhà nước, đến kim ngạch xuất khẩu. Nhiều sản phẩm chủ yếu về công nghiệp nặng như điện, than, thép, máy kéo, phân đạm, ximăng... cũng đạt thấp. Xuất - nhập khẩu và giao thông vận tải chưa tạo được chuyển biến cần thiết.

Những mặt yếu kém nói trên là do khuyết điểm trong công tác chỉ đạo và quản lý kinh tế, trong việc điều hành thực hiện kế hoạch của các cấp, các ngành, trước hết là của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và của Ban Bí thư. Cần vạch rõ ràng nếu có sự chỉ đạo và điều hành tập trung vào những trọng tâm, trọng điểm, tiến hành sắp xếp lại kịp thời một số mặt sản xuất, điều hoà phối hợp ăn khớp giữa cung ứng điện với sản xuất, bảo đảm tốt giao thông vận tải và cung tiêu, v.v. thì một số mặt hàng thiết yếu và mục tiêu quan trọng không đến nỗi đạt kế hoạch quá thấp.

Trên mặt trận phân phối lưu thông, nhiều công việc đã bắt đầu triển khai và thu được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên tình hình phân phối lưu thông còn rất khó khăn. Những yêu cầu của Nghị quyết 26 và Chỉ thị 109 của Bộ Chính trị chưa được giải quyết một cách cơ bản. Ngân sách nhà nước và tiền mặt tiếp tục bội chi lớn; giá cả thị trường biến động và chưa có cơ sở ổn định; tiền lương thực tế của cán bộ, công nhân, viên chức tiếp tục giảm sút.

Nguyên nhân cơ bản là sản xuất phát triển chậm, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế kém; lực lượng hàng hoá trong tay Nhà nước mỏng và bị thất thoát nhiều; những mất

cân đối về mặt vật chất (giữa cung và cầu, giữa tiền và hàng, giữa xuất và nhập) làm cơ sở cho phân phối lưu thông, hết sức căng thẳng.

Mặt khác, việc tổ chức và chỉ đạo thực hiện mặt trận phân phối lưu thông trong thời gian qua, có một số sai sót nghiêm trọng. Việc điều chỉnh hệ thống giá cả của Nhà nước (bao gồm giá thu mua, giá bán buôn và bán lẻ) là cần thiết và phương hướng điều chỉnh do Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị đề ra là đúng. Nhưng việc tổ chức thực hiện chưa tốt đã ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất, đời sống của cán bộ, công nhân, viên chức. Việc xác định một số mức giá bán buôn vật tư và kế hoạch triển khai thực hiện thay đổi giá bán buôn còn nóng vội và giản đơn; việc chuẩn bị chưa đầy đủ, việc tính toán còn sai sót; việc dự đoán các tác động về kinh tế, chính trị, xã hội chưa chính xác và việc giải quyết những biến động xảy ra chưa chu đáo. Việc chấp hành kỷ luật giá ở các ngành, các cấp không nghiêm. Công tác quản lý thị trường chỉ làm ráo riết được vài tháng rồi lại buông lỏng; nói chung là hữu khuynh, không nắm vững chuyên chính vô sản, không nắm chắc tiền và hàng, nhất là lương thực, do đó luôn luôn bị động đối phó với những biến động về giá cả thị trường. Trong chỉ đạo thực hiện, còn thiếu sự phối hợp chặt chẽ, nhất là giữa các ngành kế hoạch, vật giá, tài chính, ngân hàng, nội thương.

II- VỀ NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG KẾ HOẠCH NHÀ NUỐC NĂM 1982

Các đồng chí Trung ương đều biểu thị nhất trí về phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch

năm 1982. Sau đây, tôi nhấn mạnh một số vấn đề quan trọng.

1. Trong các dự thảo báo cáo trình Đại hội lần thứ V của Đảng, Hội nghị Trung ương lần thứ 10 đã vạch ra phương hướng của chiến lược kinh tế những năm 80 và 10 nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm 1981-1985. Những nhiệm vụ đó nhằm thực hiện những chủ trương lớn: sáp xếp lại và phát triển kinh tế; tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và đổi mới quản lý; xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Trong năm 1982, chúng ta bước đầu thực hiện những chủ trương đó, nhất là phải thực hiện tốt việc sáp xếp lại và phát triển kinh tế, bao gồm sáp xếp lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản, sáp xếp lại trật tự trên mặt trận phân phối lưu thông, chấn chỉnh lại chính sách tiêu dùng.

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện đang có nhiều khó khăn và mất cân đối về nhiều mặt, cần thiết phải tập trung sức vào những nhiệm vụ then chốt, cấp bách nhất; đồng thời giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các ngành kinh tế, văn hoá, giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương để nhanh chóng ổn định tình hình sản xuất và đời sống.

a) Trước hết phải tập trung cao độ sức của cả nước vào việc thực hiện *nhiệm vụ hàng đầu là đẩy mạnh mặt trận nông nghiệp* tiến lên đúng hướng, đạt được những thắng lợi toàn diện, vững chắc hơn năm 1981 nhằm giải quyết thiết thực những nhiệm vụ cấp bách và quan trọng nhất là ăn, mặc, xuất khẩu, cung ứng nguyên liệu cho sản xuất hàng tiêu dùng. Cần phấn đấu đạt được tiến bộ trong từng vụ sản

xuất, đổi với từng loại cây trồng và vật nuôi. Cần phát triển tốt cả lúa và màu, chấm dứt tình trạng xem nhẹ màu. Phát triển mạnh mẽ các cây công nghiệp ngắn ngày theo cơ cấu thích hợp đổi với từng vùng. Đặc biệt phải có chính sách phát triển mạnh các cây có sợi như dâu tằm, bông, đay, gai, bông gòn, v.v. để làm nguyên liệu dệt giải quyết cho được vấn đề mặc của nhân dân.

b) Đẩy mạnh sản xuất *hàng tiêu dùng*, mở rộng thị trường trong nước, tạo nguồn hàng dồi dào để đổi lưu với nông dân, kích thích và thúc đẩy nông nghiệp phát triển và góp phần tăng nhanh nguồn hàng xuất khẩu. Trong điều kiện vật tư, nguyên liệu, năng lượng có hạn, một mặt phải cố gắng cung ứng tập trung cho những nhiệm vụ quan trọng nhất, những mặt hàng thiết yếu nhất như vải, giấy, thuốc chữa bệnh... Mặt khác, các địa phương, các cơ sở cần cố gắng đến mức cao nhất khai thác các nguồn năng lượng, nguyên liệu, vật tư của địa phương để sản xuất tại chỗ, hoặc trao đổi với đơn vị khác. Phải kiểm kê lại tất cả các ngành, nghề mà chúng ta có, khôi phục lại những nghề đã bị xao lãng, mai một. Phải tận dụng tất cả các hình thức tổ chức sản xuất thích hợp, từ hợp tác xã, tổ đoàn kết đến thợ thủ công cá thể, sản xuất ở gia đình và nghề phụ ở nông thôn. Phải đặc biệt coi trọng tận dụng thế mạnh của các thành phố lớn, trước hết là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh để phát triển công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

c) Các ngành *công nghiệp nặng*: điện, than, cơ khí, hoá chất; giao thông vận tải; xây dựng cơ bản... phải phát huy tối đa năng lực của mình để phục vụ cho nông nghiệp, cho sản

xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu, đồng thời luôn luôn phấn đấu tăng thêm năng lực sản xuất, cải tiến kỹ thuật để phát triển ngành mình.

d) Một yêu cầu cấp bách là phải bố trí sắp xếp lại sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản theo thứ tự ưu tiên cho phù hợp với khả năng thực tế hiện nay về vật tư, nguyên liệu, năng lượng và tiền vốn.

Trên cơ sở bố trí sắp xếp lại sản xuất công nghiệp và xây dựng cơ bản, các ngành giao thông vận tải, cung ứng vật tư, thương nghiệp, công tác đào tạo... cũng phải chấn chỉnh sắp xếp lại tổ chức và hoạt động của mình cho phù hợp với khả năng thực tế và đáp ứng được yêu cầu trước mắt.

Cũng theo tinh thần nói trên, chúng ta phải bố trí lại lao động và dân cư giữa các vùng, các ngành, giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động thủ công và lao động cơ giới hoá, theo hướng tiếp tục phân bố lao động trong phạm vi cả nước, để đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, mở thêm diện tích canh tác, khai thác hợp lý rừng và biển, mở mang ngành nghề, tận dụng mọi khả năng lao động thủ công và nửa cơ giới, giải quyết công việc làm cho người lao động, giảm biên chế bộ máy nhà nước, có biện pháp tích cực để giảm tỷ lệ tăng dân số.

2. Chúng ta bước vào năm 1982 với một sự nhất trí cao trong việc đánh giá tình hình, trong việc cụ thể hoá đường lối của Đảng và vạch ra bước đi của chặng đường đầu tiên hiện nay. Chúng ta nhận thức sâu sắc hơn những năng lực sẵn có, cũng như những khả năng tiềm tàng của đất nước, đặc biệt là những khả năng về lao động, đất đai, ngành nghề là những vốn quý đầu tiên mà chúng ta có thể sử dụng.

Chúng ta cũng thấy rõ công tác cải tiến quản lý kinh tế và chấn chỉnh sự chỉ đạo thực hiện là một yếu tố có ý nghĩa quyết định cho phép sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn năng lượng, vật tư, các máy móc, thiết bị mà lâu nay còn lãng phí, để tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Mặt khác, chúng ta còn gặp nhiều khó khăn về điều kiện vật chất. Đó là khó khăn của một nước mà sản xuất nhỏ còn phổ biến, thu nhập quốc dân trước mắt chưa bảo đảm nổi quỹ tiêu dùng xã hội. Bên cạnh đó, nền kinh tế của ta còn phụ thuộc nước ngoài rất nặng, nhất là về nhiều loại vật tư: nhiên liệu, nguyên liệu, thiết bị, máy móc, phụ tùng. Trong năm 1982, các loại vật tư nhập khẩu, trừ một vài thứ có tăng chút ít, còn nói chung chỉ bằng hoặc kém hơn năm 1981, đặc biệt xăng dầu thì ít hơn. Trong khi đó, khả năng xuất khẩu của ta có hạn. Năm 1982 chúng ta lại phải tiếp tục khắc phục những khó khăn và mất cân đối từ những năm trước dồn lại, đồng thời nhiệm vụ tăng cường vững chắc quốc phòng và an ninh để làm thất bại cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch cũng rất nặng nề.

Quan hệ hợp tác toàn diện và sự giúp đỡ của Liên Xô, của các nước khác trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, cũng như hai nước Lào, Campuchia anh em, tạo điều kiện thuận lợi cho chúng ta phấn đấu khắc phục những khó khăn đó. Nhưng ở đây, yếu tố quyết định vẫn là sự nỗ lực vươn lên mạnh mẽ của chính nhân dân ta.

Vì vậy, *phải nêu cao tinh thần tự lực tự cường, phát huy cao độ tính chủ động sáng tạo của các ngành, các địa phương, nhất là của cơ sở, phát huy quyền làm chủ tập thể*

của nhân dân, để vươn lên nhanh chóng, bảo đảm cho được mọi nhu cầu thiết yếu của sản xuất, đời sống, của quốc phòng và an ninh. Tình hình đòi hỏi cấp bách phải đạt được ngay trong năm 1982, năm đầu tiên thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, một sự chuyển biến mạnh mẽ sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực kinh tế và xã hội, đặc biệt là trên những mục tiêu quan trọng nhất, bảo đảm tạo ra một thế cân đối mới, một trật tự mới để đưa nền kinh tế tiến lên.

Muốn vậy, phải làm chuyển biến một cách căn bản từ nhận thức tư tưởng của toàn Đảng, toàn dân đến cung cách làm kế hoạch, đến đổi mới trong cơ chế quản lý. Phải kết hợp cả ba biện pháp chính trị tư tưởng, kinh tế và hành chính để tạo ra cho được sự chuyển biến đó, đặc biệt là phải làm cho mỗi công dân, nông dân, chiến sĩ, mỗi lao động chân tay và trí óc thấy được vai trò và trách nhiệm làm chủ của mình ngay tại đơn vị cơ sở, tại từng hợp tác xã, nhà máy, công trường, nông trường, từ đó mà dấy lên phong trào cách mạng nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ của kế hoạch. Phải áp dụng những phương thức quản lý mới thực hiện phương châm: trung ương, địa phương và cơ sở, Nhà nước và nhân dân cùng làm, để nhanh chóng vươn lên bảo đảm nhu cầu tiêu dùng, đồng thời từng bước tạo tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế nói chung, cũng như trong từng ngành, từng địa phương và cơ sở nói riêng.

3. Xuất phát từ cách đặt vấn đề nói trên, chúng ta chủ trương năm 1982 về cơ bản sẽ không nhập lương thực, mà *phải tích cực tự làm lấy để đủ ăn.* Tất cả các tỉnh nông nghiệp lâu nay thiếu lương thực phải vươn lên tự giải quyết lấy nhu cầu ăn của địa phương mình, đồng thời phải phấn

đầu tiên lén có đóng góp cho Nhà nước. Các địa phương lâu nay đã làm nghĩa vụ cho Nhà nước phải phấn đấu nâng cao hơn nữa tỷ suất lương thực hàng hoá và huy động được khối lượng lương thực ngày càng lớn để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá nông nghiệp nhà. Đây là yêu cầu số một của kế hoạch nhà nước năm 1982 mà nhất thiết chúng ta phải phấn đấu thực hiện cho kỳ được, không thể chần chờ, chậm trễ. Đồng thời đây là một việc rất khó, nhưng chúng ta tin rằng với sự nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn dân, của tất cả các ngành, các cấp từ trung ương đến địa phương và cơ sở, vừa phát huy hết năng lực sản xuất trong nước, vừa thông qua xuất khẩu để nhập những vật tư kỹ thuật mà ta chưa sản xuất được hoặc tạo ra chưa đủ.

Muốn vậy, phải làm tốt việc xây dựng kế hoạch từ hợp tác xã, nhất là phải làm thật tốt việc xây dựng kế hoạch huyện với các cân đối chủ yếu là cân đối lương thực, lao động, đất đai, cân đối giữa lương thực, nông sản hàng hoá cung ứng cho Nhà nước với vật tư, hàng hoá Nhà nước cung ứng cho huyện.

Cần đạt bằng được một bước tiến rõ trong 5 năm sắp tới, bắt đầu từ năm 1982, về *xây dựng huyện* thông qua đó để giải quyết tốt các vấn đề ăn, mặc, trồng cây công nghiệp để xuất khẩu, phát triển ngành nghề sản xuất hàng tiêu dùng, kết hợp nông nghiệp với công nghiệp ngay từ cơ sở. Mặt khác, thông qua việc xây dựng huyện, mà đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, phát triển các ngành văn hoá, giáo dục, y tế... để xây dựng con người mới và chăm lo tổ chức tốt đời sống văn hoá của nhân dân địa phương.

Chúng ta phải có cố gắng rất cao để tổ chức và đẩy mạnh xuất khẩu, bảo đảm nhập thêm vật tư, nguyên liệu cho nhu

cầu sản xuất trong nước. Cả trung ương, địa phương và cơ sở phải phấn đấu tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu; nhất là địa phương tìm mọi cách làm thêm nông sản và tiết kiệm tiêu dùng nông sản để dành cho xuất khẩu. Hiện nay, chúng ta có đất đai và điều kiện thuận lợi tăng diện tích trồng cây công nghiệp. Nếu trong vòng 10 năm sắp tới, chúng ta phấn đấu đưa thêm mỗi năm hàng chục vạn lao động vào mặt trận nông nghiệp, thực hiện tăng vụ và khai hoang để trồng cây công nghiệp ngắn ngày, thì điều đó sẽ mở ra một khả năng lớn đẩy mạnh xuất khẩu để nhập vật tư kỹ thuật mà nền kinh tế chúng ta đang cần. Đó là con đường mà nông nghiệp phải phấn đấu để tự trang bị kỹ thuật cho mình và góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Chúng ta có thực hiện được điều đó hay không? Tôi nghĩ rằng có thể thực hiện được và phải bắt đầu từ năm 1982. Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước phải tìm mọi cách thực hiện cho được nhiệm vụ đó; đồng thời phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để giúp cho các tỉnh, các huyện tham gia ngày càng đắc lực vào công tác đẩy mạnh xuất khẩu.

Chúng ta phải thực hiện nghiêm ngặt *chế độ tiết kiệm* trong sản xuất và tiêu dùng, vận dụng mạnh mẽ các thành tựu khoa học - kỹ thuật nhằm đạt được năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

Trên cơ sở kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp, trong đó sử dụng đúng đắn biện pháp kinh tế, cần thực hiện ngay từ đầu năm *chế độ tiết kiệm* 5 đến 10 % năng lượng, nguyên liệu, vật tư, v.v. và *dành số vật tư, hàng hoá tiết kiệm* đó bổ sung vào nguồn hàng đối lưu với nông dân.

Triết để tiết kiệm trong tiêu dùng xã hội và tiêu dùng cá

nhân, tập trung đáp ứng những nhu cầu cấp bách nhất, tạm gác những nhu cầu chưa thật cần thiết và quá sức của nền kinh tế hiện nay. Chỉ tiêu dùng trong phạm vi sản xuất ra, và cái gì có thể sản xuất được thì nhất thiết phải đẩy mạnh sản xuất, kiên quyết khắc phục các biểu hiện ỷ lại, trông chờ vào cấp trên và bên ngoài.

4. Một số vấn đề về đổi mới quản lý và kế hoạch hóa, gắn liền kế hoạch với hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa

a) Để phát huy năng lực hiện có và khả năng tiềm tàng của đất nước, để thực hiện thắng lợi đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng, cần đổi mới công tác kế hoạch hóa, thực hiện ba cấp cơ bản làm kế hoạch, gắn liền kế hoạch hóa với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa; phải xây dựng được kế hoạch từ các cơ sở nông nghiệp và công nghiệp; và rất coi trọng kế hoạch của địa phương, đặc biệt là xây dựng kế hoạch cấp huyện. Từ một nền sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội thì nhất thiết phải thực hiện ba cấp cơ bản làm kế hoạch, nhất là làm kế hoạch từ cơ sở và từ huyện để đi lên. Đó là một vấn đề có tính quy luật bảo đảm cho việc phát triển kinh tế địa phương tăng nhanh sản xuất hàng hoá, mở rộng thị trường trong nước, thực hiện sự phân bố và phân công lại lao động trong phạm vi cả nước. Muốn tạo được sự phát triển mạnh mẽ đó, chỉ riêng việc phát triển các ngành kinh tế ở trung ương thì không làm được. Đó là một phương hướng rất quan trọng, nhưng mấy năm nay chúng ta không tích cực thực hiện cho nên nền kinh tế của chúng ta vẫn chưa phát triển bao nhiêu mà đã trì trệ không tiến lên được. Chúng ta nhận rõ khuyết điểm đó để sửa chữa.

Trên cơ sở xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của

từng ngành, từng cấp, cần làm cho mỗi ngành và mỗi cấp biết rõ mình làm chủ bao nhiêu lao động, đất đai, có bao nhiêu ngành, nghề, cơ sở vật chất, hằng năm nhận thêm của Nhà nước bao nhiêu vật tư, hàng hoá, do đó, phải sản xuất và tái sản xuất mở rộng bao nhiêu để bảo đảm đời sống nhân dân trong phạm vi mình phụ trách, đồng thời phải giao nộp cho Nhà nước bao nhiêu sản phẩm có giá trị tương đương phần đã nhận được, ngoài ra có đóng góp để nuôi quân và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Theo phương hướng đó, cần cải tiến nội dung con số kiểm tra và hệ thống chỉ tiêu kế hoạch giao cho các ngành, địa phương và cơ sở. Các cơ quan trung ương cần tạo mọi điều kiện giúp các địa phương và cơ sở xây dựng và thực hiện tốt nhất kế hoạch của mình, mang lại lợi ích lớn nhất cho Nhà nước, cho đơn vị mình và cho người lao động.

b) Phải tiếp tục mở rộng quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh và hạch toán kinh tế ở cơ sở.

- *Trong nông nghiệp và tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp:* trên cơ sở tổng kết thực tiễn vừa qua, rút kinh nghiệm những mặt tốt và chưa tốt trong công tác khoán đến nhóm và người lao động, trên cơ sở đó từng bước hoàn thiện, bổ sung các chế độ, các quy định để hoàn chỉnh chủ trương khoán thành một cơ chế tổ chức và quản lý sản xuất toàn diện đối với các cơ sở nông nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

- Trong kinh tế quốc doanh, năm 1981, chúng ta đã ban hành nhiều quyết định theo phương hướng mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh cho các cơ sở. Đó là *phương hướng đúng đắn*, nhằm cải tiến quản lý kinh tế một cách cơ

bản và lâu dài, chứ không chỉ là một chủ trương nhất thời để đổi mới với tình hình khó khăn và mất cân đối trước mắt. Cần bổ sung những quy định cần thiết, điều chỉnh những lệch lạc, nâng cao và hoàn chỉnh các quy định, để từng bước hình thành một cách đồng bộ cơ chế quản lý kinh tế thích hợp cho các cơ sở kinh tế quốc doanh theo tinh thần tiếp tục mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh cho các cơ sở. Phải thực hiện đúng đắn sự thống nhất giữa ba lợi ích, làm cho cơ sở và người lao động đạt được lợi ích lớn nhất trong khi thực hiện kế hoạch do Nhà nước Trung ương giao cho (chứ không phải trong khi làm sản xuất phụ), làm cho tiền lương trở thành nguồn thu nhập chủ yếu của người lao động, kích thích và đòi hỏi người lao động phải sản xuất đúng kỹ thuật, bảo đảm chất lượng sản phẩm, nâng cao năng xuất lao động, hạ giá thành; ngoài ra khi làm vượt mức thì họ được thưởng thích đáng. Cần điều chỉnh lại quan hệ thu nhập giữa các ngành, nghề và bộ phận khác nhau trong giai cấp công nhân, phù hợp với nguyên tắc phân phối theo lao động. Cần sớm khắc phục các biểu hiện lệch lạc như vô kỷ luật, thiếu trung thực, giữ hàng và tiền cho đơn vị, vơ vét cho lợi ích cá nhân, không chú ý đến quyền lợi Nhà nước và toàn xã hội.

Tiếp tục mở rộng quyền đi đôi với tăng cường trách nhiệm cho các cấp địa phương, tạo điều kiện và đòi hỏi các địa phương phải vươn lên, mở rộng và nâng cao hiệu quả của các hoạt động sản xuất, kinh doanh, *thực sự lo ăn, lo mặc* và sản xuất hàng tiêu dùng cho nhân dân địa phương. Tình thần ở đây không phải là tự túc, tự cấp mà là thực hiện kết hợp với hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hoá phù hợp với thế mạnh của mình,

nâng cao năng suất và hiệu quả, thông qua trao đổi với các ngành và các địa phương khác, thông qua xuất - nhập khẩu mà đáp ứng các nhu cầu đời sống của nhân dân trong địa phương, thực hiện tích luỹ để tái sản xuất mở rộng và đóng góp với trung ương.

Tình hình mất cân đối chưa thể sớm khắc phục, trong năm 1982, một số mặt có thể sẽ còn mất cân đối gay gắt hơn năm 1981; hiện nay, có bao nhiêu vật tư và phương tiện, trung ương đã phân bố cho các ngành và các địa phương. Trên cơ sở mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và đổi mới cơ chế quản lý, các địa phương cần nêu cao tinh thần làm chủ, cố gắng đến mức nhiều nhất để góp phần tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế và đời sống trong cả nước.

5. Chấn chỉnh phân phối lưu thông

Chuyển biến một cách cơ bản và toàn diện công tác phân phối lưu thông là một vấn đề rất lớn và phức tạp. Hiện nay việc cải tiến mới bắt đầu; các biện pháp chưa phát huy tác dụng đồng bộ và ăn khớp, việc chỉ đạo có những sai sót và lệch lạc nghiêm trọng. Tình hình kinh tế khó khăn càng làm cho vấn đề phức tạp thêm. Trong hoàn cảnh đó, *phải có sự nhất trí cao trong toàn Đảng, về phương hướng và các chủ trương đúng đắn để ra trong Nghị quyết số 26 và Chỉ thị số 109 của Bộ Chính trị* trên cơ sở đó mà thống nhất hành động. Bộ Chính trị sẽ căn cứ vào phương hướng cơ bản của các chủ trương nói trên mà soát xét lại toàn bộ tình hình phân phối lưu thông để sửa chữa các sai sót, uốn nắn các lệch lạc, bảo đảm thực hiện được các yêu cầu sau đây:

a) *Về tài chính, tiền tệ*: Sớm nghiên cứu chính sách tài chính và tiền tệ quốc gia, chuyển từ nền kinh tế phụ thuộc

bên ngoài sang xây dựng nền kinh tế dựa trên cơ sở khai thác các khả năng của bản thân mình là chính, chuyển từ cơ chế bao cấp sang hạch toán kinh tế và kinh doanh, từ ý lại sang làm chủ, tự lực, tự cường, phát huy vai trò của tài chính và tiền tệ thúc đẩy việc đổi mới quản lý kinh tế và phát triển sản xuất, phục vụ việc ổn định và từng bước cải thiện đời sống của nhân dân. Điều chỉnh lại phân phối theo nguyên tắc chỉ phân phối và tiêu dùng trong phạm vi thu nhập quốc dân cho phép, lập lại dự trữ và từng bước có tích luỹ. Phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi. Thực hiện điều hoà thống nhất quản lý lưu thông tiền tệ; tăng cường kỷ luật tài chính, tiền tệ.

b) Về giá cả và tiền lương: Giải quyết tốt các hệ quả của việc điều chỉnh giá và các vấn đề phát sinh, trên cơ sở đó phấn đấu bằng mọi cách ổn định hệ thống giá mới bao gồm giá thu mua, giá bán buôn, giá bán lẻ, tăng cường kỷ luật giá cả. Bằng mọi biện pháp cố gắng giữ lương thực tế của công nhân, viên chức bằng mức năm 1980 (cao hơn năm 1981) để bảo đảm đời sống và sức khoẻ của công nhân, viên chức.

c) Về thương nghiệp và quản lý thị trường: Nhiệm vụ hàng đầu của thương nghiệp quốc doanh là phục vụ sản xuất, tăng cường thu mua, tập trung nguồn hàng trong tay Nhà nước để bảo đảm cung cấp cho công nhân, viên chức, bộ đội và đấu tranh quản lý thị trường tự do. Dù hoàn cảnh đến đâu, thương nghiệp cũng phải luôn luôn phấn đấu làm người nội trợ tốt của mọi gia đình và góp phần tích cực thúc đẩy sản xuất phát triển.

6. Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, đấu tranh đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực

Ở miền Nam cần đẩy mạnh cải tạo nông nghiệp một cách

tích cực và vững chắc, từ thấp đến cao, đưa nông dân vào các hình thức sản xuất tập thể, chủ yếu là hình thức tập đoàn sản xuất. Cần thực hiện ngay và hoàn thành trong năm 1982 việc điều chỉnh ruộng đất bảo đảm cho mọi người nông dân có ruộng cày, đồng thời đấu tranh khắc phục các hình thức bóc lột khác nhau là việc cho vay lãi lãi đang phát triển ở nhiều vùng nông thôn. Trong vấn đề này các cán bộ, đảng viên phải thực hiện vai trò gương mẫu của mình.

Ở các thành thị, phải tiếp tục thực hiện cải tạo công, thương nghiệp. Việc này, một mặt gắn liền với việc tổ chức lại sản xuất, đưa các ngành nghề tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp vào các nhóm sản phẩm, sản xuất kinh doanh dưới sự chỉ huy và hướng dẫn của Nhà nước. Mặt khác, phải gắn liền với việc tăng cường quản lý thị trường, tăng cường các biện pháp đấu tranh chống đầu cơ, buôn lậu, chống các âm mưu và hành động phá hoại kinh tế, phá rối thị trường của địch. Cuộc đấu tranh này phải được tiến hành trên tinh thần nắm vững chuyên chính vô sản, kiên quyết chủ động tiến công thẳng tay trừ tà bọn gian thương, bọn bóc lột mới.

7. Phải tăng cường mạnh mẽ hiệu lực chỉ đạo và điều hành của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng nhằm bám sát những diễn biến của tình hình kinh tế - xã hội, kịp thời giải quyết những việc quan trọng sau đây:

- Thực hiện ngay một số quy định về đổi mới cơ chế quản lý bảo đảm tăng cường quyền hạn và vai trò chủ động của địa phương và cơ sở.

- Tiếp tục nghiên cứu ban hành kịp thời một số chính

sách, chế độ và định mức kinh tế - kỹ thuật để hướng dẫn cho địa phương và cơ sở.

- Xây dựng điều lệ hoạt động của cơ sở và phân giao cơ sở đúng mức cho các địa phương quản lý.

Trong lĩnh vực cách mạng xã hội chủ nghĩa, *công tác xây dựng Đảng* phải gắn liền với công cuộc cải tạo và xây dựng kinh tế, cải tạo và phát triển văn hoá. Việc tăng cường công tác tư tưởng chính trị, công tác tổ chức, kiểm tra phải thực sự gắn liền với phong trào lao động sản xuất, với việc phấn đấu thực hiện các kế hoạch kinh tế và xã hội; phải thông qua các hoạt động sản xuất, thông qua công tác quản lý kinh tế, công tác hạch toán và kinh doanh xã hội chủ nghĩa mà đấu tranh rèn luyện để nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực hành động cách mạng của cán bộ, đảng viên mà củng cố và tăng cường sức chiến đấu của chi bộ và các tổ chức cơ sở của Đảng. Đồng thời cũng phải thông qua phong trào lao động sản xuất mà phát hiện những phần tử ưu tú để kết nạp vào Đảng.

Việc đẩy mạnh phong trào sản xuất, tiết kiệm thực hiện thắng lợi kế hoạch nhà nước, cũng như việc nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ Tổ quốc là sự nghiệp của đồng bào quần chúng, các đoàn thể nhân dân, nhất là tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ phải phát huy vai trò và nâng cao trách nhiệm của mình trong việc tổ chức phong trào hành động cách mạng của quần chúng, động viên và nuôi dưỡng phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa.

Dự thảo kế hoạch năm 1982 trình Hội nghị Trung ương lần này có thể xem như là kế hoạch của Nhà nước Trung ương. Các ngành, các địa phương, các cơ sở cần phát huy đến

mức cao nhất tinh thần chủ động sáng tạo để xây dựng thành kế hoạch của mình bảo đảm một sự cân đối vững chắc và tích cực, thực hiện khẩu hiệu hành động: "với phương tiện vật tư tiên tiến do nhà nước cung ứng bằng hoặc ít hơn trước, sản xuất tốt hơn, làm ra nhiều của cải hơn".

Trung ương và Bộ Chính trị mong rằng các ngành, các địa phương, các cơ sở sẽ biến việc xây dựng kế hoạch và thực hiện những chỉ tiêu của kế hoạch năm 1982 thành ngày hội thật sự của quần chúng, lấy thành tích chào mừng Đại hội lần thứ V của Đảng và biến những nghị quyết lịch sử của đại hội thành hiện thực.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ 11 CỦA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA IV)
Số 41-NQ/TW, ngày 28 tháng 12 năm 1981
Về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội
năm 1982

Từ ngày 7 đến ngày 16-12-1981, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp để kiểm điểm tình hình năm 1981 và quyết định phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1982.

I

Việc thực hiện các chủ trương, chính sách mới của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng, theo tinh thần các nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu và lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cùng với quá trình chuẩn bị Đại hội lần thứ V của Đảng, đã làm chuyển biến một bước nhận thức, tư tưởng và hành động của các cấp, các ngành, nhất là của các đơn vị cơ sở, đưa lại *những thành tựu tương đối tốt trên một số lĩnh vực kinh tế và xã hội trong năm 1981*.

Trong nông nghiệp, việc khoán sản phẩm cuối cùng đến

nhóm và người lao động cùng với một số chính sách khuyến khích sản xuất đã kích thích nông dân hăng hái, phấn khởi tận dụng lao động, đất đai, khai thác các khả năng sẵn có, làm đúng thời vụ, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế. Một số địa phương đã vươn lên tự giải quyết được nhu cầu tại chỗ về ăn, tăng phần đóng góp cho Nhà nước và tăng hàng xuất khẩu. Trong điều kiện phân hoá học, thuốc trừ sâu, năng lượng được cung ứng ít hơn trước, nông nghiệp đã được mùa tương đối toàn diện, đời sống nông dân được cải thiện và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn được củng cố thêm một bước; ở một số vùng thuộc Nam Bộ, nông dân có bước chuyển mới theo hướng làm ăn tập thể. Do điều chỉnh giá mua và có phương thức thích hợp, Nhà nước đã thu mua được một khối lượng lương thực, thực phẩm và nông sản nhiều hơn trước.

Trong công nghiệp, việc mở rộng quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và việc áp dụng các hình thức lương sản phẩm, lương khoán, tiền thưởng đang thúc đẩy công nhân ở nhiều cơ sở phát huy tinh thần tự lực, tính chủ động, sáng tạo để khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất. Trong điều kiện năng lượng, vật tư ít hơn trước, sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp địa phương, đã đạt kế hoạch và tăng hơn so với năm 1980, một số xí nghiệp công nghiệp, hợp tác xã tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp vượt kế hoạch. Một số công trình xây dựng trọng điểm bảo đảm đúng tiến độ thi công.

Sự nghiệp giáo dục, văn hoá, nghệ thuật, y tế, thể dục thể thao tiếp tục phát triển; một số địa phương tích cực thực hiện chủ trương "Nhà nước và nhân dân cùng làm", đạt được kết quả tốt.

Những cố gắng và thành tựu trong năm qua khẳng định phải tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế theo phương hướng đúng đắn đã bước đầu thực hiện, đồng thời chỉ ra những cách làm mới về kế hoạch hoá, phù hợp với quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cho phép khai thác tốt hơn những khả năng hiện thực, đưa nền kinh tế tiến lên.

Song, những tiến bộ kể trên chưa mạnh, chưa đều. Trong tổ chức thực hiện, chúng ta có nhiều khuyết điểm:

- Công tác chỉ đạo và điều hành kinh tế thiếu chặt chẽ, kịp thời. Diện tích lúa ở Nam Bộ không đạt kế hoạch; sản xuất màu giảm sút ở một số vùng. Nạn phá rừng, cháy rừng còn nghiêm trọng. Kế hoạch sản xuất vải, giấy, săm lốp và phụ tùng xe đạp, thuốc chữa bệnh, đạt thấp. Kế hoạch sản xuất phân đạm, ximăng, công cụ cầm tay, phụ tùng máy kéo... cũng không đạt. Xuất nhập khẩu và giao thông vận tải vẫn chưa có chuyển biến. Tình trạng phân tán, dàn đều trong phân phối năng lượng, vật tư cho sản xuất và trong xây dựng cơ bản chậm được khắc phục.

- Cơ chế quản lý còn mang nặng tính chất quan liêu bao cấp. Chủ trương ba cấp cơ bản làm kế hoạch gắn với hạch toán kinh tế và kinh doanh chưa được cụ thể hoá và thực hiện tích cực; quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động chậm được xây dựng. Thiếu kết hợp chặt chẽ ba loại biện pháp: kinh tế, hành chính và giáo dục.

- Phương hướng cải tiến phân phối, lưu thông là đúng, nhưng chỉ đạo thực hiện có nhiều sai sót. Việc quản lý hàng, quản lý tiền và quản lý thị trường thiếu chặt chẽ. Việc điều chỉnh giá bán buôn tính toán có chỗ thiếu chính xác, chuẩn bị chưa chu đáo, chỉ đạo không toàn diện, và kỷ luật giá cả có

nơi có lúc chấp hành không nghiêm, đã gây biến động đột ngột, không có lợi cho sản xuất và đời sống của những người ăn lương.

- Việc điều chỉnh ruộng đất ở nông thôn Nam Bộ làm chậm và không kiên quyết; việc cải tạo nông nghiệp có phần do dự vì chưa tìm ra cách làm và bước đi thích hợp; việc tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp ở miền Nam bị buông lỏng. Trừng trị chưa nghiêm và chưa kịp thời bọn đầu cơ, buôn lậu, ăn cắp, hối lộ, bọn lưu manh, côn đồ. Thiếu cảnh giác đối với hoạt động phá hoại của địch.

- Các cấp, các ngành cần tự phê bình và phê bình nghiêm túc, rút ra những bài học kinh nghiệm thiết thực của năm qua, nhằm chuyển biến mạnh mẽ và toàn diện hơn trong lãnh đạo và quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

II

Bước sang năm 1982, chúng ta đứng trước những *khó khăn lớn*:

- Những mặt mcurrentTime trong nền kinh tế quốc dân đã nêu trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng chưa được giải quyết về cơ bản, có mặt còn nghiêm trọng. Lương thực và thực phẩm tuy tăng khá song vẫn chưa đủ; hàng tiêu dùng yếu còn thiếu nhiều; đời sống của công nhân, viên chức, bộ đội còn nhiều khó khăn. Năng lượng, nguyên liệu, vật liệu thiếu và giao thông vận tải yếu kém vẫn còn là trở ngại cho sản xuất và xây dựng. Tài chính và tiền tệ bị mất cân đối lớn. Số người lao động thiếu việc làm còn nhiều.

Những căn bệnh của cơ chế quản lý quan liêu bao cấp chưa khắc phục hết còn cản trở sự phát triển kinh tế. Năng lực tổ chức và quản lý của nhiều cán bộ chưa được nâng lên kịp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Phong trào cách mạng của quần chúng chưa được đều khắp trên các mặt trận cải tạo và xây dựng, sản xuất và quản lý.

- Kẻ thù vẫn tiếp tục âm mưu làm suy yếu và thôn tính nước ta, trước mắt chúng đang tiến hành một kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt, buộc ta phải nâng cao cảnh giác, củng cố hơn nữa quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Để vượt những khó khăn đó, chúng ta có những *thuận lợi cơ bản, những nhân tố mới rất quan trọng*:

- Đảng ta có đường lối đúng. Trong quá trình chuẩn bị và sau Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong toàn Đảng, toàn dân, nhất định được củng cố và nâng cao.

- Sau 5 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, các cấp bộ đảng, chính quyền và cán bộ ta đã trưởng thành một bước về chỉ đạo kinh tế. Việc tiếp tục đổi mới quản lý, ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nhất định tác động tích cực hơn nữa đến quá trình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

- Tiềm năng về lao động, đất đai, ngành nghề và các năng lực sản xuất khác còn nhiều; các công trình mới đã và sắp đưa vào sử dụng, làm tăng đáng kể năng lực sản xuất của xã hội.

- Quan hệ hợp tác toàn diện của Liên Xô, quan hệ đặc biệt của Lào và Campuchia, và hợp tác ngày càng mở rộng của các

nước xã hội chủ nghĩa khác, là sự giúp đỡ rất to lớn để nhân dân ta khai thác tốt hơn những tiềm năng trong nước.

Năm 1982 có *vị trí đặc biệt quan trọng*. Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng sắp họp sẽ quyết định phương hướng, nhiệm vụ tiến lên của đất nước trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ và trong 5 năm 1981-1985. Năm 1982 là năm đầu triển khai thực hiện những nghị quyết lịch sử của đại hội.

Trong năm 1982, toàn Đảng, toàn dân ta cần phát huy mạnh mẽ những nhân tố tích cực mới đã được tạo ra và kiên quyết khắc phục những khuyết điểm, sai lầm, *thực sự chuyển biến một bước tình hình kinh tế - xã hội, ra sức phát triển sản xuất đi đôi với làm tốt hơn công tác phân phối, lưu thông, để bảo đảm và cố gắng có cải thiện một phần đời sống nhân dân, tạo đà chuyển biến mạnh hơn trong những năm sau*.

Kế hoạch nhà nước năm 1982 phải thể hiện đầy đủ sự phấn đấu cao độ, nhằm thực hiện *những mục tiêu kinh tế - xã hội của những năm 80*:

1. Ổn định, cải thiện một bước, tiến lên bảo đảm một cách cơ bản đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân, trước hết giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, đáp ứng những nhu cầu về mặc, học hành, chữa bệnh, vê ô, đi lại, chăm sóc trẻ em và các hàng tiêu dùng khác.

2. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

3. Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, củng cố và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước.

4. Đáp ứng nhu cầu phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng và an ninh.

Kế hoạch nhà nước năm 1982 phải phản ánh được tinh thần và nội dung của *những chủ trương, biện pháp lớn* trong phuơng hướng chiến lược kinh tế những năm 80 và những *nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế - xã hội của năm 1981-1985*.

III

Nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước năm 1982 là: *nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, tập trung lực lượng phát triển mạnh nông nghiệp, mở mang mạnh các ngành nghề sản xuất hàng tiêu dùng; phát huy năng lực sẵn có và xây dựng mới có trọng điểm một số cơ sở công nghiệp nặng nhằm trước hết thúc đẩy nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng; sắp xếp lại xây dựng cơ bản; tăng cường giao thông vận tải; làm tốt công tác phân phối, lưu thông; thực hành tiết kiệm về mọi mặt, tiêu dùng trong phạm vi kết quả lao động của mình. Tự trang trải nhu cầu về ăn của toàn xã hội, cố gắng bảo đảm nhu cầu thiết yếu về mặc, học tập, chữa bệnh, ở, đi lại của nhân dân, và tăng nguồn hàng xuất khẩu. Đổi mới quản lý kinh tế, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, đồng thời làm tốt nghĩa vụ quốc tế.*

Để thực hiện được nhiệm vụ nói trên, cần làm tốt những công việc cụ thể và biện pháp lớn sau đây:

1. *Đẩy mạnh phát triển kinh tế đồng thời sắp xếp lại cho hợp lý các mặt sản xuất, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải và lao động.*

a) *Tập trung cao độ sức của cả nước, của các ngành, các cấp cho mặt trận hàng đầu là nông nghiệp, nhằm giải quyết cho được vấn đề ăn, giải quyết một bước vấn đề mặc, cung ứng nguyên liệu cho công nghiệp và tăng nhanh nguồn nông sản xuất khẩu. Tăng nhanh sản xuất lương thực, thực phẩm, trước hết tăng sản lượng lương thực, đồng thời làm tốt công tác thu mua, chế biến, bảo quản, vận chuyển, phân phối và hết sức tiết kiệm lương thực. Nhà nước tập trung đầu tư cho các huyện trọng điểm về lúa. Có chính sách khuyến khích tăng nhanh khối lượng và tỷ trọng màu; tổ chức tốt việc thu mua, chế biến, bảo quản màu và đưa màu vào khẩu phần lương thực của mọi tầng lớp nhân dân. Có chính sách và biện pháp đẩy mạnh trồng dâu nuôi tằm, trồng bông, đay cùng các loại cây có sợi khác ở các vùng chuyên canh, trong các hợp tác xã và gia đình có điều kiện, để giải quyết nguyên liệu sản xuất vải mặc. Các tỉnh, các huyện (trừ vùng chuyên canh cây công nghiệp và vùng có hoản cảnh đặc biệt) phải cố gắng tự cân đối lương thực và tự giải quyết một phần vải mặc cho dân cư trong địa phương bằng mọi cách, kể cả thông qua trao đổi với các địa phương khác và xuất, nhập khẩu. Các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng phải tăng nhanh sản lượng lương thực và khối lượng cung ứng cho Nhà nước để bảo đảm lương thực cho quân đội, các thành phố lớn, các khu công nghiệp và tăng dự trữ lương thực của Nhà nước.*

Về biện pháp kỹ thuật, khai thác tốt công suất các công trình thủy lợi đã xây dựng; làm mới những công trình thủy

lợi nhỏ và vừa là chủ yếu; chuẩn bị điều kiện để xây dựng những công trình thủy lợi lớn; đặc biệt phát triển thủy lợi hợp lý, có hiệu quả thiết thực ở đồng bằng sông Cửu Long và tích cực thu hẹp diện tích bị úng ở đồng bằng Bắc Bộ. Đẩy mạnh sản xuất và khai thác các nguồn phân bón trong nước, trong địa phương, sử dụng tốt nhất số phân hoá học hiện có. Kết hợp cơ giới với thủ công, sử dụng hợp lý và nâng cao công suất sử dụng các công cụ cơ giới, giải quyết tốt yêu cầu về công cụ thường; tăng thêm và chăm sóc tốt trâu, bò cày kéo. Áp dụng rộng rãi và có hiệu quả những thành tựu của cách mạng sinh học, nhất là về giống cây trồng và giống gia súc một cách tập trung, đồng bộ và phù hợp với điều kiện từng nơi.

Mở mang và quản lý có hiệu quả nghề rừng theo hướng kết hợp chặt chẽ lâm nghiệp với nông nghiệp; phát triển vốn rừng, chống nạn phá rừng và cháy rừng, bảo đảm gỗ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Thực hiện đến nơi đến chốn việc giao rừng và đất rừng cho huyện và hợp tác xã kinh doanh, lấy huyện làm địa bàn chính để phát triển lâm nghiệp đi đôi với cảng cối và phát triển đích đáng các lâm trường do trung ương quản lý. Làm tốt công tác định canh, định cư gắn liền với phát triển nông, lâm nghiệp.

Đẩy mạnh *ngư nghiệp*. Chấn chỉnh các cơ sở quốc doanh, tổ chức lại nghề cá của ngư dân; tăng sản lượng cá biển cũng như cá nước ngọt; nâng cao mức cung ứng cá và nước mắm cho nhân dân và tăng xuất khẩu hải sản. Lấy huyện vùng biển làm địa bàn chính để tổ chức lại sản xuất, thiết lập mối quan hệ giữa Nhà nước với ngư dân.

Soát xét lại các nông trường, lâm trường quốc doanh, các

trạm, trại của Nhà nước, có kế hoạch thiết thực củng cố, bảo đảm làm ăn có năng suất, chất lượng và hiệu quả. Củng cố và tăng cường về mọi mặt các hợp tác xã, các tập đoàn sản xuất trong nông nghiệp và ngư nghiệp. Trong 5 năm 1981-1985 và từ năm 1982, phải có chuyển biến thật sự trong việc *xây dựng huyện*, qua đó giải quyết tốt vấn đề ăn, mặc, phân công lao động hợp lý, mở mang ngành nghề sản xuất hàng tiêu dùng, làm hàng xuất khẩu, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân. Tuỳ loại huyện khác nhau mà hình thành từng bước cơ cấu nông - công nghiệp, hoặc lâm - nông - công nghiệp, hoặc ngư-nông-công nghiệp.

b) Có chính sách và biện pháp cụ thể phát triển mạnh sản xuất *hàng tiêu dùng*, trước hết là vải mặc, giấy viết, thuốc chữa bệnh, sắm lốp, phụ tùng xe đạp, đồ dùng gia đình, các hàng thiết yếu khác. Tìm mọi cách chở đủ than và bảo đảm dầu cho các nhà máy điện để làm tốt việc cung ứng năng lượng cho các cơ sở sản xuất; tăng nhanh nguồn nguyên liệu trong nước, hết sức cố gắng nhập một số vật tư, phụ tùng cần thiết, mở rộng quyền chủ động cho các cơ sở và địa phương để *sử dụng hết công suất các nhà máy quan trọng*, khai thác đến mức cao nhất khả năng của *tiểu công nghiệp*, *thủ công nghiệp*, mở mang mạnh các ngành nghề ở thành thị và nông thôn. Hết sức quan tâm phát huy đầy đủ khả năng sản xuất hàng tiêu dùng của *Thủ đô Hà Nội* gắn với phát triển nông nghiệp ở vùng chäu thổ sông Hồng và của *thành phố Hồ Chí Minh* gắn với phát triển nông nghiệp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long.

c) Tận dụng năng lực sản xuất hiện có của các ngành

công nghiệp nặng; chú trọng đầu tư chi tiêu sâu, cải tạo, đồng bộ hoá, trang bị thêm và mở rộng để nâng cao năng lực sản xuất, chú ý tăng sản lượng điện, than, cơ khí, hoá chất, vật liệu xây dựng.

Trong công nghiệp, cần ưu tiên cung ứng năng lượng, vật tư cho những nhiệm vụ quan trọng nhất, cho các cơ sở trọng điểm, tích cực chuyển hướng sản xuất những cơ sở không có điều kiện hoạt động bình thường, tạm đình sản xuất để cung cấp những cơ sở làm ăn kém hiệu quả, thua lỗ liên miên, v.v..

Hình thành một số liên hiệp xí nghiệp, phụ trách từ đầu đến cuối một số sản phẩm chiến lược; chấn chỉnh những liên hiệp xí nghiệp hiện có cho hợp lý để làm đúng chức năng là những tổ chức sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

d) Tổ chức lại và cải tiến quản lý hệ thống giao thông vận tải nhằm phục vụ tốt kinh tế, quốc phòng và đời sống nhân dân, trước hết bảo đảm tiếp nhận kịp thời hàng nhập khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu, vận tải than cho sản xuất, tăng cường vận tải Bắc - Nam, vận tải cho vùng biên giới. Hết sức phát triển và củng cố vận tải đường sông và đường biển, chấn chỉnh quản lý và nâng cao chất lượng vận tải đường sắt. Tận dụng mọi phương tiện thô sơ, cải tiến, nửa cơ giới, sử dụng hợp lý nhất phương tiện vận tải cơ giới sẵn có, phát triển các nguồn nhiên liệu trong nước để thay thế xăng dầu. Mở rộng giao thông và tăng cường vận tải địa phương.

e) Phân loại các công trình xây dựng cơ bản, tập trung sức hoàn thành đúng thời hạn các công trình then chốt, trước hết là các công trình trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, đặc biệt chú trọng các công trình điện, than, cơ khí, phân bón, sợi, giấy, vật liệu xây

dựng. Đẩy mạnh thăm dò và chuẩn bị khai thác *dầu khí*. Kiên quyết đình hoãn những công trình chưa có khả năng xây dựng và dãn tiến độ thi công các công trình chưa cấp thiết.

g) Thực hiện *phân công lao động* trên địa bàn huyện và ở các thành phố để phát triển ngành nghề và mở rộng dịch vụ. Mặt khác, từng bước *phân bổ lại lao động* trong từng tỉnh và trong cả nước, đưa dân đi xây dựng các huyện và mở mang các vùng kinh tế mới ở đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên và miền núi phía Bắc. Sớm tổng kết kinh nghiệm khai hoang, xây dựng vùng kinh tế mới, để làm tốt hơn nữa công tác này và bảo đảm hiệu quả kinh tế.

Có biện pháp thiết thực và kiên quyết giảm biên chế hành chính, biên chế gián tiếp sản xuất và chuyển số lao động dôi thừa trong các cơ sở quốc doanh sang sản xuất hoặc làm dịch vụ ở những lĩnh vực khác.

Có chính sách, kế hoạch và biện pháp nhất quán để hạn chế mạnh tốc độ tăng dân số.

2. *Tổ chức lại và đẩy mạnh xuất - nhập khẩu, tăng cường kinh tế đối ngoại.*

Bổ sung và sửa đổi các chính sách, chế độ để khuyến khích các cơ sở, các địa phương, các ngành tăng nhanh sản xuất hàng xuất khẩu, đặc biệt chú trọng đẩy mạnh trồng cây công nghiệp, coi đó là những loại hàng xuất khẩu chủ lực trong chặng đường hiện nay. Cố gắng dành vốn ngoại tệ thích đáng để nhập thêm phân hoá học, thuốc trừ sâu cho nông nghiệp, phụ tùng, nguyên liệu cho sản xuất hàng tiêu dùng, các ngành công nghiệp nặng trọng điểm và giao thông vận tải. Trên cơ sở bảo đảm sự thống nhất quản lý của Nhà nước đối với công tác xuất - nhập khẩu, mở rộng quyền trực

tiếp kinh doanh xuất - nhập khẩu của các ngành, các địa phương, các đơn vị kinh tế lớn.

Có kế hoạch chu đáo triển khai thực hiện khẩn trương các chương trình hợp tác kinh tế với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Làm tốt những điều đã ký kết và tranh thủ mở rộng quan hệ kinh tế với các nước khác.

3. Chấn chỉnh phân phối, lưu thông, từng bước ổn định giá cả và thị trường; thực hiện tiết kiệm nghiêm ngặt

Tiếp tục thực hiện đúng đắn Nghị quyết 26 và Chỉ thị 109 của Bộ Chính trị. Tăng cường nắm nguồn hàng vào tay Nhà nước; củng cố và tăng cường hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; quản lý chặt chẽ thị trường; thực hiện các biện pháp đồng bộ để giảm hẳn bội chi ngân sách và phát hành tiền mặt. Tiếp tục điều chỉnh hệ thống giá, sửa chữa kịp thời những sai sót trong việc điều chỉnh giá và quản lý giá hiện nay.

Cố gắng bằng mọi cách cung ứng những mặt hàng thiết yếu đủ theo định lượng, giữ vững tiền lương thực tế của công nhân, viên chức; bảo đảm tốt đời sống của bộ đội. Làm tốt việc trao đổi hàng hai chiều với nông dân để vừa thu mua được nhiều nông sản, vừa từng bước cải thiện đời sống nông dân. Điều tiết một cách hợp lý thu nhập giữa các tầng lớp dân cư; hạn chế mạnh những thu nhập cao không chính đáng.

Cần có chính sách và biện pháp cụ thể để tiết kiệm triệt để cả trong sản xuất và tiêu dùng. Tiết kiệm phương tiện vật chất, thời gian, lao động trong sản xuất và tiết kiệm chi phí, bảo quản tốt, chống hao hụt, mất mát trong lưu thông; giảm

mạnh chi tiêu hành chính; tiết kiệm chi tiêu quốc phòng. Công tác quản lý phải bảo đảm thực hiện tốt chủ trương tiết kiệm. Thi hành ngay từ đầu năm chế độ tiết kiệm 5 đến 10% năng lượng, vật tư, nguyên liệu... và dành số vật tư, hàng hoá tiết kiệm đó bổ sung vào nguồn hàng đối lưu với nông dân. Mỗi cơ sở, mỗi cấp, mỗi ngành phải có chỉ tiêu phấn đấu cụ thể về tiết kiệm.

4. Đổi mới quản lý kinh tế, xoá bỏ một bước cơ bản cơ chế quản lý quan liêu bao cấp

Hoàn chỉnh đề án đổi mới quản lý kinh tế để sớm trình ra hội nghị Ban Chấp hành Trung ương khoá mới. Trong năm 1982, cần giải quyết cụ thể và đồng bộ một số vấn đề cấp bách về thực hiện tự chủ tài chính của các cơ sở kinh tế, phát huy quyền chủ động sản xuất, kinh doanh của các địa phương và các ngành, phân cấp quản lý thoả đáng giữa các cơ quan nhà nước trung ương và chính quyền địa phương.

- *Đổi mới công tác kế hoạch hoá*, thực hiện bằng được biện pháp cụ thể bảo đảm ba cấp cơ bản làm kế hoạch, gắn liền kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Ở trung ương, kế hoạch nhà nước tổng hợp các chỉ tiêu chính của kế hoạch các ngành và các địa phương, bảo đảm các cân đối lớn, nắm chắc các công trình xây dựng then chốt và các sản phẩm quan trọng nhằm điều khiển nền kinh tế quốc dân phát triển theo kế hoạch.

Các bộ quản lý ngành có nhiệm vụ kế hoạch hoá và quản lý thống nhất toàn ngành kinh tế - kỹ thuật trong cả nước theo mức độ cụ thể được xác định phù hợp với đặc điểm của từng ngành.

Ở địa phương, kế hoạch tỉnh, thành phố và kế hoạch

huyện phải bảo đảm thực hiện ba nhiệm vụ: đáp ứng nhu cầu của địa phương; đóng góp cho cả nước và phục vụ trực tiếp các cơ sở kinh tế trung ương tại địa phương; đẩy mạnh xuất - nhập khẩu. Phải làm tốt việc xây dựng kế hoạch từ cơ sở và từ huyện.

Ở cơ sở, kế hoạch phải thể hiện nguyên tắc tự chủ tài chính và tôn trọng đầy đủ chính sách, chế độ quản lý thống nhất của Nhà nước.

Từng cơ sở, từng địa phương, từng ngành *phải kiểm kê, kiểm soát*, nắm chắc lao động, đất đai, phương tiện vật chất, các tiềm năng sản xuất để xây dựng kế hoạch có căn cứ thực tế, và tổ chức thực hiện kế hoạch một cách chủ động, sáng tạo, hết sức coi trọng năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, *khắc phục tư tưởng ỷ lại vào Nhà nước và tình trạng bị động trông chờ cấp trên*.

- Ban hành kịp thời một số *chính sách đòn bẩy kinh tế*, nhằm vận dụng đúng đắn sự thống nhất giữa ba lợi ích, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, lợi ích của tập thể và khuyến khích đúng mức lợi ích của cá nhân, kích thích mạnh mẽ tính tích cực sản xuất của công nhân, nông dân, thợ thủ công và những người lao động khác.

Tổng kết công tác khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, từng bước bổ sung và hoàn thiện các chế độ, các quy định để hoàn chỉnh chủ trương khoán đó thành một cơ chế tổ chức và quản lý sản xuất toàn diện đối với các đơn vị sản xuất tập thể trong nông nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp.

Áp dụng rộng rãi và đúng đắn các hình thức lương sản phẩm, lương khoán và tiền thuởng, hoàn chỉnh những chủ

trưởng và quyết định nhằm tăng cường trách nhiệm, mở rộng quyền hạn và bảo đảm lợi ích, phát huy tính chủ động sản xuất, kinh doanh của cơ sở, từng bước hình thành cơ chế quản lý kinh tế thích hợp cho các xí nghiệp quốc doanh.

5. *Ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất* trong mọi khâu và về từng sản phẩm. Phải nâng cao chất lượng kế hoạch khoa học - kỹ thuật và làm cho kế hoạch khoa học - kỹ thuật thực sự trở thành một bộ phận hữu cơ của kế hoạch kinh tế - xã hội. Vận dụng khoa học - kỹ thuật để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và thực hành tiết kiệm. Đối với những tiến bộ kỹ thuật đã được kết luận, phải có cơ chế quản lý bắt buộc và khuyến khích ứng dụng vào sản xuất và đời sống. Bố trí và sử dụng đúng ngành nghề, động viên và tổ chức tốt đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống một cách thiết thực. Các cấp, các ngành cần đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về khoa học - kỹ thuật và các chính sách cụ thể của Nhà nước trong lĩnh vực này.

6. *Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam; tăng cường quan hệ sản xuất mới trong cả nước*. Ở Nam Bộ, phải kiên quyết hoàn thành sớm việc điều chỉnh ruộng đất; xúc tiến tổ chức nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể theo hình thức tập đoàn sản xuất là chủ yếu, đi đôi với phát triển rộng khắp hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng. Củng cố các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã ở miền Nam, tiếp tục hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới ở nông thôn miền Bắc, kết hợp chặt chẽ cải tạo với tổ chức lại và phát triển sản xuất, gắn liền củng cố hợp tác xã với xây dựng huyên, tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hoá của

nhân dân, từng bước xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục cải tạo công, thương nghiệp ở miền Nam, tăng cường quản lý thị trường trong cả nước.

Củng cố và tăng cường các đơn vị *kinh tế quốc doanh*, nhất là quốc doanh trung ương, nêu cao vai trò chủ đạo và tính hơn hẳn của quốc doanh so với các đơn vị sản xuất tập thể về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế và chấp hành chính sách, chế độ quản lý của Nhà nước. Làm cho các tổ chức *sản xuất tập thể* hơn hẳn kinh tế cá thể, và đóng góp ngày càng nhiều cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Khuyến khích và hướng dẫn kinh tế *gia đình*, phát huy năng lực của các cơ sở *công tư hợp doanh*, sử dụng đúng đắn *kinh tế cá thể* và *kinh tế tư nhân* còn được tồn tại, để phát triển sản xuất, tăng thêm sản phẩm cho xã hội. Bằng những tổ chức liên kết và công tác quản lý thích hợp, hướng hoạt động của các thành phần kinh tế này đi đúng quỹ đạo xã hội chủ nghĩa.

7. Tiếp tục phát triển hợp lý sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế, thể dục, thể thao theo chủ trương "Nhà nước và nhân dân cùng làm"

Thực hiện từng bước việc cải cách giáo dục và tích cực nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông. Phát triển mạnh mẽ phong trào bổ túc văn hóa, nhất là ở miền Nam. Sắp xếp lại quy mô và hệ thống trường đào tạo cho phù hợp với yêu cầu và khả năng phát triển kinh tế, bảo đảm nâng cao chất lượng đào tạo. Tổ chức tốt các trường học tham gia sản xuất, làm ra của cải cho xã hội.

Đẩy mạnh hoạt động văn hóa trong các cơ sở sản xuất và

các khu dân cư, ở thành thị cũng như nông thôn. Hướng các hoạt động văn hóa, nghệ thuật vào việc phục vụ cách mạng, phục vụ sản xuất, xây dựng văn hóa mới, con người mới, xây dựng cuộc sống tươi vui, lành mạnh, tiến bộ.

Mở rộng phong trào vệ sinh phòng bệnh; nâng cao chất lượng chữa bệnh; tăng cường sản xuất thuốc chữa bệnh bằng dược liệu trong nước và phân phối thuốc đến tay người bệnh. Phát triển và quản lý tốt các nhà trẻ, các lớp mẫu giáo. Đẩy mạnh phong trào thể dục, thể thao, nhất là trong thanh niên, thiếu niên.

Chăm lo đời sống thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, người về hưu và những người già cả, tàn tật trong phạm vi khả năng kinh tế cho phép.

8. Phải kết hợp tốt xây dựng kinh tế với củng cố quốc phòng, bảo đảm nhu cầu tăng cường công tác quốc phòng, an ninh, xây dựng lực lượng quốc phòng và an ninh về mọi mặt

Trong quá trình xây dựng kinh tế, các ngành phải tính đến các yêu cầu của quốc phòng, phải tạo ra tiềm lực cho cả kinh tế và quốc phòng. Bảo đảm tốt hơn nhu cầu đời sống của các lực lượng vũ trang và các điều kiện vật chất cần thiết cho việc củng cố và hoàn thiện hệ thống bối phòng, cho việc xây dựng quân đội, công an, nhằm bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi. Tổ chức tốt việc quân đội tăng gia sản xuất để cải thiện đời sống và tham gia xây dựng kinh tế có hiệu quả thiết thực.

9. Phát huy mạnh mẽ vai trò của nhà nước chuyên chính vô sản, tiếp tục thực hiện *Hiến pháp* mới, xúc tiến

việc cụ thể hoá nguyên tắc "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý". Đề cao pháp luật và kỷ luật, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết tốt các đơn khiếu nại và tố cáo. Xử lý nghiêm minh đối với những cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước vô trách nhiệm, vô kỷ luật, thoái hoá, biến chất.

Phát động và tổ chức sâu rộng phong trào quần chúng, kết hợp lực lượng của quần chúng với lực lượng quân đội và công an, để đấu tranh đậm tan hoạt động phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, thẳng tay trấn áp bọn phản động, vạch trần mọi thủ đoạn chiến tranh tâm lý, nghiêm trị kịp thời bọn đầu cơ, buôn lậu, làm ăn phi pháp, bọn lưu manh, côn đồ gây rối trật tự, an toàn xã hội, quét sạch ảnh hưởng xấu của văn hóa và lối sống đồi trụy, chặn đứng và đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

10. *Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các đảng bộ cơ sở và các tổ chức đảng*

Gắn liền công tác xây dựng Đảng với phong trào cách mạng của quần chúng xây dựng và cải tạo kinh tế, cải tạo và phát triển văn hóa, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Chỉ có gắn với một phong trào quần chúng mạnh thì mới xây dựng được Đảng mạnh.

Kiên quyết và kịp thời *kiện toàn tổ chức, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ* ở các hợp tác xã và các huyện, trước hết là ở huyện, ở các xí nghiệp, các liên hiệp xí nghiệp, các tỉnh, các thành phố, các ngành, nhất là các tỉnh, thành và ngành quan trọng.

Nâng cao chất lượng và tính chiến đấu trong *công tác tư tưởng*, qua đó, tạo ra một chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và trong các đoàn thể quần chúng, ngay từ đầu năm 1982 và sau Đại hội lần thứ V của Đảng.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phải tăng cường *công tác điều hành*, thường xuyên nắm chắc những diễn biến của đời sống kinh tế, xã hội, luôn luôn hướng về cơ sở, tổ chức tốt sự hợp đồng của các ngành và giữa ngành với địa phương, giải quyết kịp thời những vấn đề cấp bách của việc thực hiện kế hoạch nhà nước. Ban Bí thư phải làm tốt công tác xây dựng Đảng, công tác quần chúng và đặc biệt phải tăng cường *công tác kiểm tra*, nhằm bảo đảm việc quán triệt, cụ thể hoá và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương trong các nghị quyết của Đảng. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng bộ trưởng phải phối hợp chặt chẽ chương trình công tác, và thực sự cải tiến chế độ làm việc, phát huy đầy đủ vai trò tổ chức thực hiện cụ thể của các bộ và vai trò tham mưu của các ban của Đảng.

*
* * *

Các cấp, các ngành phải quán triệt nội dung nghị quyết này, nêu cao tinh thần làm chủ tập thể và ý chí tự lực, tự cường, phát huy những kinh nghiệm tốt và những nhân tố mới của năm 1981, kiên quyết đổi mới quản lý kinh tế, đổi mới kế hoạch hoá, gắn chặt kế hoạch với hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. "Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì hạnh phúc của nhân dân", toàn Đảng, toàn dân, toàn quân

hãy dấy lên phong trào thi đua sôi nổi ở khắp nơi, hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1982, tạo ra một bước chuyển biến thật sự, làm đà tiến lên mạnh mẽ hơn trong những năm sau.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ

LÊ DUẨN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN Bí THƯ

Số 143-TT/TW, ngày 28 tháng 12 năm 1981

Về việc xúc tiến công tác xây dựng pháp luật

Việc thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng thành hệ thống pháp luật của Nhà nước là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, đã được nhấn mạnh trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Để công tác xây dựng pháp luật được xúc tiến khẩn trương, chủ động, có chất lượng và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật,

Ban Bí thư có ý kiến như sau:

1. Từ nay trở đi, ngay sau khi có nghị quyết của Đảng, cần tổ chức việc thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng thành pháp luật của Nhà nước; đặc biệt chú trọng xây dựng, sửa đổi, bổ sung pháp luật về kinh tế. Hội đồng Bộ trưởng có trách nhiệm đôn đốc các cơ quan nhà nước và có sự tham gia của các ban của Đảng về công tác này.

2. Cùng với việc xây dựng kế hoạch nhà nước hàng năm và kế hoạch 5 năm, cần có kế hoạch xây dựng pháp luật nhằm bảo đảm việc thực hiện tốt kế hoạch nhà nước.

Hội đồng Bộ trưởng chuẩn bị kế hoạch xây dựng pháp

luật theo thứ tự ưu tiên cho sát hợp. Riêng về kế hoạch xây dựng những văn bản luật và pháp lệnh, phải được Bộ Chính trị cho ý kiến trước khi đưa trình Hội đồng Nhà nước.

Hội đồng Bộ trưởng trực tiếp chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng pháp luật, bảo đảm đúng thời gian đã định.

3. Hội đồng Bộ trưởng, Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, Bộ Tư pháp cần rút kinh nghiệm về công tác xây dựng pháp luật trong thời gian qua, khắc phục tình trạng làm luật chậm trễ, kéo dài; cải tiến trình tự xây dựng pháp luật; làm rõ chức trách và phát huy vai trò của các thành viên tham gia; kịp thời chỉ đạo giải quyết những vướng mắc nảy sinh trong quá trình xây dựng dự án pháp luật.

Nghiên cứu xây dựng một văn bản pháp luật quy định về thẩm quyền, thủ tục, và quy trình ban hành các văn bản pháp luật, để sớm đưa công tác này vào nền nếp.

4. Ban cán sự đảng, thủ trưởng các ngành phải coi trọng việc chỉ đạo nghiên cứu, đề xuất và thực hiện xây dựng pháp luật; chủ động quan tâm đến việc tổ chức hệ thống hoá luật lệ trong nội bộ ngành và liên ngành; sửa đổi, bổ sung hoặc huỷ bỏ những chế độ thể lệ cũ không thích hợp.

Phải đưa công tác này vào hoạt động thường xuyên và phản ánh trong các báo cáo định kỳ gửi lên Ban Bí thư.

5. Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm theo dõi công tác xây dựng pháp luật và phát biểu ý kiến khi Bộ Chính trị xét dự án pháp luật do cơ quan chủ quản trình ra Bộ Chính trị.

Để giúp Ban Nội chính Trung ương làm được nhiệm vụ

này, các cơ quan nhà nước cần gửi cho Ban Nội chính các bản dự thảo luật và pháp lệnh, báo cho Ban Nội chính cử cán bộ tham dự các cuộc họp bàn về xây dựng pháp luật.

Các cơ quan nhà nước và các ban của Đảng có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc thông tri này.

T/M BAN Bí THƯ

LÊ THANH NGHỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.